

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

大般涅槃經

TẬP III

(QUYỂN 13 - QUYỂN 18)

TAM TẠNG PHÁP SƯ ĐÀM VÔ SẨM Hán dịch

ĐOÀN TRUNG CÒN - NGUYỄN MINH TIẾN Việt dịch và chú giải

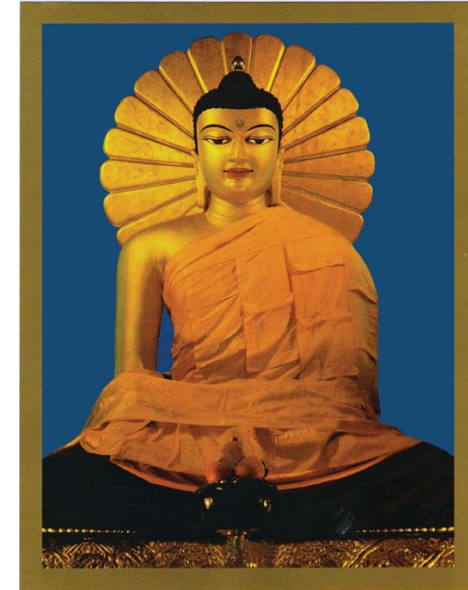
NGUYỄN MINH HIỂN hiệu đính Hán văn

TÁI BẢN CÓ CHỈNH SỬA VÀ BỔ SUNG

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

願
解
如
來
真
實
義

我
今
見
聞
得
受
持



無
上
甚
深
微
妙
法

百
千
萬
劫
難
遭
遇

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

Kinh Phật dạy rằng: “Thấy kinh như thấy Phật.”

Kinh điển Đại thừa hiện ở nơi đây, tức mười phương chư Phật đều hiện hữu nơi đây, chư Bồ Tát hộ pháp cũng tụ hội quanh đây. Người đọc kinh này nếu muốn hiểu được ý nghĩa nhiệm mầu sâu xa trong văn kinh, trước hết phải có lòng tin sâu như vậy, sau đó nên chí thành phát lời nguyện rằng:

“Chánh pháp Như Lai nhiệm mầu sâu xa không gì hơn được, dù trải qua trăm ngàn muôn kiếp tìm cầu cũng không dễ gặp. Nay con đã nhận được Kinh điển Đại thừa Đại Bát Niết-bàn này để tu tập hành trì, nguyện khai mở trí tuệ để thấu hiểu nghĩa lý sâu xa chân thật trong từng lời thuyết giảng của đức Như Lai.”

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật

大般涅槃經

卷第十三 聖行品第七之三

善男子。云何菩薩摩訶薩住於大乘大般涅槃觀察集諦。

善男子。菩薩摩訶薩觀此集諦是陰因緣。所謂集者還愛於有。愛有二種。一愛己身。二愛所須。復有二種。未得五欲繫心專求。既求得已堪忍專著。復有三種。欲愛色愛無色愛。復有三種。業因緣愛煩惱因緣愛苦因緣愛。出家之人有四種愛。何等為四。衣服飲食臥具湯藥。復有五種。貪著五陰隨諸所須一切愛著。分別狡計無量無邊。

善男子。愛有二種。一者善愛二不善愛。不善愛者。惟愚求之。善法愛者諸菩薩求。善法愛者復有二種不善與善。求二乘者名為不善。求大乘者是名為善。

善男子。凡夫愛者名之為集。不名為諦。菩薩愛者名為實諦不名為集。何以故。為度眾生所以受生。不以愛故而受生也。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛世尊。於餘經中為諸眾生說業為因緣。或說憍慢。或說六觸。或說

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

QUYỂN ĐỆ THẬP TAM - THÁNH HẠNH PHẨM - *Đệ thất chi tam*

Thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát trụ ư Đại thừa Đại Bát Niết-bàn quán sát Tập đế?

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát quán thử Tập đế thị âm nhân duyên. Sở vị tập giả, hoàn ái ư hữu. Ái hữu nhị chủng: nhất ái kỷ thân, nhị ái sở tu. Phục hữu nhị chủng: Vị đắc ngũ dục hệ tâm chuyên cầu; ký cầu đắc dĩ, kham nhẫn chuyên trước. Phục hữu tam chủng: dục ái, sắc ái, vô sắc ái. Phục hữu tam chủng: nghiệp nhân duyên ái, phiền não nhân duyên ái, khổ nhân duyên ái. Xuất gia chi nhân hữu tứ chủng ái. Hà đẳng vi tứ? Y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thang dược. Phục hữu ngũ chủng: tham trước ngũ ấm. Tùy chư sở tu, nhất thiết ái trước, phân biệt giáo kế, vô lượng vô biên.

Thiện nam tử! Ái hữu nhị chủng: Nhất giả thiện ái, nhị bất thiện ái. Bất thiện ái giả, duy ngu cầu chi. Thiện pháp ái giả, chư Bồ Tát cầu. Thiện pháp ái giả, phục hữu nhị chủng: Bất thiện dữ thiện. Cầu nhị thừa giả, danh vi bất thiện; cầu Đại thừa giả, thị danh vi thiện.

Thiện nam tử! Phạm phu ái giả, danh chi vi tập, bất danh vi đế. Bồ Tát ái giả; danh vi thật đế, bất danh vi tập. Hà dĩ cố? Vị độ chúng sanh, sở dĩ thọ sanh; bất dĩ ái cố, nhi thọ sanh dã.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật Thế Tôn, ư dư kinh trung, vị chư chúng sanh, thuyết nghiệp vi nhân duyên; hoặc thuyết kiêu mạn, hoặc thuyết lục xúc, hoặc

無明。為五盛陰而作因緣。今以何義說四聖諦。獨以愛性為五陰因。

佛讚迦葉菩薩。善哉善哉。善男子。如汝所說。諸因緣者非為非因。但是五陰要因於愛。

善男子。譬如大王若出遊巡。大臣眷屬悉皆隨從。愛亦如是隨愛行處。是諸結使亦復隨行。譬如膩衣隨有塵著則隨住。愛亦如是隨所愛處業結亦住。

復次善男子。譬如濕地則能生芽。愛亦如是能生一切業煩惱芽。

善男子。菩薩摩訶薩住是大乘大般涅槃深觀此愛。凡有九種。一如債有餘。二如羅刹女婦。三如妙花莖中有毒蛇纏之。四如惡食性所不便而彊食之。五如婬女。六如摩樓迦子。七如瘡中癰肉。八如暴風。九如彗星。

云何名為如債有餘。善男子。譬如窮人負他錢財。雖償欲畢餘未畢故。猶繫在獄而不得脫。聲聞緣覺亦復如是。以有愛習之餘氣故。不能得成阿耨多羅三藐三菩提。善男子。是名如債有餘。

善男子。云何如羅刹女婦。善男子。譬如有人以羅刹女而為婦妾。是羅刹女隨所生子生已便噉。子既盡已復噉其夫。善男子。愛羅刹女亦復如是。隨諸眾生善根子隨生隨食。善子既盡復噉眾生。令墮地獄畜生餓鬼。唯除菩薩。是名如羅刹女婦。

thuyết vô minh, vị ngũ thạnh âm, nhi tác nhân duyên. Kim dĩ hà nghĩa, thuyết Tứ thánh đế, độc dĩ ái tánh vi ngũ âm nhân?

Phật tán Ca-diếp Bồ Tát: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Như nữ sở thuyết, chư nhân duyên giả, phi vi, phi nhân, dẫn thị ngũ âm yếu nhân ư ái.

Thiện nam tử! Thí như đại vương, nhược xuất du tuần, đại thân, quyến thuộc tất giai tùy tùng. Ái diệc như thị; tùy ái hành xứ, thị chư kết sử diệc phục tùy hành. Thí như nị y, tùy hữu trần trước; trước tác tùy trụ. Ái diệc như thị, tùy sở ái xứ, nghiệp kết diệc trụ.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như thấp địa, tác năng sanh nha. Ái diệc như thị, năng sanh nhất thiết nghiệp phiền não nha.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, trụ thị Đại thừa Đại Bát Niết-bàn, thâm quán thủ ái, phạm hữu cửu chủng: Nhất như trái hữu dư; nhị như la-sát nữ phụ; tam như diệu hoa hành trung, hữu độc xà triền chi; tứ như ác thực tánh sở bất tiện, nhi cưỡng thực chi; ngũ như dâm nữ; lục như ma-lâu-ca tử; thất như sang trung tức nhục; bát như bạo phong; cửu như tuệ tinh.

Vân hà danh vi như trái hữu dư? Thiện nam tử! Thí như cùng nhân, phụ tha tiền tài. Tuy thường dục tất, dư vị tất cố, du hệ tại ngục, nhi bất đắc thoát. Thanh văn Duyên giác diệc phục như thị, dĩ hữu ái tập chi dư khí cố, bất năng đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thiện nam tử! Thị danh như trái hữu dư.

Thiện nam tử! Vân hà như la-sát nữ phụ? Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, dĩ la-sát nữ nhi vi phụ thiếp. Thị la-sát nữ, tùy sở sanh tử, sanh dĩ tiện hám. Tử ký tận dĩ, phục hám kỳ phu. Thiện nam tử! Ái la-sát nữ, diệc phục như thị; tùy chư chúng sanh, sanh thiện căn tử, tùy sanh tùy thực. Thiện tử ký tận, phục hám chúng sanh, linh đọa địa ngục, súc sanh, nga quỷ. Duy trừ Bồ Tát. Thị danh như la-sát nữ phụ.

善男子。云何如妙花莖毒蛇纏之。譬如有人性愛好花。不見花莖毒蛇過患即便前捉。捉已蛇螫螫已命終。一切凡夫亦復如是。貪五欲花不見是愛毒蛇過患而便受取。即為愛毒之所蠲螫。命終墮於三惡道中。唯除菩薩。是名如妙花莖毒蛇纏之。

善男子。云何所不便食而彊食之。譬如有人所不便食而彊食之。食已腹痛患下而死。愛食亦爾。五道眾生彊食貪著。以是因緣墮三惡道。唯除菩薩。是名所不便食而彊食之。

善男子。云何如姪女。譬如愚人與姪女通。而彼姪女巧作種種諂媚現親。悉奪是人所有錢財。錢財既盡便復驅逐。愛之姪女亦復如是。愚人無智與之交通。而是愛女奪其所有一切善法。善法既盡驅逐令墮三惡道中。唯除菩薩。是名姪女。

善男子。云何摩樓迦子。譬如摩樓迦子若鳥食已隨糞墮地。或因風吹來在樹下即便生長。纏繞縛束尼拘陀樹。令不增長遂至枯死。愛摩樓迦子亦復如是。纏縛凡夫所有善法。不令增長遂至枯滅。既枯滅已命終之後墮三惡道。唯除菩薩。是名摩樓迦子。

善男子。云何瘡中瘰肉。如人久瘡中生瘰肉。其人要當勤心療治莫生捨心。若生捨心瘡瘰增長蟲疽復生。以是因緣即便命終。凡夫愚人五陰瘡瘰亦復如是

Thiện nam tử! Vân hà như diệp hoa hành, độc xà triển chi? Thí như hữu nhân, tánh ái hảo hoa; bất kiến hoa hành độc xà quá hoạn, tức tiện tiền tróc. Tróc dĩ xà thích; thích dĩ mạng chung. Nhất thiết phàm phu diệp phục như thị; tham ngũ dục hoa. Bất kiến thị ái, độc xà quá hoạn, nhi tiện thọ thủ, tức vi ái độc chi sở yết thích; mạng chung đọa ư tam ác đạo trung, duy trừ Bồ Tát. Thị danh như diệp hoa hành, độc xà triển chi.

Thiện nam tử! Vân hà sở bất tiện thực, nhi cưỡng thực chi? Thí như hữu nhân, sở bất tiện thực, nhi cưỡng thực chi. Thực dĩ phúc thống, hoạn hạ nhi tử. Ái thực diệp nhĩ; ngũ đạo chúng sanh cưỡng thực tham trước, dĩ thị nhân duyên, đọa tam ác đạo, duy trừ Bồ Tát. Thị danh sở bất tiện thực, nhi cưỡng thực chi.

Thiện nam tử! Vân hà như dâm nữ? Thí như ngu nhân dữ dâm nữ thông. Nhi bỉ dâm nữ xảo tác chủng chủng siểm mị hiện thân, tất đoạt thị nhân sở hữu tiền tài. Tiền tài ký tận, tiện phục khu trục. Ái chi dâm nữ diệp phục như thị; ngu nhân vô trí dữ chi giao thông, nhi thị ái nữ đoạt kỳ sở hữu nhất thiết thiện pháp. Thiện pháp ký tận, khu trục linh đọa tam ác đạo trung, duy trừ Bồ Tát. Thị danh dâm nữ.

Thiện nam tử! Vân hà ma-lâu-ca tử? Thí như ma-lâu-ca tử. Nhược điều thực dĩ, tùy phần đọa địa; hoặc nhân phong xuy, lai tại thọ hạ. Tức tiện sanh trưởng, triển nhiều phược thúc ni-câu-đa thọ, linh bất tăng trưởng, toại chí khô tử, ái ma-lâu-ca tử diệp phục như thị, triển phược phàm phu: sở hữu thiện pháp, bất linh tăng trưởng, toại chí khô diệt. Ký khô diệt dĩ, mạng chung chi hậu, đọa tam ác đạo, duy trừ Bồ Tát. Thị danh ma-lâu-ca tử.

Thiện nam tử! Vân hà sang trung tức nhục? Như nhân cửu sang, trung sanh tức nhục. Kỳ nhân yếu đương cần tâm liệu trị, mạc sanh xả tâm. Nhược sanh xả tâm, sang tức tăng trưởng, trùng thư phục sanh. Dĩ thị nhân duyên, tức tiện mạng chung. Phàm phu ngu nhân, ngũ ấm sang di, diệp phục như thị; ái ư

愛於其中而為瘰肉。應當勤心療治愛瘰。若不治者命終即墮三惡道中。唯除菩薩。是名瘰中瘰肉。

善男子。云何暴風。譬如暴風能偃山移岳拔深根栽。愛暴大風亦復如是。於父母所而生惡心。能拔大智舍利弗等無上深固菩提根栽。唯除菩薩。是名暴風。

善男子。云何彗星。譬如彗星出現天下一切人民飢饉病瘦嬰諸苦惱。愛之彗星亦復如是。能斷一切善根種子。令凡夫人孤窮飢饉生煩惱病。流轉生死受種種苦。唯除菩薩。是名彗星。

善男子。菩薩摩訶薩住於大乘大般涅槃。觀察愛結如是九種。

善男子。以是義故諸凡夫人有苦無諦。聲聞緣覺有苦有苦諦而無真實。諸菩薩等解苦無苦。是故無苦而有真實。

諸凡夫人有集無諦。聲聞緣覺有集有集諦。諸菩薩等解集無集。是故無集而有真諦。

聲聞緣覺有滅非真。菩薩摩訶薩有滅有真諦。聲聞緣覺有道非真。菩薩摩訶薩有道有真諦。

善男子。云何菩薩摩訶薩住於大乘大般涅槃見滅見滅諦。所謂斷除一切煩惱。若煩惱斷則名為常。滅煩惱火則名寂滅。煩惱滅故則得受樂。諸佛

kỳ trung, nhi vi tức nhục. Ứng đương cần tâm liệu trị ái tức. Nhược bất trị giả, mạng chung tức đọa tam ác đạo trung, duy trừ Bồ Tát. Thị danh sang trung tức nhục.

Thiện nam tử! Vân hà bạo phong? Thí như bạo phong, năng yển sơn di nhạc, bạt thâm căn tài. Ái bạo đại phong diệt phục như thị; ư phụ mẫu sở, nhi sanh ác tâm, năng bạt Đại trí Xá lý phát đảng vô thượng thâm cố Bồ-đề căn tài, duy trừ Bồ Tát. Thị danh bạo phong.

Thiện nam tử! Vân hà tuệ tinh? Thí như tuệ tinh xuất hiện, thiên hạ nhất thiết nhân dân cơ căn bệnh sáu anh chư khổ não. Ái chi tuệ tinh diệt phục như thị; năng đoạn nhất thiết thiện căn chủng tử, linh phạm phu nhân cô cùng cơ căn, sanh phiền não bệnh, lưu chuyển sanh tử, thọ chủng chủng khổ, duy trừ Bồ Tát. Thị danh tuệ tinh.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, trụ ư Đại thừa Đại Niết-bàn, quán sát ái kết như thị cứu chủng.

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, chư phạm phu nhân hữu khổ, vô đế; Thanh văn Duyên giác hữu khổ, hữu khổ đế, nhi vô chân thật. Chư Bồ Tát đẳng giải khổ, vô khổ, thị cố vô khổ, nhi hữu chân thật.

Chư phạm phu nhân hữu tập, vô đế, Thanh văn, Duyên giác hữu tập, hữu tập đế. Chư Bồ Tát đẳng giải tập, vô tập, thị cố vô tập, nhi hữu chân đế.

Thanh văn, Duyên giác hữu diệt, phi chân. Bồ Tát ma-ha-tát hữu diệt, hữu chân đế. Thanh văn Duyên giác hữu đạo, phi chân. Bồ Tát ma-ha-tát hữu đạo, hữu chân đế.

Thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát trụ ư Đại thừa Đại Bát Niết-bàn kiến diệt, kiến diệt đế? Sở vị đoạn trừ nhất thiết phiền não. Nhược phiền não đoạn, tắc danh vi thường. Diệt phiền não hỏa, tắc danh Tịch diệt. Phiền não diệt cố, tắc đắc thọ

菩薩求因緣故故名為淨。更不復受二十五有故名出世。以出世故名為我常。於色聲香味觸男女生住異滅苦樂不苦不樂不取相貌。故名畢竟寂滅真諦。善男子。菩薩如是住於大乘大般涅槃觀滅聖諦。

善男子。云何菩薩摩訶薩住於大乘大般涅槃觀道聖諦。善男子。譬如闇中因燈得見麤細之物。菩薩摩訶薩亦復如是。住於大乘大般涅槃因八聖道見一切法。所謂常無常有為無為。有眾生非眾生物非物。苦樂我無我淨不淨。煩惱非煩惱業非業。實不實乘非乘。知不知陀羅驃非陀羅驃。求那非求那。見非見色非色道非道解非解。善男子。菩薩如是住於大乘大般涅槃觀道聖諦。

迦葉菩薩白佛言。世尊。若八聖道是道聖諦義不相應。何以故。如來或說信心為道能度諸漏。

或時說道不放逸是。諸佛世尊不放逸故得阿耨多羅三藐三菩提。亦是菩薩助道之法。

或時說言精進是道。如告阿難。若有人能勤修精進則得成於阿耨多羅三藐三菩提。

或時說言觀身念處。若有繫心精勤修習是身念處。則得成於阿耨多羅三藐三菩提。

lạc. Chư Phật, Bồ Tát cầu nhân duyên cố, cố danh vi tịnh. Cánh bất phục thọ nhị thập ngũ hữu, cố danh xuất thế. Dĩ xuất thế cố, danh vi ngã, thường. Ứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, nam, nữ, sanh, trụ, dị, diệt, khổ, lạc, bất khổ bất lạc, bất thủ tướng mạo, cố danh tất cánh tịch diệt, chân đế. Thiện nam tử! Bồ Tát như thị trụ ư Đại thừa Đại Bát Niết-bàn, quán Diệt thánh đế.

Thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát trụ ư Đại thừa Đại Bát Niết-bàn quán Đạo thánh đế? Thiện nam tử! Thí như âm trung, nhân đăng đắc kiến thô tế chi vật. Bồ Tát ma-ha-tát diệt phục như thị; trụ ư Đại thừa Đại Bát Niết-bàn, nhân Bát thánh đạo, kiến nhất thiết pháp, sở vị: thường, vô thường, hữu vi, vô vi, hữu chúng sanh, phi chúng sanh, vật, phi vật, khổ, lạc, ngã, vô ngã, tịnh, bất tịnh, phiền não, phi phiền não, nghiệp, phi nghiệp, thật, bất thật, thừa, phi thừa, tri, bất tri, đà-la-phiêu, phi đà-la-phiêu, câu-na, phi câu-na, kiến, phi kiến, sắc, phi sắc, đạo, phi đạo, giải, phi giải. Thiện nam tử! Bồ Tát như thị trụ ư Đại thừa Đại Bát Niết-bàn, quán Đạo thánh đế.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược Bát thánh đạo thị Đạo thánh đế, nghĩa bất tương ứng. Hà dĩ cố? Như Lai hoặc thuyết: Tín tâm vi đạo, năng độ chư lậu.

Hoặc thời thuyết: Đạo bất phóng dật thị. Chư Phật Thế Tôn bất phóng dật cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Diệt thị Bồ Tát trợ đạo chi pháp.

Hoặc thời thuyết ngôn: Tinh tấn thị đạo. Như cáo A-nan: Nhược hữu nhân năng cần tu tinh tấn, tắc đắc thành ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Hoặc thời thuyết ngôn: Quán thân niệm xứ. Nhược hữu hệ tâm tinh cần tu tập thị thân niệm xứ, tắc đắc thành ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

或時說言正定為道如告大德摩訶迦葉。夫正定者真實是道。非不正定而是道也。若入正定乃能思惟五陰生滅。非不入定能思惟也。

或說一法若人修習能淨眾生滅除一切憂愁苦惱。逮得正法所謂念佛三昧。

或復說言修無常想是名為道。如告比丘有能多修無常想者。能得阿耨多羅三藐三菩提。

或說空寂阿蘭若處獨坐思惟。能得速成阿耨多羅三藐三菩提。

或時說言為人演法是名為道。若聞法已疑網即斷。疑網斷已則得阿耨多羅三藐三菩提。

或時說言持戒是道。如告阿難若有精勤修持禁戒。是人則度生死大苦。

或時說言親近善友是名為道。如告阿難。若有親近善知識者則具淨戒。若有眾生能親近我。則得發於阿耨多羅三藐三菩提心。

或時說言修慈是道。修學慈者斷諸煩惱得不動處。

或時說言智慧是道。如佛昔為波闍波提比丘尼說姊妹。如諸聲聞以智慧刀能斷諸流諸漏煩惱。

或時如來說施是道。如佛往昔告波斯匿王。大王。當知我於往昔多行惠施。以是因緣今日得成阿耨多羅三藐三菩提。

Hoặc thời thuyết ngôn: Chánh định vi đạo. Như cáo Đại đức Ma-ha Ca-diếp: Phù chánh định giả, chân thật thị đạo, phi bất chánh định nhi thị đạo dã. Nhược nhập chánh định, nãi năng tư duy ngũ ấm sanh diệt, phi bất nhập định năng tư duy dã.

Hoặc thuyết: Nhất pháp, nhược nhân tu tập, năng tịnh chúng sanh, diệt trừ nhất thiết ưu sầu khổ não, đãi đắc chánh pháp, sở vị niệm Phật Tam-muội.

Hoặc phục thuyết ngôn: Tu vô thường tưởng, thị danh vi đạo. Như cáo tỳ-kheo: Hữu năng đa tu vô thường tưởng giả, năng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Hoặc thuyết: Không tịch A-lan-nhã xứ, độc tọa tư duy, năng đắc tốc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-bề.

Hoặc thời thuyết ngôn: Vị nhân diễn pháp, thị danh vi đạo. Nhược văn pháp dĩ, nghi vãng tức đoạn. Nghi vãng đoạn dĩ, tắc đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Hoặc thời thuyết ngôn: Trì giới thị đạo. Như cáo A-nan: Nhược hữu tinh cần tu trì cấm giới, thị nhân tắc độ sanh tử đại khổ.

Hoặc thời thuyết ngôn: Thân cận thiện hữu, thị danh vi đạo. Như cáo A-nan: Nhược hữu thân cận thiện tri thức giả, tắc cụ tịnh giới. Nhược hữu chúng sanh năng thân cận ngã, tắc đắc phát ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

Hoặc thời thuyết ngôn: Tu từ thị đạo. Tu học từ giả, đoạn chư phiền não, đắc bất động xứ.

Hoặc thời thuyết ngôn: Trí tuệ thị đạo. Như Phật tích vị Ba-xà-ba-đề tỳ-kheo ni thuyết: Tỳ muội! Như chư Thanh văn, dĩ trí tuệ đạo năng đoạn chư lưu, chư lậu phiền não.

Hoặc thời Như Lai thuyết: Thí thị đạo. Như Phật vãng tích, cáo Ba-tư-nặc vương: Đại vương đương tri, ngã ư vãng tích đa hành tuệ thí. Dĩ thị nhân duyên, kim nhật đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

世尊。若八聖道是道諦者。如是等經豈非虛妄。若彼諸經非虛妄者。彼中何緣不說八聖道為道聖諦。若彼不說如來往昔何故錯謬。然我定知諸佛如來久離錯謬。

爾時世尊讚迦葉菩薩言。善哉善哉。善男子。汝今欲知菩薩大乘微妙經典所有祕密故作是問。善男子。如是諸經悉入道諦。善男子。如我所說若有信道。如是信道是信根本。是能佐助菩提之道。是故我說無有錯謬。

善男子。如來善知無量方便欲化眾生。故作如是種種說法。善男子。譬如良醫識諸眾生種種病原。隨其所患而為合藥并藥所禁。唯水一種不在禁例。或服薑水。或甘草水。或細辛水。或黑石蜜水。或阿摩勒水。或尼婆羅水。或鉢畫羅水。或服冷水。或服熱水。或蒲萄水。或安石榴水。善男子。而是良醫善知眾生所患。種種藥雖多禁水不在例。如來亦爾善知方便。於一法相隨諸眾生分別廣說種種名相。彼諸眾生隨所說受。受已修習除斷煩惱。如彼病人隨良醫教所患得除。

復次善男子。如有一人善解雜語在大眾中。是諸大眾熱渴所逼咸發聲言。我欲飲水我欲飲水。是人即時以清冷水隨其種類說言是水。或言波尼。或

Thế Tôn! Nhược Bát thánh đạo thị Đạo đế giả, như thị đẳng kinh khởi phi hư vọng? Nhược bỉ chư kinh phi hư vọng giả, bỉ trung hà duyên bất thuyết Bát thánh đạo vi Đạo thánh đế? Nhược bỉ bất thuyết, Như Lai vãng tích hà cố thác mậu? Nhiên ngã định tri chư Phật Như Lai cứu ly thác mậu!

Nhĩ thời, Thế Tôn tán Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ kim dục tri Bồ Tát Đại thừa vi diệu kinh điển sở hữu bí mật, cố tác thị vấn. Thiện nam tử! Như thị chư kinh, tất nhập Đạo đế. Thiện nam tử! Như ngã sở thuyết, nhược hữu tín đạo, như thị tín đạo thị tín căn bản. Thị năng tá trợ Bồ-đề chi đạo. Thị cố ngã thuyết vô hữu thác mậu.

Thiệnnam tử! Như Lai thiện tri vô lượng phương tiện, dục hóa chúng sanh cố tác như thị chủng chủng thuyết pháp. Thiện nam tử! Thí như lương y, thức chư chúng sanh chủng chủng bệnh nguyên, tùy kỳ sở hoạn nhi vi hiệp dược, tinh dược sở cấm. Duy thủy nhất chủng bất tại cấm lệ. Hoặc phục khương thủy, hoặc cam thảo thủy, hoặc tế tân thủy, hoặc hắc thạch mật thủy, hoặc a-ma-lặc thủy, hoặc ni-bà-la thủy, hoặc bát-trú-la thủy, hoặc phục lãnh thủy, hoặc phục nhiệt thủy, hoặc bồ đào thủy, hoặc an thạch lựu thủy. Thiện nam tử! Nhi thị lương y thiện tri chúng sanh sở hoạn chủng chủng, dược tuy đa cấm, thủy bất tại lệ. Như Lai diệc nhĩ, thiện tri phương tiện; ư nhất pháp tướng tùy chư chúng sanh, phân biệt diễn thuyết chủng chủng danh tướng. Bỉ chư chúng sanh, tùy sở thuyết thọ. Thọ dĩ tu tập, trừ đoạn phiền não; như bỉ bệnh nhân tùy lương y giáo, sở hoạn đắc trừ.

Phục thứ thiện nam tử! Như hữu nhất nhân thiện giải tạp ngữ tại đại chúng trung. Thị chư đại chúng, nhiệt khát sở bức, hàm phát thỉnh ngôn: Ngã dục ẩm thủy, ngã dục ẩm thủy. Thị nhân tức thời dĩ thanh lãnh thủy, tùy kỳ chủng loại, thuyết ngôn thị thủy, hoặc ngôn ba-ni, hoặc ngôn uất-trì, hoặc ngôn

言鬱持。或言紫利藍。或言婆利。或言婆耶。或言甘露。或言牛乳。以如是等無量水名為大眾說。善男子。如來亦爾以一聖道為諸聲聞種種演說。從信根等至八聖道。

復次善男子。譬如金師以一種金隨意造作種種瓔珞。所謂鉗鎖環釧釵鐺天冠璽印。雖有如是差別不同。然不離金。善男子。如來亦爾。以一佛道隨諸眾生種種分別而為說之。

或說一種。所謂諸佛一道無二。復說二種。所謂定慧。復說三種。謂見慧智。復說四種。所謂見道。修道。無學道。佛道。復說五種。所謂信行道。法行道。信解脫道。見到道。身證道。復說六種。所謂須陀洹道。斯陀含道。阿那含道。阿羅漢道。辟支佛道。佛道。復說七種。所謂念覺分。擇法覺分。精進覺分。喜覺分。除覺分。定覺分。捨覺分。復說八種。所謂正見。正思惟。正語。正業。正命。正精進。正念。正定。復說九種。所謂八聖道及信。復說十種。所謂十力。復說十一種。所謂十力。大慈。復說十二種。所謂十力。大慈。大悲。復說十三種。所謂十力。大慈。大悲。念佛三昧。復說十六種。所謂十力。大慈。大悲。念佛三昧及佛所得三正念處。復說二十道。所謂十力。四無所畏。大慈。大悲。念佛三昧。三正念處。

sa-ly-lam, hoặc ngôn bà-ly, hoặc ngôn bà-da; hoặc ngôn cam lộ, hoặc ngôn ngư nhũ. Dĩ như thị đẳng vô lượng thủy danh, vị đại chúng thuyết. Thiện nam tử! Như Lai diệt nhĩ, dĩ nhất Thánh đạo, vị chư Thanh văn, chủng chủng diễn thuyết, tòng tín căn đẳng, chí Bát thánh đạo.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như kim sư, dĩ nhất chủng kim, tùy ý tạo tác chủng chủng anh lạc, sở vị: kiềm, tảo, hoàn, xuyên, thoa, đàng, thiên quan, tử ấn. Tuy hữu như thị sai biệt bất đồng, nhiên bất ly kim. Thiện nam tử! Như Lai diệt nhĩ; dĩ nhất Phật đạo, tùy chư chúng sanh, chủng chủng phân biệt, nhi vị thuyết chi.

Hoặc thuyết nhất chủng, sở vị: chư Phật nhất đạo vô nhị. Phục thuyết nhị chủng, sở vị: định, tuệ. Phục thuyết tam chủng, vị: kiến, tuệ, trí. Phục thuyết tứ chủng, sở vị: kiến đạo, tu đạo, vô học đạo, Phật đạo. Phục thuyết ngũ chủng, sở vị: tín hành đạo, pháp hành đạo, tín giải thoát đạo, kiến đạo đạo, thân chứng đạo. Phục thuyết lục chủng, sở vị: Tu-đà-hoàn đạo, Tư-đà-hàm đạo, A-na-hàm đạo, A-la-hán đạo, Bích-chi Phật đạo, Phật đạo. Phục thuyết thất chủng, sở vị: niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, trừ giác phần, định giác phần, xả giác phần. Phục thuyết bát chủng, sở vị: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Phục thuyết cửu chủng, sở vị: Bát thánh đạo cập tín. Phục thuyết thập chủng, sở vị: Thập lực. Phục thuyết thập nhất chủng, sở vị: Thập lực, đại từ. Phục thuyết thập nhị chủng, sở vị: Thập lực, đại từ, đại bi. Phục thuyết thập tam chủng, sở vị: Thập lực, đại từ, đại bi, niệm Phật tam-muội. Phục thuyết thập lục chủng, sở vị: Thập lực, đại từ, đại bi, niệm Phật tam-muội, cập Phật sở đắc tam chánh niệm xứ. Phục thuyết nhị thập đạo, sở vị: thập lực, tứ vô sở úy, đại từ, đại bi, niệm Phật tam muội, tam chánh niệm xứ.

善男子。是道一體。如來昔日為眾生故種種分別。

復次善男子。譬如一火因所然故得種種名。所謂木火草火糠火麩火牛馬糞火。善男子。佛道亦爾一而無二。為眾生故種種分別。

復次善男子。譬如一識分別說六。若至於眼則名眼識。乃至意識亦復如是。善男子。道亦如是一而無二。如來為化諸眾生故種種分別。

復次善男子。譬如一色眼所見者則名為色。耳所聞者則名為聲。鼻所嗅者則名為香。舌所嘗者則名為味。身所覺者則名為觸。善男子。道亦如是一而無二。如來為欲化眾生故種種分別。

善男子。以是義故以八聖道分名道聖諦。善男子。是四聖諦諸佛世尊次第說之。以是因緣無量眾生得度生死。

迦葉菩薩白佛言。世尊。昔佛一時在恒河岸尸首林中。爾時如來取其樹葉告諸比丘。我今手中所捉葉多。一切因地草木葉多。諸比丘言。世尊。一切因地草木葉多不可稱計。如來所捉少不足言。

諸比丘。我所覺了一切諸法。如因大地生草木等。為諸眾生所宣說者。如手中葉。

Thiện nam tử! Thị đạo nhất thể. Như Lai tích nhật vị chúng sanh cố chủng chủng phân biệt.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như nhất hỏa, nhân sở nhiên cố, đắc chủng chủng danh. Sở vị: mộc hỏa, thảo hỏa, kang hỏa, dục hỏa, ngư mã phân hỏa. Thiện nam tử! Phật đạo diệc nhĩ, nhất nhi vô nhị. Vị chúng sanh cố, chủng chủng phân biệt.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như nhất thức phân biệt thuyết lục: nhược chí ư nhãn, tác danh nhãn thức, nãi chí ý thức, diệc phục như thị. Thiện nam tử! Đạo diệc như thị; nhất nhi vô nhị. Như Lai vị hóa chư chúng sanh cố, chủng chủng phân biệt.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như nhất sắc. Nhãn sở kiến giả, tác danh vi sắc. Nhĩ sở văn giả, tác danh vi thanh. Tỉ sở khứu giả,, tác danh vi hương. Thiệt sở thường giả, tác danh vi vị. Thân sở giác giả, tác danh vi xúc. Thiện nam tử! Đạo diệc như thị; nhất nhi vô nhị; Như Lai vị dục hóa chúng sanh cố, chủng chủng phân biệt.

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, dĩ Bát Thánh đạo phân danh Đạo Thánh đế. Thiện nam tử! Thị Tứ Thánh đế, chư Phật Thế Tôn thứ đệ thuyết chi. Dĩ thị nhân duyên, vô lượng chúng sanh đắc độ sanh tử.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Tích Phật nhất thời, tại Hằng hà ngạn, Thi-thủ lâm trung. Nhĩ thời Như Lai thủ kỳ thọ diệp, cáo chư Tỳ kheo: Ngã kim thủ trung sở tróc diệp đa, nhất thiết nhân địa thảo mộc diệp đa? Chư tỳ-kheo ngôn: Thế Tôn! Nhất thiết nhân địa thảo mộc diệp đa, bất khả xưng kế. Như Lai sở tróc, thiếu bất túc ngôn.

Chư tỳ-kheo! Ngã sở giác liễu, nhất thiết chư pháp, như nhân đại địa, sanh thảo mộc đẳng. Vị chư chúng sanh sở tuyên thuyết giả, như thủ trung diệp.

世尊爾時說如是言。如來所了無量諸法。若入四諦則為已說。若不入者應有五諦。

爾時佛讚迦葉菩薩。善哉善哉。善男子。汝今所問則能利益安隱快樂無量眾生。善男子。如是諸法悉已攝在四聖諦中。

迦葉菩薩復作是言。如是等法若在四諦。如來何故唱言不說。

佛言善男子。雖復入中猶不名說。何以故。善男子。知四聖諦者有二種智。一者中二者上。中者聲聞緣覺智。上者諸佛菩薩智。

善男子。知諸陰苦名為中智。分別諸陰有無量相悉是諸苦。非諸聲聞緣覺所知。是名上智。善男子。如是等義我於彼經竟不說之。

善男子。知諸入者名之為門亦名為苦。是名中智。分別諸入有無量相悉是諸苦。非諸聲聞緣覺所知。是名上智。如是等義我於彼經亦不說之。

善男子。知諸界者名之為分。亦名為性亦名為苦。是名中智。分別諸界有無量相悉是諸苦非諸聲聞緣覺所知。是名上智。善男子。如是等義我於彼經亦不說之。

善男子。知色壞相是名中智。分別諸色有無量壞相悉是諸苦。非諸聲聞緣覺所知是名上智。如是等義我於彼經亦不說之。

Thế Tôn nhĩ thời thuyết như thị ngôn: Như Lai sở liễu, vô lượng chư pháp; nhược nhập Tứ đế, tác vi dĩ thuyết. Nhược bất nhập giả, ưng hữu ngũ đế.

Nhĩ thời, Phật tán Ca-diếp Bồ Tát: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ kim sở vấn, tác năng lợi ích, an ổn, khoái lạc vô lượng chúng sanh. Thiện nam tử! Như thị chư Pháp, tất dĩ nhiếp tại Tứ thánh đế trung.

Ca-diếp Bồ Tát phục tác thị ngôn: Như thị đẳng pháp nhược tại Tứ đế, Như Lai hà cố xướng ngôn bất thuyết?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Tuy phục nhập trung, du bất danh thuyết. Hà dĩ cố? Thiện nam tử! Tri Tứ Thánh đế giả, hữu nhị chủng trí: Nhất giả trung, nhị giả thượng. Trung giả Thanh văn, Duyên giác trí. Thượng giả chư Phật, Bồ Tát trí.

Thiện nam tử! Tri chư ấm khổ, danh vi trung trí. Phân biệt chư ấm hữu vô lượng tướng tất thị chư khổ, phi chư Thanh văn Duyên giác sở tri; thị danh thượng trí. Thiện nam tử! Như thị đẳng nghĩa, ngã ư bỉ kinh, cánh bất thuyết chi.

Thiện nam tử! Tri chư nhập giả, danh chi vi môn, diệc danh vi khổ, thị danh trung trí. Phân biệt chư nhập hữu vô lượng tướng, tất thị chư khổ, phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri; thị danh thượng trí. Như thị đẳng nghĩa, ngã ư bỉ kinh, diệc bất thuyết chi.

Thiện nam tử! Tri chư giới giả, danh chi vi phân, diệc danh vi tánh, diệc danh vi khổ; thị danh trung trí. Phân biệt chư giới hữu vô lượng tướng tất thị chư khổ, phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri; thị danh thượng trí. Thiện nam tử! như thị đẳng nghĩa, ngã ư bỉ kinh, diệc bất thuyết chi.

Thiện nam tử! Tri sắc hoại tướng, thị danh trung trí. Phân biệt chư sắc hữu vô lượng hoại tướng, tất thị chư khổ, phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri; thị danh thượng trí. Như thị đẳng nghĩa, ngã ư bỉ kinh, diệc bất thuyết chi.

善男子。知受覺相是名中智。分別諸受有無量覺相。非諸聲聞緣覺所知。是名上智。善男子。如是等義我於彼經亦不說之。

善男子。知想取相是名中智。分別是想有無量取相。非諸聲聞緣覺所知。是名上智。如是等義我於彼經亦不說之。

善男子。知行作相是名中智。分別是行無量作相非諸聲聞緣覺所知。是名上智。善男子。如是等義我於彼經亦不說之。

善男子。知識分別相是名中智。分別是識無量智相非諸聲聞緣覺所知。是名上智。善男子。如是等義我於彼經亦不說之。

善男子。知愛因緣能生五陰是名中智。一人起愛無量無邊聲聞緣覺所不能知。能知一切眾生所起如是等愛。是名上智。如是等義我於彼經亦不說之。

善男子。知滅煩惱是名中智。分別煩惱不可稱計。滅亦如是不可稱計。非諸聲聞緣覺所知。是名上智。如是等義我於彼經亦不說之。

善男子。知是道相能離煩惱是名中智。分別道相無量無邊所離煩惱亦無量無邊。非諸聲聞緣覺所知。是名上智。如是等義我於彼經亦不說之。

Thiện nam tử! Tri thọ giác tướng, thị danh trung trí. Phân biệt chư thọ hữu vô lượng giác tướng, phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri; thị danh thượng trí. Thiện nam tử! Như thị đẳng nghĩa, ngã ư bỉ kinh, diệc bất thuyết chi.

Thiện nam tử! Tri tướng thủ tướng, thị danh trung trí, phân biệt thị tướng hữu vô lượng thủ tướng, phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri; thị danh thượng trí. Như thị đẳng nghĩa, ngã ư bỉ kinh, diệc bất thuyết chi.

Thiện nam tử! Tri hành tác tướng, thị danh trung trí. Phân biệt thị hành vô lượng tác tướng, phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri, thị danh thượng trí. Thiện nam tử! Như thị đẳng nghĩa, ngã ư bỉ kinh, diệc bất thuyết chi.

Thiện nam tử! Tri thức phân biệt tướng, thị danh trung trí. Phân biệt thị Thức vô lượng trí tướng, phi chư Thanh văn, Duyên giác, sở tri; thị danh thượng trí. Thiện nam tử! Như thị đẳng nghĩa, ngã ư bỉ kinh, diệc bất thuyết chi.

Thiện nam tử! Tri ái nhân duyên năng sanh ngũ ấm, thị danh trung trí. Nhất nhân khởi ái vô lượng vô biên, Thanh văn, Duyên giác sở bất năng tri. Năng tri nhất thiết chúng sanh sở khởi như thị đẳng Ái, thị danh Thượng trí. Như thị đẳng nghĩa, ngã ư bỉ kinh, diệc bất thuyết chi.

Thiện nam tử! Tri diệt phiền não, thị danh trung trí. Phân biệt phiền não bất khả xưng kế, diệt diệc như thị, bất khả xưng kế, phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri; thị danh Thượng trí. Như thị đẳng nghĩa, ngã ư bỉ kinh, diệc bất thuyết chi.

Thiện nam tử! Tri thị đạo tướng, năng ly phiền não, thị danh trung trí. Phân biệt đạo tướng vô lượng vô biên, sở ly phiền não diệc vô lượng vô biên, phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri; thị danh Thượng trí. Như thị đẳng nghĩa, ngã ư bỉ kinh, diệc bất thuyết chi.

善男子。知世諦者是名中智。分別世諦無量無邊不可稱計。非諸聲聞緣覺所知。是名上智。如是等義我於彼經亦不說之。

善男子。一切行無常諸法無我涅槃寂滅是第一義。是名中智。知第一義無量無邊不可稱計。非諸聲聞緣覺所知。是名上智。如是等義我於彼經亦不說之。

爾時文殊師利菩薩摩訶薩白佛言。世尊。所說世諦第一義諦其義云何。

世尊。第一義中有世諦不。世諦之中有第一義不。如其有者即是一諦。如其無者將非如來虛妄說耶。

善男子。世諦者即第一義諦。

世尊。若爾者則無二諦。

佛言善男子。有善方便隨順眾生說有二諦。善男子。若隨言說則有二種。一者世法。二者出世法。

善男子。如出世人之所知者名第一義諦。世人知者名為世諦。

善男子。五陰和合稱言某甲。凡夫眾生隨其所稱是名世諦。解陰無有某甲名字。離陰亦無某甲名字。出世之人如其性相而能知之名第一義諦。

復次善男子。或復有法有名有實。或復有法有名無實。善男子。有名無實者即是世諦。有名有實者是第一義諦。

Thiện nam tử! Tri Thế đế giả, thị danh trung trí. Phân biệt Thế đế vô lượng, vô biên, bất khả xưng kể, phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri; thị danh thượng trí. Như thị đẳng nghĩa, ngã ư bỉ kinh, diệc bất thuyết chi.

Thiện nam tử! Nhất thiết hành vô thường, chư pháp vô ngã, Niết-bàn tịch diệt, thị đệ nhất nghĩa, thị danh trung trí. Tri đệ nhất nghĩa vô lượng, vô biên, bất khả xưng kể, phi chi Thanh văn, Duyên giác sở tri; thị danh thượng trí. Như thị đẳng nghĩa, ngã ư bỉ kinh, diệc bất thuyết chi.

Nhĩ thời, Văn-thù-sư-lợi Bồ Tát ma-ha-tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Sở thuyết thế đế, đệ nhất nghĩa đế, kỳ nghĩa vân hà?

Thế Tôn! Đệ nhất nghĩa trung, hữu thế đế phủ? Thế đế chi trung, hữu đệ nhất nghĩa phủ? Như kỳ hữu giả, tức thị nhất đế. Như kỳ vô giả, tương phi Như Lai, hư vọng thuyết da?

Thiện nam tử! Thế đế giả, tức đệ nhất nghĩa đế.

Thế Tôn! Nhược nhĩ giả, tác vô nhị đế!

Phật ngôn: Thiện nam tử! Hữu thiện phương tiện, tùy thuận chúng sanh, thuyết hữu nhị đế. Thiện nam tử! Nhược tùy ngôn thuyết, tác hữu nhị chủng: nhất giả thế pháp, nhị giả xuất thế pháp.

Thiện nam tử! Như xuất thế nhân chi sở tri giả, danh đệ nhất nghĩa đế. Thế nhân tri giả, danh vi thế đế.

Thiện nam tử! Ngũ ấm hòa hiệp, xưng ngôn mỗ giáp. Phạm phu chúng sanh, tùy kỳ sở xưng, thị danh thế đế. Giải ấm, vô hữu mỗ, giáp danh tự. Ly ấm diệc vô mỗ, giáp danh tự. Xuất thế chi nhân, như kỳ tánh tướng nhi năng tri chi, danh đệ nhất nghĩa đế.

Phục thứ, thiện nam tử! Hoặc phục hữu pháp hữu danh hữu thật; hoặc phục hữu pháp hữu danh vô thật. Thiện nam tử! Hữu danh vô thật giả, tức thị thế đế; hữu danh hữu thật giả, thị đệ nhất nghĩa đế.

善男子。如我眾生壽命知見養育丈夫作者受者。熱時之燄乾闥婆城。龜毛兔角旋火之輪。諸陰界入是名世諦。苦集滅道名第一義諦。

善男子。世法有五種。一者名世。二者句世。三者縛世。四者法世。五者執著世。善男子。云何名世。男女瓶衣車乘屋舍如是等物。是名名世。

云何句世。四句一偈如是等偈。名為句世。

云何縛世。捲合繫結束縛合掌。是名縛世。

云何法世。如鳴錘集僧嚴鼓誡兵吹貝知時。是名法世。

云何執著世。如望遠人有染衣者。生想執著言是沙門非婆羅門。見有結繩橫佩身上。便生念言是婆羅門非沙門也。是名執著世。

善男子。如是名為五種世法。善男子。若有眾生於如是等五種世法。心無顛倒如實而知。是名第一義諦。

復次善男子。若燒若割若死若壞。是名世諦。無燒無割無死無壞。是名第一義諦。

復次善男子。有八苦相名為世諦。無生無老無病無死。無愛別離無怨憎會。無求不得無五盛陰。是名第一義諦。

Thiện nam tử! Như ngã, chúng sanh, thọ mạng, tri kiến, dưỡng dục, trọng phu, tác giả, thọ giả, nhiệt thời chi diêm, càn-thát-bà thành qui mao, thố giác, toàn hỏa chi luân, chư âm, giới, nhập, thị danh thế đế. Khổ, tập, diệt, đạo, danh đệ nhất nghĩa đế.

Thiện nam tử! Thế pháp hữu ngũ chủng: nhất giả danh thế, nhị giả cú thế, tam giả phược thế, tứ giả pháp thế, ngũ giả chấp trước thế. Thiện nam tử! Vân hà danh thế? Nam, nữ, bình, y, xa thặng, ốc xá, như thị đẳng vật, thị danh danh thế.

Vân hà cú thế? Tứ cú nhất kệ, như thị đẳng kệ danh vi cú thế.

Vân hà phược thế? Quyển hiệp hệ kết, thúc phược hiệp chưởng, thị danh phược thế.

Vân hà pháp thế? Như minh chùy tập tăng, nghiêm cổ giới binh, xuy bối tri thời, thị danh pháp thế.

Vân hà chấp trước thế? Như vọng viễn nhân, hữu nhiễm y giả, sanh tưởng chấp trước, ngôn thị sa-môn, phi bà-la-môn. Kiến hữu kết thằng, hoành bội thân thượng, tiện sanh niệm ngôn: Thị bà-la-môn, phi sa-môn dã. Thị danh chấp trước thế.

Thiện nam tử! Như thị danh vi ngũ chủng thế pháp. Thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh, ư như thị đẳng ngũ chủng thế pháp, tâm vô điên đảo, như thật nhi tri, thị danh đệ nhất nghĩa đế.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược thiêu, nhược cát, nhược tử, nhược hoại, thị danh thế đế. Vô thiêu, vô cát, vô tử, vô hoại thị danh đệ nhất nghĩa đế.

Phục thứ, thiện nam tử! Hữu bát khổ tướng danh vi thế đế. Vô sanh, vô lão, vô bệnh, vô tử, vô ái biệt ly, vô oán tăng hội, vô cầu bất đắc, vô ngũ thạnh ám, thị danh đệ nhất nghĩa đế.

復次善男子。譬如一人多有所能。若其走時則名走者。或收刈時復名刈者。或作飲食名作食者。若治材木則名工匠。鍛金銀時言金銀師。如是一人有多名字。法亦如是其實是一而有多名。

依因父母和合而生名為世諦。十二因緣和合生者名第一義諦。

文殊師利菩薩摩訶薩白佛言。世尊。所言實諦其義云何。

佛言善男子。言實諦者名曰真法。善男子。若法非真不名實諦。

善男子。實諦者無有顛倒。無顛倒者乃名實諦。

善男子。實諦者無有虛妄。若有虛妄不名實諦。

善男子。實諦者名曰大乘。非大乘者不名實諦。

善男子。實諦者是佛所說非魔所說。若是魔說非佛說者不名實諦。

善男子。實諦者一道清淨無有二也。

善男子。有常有樂有我有淨。是則名為實諦之義。

文殊師利白佛言。世尊。若以真實為實諦者。真實之法即是如來虛空佛性。若如是者如來虛空及與佛性無有差別。

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như nhất nhân, đa hữu sở năng, nhược kỳ tẩu thời, tác danh tẩu giả. Hoặc thâm ngải thời, phục danh ngải giả. Hoặc tác ẩm thực, danh tác thực giả. Nhược trị tài mộc, tác danh công tượng. Đoàn kim ngân thời, ngôn kim ngân sư. Như thị nhất nhân hữu đa danh tự. Pháp diệc như thị, kỳ thật thị nhất, nhi hữu đa danh.

Y nhân phụ mẫu hòa hiệp nhi sanh, danh vi thế đế. Thập nhị nhân duyên hòa hiệp sanh giả, danh đệ nhất nghĩa đế.

Văn-thù-sư-lợi Bồ Tát ma-ha-tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Sở ngôn thật đế, kỳ nghĩa vân hà?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Ngôn thật đế giả, danh viết chân pháp. Thiện nam tử! Nhược pháp phi chơn, bất danh thật đế.

Thiện nam tử! Thật đế giả, vô hữu điên đảo. Vô điên đảo giả, nãi danh thật đế.

Thiện nam tử! Thật đế giả, vô hữu hư vọng. Nhược hữu hư vọng, bất danh thật đế.

Thiện nam tử! Thật đế giả, danh viết Đại thừa. Phi Đại thừa giả, bất danh thật đế.

Thiện nam tử! Thật đế giả, thị Phật sở thuyết, phi ma sở thuyết. Nhược thị ma thuyết, phi Phật thuyết giả, bất danh thật đế.

Thiện nam tử! Thật đế giả, nhất đạo thanh tịnh, vô hữu nhị dã.

Thiện nam tử! Hữu thường, hữu lạc, hữu ngã, hữu tịnh, thị tác danh vi thật đế chi nghĩa.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược dĩ chân thật vi Thật đế giả, chân thật chi pháp tức thị Như Lai, hư không, Phật tánh. Nhược như thị giả, Như Lai, hư không cập dĩ Phật tánh, vô hữu sai biệt.

佛告文殊師利。有苦有諦有實。有集有諦有實。有滅有諦有實。有道有諦有實。

善男子。如來非苦非諦是實。虛空非苦非諦是實。佛性非苦非諦是實。

文殊師利。所言苦者為無常相是可斷相是為實諦。如來之性非苦非無常非可斷相。是故為實虛空。佛性亦復如是。

復次善男子。所言集者能令五陰和合而生。亦名為苦亦名無常。是可斷相是為實諦。善男子。如來非是集性非是陰因非可斷相。是故為實。虛空佛性亦復如是。

善男子。所言滅者名煩惱滅。亦常無常。二乘所得名曰無常。諸佛所得是則名常。亦名證法是為實諦。善男子。如來之性不名為滅。能滅煩惱非常非無常。不名證知常住無變。是故為實。虛空佛性亦復如是。

善男子。所言道者能斷煩惱亦常無常。是可修法是名實諦。如來非道能斷煩惱。非常無常非可修法常住不變。是故為實虛空。佛性亦復如是。

復次善男子。言真實者即是如來。如來者即是真實。真實者即是虛空。虛空者即是真實。真實者即是佛性。佛性者即是真實。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi: Hữu khổ, hữu đế, hữu thật, hữu tập, hữu đế, hữu thật. hữu diệt, hữu đế, hữu thật, hữu đạo, hữu đế, hữu thật.

Thiện nam tử! Như Lai phi khổ, phi đế, thị thật. Hư không phi khổ, phi đế thị thật. Phật tánh phi khổ, phi đế, thị thật.

Văn-thù-sư-lợi! Sở ngôn khổ giả, vi vô thường tướng, thị khả đoạn tướng, thị vi thật đế. Như Lai chi tánh, phi khổ, phi vô thường, phi khả đoạn tướng, thị cố vi thật. Hư không, Phật tánh diệt phục như thị.

Phục thứ, thiện nam tử! Sở ngôn tập giả, năng linh ngũ ấm hòa hiệp nhi sanh, diệt danh vi khổ, diệt danh vô thường, thị khả đoạn tướng, thị vi thật đế. Thiện nam tử! Như Lai phi thị tập tánh, phi thị ấm nhân, phi khả đoạn tướng, thị cố vi thật. Hư không Phật tánh diệt phục như thị.

Thiện nam tử! Sở ngôn diệt giả, danh phiền não diệt, diệt thường, vô thường. Nhị thừa sở đắc, danh viết vô thường. Chư Phật sở đắc, thị tất danh thường, diệt danh chứng pháp; thị vi thật đế. Thiện nam tử! Như Lai chi tánh, bất danh vi diệt, năng diệt phiền não, phi thường, phi vô thường, bất danh chứng tri, thường trụ vô biến, thị cố vi thật. Hư không Phật tánh diệt phục như thị.

Thiện nam tử! Sở ngôn đạo giả, năng đoạn phiền não, diệt thường, vô thường, thị khả tu pháp, thị danh thật đế. Như Lai phi đạo năng đoạn phiền não, phi thường vô thường, phi khả tu pháp, thường trụ bất biến, thị cố vi thật. Hư không, Phật tánh diệt phục như thị.

Phục thứ, thiện nam tử! Ngôn chân thật giả, tức thị Như Lai. Như Lai giả, tức thị chân thật. Chân thật giả, tức thị hư không. Hư không giả, tức thị chân thật. Chân thật giả, tức thị Phật tánh. Phật tánh giả, tức thị chân thật.

文殊師利。有苦有苦因有苦盡有苦對。如來非苦乃至非對。是故為實不名為諦。虛空佛性亦復如是。

苦者有為有漏無樂。如來非有為非有漏湛然安樂是實非諦。

文殊師利白佛言。世尊。如佛所說不顛倒者名為實諦。若爾者四諦之中有四倒不。如其有者。云何說言無有顛倒名為實諦。一切顛倒不名為實。

佛告文殊師利。一切顛倒皆入苦諦。如諸眾生有顛倒心名為顛倒。善男子。譬如有人不受父母尊長教敕。雖受不能隨順修行。如是人等名為顛倒。如是顛倒非不是苦即是苦也。

文殊師利言。如佛所說不虛妄者即是實諦。若爾者當知虛妄則非實諦。

佛言善男子。一切虛妄皆入苦諦。如有眾生欺誑於他。以是因緣墮於地獄畜生餓鬼。如是等法名為虛妄。如是虛妄非不是苦即是苦也。聲聞緣覺諸佛世尊遠離不行故名虛妄。如是虛妄諸佛二乘所斷除故故名實諦。

文殊師利言。如佛所說大乘是實諦者。當知聲聞辟支佛乘則為不實。

佛言文殊師利。彼二乘者亦實不實。聲聞緣覺斷諸煩惱則名為實。無常不住是變易法名為不實。

Văn-thù-sư-lợi! Hữu khổ, hữu khổ nhân, hữu khổ tận, hữu khổ đối. Như Lai phi khổ, nãi chí phi đối, thị cố vi thật, bất danh vi đế, hư không Phật tánh diệc phục như thị.

Khổ giả, hữu vi, hữu lậu, vô lạc, Như Lai phi hữu vi, phi hữu lậu, trạm nhiên an lạc, thị thật, phi đế.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết, bất diên đảo giả, danh vi thật đế. Nhược nhĩ giả, tứ đế chi trung, hữu tứ đảo phủ? Như kỳ hữu giả, vân hà thuyết ngôn vô hữu diên đảo danh vi thật đế, nhất thiết diên đảo bất danh vi thật?

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi: Nhất thiết diên đảo giai nhập khổ đế. Như chư chúng sanh hữu diên đảo tâm, danh vi diên đảo. Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, bất thọ phụ mẫu tôn trưởng giáo sắc; tuy thọ bất năng tùy thuận tu hành. Như thị nhân đẳng, danh vi diên đảo. Như thị diên đảo phi bất thị khổ, tức thị khổ dã.

Văn-thù-sư-lợi ngôn: Như Phật sở thuyết bất hư vọng giả, tức thị thật đế. Nhược nhĩ giả, đương tri hư vọng tác phi thật đế.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhất thiết hư vọng giai nhập khổ đế. Như hữu chúng sanh khi cưỡng ư tha. Dĩ thị nhân duyên, đọa ư địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Như thị đẳng pháp, danh vi hư vọng. Như thị hư vọng, phi bất thị khổ, tức thị khổ giả. Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Thế Tôn, viễn ly bất hành, cố danh hư vọng. Như thị hư vọng, chư Phật, Nhị thừa sở đoạn trừ cố, cố danh thật đế.

Văn-thù-sư-lợi ngôn: Như Phật sở thuyết Đại thừa thị thật đế giả, đương tri Thanh văn, Bích chi Phật thừa tác vi bất thật!

Phật ngôn: Văn-thù-sư-lợi! Bỉ Nhị Thừa giả, diệc thật, bất thật. Thanh văn, Duyên giác đoạn chư phiền não, tác danh vi Thật. Vô thường bất trụ, thị biến dị pháp, danh vi bất thật.

文殊師利言。如佛所說若佛所說名為實者。當知魔說則為不實。世尊。如魔所說聖諦攝不。

佛言文殊師利。魔所說者二諦所攝所謂苦集。凡是一切非法非律不能令人而得利益。終日宣說亦無有人。見苦斷集證滅修道是名虛妄。如是虛妄名為魔說。

文殊師利言。如佛所說一道清淨無有二者。諸外道等亦復說言。我有一道清淨無二。若言一道是實諦者。與彼外道有何差別。若無差別不應說言一道清淨。

佛言善男子。諸外道等有苦集諦無滅道諦。於非滅中而生滅想。於非道中而生道想。於非果中生於果想。於非因中生於因想。以是義故。彼無一道清淨無二。

文殊師利言。如佛所說有常有我有樂有淨是實義者。諸外道等應有實諦。佛法中無。何以故。諸外道輩亦復說言諸行是常。云何是常。可意不可意諸業報等受不失故。可意者名十善報。不可意者十不善報。若言諸行悉皆無常。而作業於此已滅。誰復於彼受果報乎。以是義故諸行是常。殺生因緣故名常。

Văn-thù-sư-lợi ngôn: Như Phật sở thuyết: nhược Phật sở thuyết, danh vi thật giả, đương tri ma thuyết tác vi bất thật. Thế Tôn! Như ma sở thuyết, thánh đế nhiếp phủ?

Phật ngôn: Văn-thù-sư-lợi! Ma sở thuyết giả, nhị đế sở nhiếp, sở vi: Khổ tập. Phạm thị nhất thiết phi pháp, phi luật, bất năng linh nhân nhi đắc lợi ích. Chung nhật tuyên thuyết, diệt vô hữu nhân kiến khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo. Thị danh hư vọng. Như thị hư vọng, danh vi ma thuyết.

Văn-thù-sư-lợi ngôn: Như Phật sở thuyết, nhất đạo thanh tịnh, vô hữu nhị giả. Chư ngoại đạo đẳng diệt phục thuyết ngôn: Ngã hữu nhất đạo, thanh tịnh vô nhị. Nhược ngôn nhất đạo thị thật đế giả, dữ bỉ ngoại đạo, hữu hà sai biệt? Nhược vô sai biệt, bất ưng thuyết ngôn nhất đạo thanh tịnh!

Phật ngôn: Thiện nam tử! Chư ngoại đạo đẳng hữu khổ, tập đế; vô diệt, đạo đế. Ư phi diệt trung, nhi sanh diệt tướng. Ư phi đạo trung, nhi sanh đạo tướng. Ư phi quả trung, sanh ư quả tướng. Ư phi nhân trung, sanh ư nhân tướng. Dĩ thị nghĩa cố, bỉ vô nhất đạo thanh tịnh vô nhị.

Văn-thù-sư-lợi ngôn: Như Phật sở thuyết: hữu thường, hữu ngã, hữu lạc, hữu tịnh, thị thật nghĩa giả. Chư ngoại đạo đẳng ưng hữu Thật đế, Phật pháp trung vô. Hà dĩ cố? Chư ngoại đạo bố diệt phục thuyết ngôn: Chư hành thị thường. Vân hà thị thường? Khả ý, bất khả ý, chư nghiệp báo đẳng, thọ bất thất cố. Khả ý giả, danh thập thiện báo. Bất khả ý giả, thập bất thiện báo. Nhược ngôn chư hành tất giai vô thường, nhi tác nghiệp giả; ư thủ dĩ diệt, thù phục ư bỉ, thọ quả báo hồ? Dĩ thị nghĩa cố, chư hành thị thường; sát sanh nhân duyên, cố danh vi thường!

世尊。若言諸行悉無常者。能殺可殺二俱無常。若無常者誰於地獄而受罪報。若言定有地獄受報者。當知諸行實非無常。

世尊。繫心專念亦名為常。所謂十年所念乃至百年亦不忘失是故為常。若無常者本所見事誰憶誰念。以是因緣一切諸行非無常也。

世尊。一切憶想亦名為常。有人先見他人手腳頭頂等相。後時若見便還識之。若無常者本想應滅。

世尊。諸所作業以久修習。若從初學或經三年或經五年。然後善知故名為常。

世尊。算數之法。從一至二從二至三乃至百千。若無常者初一應滅。初一若滅誰復至二。如是常一終無有二。以一不滅故得至二乃至百千。是故為常。

世尊。如讀誦法。讀一阿含至二阿含。乃至三四阿含。如其無常所可讀誦終不至四。以是讀誦增長因緣故名為常。

世尊。瓶衣車乘如人負債。大地形相山河樹林。藥木草葉眾生治病。皆悉是常亦復如是。

世尊。一切外道皆作是說諸行是常。若是常者即是實諦。

Thế Tôn! Nhược ngôn chư hành tất vô thường giả, năng sát, khả sát, nhị câu vô thường. Nhược vô thường giả, thù ư địa ngục nhi thọ tội báo? Nhược ngôn định hữu địa ngục thọ báo giả, đương tri chư hành thật phi vô thường!

Thế Tôn! Hệ tâm chuyên niệm, diệc danh vi thường. Sở vị: thập niên sở niệm, nãi chí bá niên, diệc bất vong thất, thị cố vi thường. Nhược vô thường giả, bổn sở kiến sự, thù ỨC, thù niệm? Dĩ thị nhân duyên, nhất thiết chư hành, phi vô thường dã!

Thế Tôn! Nhất thiết ức tướng, diệc danh vi thường. Hữu nhân tiên kiến tha nhân, thủ cước đầu đỉnh đảnh tướng. Hậu thời nhược kiến, tiện hoàn thức chi. Nhược vô thường giả, bổn tướng ưng diệt!

Thế Tôn! Chư sở tác nghiệp, dĩ cứu tu tập, nhược từng sơ học, hoặc kinh tam niên, hoặc kinh ngũ niên, nhiên hậu thiện tri, cố danh vi thường!

Thế Tôn! Toán số chi pháp, từng nhất chí nhị, từng nhị chí tam, nãi chí bá thiên. Nhược vô thường giả, sơ nhất ưng diệt. Sơ nhất nhược diệt, thù phục chí nhị? Như thị thường nhất, chung vô hữu nhị. Dĩ nhất bất diệt, cố đắc chí nhị, nãi chí bá thiên. Thị cố vi thường!

Thế Tôn! Như độc tụng pháp, độc nhất A-hàm, chí nhị A-hàm, nãi chí tam, tứ A-hàm. Như kỳ vô thường, sở khả độc tụng, chung bất chí tứ. Dĩ thị độc tụng tăng trưởng nhân duyên, cố danh vi thường!

Thế Tôn! Bình, y, xa, thặng, như nhân phụ trái, đại địa hình tướng, sơn hà thọ lâm, dược mộc thảo diệp, chúng sanh trị bệnh, giai tất thị thường, diệc phục như thị!

Thế Tôn! Nhất thiết ngoại đạo giai tác thị thuyết: Chư hành thị thường. Nhược thị thường giả, tức thị Thật đế!

世尊。有諸外道復言有樂。云何知耶。受者定得可意報故。世尊。凡受樂者必定得之。所謂大梵天王大自在天釋提桓因毘紐天及諸人天。以是義故名定有樂。

世尊。有諸外道復言有樂。能令眾生求望故。飢者求食渴者求飲。寒者求溫熱者求涼。極者求息病者求瘥欲者求色。若無樂者彼何緣求。以有求者故知有樂。

世尊。有諸外道復作是言施能得樂。世間之人好施沙門諸婆羅門。貧窮困苦衣服飲食臥具醫藥。象馬車乘末香塗香。眾花屋宅依止燈明。作如是等種種惠施。為我後世受可意報。是故當知決定有樂。

世尊。有諸外道復作是言以因緣故當知有樂。所謂受樂者有因緣故名為樂觸。若無樂者何得因緣。如無兔角則無因緣。有樂因緣則知有樂。

世尊。有諸外道復作是言上中下故當知有樂。下受樂者釋提桓因。中受樂者大梵天王。上受樂者大自在天。以有如是上中下故當知有樂。

世尊。有諸外道復言有淨。何以故。若無淨者不應起欲。若起欲者當知有淨。

又復說言。金銀。珍寶。琉璃。玻瓈。碑磬。碼瑙。珊瑚。真珠。璧玉。珂貝。流泉。浴池。飲

Thế Tôn! Hữu chư ngoại đạo phục ngôn hữu lạc. Vân hà tri da? Thọ giả, định đắc khả ý báo cố. Thế Tôn! Phạm thọ lạc giả, tất định đắc chi, sở vị: Đại phạm Thiên vương, Đại Tự tại thiên, Thích-đề hoàn-nhân, Tỳ nữu thiên, cập chư nhân thiên. Dĩ thị nghĩa cố, danh định hữu lạc.

Thế Tôn! Hữu chư ngoại đạo phục ngôn hữu lạc, năng linh chúng sanh sanh cầu vọng cố: Cơ giả cầu thực, khát giả cầu ẩm, hàn giả cầu ôn, nhiệt giả cầu lương, cực giả cầu tức, bệnh giả cầu sái, dục giả cầu sắc. Nhược vô lạc giả, bỉ hà duyên cầu? Dĩ hữu cầu giả, cố tri hữu lạc!

Thế Tôn! Hữu chư ngoại đạo phục tác thị ngôn: Thí năng đắc lạc. Thế gian chi nhân hảo thí sa-môn, chư bà-la-môn, bản cùng khốn khổ: Y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược, tượng mã, xa thặng, mật hương, đồ hương, chúng hoa, ốc trạch, y chỉ, đăng minh. Tác như thị đẳng chủng chủng tuệ thí, vị ngã hậu thế thọ khả ý báo. Thị cố đương tri quyết định hữu lạc!

Thế Tôn! Hữu chư ngoại đạo phục tác thị ngôn: dĩ nhân duyên cố, đương tri hữu lạc. Sở vị thọ lạc giả, hữu nhân duyên cố, danh vi lạc xúc. Nhược vô lạc giả, hà đắc nhân duyên? Như vô thổ giác, tác vô nhân duyên. Hữu lạc nhân duyên, tác tri hữu lạc!

Thế Tôn! Hữu chư ngoại đạo phục tác thị ngôn: thượng, trung, hạ cố, đương tri hữu lạc. Hạ thọ lạc giả, Thích-đề hoàn-nhân. Trung thọ lạc giả, Đại phạm Thiên vương. Thượng thọ lạc giả, Đại Tự tại thiên. Dĩ hữu như thị thượng, trung, hạ cố, đương tri hữu lạc!

Thế Tôn! Hữu chư ngoại đạo phục ngôn hữu tịnh. Hà dĩ cố? Nhược vô tịnh giả, bất ưng khởi dục. Nhược khởi dục giả, đương tri hữu tịnh!

Hựu phục thuyết ngôn: kim, ngân, trân bảo, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, san hô, chân châu, bích ngọc, khoa bối, lưu

食。衣服。花香。末香。塗香。燈燭之明。如是等物。悉是淨法。

復次有淨謂五陰者即是淨器盛諸淨物。所謂人天諸仙阿羅漢辟支佛菩薩諸佛。以是義故名之為淨。

世尊。有諸外道復言有我。有所睹見能造作故。譬如有人入陶師家。雖復不見陶師之身。以見輪繩定知。其家必是陶師。我亦如是眼見色已必知有我。若無我者誰能見色聞聲乃至觸法亦復如是。

復次有我。云何得知因相故知。何等為相。喘息視眴壽命，役心受諸苦樂貪求瞋恚。如是等法悉是我相。是故當知必定有我。

復次有我能別味故。有人食菓見已知味。是故當知必定有我。

復次有我云何知耶執作業故。執鎌能刈執斧能斫執瓶盛水執車能御。如是等事我執能作。當知必定而有我也。

復次有我云何知耶。即於生時欲得乳哺乘宿習故。是故當知必定有我。

復次有我云何知耶。和合利益他眾生故。譬如瓶衣車乘田宅。山林樹木象馬牛羊。如是等物若和合者則有利益。此內五陰亦復如是。眼等諸根有和合故則利益我。是故當知必定有我。

tuyên, dục trì, ẩm thực, y phục, hoa hương, mặt hương, đồ hương, dăng chúc chi minh, như thị dăng vật, tất thị tịnh pháp!

Phục thứ hữu tịnh, vị ngũ ấm giả, tức thị tịnh khí, thành chư tịnh vật, sở vị: nhân, thiên, chư tiên, A-la-hán, Bích chi Phật, Bồ Tát, chư Phật. Dĩ thị nghĩa cố, danh chi vi tịnh!

Thế Tôn! Hữu chư ngoại đạo phục ngôn hữu ngã, hữu sở đồ kiến, năng tạo tác cố. Thí như hữu nhân, nhập đào sư gia, tuy phục bất kiến đào sư chi thân, dĩ kiến luân, thàng, định trì kỳ gia tất thị đào sư. Ngã diệc như thị, nhân kiến sắc dĩ, tất tri hữu ngã. Nhược vô ngã giả, thùy năng kiến sắc? Văn thanh nãi chí xúc pháp, diệc phục như thị.

Phục thứ hữu ngã. Vân hà đắc tri? Nhân tướng cố tri. Hà dăng vi tướng? Suyễn, tức, thị, thuấn, thọ mạng, dịch tâm thọ chư khổ lạc, tham cầu, sân khuể. Như thị dăng pháp tất thị ngã tướng. Thị cố đương tri tất định hữu ngã.

Phục thứ hữu ngã, năng biệt vị cố. Hữu nhân thực quả; kiến dĩ tri vị. Thị cố đương tri tất định hữu ngã.

Phục thứ hữu ngã. Vân hà tri da? Cháp tác nghiệp cố. Cháp liêm năng ngải, chấp phủ năng chúc, chấp bình thành thủy, chấp xa năng ngự. Như thị dăng sự, ngã chấp năng tác. Đương tri tất định nhi hữu ngã dã!

Phục thứ hữu ngã. Vân hà tri da? Tức ư sanh thời, dục đắc nhũ bộ, thừa túc tập cố. Thị cố đương tri tất định hữu ngã!

Phục thứ, hữu ngã. Vân hà tri da? Hòa hiệp lợi ích tha chúng sanh cố. Thí như bình, y, xa thặng, điền trạch, sơn lâm thọ mộc, tượng mã, ngư, dương. Như thị dăng vật, nhược hòa hiệp giả, tác hữu lợi ích. Thủ nội ngũ ấm diệc phục như thị, nhân dăng chư căn hữu hòa hiệp cố, tác lợi ích ngã. Thị cố đương tri tất định hữu ngã.

復次有我云何知耶。有遮法故如有物故則有遮礙。物若無者則無有遮。若有遮者則知有我。是故當知必定有我。

復次有我云何知耶。伴非伴故親與非親非是伴侶。正法邪法亦非伴侶。智與非智亦非伴侶。沙門非沙門。婆羅門非婆羅門。子非子晝非晝夜非夜我非我。如是等法為伴非伴。是故當知必定有我。

世尊。諸外道等種種說有常樂我淨。當知定有常樂我淨。世尊。以是義故。諸外道等亦得說言我有真諦。

佛言善男子。若有沙門婆羅門有常有樂有我有淨者是非沙門非婆羅門。何以故。迷於生死離一切智大導師故。如是沙門婆羅門等沈沒諸欲善法羸損故。是諸外道繫在貪欲瞋恚癡獄。堪忍愛樂故。

是諸外道雖知業果自作自受。而猶不能遠離惡法。是諸外道非是正法正命自活。何以故。無智慧火不能消故。

是諸外道雖欲貪著上妙五欲。貧於善法不勤修故。是諸外道雖欲往至正解脫中。而持戒足不成就故。

是諸外道雖欲求樂。而不能求樂因緣故。是諸外道雖復憎惡一切諸苦。然其所行未能遠離諸苦因緣。

Phục thứ hữu ngã. Vân hà tri da? Hữu già pháp cố. Như hữu vật cố, tắc hữu già ngại. Vật nhược vô giả, tắc vô hữu già. Nhược hữu già giả, tắc tri hữu ngã! Thị cố đương tri tất định hữu ngã.

Phục thứ hữu ngã. Vân hà tri da? Bạn, phi bạn cố. Thân dữ phi thân, phi thị bạn lữ. Chánh pháp, tà pháp, diệc phi bạn lữ. Trí dữ phi trí, diệc phi bạn lữ. Sa-môn, phi sa-môn, bà-la-môn, phi bà-la-môn, tử, phi tử, trú, phi trú, dạ, phi dạ, ngã, phi ngã, như thị đẳng pháp vi bạn, phi bạn. Thị cố đương tri tất định hữu ngã!

Thế Tôn! Chư ngoại đạo đẳng, chủng chủng thuyết hữu thường, lạc, ngã, tịnh. Đương tri định hữu thường, lạc, ngã, tịnh. Thế Tôn! Dĩ thị nghĩa cố, chư ngoại đạo đẳng diệc đắc thuyết ngôn: Ngã hữu chân đế.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược hữu sa-môn, bà-la-môn hữu thường, hữu lạc, hữu ngã, hữu tịnh giả, thị phi sa-môn, phi bà-la-môn! Hà dĩ cố? Mê ư sanh tử, ly nhất thiết trí đại đạo sư cố. Như thị sa-môn, bà-la-môn đẳng, trầm một chư dục, thiện pháp luy tổn cố. Thị chư ngoại đạo, hệ tại tham dục, sân khuê, si ngục, kham nhẫn thọ lạc cố.

Thị chư ngoại đạo, tuy tri nghiệp quả tự tác tự thọ, nhi du bất năng viễn ly ác pháp. Thị chư ngoại đạo, phi thị chánh pháp, chánh mạng tự hoạt. Hà dĩ cố? Vô trí tuệ hỏa, bất năng tiêu cố.

Thị chư ngoại đạo, tuy dục tham trước thượng diệu ngũ dục, tham ư thiện pháp, bất cần tu cố. Thị chư ngoại đạo, tuy dục vãng chí chánh giải thoát trung, nhi trì giới túc, bất thành tựu cố.

Thị chư ngoại đạo, tuy dục cầu lạc, nhi bất năng cầu lạc nhân duyên cố. Thị chư ngoại đạo, tuy phục tắng ố nhất thiết chư khổ, nhiên kỳ sở hành vị năng viễn ly chư khổ nhân duyên.

是諸外道雖為四大毒蛇所纏。猶行放逸不能謹慎。是諸外道無明所覆。遠離善友。樂在三界無常熾然大火之中而不能出。

是諸外道遇諸煩惱難愈之病。而復不求大智良醫。是諸外道方於未來當涉無邊險遠之路。而不知習善法資糧而自莊嚴。

是諸外道常為婬欲災毒所害。而反抱持五欲霜毒。是諸外道瞋恚熾盛。而復反更親近惡友。

是諸外道常為無明之所覆蔽。而反推求邪惡之法。是諸外道常為邪見之所誑惑。而反於中生親善想。

是諸外道希食甘果而種苦子。是諸外道已處煩惱闇室之中。而反遠離大智炬明。

是諸外道患煩惱渴。而復反飲諸欲鹹水。是諸外道漂沒生死無邊大河。而復遠離無上船師。

是諸外道迷惑顛倒言諸行常。諸行若常無有是處。

大般涅槃經卷第十三

終

Thị chư ngoại đạo, tuy vi tứ đại độc xà sở triền, du hành phóng dật, bất năng cẩn thận. Thị chư ngoại đạo, vô minh sở phú, viễn ly thiện hữu, lạc tại tam giới vô thường sí nhiên đại hỏa chi trung; nhi bất năng xuất.

Thị chư ngoại đạo, ngộ chư phiền não nan dũ chi bệnh, nhi phục bất cầu đại trí lương y. Thị chư ngoại đạo, phương ư vị lại, đương thiệp vô biên hiểm viễn chi lộ, nhi bất tri tập thiện pháp tư lương nhi tự trang nghiêm.

Thị chư ngoại đạo, thường vi dâm dục tai độc sở hại, nhi phản bảo trì ngũ dục sương độc. Thị chư ngoại đạo, sân khuể xí thanh, nhi phục phản cánh thân cận ác hữu.

Thị chư ngoại đạo, thường vi vô minh chi sở phú tế, nhi phản suy cầu tà ác chi pháp. Thị chư ngoại đạo, thường vi tà kiến chi sở cuống hoặc, nhi phản ư trung, sanh thân thiện tướng.

Thị chư ngoại đạo, hy thực cam quả, nhi chủng khổ tử. Thị chư ngoại đạo, dĩ xú phiền não ám thất chi trung, nhi phản viễn ly đại trí cự minh.

Thị chư ngoại đạo, hoạn phiền não khát, nhi phục phản ẩm chư dục hàm thủy. Thị chư ngoại đạo, phiêu một sanh tử vô biên đại hà, nhi phục viễn ly vô thượng thuyền sư.

Thị chư ngoại đạo, mê hoặc điên đảo, ngôn chư hành thường. Chư hành nhược thường vô hữu thị xứ.

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ thập tam

Chung

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN MƯỜI BA

PHẨM THÁNH HẠNH

Phẩm thứ bảy - Phần ba

Thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát trụ ở kinh Đại thừa Đại Bát Niết-bàn mà quán sát Tập đế?

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát quán Tập đế ấy là nhân duyên của các ấm.⁽¹⁾ Gọi là *tập*, ấy là quay lại luyến ái chỗ sở hữu. Luyến ái có hai loại: một là luyến ái tự thân, hai là luyến ái những thứ cần đến.

“Lại chia ra hai loại: một là khi chưa được năm món dục⁽²⁾ thì hết lòng mong cầu; hai là khi đã cầu được rồi thì cố chịu đựng mà mê đắm bám giữ theo.

“Lại chia ra ba loại: một là luyến ái ở Dục giới, hai là luyến ái ở Sắc giới, ba là luyến ái ở Vô sắc giới.

“Lại chia ra ba loại: một là luyến ái do nhân duyên nghiệp, hai là luyến ái do nhân duyên phiền não, ba là luyến ái do nhân duyên khổ.

“Người xuất gia bốn thứ luyến ái. Những gì là bốn? Một là y phục, hai là thức ăn uống, ba là đồ dùng nằm ngồi,⁽³⁾ bốn là thuốc thang trị bệnh.

“Lại chia ra năm loại, tức là tham đắm vướng mắc năm ấm. Tùy theo những thứ cần đến, hết thảy đều luyến ái vướng mắc, nếu phân biệt tính đếm sẽ thành ra vô số.

“Thiện nam tử! Luyến ái lại có hai loại: một là luyến ái thiện, hai là luyến ái bất thiện. Luyến ái bất thiện, chỉ có kẻ ngu mới cầu. Luyến ái thiện là chỗ cầu của các vị Bồ Tát. Về pháp luyến ái thiện, lại cũng chia ra hai loại: bất thiện và thiện. Người cầu Nhị thừa⁽⁴⁾ gọi là bất thiện, người cầu Đại thừa gọi là thiện.

“Thiện nam tử! Chỗ luyến ái của phàm phu gọi là tập, không gọi là đế. Chỗ luyến ái của Bồ Tát gọi là Thật đế, không gọi là tập. Vì sao vậy? Bồ Tát vì cứu độ chúng sanh nên thọ sanh, chẳng phải vì luyến ái mà thọ sanh.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như ở trong các kinh khác, Phật vì chúng sanh thuyết dạy rằng nghiệp là nhân duyên, hoặc dạy rằng lòng kiêu mạn, hoặc sáu xúc,⁽⁵⁾ hoặc vô minh là nhân duyên của năm ấm bạo phát. Hôm nay vì nghĩa gì mà khi thuyết giảng Bốn Thánh đế, chỉ riêng nói tánh luyến ái là nhân của năm ấm?”

Phật khen Bồ Tát Ca-diếp: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Như ông vừa nói, các nhân duyên đó chẳng phải làm ra, chẳng phải là nguyên nhân, chỉ vì năm ấm cần thiết phải có nhân nơi luyến ái.

“Thiện nam tử! Ví như vị đại vương nếu ra đi tuần du thì các vị đại thần, quyền thuộc đều phải theo hầu. Luyến ái cũng như vậy. Tùy chỗ có luyến ái, các kết sử⁽⁶⁾ cũng đều theo đến. Ví như cái áo trơn láng, khi có bụi liền bám vào, bám vào rồi liền dính mắc nơi áo. Luyến ái cũng như vậy. Tùy chỗ có luyến ái, các nghiệp kết⁽⁷⁾ cũng dính mắc ở đó.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như đất ẩm có thể sanh các mầm cây. Luyến ái cũng vậy, có thể sanh ra hết thảy các mầm nghiệp và phiền não.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát trụ ở kinh Đại Thừa Đại Bát Niết-bàn quán xét sâu xa sự luyến ái đó, nói chung có chín loại: Một là như món nợ chưa trả hết, hai là như người vợ La-sát, ba là như thân cây hoa đẹp có con rắn độc quấn quanh, bốn là như món ăn độc chẳng nên ăn nhưng phải gượng ăn, năm là như người đàn bà dâm dăng, sáu là như hạt ma-lâu-ca,⁽⁸⁾ bảy là như chỗ thịt lồi ra nơi ghe độc, tám là như trận gió bão, chín là như sao chổi.

“Sao gọi là như món nợ chưa trả hết? Thiện nam tử! Ví như người cùng khổ, nợ tiền người khác. Tuy có trả nợ, muốn cho hết nhưng vẫn chưa hết, nên người ấy phải bị giam trong ngục chưa được thả ra. Hàng Thanh văn, Duyên giác cũng vậy, do tánh luyến ái vẫn chưa hết nên không thể thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thiện nam tử! Đó gọi là như món nợ chưa trả hết.

“Thiện nam tử! Sao gọi là như người vợ la-sát? Thiện nam tử! Ví như người lấy vợ là la-sát nữ. La-sát nữ ấy, mỗi khi sanh con rồi liền ăn thịt con. Ăn hết thịt con rồi lại ăn thịt chồng. Thiện nam tử! Luyến ái cũng như la-sát nữ kia, bám theo chúng sanh, sanh ra con là các căn lành, nhưng sanh ra rồi lại ăn hết. Ăn hết các căn lành rồi lại ăn cả chúng sanh, khiến họ phải đọa vào [những cảnh giới] địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, chỉ trừ hàng Bồ Tát mà thôi. Đó gọi là như người vợ la-sát.

“Thiện nam tử! Sao gọi là như thân cây hoa đẹp có con rắn độc quấn quanh? Ví như người ưa thích hoa đẹp, chẳng thấy nơi thân cây hoa ấy có mối nguy là con rắn độc, liền đến hái hoa. Hái rồi liền bị rắn cắn chết ngay. Hết thấy người phạm phu cũng đều như vậy, ham mê loài hoa là năm món dục, chẳng thấy mối nguy rắn độc là luyến ái, nên liền nhận lấy, bị con rắn độc luyến

ái cắn mổ, chết đi đọa vào ba đường ác, chỉ trừ hàng Bồ Tát mà thôi. Đó gọi là như thân cây hoa đẹp có con rắn độc quấn quanh.

“Thiện nam tử! Sao gọi là như món ăn [có độc] chẳng nên ăn nhưng cũng gượng ăn? Ví như có người gặp món ăn [có độc] chẳng nên ăn nhưng cũng gượng ăn. Ăn xong đau bụng quặn ruột mà chết. Luyến ái cũng như món ăn độc kia, chúng sanh trong Năm đường⁽⁹⁾ tham đắm gượng ăn. Vì nhân duyên ấy nên phải đọa vào Ba đường ác,⁽¹⁰⁾ chỉ trừ hàng Bồ Tát mà thôi. Đó gọi là như món ăn [có độc] chẳng nên ăn nhưng cũng gượng ăn.

“Thiện nam tử! Sao gọi là như người đàn bà dâm dăng? Ví như kẻ ngu si cùng tư thông với người đàn bà dâm dăng. Người đàn bà ấy khéo dùng đủ cách vuốt ve chiều chuộng, giả cách thương yêu rồi chiếm lấy hết tiền bạc, tài sản của kẻ ngu si ấy. Khi lấy hết tiền rồi liền xua đuổi đi. Luyến ái cũng như người đàn bà dâm dăng kia, kẻ ngu si không có trí tuệ, tư thông với nó, liền bị chiếm đoạt hết thủy pháp lành. Pháp lành đã hết liền bị xua đuổi, đọa vào ba đường ác, chỉ trừ hàng Bồ Tát mà thôi. Đó gọi là như người đàn bà dâm dăng.

“Thiện nam tử! Sao gọi là như hạt ma-lâu-ca? Ví như hạt ma-lâu-ca, khi chim nuốt hạt ấy vào bụng rồi, nó theo phân chim mà rơi xuống đất. Hoặc nhân khi gió thổi bay đến bám ở phía dưới thân cây, rồi nảy nở lớn dần lên, quấn chặt quanh cây ni-câu-đà, khiến cây này không lớn lên được, cho đến phải khô chết. Luyến ái cũng như hạt ma-lâu-ca kia, nó [phát triển lên thì] trói chặt kẻ phạm phu, khiến những pháp lành không thể tăng trưởng, cho đến phải khô chết. Pháp lành đã khô chết rồi, sau khi

mạng chung phải đọa vào ba đường ác, chỉ trừ hàng Bồ Tát mà thôi. Đó gọi là như thịt lồi ra trong ghê độc.

“Thiện nam tử! Sao gọi là như thịt lồi ra trong ghê độc? Ví như người bị ghê độc đã lâu, trong ghê sanh ra thịt lồi. Người ấy phải siêng năng điều trị, không được buông thả. Nếu như buông thả, ghê độc liền lớn thêm, lại sanh trùng trong đó. Do nhân duyên ấy mà bỏ mạng. Năm ấm của người phạm phu ngu si cũng như ghê độc kia, trong đó sanh ra thịt lồi là luyến ái. Phải siêng năng điều trị chỗ thịt lồi luyến ái đó. Nếu chẳng điều trị, khi mạng chung sẽ đọa vào ba đường ác, chỉ trừ hàng Bồ Tát mà thôi. Đó gọi là như thịt lồi ra trong ghê độc.

“Thiện nam tử! Sao gọi là như trận gió bão? Ví như trận gió bão có thể dời non lật núi, nhổ bật rễ sâu của cây to. Luyến ái cũng như trận gió bão lớn kia, đối với cha mẹ mà sanh lòng dữ, có thể nhổ bật rễ sâu cây Bồ-đề vô thượng của những người như Đại trí Xá-lợi-phất, chỉ trừ hàng Bồ Tát mà thôi. Đó gọi là như trận gió bão.

“Thiện nam tử! Sao gọi là như sao chổi? Ví như khi sao chổi xuất hiện thì trong thiên hạ, hết thảy nhân dân đều đói kém, bệnh hoạn, lại thêm mọi sự khổ não. Luyến ái cũng như sao chổi kia, có thể làm dứt hết thảy các hạt giống căn lành, khiến cho người phạm phu trở nên cô độc, cùng khổ, đói kém, sanh các bệnh phiền não, lăn lộn trong vòng sanh tử, chịu đủ mọi khổ não, chỉ trừ hàng Bồ Tát mà thôi. Đó gọi là như sao chổi.

“Thiện nam tử! Đại Bồ Tát trụ ở kinh Đại thừa Đại Niết-bàn quán sát luyến ái trói buộc có chín loại như thế.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa đó nên những người phạm

phu có khổ mà không có đế; hàng Thanh văn và Duyên giác có khổ, có khổ đế mà không chân thật. Các vị Bồ Tát hiểu rõ được khổ, không khổ, nên không khổ mà có chân thật.

“Những kẻ phạm phu có tập, không có đế; hàng Thanh văn và Duyên giác có tập, có tập đế. Các vị Bồ Tát hiểu rõ tập, không tập, nên không có tập mà có chân đế.

“Hàng Thanh văn và Duyên giác có diệt, không chân thật. Bồ Tát ma-ha-tát có diệt, có chân đế.

“Hàng Thanh văn và Duyên giác có đạo, không chân thật. Bồ Tát ma-ha-tát có đạo, có chân đế.⁽¹¹⁾

“Thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát trụ ở kinh Đại thừa Đại Bát Niết-bàn nhìn thấy diệt và diệt đế? Đó là nói dứt trừ hết thảy phiền não. Nếu phiền não dứt thì gọi là thường còn. Dập tắt lửa phiền não thì gọi là tịch diệt. Vì phiền não đã dứt nên được hưởng vui. Chư Phật, Bồ Tát vì cầu nhân duyên nên gọi là tịnh. Không còn trở lại trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu nên gọi là xuất thế. Vì là xuất thế nên gọi là ngã, là thường. Đối với hình sắc, âm thanh, hương vị, cảm xúc, nam nữ, sanh trụ dị diệt, khổ vui, không khổ không vui... đều không chấp giữ tướng mạo, cho nên gọi là tất cánh tịch diệt, là chân đế. Thiện nam tử! Bồ Tát trụ ở Đại thừa Đại Bát Niết-bàn như vậy, quán xét Diệt thánh đế.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát trụ ở kinh Đại thừa Đại Bát Niết-bàn quán xét Đạo thánh đế như thế nào? Thiện nam tử! Ví như ở chỗ tối, nhờ có ánh đèn mà thấy được các vật lớn nhỏ. Bồ Tát ma-ha-tát cũng vậy, trụ ở kinh Đại thừa Đại Bát Niết-bàn, nhờ có Bát Thánh

đạo mà thấy được hết thấy các pháp, đó là: thường, vô thường, hữu vi, vô vi, có chúng sanh, không có chúng sanh, vật, chẳng phải vật, khổ, vui, ngã, tịnh, bất tịnh, phiền não, chẳng phải phiền não, nghiệp, chẳng phải nghiệp, thật, chẳng thật, thừa, chẳng phải thừa, biết, chẳng biết, đà-la-phiếu,⁽¹²⁾ chẳng phải đà-la-phiếu, cầu-na,⁽¹³⁾ chẳng phải cầu-na, thấy, chẳng thấy, sắc, chẳng phải sắc, đạo, chẳng phải đạo, hiểu, chẳng hiểu. Thiện nam tử! Bồ Tát trụ ở Đại thừa Đại Bát Niết-bàn như vậy, quán xét Đạo thánh đế.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu Bát thánh đạo chính là Đạo thánh đế thì nghĩa chẳng hợp nhau. Vì sao vậy? Có khi Như Lai dạy rằng: Đức tin là đạo, có thể độ thoát các lậu.⁽¹⁴⁾

“Có khi lại dạy rằng: Đạo là không phóng dật. Chư Phật Thế Tôn nhờ không phóng dật nên thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Đó cũng là pháp trợ đạo của hàng Bồ Tát.

“Lại có khi dạy rằng: Tinh tấn là đạo. Như bảo A-nan rằng: Nếu người nào siêng tu tinh tấn ắt sẽ được thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Hoặc có khi dạy rằng: Hãy quán thân niệm xứ.⁽¹⁵⁾ Nếu người nào chú tâm tinh cần tu tập pháp thân niệm xứ sẽ được thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Hoặc có khi dạy rằng: Chánh định là đạo. Như Phật bảo Đại đức Ma-ha Ca-diếp⁽¹⁶⁾ rằng: Chánh định chân thật là đạo, không chánh định không phải là đạo. Nếu nhập chánh định mới có thể suy xét sự sanh diệt của năm ấm, không nhập chánh định không thể suy xét được.

“Hoặc có khi chỉ dạy một pháp, nếu người tu tập có thể làm cho chúng sanh thanh tịnh, dứt trừ hết thấy ưu sầu khổ não, dần dần chứng đắc Chánh pháp. Đó là pháp niệm Phật Tam-muội.

“Hoặc lại dạy rằng: Tu phép quán tưởng vô thường gọi là đạo. Như bảo các vị tỳ-kheo rằng: Nếu ai thường tu phép quán tưởng vô thường có thể thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Hoặc dạy rằng: Ở nơi trống không vắng lặng, ngồi một mình mà suy xét thì có thể nhanh chóng được thành tựu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Có khi lại dạy rằng: Vì người khác giảng pháp, đó gọi là đạo. Nếu nghe pháp rồi, tức trừ dứt lưới nghi. Dứt nghi rồi sẽ được thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Lại có khi dạy rằng: Trì giới là đạo. Như bảo A-nan rằng: Nếu ai tinh cần tu tập giữ gìn giới cấm, người ấy ắt sẽ vượt qua nổi khổ lớn sanh tử.

“Hoặc có khi dạy rằng: Gân gũi bạn lành là đạo. Như bảo A-nan rằng: ‘Nếu gân gũi với thiện tri thức sẽ được đầy đủ giới hạnh thanh tịnh. Nếu có chúng sanh nào được gân gũi với ta, ắt sẽ được phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’

“Có khi dạy rằng: Tu tâm từ là đạo. Người tu học đức từ, dứt các phiền não, được chỗ không còn xao động.

“Có khi dạy rằng: Trí tuệ là đạo. Như lúc trước Phật có vì tỳ-kheo ni Ba-xà-ba-đề mà dạy rằng: Này các vị, như các vị Thanh văn dùng gương trí tuệ có thể chặt đứt các phiền não rỉ chảy.

“Hoặc có khi Như Lai dạy rằng: Bồ thí là đạo. Như lúc trước Phật bảo vua Ba-tư-nặc rằng: ‘Đại Vương nên biết, thuở xưa ta thường làm nhiều việc bồ thí rộng rãi. Nhờ nhân duyên ấy mà ngày nay được thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’

“Bạch Thế Tôn! Nếu Bát thánh đạo là Đạo đế thì các kinh nói như trên chẳng phải là sai trái hay sao? Nếu các kinh ấy không sai trái, vậy duyên cớ gì mà trong đó không dạy rằng Bát thánh đạo là Đạo thánh đế? Nếu trong đó không dạy, lẽ nào lúc trước Như Lai đã nhầm lẫn? Nhưng con biết chắc rằng chư Phật Như Lai từ lâu đã lìa xa mọi sự nhầm lẫn.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn khen ngợi Bồ Tát Ca-diếp: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Nay ông vì muốn biết chỗ sâu kín trong kinh điển vi diệu Đại thừa của hàng Bồ Tát nên mới hỏi như vậy. Thiện nam tử! Những kinh như vậy, hết thảy đều thuộc về Đạo đế. Thiện nam tử! Như ta đã nói, nếu có người tin đạo, lòng tin đạo này là căn bản của đức tin, có thể trợ giúp cho đạo Bồ-đề. Vậy nên những lời ta dạy đó không có sự nhầm lẫn.

“Thiện nam tử! Như Lai khéo biết vô số phương tiện, vì muốn giáo hóa chúng sanh nên tạo ra đủ mọi cách thuyết pháp như vậy. Thiện nam tử! Ví như vị lương y thấu hiểu mọi thứ nguyên nhân gây bệnh của chúng sanh, liền tùy theo từng bệnh mà pha chế các món thuốc, cũng như biết rõ những thứ cấm kỵ đối với thuốc. Chỉ có nước là chẳng nằm trong những thứ cấm kỵ. Hoặc cho uống nước gừng, nước cam thảo, nước cây tế tân, nước đường phèn đen, nước a-ma-lặc, nước ni-bà-la, nước bát-trú-la, hoặc cho uống nước lạnh, nước nóng, nước nho, nước thạch lựu... Thiện nam tử! Vị lương y ấy biết

rành các chứng bệnh của chúng sanh, dù có nhiều thứ cấm kỵ đối với thuốc nhưng nước chẳng hề bị cấm kỵ. Như Lai cũng thế, khéo biết phương tiện, chỉ nơi một tướng pháp mà tùy theo các chúng sanh nên phân biệt giảng thuyết đủ mọi thứ tên gọi hình tướng. Các chúng sanh kia đều tùy chỗ giảng thuyết của Phật mà nhận biết. Nhận biết rồi liền tu tập, dứt trừ phiền não, cũng như những người bệnh kia nhờ nghe theo lời dạy của vị lương y mà trừ dứt bệnh tật.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như có người kia khéo hiểu được nhiều thứ tiếng khác nhau trong đại chúng. Mọi người trong đại chúng bị nóng khát, mỗi người đều kêu lên: ‘Tôi muốn uống nước. Tôi muốn uống nước.’ Người ấy liền lấy nước trong mát, rồi tùy theo ngôn ngữ của mỗi người mà nói rằng: Đây là nước, hoặc nói là ba-ni, uất-trì, sa-ly-lam, sa-ly, bà-da, cam lộ hay sữa bò.⁽¹⁷⁾ Người ấy dùng vô số tên gọi của nước để nói với đại chúng. Thiện nam tử! Như Lai cũng vậy, ngài đem một Thánh đạo mà vì các vị Thanh văn diễn thuyết đủ mọi cách, từ các pháp như tín căn cho đến Bát Thánh đạo.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như người thợ vàng, dùng một chất vàng mà tùy ý làm ra đủ các món râu chuỗi, trang sức, như là kẹp, khóa, dây chuyền, vòng, xuyên, thoa, mào thiên quan, tử ấn... Tuy các món ấy đều khác biệt nhau, nhưng cũng không ngoài chất vàng. Thiện nam tử! Như Lai cũng vậy, dùng một đạo Phật mà tùy theo chúng sanh phân biệt đủ cách để vì họ giảng thuyết.

“Hoặc ngài dạy chỉ có một, đó là một đạo của chư Phật, không có hai.

“Hoặc lại dạy hai pháp, đó là định và tuệ.

“Rồi lại dạy có ba pháp, ấy là: kiến, trí và tuệ.

“Lại dạy bốn pháp: kiến đạo, tu đạo, vô học đạo, Phật đạo.

“Lại dạy có năm pháp: tín hành đạo, pháp hành đạo, tín giải thoát đạo, kiến đạo đạo, thân chứng đạo.

“Lại dạy có sáu pháp: Tu-đà-hoàn đạo, Tư-đà-hàm đạo, A-na-hàm đạo, A-la-hán đạo, Bích-chi Phật đạo, Phật đạo.

“Lại dạy có bảy pháp: Niệm giác phần, Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, Trừ giác phần, Định giác phần, Xả giác phần.

“Lại dạy tám pháp là: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

“Lại dạy chín pháp là Tám Thánh đạo và Tín.

“Lại dạy mười pháp là Mười sức.

“Lại dạy mười một pháp là Mười sức và Đại từ.

“Lại dạy mười hai pháp là Mười sức và Đại từ, Đại bi.

“Lại dạy mười ba pháp là: Mười sức, Đại từ, Đại bi và Niệm Phật Tam-muội.

“Lại dạy mười sáu pháp là: Mười sức, Đại từ, Đại bi, Niệm Phật Tam-muội và Ba chánh niệm xứ⁽¹⁸⁾ của chư Phật.

“Lại dạy hai mươi đạo là: Mười sức, Bốn đức chẳng sợ,⁽¹⁹⁾ Đại từ, Đại bi, Niệm Phật Tam-muội và Ba chánh niệm xứ...

“Thiện nam tử! Đạo này là một thể; ngày trước Như Lai vì chúng sanh mà phân biệt đủ mọi cách.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như một thứ lửa nhưng do chất đốt khác nhau nên có rất nhiều tên, như lửa

cây, lửa cỏ, lửa cám, lửa trấu, lửa phân bò, phân ngựa... Thiện nam tử! Đạo Phật cũng vậy, chỉ có một không hai, nhưng vì chúng sanh mà phân biệt ra đủ mọi cách.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như chỉ một thức mà phân biệt nói là sáu. Như ở nơi con mắt thì gọi là nhãn thức, cho đến ở nơi ý cũng gọi tên khác đi như thế.⁽²⁰⁾ Thiện nam tử! Đạo cũng như vậy, chỉ một không hai. Như Lai vì giáo hóa chúng sanh mà phân biệt đủ mọi cách.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như sắc pháp chỉ là một, nhưng chỗ thấy của mắt thì gọi là hình sắc, chỗ nghe của tai thì gọi là âm thanh, chỗ ngửi biết của mũi thì gọi là mùi hương, chỗ nếm biết của lưỡi thì gọi là vị nếm, chỗ nhận biết của thân thì gọi là xúc chạm. Thiện nam tử! Đạo cũng như vậy, chỉ một không hai. Như Lai vì giáo hóa chúng sanh mà phân biệt đủ mọi cách.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy cho nên lấy Bát thánh đạo mà gọi là Đạo thánh đế. Thiện nam tử! Bốn thánh đế này⁽²¹⁾ được chư Phật Thế Tôn tuần tự thuyết dạy. Nhờ nhân duyên đó, vô lượng chúng sanh được thoát khỏi sanh tử.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Có một lần trước đây, khi Phật ở trong rừng Thi-thủ bên bờ sông Hằng. Lúc ấy Phật cầm một nắm lá cây, hỏi chư tỳ-kheo rằng: ‘Lá cây ta đang nắm trong tay là nhiều hay lá của hết cây cỏ trên mặt đất là nhiều?’ Chư tỳ-kheo đáp rằng: ‘Bạch Thế Tôn! Tất cả những lá cây cỏ trên mặt đất là nhiều, không thể tính đếm. Những lá cây mà Như Lai nắm trong tay đó thật quá ít không đáng nói.’

“Lúc ấy, Phật dạy rằng: ‘Chư tỳ-kheo! Tất cả những pháp mà ta biết rõ, ví như [số lá của cây cỏ] mọc trên

mặt đất. Những pháp mà ta vì chúng sanh thuyết dạy chỉ như số lá ta nắm trong tay.’ Bạch Thế Tôn! Theo lời Phật nói lúc ấy thì Như Lai rõ biết vô lượng các pháp. Nếu các pháp ấy đều nằm trong Bốn đế, như vậy đều là những pháp đã thuyết. Còn nếu chẳng nằm trong Bốn đế, thì lẽ ra phải có đến Năm đế!”

Lúc ấy, Phật khen ngợi Bồ Tát Ca-diếp: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Việc ông hỏi ta hôm nay đó có thể làm lợi ích, an ổn, khoái lạc cho vô lượng chúng sanh. Thiện nam tử! Các pháp như vậy thấy đều thâm nhiếp vào trong Bốn Thánh đế.”

Bồ Tát Ca-diếp lại hỏi: “Nếu các pháp ấy đều nằm trong Bốn đế, tại sao Như Lai nói rằng không có thuyết dạy?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tuy là [có những pháp] nằm trong ấy, nhưng không gọi là đã thuyết dạy. Vì sao vậy? Thiện nam tử! Hiểu biết về Bốn Thánh đế, có hai bậc trí tuệ. Một là bậc trung, hai là bậc thượng. Bậc trung là trí tuệ của hàng Thanh văn, Duyên giác. Bậc thượng là trí tuệ của chư Phật, Bồ Tát.

“Thiện nam tử! Rõ biết các ấm⁽²²⁾ là khổ, đó gọi là trí tuệ bậc trung. Phân biệt các ấm có vô lượng hình tướng, thấy đều là khổ, đó không phải là chỗ biết được của hàng Thanh văn, Duyên giác, gọi là trí tuệ bậc thượng. Thiện nam tử! Những nghĩa như vậy ta chẳng hề thuyết trong kinh khác.

“Thiện nam tử! Rõ biết các nhập⁽²³⁾ là cửa vào,⁽²⁴⁾ cũng gọi là khổ, đó gọi là trí tuệ bậc trung. Phân biệt các nhập có vô lượng hình tướng, thấy đều là khổ, đó không phải là chỗ biết được của hàng Thanh văn, Duyên giác, gọi là trí tuệ bậc thượng. Thiện nam tử! Những nghĩa như vậy ta cũng chẳng hề thuyết trong kinh khác.

“Thiện nam tử! Rõ biết các giới,⁽²⁵⁾ đó gọi là chỗ phân chia,⁽²⁶⁾ cũng gọi là tánh, cũng gọi là khổ, đó là trí tuệ bậc trung. Phân biệt các giới có vô số hình tướng, thấy đều là khổ, đó không phải là chỗ biết được của hàng Thanh văn, Duyên giác, gọi là trí tuệ bậc thượng. Thiện nam tử! Những nghĩa như vậy ta cũng chẳng hề thuyết trong kinh khác.

“Thiện nam tử! Rõ biết tướng hư hoại của sắc,⁽²⁷⁾ đó là trí tuệ bậc trung. Phân biệt các sắc có vô số tướng hư hoại, thấy đều là khổ, đó không phải là chỗ biết được của hàng Thanh văn, Duyên giác, gọi là trí tuệ bậc thượng. Thiện nam tử! Những nghĩa như vậy ta cũng chẳng hề thuyết trong kinh khác.

“Thiện nam tử! Rõ biết tướng nhận biết của cảm thọ,⁽²⁸⁾ đó là trí tuệ bậc trung. Phân biệt các cảm thọ có vô số tướng nhận biết, đó không phải là chỗ biết được của hàng Thanh văn, Duyên giác, gọi là trí tuệ bậc thượng. Thiện nam tử! Những nghĩa như vậy ta cũng chẳng hề thuyết trong kinh khác.

“Thiện nam tử! Rõ biết tướng nắm giữ của tưởng,⁽²⁹⁾ đó là trí tuệ bậc trung. Phân biệt tướng ấy có vô số tướng nắm giữ, đó không phải là chỗ biết được của hàng Thanh văn, Duyên giác, gọi là trí tuệ bậc thượng. Thiện nam tử! Những nghĩa như vậy ta cũng chẳng hề thuyết trong kinh khác.

“Thiện nam tử! Rõ biết tướng tạo tác của hành,⁽³⁰⁾ đó là trí tuệ bậc trung. Phân biệt hành ấy có vô số tướng tạo tác, đó không phải là chỗ biết được của hàng Thanh văn, Duyên giác, gọi là trí tuệ bậc thượng. Thiện nam tử! Những nghĩa như vậy ta cũng chẳng hề thuyết trong kinh khác.

“Thiện nam tử! Rõ biết tướng phân biệt của thức,⁽³¹⁾ đó là trí tuệ bậc trung. Phân biệt thức ấy có vô số tướng trí, đó không phải là chỗ biết được của hàng Thanh văn, Duyên giác, gọi là trí tuệ bậc thượng. Thiện nam tử! Những nghĩa như vậy ta cũng chẳng hề thuyết trong kinh khác.

“Thiện nam tử! Rõ biết nhân duyên luyến ái có thể sanh ra Năm ấm, đó là trí tuệ bậc trung. Sự sanh khởi luyến ái vô lượng vô biên của một người đã là chỗ mà hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được, nhưng có thể biết được chỗ luyến ái sanh khởi như vậy của tất cả chúng sanh gọi là trí tuệ bậc thượng. Những nghĩa như vậy ta cũng chẳng hề thuyết trong kinh khác.

“Thiện nam tử! Rõ biết chỗ diệt trừ phiền não, đó là trí tuệ bậc trung. Phân biệt được các phiền não không thể đếm kể, chỗ diệt trừ phiền não lại cũng như vậy, không thể đếm kể, đó không phải chỗ mà hàng Thanh văn, Duyên giác biết được, gọi là trí tuệ bậc thượng. Những nghĩa như vậy ta cũng chẳng hề thuyết trong kinh khác.

“Thiện nam tử! Biết tướng của đạo thì có thể lìa phiền não, đó là trí tuệ bậc trung. Phân biệt tướng của đạo vô lượng vô biên, chỗ lìa phiền não cũng vô lượng vô biên, đó không phải chỗ mà hàng Thanh văn, Duyên giác biết được, gọi là trí tuệ bậc thượng. Những nghĩa như vậy ta cũng chẳng hề thuyết trong kinh khác.

“Thiện nam tử! Hiểu biết Thế đế,⁽³²⁾ đó là trí tuệ bậc trung. Phân biệt Thế đế là vô lượng vô biên, không thể đếm kể, đó không phải chỗ mà hàng Thanh văn, Duyên giác biết được, gọi là trí tuệ bậc thượng. Những nghĩa như vậy ta cũng chẳng hề thuyết trong kinh khác.

“Thiện nam tử! Tất cả các hành vô thường, các pháp

vô ngã, Niết-bàn tịch diệt, đó là Đệ nhất nghĩa,⁽³³⁾ gọi là trí tuệ bậc trung. Biết Đệ nhất nghĩa là vô lượng vô biên, không thể đếm kể, đó không phải là chỗ mà hàng Thanh văn, Duyên giác biết được, gọi là trí tuệ bậc thượng. Những nghĩa như vậy ta cũng chẳng hề thuyết trong kinh khác.”

Lúc ấy Đại Bồ Tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: “Thế Tôn! Thế đế và Đệ nhất nghĩa đế mà Phật dạy đó, ý nghĩa như thế nào?”

“Bạch Thế Tôn! Trong Đệ nhất nghĩa có Thế đế hay không? Trong Thế đế có Đệ nhất nghĩa hay không? Nếu có, tức chỉ là một mà thôi. Nếu không, chẳng phải Như Lai đã nói lời hư dối rồi sao?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Thế đế tức là Đệ nhất nghĩa đế.”

“Thế Tôn! Nếu như vậy tức là không có hai đế.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có phương tiện khéo léo, tùy thuận chúng sanh mà dạy rằng có hai đế. Thiện nam tử! Nếu theo như lời nói, hẳn phải có hai pháp: một là pháp thế gian, hai là pháp xuất thế gian.

“Thiện nam tử! Chỗ hiểu biết của người xuất thế gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Chỗ hiểu biết của người thế gian gọi là Thế đế.

“Thiện nam tử! Năm ấm hòa hiệp thì gọi tên đó là người này, người kia.⁽³⁴⁾ Chúng sanh phạm phu tùy theo đó mà gọi tên, gọi là Thế đế. Hiểu rõ trong các ấm không có những tên gọi người này, người kia; lìa khỏi các ấm cũng không có tên gọi người này, người kia; người xuất thế đối với hình tướng và thể tánh như thế có thể rõ biết, gọi là Đệ nhất nghĩa đế.

“Lại nữa, thiện nam tử! Có những pháp thật có và có tên gọi; hoặc có những pháp không thật có nhưng có tên gọi. Thiện nam tử! Pháp không thật có nhưng có tên gọi, đó là Thế đế; pháp thật có và có tên gọi, đó là Đệ nhất nghĩa đế.

“Thiện nam tử! Các pháp như bản ngã,⁽³⁵⁾ chúng sanh, thọ mạng, tri kiến, dưỡng dục, trượng phu, người tạo tác, người thọ nhận,⁽³⁶⁾ ảo ảnh lúc trời nóng,⁽³⁷⁾ cảnh hóa thành,⁽³⁸⁾ lông rùa, sừng hổ,⁽³⁹⁾ vòng lửa xoáy quanh, các âm, giới, nhập... đó gọi là Thế đế. Khổ, Tập, Diệt, Đạo, đó gọi là Đệ nhất nghĩa đế.

“Thiện nam tử! Thế pháp có năm loại: một là danh thế, hai là cú thế, ba là phược thế, bốn là pháp thế, năm là chấp trước thế.

“Thiện nam tử! Sao gọi là danh thế? Kẻ nam, người nữ, bình bát, y phục, xe cộ, phòng ốc..., những thứ như vậy gọi là danh thế.⁽⁴⁰⁾

“Sao gọi là cú thế? Bốn câu thành một bài kệ, các bài kệ như vậy gọi là cú thế.⁽⁴¹⁾

“Sao gọi là phược thế? Những việc như đóng cuốn, kết lại, trói buộc, chấp tay, đó gọi là phược thế.⁽⁴²⁾

“Sao gọi là pháp thế? Như đánh chuông nhóm tăng, nổi trống thúc quân, thổi vỏ ốc biết giờ, đó gọi là pháp thế.⁽⁴³⁾

“Sao gọi là chấp trước thế? Ví như nhìn ra xa thấy người mặt áo nhuộm, liền sanh ra tư tưởng chấp trước, nói đó là sa-môn,⁽⁴⁴⁾ chẳng phải bà-la-môn.⁽⁴⁵⁾ Như thấy có gút dây mà choàng trên thân liền nghĩ rằng: Đó là bà-la-môn, chẳng phải sa-môn. Như vậy, gọi là chấp trước thế.⁽⁴⁶⁾

“Thiện nam tử! Đó gọi là năm loại thế pháp. Thiện nam tử! Nếu có chúng sanh nào đối với năm loại thế pháp ấy mà tâm không điên đảo, hiểu biết đúng như thật, đó gọi là Đệ nhất nghĩa đế.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như đốt cháy, cắt đứt, chết mất, hư hoại, đó gọi là thế đế. Không đốt cháy, không cắt đứt, không chết mất, không hư hoại, đó gọi là Đệ nhất nghĩa đế.

“Lại nữa, thiện nam tử! Có tám tướng khổ gọi là Thế đế. Không sanh, không già, không bệnh, không chết, không chia lìa người thương yêu, không gặp gỡ kẻ oán cừu, không mong cầu chẳng được, không năm ấm bạo phát, đó gọi là Đệ nhất nghĩa đế.

“Thiện nam tử! Ví như một người có thể làm được nhiều việc, khi chạy đua thì gọi là vận động viên, khi cắt gặt lại gọi là thợ gặt, khi nấu ăn gọi là đầu bếp, khi làm những đồ gỗ thì gọi là thợ mộc, khi làm những đồ vàng bạc thì gọi là thợ kim hoàn. Một người như vậy có nhiều tên gọi.

“Pháp cũng như thế, thật chỉ là một nhưng có nhiều tên. Do cha mẹ hòa hợp sanh ra, đó gọi là Thế đế. Do Mười hai nhân duyên hòa hợp mà sanh, đó gọi là Đệ nhất nghĩa đế.”

Đại Bồ Tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: “Thế Tôn! Thật đế mà Phật dạy đó, ý nghĩa như thế nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nói Thật đế đó, gọi là pháp chân thật. Thiện nam tử! Nếu pháp không chân thật chẳng gọi là Thật đế.

“Thiện nam tử! Thật đế không có sự điên đảo. Không có điên đảo mới gọi là Thật đế.

“Thiện nam tử! Thật đế không có sự hư dối. Nếu có hư dối không gọi là Thật đế.

“Thiện nam tử! Thật đế gọi là Đại thừa. Không phải Đại thừa không gọi là Thật đế.

“Thiện nam tử! Thật đế chính là lời Phật dạy, không phải thuyết của ma. Nếu là thuyết của ma, không phải thuyết của Phật thì không gọi là Thật đế.

“Thiện nam tử! Thật đế là chỉ một đạo thanh tịnh, không có hai.

“Thiện nam tử! Có thường, có lạc, có ngã, có tịnh, đó gọi là nghĩa của Thật đế.”

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu lấy chân thật là Thật đế, thì pháp chân thật tức là Như Lai, là hư không, là tánh Phật. Nếu là như vậy thì Như Lai, hư không và tánh Phật đều không có khác biệt.”

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: “Có khổ, có đế, có chân thật; có tập, có đế, có chân thật; có diệt, có đế, có chân thật; có đạo, có đế, có chân thật.

“Thiện nam tử! Như Lai chẳng phải khổ, chẳng phải đế, là chân thật. Hư không chẳng phải khổ, chẳng phải đế, là chân thật. Tánh Phật chẳng phải khổ, chẳng phải đế, là chân thật.

“Văn-thù-sư-lợi! Nói rằng khổ là tướng vô thường, tướng có thể dứt đoạn, đó là Thật đế. Tánh Như Lai không phải khổ, không phải vô thường, không thể dứt đoạn, cho nên là chân thật. Hư không, tánh Phật cũng là như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nói rằng tập là có thể làm cho năm ấm hòa hợp mà sanh, cũng gọi là khổ, cũng gọi là vô thường, là tướng có thể dứt đoạn, đó là Thật đế.

Thiện nam tử! Như Lai chẳng phải là tánh tập như vậy, chẳng phải do nhân các ấm, chẳng phải tướng có thể dứt đoạn, cho nên là chân thật. Hư không, tánh Phật cũng là như vậy.

“Thiện nam tử! Nói rằng diệt là diệt trừ phiền não, cũng là thường, vô thường. Chỗ chứng đắc của hàng Nhị thừa⁽⁴⁷⁾ gọi là vô thường. Chỗ chứng đắc của chư Phật gọi là thường, cũng gọi là pháp chứng, đó là Thật đế. Thiện nam tử! Tánh Như Lai chẳng gọi là diệt, có thể diệt trừ phiền não, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, không gọi là chứng biết, thường trụ không biến đổi, nên là chân thật. Hư không, tánh Phật cũng là như vậy.

“Thiện nam tử! Nói rằng đạo là có thể dứt trừ phiền não, cũng là thường, vô thường, là pháp có thể tu, gọi là Thật đế. Như Lai chẳng phải đạo, có thể dứt trừ phiền não, chẳng phải thường, vô thường, chẳng phải pháp có thể tu, thường trụ không biến đổi, nên là chân thật. Hư không, tánh Phật cũng là như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nói chân thật đó, tức là Như Lai. Như Lai là chân thật. Chân thật đó, tức là hư không. Hư không là chân thật. Chân thật đó, tức là tánh Phật. Tánh Phật là chân thật.

“Văn-thù-sư-lợi! Có đau khổ, có nguyên nhân của đau khổ, có sự chấm dứt đau khổ, có cách đối trị đau khổ. Như Lai chẳng phải là khổ, cho đến chẳng phải là đối trị đau khổ, nên là chân thật, không gọi là đế. Hư không, tánh Phật cũng là như vậy.

“Khổ, ấy là pháp hữu vi, hữu lậu, không vui sướng. Như Lai chẳng phải hữu vi, chẳng phải hữu lậu, hôn nhiên sâu lắng an vui, là chân thật, chẳng phải đế.”

Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật có dạy, không có điên đảo gọi là Thật đế. Nếu vậy, trong Bốn đế có Bốn điên đảo⁽⁴⁸⁾ hay chẳng? Nếu có, vì sao lại dạy rằng không điên đảo gọi là Thật đế, hết thấy điên đảo không gọi là chân thật?”

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: “Hết thấy pháp điên đảo đều nằm trong Khổ đế. Như chúng sanh nào có tâm điên đảo thì gọi là người điên đảo. Thiện nam tử! Ví như có người không nhận lời dạy bảo của cha mẹ và các bậc tôn trưởng, hoặc có nhận cũng không theo đó mà làm. Những kẻ như vậy gọi là điên đảo. Những kẻ điên đảo như vậy không thể không khổ, chính là khổ vậy.”

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: “Như Phật có dạy, không hư dối tức là Thật đế. Nếu vậy, nên biết rằng hư dối hẳn không phải là Thật đế.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tất cả hư dối đều vào trong Khổ đế. Như có chúng sanh nào dối gạt kẻ khác, do nhân duyên ấy đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Những pháp như vậy gọi là hư dối. Hư dối như vậy không thể không khổ, chính là khổ vậy. Đó là chỗ mà hàng Thanh văn, Duyên giác và chư Phật Thế Tôn đều xa lìa không làm, nên gọi là hư dối. Sự hư dối như vậy, chư Phật và hàng Nhị thừa đều đã trừ dứt, nên gọi là Thật đế.”

Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật: “Như lời Phật dạy, Đại thừa là Thật đế, vậy nên biết rằng các thừa Thanh văn và Bích-chi Phật⁽⁴⁹⁾ hẳn là không chân thật!”

Phật dạy: “Văn-thù-sư-lợi! Hai thừa ấy cũng là thật, cũng là không thật. Hàng Thanh văn, Duyên giác dứt trừ các phiền não nên gọi là thật. Vô thường chẳng trụ, là pháp biến đổi nên gọi là không thật.”

Văn-thù-sư-lợi nói: “Như Phật có dạy: Nếu là lời Phật thuyết thì gọi là thật, nên biết rằng lời ma thuyết hẳn là không thật. Bạch Thế Tôn! Như lời ma thuyết có thâm nhiếp vào trong Thánh đế hay chẳng?”

Phật dạy: “Văn-thù-sư-lợi! Lời của ma thuyết thâm nhiếp vào trong hai đế là Khổ đế và Tập đế. Nói chung hết thấy những điều không phải Chánh pháp, không phải giới luật thì không thể làm cho người ta được lợi ích. Dù có thuyết giảng suốt ngày cũng chẳng ai nhờ đó mà thấy được khổ, dứt trừ nguyên nhân của khổ, chúng được chỗ dứt trừ đau khổ, tu tập đạo giải thoát. Đó gọi là hư dối. Hư dối như vậy gọi là thuyết của ma.”

Văn-thù-sư-lợi nói: “Như Phật có dạy, chỉ một đạo thanh tịnh, chẳng có hai. Những kẻ ngoại đạo cũng nói rằng: ‘Ta có một đạo thanh tịnh, chẳng có hai.’ Nếu nói rằng chỉ một đạo là Thật đế, thì so với ngoại đạo kia có gì khác biệt? Nếu không khác biệt thì không nên nói rằng chỉ một đạo thanh tịnh!”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Những kẻ ngoại đạo có Khổ đế, Tập đế, nhưng họ không có Diệt đế, Đạo đế. Trong chỗ không phải diệt mà nầy sanh tư tưởng cho đó là diệt, trong chỗ không phải đạo mà nầy sanh tư tưởng cho đó là đạo, trong chỗ không phải quả mà nầy sanh tư tưởng cho đó là quả, trong chỗ không phải nhân mà nầy sanh tư tưởng cho đó là nhân. Vì nghĩa ấy, họ không có một đạo thanh tịnh duy nhất không phân biệt.”

Văn-thù-sư-lợi bạch rằng: “Như lời Phật dạy: Có thường, có lạc, có ngã, có tịnh, đó là thật nghĩa. Những kẻ ngoại đạo lẽ ra là có Thật đế, còn trong Phật pháp lại không có. Vì sao vậy? Vì những kẻ ngoại đạo cũng nói rằng: ‘Các hành⁽⁵⁰⁾ là thường.’ Thế nào là thường?”

Dù vừa ý hay không vừa ý, hết thảy các nghiệp báo đều phải nhận chịu chẳng hề sai mất. Nói vừa ý, đó là quả báo của Mười điều lành.⁽⁵¹⁾ Nói không vừa ý, đó là quả báo của Mười điều ác.⁽⁵²⁾ Nếu nói rằng ‘các hành đều vô thường’, vậy người tạo nghiệp sau khi chết mất ở nơi này, còn ai lại ở nơi kia mà chịu quả báo? Vì nghĩa ấy nên các hành chính là thường. Nhân duyên sát sanh cũng gọi là thường!

“Bạch Thế Tôn! Nếu nói rằng ‘các hành đều vô thường’, thì kẻ giết hại và kẻ bị giết hại, cả hai đều là vô thường. Nếu là vô thường, vậy ai ở địa ngục mà chịu tội báo? Nếu nói chắc chắn có người chịu tội báo nơi địa ngục, thì nên biết rằng các hành thật chẳng phải vô thường.

“Bạch Thế Tôn! Chuyên tâm ghi nhớ cũng gọi là thường. Như chỗ ghi nhớ trong mười năm, thậm chí đến trăm năm cũng chẳng hề quên mất, cho nên là thường. Nếu là vô thường thì những việc đã thấy từ trước còn ai nhớ, ai nghĩ? Vì nhân duyên ấy, hết thảy các hành đều chẳng phải vô thường.

“Thế Tôn! Hết thảy mọi sự nhớ tưởng cũng gọi là thường. Như có người trước kia đã nhìn thấy rõ một người khác từ đầu đến chân. Về sau, nếu có gặp liền nhớ lại ngay. Nếu là vô thường thì những sự nhớ tưởng việc trước kia lẽ ra phải mất rồi!

“Thế Tôn! Các nghề nghiệp, việc làm, đều nhờ sự học hỏi, rèn luyện lâu ngày, như từ khi mới học phải trải qua ba năm, hoặc năm năm... mới được thông thạo, cho nên là thường.

“Thế Tôn! Trong phép tính toán, từ số một đến số hai, từ số hai đến số ba... cho đến số trăm ngàn. Nếu

là vô thường, đáng lẽ số một ban đầu phải mất. Số một ban đầu nếu mất, làm sao có đến số hai? Như vậy chỉ thường có số một, rốt cùng cũng chẳng có số hai! Vì số một không mất mới có đến số hai, cho đến số trăm ngàn, vậy nên là thường.

“Thế Tôn! Như trong phép tụng đọc, phải đọc kinh A-hàm bộ thứ nhất, kể đến A-hàm bộ thứ nhì, rồi đến bộ thứ ba, thứ tư.⁽⁵³⁾ Nếu là vô thường, thì việc đọc tụng rốt cùng không đến được bộ thứ tư. Vì có nhân duyên là sự tụng đọc tăng dần như vậy nên gọi là thường.

“Thế Tôn! Bình bát, y phục, xe cộ... cho đến người thiếu nợ, hình tướng trên mặt đất, núi sông, rừng rậm, cây cối cỏ lá làm thuốc, chúng sanh trị bệnh... thảy đều là thường, cũng lại như vậy.

“Thế Tôn! Tất cả ngoại đạo đều nói rằng: ‘Các hành là thường.’ Nếu các hành là thường, tức là Thật đế!

“Thế Tôn! Có những ngoại đạo lại nói rằng có sự vui sướng. Vì sao biết được? Người thọ nhận, chắc chắn sẽ được quả báo vừa ý. Thế Tôn! Nói chung những người thọ nhận sự vui sướng chắc chắn sẽ được như vậy, đó là những cảnh giới Đại Phạm Thiên vương, Đại Tự Tại thiên, Thích-đề-hoàn-nhân, Tỳ-nữu thiên, cùng cõi người, cõi trời. Vì nghĩa ấy nên gọi là quyết định có sự vui sướng.

“Thế Tôn! Có những ngoại đạo lại nói rằng có sự vui sướng, vì có thể khiến chúng sanh nảy sinh lòng mong cầu: kẻ đói mong cầu thức ăn, kẻ khát mong cầu thức uống, kẻ lạnh mong cầu được ấm, kẻ nóng mong cầu được mát, kẻ cực khổ mong cầu được nghỉ ngơi, kẻ mắc bệnh mong cầu được khỏi, kẻ tham dục mong cầu sắc đẹp. Nếu không có sự vui sướng, vì sao những kẻ ấy lại mong cầu? Bởi có kẻ mong cầu nên biết rằng có sự vui sướng.

“Thế Tôn! Có những ngoại đạo lại nói rằng bố thí có thể được vui sướng. Người đời thích bố thí cho sa-môn, bà-la-môn, những kẻ bần cùng khốn khổ các món áo quần, thức ăn uống, đồ ngủ, thuốc thang, voi ngựa, xe cộ, hương bột, hương thoa, các thứ hoa, phòng ốc, nhà cửa, chỗ nương dựa, đèn đuốc... Làm đủ các việc bố thí như vậy là vì muốn rằng đời sau sẽ được quả báo vừa ý. Vì vậy nên biết rằng chắc chắn có sự vui sướng.

“Thế Tôn! Có những ngoại đạo lại nói rằng vì có nhân duyên nên biết rằng có sự vui sướng. Như nói người được vui sướng là vì có nhân duyên nên gọi là cảm xúc vui sướng. Nếu không có vui sướng làm sao có nhân duyên? Như không có sừng thỏ, hỏ không có nhân duyên. Bởi có nhân duyên vui sướng, nên biết rằng có sự vui sướng.

“Thế Tôn! Có những ngoại đạo lại nói rằng vì có các cảnh giới cao, thấp và trung bình nên biết là có sự vui sướng. Cảnh giới thấp được vui sướng là cảnh Thích-đề hoàn-nhân. Cảnh giới trung bình được vui sướng là cảnh Đại Phạm Thiên vương. Cảnh giới cao được vui sướng là cảnh Đại Tự Tại thiên. Bởi có ba cảnh giới cao, thấp và trung bình như vậy, nên biết rằng có sự vui sướng.

“Thế Tôn! Có những ngoại đạo lại nói rằng có sự thanh tịnh. Vì sao vậy? Nếu không có sự thanh tịnh thì lẽ ra không khởi lòng tham muốn. Nếu có khởi lòng tham muốn, nên biết là có sự thanh tịnh.

“Lại có kẻ nói rằng: vàng, bạc, trân bảo, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, san hô, chân châu, ngọc bích, ngọc đá, suối nước chảy, ao tắm, ẩm thực, y phục, hoa hương, hương bột, hương thoa, đèn đuốc... những vật như vậy đều là pháp thanh tịnh.

“Lại nữa, có sự thanh tịnh, như nói năm ấm là vật chứa thanh tịnh, vì chứa những vật thanh tịnh như là người ta, chư thiên, các vị tiên, A-la-hán, Phật Bích-chi, Bồ Tát, chư Phật. Vì nghĩa ấy nên gọi là thanh tịnh.

“Thế Tôn! Có những ngoại đạo lại nói rằng có ngã, vì có sự nhìn thấy, có khả năng tạo tác. Ví như có người vào nhà thợ gốm, tuy chẳng thấy người thợ ấy nhưng nhìn thấy những đồ nghề làm gốm liền biết chắc rằng nhà ấy có thợ gốm. Cái ngã cũng vậy, do thấy hình sắc nên biết rằng có ngã. Nếu không có ngã thì ai nhìn thấy hình sắc? Nghe biết âm thanh cho đến tiếp xúc với các pháp, cũng là như thế.⁽⁵⁴⁾

“Lại nữa, nói có ngã, vì sao biết được? Do hình tướng mà biết được. Những gì là hình tướng? Hơi thở nhanh chậm, con mắt nhìn nháy, mạng sống, đem lòng nhận chịu những sự đau khổ, vui sướng, tham lam, mong cầu, giận dữ. Những pháp như vậy đều là hình tướng của ngã. Bởi vậy nên biết rằng nhất định có ngã.

“Lại nữa, nói có ngã là vì biết phân biệt mùi vị. Như có người ăn trái cây, nhìn thấy đã biết được vị. Vì thế nên biết rằng nhất định có ngã.

“Lại nữa, nói có ngã, vì sao biết được? Vì thực hiện được các công việc. Như cầm liềm có thể cắt cỏ, cầm rìu có thể đốn cây, cầm bình chứa nước, lên xe có thể cưỡi đi... Những việc như vậy là do cái ngã có khả năng thực hiện. Bởi vậy nên biết rằng nhất định có ngã.

“Lại nữa, nói có ngã, vì sao biết được? Ngay khi sanh ra đã muốn được bú mớm, là do thói quen từ đời trước. Bởi vậy nên biết rằng nhất định có ngã.

“Lại nữa, nói có ngã, vì sao biết được? Vì có sự hòa hiệp làm lợi ích cho những chúng sanh khác. Ví như bình bát,

y phục, xe cộ, ruộng vườn, nhà cửa, núi rừng cây cối, voi, ngựa, bò, dê. Những vật như vậy, nếu hòa hiệp hẳn có lợi ích. Năm ấm trong thân người cũng vậy, từ con mắt cho đến các giác quan khác nếu hòa hợp hẳn có lợi ích cho người. Bởi vậy nên biết rằng nhất định có ngã.

“Lại nữa, nói có ngã, vì sao biết được? Là vì có những pháp ngăn che. Như có vật nên có ngăn che, chướng ngại. Nếu không có vật thì không có ngăn che. Nếu có ngăn che thì biết là có ngã. Bởi vậy nên biết rằng nhất định có ngã.

“Lại nữa, nói có ngã, vì sao biết được? Vì có sự phân chia ra cùng nhóm, không cùng nhóm. Thân thiết và không thân thiết, đó chẳng phải cùng nhóm. Chánh pháp, tà pháp cũng chẳng phải cùng nhóm. Trí và vô trí, cũng chẳng phải cùng nhóm. Sa-môn, chẳng phải sa-môn; bà-la-môn, chẳng phải bà-la-môn; con, chẳng phải con; ngày, chẳng phải ngày; đêm, chẳng phải đêm; ngã, chẳng phải ngã... những pháp như vậy là cùng nhóm và không cùng nhóm. Bởi vậy nên biết rằng nhất định có ngã.

“Thế Tôn! Những kẻ ngoại đạo dùng đủ cách để nói rằng có thường, lạc, ngã, tịnh. Nên biết rằng nhất định có thường, lạc, ngã, tịnh. Thế Tôn! Vì nghĩa ấy nên những kẻ ngoại đạo cũng có thể nói rằng: Ta có chân đế.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu có vị sa-môn, bà-la-môn nào có thường, có lạc, có ngã, có tịnh, họ chẳng phải là sa-môn, bà-la-môn. Vì sao vậy? Vì mê muội nơi sanh tử, lìa xa bậc Đại đạo sư thông hiểu tất cả. Hạng sa-môn, bà-la-môn ấy chìm đắm trong các dục, vì pháp lành của họ bị yếu ớt, mất đi. Những kẻ ngoại đạo này bị trói buộc trong ngục tù của tham dục, sân khúe và ngu si, cam tâm hưởng thụ sự vui sướng [giả tạm].

“Những kẻ ngoại đạo ấy tuy biết rằng nghiệp quả tự làm tự chịu, nhưng chưa thể lìa xa pháp xấu ác. Những kẻ ngoại đạo ấy không tự sanh sống theo Chánh pháp, chánh mạng. Vì sao vậy? Vì không có lửa trí tuệ nên không thể tiêu trừ.

“Những kẻ ngoại đạo ấy tuy tham đắm vướng chấp nơi năm món dục lạc ở hàng cao quý tốt đẹp nhưng lại có rất ít pháp lành, vì không siêng năng tu tập. Những kẻ ngoại đạo ấy tuy muốn đạt được giải thoát chân chánh nhưng không giữ đúng theo giới luật nên không thể thành tựu.

“Những kẻ ngoại đạo ấy tuy muốn được vui sướng nhưng không thể cầu được nhân duyên của sự vui sướng; tuy chán ghét mọi khổ não nhưng việc làm chưa thể lìa xa những nhân duyên gây đau khổ.

“Những kẻ ngoại đạo ấy tuy bị con rắn độc bốn đại⁽⁵⁵⁾ buộc trói, nhưng vẫn còn làm việc buông thả, không thể cẩn thận. Những kẻ ngoại đạo ấy bị vô minh che lấp, lìa xa các bạn lành, vui thích ở trong đám lửa lớn hừng hực của Ba cõi vô thường mà không thể thoát ra.

“Những kẻ ngoại đạo ấy mắc phải bệnh nan y phiền não nhưng lại không cầu tìm bậc lương y có trí tuệ lớn. Những kẻ ngoại đạo ấy, trong tương lai sẽ trải qua đường xa hiểm trở vô cùng, nhưng không biết tích lũy các pháp lành để làm hành trang, lương thực mang theo, tự làm tốt đẹp cho mình.

“Những kẻ ngoại đạo ấy thường bị hại bởi tai họa độc địa và dâm dục nhưng họ lại ôm giữ lấy đám sương độc năm món dục; tuy có lòng sân hận bốc cao nhưng lại gần gũi những người bạn xấu.

“Những kẻ ngoại đạo ấy thường bị vô minh che lấp nhưng lại tìm cầu những pháp tà ác. Những kẻ ngoại đạo ấy thường bị những tà kiến mê hoặc nhưng trong chỗ ấy lại nảy sanh tư tưởng thân thiện.

“Những kẻ ngoại đạo ấy cầu được ăn trái ngọt nhưng lại gieo hạt giống đắng. Những kẻ ngoại đạo ấy ở trong nhà tối phiền não nhưng lại lìa xa ngọn đuốc sáng trí tuệ lớn.

“Những kẻ ngoại đạo ấy, tuy khổ bức vì cơn khát phiền não nhưng lại uống vào thứ nước mặn là các món tham dục. Những kẻ ngoại đạo ấy trôi dạt chìm đắm trong dòng sông lớn sanh tử không bờ bến nhưng lại lìa xa vị thuyền sư giỏi nhất.

“Những kẻ ngoại đạo ấy mê hoặc, điên đảo, nói rằng các hành là thường. Các hành nếu là thường thì thật là vô lý!⁽⁵⁶⁾

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN MƯỜI BA

CHÚ GIẢI

1. Các ẩm, hay năm ẩm, bao gồm: sắc ẩm, thọ ẩm, tưởng ẩm, hành ẩm và thức ẩm.
2. Năm món dục: Năm điều thỏa mãn đối với năm giác quan, như mắt được nhìn ngắm những thứ xinh đẹp, tai được nghe những âm thanh êm dịu, mũi được ngửi những mùi hương thơm tho, lưỡi được nếm những vị ngon ngọt, thân được xúc chạm những thứ mềm mại, trơn nhuyễn.
3. Đồ dùng nằm, ngồi: là những thứ như giường, mền, chiếu, gối..
4. Nhị thừa: chỉ hai thừa Thanh văn và Duyên giác, cũng gọi là Tiểu thừa và Trung thừa.
5. Sáu xúc (Lục xúc): Sáu sự tiếp xúc giữa sáu căn ở trong và sáu trần ở ngoài. Bao gồm: 1. Mắt tiếp xúc với hình sắc, 2. Tai tiếp xúc với âm thanh, 3. Mũi tiếp xúc với mùi hương, 4. Lưỡi tiếp xúc với vị nếm, 5. Thân tiếp xúc với các vật thể, 6. Ý tiếp xúc với các pháp.
6. Kết sử: những sự trói buộc và sai sử, tức là các phiền não.
7. Nghiệp kết: nghiệp và các phiền não trói buộc.
8. Ma-lâu-ca: tên Phạm ngữ là **Maruka**, một loại dây thuộc loại ký sinh trên thân cây khác, sống mãi ở đó cho đến khi cây chủ khô chết. Các bản kinh khác cũng phiên âm là ma-già, ma-lỗ-già hoặc ma-lâu-già.
9. Năm đường (Ngũ đạo): Năm cảnh giới thọ sanh của chúng sanh, bao gồm ba cảnh dữ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và cảnh giới loài người (cõi người), cảnh giới của chư thiên (cõi trời).
10. Ba đường ác (Tam ác đạo), tức là Ba cảnh dữ (Tam ác thú), bao gồm địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.
11. Các đoạn kinh văn trên phân biệt pháp tu Tứ đế của hàng Nhị thừa và hàng Bồ Tát Đại thừa. Nhị thừa cũng tu pháp Tứ đế, có đủ Khổ, Tập, Diệt, Đạo nhưng do chưa liễu ngộ rốt ráo nên không đạt được sự chân thật. Hàng Bồ Tát dựa trên sự liễu ngộ rốt ráo về các pháp nên đạt đến sự chân thật, giải thoát rốt ráo. Phần tiếp theo lần lượt nói rõ hơn về pháp tu Tứ đế của hàng Bồ Tát.
12. Đà-la-phiếu (**Dravya**): dịch nghĩa là Chủ đế hay Sở y đế, là một trong 6 đế của Thắng luận. Cũng dịch là Thực cú nghĩa, là thực pháp của 9 loại: đất, nước, gió, lửa, không, thời, phương, nghĩa và ý.
13. Cầu-na (**Guna**): dịch nghĩa là Y chỉ hay Đức cú nghĩa, là một trong sáu cú nghĩa của Thắng luận.
14. Lậu: sự rỉ chảy, tiết ra, chỉ các phiền não, vì có thể làm cho thân tâm bị rỉ chảy những thứ bất tịnh, không giữ được sự thanh tịnh.

15. Thân niệm xứ: Một pháp trong Tứ niệm xứ (gồm có: thân, thọ, tâm và pháp) Thân niệm xứ dạy quán thân là bất tịnh, bằng cách quán tưởng các món tạo thành thân như: da, thịt, xương, gân, ruột, gan, tim, phổi... để thấy rằng hết thảy đều là bất tịnh, không thường còn. Cũng quán tưởng thân người sau khi chết tan rã, hôi thối, không thường còn.
16. Đại đức Ma-ha Ca-diếp: Một trong 10 đại đệ tử của Phật, thuộc hàng Thanh văn, đã chứng quả A-la-hán, được đức Phật khen là Đệ nhất tu hạnh đầu đà, khác với vị Bồ Tát Ca-diếp đang thừa hởi Phật.
17. Đây đều là tên gọi của nước trong các ngôn ngữ khác nhau.
18. Ba chánh niệm xứ (Tam chánh niệm xứ): cũng gọi là Tam niệm trụ hay Tam niệm xứ, tức ba chỗ an trụ của chư Phật, dùng tâm bình đẳng mà quán sát chúng sanh. 1. Khi Phật thuyết pháp, quán xét pháp giới bình đẳng, rốt ráo không hề có sự thối giảm, nên tuy chúng sanh không có sự chú tâm nghe pháp, Phật cũng không sanh lòng lo buồn, tức là đệ nhất niệm xứ; 2. Lại quán xét pháp giới bình đẳng, rốt ráo không có chỗ đạt đến, nên tuy chúng sanh hết lòng nghe pháp, Phật cũng không sinh tâm vui mừng, tức là đệ nhị niệm xứ; 3. Lại quán xét pháp giới bình đẳng, sanh tử hay Niết-bàn rốt cùng đều không có chỗ đạt đến, nên thường hành tâm xả, làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh nhưng không khởi tâm thấy có chúng sanh nào được lợi ích cả, tức là đệ tam niệm xứ.
19. Bốn đức chẳng sở (Tứ vô sở úy, cũng gọi là Tứ vô úy): a. Bốn đức vô úy của quả vị Phật là: 1. Nhất thiết trí vô sở úy; 2. Lộ tận vô sở úy; 3. Thuyết chương đạo vô sở úy; 4. Thuyết tận khổ đạo vô sở úy. b. Bốn đức vô úy của hàng Bồ Tát là: 1. Tổng trì bất vong, thuyết pháp vô úy; 2. Tận tri pháp được cập tri chúng sanh căn đực tánh tâm, thuyết pháp vô úy; 3. Thiện năng vấn đáp, thuyết pháp vô úy; 4. Năng đoạn vật nghi, thuyết pháp vô úy.
20. Có nghĩa là: ở nơi tai nghe gọi là nhĩ thức, ở nơi mũi ngửi gọi là tỵ thức, ở nơi lưỡi nếm gọi là thiệt thức, ở nơi thân xúc chạm gọi là thân thức, ở nơi ý suy tưởng gọi là ý thức, đều là gọi tên khác đi tùy theo công năng ứng dụng, nhưng vẫn chỉ là một thức duy nhất mà thôi.
21. Bốn Thánh đế (Tứ đế) hay Bốn đế, cũng tức là Đạo Thánh đế vừa nói trên, bao gồm: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế, là bốn chân lý được Phật thuyết dạy về bản chất đời sống và sự tu tập đạt đến giải thoát.
22. Các ấm: tức là Năm ấm (Ngũ ấm), gồm có sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm và thức ấm.
23. Các nhập: tức là Mười hai nhập (Thập nhị nhập), nghĩa là sáu căn nhập với sáu trần và sáu trần nhập với sáu căn. Như nhãn (con mắt) nhập với sắc (hình sắc) thì gọi là nhãn nhập, sắc nhập với nhãn thì gọi là sắc nhập. Vì thế có cả thảy 12 nhập.

24. Hiểu rõ căn nhập với trần, trần nhập với căn, trong và ngoài thiệp nhập với nhau nên gọi là chỗ cửa ra vào.
25. Các giới: tức là mười tám giới (Thập bát giới), nghĩa là sáu căn ở trong, sáu trần ở ngoài, sáu thức ở khoảng giữa nhận biết, hợp với nhau thành ra có sự phân biệt, nhận biết các pháp.
26. Do sáu căn ở trong, sáu trần ở ngoài, sáu thức ở giữa hợp thành 18 giới là những chỗ phân biệt nhận biết các sắc pháp, nên gọi các giới là chỗ phân chia, phân biệt.
27. Sắc: hay sắc tướng, chỉ chung mọi biểu hiện có thể nhận biết được của vật chất, gồm cả năm căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân), năm trần (hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, đối tượng xúc chạm) và mọi vật hữu hình. Sắc là một trong năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức).
28. Thọ: là cảm thọ, sanh ra do sự tiếp xúc giữa tâm và cảnh. Tùy theo tính chất của sự tiếp xúc đó mà có cảm thọ vui sướng (lạc thọ), đau khổ (khổ thọ) hoặc không vui không khổ. Thọ là một trong năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức).
29. Tưởng: là những khái niệm khác nhau được tạo ra tùy theo từng đối tượng khi tiếp xúc với trần cảnh, như đen, trắng, nhỏ, to, dài, ngắn, đàn ông, đàn bà... Tưởng là một trong năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức).
30. Hành: là sự tạo tác của ba nghiệp thân, khẩu và ý, đều do khi tiếp xúc với trần cảnh khởi tâm ham muốn hoặc ghét giận. Hành là một trong năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức).
31. Thức: là khả năng nhận biết và phân biệt khi tiếp xúc với trần cảnh. Tùy chỗ nhận biết và phân biệt mà chia ra sáu thức là nhãn thức, nhĩ thức, tỵ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Thức là một trong năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức).
32. Thế đế: chân lý hay sự thật nhìn từ góc độ của thế gian, cũng gọi là chân lý hay sự thật tương đối.
33. Đệ nhất nghĩa, hay Đệ nhất nghĩa đế, là chân lý hay sự thật nhìn từ góc độ thật tánh của các pháp, cũng gọi là chân lý hay sự thật tuyệt đối.
34. Thực thể con người mà chúng ta nhìn thấy thật ra chỉ là sự hội đủ nhân duyên hòa hợp của năm ấm. Người thế gian nhận lầm đó là những thực thể tồn tại độc lập, gọi tên phân biệt người này, người kia...
35. Đây chỉ cái “bản ngã” mà chúng sanh nhận lầm từ sự kết hợp của năm ấm. Bản ngã đó chỉ là kết quả của sự hòa hợp nhân duyên, không thật có. Khi nhân duyên không còn đủ thì “bản ngã” ấy cũng tan rã. Cần phân biệt với cái “ngã” hay “chân ngã” được thuyết dạy trong kinh này, là thật tánh bản lai thường tồn, không hoại mất.
36. Người tạo tác (tác giả), người thọ nhận (thọ giả), đều là những khái niệm được xây dựng trên cái “ngã” không có thật. Nếu thấy được cái “ngã” đã không thật thì không còn có cái gọi là người tạo tác sự việc hay người nhận chịu sự việc ấy nữa.

37. Ảo ảnh lúc trời nóng: Người đi trong sa mạc hay trên đường lớn vào lúc nắng nóng, do không khí nóng bốc lên mà nhìn thấy từ xa lung linh huyền ảo hiện ra đủ thứ ảo ảnh, có khi cũng tùy sự tưởng tượng của mình, như thấy có nước (đang khát nước), có người đi lại, có nhà cửa, cây cối... đều là những ảo ảnh không thật.
38. Hóa thành, tức càn-thát-bà thành, là cảnh thành quách do càn-thát-bà hóa hiện ra, tuy nhìn thấy rõ ràng nhưng không thật có.
39. Lông rùa, sừng hổ: ví dụ rất thường dùng trong kinh điển, để chỉ những việc hoàn toàn không có thật, cũng như rùa chẳng hề có lông, hổ chưa từng có sừng.
40. Các pháp nhóm này là tất cả sự vật được thế gian đặt cho tên gọi (danh), nên gọi là danh thể.
41. Các pháp nhóm này là chỉ chung loại văn thơ, dựa theo vần điệu nhất định (như tứ cú nhất kệ...) để viết ra thành câu (cú), thành quyển, nhằm mô tả sự vật.
42. Các pháp nhóm này chỉ chung những sự ràng buộc, níu trói, hữu hình cũng như vô hình, như nói thê tróc tử phục (vợ con trói buộc), cho nên gọi là phục thể.
43. Các pháp nhóm này chỉ chung những quy định, ước lệ, phép tắc (pháp) do người thế gian đặt ra trong sinh hoạt, nên gọi là pháp thể.
44. Sa-môn: Vị xuất gia tu hành theo đạo Phật, mặc y phục nhuộm màu cho xấu đi. Vì thế nên khi thấy người mặc áo nhuộm thì dựa vào chỗ đã biết trong tư tưởng mà có định kiến ngay rằng đó là vị sa-môn, không phải bà-la-môn.
45. Bà-la-môn: Tu sĩ đạo bà-la-môn, khi mặc y phục thường lấy dây thắt gút rồi choàng ngang qua thân. Vì thế nên khi thấy người có choàng dây thắt gút thì dựa vào chỗ đã biết trong tư tưởng mà có định kiến ngay rằng đó là vị bà-la-môn, không phải sa-môn.
46. Các pháp nhóm này là những định kiến sanh ra do những điều đã biết từ trước qua kinh nghiệm hay học hỏi, do có sự cố chấp vào những định kiến ấy (chấp trước) để phán đoán sự việc nên gọi là chấp trước thể.
47. Nhị thừa: Thanh văn thừa và Duyên giác thừa, cũng gọi là Tiểu thừa và Trung thừa.
48. Bốn điên đảo (Tứ điên đảo, cũng gọi là Tứ đảo): Bốn tư tưởng sai trái, ngược lại với chân lý. Đó là: 1. Vô thường cho là thường, thường cho là vô thường; 2. Khổ cho là vui, vui cho là khổ. 3. Không có ngã cho là có ngã, có ngã cho là không có ngã. 4. Bất tịnh cho là tịnh, tịnh cho là bất tịnh.
49. Bích-chi Phật thừa cũng chính là Duyên giác thừa. Vị Bích-chi Phật nhờ quán sát 12 nhân duyên mà chứng đắc quả vị, nên cũng gọi là Duyên giác Phật. Lại ra đời vào lúc không có Phật, tự mình tu tập theo Kinh điển mà đạt được sự giải thoát nên cũng gọi là Độc giác Phật. Sự giải thoát của các vị này chưa hoàn toàn rốt ráo, nên thuộc về Trung thừa, không phải Đại thừa, chưa đạt đến quả vị Phật Thế Tôn.

50. Các hành (Chư hành): Những pháp về tâm, về cảnh thường hay dời đổi, những pháp hữu vi, do nhân duyên sanh, gọi là các hành. Kinh Phật có dạy rằng: “Các hành là vô thường.”
51. Mười điều lành (Thập thiện): 1. Không sát sanh, thường làm việc tha thứ và phóng sanh. 2. Không trộm cắp, thường tu hạnh bố thí, giúp đỡ, san sẻ với mọi người. 3. Không tà dâm, luôn giữ lòng chung thủy một vợ một chồng. 4. Không nói dối, luôn nói lời chân thật. 5. Không nói lời trau chuốt, thô tục, thường nói những lời có ý nghĩa, có ích lợi. 6. Không nói đâm thọc, gây chia rẽ, thường nói những lời tạo ra sự đoàn kết, thương yêu nhau. 7. Không nói lời độc ác, gây tổn hại, thường nói những lời ôn hòa, nhu thuận. 8. Không tham lam, luôn quán xét rằng mọi thứ của cải vật chất đều chỉ là giả tạm, không thường tồn. 9. Không sân khú, thường tu tập hạnh từ bi, nhẫn nhục. 10. Không ngu mê, tà kiến, thường sáng suốt tu tập theo chánh kiến.
52. Mười điều ác (Thập bất thiện hay Thập ác): Là ngược lại với Mười điều lành vừa kể trên, cụ thể là: 1. Sát sanh, 2. Trộm cướp, 3. Tà dâm, 4. Vọng ngữ, 5. Ý ngữ, 6. Lưỡn thiệt, 7. Ác khẩu, 8. Tham lam, 9. Sân hận, 10. Si mê.
53. A-hàm (Āgama) : Tên gọi chung các kinh Tiểu thừa, dịch nghĩa là Pháp quy (muôn pháp đều theo về), cũng dịch là Vô tỷ pháp (pháp không chi sánh bằng). Cả tạng có bốn bộ A-hàm là: 1. Trường A-hàm, 2. Trung A-hàm, 3. Tạp A-hàm, 4. Tăng nhất A-hàm.
54. Câu này tóm lại việc sáu căn tiếp xúc với sáu trần, theo lập luận của ngoại đạo cho rằng thấy đều là bằng chứng sự hiện diện của cái ngã.
55. Tứ đại: Bốn thành phần căn bản của mọi vật chất trong vũ trụ theo quan điểm ngày xưa, đó là: đất, nước, gió và lửa. Đất tượng trưng cho độ rắn chắc, nước tượng trưng cho sự ẩm ướt, gió tượng trưng cho sự chuyển động, lửa tượng trưng cho nguồn năng lượng hay nhiệt năng của vật chất. Tất cả vật chất trong vũ trụ đều do bốn tính chất này hòa hợp theo những tỷ lệ khác nhau mà tạo thành. Thân thể con người cũng không phải ngoại lệ, nên được gọi là thân tứ đại. Vì thân tứ đại là cội nguồn của mọi sự tham dục, khổ não nên xem nó như là con rắn độc.
56. Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 12, bắt đầu quyển 13, phẩm Thánh hạnh phần sau (Thánh hạnh phẩm chi hạ).

大般涅槃經

卷第十四 聖行品第七之四

善男子。我觀諸行悉皆無常。云何知耶。以因緣故。

若有諸法從緣生者則知無常。是諸外道無有一法不從緣生。

善男子。佛性無生無滅無去無來。非過去非未來非現在。非因所作非無因作。非作非作者。非相非無相。非有名非無名。非名非色非長非短。非陰界入之所攝持。是故名常。

善男子。佛性即是如來。如來即是法。法即是常。善男子。常者即是如來如來即是僧。僧即是常。以是義故從因生法不名為常。是諸外道無有一法不從因生。

善男子。是諸外道不見佛性如來及法。是故外道所可言說悉是妄語無有真諦。諸凡夫人。先見瓶衣車乘舍宅城郭河水山林男女象馬牛羊。後見相似便言是常。當知其實非是常也。

善男子。一切有為皆是無常。虛空無為是故為常。佛性無為是故為常。虛空者即是佛性。佛性者

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

QUYỂN ĐỆ THẬP TỨ - THÁNH HẠNH PHẨM - Đệ thất chi tứ

Thiện nam tử! Ngã quán chư hành, tất giai vô thường. Vân hà tri da? Dĩ nhân duyên cố.

Nhược hữu chư pháp tùng duyên sanh giả, tác tri vô thường. Thị chư ngoại đạo, vô hữu nhất pháp bất tùng duyên sanh.

Thiện nam tử! Phật tánh vô sanh, vô diệt, vô khứ, vô lai, phi quá khứ, phi vị lai, phi hiện tại, phi nhân sở tác, phi vô nhân tác, phi tác, phi tác giả, phi tướng, phi vô tướng, phi hữu danh, phi vô danh, phi danh, phi sắc, phi trường, phi đoản; phi ấm, giới, nhập chi sở nhiếp trì. Thị cố danh thường.

Thiện nam tử! Phật tánh tức thị Như Lai. Như Lai tức thị pháp. Pháp tức thị thường. Thiện nam tử! Thường giả, tức thị Như Lai. Như Lai tức thị tăng. Tăng tức thị thường. Dĩ thị nghĩa cố, tùng nhân sanh pháp, bất danh vi thường. Thị chư ngoại đạo, vô hữu nhất pháp bất tùng nhân sanh.

Thiện nam tử! Thị chư ngoại đạo, bất kiến Phật tánh, Như Lai cập pháp. Thị cố ngoại đạo sở khả ngôn thuyết, tất thị vọng ngữ, vô hữu chân đế. Chư phạm phu nhân, tiên kiến bình, y, xa thặng, xá trạch, thành quách, hà thủy, sơn lâm, nam nữ, tượng mã, ngư dương, hậu kiến tương tự, tiện ngôn thị thường. Đương tri kỳ thật phi thị thường dã.

Thiện nam tử! Nhất thiết hữu vi giai thị vô thường. Hư không vô vi, thị cố vi thường. Phật tánh vô vi, thị cố vi thường. Hư không giả, tức thị Phật tánh. Phật tánh giả, tức thị Như Lai. Như Lai giả, tức thị vô vi. Vô vi giả, tức thị thường. Thường

即是如來。如來者即是無為。無為者即是常。常者即是法。法者即是僧。僧即無為。無為者即是常。

善男子。有為之法凡有二種。色法非色法。非色法者心心數法。色法者地水火風。

善男子。心名無常。何以故。性是攀緣相應分別故。善男子。眼識性異乃至意識性異是故無常。

善男子。色境界異乃至法境界異是故無常。善男子。眼識相應異乃至意識相應異是故無常。

善男子。心若常者眼識應獨緣一切法。善男子。若眼識異乃至意識異則知無常。以法相似念念生滅。凡夫見已計之為常。

善男子。諸因緣相可破壞故亦名無常。所謂因眼因色因明因思惟生於眼識。耳識生時所因各異非眼識因緣。乃至意識異，亦如是。

復次善男子。壞諸行因緣異故心名無常。所謂修無常心異。修苦空無我心異。心若常者應常修無常。尚不得觀苦空無我。況復得觀常樂我淨。以是義故。外道法中不能攝取常樂我淨。善男子。當知心法必定無常。

復次善男子。心性異故名為無常。所謂聲聞心性異。緣覺心性異。諸佛心性異。

giả, tức thị pháp. Pháp giả, tức thị tăng. Tăng, tức vô vi. Vô vi giả, tức thị thường.

Thiện nam tử! Hữu vi chi pháp, phạm hữu nhị chủng: Sắc pháp, phi sắc pháp. Phi sắc pháp giả: tâm, tâm số pháp. Sắc pháp giả: địa, thủy, hỏa, phong.

Thiện nam tử! Tâm danh vô thường. Hà dĩ cố? Tánh thị phan duyên, tương ứng phân biệt cố. Thiện nam tử! Nhân thức tánh dị; nãi chí ý thức tánh dị; thị cố vô thường.

Thiện nam tử! Sắc cảnh giới dị; nãi chí Pháp cảnh giới dị; thị cố vô thường. Thiện nam tử! Nhân thức tương ứng dị; nãi chí ý thức tương ứng dị; thị cố vô thường.

Thiện nam tử! Tâm nhược thường giả, nhân thức ứng độc duyên nhất thiết pháp. Thiện nam tử! Nhược nhân thức dị, nãi chí ý thức dị, tác tri vô thường. Dĩ pháp tương tự, niệm niệm sanh diệt, phạm phu kiến dĩ, kế chi vi thường.

Thiện nam tử! Chư nhân duyên tướng, khả phá hoại cố, diệt danh vô thường. Sở vị nhân nhân, nhân sắc, nhân minh, nhân tư duy, sanh ư nhân thức. Nhĩ thức sanh thời, sở nhân các dị, phi nhân thức nhân duyên; nãi chí ý thức dị, diệt như thị.

Phục thứ thiện nam tử! Hoại chư hành nhân duyên dị; cố tâm danh vô thường, sở vị tu vô thường tâm dị, Tu khổ không vô ngã tâm dị. Tâm nhược thường giả, ứng thường tu vô thường. Thượng bất đắc quán khổ, không, vô ngã, huống phục đắc quán thường, lạc, ngã, tịnh? Dĩ thị nghĩa cố, ngoại đạo pháp trung, bất năng nhiếp thủ thường, lạc, ngã, tịnh. Thiện nam tử! Đương tri tâm pháp tất định vô thường.

Phục thứ thiện nam tử! Tâm tánh dị cố, danh vi vô thường. Sở vị: Thanh văn tâm tánh dị, Duyên giác tâm tánh dị, chư Phật tâm tánh dị.

一切外道心有三種。一者出家心。二者在家心。三者在家遠離心。樂相應心異。苦相應心異。不苦不樂相應心異。貪欲相應心異。瞋恚相應心異。愚癡相應心異。一切外道心相亦異。所謂愚癡相應心異。疑惑相應心異。邪見相應心異。進止威儀其心亦異。

善男子。心若常者亦復不能分別諸色。所謂青黃赤白紫色。善男子。心若常者諸憶念法不應忘失。善男子。心若常者凡所讀誦不應增長。

復次善男子。心若常者不應說言已作今作當作。若有已作今作當作。當知是心必定無常。

善男子。心若常者則無怨親非怨非親。心若常者則不應言我物他物若死若生。心若常者雖有所作不應增長。

善男子。以是義故。當知心性各各別異。有別異故當知無常。

善男子。我今於此非色法中演說無常其義已顯。復當為汝說色無常。

是色無常本無有生生已滅故。內身處胎歌羅邏時本無有生生已變故。外諸牙莖本無有生生已變故。是故當知一切色法悉皆無常。

善男子。所有內色隨時而變。歌羅邏時異。安浮陀時異。伽那時異。閉手時異。諸炮時異。初生

Nhất thiết ngoại đạo tâm hữu tam chủng: nhất giả xuất gia tâm, nhị giả tại gia tâm, tam giả tại gia viễn ly tâm. Lạc tương ưng tâm dị, khổ tương ưng tâm dị, bất khổ bất lạc tương ưng tâm dị, tham dục tương ưng tâm dị, sân khuể tương ưng tâm dị, ngu si tương ưng tâm dị. Nhất thiết ngoại đạo tâm tướng diệc dị. Sở vị: ngu si tương ưng tâm dị, nghi hoặc tương ưng tâm dị, tà kiến tương ưng tâm dị. Tấn chỉ oai nghi, kỳ tâm diệc dị.

Thiện nam tử! Tâm nhược thường giả, diệc phục bất năng phân biệt chư sắc, sở vị: thanh, hoàng, xích, bạch, tử sắc. Thiện nam tử! Tâm nhược thường giả, chư ức niệm pháp, bất ưng vong thất. Thiện nam tử! Tâm nhược thường giả, phàm sở độc tụng, bất ưng tăng trưởng.

Phục thứ thiện nam tử! Tâm nhược thường giả, bất ưng thuyết ngôn: Dĩ tác, kim tác, đương tác. Nhược hữu dĩ tác, kim tác, đương tác, đương tri thị tâm tất định vô thường.

Thiện nam tử! Tâm nhược thường giả tác vô oán, thân, phi oán phi thân. Tâm nhược thường giả tác bất ưng ngôn: ngã vật, tha vật, nhược tử, nhược sanh. Tâm nhược thường giả, tuy hữu sở tác, bất ưng tăng trưởng.

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, đương tri tâm tánh, các các biệt dị: Hữu biệt dị cố, đương tri vô thường.

Thiện nam tử! Ngã kim ư thủ phi sắc pháp trung, diễn thuyết vô thường, kỳ nghĩa dĩ hiển; phục đương vị nhữ, thuyết sắc vô thường.

Thị sắc vô thường; bốn vô hữu sanh, sanh dĩ diệt cố. Nội thân xử thai ca-la-ra thời, bốn vô hữu sanh, sanh dĩ biến cố. Ngoại chư nha hành bốn vô hữu sanh, sanh dĩ biến cố. Thị cố đương tri nhất thiết sắc pháp tất giai vô thường.

Thiện nam tử! Sở hữu nội sắc, tùy thời nhi biến. Ca-la-ra thời dị, an-phù-đà thời dị; già-na thời dị, bế thủ thời dị, chư

時異。嬰孩時異。童子時異。乃至老時各各變異。所謂外色亦復如是。牙異莖異枝異葉異花異菓異。

復次善男子。內味亦異歌羅邏時異。乃至老時各各變異。外味亦爾。牙莖枝葉花菓味異。歌羅邏時力異。乃至老時力異。歌羅邏時狀貌異。乃至老時狀貌亦異。歌羅邏時果報異。乃至老時果報亦異。歌羅邏時名字異。乃至老時名字亦異。

所謂內色壞已還合故知無常。外諸樹木亦壞已還合故知無常。次第漸生故知無常。次第生歌羅邏時乃至老時。次第生牙乃至果子故知無常。

諸色可滅故知無常。歌羅邏滅時異。乃至老滅時異。牙滅時異乃至果滅時異故知無常。凡夫無知。見相似生計以為常。以是義故。名曰無常。

若無常即是苦。若苦即是不淨。善男子。我因迦葉先問是事於彼已答。

復次善男子。諸法無我。善男子。總一切法謂色非色色非我也。何以故。可破可壞可裂可打生增長故。我者不可破壞裂打生長。以是義故。知色非我非色之法亦復非我。何以故。因緣生故。

善男子。若諸外道以專念故知有我者。專念之性實非我也。若以專念為我性者。過去之事則有忘失。有忘失故定知無我。

bao thời dị; sơ sanh thời dị, anh hài thời dị, đồng tử thời dị, nãi chí lão thời, các các biến dị, sở vị ngoại sắc, diệc phục như thị: nha dị, hành dị, chi dị, diệp dị, hoa dị, quả dị.

Phục thứ thiện nam tử! Nội vị diệc dị, ca-la-ra thời dị, nãi chí lão thời, các các biến dị: Ngoại vị diệc nhĩ; nha, hành, chi, diệp, hoa, quả vị dị: Ca-la-ra thời, lục dị, nãi chí lão thời, lục dị. Ca-la-ra thời, trạng mạo dị, nãi chí lão thời, trạng mạo diệc dị, Ca-la-ra thời, quả báo dị, nãi chí lão thời, quả báo diệc dị. Ca-la-ra thời danh tự dị; nãi chí lão thời, danh tự diệc dị.

Sở vị nội sắc, hoại dĩ hoàn hiệp, cố tri vô thường. Ngoại chư thọ mộc diệc hoại dĩ hoàn hiệp, cố tri vô thường. Thứ đệ tiệm sanh, cố tri vô thường. Thứ đệ sanh: Ca-la-ra thời nãi chí lão thời. Thứ đệ sanh nha, nãi chí quả tử, cố tri vô thường.

Chư sắc khả diệt, cố tri vô thường. Ca-la-ra diệt thời dị, nãi chí lão diệt thời dị. Nha diệt thời dị, nãi chí quả diệt thời dị, cố tri vô thường; phạm phu vô tri, kiến tương tự sanh, kế dĩ vi thường. Dĩ thị nghĩa cố, danh viết vô thường.

Nhược vô thường tức thị khổ, nhược khổ tức thị bất tịnh. Thiện nam tử! Ngã nhân Ca-diếp tiên vấn thị sự ư bỉ dĩ đáp.

Phục thứ Thiện nam tử! Chư pháp vô ngã. Thiện nam tử, tổng nhất thiết pháp, vị: sắc, phi sắc. Sắc phi ngã dã. Hà dĩ cố? Khả phá, khả hoại, khả liệt, khả đả, sanh tăng trưởng cố. Ngã giả, bất khả phá, hoại, liệt, đả, sanh trưởng. Dĩ thị nghĩa cố, tri sắc phi ngã. Phi sắc chi pháp, diệc phục phi ngã. Hà dĩ cố? Nhân duyên sanh cố.

Thiện nam tử! Nhược chư ngoại đạo dĩ chuyên niệm cố, tri hữu ngã giả, chuyên niệm chi tánh, thật phi ngã dã. Nhược dĩ chuyên niệm, vi ngã tánh giả, quá khứ chi sự, tác hữu vong thất. Hữu vong thất cố, định tri vô ngã.

善男子。若諸外道以憶想故知有我者。無憶想故定知無我。如說見人手有六指。即便問言。我先何處共相見耶。若有我者不應復問。以相問故定知無我。

善男子。若諸外道以有遮故知有我者。善男子。以有遮故定知無我。如言調達終不發言非調達也。我亦如是若定是我終不遮我。以遮我故定知無我。若以遮故知有我者。汝今不遮定應無我。

善男子。若諸外道以伴非伴知有我者。以無伴故應無有我有法無伴。所謂如來虛空佛性我亦如是實無有伴。以是義故。定知無我。

復次善男子。若諸外道以名字故知有我者。無我法中亦有我名。如貧賤人名字富貴。如言我死。若我死者我則殺我。而我實不可殺假名殺我。亦如姓人名為長者。以是義故。定知無我。

復次善男子。若諸外道生已求乳知有我者。善男子。若有我者一切嬰兒不應執持糞穢火蛇毒藥。以是義故。定知無我。

復次善男子。一切眾生於三法中悉有等智。所謂婬欲飲食恐怖是故無我。

復次善男子。若諸外道以相貌故知有我者。善

Thiện nam tử! Nhược chư ngoại đạo dĩ ức tưởng cố, tri hữu ngã giả, vô ức tưởng cố, định tri vô ngã. Như thuyết: kiến nhân thủ hữu lục chỉ. Tức tiện vấn ngôn: Ngã tiên hà xứ cộng tương kiến da? Nhược hữu ngã giả, bất ưng phục vấn. Dĩ tương vấn cố, định tri vô ngã.

Thiện nam tử! Nhược chư ngoại đạo dĩ hữu già cố, tri hữu ngã giả. Thiện nam tử! Dĩ hữu già cố, định tri vô ngã. Như ngôn: Điều-đạt chung bất phát ngôn: Phi Điều-đạt dã. Ngã diệc như thị; nhược định thị ngã, chung bất già ngã. Dĩ già ngã cố, định tri vô ngã. Nhược dĩ già cố, tri hữu ngã giả; nhữ kim bất già, định ưng vô ngã.

Thiện nam tử! Nhược chư ngoại đạo dĩ bạn, phi bạn, tri hữu ngã giả; dĩ vô bạn cố, ưng vô hữu ngã. Hữu pháp vô bạn, sở vị: Như Lai, hư không, Phật tánh. Ngã diệc như thị, thật vô hữu bạn. Dĩ thị nghĩa cố, định tri vô ngã.

Phục thứ thiện nam tử! Nhược chư ngoại đạo dĩ danh tự cố, tri hữu ngã giả; vô ngã pháp trung, diệc hữu ngã danh, như bản tiện nhân, danh tự phú quý. Như ngôn: ngã tử. Nhược ngã tử giả, ngã tác sát ngã. Nhi ngã thật bất khả sát. Giả danh sát ngã, diệc như tòa nhân danh vi trường giả. Dĩ thị nghĩa cố, định tri vô ngã.

Phục thứ thiện nam tử! Nhược chư ngoại đạo, sanh dĩ cầu nhũ, tri hữu ngã giả. Thiện nam tử! Nhược hữu ngã giả, nhất thiết anh nhi bất ưng chấp trì phần uest, hỏa, xà, độc dược. Dĩ thị nghĩa cố, định tri vô ngã.

Phục thứ thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh, ư tam pháp trung, tất hữu đẳng trí, sở vị: tâm dục, ẩm thực, khủng bố. Thị cố vô ngã.

Phục thứ thiện nam tử! Nhược chư ngoại đạo dĩ tướng mạo cố, tri hữu ngã giả. Thiện nam tử! Tướng cố vô ngã. Vô tướng

男子。相故無我無相故亦無我。若人睡時不能進止俯仰視眴。不覺苦樂不應有我。若以進止俯仰視眴知有我者。機關木人亦應有我。善男子。如來亦爾。不進不止不俯不仰不視不眴。不苦不樂不貪不恚不癡不行。如來如是真實有我。

復次善男子。若諸外道以見他食果口中生涎知有我者。善男子。以憶念故見則生涎涎非我也。我亦非涎非喜非悲非欠非笑。非臥非起非飢非飽。以是義故。定知無我。

善男子。是諸外道癡如小兒。無慧方便不能了達常與無常。苦樂淨不淨我無我。壽命非壽命。眾生非眾生。實非實有非有。於佛法中取少許分。虛妄計有常樂我淨。而實不知常樂我淨。

如生盲人不識乳色。便問他言乳色何似。他人答言色白如貝。盲人復問是乳色者如貝聲耶。答言。不也。復問貝色為何似耶。答言。猶稻米糝。盲人復問乳色柔軟如稻米糝耶。稻米糝者復何所似。答言。猶如雨雪。盲人復言。彼稻米糝冷如雪耶。雪復何似。答言。猶如白鶴。

是生盲人雖聞如是四種譬喻。終不能得識乳真色。是諸外道亦復如是。終不能識常樂我淨。

cố, diệc vô ngã. Nhược nhân thụ thời, bất năng tán chỉ, phủ ngưỡng, thị huyễn, bất giác khổ lạc, bất ưng hữu ngã. Nhược dĩ tán chỉ, phủ ngưỡng, thị huyễn, tri hữu ngã giả, cơ quan mộc nhân diệc ưng hữu ngã. Thiện nam tử! Như Lai diệc nhĩ, bất tán, bất chỉ, bất phủ, bất ngưỡng, bất thị, bất huyễn, bất khổ, bất lạc, bất tham, bất nhuế, bất si, bất hành. Như Lai như thị, chân thật hữu ngã.

Phục thứ thiện nam tử! Nhược chư ngoại đạo, dĩ kiến tha thực quả, khẩu trung sanh diên, tri hữu ngã giả. Thiện nam tử! Dĩ ức niệm cố, kiến tác sanh diên; diên phi ngã dã. Ngã diệc phi diên, phi hỷ, phi bi, phi khiếm, phi tiểu, phi ngoại, phi khởi, phi cơ, phi bảo. Dĩ thị nghĩa cố, định tri vô ngã.

Thiện nam tử! Thị chư ngoại đạo, si như tiểu nhi, vô tuệ phương tiện, bất năng liễu đạt thường dữ vô thường, khổ, lạc, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã, thọ mạng, phi thọ mạng, chúng sanh, phi chúng sanh, thật, phi thật, hữu, phi hữu. Ư Phật pháp trung, thủ thiếu hứa phần, hư vọng kế hữu thường, lạc, ngã, tịnh. Nhi thật bất tri thường, lạc, ngã, tịnh.

Như sanh manh nhân, bất thức nhũ sắc, tiện vấn tha ngôn: Nhũ sắc hà tự? Tha nhân đáp ngôn: Sắc bạch như bôi. Manh nhân phục vấn: Thị nhũ sắc giả, như bôi thanh da? Đáp ngôn: Phát dã. Phục vấn: Bối sắc vi hà tự da? Đáp ngôn: Du đạo mẽ mặt. Manh nhân phục vấn: Nhũ sắc nhu nhuyễn như đạo mẽ mặt da? Đạo mẽ mặt giả, phục hà sở tự? Đáp ngôn: Do như vũ tuyết. Manh nhân phục ngôn: Bĩ đạo mẽ mặt lãnh như tuyết da? Tuyết phục hà tự? Đáp ngôn: Do như bạch hạc.

Thị sanh manh nhân, tuy văn như thị tứ chủng thí dụ, chung bất năng đắc thức nhũ chân sắc. Thị chư ngoại đạo diệc phục như thị, chung bất năng thức thường, lạc, ngã, tịnh.

善男子。以是義故。我佛法中有真實諦非諸外道。

文殊師利白佛言。希有世尊。如來於今臨般涅槃方便轉於無上法輪。乃作如是分別真諦。

佛告文殊師利。汝今云何故於如來生涅槃想。

善男子。如來實是常住不變不般涅槃。

善男子。若有計我是佛我成阿耨多羅三藐三菩提。我即是法法是我所。我即是道道是我所。我即世尊世尊即是我所。我即是聲聞聲聞即是我所。我能說法令他聽受。我轉法輪餘人不能。如來終不作如是計。是故如來不轉法輪。

善男子。若有人作如是妄計。我即是眼眼即是我所。耳鼻舌身意亦復如是。我即是色。色即是我所。乃至法亦如是。我即是地地即是我所。水火風等亦復如是。

善男子。若有人言我即是信信是我所。我是多聞多聞即是我所。我是檀波羅蜜檀波羅蜜即是我所。我是尸羅波羅蜜。尸羅波羅蜜即是我所。我是羼提波羅蜜羼提波羅蜜即是我所。我是毘梨耶波羅蜜毘梨耶波羅蜜即是我所。我是禪波羅蜜禪波羅蜜即是我所。我是般若波羅蜜般若波羅蜜即是我所。我是四念處四念處即是我所。四正勤四如意足五根

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, ngã Phật pháp trung, hữu chân thật đế, phi chư ngoại đạo.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn: Hy hữu Thế Tôn! Như Lai ư kim lâm Bát Niết-bàn, phương tiện chuyển ư vô thượng pháp luân, nãi tác như thị phân biệt Chân Đế!

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi: Nhữ kim vân hà cố ư Như Lai, sanh Niết-bàn tưởng.

Thiện nam tử! Như Lai thật thị thường trụ bất biến, bất bát Niết-bàn.

Thiện nam tử! Nhược hữu kế: Ngã thị Phật, ngã thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Ngã tức thị pháp; pháp thị ngã sở. Ngã tức thị đạo; đạo thị ngã sở. Ngã tức Thế Tôn; Thế Tôn tức thị ngã sở. Ngã tức thị Thanh văn; Thanh văn tức thị ngã sở. Ngã năng thuyết pháp, linh tha thính thọ. Ngã chuyển pháp luân; dư nhân bất năng. Như Lai chung bất tác như thị kế. Thị cố Như Lai bất chuyển pháp luân.

Thiện nam tử! Nhược hữu nhân tác như thị vọng kế: Ngã tức thị Nhân, Nhân tức thị ngã sở. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Diệc phục như thị. Ngã tức thị sắc; sắc tức thị ngã sở. Nãi chí pháp diệc như thị. Ngã tức thị địa, địa tức thị ngã sở. Thủy, hỏa, phong, đặng, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Nhược hữu nhân ngôn: Ngã tức thị Tín; Tín thị ngã sở. Ngã thị Đa văn; Đa văn tức thị ngã sở. Ngã thị đàn Ba-la-mật; Đàn-Ba-la-mật tức thị ngã sở. Ngã thị Thi la Ba-la-mật; Thi la Ba-la-mật tức thị ngã sở. Ngã thị Sằn-đề Ba-la-mật; Sằn-đề Ba-la-mật tức thị ngã sở. Ngã thị Tỳ-lê-da Ba-la-mật; Tỳ-lê-da Ba-la-mật tức thị ngã sở. Ngã thị Thiên Ba-la-mật; Thiên Ba-la-mật tức thị ngã sở. Ngã thị Bát-nhã Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật tức thị ngã sở. Ngã thị Tứ niệm xứ; tứ niệm xứ tức thị ngã sở. Tứ chánh cần, tứ

五力七覺分八聖道分亦復如是。善男子。如來終不作如是計。是故如來不轉法輪。

善男子。若言常住無有變易。云何說言佛轉法輪。是故汝今不應說言如來方便轉於法輪。

善男子。譬如因眼緣色緣明緣思惟。因緣和合得生眼識。善男子。眼不念言我能生識。色乃至思惟終不念言我生眼識。眼識亦復不作念言我能自生。善男子。如是等法因緣和合得名為見。

善男子。如來亦爾。因六波羅蜜三十七助菩提之法覺了諸法。復因咽喉舌齒唇口言語音聲。為憍陳如初始說法名轉法輪。以是義故。如來不名轉法輪也。

善男子。若不轉者即名為法。法即如來。

善男子。譬如因燧因鑽因手因乾牛糞而得生火。燧亦不言我能生火。鑽手牛糞各不念言我能生火。火亦不言我能自生。如來亦爾。因六波羅蜜。乃至憍陳如名轉法輪。如來亦復不生念言我轉法輪。

善男子。若不生者是則名為轉正法輪。是轉法輪即名如來。

善男子。譬如因酪因水因攢因瓶因繩因人。手捉而得出酥。酪不念言我能出酥。乃至人手亦不念

như y túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần diệc phục như thị. Thiện nam tử! Như Lai chung bát tác như thị kế. Thị cố Như Lai bất chuyển pháp luân.

Thiện nam tử! Nhược ngôn thường trụ, vô hữu biến dị, vân hà thuyết ngôn Phật chuyển pháp luân? Thị cố nữ kim bất ưng thuyết ngôn Như Lai phương tiện chuyển ư pháp luân.

Thiện nam tử! Thí như nhân nhãn, duyên sắc, duyên minh, duyên tư duy, nhân duyên hòa hiệp, đắc sanh nhãn thức. Thiện nam tử! Nhãn bất niệm ngôn: Ngã năng sanh thức. Sắc nãi chí tư duy, chung bát niệm ngôn: Ngã sanh nhãn thức. Nhãn thức diệc phục bát tác niệm ngôn: Ngã năng tự sanh. Thiện nam tử! Như thị đẳng pháp, nhân duyên hòa hiệp, đắc danh vi kiến.

Thiện nam tử! Như Lai diệc nhĩ, nhân lục Ba-la-mật, tam thập thất trợ Bồ-đề chi pháp, giác liễu chư pháp. Phục nhân yết hầu, thiệt, xỉ, thân, khẩu, ngôn ngữ, âm thanh, vị Kiêu-trần-như, sơ thủy thuyết pháp, danh chuyển pháp luân. Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai bất danh chuyển pháp luân dã.

Thiện nam tử! Nhược bất chuyển giả, tức danh vi pháp. Pháp tức Như Lai.

Thiện nam tử! Thí như nhân toại, nhân toàn, nhân thủ, nhân can ngư phần, nhi đắc sanh hỏa. Toại diệc bất ngôn: Ngã năng sanh hỏa. Toàn, thủ, ngư phần, các bát niệm ngôn: Ngã năng sanh hỏa. Hỏa diệc bát ngôn: Ngã năng tự sanh. Như Lai diệc nhĩ, nhân lục Ba-la-mật nãi chí Kiêu-trần-như, danh chuyển pháp luân. Như Lai diệc phục bát sanh niệm ngôn: Ngã chuyển pháp luân.

Thiện nam tử! Nhược bất sanh giả, thị tác danh vi chuyển Chánh pháp luân. Thị chuyển pháp luân tức danh Như Lai.

Thiện nam tử! Thí như nhân lạc, nhân thủy, nhân toàn, nhân bình, nhân thăng, nhân nhân thủ tróc, nhi đắc xuất tô.

言我能出酥。酥亦不言我能自出。眾緣和合故得出酥。如來亦爾。終不念言我轉法輪。

善男子。若不出者是則名為轉正法輪。是轉法輪即是如來。

善男子。譬如因子因地因水因火因風因糞因時。因人作業而牙得生。善男子。子亦不言我能生牙乃至作業。亦不念言我能生牙。牙亦不言我能自生。如來亦爾。終不念言我轉法輪。

善男子。若不能者是則名為轉正法輪。是轉法輪即是如來。

善男子。譬如因鼓因空因皮因人因桴和合出聲。鼓不念言我能出聲。乃至桴亦如是。聲亦不言我能自生。善男子。如來亦爾。終不念言我轉法輪。

善男子。轉法輪者名為不作。不作者即轉法輪。轉法輪者即是如來。善男子。轉法輪者乃是諸佛世尊境界。非諸聲聞緣覺所知。

善男子。虛空非生非出非作非造非有為法。如來亦爾。非生非出非作非造非有為法。如如來性佛性亦爾。非生非出非作非造非有為法。

善男子。諸佛世尊語有二種。一者世語。二者

Lạc bát niệm ngôn: Ngã năng xuất tô. Nãi chí nhân thủ, diệc bát niệm ngôn: Ngã năng xuất tô. Tô diệc bát ngôn: Ngã năng tự xuất. Chúng duyên hòa hiệp, cố đắc xuất tô. Như Lai diệc nhĩ; chung bát niệm ngôn: Ngã chuyển pháp luân.

Thiện nam tử! Nhược bát xuất giả, thị tác danh vi chuyển chánh pháp luân. Thị chuyển pháp luân tức thị Như Lai.

Thiện nam tử! Thí như nhân tử, nhân địa, nhân thủy, nhân hỏa, nhân phong, nhân phần, nhân thời, nhân nhân tác nghiệp, nhi nha đắc sanh. Thiện nam tử! Tử diệc bát ngôn: Ngã năng sanh nha. Nãi chí tác nghiệp diệc bát niệm ngôn: Ngã năng sanh nha. Nha diệc bát ngôn: Ngã năng tự sanh. Như Lai diệc nhĩ; chung bát niệm ngôn: Ngã chuyển pháp luân.

Thiện nam tử! Nhược bát tác giả, thị tác danh vi chuyển chánh pháp luân; thị chuyển pháp luân tức thị Như Lai.

Thiện nam tử! Thí như nhân cổ, nhân không, nhân bì, nhân nhân, nhân phù, hòa hiệp xuất thanh. Cổ bát niệm ngôn: Ngã năng xuất thanh. Nãi chí phù diệc như thị. Thanh diệc bát ngôn: Ngã năng tự sanh. Thiện nam tử! Như Lai diệc nhĩ; chung bát niệm ngôn: Ngã chuyển pháp luân.

Thiện nam tử! Chuyển pháp luân giả, danh vi bát tác. Bát tác giả, tức chuyển pháp luân. Chuyển pháp luân giả, tức thị Như Lai. Thiện nam tử! Chuyển pháp luân giả, nãi thị chư Phật Thế Tôn cảnh giới; phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri.

Thiện nam tử! Hư không phi sanh, phi xuất, phi tác, phi tạo, phi hữu vi pháp. Như Lai diệc nhĩ phi sanh, phi xuất, phi tác, phi tạo, phi hữu vi pháp. Như Như Lai tánh, Phật tánh diệc nhĩ, phi sanh, phi xuất, phi tác, phi tạo, phi hữu vi pháp.

Thiện nam tử! Chư Phật Thế Tôn, ngữ hữu nhị chủng: nhất giả thế ngữ, nhị giả xuất thế ngữ. Thiện nam tử! Như

出世語。善男子。如來為諸聲聞緣覺說於世語。為諸菩薩說出世語。

善男子。是諸大眾復有二種。一者求小乘。二者求大乘。我於昔日波羅奈城。為諸聲聞轉於法輪。今始於此拘尸那城為諸菩薩轉大法輪。

復次善男子。復有二人中根上根。為中根人於波羅奈轉於法輪。為上根人人中象王迦葉菩薩等。今於此間拘尸那城轉大法輪。

善男子。極下根者如來終不為轉法輪。極下根者即一闍提。

復次善男子。求佛道者復有二種。一中精進。二上精進。於波羅奈。為中精進轉於法輪。今於此間拘尸那城。為上精進轉大法輪。

復次善男子。我昔於彼波羅奈城初轉法輪。八萬天人得須陀洹果。今於此間拘尸那城。八十萬億人不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

復次善男子。波羅奈城大梵天王。稽首請我轉於法輪。今於此間拘尸那城。迦葉菩薩稽首請我轉大法輪。

復次善男子。我昔於彼波羅奈城轉法輪時。說於無常苦空無我。今於此間拘尸那城轉法輪時。說常樂我淨。

Lai vị chư Thanh văn Duyên giác thuyết ư thế ngữ; vị chư Bồ Tát, thuyết xuất thế ngữ.

Thiện nam tử! Thị chư đại chúng, phục hữu nhị chủng: nhất giả câu tiểu thừa, nhị giả câu Đại thừa. Ngã ư tích nhật, Ba-la-nại thành, vị chư Thanh văn, chuyển ư pháp luân, kim thủy ư thủ Câu-thi-na thành vị chư Bồ Tát chuyển đại pháp luân.

Phục thứ, thiện nam tử! Phục hữu nhị nhân: Trung căn, thượng căn, vị trung căn nhân, ư Ba-la-nại, chuyển ư pháp luân. Vị thượng căn nhân, nhân trung tượng vương, Ca-diếp Bồ Tát đẳng, kim ư thủ gian, Câu-thi-na thành, chuyển đại pháp luân.

Thiện nam tử! Cực hạ căn giả, Như Lai chung bất vị chuyển pháp luân. Cực hạ căn giả, tức nhất-xiển-đề.

Phục thứ, thiện nam tử! Cầu Phật đạo giả, phục hữu nhị chủng: nhất trung tinh tấn, nhị thượng tinh tấn. Ứ Ba-la-nại, vị trung tinh tấn, chuyển ư pháp luân. Kim ư thủ gian, Câu-thi-na thành, vị thượng tinh tấn, chuyển đại pháp luân.

Phục thứ, thiện nam tử! Ngã tích ư bỉ Ba-la-nại thành, sơ chuyển pháp luân, bát vạn thiên nhân đắc Tu-đà-hoàn quả. Kim ư thủ gian, Câu-thi-na thành, bát thập vạn ức nhân bất thối chuyển ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Phục thứ thiện nam tử! Ba-la-nại thành, Đại-phạm-thiên-vương khể thủ thỉnh ngã chuyển ư pháp luân. Kim ư thủ gian, Câu-thi-na thành, Ca-diếp Bồ Tát khể thủ thỉnh ngã chuyển đại pháp luân.

Phục thứ thiện nam tử! Ngã tích ư bỉ Ba-la-nại thành, chuyển pháp luân thời, thuyết ư vô thường, khổ, không, vô ngã. Kim ư thủ gian, Câu-thi-na thành, chuyển pháp luân thời, thuyết thường, lạc, ngã, tịnh.

復次善男子。我昔於彼波羅奈城轉法輪時。所出音聲聞于梵天。如來今於拘尸那城轉法輪時。所出音聲遍於東方二十恒河沙等諸佛世界。南西北方四維上下亦復如是。

復次善男子。諸佛世尊凡有所說。皆悉名為轉法輪也。善男子。譬如聖王所有輪寶未降伏者能令降伏。已降伏者能令安隱。善男子。諸佛世尊凡所說法亦復如是。無量煩惱未調伏者能令調伏。已調伏者令生善根。

善男子。譬如聖王所有輪寶則能消滅一切怨賊。如來演法亦復如是。能令一切諸煩惱賊皆悉寂靜。

復次善男子。譬如聖王所有輪寶下上迴轉。如來說法亦復如是。能令下趣諸惡眾生上生人天乃至佛道。

善男子。是故汝今不應讚言如來於此更轉法輪。

爾時文殊師利白佛言。世尊。我於此義非為不知。所以問者為欲利益諸眾生故。

世尊。我已久知轉法輪者。實是諸佛如來境界。非是聲聞緣覺所知。

爾時世尊告迦葉菩薩。善男子。是名菩薩住於大乘大涅槃經所行聖行。

Phục thứ, thiện nam tử! Ngã tích ư bỉ Ba-la-nại thành, chuyển pháp luân thời sở xuất âm thanh, văn vu phạm thiên. Như Lai kim ư Câu-thi-na thành, chuyển pháp luân thời, sở xuất âm thanh, biến ư đông phương nhị thập hằng hà sa đẳng chư Phật thế giới. Nam, tây, bắc phương, tứ duy, thượng, hạ, diệc phục như thị.

Phục thứ, thiện nam tử! Chư Phật Thế Tôn, phạm hữu sở thuyết, giai tất danh vi chuyển pháp luân dã. Thiện nam tử! Thí như thánh vương, sở hữu luân bảo, vị hàng phục giả, năng linh hàng phục; dĩ hàng phục giả, năng linh an ổn. Thiện nam tử! Chư Phật Thế Tôn, phạm sở thuyết pháp, diệc phục như thị; vô lượng phiền não vị điều phục giả, năng linh điều phục. Dĩ điều phục giả, linh sanh thiện căn.

Thiện nam tử! Thí như thánh vương, sở hữu luân bảo, tác năng tiêu diệt nhất thiết oán tặc. Như Lai diễn pháp, diệc phục như thị; năng linh nhất thiết chư phiền não tặc giai tất tịch tĩnh.

Phục thứ Thiện nam tử! Thí như thánh vương, sở hữu luân bảo, hạ thượng hồi chuyển. Như Lai thuyết pháp, diệc phục như thị, năng linh hạ thú, chư ác chúng sanh, thượng sanh nhân, thiên, nãi chí Phật đạo.

Thiện nam tử! Thị cố nữ kim bất ưng tán ngôn: Như Lai ư thủ cánh chuyển pháp luân.

Nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã ư thủ nghĩa phi vi bất tri. Sở dĩ vấn giả vị dục lợi ích chư chúng sanh cố.

Thế Tôn! Ngã dĩ cứu tri chuyển pháp luân giả, thật thị chư Phật Như Lai cảnh giới phi thị Thanh văn, Duyên giác sở tri.

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Ca-diếp Bồ Tát: Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát trụ ư Đại thừa Đại Niết-bàn kinh, sở hành thánh hạnh.

迦葉菩薩白佛言。世尊。復以何義名為聖行。

善男子。聖名諸佛世尊。以是義故。名為聖行。

世尊。若是諸佛之所行者。則非聲聞緣覺菩薩所能修行。

善男子。是諸世尊安住於此大般涅槃。而作如是開示分別演說其義。以是義故。名曰聖行。聲聞緣覺及諸菩薩如是聞已則能奉行故名聖行。

善男子。是菩薩摩訶薩得是行已則得住於無所畏地。善男子。若有菩薩得住如是無所畏地。則不復畏貪恚愚癡生老病死。亦復不畏惡道地獄畜生餓鬼。

善男子。惡有二種。一者阿修羅。二者人中。人中有三種惡。一者一闍提。二者誹謗方等經典。三者犯四重禁。善男子。住是地中諸菩薩等終不畏墮如是惡中。亦復不畏沙門婆羅門外道邪見天魔波旬。亦復不畏受二十五有。是故此地名無所畏。

善男子。菩薩摩訶薩住無畏地。得二十五三昧壞二十五有。

善男子。

得無垢三昧能壞地獄有。

得無退三昧能壞畜生有。

得心樂三昧能壞餓鬼有。

得歡喜三昧能壞阿修羅有。

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn, phục dĩ hà nghĩa danh vi thánh hạnh?

Thiện nam tử! Thánh, danh chư Phật Thế Tôn. Dĩ thị nghĩa cố, danh vi thánh hạnh.

Thế Tôn, nhược thị chư Phật chi sở hạnh giả, tác phi Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát sở năng tu hành!

Thiện nam tử! Thị chư Thế Tôn, an trụ ư thủ Đại Bát Niết-bàn, nhi tác như thị khai thị phân biệt, diễn thuyết kỳ nghĩa. Dĩ thị nghĩa cố, danh viết Thánh hạnh. Thanh văn, Duyên giác cập chư Bồ Tát, như thị văn dĩ tác năng phụng hành, cố danh Thánh hạnh.

Thiện nam tử! Thị Bồ Tát ma-ha-tát đắc thị hạnh dĩ, tác đắc trụ ư vô sở úy địa. Thiện nam tử! Nhược hữu Bồ Tát đắc trụ như thị vô sở úy địa, tác bất phục úy tham, nhuế, ngu si, sanh lão, bệnh tử. Diệc phục bất úy ác đạo: Địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ!

Thiện nam tử! Ác hữu nhị chủng: nhất giả A-tu-la, nhị giả nhân trung. Nhân trung, hữu tam chủng ác: nhất giả nhất-xiển-đề, nhị giả phỉ báng phương đẳng kinh điển, tam giả phạm tứ trọng cấm. Thiện nam tử! Trụ thị địa trung, chư Bồ Tát đẳng chung bất úy đọa như thị ác trung; diệc phục bất úy sa-môn, bà-la-môn, ngoại đạo tà kiến, Thiên ma Ba-tuần; diệc phục bất úy thọ nhị thập ngũ hữu. Thị cố thủ địa danh vô sở úy.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát trụ vô úy địa, đắc nhị thập ngũ Tam-muội, hoại nhị thập ngũ hữu.

Thiện nam tử!

Đắc Vô cấu Tam-muội, năng hoại địa ngục hữu.

Đắc Vô thối Tam-muội, năng hoại súc sanh hữu.

Đắc Tâm lạc Tam-muội, năng hoại ngạ quỷ hữu

得日光三昧能斷弗婆提有。
得月光三昧能斷瞿耶尼有。
得熱燄三昧能斷鬱單越有。
得如幻三昧能斷閻浮提有。
得一切法不動三昧能斷四天王處有。
得摧伏三昧能斷三十三天處有。
得悅意三昧能斷燄摩天有。
得青色三昧能斷兜率天有。
得黃色三昧能斷化樂天有。
得赤色三昧能斷他化自在天有。
得白色三昧能斷初禪有。
得種種三昧能斷大梵天有。
得雙三昧能斷二禪有。
得雷音三昧能斷三禪有。
得霆雨三昧能斷四禪有。
得如虛空三昧能斷無想有。
得照鏡三昧能斷淨居阿那含有。
得無礙三昧能斷空處有。
得常三昧能斷識處有。
得樂三昧能斷不用處有。

Đắc Hoan hỷ Tam-muội năng hoại A-tu-la hữu.
Đắc Nhật quang Tam-muội, năng đoạn Phát-bà-đề hữu.
Đắc Nguyệt quang Tam-muội, năng đoạn Cô-da-ni hữu.
Đắc Nhiệt diệm Tam-muội, năng đoạn Uất-đan-việt hữu.
Đắc Như huyễn Tam-muội, năng đoạn Diêm-phù-đề hữu.
Đắc Nhất thiết pháp bất động Tam-muội, năng đoạn Tứ thiên vương xứ hữu.
Đắc Tồi phục Tam-muội, năng đoạn Tam thập tam thiên xứ hữu.
Đắc Duyệt ý Tam-muội, năng đoạn Diệm-ma thiên hữu.
Đắc Thanh sắc Tam-muội, năng đoạn Đâu-suất thiên hữu.
Đắc Hoàng sắc Tam-muội, năng đoạn Hóa-lạc thiên hữu.
Đắc Xích sắc Tam-muội, năng đoạn Tha hóa tự tại thiên hữu.
Đắc Bạch sắc Tam-muội, năng đoạn Sơ thiên hữu.
Đắc Chủng chủng Tam-muội, năng đoạn Đại Phạm thiên hữu.
Đắc Song Tam-muội, năng đoạn Nhị thiên hữu.
Đắc Lô âm Tam-muội, năng đoạn Tam thiên hữu.
Đắc Chú vũ Tam-muội, năng đoạn Tứ thiên hữu.
Đắc Như hư không Tam-muội, năng đoạn Vô tưởng hữu.
Đắc Chiếu kính Tam-muội, năng đoạn Tịnh cư A-na-hàm hữu.
Đắc Vô ngại Tam-muội, năng đoạn Không xứ hữu.
Đắc Thường Tam-muội, năng đoạn Thức xứ hữu.
Đắc Lạc Tam-muội, năng đoạn Bất dụng xứ hữu.

得我三昧能斷非想非非想處有。

善男子。是名菩薩得二十五三昧斷二十五有。
善男子。如是二十五三昧名諸三昧王。

善男子。菩薩摩訶薩入如是等諸三昧王。若欲吹壞須彌山王隨意即能。欲知三千大千世界所有眾生心之所念亦悉能知。欲以三千大千世界所有眾生。內於己身一毛孔中隨意即能。亦令眾生無迫迫想。若欲化作無量眾生悉令充滿三千大千世界中者亦能隨意。欲分一身以為多身。復合多身以為一身。雖作如是心無所著。猶如蓮花。

善男子。菩薩摩訶薩得入如是三昧王已。即得住於自在之地。菩薩得住是自在力。隨欲生處即得往生。

善男子。譬如聖王領四天下隨意所行無能障礙。菩薩摩訶薩亦復如是。一切生處若欲生者隨意往生。

善男子。菩薩摩訶薩若見地獄一切眾生有可化令住善根者。菩薩即往而生其中。菩薩雖生非本業果。菩薩摩訶薩住自在力因緣故而生其中。善男子。菩薩摩訶薩雖在地獄。不受熾然碎身等苦。

善男子。菩薩摩訶薩所可成就如是功德。無量無邊百千萬億尚不可說。何況諸佛所有功德而當可說。

Đắc Ngã Tam-muội, năng đoạn Phi tưởng, phi phi tưởng xứ hữu.

Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát đắc nhị thập ngũ Tam-muội, đoạn nhị thập ngũ hữu. Thiện nam tử! Như thị nhị thập ngũ Tam-muội danh chư Tam-muội Vương.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát nhập như thị đẳng chư Tam-muội Vương, nhược dục xuy hoại Tu-di sơn vương, tùy ý tức năng. Dục tri tam thiên đại thiên thế giới, sở hữu chúng sanh tâm chi sở niệm, diệc tất năng tri. Dục dĩ tam thiên đại thiên thế giới, sở hữu chúng sanh, nội ư kỷ thân nhất mao khổng trung, tùy ý tức năng, diệc linh chúng sanh vô bách trách tưởng. Nhược dục hóa tác vô lượng chúng sanh tất linh sung mãn tam thiên đại thiên thế giới trung giả, diệc năng tùy ý. Dục phân nhất thân dĩ vi đa thân, phục hiệp đa thân dĩ vi nhất thân. Tuy tác như thị, tâm vô sở trước, do như liên hoa.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát đắc nhập như thị Tam-muội Vương dĩ, tức đắc trụ ư tự tại chi địa. Bồ Tát đắc trụ tự tại địa, đắc tự tại lực; tùy dục sanh xứ, tức đắc vãng sanh.

Thiện nam tử! Thí như thánh vương, lãnh tứ thiên hạ, tùy ý sở hành, vô năng chướng ngại. Bồ Tát ma-ha-tát diệc phục như thị; nhất thiết sanh xứ, nhược dục sanh giả tùy ý vãng sanh.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát nhược kiến địa ngục nhất thiết chúng sanh, hữu khả hóa linh trụ thiện căn giả, Bồ Tát tức vãng nhi sanh kỳ trung. Bồ Tát tuy sanh, phi bốn nghiệp quả. Bồ Tát ma-ha-tát, trụ tự tại địa, lực nhân duyên cố, nhi sanh kỳ trung. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, tuy tại địa ngục, bất thọ sí nhiên, toái thân đẳng khổ.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát sở khả thành tựu như thị công đức vô lượng vô biên, bá thiên vạn ức, thượng bất khả thuyết; hà huống chư Phật sở hữu công đức, nhi đương khả thuyết?

爾時眾中有一菩薩名住無垢藏王。有大威德成就神通。得大總持三昧具足得無所畏。即從座起偏袒右肩右膝著地長跪合掌白佛言。世尊。如佛所說諸佛菩薩所可成就功德智慧。無量無邊百千萬億實不可說。我意猶謂故不如是大乘經典。何以故。因是大乘方等經力故能出生諸佛世尊阿耨多羅三藐三菩提。

時佛讚言。善哉善哉。善男子。如是如是。如汝所說。是諸大乘方等經典。雖復成就無量功德。欲比是經不得為喻。百倍千倍百千萬億倍乃至算數譬喻所不能及。

善男子。譬如從牛出乳從乳出酪。從酪出生酥。從生酥出熟酥。從熟酥出醍醐。醍醐最上若有服者眾病皆除。所有諸藥悉入其中。

善男子。佛亦如是。從佛出於十二部經。從十二部經出修多羅。從修多羅出方等經。從方等經出般若波羅蜜。從般若波羅蜜出大涅槃。猶如醍醐。言醍醐者喻於佛性。佛性者即是如來。

善男子。以是義故。說言如來所有功德無量無邊不可稱計。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛所讚大涅槃經猶如醍醐最上最妙。若有能服眾病悉除。一切諸藥悉

Nhĩ thời chúng trung hữu nhất Bồ Tát danh Trụ Vô Cấu Tạng Vương, hữu đại oai đức, thành tựu thân thông, đắc đại tổng trì, Tam-muội cụ túc, đắc vô sở úy. Túc tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa, trường qui hiệp chưởng, bạch Phật ngôn: Thế Tôn, như Phật sở thuyết, chư Phật Bồ Tát, sở khả thành tựu công đức, trí tuệ; vô lượng vô biên, bá thiên vạn ức, thật bất khả thuyết. Ngã ý du vị: cố bất như thị Đại thừa kinh điển. Hà dĩ cố? Nhân thị Đại thừa phương đẳng kinh lục, cố năng xuất sanh chư Phật Thế Tôn A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thời, Phật tán ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Như thị! Như thị! Như nữ sở thuyết, thị chư Đại thừa phương đẳng kinh điển, tuy phục thành tựu vô lượng công đức, dục tỷ thị kinh, bất đắc vi dụ; bá bội, thiên bội, bá thiên vạn ức bội; nãi chí toán số thí dụ, sở bất năng cập!

Thiện nam tử! Thí như tùng nguưu xuất nhũ, tùng nhũ xuất lạc, tùng lạc xuất sanh tô, tùng sanh tô xuất thực tô; tùng thực tô xuất đề hồ, đề hồ tối thượng; nhược hữu phục giả, chúng bệnh giai trừ; sở hữu chư dược, tất nhập kỳ trung.

Thiện nam tử! Phật diệc như thị; tùng Phật xuất ư thập nhị bộ kinh; tùng thập nhị bộ kinh xuất Tu-đa-la; tùng Tu-đa-la xuất phương đẳng kinh; tùng phương đẳng kinh xuất bát-nhã Ba-la-mật; tùng bát-nhã Ba-la-mật xuất Đại Niết-bàn, do như đề hồ. Ngôn đề hồ giả, dụ ư Phật tánh; Phật tánh giả, tức thị Như Lai.

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, thuyết ngôn Như Lai sở hữu công đức, vô lượng vô biên bất khả xưng kể.

Ca-diếp Bồ Tát Bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở tán, Đại Niết-bàn kinh do như đề hồ, tối thượng, tối diệu. Nhược hữu năng phục, chúng bệnh tất trừ; nhất thiết chư dược, tất nhập kỳ trung. Ngã văn thị dĩ, thiết phục tư niệm: Nhược hữu

入其中。我聞是已竊復思念。若有不能聽受是經。當知是人為大愚癡無有善心。

世尊我於今者實能堪忍。剝皮為紙刺血為墨以髓為水析骨為筆。書寫如是大涅槃經。書已讀誦令其通利。然後為人廣說其義。

世尊。若有眾生貪著財物我當施財。然後以是大涅槃經勸之令讀。若尊貴者先以愛語而隨其意。然後漸當以是大乘大涅槃經勸之令讀。若凡庶者當以威勢逼之令讀。若憍慢者我當為其而作僕使。隨順其意令其歡喜。然後當以大般涅槃而教導之。若有誹謗大乘經者。當以勢力摧之令伏。既摧伏已然後勸之令讀大涅槃經。若有愛樂大乘經者。我躬當往恭敬供養尊重讚歎。

爾時佛讚迦葉菩薩。善哉善哉。汝甚愛樂大乘經典。貪大乘經受大乘經味大乘經。信敬尊重供養大乘。

善男子。汝今以此善心因緣當得超越無量無邊恒河沙等諸大菩薩。在前得成阿耨多羅三藐三菩提。汝亦不久復當如我廣為大眾演說如是大般涅槃如來佛性諸佛所說祕密之藏。

bất năng thính thọ thị kinh, đương tri thị nhân vi đại ngu si, vô hữu thiện tâm.

Thế Tôn! Ngã ư kim giả, thật năng kham nhẫn: bác bì vi chỉ, thích huyết vi mực, dĩ tủy vi thủy, tích cốt vi bút, thơ tả như thị Đại Niết-bàn kinh. Thơ dĩ, độc tụng, linh kỳ thông lợi; nhiên hậu vị nhân, quảng thuyết kỳ nghĩa.

Thế Tôn! Nhược hữu chúng sanh, tham trước tài vật, ngã đương thí tài; nhiên hậu dĩ thị Đại Niết-bàn kinh, khuyến chi linh độc. Nhược tôn quý giả, tiên dĩ ái ngữ, nhi tùy kỳ ý; nhiên hậu tiệm đương dĩ thị Đại thừa Đại Niết-bàn kinh, khuyến chi linh độc. Nhược phạm thứ giả, đương dĩ oai thế, bức chi linh độc. Nhược kiêu mạn giả, ngã đương vị kỳ, nhi tác bộc sử, tùy thuận kỳ ý, linh kỳ hoan hỷ; nhiên hậu đương dĩ Đại Bát Niết-bàn, nhi giáo đạo chi. Nhược hữu phỉ báng Đại thừa kinh giả, đương dĩ thế lực, tội chi linh phục. Kỳ tội phục dĩ, nhiên hậu khuyến linh độc Đại Niết-bàn kinh. Nhược hữu ái nhạo Đại thừa kinh giả, ngã cung đương vãng, cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán.

Nhĩ thời, Phật tán Ca-diếp Bồ Tát: Thiện tai! thiện tai! Nhữ thậm ái nhạo Đại thừa kinh điển, tham Đại thừa kinh, thọ Đại thừa kinh, vị Đại thừa kinh, tín kính tôn trọng, cúng dường Đại thừa.

Thiện nam tử! Nhữ kim dĩ thử thiện tâm nhân duyên, đương đắc siêu việt vô lượng vô biên, hằng hà sa đẳng chư đại Bồ Tát; tại tiên đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nhữ diệc bất cứu, phục đương như ngã, quảng vị đại chúng, diễn thuyết như thị Đại Bát Niết-bàn Như Lai, Phật tánh, chư Phật sở thuyết bí mật chi tạng.

善男子。過去之世佛日未出。我於爾時作婆羅門修菩薩行。悉能通達一切外道所有經論。修寂滅行具足威儀其心清淨。不為外來能生欲想之所破壞。滅瞋恚火受持常樂我淨之法。周遍求索大乘經典乃至不聞方等名字。

我於爾時住於雪山。其山清淨流泉浴池樹林藥木充滿其地。處處石間有清流水。多諸香花周遍嚴飾。眾鳥群獸不可稱計。甘果滋繁種別難計。復有無量藕根甘根青木香根。

我於爾時獨處其中唯食諸菜。食已繫心思惟坐禪經無量歲。亦不聞有如來出世大乘經名。

善男子。我修如是難行苦行時。釋提桓因及諸天人等心大驚怪。即共集會各各相謂。而說偈言。

各各相指示
清淨雪山中
寂靜離欲主
功德莊嚴王
已離貪瞋慢
永斷諂愚癡
口初未曾說
麤惡等語言

Thiện nam tử! Quá khứ chi thế, Phật nhật vị xuất, ngã ư nhĩ thời, tác bà-la-môn, tu Bồ Tát hạnh, tất năng thông đạt nhất thiết ngoại đạo sở hữu kinh luận, tu tịch diệt hạnh, cụ túc oai nghi, kỳ tâm thanh tịnh, bất vi ngoại lai năng sanh dục tưởng chi sở phá hoại, diệt sân khuể hỏa, thọ trì thường, lạc ngã tịnh chi pháp. Châu biến cầu sách Đại thừa kinh điển, nãi chí bất văn phương đẳng danh tự.

Ngã ư nhĩ thời trụ ư Tuyết sơn. Kỳ sơn thanh tịnh, lưu tuyên, dục trì, thọ lâm dược mộc, sung mãn kỳ địa. Xứ xứ thạch gian, hữu thanh lưu thủy, đa chư hương hoa châu biến nghiêm súc. Chúng diệu quần thú, bất khả xưng kể. Cam quả tư phiên, chủng biệt nan kể. Phục hữu vô lượng ngẫu căn, cam căn, thanh mộc hương căn.

Ngã ư nhĩ thời độc xử kỳ trung, duy thực chư quả. Thực dĩ hệ tâm tư duy tọa thiên. Kinh vô lượng tuế, diệt bất văn hữu Như Lai xuất thế, Đại thừa kinh danh.

Thiện nam tử! Ngã tu như thị nan hành khổ hạnh thời, Thích-đề-hoàn-nhân cập chư thiên nhân đẳng, tâm đại kinh quái, tức cộng tập hội. Các các tương vị, nhi thuyết kệ ngôn:

Các các tương chỉ thị:

Thanh tịnh Tuyết sơn trung,
Tịch tĩnh ly dục chủ,
Công đức trang nghiêm vương,
Dĩ ly tham, sân, mạn,
Vĩnh đoạn siểm, ngu si;
Khẩu sơ vị tăng thuyết
Thô ác đẳng ngữ ngôn.

爾時眾中有一天子名曰歡喜復說偈言。

如是離欲人
清淨勤精進
將不求帝釋
及以諸天耶
若是外道者
修行諸苦行
是人多欲求
帝釋所坐處

爾時復有一仙天子即為帝釋而說偈言。

天主憍尸迦
不應生是慮
外道修苦行
何必求帝處

說是偈已復作是言。憍尸迦。世有大士。為眾
生故不貪己身。為欲利益諸眾生故。而修種種無量
苦行。如是之人見生死中諸過咎故。設見珍寶滿此
大地諸山大海。不生貪著如視洩唾。如是大士。棄
捨財寶所愛妻子。頭目髓腦手足支節。所居舍宅象
馬車乘奴婢僮僕。亦不願求生於天上。唯求欲令一
切眾生得受快樂。如我所解。如是大士清淨無染眾
結永盡。唯欲求於阿耨多羅三藐三菩提。

Nhĩ thời, chúng trung, hữu nhất thiên tử, danh viết Hoan
Hỷ, phục thuyết kệ ngôn:

Như thị ly dục nhân,
Thanh tịnh, cần tinh tấn,
Tương bất cầu Đế-thích
Cập dĩ chư thiên da?
Nhược thị ngoại đạo giả,
Tu hành chư khổ hạnh,
Thị nhân đa dục cầu,
Đế-thích sở tọa xứ.

Nhĩ thời, phục hữu nhất tiên thiên tử, túc vị Đế-thích, nhi
thuyết kệ ngôn:

Thiên chủ Kiêu-thi-ca!
Bất ưng sanh thị lự,
Ngoại đạo tu khổ hạnh
Hà tất cầu đế xứ?

Thuyết thị kệ dĩ, phục tác thị ngôn: Kiêu-thi-ca! Thế hữu
đại sĩ, vị chúng sanh cố, bất tham kỷ thân; vị dục lợi ích chư
chúng sanh cố, nhi tu chủng chủng vô lượng khổ hạnh. Như thị
chi nhân, kiến sanh tử trung, chư quá cũ cố, thiết kiến trần
bảo mãn thủ đại địa, chư sơn, đại hải bất sanh tham trước, như
thị di thóa. Như thị đại sĩ, khí xả tài bảo, sở ái thê tử, đầu mục
tủy não, thủ túc chi tiết, sở cư xá trạch, tượng mã xa thặng, nô
tỳ đồng bộc. Diệt bất nguyện cầu sanh ư thiên thượng, duy cầu
dục linh nhất thiết chúng sanh đắc thọ khoái lạc. Như ngã sở
giải, như thị Đại sĩ, thanh tịnh vô nhiễm, chúng kết vĩnh tận;
duy dục cầu ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

釋提桓因復作是言。如汝言者。是人則為攝取一切世間所有眾生。

大仙。若此世間有佛樹者。能除一切諸天世人及阿修羅煩惱毒蛇。若諸眾生住是佛樹蔭涼中者。煩惱諸毒悉得消滅。

大仙。是人若當未來世中作善逝者。我等悉當得滅無量熾然煩惱。如是之事實為難信。何以故。無量百千諸眾生等發於阿耨多羅三藐三菩提心。見少微緣於阿耨多羅三藐三菩提即便動轉。如水中月水動則動。猶如畫像難成易壞。菩提之心亦復如是難發易壞。

大仙。如有多人以諸鎧仗牢自莊嚴欲前討賊。臨陣恐怖則便退散。無量眾生亦復如是。發菩提心牢自莊嚴見生死過心生恐怖即便退散。

大仙。我見如是無量眾生發心之後皆生動轉。是故我今雖見是人修於苦行無惱無熱住於道檢。其行清淨未能信也。我今要當自往試之。知其實能堪任荷負阿耨多羅三藐三菩提大重擔不。

大仙。猶如車有二輪則有載用。鳥有二翼堪任飛行。是苦行者亦復如是。我雖見其堅持禁戒。未知其人有深智不。若有深智當知則能堪任荷負阿耨多羅三藐三菩提之重擔也。

Thích-đề-hoàn-nhân phục tác thị ngôn: Như nữ ngôn giả, thị nhân tác vi nhiếp thủ nhất thiết thế gian sở hữu chúng sanh.

Đại tiên! Nhược thủ thế gian, hữu Phật thụ giả, năng trừ nhất thiết chư thiên, thế nhân cập a-tu-la, phiền não độc xà. Nhược chư chúng sanh trụ thị Phật thụ âm lương trung giả, phiền não chư độc tất đắc tiêu diệt.

Đại tiên, thị nhân nhược đương vị lai thế trung tác thiện thế giả, ngã đẳng tất đương đắc diệt vô lượng sí nhiên phiền não, như thị chi sự thật vi nan tín. Hà dĩ cố? Vô lượng bá thiên chư chúng sanh đẳng phát ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, kiến thiểu vi duyên, ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, tức tiện động chuyển. Như thủy trung nguyệt, thủy động tác động, do như họa tượng, nan thành dị hoại. Bồ-đề chi tâm diệt phục như thị, nan phát dị hoại.

Đại tiên, như hữu đa nhân dĩ chư khải trượng lao tự trang nghiêm, dục tiên thảo tặc; lâm trận khủng bố, tác tiện thối tán. Vô lượng chúng sanh diệt phục như thị, phát Bồ-đề tâm, lao tự trang nghiêm; kiến sanh tử quá, tâm sanh khủng bố, tức tiện thối tán.

Đại tiên, ngã kiến như thị vô lượng chúng sanh, phát tâm chi hậu, giai sanh động chuyển. Thị cố ngã kim tuy kiến thị nhân tu ư khổ hạnh, vô não vô nhiệt, trụ ư đạo kiểm, kỳ hạnh thanh tịnh; vị năng tín dã. Ngã kim yếu đương tự vãng thí chi, tri kỳ thật năng kham nhiệm hà phụ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đại trọng đảm phủ.

Đại tiên! Do như xa hữu nhị luân, tác hữu tải dụng; điều hữu nhị dục, kham nhiệm phi hành. Thị khổ hạnh giả, diệt phục như thị. Ngã tuy kiến kỳ kiên trì cấm giới, vị tri kỳ nhân hữu thâm trí phủ? Nhược hữu thâm trí, đương tri tác năng kham nhiệm hà phụ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề chi trọng đảm dã.

大仙。譬如魚母多有胎子成就者少。如菴羅樹花多果少。眾生發心乃有無量。及其成就少不足言。

大仙。我當與汝俱往試之。大仙。譬如真金三種試已乃知其真。謂燒打磨。試彼苦行亦當如是。

爾時釋提桓因。自變其身作羅刹像形甚可畏。下至雪山去其不遠而便立住。是時羅刹。心無所畏勇健難當。辯才次第其聲清雅。宣過去佛所說半偈。

諸行無常
是生滅法。

說是半偈已便住其前。所現形貌甚可怖畏。顧眄遍視觀於四方。

是苦行者。聞是半偈心生歡喜。譬如估客於險難處夜行失伴恐怖推索。忽遇同侶心生歡喜踊躍無量。亦如久病未遇良醫瞻病好藥後卒得之。如人沒海卒遇船舫。如渴乏人遇清冷水。如為怨逐忽然得脫。如久繫人卒聞得出。亦如農夫炎旱值雨。亦如行人還得歸家。家人見已生大歡喜。

善男子。我於爾時聞是半偈心中歡喜亦復如是。即從座起以手舉髮。四向顧視而說是言。向所聞偈誰之所說。爾時亦更不見餘人唯見羅刹。即說是言。誰開如是解脫之門。誰能雷震諸佛音聲。誰

Đại tiên! Thí như ngư mẫu, đa hữu thai tử, thành tựu giả thiếu. Như am-la thọ, hoa đa, quả thiếu. Chúng sanh phát tâm, nãi hữu vô lượng; cập kỳ thành tựu, thiếu bất túc ngôn.

Đại tiên! Ngã đương dữ nữ câu vãng thí chi. Đại tiên! Thí như chân kim, tam chủng thí dĩ, nãi tri kỳ chân, vị: thiêu, đả, ma. Thí bỉ khổ hạnh, diệc đương như thị.

Nhĩ thời Thích-đề-hoàn-nhân tự biến kỳ thân, tác la-sát tượng hình thậm khả úy, há chí Tuyết sơn, khứ kỳ bất viễn, nhi tiện lập trụ. Thị thời la-sát, tâm vô sở úy, đồng kiện nan đương, biện tài thứ đệ. Kỳ thanh thanh nãi, tuyên quá khứ Phật sở thuyết bán kệ:

Chư hành vô thường,
Thị sanh diệt pháp.

Thuyết thị bán kệ dĩ, tiện trụ kỳ tiền; sở hiện hình mạo, thậm khả bố úy; cố miến biến thị, quan ư tứ phương.

Thị khổ hạnh giả, văn thị bán kệ, tâm sanh hoan hỷ. Thí như cổ khách, ư hiểm nạn xứ, dạ hành thất bạn, khủng bố suy sách, hốt ngộ đồng lữ tâm sanh hoan hỷ, đồng được vô lượng. Diệc như cứu bệnh, vị ngộ lương y chiêm bệnh, hảo dược; hậu thốt đắc chi. Như nhân một hải, thốt ngộ thuyền phùng. Như khát pháp nhân, ngộ thanh lãnh thủy. Như vi oán trục, hốt nhiên đắc thoát. Như cửu hệ nhân, thốt văn đắc xuất. Diệc như nông phu, viêm hạn trị vũ. Diệc như hành nhân, hoàn đắc qui gia, gia nhân kiến dĩ, sanh đại hoan hỷ.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời, văn thị bán kệ, tâm trung hoan hỷ, diệc phục như thị. Túc tùng tòa khởi, dĩ thủ cử phát, tứ hướng cố thị, nhi thuyết thị ngôn: Hướng sở văn kệ, thù chi sở thuyết? Nhĩ thời diệc cánh bất kiến dư nhân, duy kiến la-sát. Túc thuyết thị ngôn: Thùy khai như thị giải thoát chi môn? Thùy năng lôi chấn chư Phật âm thanh? Thùy ư sanh

於生死睡眠之中而獨覺寤唱如是言。誰能於此，示導生死飢饉眾生，無上道味。無量眾生沈生死海。誰能於中作大船師。是諸眾生常為煩惱重病所纏。誰能於中為作良醫。說是半偈啟悟我心。猶如半月，漸開蓮花。

善男子。我於爾時更無所見唯見羅刹。復作是念將是羅刹說是偈耶。仍復生疑或非其說。何以故。是人形容甚可怖畏。若有得聞是偈句者。一切恐怖醜陋即除。何有此人形貌如是能說此偈。不應火中出於蓮花。非日光中出生冷水。

善男子。我於爾時復作是念。我今無智。而此羅刹或能得見過去諸佛。從諸佛所聞是半偈。我今當問是半偈義。即便前至是羅刹所作如是言。善哉大士。汝於何處得是過去離怖畏者所說半偈。大士。復於何處而得如是半如意珠。大士。是半偈義乃是過去未來現在諸佛世尊之正道也。一切世間無量眾生常為諸見羅網所覆。終身於此外道法中。初不得聞如是出世十力世雄所說空義。

善男子。我問是已。即答我言。大婆羅門。汝今不應問我是義。何以故。我不食來已經多日。處處求索了不能得。飢渴苦惱心亂寢語。非我本心之所知也。假使我今力能飛行遊於虛空至鬱單越。乃至天上處處求食亦不能得。以是緣故我說是語。

tử thùy miên chi trung, nhi độc giác ngộ, xướng như thị ngôn? Thùy năng ư thử thị đạo sanh tử, cơ căn chúng sanh, vô thượng đạo vị? Vô lượng chúng sanh trầm sanh tử hải, thùy năng ư trung, tác Đại thuyết sư? Thị chư chúng sanh thường vi phiền não, trọng bệnh sở triên, thùy năng ư trung, vị tác lương y. Thuyết thị bán kệ khả ngộ ngã tâm, do như bán nguyệt tiệm khai liên hoa.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời, cánh vô sở kiến; duy kiến la-sát. Phục tác thị niệm: Tương thị la-sát thuyết thị kệ da? Nhưng phục sanh nghi, hoặc phi kỳ thuyết. Hà dĩ cố? Thị nhân hình dung, thậm khả bố úy. Nhược hữu đắc văn thị kệ cú giả, nhất thiết khủng bố xú lậu tức trừ. Hà hữu thử nhân hình mạo như thị, năng thuyết thử kệ? Bất ưng hỏa trung, xuất ư liên hoa. Phi nhật quang trung, xuất sanh lãnh thủy!

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời, phục tác thị niệm: Ngã kim vô trí; nhi thử la-sát hoặc năng đắc kiến quá khứ chư Phật, từng chư Phật sở, văn thị bán kệ. Ngã kim đương vấn thị bán kệ nghĩa. Túc tiện tiên chí thị la-sát sở, tác như thị ngôn: Thiện tai! Đại sĩ! Nhữ ư hà xứ, đắc thị quá khứ ly bố úy giả sở thuyết bán kệ? Đại sĩ phục ư hà xứ, nhi đắc như thị bán như ý châu? Đại sĩ! Thị bán kệ nghĩa, nãi thị quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật Thế Tôn chi Chánh Đạo dã. Nhất thiết thế gian, vô lượng chúng sanh thường vi chư kiến la võng sở phú; chung thân ư thử ngoại đạo pháp trung sơ bất đắc văn như thị xuất thế thập lực thế hùng sở thuyết không nghĩa.

Thiện nam tử! Ngã vấn thị dĩ, túc đáp ngã ngôn: Đại bà-la-môn! Nhữ kim bất ưng vấn ngã thị nghĩa! Hà dĩ cố? Ngã bất thực lai, dĩ kinh đa nhật. Xú xú câu sách, liễu bất năng đắc. Cơ khát khổ não, tâm loạn nghệ ngữ, phi ngã bản tâm chi sở tri dã. Giả sử ngã kim, lực năng phi hành, du ư hư không, chí Uất-đan-việt, nãi chí thiên thượng, xú xú câu thực, diệc bất năng đắc. Dĩ thị duyên cố, ngã thuyết thị ngữ.

善男子。我時即復語羅刹言。大士。若能為我說是偈竟。我當終身為汝弟子。

大士。汝所說者名字不終義亦不盡。以何因緣不欲說耶。

夫財施者則有竭盡。法施因緣不可盡也。雖無有盡多所利益。我今聞此半偈法已心生驚疑。汝今幸可為我除斷說此偈竟。我當終身為汝弟子。

羅刹答言。汝智太過但自愛身。都不見念今我定為飢苦所逼。實不能說。

我即問言。汝所食者。為是何物。

羅刹答言。汝不足問。我若說者令多人怖。

我復問言。此中獨處更無有人。我不畏汝何故不說。

羅刹答言。我所食者唯人暖肉。其所飲者唯人熱血。自我薄祜唯食此食。周遍求索困不能得。世雖多人皆有福德。兼為諸天之所守護。而我無力不能得殺。

善男子。我復語言。汝但具足說是半偈。我聞偈已當以此身奉施供養。

大士。我設命終。如此之身無所復用。當為虎狼鴟梟鷲之所噉食。然後不得一毫之福。我今為求阿耨多羅三藐三菩提。捨不堅身以易堅身。

Thiện nam tử! Ngã thời tức phục ngữ La-sát ngôn: Đại sĩ! Nhược năng vị ngã, thuyết thị kệ cánh, ngã đương chung thân vị nhữ đệ tử.

Đại sĩ! Nhữ sở thuyết giả, danh tự bất chung, nghĩa diệc bất tận. Dĩ hà nhân duyên, bất dục thuyết da?

Phù tài thí giả, tác hữu kiệt tận. Pháp thí nhân duyên, bất khả tận dã. Tuy vô sở tận, đa sở lợi ích. Ngã kim văn thử bán kệ pháp dĩ, tâm sanh kinh nghi. Nhữ kim hạnh khả vị ngã trừ đoạn. Thuyết thử kệ cánh, ngã đương chung thân vị nhữ đệ tử.

La-sát đáp ngôn: Nhữ trí thái quá, dẫn tự ái thân, đô bất kiến niệm. Kim ngã định vi cơ khổ sở bức, thật bất năng thuyết.

Ngã tức vấn ngôn: Nhữ sở thực giả, vi thị hà vật?

La-sát đáp ngôn: Nhữ bất túc vấn. Ngã nhược thuyết giả, linh đa nhân bố.

Ngã phục vấn ngôn: Thử trung độc xử, cánh vô hữu nhân. Ngã bất úy, nhữ hà cố bất thuyết?

La-sát đáp ngôn: Ngã sở thực giả, duy nhân noãn nhục. Kỳ sở ẩm giả, duy nhân nhiệt huyết. Tự ngã bạc hộ, duy thực thử thực. Châu biến cầu sách, khôn bất năng đắc. Thế tuy đa nhân, giai hữu phước đức kiêm vi chư thiên chi sở thủ hộ, nhi ngã vô lực, bất năng đắc sát.

Thiện nam tử! Ngã phục ngữ ngôn: Nhữ dẫn cụ túc thuyết thị bán kệ. Ngã văn kệ dĩ, đương dĩ thử thân phụng thí cúng dường.

Đại sĩ, ngã thiết mạng chung, như thử chi thân, vô sở phục dụng; đương vi hổ, lang, si, kiêu, điêu, thúu chi sở háam thực. Nhiên hậu bất đắc nhất hào chi phước. Ngã kim vị cầu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, xả bất kiên thân dĩ dịch kiên thân.

羅刹答言。誰當信汝如是之言。為八字故棄所愛身。

善男子。我即答言。汝真無智。譬如有人施他凡器得七寶器。我亦如是。捨不堅身得金剛身。汝言誰當信者我今有證。大梵天王釋提桓因及四天王能證是事。復有天眼諸菩薩等。為欲利益無量眾生。修行大乘具六度者。亦能證知。復有十方諸佛世尊利眾生者。亦能證我為八字故捨於身命。

羅刹復言。汝若如是能捨身者。諦聽諦聽。當為汝說其餘半偈。

善男子。我於爾時聞是事已心中歡喜。即解己身所著鹿皮。為此羅刹敷置法座。白言。和尚。願坐此座。我即於前叉手長跪而作是言。唯願和尚。善為我說其餘半偈令得具足。

羅刹即說。

生滅滅已
寂滅為樂

爾時羅刹說是偈已復作是言。菩薩摩訶薩汝今已聞具足偈義。汝之所願為悉滿足。若悉欲利諸眾生者。時施我身。

善男子。我於爾時深思此義。然後處處若石若壁若樹若道書寫此偈。即便更繫所著衣裳。恐其死後身體露現。即上高樹。

La-sát đáp ngôn: Thùy đương tín nhữ như thị chi ngôn, vị bát tự cố, khí sở ái thân?

Thiện nam tử! Ngã tức đáp ngôn: Nhữ chân vô trí. Thí như hữu nhân, thí tha ngôa khí đặc thất bảo khí. Ngã diệc như thị, xả bất kiên thân, đặc Kim cang thân. Nhữ ngôn: thùy đương tín giả? Ngã kim hữu chứng: Đại phạm thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân cập Tứ thiên vương, năng chứng thị sự. Phục hữu thiên nhân chư Bồ Tát đẳng, vị dục lợi ích vô lượng chúng sanh, tu hành đại thừa, cụ lục độ giả, diệc năng chứng tri. Phục hữu thập phương chư Phật Thế Tôn, lợi chúng sanh giả, diệc năng chứng ngã vị bát tự cố, xả ư thân mạng.

La-sát phục ngôn: Nhữ nhược như thị năng xả thân giả, đế thính, đế thính! Đương vị nhữ thuyết kỳ dư bán kệ.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời, văn thị sự dĩ, tâm trung hoan hỷ, tức giải kỷ thân sở trước lộc bì, vị thủ La-sát, phu trí pháp tòa, bạch ngôn: Hòa thượng! Nguyên tọa thủ tòa. Ngã tức ư tiên, xoa thủ trường quy, nhi tác thị ngôn: Duy nguyện Hòa thượng, thiện vị ngã thuyết kỳ dư bán kệ, linh đặc cụ túc.

La-sát tức thuyết:

Sanh diệt diệt dĩ,
Tịch diệt vi lạc.

Nhĩ thời, La-sát thuyết thị kệ dĩ, phục tác thị ngôn: Bồ Tát ma-ha-tát! Nhữ kim dĩ văn cụ túc kệ nghĩa. Nhữ chi sở nguyện vi tất mãn túc. Nhược tất dục lợi chư chúng sanh giả, thời thí ngã thân.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời, thâm tư thủ nghĩa. Nhiên hậu xứ xứ, nhược thạch, nhược bích, nhược thọ, nhược đạo, thơ tả thủ kệ.

Túc tiện cánh hệ, sở trước y thường, khủng kỳ tử hậu, thân thể lộ hiện, tức thượng cao thọ.

爾時樹神復問我言。善哉仁者。欲作何事。

善男子。我時答言。我欲捨身以報偈價。

樹神問言。如是偈者何所利益。

我時答言。如是偈句乃是過去未來現在諸佛所說開空法道。我為此法棄捨身命。不為利養名聞財寶轉輪聖王四大天王釋提桓因大梵天王人天中樂。為欲利益一切眾生故捨此身。

善男子。我捨身時復作是言。願令一切慳惜之人。悉來見我捨離此身。若有少施起貢高者。亦令得見我為一偈捨此身命如棄草木。

我於爾時說是語已。尋即放身自投樹下。未至地時。虛空之中出種種聲。其聲乃至阿迦尼吒天。爾時羅刹還復釋身。即於空中接取我身安置平地。

爾時釋提桓因及諸天人大梵天王。稽首頂禮於我足下。讚言。善哉善哉。真是菩薩。能大利益無量眾生。欲於無明黑闇之中然大法炬。由我愛惜如來大法故相憍惱。唯願聽我懺悔罪咎。汝於未來必定成就阿耨多羅三藐三菩提。願見濟度。

爾時釋提桓因及諸天眾。頂禮我足。於是辭去忽然不現。

Nhĩ thời, thọ thần phục vấn ngã ngôn: Thiện tai, nhân giả! Dục tác hà sự?

Thiện nam tử! Ngã thời đáp ngôn: Ngã dục xả thân dĩ báo kệ giá.

Thọ thần vấn ngôn: Như thị kệ giá, hà sở lợi ích?

Ngã thời đáp ngôn: Như thị kệ cú nãi thị quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật sở thuyết, khai không pháp đạo. Ngã vị thủ pháp, khí xả thân mạng. Bất vị lợi dưỡng, danh văn tài bảo, Chuyển luân thánh vương, Tứ đại thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Đại Phạm Thiên Vương, nhân thiên trung lạc; vị dục lợi ích nhất thiết chúng sanh, cố xả thủ thân.

Thiện nam tử! Ngã xả thân thời, phục tác thị ngôn: Nguyên linh nhất thiết khan tích chi nhân, tất lai kiến ngã xả ly thủ thân! Nhược hữu thiểu thí, khởi cống cao giả, diệt linh đắc kiến ngã vị nhất kệ, xả thủ thân mạng như khí thảo mộc!

Ngã ư nhĩ thời, thuyết thị ngữ dĩ, tâm tức phóng thân, tự đầu thọ hạ. Vị chí địa thời, hư không chi trung, xuất chủng chủng thanh. Kỳ thanh nãi chí A-ca-ni-trá thiên. Nhĩ thời, La-sát hoàn phục Thích thân, tức ư không trung, tiếp thủ ngã thân, an trí bình địa.

Nhĩ thời, Thích-đề-hoàn-nhân cập chư thiên nhân, Đại phạm Thiên vương, khể thủ đỉnh lễ; ư ngã túc hạ, tán ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Chân thị Bồ Tát! Năng đại lợi ích vô lượng chúng sanh; dục ư vô minh hắc ám chi trung, nhiên đại pháp cụ! Do ngã ái tích Như Lai đại pháp, cố tương nhiều nã. Duy nguyện thính ngã sám hối tội cũ. Nhữ ư vị lai, tất định thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nguyện kiến tế độ!

Nhĩ thời Thích-đề-hoàn-nhân cập chư thiên chúng đỉnh lễ ngã túc; ư thị từ khứ, hốt nhiên bất hiện.

善男子。如我往昔為半偈故捨棄此身。以是因緣便得超越足十二劫。在彌勒前成阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。我得如是無量功德。皆由供養如來正法。善男子。汝今亦爾發於阿耨多羅三藐三菩提心。則已超過無量無邊恒河沙等諸菩薩上。

善男子。是名菩薩住於大乘大般涅槃修於聖行。

大般涅槃經卷第十四

終

Thiện nam tử! Như ngã vãng tích, vị bán kệ cố, xả khí thủ thân. Dĩ thị nhân duyên, tiện đắc siêu việt túc thập nhị kiếp, tại Di-lặc tiền, thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thiện nam tử! Ngã đắc như thị vô lượng công đức, giai do cúng dường Như Lai chánh pháp. Thiện nam tử! Nhữ kim diệt nhĩ; phát ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, tác dĩ siêu quá vô lượng vô biên hàng hà sa đẳng chư Bồ Tát thượng.

Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát trụ ư Đại thừa Đại Niết-bàn tu ư Thánh hạnh.

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ thập tứ

Chung

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN MƯỜI BỐN

PHẨM THÁNH HẠNH

Phẩm thứ bảy - Phần bốn

Thiện nam tử! Ta xét thấy các hành đều là vô thường. Vì sao biết được? Là do nhân duyên. Nếu có các pháp do duyên mà sanh, hẳn biết được là vô thường. Những kẻ ngoại đạo ấy không có pháp nào lại không do duyên sanh.

“Thiện nam tử! Tánh Phật là không sanh, không diệt, không đến, không đi; không thuộc quá khứ, không thuộc vị lai, không thuộc hiện tại; không phải do nhân tạo tác, cũng chẳng phải không do nhân tạo tác; không tạo tác, không người tạo tác; không phải tướng, không phải vô tướng; chẳng phải có tên, chẳng phải không tên, chẳng phải tên gọi; chẳng phải hình sắc, chẳng dài, chẳng ngắn; chẳng phải chỗ thâm nhiếp, nắm giữ của các ấm, giới, nhập. Vì thế nên gọi là thường.

“Thiện nam tử! Tánh Phật tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp. Pháp tức là thường. Thiện nam tử! Thường tức là Như Lai. Như Lai tức là Tăng. Tăng tức là thường. Vì nghĩa ấy nên những pháp do nhân sanh ra chẳng gọi là thường. Những kẻ ngoại đạo ấy không có pháp nào là không do nhân sanh ra.

“Thiện nam tử! Những kẻ ngoại đạo ấy chẳng thấy được tánh Phật, Như Lai và Chánh pháp. Cho nên những lời mà họ nói ra đều là sai lầm, hư dối, không

có chân đế. Những kẻ phàm phu trước thấy những vật như bình bát, y phục, xe cộ, nhà cửa, thành quách, sông rạch, núi rừng, nam nữ, voi ngựa, bò dê.. về sau lại thấy những hình dạng cũng tương tự như thế, liền cho đó là thường.⁽¹⁾ Nên biết, thật ra đó chẳng phải thường.

“Thiện nam tử! Hết thấy các pháp hữu vi đều là vô thường. Hư không vô vi nên là thường. Tánh Phật vô vi nên là thường. Hư không tức là tánh Phật; tánh Phật tức là Như Lai. Như Lai tức là vô vi; vô vi tức là thường; thường tức là pháp; pháp tức là Tăng; Tăng tức là vô vi. Vô vi đó, tức là thường.

“Thiện nam tử! Các pháp hữu vi nói chung có hai loại: pháp hình sắc và pháp không hình sắc. Pháp không hình sắc là các pháp tâm và tâm sở.⁽²⁾ Pháp hình sắc là những thứ như đất, nước, lửa, gió...⁽³⁾

“Thiện nam tử! Tâm gọi là vô thường. Vì sao vậy? Vì bản tánh nó là phan duyên,⁽⁴⁾ tùy chỗ tiếp xúc mà phân biệt. Thiện nam tử! Tánh của nhãn thức là biến đổi, cho đến tánh của ý thức cũng là biến đổi,⁽⁵⁾ nên là vô thường.

“Thiện nam tử! Cảnh giới của hình sắc là biến đổi, cho đến cảnh giới của pháp là biến đổi,⁽⁶⁾ nên là vô thường.

“Thiện nam tử! Sự tương ứng của nhãn thức là biến đổi, cho đến sự tương ứng của ý thức là biến đổi, nên là vô thường.

“Thiện nam tử! Nếu tâm là thường thì đáng lẽ riêng một nhãn thức cũng đủ duyên theo hết thấy các pháp! Thiện nam tử! Nếu nhãn thức là biến đổi, cho đến ý thức cũng là biến đổi, thì biết đó là vô thường. Vì các pháp có chỗ tương tự như nhau, trong mỗi khoảnh khắc

thường sanh ra và diệt mất, nên kẻ phàm phu thấy vậy liền cho đó là thường.

“Thiện nam tử! Vì hình tướng của các nhân duyên có thể hư hoại nên cũng gọi là vô thường. Chẳng hạn như nhân có con mắt, có hình sắc, có ánh sáng, có sự suy xét, mới sanh ra sự nhận biết của mắt. Khi sanh ra sự nhận biết của tai thì lại do nơi các nhân khác biệt, chẳng phải cùng các nhân như sự nhận biết của mắt. Cho đến sự nhận biết của ý đều khác biệt, cũng là như vậy.⁽⁷⁾

Lại nữa, thiện nam tử! Nhân duyên hư hoại của các hành là khác nhau, cho nên tâm gọi là vô thường. Chẳng hạn như tâm tu tập [quán tưởng] vô thường là khác, tâm tu tập [quán tưởng] các pháp khổ, không, vô ngã cũng khác. Nếu tâm là thường, lẽ ra chỉ thường tu pháp [quán tưởng] vô thường. Như vậy không thể quán được các pháp khổ, không, vô ngã, hướng hồ có thể quán các pháp thường, lạc, ngã, tịnh? Vì nghĩa ấy nên trong pháp của ngoại đạo không thể thâm nhiếp giữ lấy thường, lạc, ngã, tịnh. Thiện nam tử! Nên biết rằng tâm pháp nhất định là vô thường.

“Lại nữa, thiện nam tử! Vì tâm tánh khác nhau nên gọi là *vô thường*. Chẳng hạn như tâm tánh của hàng *Thanh văn* là khác, tâm tánh của hàng *Duyên giác* là khác, tâm tánh của chư Phật lại cũng khác.

“Hết thảy ngoại đạo có ba thứ tâm. Một là tâm xuất gia, hai là tâm tại gia, ba là tâm tại gia muốn xa lìa. Tâm tương ứng với vui sướng là khác, tâm tương ứng với khổ là khác, tâm tương ứng với việc chẳng khổ chẳng vui là khác. Tâm tương ứng với tham dục là khác, tâm tương ứng với sân khuể là khác, tâm tương ứng với ngu si là

khác... Hết thảy ngoại đạo, tâm tương ứng của họ cũng khác nhau. Chẳng hạn như tâm tương ứng với ngu si là khác, tâm tương ứng với nghi hoặc là khác, tâm tương ứng với tà kiến là khác. Những lúc tối lui, giữ theo oai nghi, tâm ấy cũng khác.

“Thiện nam tử! Nếu tâm là thường thì người ta không thể phân biệt được các màu, chẳng hạn như màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, màu tím... Thiện nam tử! Nếu tâm là thường thì những việc đã nhớ nghĩ lẽ ra không thể quên mất! Thiện nam tử! Nếu tâm là thường thì trong việc tụng đọc lẽ ra không có sự tiến triển.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nếu tâm là thường, lẽ ra không thể nói rằng: đã làm, đang làm, sẽ làm. Nếu có ‘*đã làm, đang làm, sẽ làm*’, phải biết rằng tâm ấy nhất định là *vô thường*.

“Thiện nam tử! Nếu tâm là thường, hẳn không có oán thù hay thân thiện, hoặc chẳng oán chẳng thân. Nếu tâm là thường, hẳn không nên nói là ‘*vật của tôi*’, ‘*vật của người khác*’, hoặc chết, hoặc sống... Nếu tâm là thường, tuy có chỗ làm nhưng lẽ ra là không có sự phát triển.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên biết rằng tâm tánh có nhiều loại khác nhau. Vì có khác nhau nên biết rằng là *vô thường*.

“Thiện nam tử! Nay ta đã giảng giải lẽ vô thường trong chỗ pháp không hình sắc. Nghĩa ấy đã rõ. Ta lại sẽ vì ông mà giảng lẽ vô thường của hình sắc.

“Sắc ấy là vô thường, vốn không có sanh, vì sanh đã diệt. Bên trong thì như thân người lúc mới vào thai, giai đoạn *ca-la-ra*⁽⁸⁾ vốn không có sanh, vì sanh đã biến đổi.

Bên ngoài thì như các mầm cây vốn không có sanh, vì sanh đã biến đổi. Vì thế nên biết rằng tất cả pháp hình sắc đều là *vô thường*.

“Thiện nam tử! Những hình sắc ở trong thân đều [liên tục] biến đổi theo từng thời điểm. Khi ở thời kỳ *ca-la-ra* là khác, khi ở thời kỳ *an-phù-đà* là khác, khi ở thời kỳ *già-na* là khác, khi ở thời kỳ nắm tay là khác, khi ở thời kỳ thành hình bào thai là khác, khi ở thời kỳ sơ sanh là khác, khi ở thời kỳ hài nhi là khác, khi ở thời kỳ nhi đồng là khác, mãi cho đến khi già nua, mỗi lúc đều có biến đổi...

“Những hình sắc bên ngoài cũng vậy: mầm cây là khác, thân cây là khác, cho đến cành, lá, hoa, trái... đều là khác.

“Lại nữa, thiện nam tử! Cho đến mùi vị bên trong cũng luôn đổi khác. Khi ở thời kỳ *ca-la-ra* là khác, cho đến thời kỳ già nua, mỗi lúc đều biến đổi... Mùi vị bên ngoài cũng vậy, mầm cây, thân cây, cành, lá, hoa, trái... mỗi lúc đều có vị khác nhau...

“Khi ở thời kỳ *ca-la-ra*, sức lực là khác, cho đến khi già nua sức lực cũng khác. Khi ở thời kỳ *ca-la-ra*, hình dạng là khác, đến khi già nua hình dạng lại khác nữa. Khi ở thời kỳ *ca-la-ra*, quả báo là khác, đến khi già nua, quả báo lại khác nữa. Khi ở thời kỳ *ca-la-ra*, tên gọi là khác, đến khi già nua, tên gọi cũng khác.

“Hình sắc trong thân hư hoại rồi hợp lại, nên biết là *vô thường*. Hình sắc bên ngoài như cây cối cũng hư hoại rồi hợp lại, nên biết là *vô thường*. Cứ tuần tự theo thứ lớp sanh ra, nên biết là *vô thường*.

“Theo thứ lớp sanh ra là như từ thời kỳ *ca-la-ra* cho

tới lúc già nua. Theo thứ lớp sanh ra là như từ mầm cây cho tới quả, hạt... nên biết là *vô thường*.

“Các hình sắc có thể diệt mất, nên biết là *vô thường*. Sự diệt mất ở thời kỳ *ca-la-ra* là khác, cho đến sự diệt mất ở thời kỳ già nua là khác. Sự diệt mất của mầm cây là khác, cho đến sự diệt mất của trái cây là khác... nên biết là *vô thường*. Kẻ phàm phu không hiểu biết, thấy chỗ sanh ra tương tự liền cho là *thường*. Vì nghĩa ấy nên gọi là *vô thường*.

“Nếu là *vô thường* tức là khổ; nếu là khổ tức là *bất tịnh*. Thiện nam tử, nhân vì trước đây *Ca-diếp* có hỏi việc ấy, ta đã giải đáp rồi.

“Lại nữa, thiện nam tử! Các pháp là *vô ngã*. Thiện nam tử! Tất cả các pháp gồm có pháp hình sắc và pháp không có hình sắc. Các pháp có hình sắc chẳng phải là *ngã*. Vì sao vậy? Vì có thể bị phá hỏng, bị hư hoại, bị xé rách, bị đánh đập, sanh ra rồi lớn dần lên. Còn cái *ngã* thì không thể bị phá hỏng, bị hư hoại, bị xé rách, bị đánh đập, không sanh ra rồi lớn dần lên. Vì nghĩa ấy nên biết các pháp có hình sắc chẳng phải là *ngã*. Các pháp không hình sắc cũng chẳng phải là *ngã*. Vì sao vậy? Vì do nhân duyên mà sanh ra.

“Thiện nam tử! Nếu có những kẻ ngoại đạo nhờ chuyên tâm suy nghĩ mà biết là có *ngã*, thì tánh của sự chuyên tâm suy nghĩ đó thật chẳng phải *ngã*. Nếu lấy sự chuyên tâm suy nghĩ mà cho là tánh của *ngã*, thì những việc trong quá khứ hẳn phải có chỗ quên mất. Vì có chỗ quên mất, nên biết chắc là *vô ngã*.

“Thiện nam tử! Nếu có những kẻ ngoại đạo nhờ nghĩ nhớ mà biết rằng có *ngã*, vì không nghĩ nhớ nên biết

chắc là *vô ngã*. Như nói: ‘Có người bàn tay đến sáu ngón.’ Vừa nghe vậy liền hỏi rằng: ‘Trước đây tôi có gặp người ấy ở đâu kia?’ Nếu là có *ngã*, lẽ ra không cần hỏi lại. Vì có hỏi nhau nên biết chắc là *vô ngã*.

“Thiện nam tử! Như có những kẻ ngoại đạo vì có chỗ ngăn che mà biết rằng có *ngã*. Thiện nam tử! Bởi có sự ngăn che nên biết chắc là *vô ngã*. Như nói: ‘*Điều-đạt*’⁽⁹⁾ thì chẳng bao giờ nói ‘chẳng phải *Điều-đạt*’. Cái *ngã* cũng vậy, nếu nói chắc là có *ngã* thì chẳng bao giờ lại ngăn che cái *ngã*. Bởi có ngăn che cái *ngã* nên biết chắc là *vô ngã*. Nếu vì sự ngăn che mà biết rằng có *ngã*, nay ông không có sự ngăn che, nhất định phải là *vô ngã*!

“Thiện nam tử! Nếu có những kẻ ngoại đạo lấy việc cùng nhóm, chẳng cùng nhóm mà biết rằng có *ngã*; vậy thì vì không cùng nhóm lẽ ra không có *ngã*! Có những pháp không có gì cùng nhóm, ấy là: Như Lai, hư không, tánh Phật. Cái *ngã* cũng vậy, thật không có gì cùng nhóm. Vì nghĩa ấy nên biết chắc là *vô ngã*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nếu có những kẻ ngoại đạo lấy tên gọi mà biết rằng có *ngã*, trong những pháp *vô ngã* cũng có tên gọi *ngã*, như người nghèo hèn có tên là Phú Quý. Như nói: ‘Ta chết’. Nếu là ta chết, thì là tự ta giết ta. Nhưng cái *ngã* thật không thể giết. Tạm gọi là ‘giết ta’, cũng như người lùn thấp mà có tên là Người Cao Lớn. Vì nghĩa ấy, nên biết chắc là *vô ngã*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nếu có những kẻ ngoại đạo thấy trẻ vừa sanh ra đã biết đòi bú mà cho rằng có *ngã*. Thiện nam tử! Nếu là có *ngã* thì hết thủy trẻ con lẽ ra không bốc lấy phân dơ, lửa, rắn, thuốc độc... Vì nghĩa ấy nên biết chắc là *vô ngã*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Có ba việc mà hết thủy chúng sanh đều có sự hiểu biết như nhau. Đó là: sự dâm dục, sự ăn uống và sự khiếp sợ. Vì vậy nên *vô ngã*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nếu có những kẻ ngoại đạo vì tướng mạo mà biết rằng có *ngã*. Thiện nam tử! Vì có tướng nên *vô ngã*. Vì không tướng cũng là *vô ngã*. Như người đang ngủ không thể đi, đứng, cúi xuống, ngẩng lên, nhìn, nháy mắt, chẳng biết khổ, vui, lẽ ra là không có *ngã*. Nếu lấy việc đi, đứng, cúi xuống, ngẩng lên, nhìn, nháy mắt mà biết là có *ngã*, thì người máy bằng gỗ⁽¹⁰⁾ lẽ ra cũng có *ngã*! Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, chẳng đi, chẳng đứng, chẳng cúi xuống, chẳng ngẩng lên, chẳng nhìn, chẳng nháy mắt, chẳng khổ, chẳng vui, chẳng tham, chẳng giận, chẳng si, chẳng làm. Như Lai như vậy, chân thật có *ngã*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nếu có những kẻ ngoại đạo thấy người khác ăn trái cây, trong miệng chảy nước miếng, do đó biết rằng có *ngã*. Thiện nam tử! Bởi có nhớ tưởng nên nhìn thấy thì chảy nước miếng, nước miếng đó chẳng phải *ngã*. *Ngã* cũng chẳng phải là nước miếng, chẳng phải vui, chẳng phải buồn, chẳng phải ngáp, chẳng phải cười, chẳng phải nằm, chẳng phải ngồi, chẳng phải đói, chẳng phải no... Vì nghĩa ấy nên biết chắc là *vô ngã*.

“Thiện nam tử! Những kẻ ngoại đạo ấy ngu si như trẻ con, không có phương tiện trí tuệ, không rõ biết các lẽ thường, vô thường, khổ, vui, tịnh, bất tịnh, *ngã*, *vô ngã*, thọ mạng, chẳng phải thọ mạng, chúng sanh, chẳng phải chúng sanh, thật, chẳng phải thật, có, chẳng phải có. Ở trong Phật pháp, họ chỉ nắm được một phần rất

nhỏ, hư dối cho rằng có thường, lạc, ngã, tịnh, nhưng thật chẳng biết thường, lạc, ngã, tịnh.

“Như người mù từ lúc mới sanh, không biết màu của sữa, liền hỏi một người khác: ‘Màu của sữa giống cái gì?’ Người kia đáp: ‘Màu trắng như vỏ ốc.’ Người mù lại hỏi: ‘Màu của sữa có giống như tiếng thổi vỏ ốc⁽¹¹⁾ chẳng?’ Đáp rằng: ‘Không phải.’ Lại hỏi: ‘Màu của vỏ ốc giống cái gì?’ Đáp: ‘Như cháo nếp.’ Người mù lại hỏi: ‘Sữa có mềm dẻo như cháo nếp chẳng?’ [Đáp rằng: ‘Không phải.’ Lại hỏi:] ‘Cháo nếp giống cái gì?’ Đáp: ‘Giống như mưa tuyết.’ Người mù lại hỏi: ‘Cháo nếp có lạnh như tuyết chẳng?’ [Đáp rằng: ‘Không phải.’ Lại hỏi:] ‘Tuyết giống cái gì?’ Đáp: ‘Giống như con hạc trắng.’

“Người mù từ lúc mới sanh ấy, tuy nghe bốn cách so sánh như vậy, nhưng rốt cuộc cũng chẳng biết được màu thật của sữa. Những kẻ ngoại đạo kia cũng vậy, rốt cuộc cũng chẳng biết được *thường, lạc, ngã, tịnh*.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên trong pháp Phật mới có chân lý chân thật, ngoại đạo không có được.”

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: “Thật ít có thay, Thế Tôn! Nay Như Lai sắp buông xả tất cả mà vào *Niết-bàn*, dùng phương tiện chuyển bánh xe pháp Vô thượng,⁽¹²⁾ phân biệt Chân đế như vậy!”

Phật bảo *Văn-thù-sư-lợi*: “Hôm nay vì sao ông đối với Như Lai lại nảy sanh tư tưởng [cho rằng Như Lai sắp vào] *Niết-bàn*?

“Thiện nam tử! Như Lai thật là thường trụ, không biến đổi, không có vào *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Như có ý cho rằng: ‘Ta là Phật, ta thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Ta là pháp, pháp là của ta. Ta là đạo, đạo là của ta. Ta là Thế Tôn, Thế Tôn là của ta. Ta là Thanh văn, Thanh văn là của ta. Ta có thể thuyết pháp, khiến người khác nghe và tin nhận. Ta chuyển bánh xe Pháp, ngoài ra những người khác không thể.’ Như Lai không bao giờ có những ý nghĩ như vậy. Cho nên Như Lai không có chuyển bánh xe Pháp.

“Thiện nam tử! Như có người có những ý tưởng hư dối cho rằng: ‘Ta là mắt, mắt là của ta. Cho đến tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng là như vậy.’⁽¹³⁾ Ta là sắc, sắc là của ta; cho đến *pháp* cũng là như vậy.⁽¹⁴⁾ Ta là đất, đất là của ta, cho đến nước, lửa, gió cũng là như vậy.’⁽¹⁵⁾ [Những ý tưởng như vậy đều là hư dối.]

“Thiện nam tử! Như có người nói rằng: ‘Ta là tín, tín là của ta. Ta là đa văn,⁽¹⁶⁾ đa văn là của ta. Ta là Đàn ba-la-mật,⁽¹⁷⁾ Đàn ba-la-mật là của ta. Ta là Thi-la ba-la-mật,⁽¹⁸⁾ Thi-la ba-la-mật tức là của ta. Ta là Sần-đề ba-la-mật,⁽¹⁹⁾ Sần-đề ba-la-mật là của ta. Ta là Tỳ-lê-da ba-la-mật,⁽²⁰⁾ Tỳ-lê-da ba-la-mật là của ta. Ta là Thiên ba-la-mật,⁽²¹⁾ Thiên ba-la-mật là của ta. Ta là Bát-nhã ba-la-mật,⁽²²⁾ Bát-nhã ba-la-mật là của ta. Ta là Bốn niệm xứ,⁽²³⁾ Bốn niệm xứ là của ta. Bốn chánh cần,⁽²⁴⁾ Bốn như ý túc,⁽²⁵⁾ Năm căn,⁽²⁶⁾ Năm sức,⁽²⁷⁾ Bảy phần giác,⁽²⁸⁾ Tám Thánh đạo⁽²⁹⁾ lại cũng như vậy.’ [Những ý tưởng như vậy đều là hư dối.] Thiện nam tử! Như Lai chẳng bao giờ có những ý nghĩ [hư dối] như thế, nên Như Lai thật không có chuyển bánh xe Pháp.

“Thiện nam tử! Nếu nói [Như Lai] là thường trụ, không hề biến đổi, sao lại nói rằng Phật chuyển bánh xe

Pháp? Cho nên hôm nay ông không nên nói rằng ‘Như Lai phương tiện chuyển bánh xe Pháp’.

“Thiện nam tử! Ví như có nhân là con mắt, có các duyên là hình sắc, ánh sáng, sự suy xét. Nhân và duyên hòa hợp mà sanh ra sự thấy biết của mắt, tức là nhãn thức. Thiện nam tử! Con mắt không nghĩ rằng: ‘*Ta có thể sanh ra nhãn thức.*’ Hình sắc, ánh sáng, sự suy xét cũng đều không nghĩ rằng: ‘*Ta sanh ra nhãn thức.*’ Nhãn thức lại cũng không nghĩ rằng: ‘*Ta có thể tự sanh ra.*’ Thiện nam tử! Những pháp như vậy, do nhân và duyên hòa hợp nên được gọi là sự thấy.

“Thiện nam tử! Như Lai cũng thế. Nhân có sáu pháp *ba-la-mật*, ba mươi bảy pháp trợ *Bồ-đề*, nên rõ biết hết các pháp. Lại nhân có yết hầu, lưỡi, răng, môi, miệng, lời lẽ, giọng nói, nên vì *Kiều-trần-như* mà thuyết pháp lần đầu tiên, gọi là chuyển bánh xe Pháp. Vì nghĩa ấy nên không gọi là ‘*Như Lai chuyển bánh xe pháp.*’⁽³⁰⁾

“Thiện nam tử! Nếu như không chuyển thì gọi đó là Pháp. Pháp đó là Như Lai.

“Thiện nam tử! Ví như nhân có đồ đánh lửa,⁽³¹⁾ nhân sự chà xát, nhân bàn tay, nhân phân bò khô mà sanh ra lửa.⁽³²⁾ Đồ đánh lửa không nói rằng: ‘*Ta có thể sanh ra lửa.*’ Sự chà xát, bàn tay, phân bò, mỗi thứ cũng không nghĩ rằng: ‘*Ta có thể sanh ra lửa.*’ Lửa cũng chẳng nói rằng: ‘*Ta có thể tự sanh ra.*’

“Như Lai cũng vậy, nhân nơi sáu pháp *ba-la-mật* cho đến vì *Kiều-trần-như* mà thuyết pháp, gọi là chuyển bánh xe Pháp. Như Lai không nghĩ rằng: ‘*Ta chuyển bánh xe Pháp.*’

“Thiện nam tử! Nếu không sanh ra, tức gọi là chuyển bánh xe Pháp một cách chân chánh. Chuyển bánh xe pháp như vậy, gọi là Như Lai.

“Thiện nam tử! Ví như nhân có sữa, có nước, có sự khuấy đảo, có bình chứa, có sợi dây,⁽³³⁾ có tay người vớt lấy, mà có món bơ. Sữa không nghĩ rằng: ‘*Ta có thể làm ra bơ.*’ Các yếu tố khác, cho đến tay người cũng không nghĩ rằng: ‘*Ta có thể làm ra bơ.*’ Món bơ cũng không nói rằng: ‘*Ta có thể tự làm ra.*’ Bởi nhiều duyên hòa hợp nên mới thành món bơ. Như Lai cũng vậy, chẳng bao giờ nghĩ rằng: ‘*Ta chuyển bánh xe pháp.*’

“Thiện nam tử! Nếu chẳng làm ra [như vậy], đó gọi là chuyển bánh xe Pháp một cách chân chánh. Chuyển bánh xe pháp như vậy, tức là Như Lai.

“Thiện nam tử! Ví như nhân có hạt giống, có đất, có nước, có sự ấm áp, có gió, có phân bón, có thời tiết, có người trông tủa... nên mầm cây được sanh ra. Thiện nam tử! Hạt giống không nói rằng: ‘*Ta có thể sanh ra mầm cây.*’ Các yếu tố khác, cho đến người trông tủa cũng đều chẳng nói rằng: ‘*Ta có thể sanh ra mầm cây.*’ Mầm cây cũng không nói rằng: ‘*Ta có thể tự sanh ra.*’ Như Lai cũng thế, không bao giờ nghĩ rằng: ‘*Ta chuyển bánh xe pháp.*’

“Thiện nam tử! Nếu không tạo tác, ấy gọi là chuyển bánh xe pháp một cách chân chánh. Chuyển bánh xe pháp như vậy tức là Như Lai.

“Thiện nam tử! Ví như nhân có cái trống, có khoảng không, có da bịt trống, có người, có dùi trống, hợp lại mà phát ra tiếng. Cái trống chẳng nghĩ rằng: ‘*Ta có thể phát ra tiếng.*’ Các yếu tố khác, cho đến cái dùi trống cũng đều như vậy. Tiếng trống cũng chẳng nói: ‘*Ta có*

thể tự phát ra. Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, chẳng bao giờ nghĩ rằng: *‘Ta chuyển bánh xe pháp.’*

“Thiện nam tử! Chuyển bánh xe Pháp, đó gọi là không tạo tác; không tạo tác tức là chuyển bánh xe Pháp. Chuyển bánh xe Pháp tức là Như Lai. Thiện nam tử! Chuyển bánh xe Pháp [như thế] đó mới là cảnh giới của chư Phật Thế Tôn, chẳng phải chỗ hàng Thanh văn, Duyên giác có thể rõ biết được.

“Thiện nam tử! Hư không không sanh ra, không xuất hiện, không tạo tác, không phải pháp hữu vi. Như Lai cũng vậy, không sanh ra, không xuất hiện, không tạo tác, không phải pháp hữu vi. Như tánh Như Lai, tánh Phật cũng vậy, không sanh ra, không xuất hiện, không tạo tác, không phải pháp hữu vi.

“Thiện nam tử! Ngôn ngữ của chư Phật Thế Tôn có hai phần: một là ngôn ngữ thế gian, hai là ngôn ngữ xuất thế gian. Thiện nam tử! Như Lai vì hàng Thanh văn, Duyên giác mà giảng thuyết bằng ngôn ngữ thế gian, vì các vị Bồ Tát mà giảng thuyết bằng ngôn ngữ xuất thế gian.

“Thiện nam tử! Trong đại chúng đây cũng có hai hạng: một là hạng cầu Tiểu thừa, hai là hạng cầu Đại thừa. Ngày xưa, ở thành *Ba-la-nại* ta vì hàng Thanh văn mà chuyển bánh xe Pháp. Hôm nay, ở tại thành *Câu-thi-na* này ta lần đầu tiên vì các vị Bồ Tát mà chuyển bánh xe Đại pháp.

“Lại nữa, thiện nam tử! Có hai hạng người: hạng căn tánh trung bình và hạng căn tánh cao tột. Trước đây ở thành *Ba-la-nại* ta đã chuyển bánh xe pháp cho hạng người căn tánh trung bình. Nay ở nơi này, tại thành *Câu-thi-na*, ta chuyển bánh xe đại pháp cho hạng người

căn tánh cao tột, hàng voi chúa giữa loài người,⁽³⁴⁾ là các vị như *Bồ Tát Ca-diếp* đây.

“Thiện nam tử! Với hạng người căn tánh kém cõi nhất thì Như Lai chẳng bao giờ vì họ mà chuyển bánh xe Pháp. Hạng căn tánh kém cõi nhất, đó là những kẻ *nhất-xiển-đề.*⁽³⁵⁾

“Lại nữa, thiện nam tử! Những người cầu Phật đạo cũng có hai hạng: một là hạng tinh tấn bậc trung, hai là hạng tinh tấn bậc thượng. Trước đây, ở thành *Ba-la-nại* ta đã chuyển bánh xe pháp cho hạng tinh tấn bậc trung. Nay ở nơi này, tại thành *Câu-thi-na*, ta chuyển bánh xe Đại pháp cho hạng tinh tấn bậc thượng.

“Lại nữa, thiện nam tử! Trước đây khi ở thành *Ba-la-nại* ta chuyển bánh xe Pháp lần đầu, có tám vạn chư thiên và người ta đắc quả *Tu-đà-hoàn.*⁽³⁶⁾ Nay ở nơi này, tại thành *Câu-thi-na*, có tám mươi vạn ức người được địa vị không còn thối chuyển⁽³⁷⁾ đối với quả vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.*

“Lại nữa, thiện nam tử! Khi ở thành *Ba-la-nại*, Đại Phạm thiên vương cúi đầu sát đất thỉnh ta chuyển bánh xe Pháp. Nay ở nơi này, tại thành *Câu-thi-na*, Bồ Tát *Ca-diếp* cúi đầu sát đất thỉnh ta chuyển bánh xe Pháp.

“Lại nữa, thiện nam tử! Khi xưa ta ở thành *Ba-la-nại* kia chuyển bánh xe Pháp, giảng thuyết những pháp vô thường, khổ, không, vô ngã. Nay ở nơi này, tại thành *Câu-thi-na*, chuyển bánh xe Pháp, giảng thuyết những pháp thường, lạc, ngã, tịnh.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ta xưa ở thành *Ba-la-nại* kia chuyển bánh xe Pháp, những lời nói ra tận cảnh trời

Phạm thiên cũng nghe. Nay Như Lai ở thành *Câu-thi-na* chuyển bánh xe Pháp, những lời nói ra thấu suốt các thế giới của chư Phật ở phương đông nhiều như số cát hai mươi sông Hằng. Về các phương nam, phương tây, phương bắc, bốn phương phụ, phương trên và phương dưới cũng đều vang xa như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Chư Phật Thế Tôn giảng thuyết bất cứ điều gì cũng đều gọi là chuyển bánh xe Pháp. Thiện nam tử! Ví như vị Thánh vương có bánh xe quý, với những kẻ chưa hàng phục có thể khiến cho hàng phục; những kẻ đã hàng phục rồi lại có thể khiến cho được an ổn. Thiện nam tử! Những sự giảng thuyết của chư Phật Thế Tôn cũng vậy, những ai chưa điều phục vô lượng phiền não có thể khiến cho điều phục; những ai đã điều phục rồi, lại khiến cho sanh khởi các căn lành.

“Thiện nam tử! Ví như vị Thánh vương có bánh xe quý, ắt có thể tiêu diệt hết thảy giặc thù. Như Lai thuyết pháp cũng vậy, có thể khiến cho hết thảy giặc phiền não đều trở nên tĩnh lặng.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như vị Thánh vương có bánh xe quý, trên dưới đều xoay chuyển.⁽³⁸⁾ Như Lai thuyết pháp cũng vậy, có thể khiến cho những chúng sanh tệ ác ở những cảnh giới thấp⁽³⁹⁾ được sanh lên cõi người, cõi trời, cho đến vào trong Phật đạo.

“Thiện nam tử! Vì thế nên hôm nay ông không nên xưng tán rằng: ‘Như Lai lại chuyển bánh xe Pháp ở đây.’”

Lúc ấy, *Văn-thù-sư-lợi* bạch Phật: “Thế Tôn! Con chẳng phải là không biết nghĩa ấy. Sở dĩ thưa hỏi là vì muốn được lợi ích cho chúng sanh.

“Bạch Thế Tôn! Từ lâu con đã biết rằng chuyển bánh xe Pháp thật là cảnh giới của chư Phật Như Lai, chẳng phải chỗ hàng Thanh văn, Duyên giác có thể biết được.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo *Bồ Tát Ca-diếp*: “Thiện nam tử! Đó gọi là chỗ thực hành Thánh hạnh của vị *Bồ Tát* trụ nơi kinh Đại thừa Đại *Niết-bàn*.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Do ý nghĩa gì mà gọi là Thánh hạnh?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Thánh là danh xưng của chư Phật Thế Tôn. Vì nghĩa ấy nên gọi là Thánh hạnh.”

Bồ Tát Ca-diếp thưa hỏi: “Thế Tôn! Nếu là hạnh của chư Phật, ắt không phải hàng Thanh văn, Duyên giác và *Bồ Tát* có thể tu hành.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Chư Phật Thế Tôn trụ yên ở kinh Đại Bát *Niết-bàn* này mà đưa ra những lời chỉ bày phân biệt như vậy, diễn thuyết ý nghĩa. Vì nghĩa ấy nên gọi là Thánh hạnh. Hàng Thanh văn, Duyên giác và *Bồ Tát* được nghe như vậy rồi liền có thể kính cẩn làm theo, nên gọi là Thánh hạnh.

“Thiện nam tử! *Bồ Tát ma-ha-tát* khi được Thánh hạnh này rồi, ắt được trụ nơi địa vị *Vô sở úy*.⁽⁴⁰⁾ Thiện nam tử! Như có *Bồ Tát* nào trụ nơi địa vị *Vô sở úy*, ắt không còn trở lại sợ sệt tham dục, sân khuể, ngu si, sanh, già, bệnh, chết. Cũng không còn sợ sệt những đường ác như địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

“Thiện nam tử! Sự ác có hai loại: một là *a-tu-la*,⁽⁴¹⁾ hai là trong cõi người. Trong cõi người có ba hạng ác: một là những kẻ *nhất-xiển-đề*, hai là những kẻ phỉ báng kinh điển Phương đẳng,⁽⁴²⁾ ba là những kẻ phạm Bốn

tội nghiêm trọng.⁽⁴³⁾ Thiện nam tử! Trụ ở địa vị Vô sở úy rồi, các vị Bồ Tát không bao giờ sợ rơi vào những điều ác như vậy, cũng không sợ sệt hàng *sa-môn*, *bà-la-môn*, ngoại đạo tà kiến, Thiên ma *Ba-tuần*, cũng không còn sợ thọ sanh vào hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu.⁽⁴⁴⁾ Vì vậy nên địa vị ấy gọi là Vô sở úy.

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* trụ ở địa vị Vô sở úy có hai mươi lăm phép *Tam-muội* vượt qua được hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu.

Thiện nam tử! Bồ Tát chúng được *Vô cấu Tam-muội* có thể vượt qua cõi *địa ngục*.

Chúng được *Vô thối Tam-muội* có thể vượt qua cõi *súc sanh*.

Chúng được *Tâm lạc Tam-muội* có thể vượt qua cõi *ngạ quỷ*.

Chúng được *Hoan hỷ Tam-muội* có thể vượt qua cõi *a-tu-la*.

Chúng được *Nhật quang Tam-muội* có thể vượt qua cõi *Phát-bà-đề*.

Chúng được *Nguyệt quang Tam-muội* có thể vượt qua cõi *Cô-da-ni*.

Chúng được *Nhiệt diệm Tam-muội* có thể vượt qua cõi *Uất-đan-việt*.

Chúng được *Như huyễn Tam-muội* có thể vượt qua cõi *Diêm-phù-đề*.

Chúng được *Nhất thiết pháp bất động Tam-muội* có thể vượt qua cõi trời *Tứ Thiên Vương*.

Chúng được *Tôi phục Tam-muội* có thể vượt qua cõi trời *Ba mươi ba*.

Chúng được *Duyệt ý Tam-muội* có thể vượt qua cõi trời *Diệm-ma*.

Chúng được *Thanh sắc Tam-muội* có thể vượt qua cõi trời *Đâu-suất*.

Chúng được *Hoàng sắc Tam-muội* có thể vượt qua cõi trời *Hóa lạc*.

Chúng được *Xích sắc Tam-muội* có thể vượt qua cõi trời *Tha hóa tự tại*.

Chúng được *Bạch sắc Tam-muội* có thể vượt qua cõi trời *Sơ thiên*.

Chúng được *Chủng chủng Tam-muội* có thể vượt qua cõi trời *Đại phạm*.

Chúng được *Song Tam-muội* có thể vượt qua cõi trời *Nhị thiên*.

Chúng được *Lôi âm Tam-muội* có thể vượt qua cõi trời *Tam thiên*.

Chúng được *Chú vũ Tam-muội* có thể vượt qua cõi trời *Tứ thiên*.

Chúng được *Như hư không Tam-muội* có thể vượt qua cõi trời *Vô tưởng*.

Chúng được *Chiếu kính Tam-muội* có thể vượt qua cõi trời *Tịnh cư A-na-hàm*.

Chúng được *Vô ngại Tam-muội* có thể vượt qua cõi trời *Không xứ*.

Chúng được *Thường Tam-muội* có thể vượt qua cõi trời *Thức xứ*.

Chúng được Lạc Tam-muội có thể vượt qua cõi trời Bất dụng xứ hữu.

Chúng được Ngã Tam-muội có thể vượt qua cõi trời Phi tướng, phi phi tướng xứ.

“Thiện nam tử! Đó gọi là Bồ Tát chúng được hai mươi lăm phép Tam-muội dứt trừ được hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. Thiện nam tử! Hai mươi lăm phép Tam-muội ấy gọi là Tam-muội vương, là vua của các phép Tam-muội.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát khi nhập vào các phép Tam-muội vương này, nếu muốn thổi nát núi chúa Tu-di thì có thể tùy ý làm được ngay. Nếu muốn biết hết ý nghĩ trong tâm của chúng sanh trong Tam thiên Đại thiên thế giới, liền có thể biết được ngay. Nếu muốn đem chúng sanh trong Tam thiên Đại thiên thế giới đặt vào một lỗ chân lông trên thân mình, thì tùy ý làm được ngay, lại cũng có thể làm cho các chúng sanh ấy không cảm thấy bị dồn ép. Nếu muốn hóa ra vô lượng chúng sanh đầy khắp cả Tam thiên Đại thiên thế giới, cũng có thể tùy ý làm được. Muốn phân một thân ra thành nhiều thân, rồi khiến nhiều thân ấy hợp lại thành một thân. Tuy làm những việc như thế, nhưng trong tâm không có chỗ vướng mắc, luôn tinh khiết như hoa sen.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát khi nhập vào các phép Tam-muội vương này, liền được trụ nơi địa vị tự tại. Bồ Tát trụ ở địa vị tự tại ấy thì có sức tự tại, muốn sanh ra ở xứ nào liền được sanh đến đó.

“Thiện nam tử! Ví như vị Thánh vương thống lãnh bốn cõi thiên hạ⁽⁴⁵⁾ tùy ý đi lại, không gì có thể chướng ngại. Bồ Tát ma-ha-tát cũng vậy, trong hết thảy mọi nơi, muốn sanh nơi nào thì tùy ý sanh đến đó.

“Thiện nam tử! Khi Bồ Tát ma-ha-tát thấy trong tất cả chúng sanh ở địa ngục có kẻ có thể giáo hóa, khiến cho trụ nơi căn lành được, liền tức thời sanh vào trong địa ngục. Bồ Tát tuy sanh ra [trong địa ngục] nhưng chẳng phải do nghiệp quả. Bồ Tát ma-ha-tát trụ nơi địa vị tự tại, do sức nhân duyên mà sanh vào trong đó. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát tuy ở địa ngục nhưng không chịu những nỗi khổ như đốt cháy, cửa xẻ nát thân.

“Thiện nam tử! Chỗ thành tựu công đức như vậy của Bồ Tát ma-ha-tát đã là vô lượng vô biên, trăm ngàn vạn ức, không thể nói hết, huống chi công đức của chư Phật lại có thể nói hết được sao?”

Lúc ấy, trong chúng có một vị Bồ Tát tên là Trụ Vô Cấu Tạng Vương, có oai đức lớn, thành tựu thân thông, được phép đại tổng trì,⁽⁴⁶⁾ đầy đủ các phép Tam-muội, được đức không sợ sệt, từ chỗ ngồi đứng dậy vén y bày bên vai phải, quỳ gối phải sát đất, chấp tay bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật vừa dạy, chỗ thành tựu công đức và trí tuệ của chư Phật, Bồ Tát là vô lượng vô biên, trăm ngàn vạn ức, thật không thể nói hết. Nhưng ý con cho là cũng không bằng kinh điển Đại thừa này. Vì sao vậy? Vì nhờ sức của kinh Phương đẳng Đại thừa này mà có thể sanh ra A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề của chư Phật Thế Tôn.”

Bấy giờ, Phật liền khen ngợi: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Đúng như vậy, đúng như lời ông vừa nói đó, các kinh điển Phương đẳng Đại thừa khác tuy có vô lượng công đức, nhưng nếu muốn so với kinh này thì không thể được. Công đức của kinh này vượt hơn gấp trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn vạn ức lần, cho đến so sánh tính toán cũng không thể nói hết!

“Thiện nam tử! Ví như từ bò sữa sanh ra sữa, từ sữa sanh ra kem sữa, từ kem sữa sanh ra bơ sống, từ bơ sống sanh ra bơ chín, từ bơ chín sanh ra *đề-hồ*. *Đề-hồ* là món tốt nhất, người nào ăn vào thì các bệnh đều dứt, vì các loại thuốc đều có trong đó.

“Thiện nam tử! Đức Phật cũng như thế. Từ Phật nói ra Mười hai bộ kinh, từ Mười hai bộ kinh mà có *Tu-đa-la*, từ *Tu-đa-la* mà có kinh Phương đẳng, do kinh Phương đẳng mà có kinh *Bát-nhã Ba-la-mật*, từ kinh *Bát-nhã Ba-la-mật* mà có kinh *Đại Niết-bàn* này, cũng như chất *đề-hồ*. Nói *đề-hồ* là ví như tánh Phật. Tánh Phật tức là Như Lai.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên nói rằng công đức của Như Lai là vô lượng vô biên, không thể nói hết.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như lời Phật ngợi khen thì kinh *Đại Niết-bàn* cũng như *đề-hồ* là món ăn tốt nhất, ngon quý nhất. Nếu người nào được ăn thì các bệnh đều dứt, vì các loại thuốc đều có trong đó. Con được nghe lời này rồi, lại có ý riêng rằng: ‘Nếu người nào không thể nghe và tin nhận kinh này, nên biết rằng người ấy thật quá ngu si, không có tâm lành.’

“Bạch Thế Tôn! Con nay thật sự có thể nhẫn chịu sự lột da mình làm giấy, chích máu tự thân làm mực, lấy tủy trong xương mình làm nước, chẻ xương mình làm bút để sao chép kinh *Đại Niết-bàn* này. Khi sao chép ra rồi, con sẽ đọc tụng cho được thông suốt, sau đó sẽ vì người khác mà giảng rộng nghĩa kinh này.

“Bạch Thế Tôn! Nếu có những chúng sanh tham đắm tiền bạc, của cải, con sẽ bố thí cho họ tiền bạc, sau đó lấy kinh *Đại Niết-bàn* này mà khuyên họ đọc. Nếu là

người tôn quý, trước hết con sẽ dùng lời êm ái tùy thuận ý họ, sau đó dần dần sẽ đem kinh *Đại thừa Đại Niết-bàn* này mà khuyên họ đọc. Nếu là kẻ tầm thường dân dã, con sẽ dùng oai thế ép buộc họ phải đọc kinh này. Nếu là những kẻ kiêu căng khinh mạn, con sẽ theo hầu hạ, tùy thuận ý họ để khiến họ vui vẻ, sau đó mới dùng kinh *Đại Niết-bàn* này để dạy bảo, chỉ dẫn họ. Nếu có những kẻ phỉ báng kinh *Đại thừa*, con sẽ dùng thế lực mà khuất phục họ, sau đó mới khuyên họ đọc kinh *Đại Niết-bàn* này. Nếu có những ai ưa thích kinh *Đại thừa*, con sẽ đích thân đến chỗ những vị ấy cung kính cúng dường, ngợi khen tôn trọng.”

Lúc ấy, đức Phật khen ngợi *Bồ Tát Ca-diếp*: “Lành thay, lành thay! Ông nay rất ưa thích kinh điển *Đại thừa*, ham muốn kinh *Đại thừa*, tin nhận kinh *Đại thừa*, hiểu thấu kinh *Đại thừa*, kính tin và tôn trọng, cúng dường *Đại thừa*.

“Thiện nam tử! Ông nay nhờ nhân duyên có tâm lành đó sẽ vượt hơn cả vô lượng vô biên, các vị *Đại Bồ Tát* nhiều như số cát sông Hằng, ở ngay trước các vị ấy mà thành tựu quả vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Chẳng bao lâu nữa, ông cũng sẽ rộng vì đại chúng mà diễn thuyết kinh *Đại Bát Niết-bàn* này, cùng những ý nghĩa của Như Lai, tánh Phật, kho tàng sâu kín của chư Phật.

“Thiện nam tử! Vào đời quá khứ, khi mặt trời Phật đạo chưa mọc lên,⁽⁴⁷⁾ ta làm một thầy *bà-la-môn*, tu theo hạnh *Bồ Tát*, có thể thông đạt tất cả kinh luận của ngoại đạo. Ta tu hạnh tịch diệt, đầy đủ oai nghi, trong tâm thanh tịnh, chẳng bị phá hoại bởi những ngoại cảnh

làm nảy sanh ý tưởng tham dục, dập tắt lửa sân hận, thọ trì các pháp *thường, lạc, ngã, tịnh*. Ta đi khắp nơi tìm cầu kinh điển Đại thừa, nhưng thậm chí chưa từng được nghe đến tên gọi Phương đẳng.

“Thuở ấy ta ở tại Tuyết sơn.⁽⁴⁸⁾ Núi ấy thanh tịnh, có suối chảy, ao tắm, cây gỗ, cây thuốc mọc đầy mặt đất. Khắp nơi đều có suối chảy trong veo giữa các khe đá, có nhiều thứ hoa thơm tâu điểm, chim chóc, muông thú nhiều không kể xiết, trái cây ngon ngọt sai oằn đủ loại, khó nói hết được... Lại có vô số những củ sen, rễ ngọt, rễ thơm của cây xanh.

“Thuở ấy, một mình ta ở trong núi, chỉ ăn các loại trái cây. Ăn rồi ngồi thiền, chú tâm suy xét. Trải qua vô số năm cũng chẳng nghe có Như Lai ra đời, [chẳng nghe] có tên kinh điển Đại thừa.

“Thiện nam tử! Trong khi ta tu khổ hạnh khó khăn như vậy, *Thích-đề-hoàn-nhân*⁽⁴⁹⁾ và chư thiên [nhìn thấy] thấy đều hết sức kinh ngạc, lấy làm kỳ lạ, liền cùng nhau hội họp. Ai nấy bảo nhau cùng nói ra bài kệ rằng:

*Người người đều chỉ cho nhau,
Tuyết sơn thanh tịnh có người ngồi yên,
Lìa xa tham dục nào phiền,
Là vua công đức trang nghiêm muôn phần!*

*Đã lìa xa tham, mạn, sân,
Mãi mãi dứt trừ siểm nịnh, ngu si.
Miệng người chẳng nói điều chi,
Xấu xa, thô ác, hoặc lời khó nghe.*

“Bấy giờ, trong chúng hội có một vị *thiên tử*⁽⁵⁰⁾ tên là Hoan Hỷ lại đọc kệ rằng:

*Người lìa tham dục thế kia,
Chuyên cần, thanh tịnh, siêng tu sửa lòng,
Lẽ nào lại chẳng cầu mong,
Ngôi cao Đế-thích, chư thiên cõi trời?*

*Nếu là ngoại đạo chuyên tu,
Bao năm khổ hạnh rừng sâu nhọc nhằn,
Hẳn là tham muốn được làm,
Vua trời Đế-thích đứng đầu chư thiên!*

“Lúc ấy lại có một vị *Tiên thiên tử*⁽⁵¹⁾ vì Đế-thích mà đọc kệ rằng:

*Hỡi Đế-thích Kiều-thi-ca!⁽⁵²⁾
Chớ nên lo lắng sinh ra buồn phiền.
Người tu khổ hạnh triền miên,
Cũng chưa hẳn đã cầu Thiên đế tòa.*

“Vị ấy đọc kệ xong lại nói rằng: ‘Này *Kiều-thi-ca!* Trong đời vẫn có bậc đại sĩ vì chúng sanh nên chẳng tham tiếc thân mình, vì muốn lợi ích chúng sanh nên tu vô lượng khổ hạnh đủ cách. Người như vậy biết rõ mọi tội lỗi sai lầm trong chốn sanh tử nên dù có nhìn thấy trần bảo đầy khắp mặt đất, trên núi cao, trong biển lớn, cũng chẳng sanh lòng tham đắm, chỉ xem như bãi nước bọt nhơ nhớp.

“Bậc đại sĩ như vậy đã buông xả hết tiền bạc, châu báu, vợ con luyến ái, đầu, mắt, tủy, não, tay, chân các thứ, nhà cửa phòng ốc, voi ngựa xe cộ, tôi trai tớ gái... Cũng chẳng cầu sanh lên cõi trời, chỉ mong cho hết thấy chúng sanh đều được an vui, sung sướng. Theo như chỗ tôi hiểu thì bậc đại sĩ như vậy luôn thanh tịnh không nhiễm ô, đã mãi mãi dứt sạch mọi phiền não trói buộc,

chỉ duy nhất mong cầu quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà thôi.’

“Thích-đề-hoàn-nhân lại hỏi: ‘Như ông nói đó, người này ắt là thâm nhiếp được hết thủy chúng sanh ở thế gian!’

“Này Đại tiên! Nếu như thế gian này có Phật ra đời như cây to bóng mát,⁽⁵³⁾ sẽ dứt trừ được con rắn độc phiền não của hết thủy chúng thiên, người đời và a-tu-la. Nếu chúng sanh được ở dưới bóng mát của đức Phật thì các độc phiền não ắt sẽ dứt sạch.

“Này Đại tiên! Người này nếu như trong đời tương lai thành bậc *Thiện thế*,⁽⁵⁴⁾ ắt sẽ giúp chúng ta có thể tiêu diệt được vô lượng phiền não như lửa dữ. Việc như vậy thật khó tin. Vì sao vậy? Có vô lượng trăm ngàn chúng sanh phát tâm cầu quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nhưng khi gặp đôi chút nghịch duyên liền bị lay động, thối chuyển đối với quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Cũng như hình mặt trăng dưới nước, khi nước xao động thì mặt trăng ấy liền xao động; lại như bức tranh vẽ, làm thành thì khó nhưng phá hỏng rất dễ. Tâm *Bồ-đề* cũng vậy, phát tâm thật khó nhưng hoại mất rất dễ.

“Đại tiên! Ví như có nhiều người tự trang bị những áo giáp, binh khí kiên cố, muốn xông lên phía trước dẹp giặc, nhưng khi lâm trận khiếp sợ liền thối lui, tan rã. Vô lượng chúng sanh cũng vậy, phát khởi tâm *Bồ-đề*, tự trang bị cho mình rất kiên cố, nhưng khi thấy những lỗi lầm tai họa chốn sanh tử thì trong lòng sanh ra khiếp sợ liền thối lui, tan rã.

“Đại tiên! Tôi đã nhìn thấy vô lượng chúng sanh như vậy, sau khi phát tâm rồi đều bị lay động, thối chuyển.

Cho nên hôm nay tuy thấy người này tu khổ hạnh, không phiền não nóng nảy, luôn sống trong sự kiểm thúc theo đạo pháp,⁽⁵⁵⁾ có hạnh thanh tịnh, nhưng vẫn chưa thể tin được. Nay tôi cần phải tự mình đến đó thử thách, để xem người ấy quả thật có thể nhận lãnh gánh vác được trách nhiệm lớn lao là thành tựu quả vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* hay chăng.

“Đại tiên! Như xe có hai bánh thì mới dùng chuyên chở được, chim có hai cánh mới đủ sức bay đi. Người tu khổ hạnh ấy cũng vậy. Tuy tôi thấy người ấy giữ bền cấm giới, nhưng chưa biết là có trí tuệ sâu xa hay chăng. Nếu có trí tuệ sâu xa thì biết rằng có thể nhận lãnh gánh vác được trách nhiệm lớn lao là thành tựu quả vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Đại tiên! Ví như con cá có nhiều trứng nhưng số trứng được nở thành cá con rất ít. Như cây *am-la* có nhiều hoa nhưng kết thành quả rất ít. Vô lượng chúng sanh phát tâm *Bồ-đề*, nhưng đến khi thành tựu thì rất ít, không đáng kể.

“Đại tiên! Nay tôi và ông hãy cùng đến đó thử thách người ấy. Đại tiên! Ví như vàng thật, phải thử qua ba cách mới biết được là thật. Ba cách ấy là: nung, đập và mài. Muốn thử thách vị khổ hạnh kia, cũng nên như vậy.’

“Lúc ấy, *Thích-đề-hoàn-nhân* tự biến thân mình thành hình tướng *la-sát*⁽⁵⁶⁾ rất đáng sợ, giáng hạ nơi Tuyết sơn, cách chỗ ta không xa rồi đứng đó. Lúc ấy *la-sát* trong lòng không sợ sệt, sức mạnh khó đương, lại có tài biện thuyết mạch lạc. Với giọng thanh tao nhã nhặn, *la-sát* ấy đọc lên nửa bài kệ mà đức Phật quá khứ đã từng thuyết:

*Các hành vô thường,
Là pháp sanh diệt.*

“Đọc nửa bài kệ ấy rồi, *la-sát* liền đến đứng ngay phía trước ta, hiện ra tướng mạo hình dạng hết sức đáng sợ, quay nhìn khắp nơi, quan sát cả bốn hướng.

“Ta vừa nghe được nửa bài kệ này, trong lòng sanh ra vui mừng. Cũng ví như có người khách buôn đi qua vùng nguy hiểm, đang đêm lạc mất bạn đồng hành, lo lắng tìm kiếm, hỏi han khắp nơi, bỗng nhiên gặp lại bạn, lòng sanh ra vui mừng, hết sức phấn khích. Lại ví như người mang bệnh đã lâu, chưa gặp được lương y chẩn bệnh, cho thuốc hay, rồi sau bỗng nhiên lại gặp được thầy, được thuốc. Như người chìm đắm nơi biển cả bỗng nhiên gặp được tàu thuyền. Như người đang khát gặp được ly nước trong mát. Như người bị kẻ oán thù rượt đuổi bỗng nhiên được cứu thoát. Như người bị trói đã lâu bỗng nghe tin được thả ra. Lại như người làm ruộng đang khi nắng hạn mà gặp cơn mưa. Lại như người đi xa trở về, người nhà gặp được hết sức vui mừng.

“Thiện nam tử! Ta lúc ấy nghe được nửa bài kệ kia rồi, trong lòng hết sức vui mừng như vậy. Ta liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lấy tay vén tóc, nhìn quanh bốn hướng mà hỏi rằng: ‘Vừa nghe nói kệ đó, là ai nói ra vậy?’ Bấy giờ nhìn mãi cũng chẳng thấy người nào khác, chỉ thấy có một quỷ *la-sát*, ta liền hỏi rằng: ‘Ai mở cửa giải thoát như vậy? Ai có thể phát ra tiếng nói của chư Phật như sấm rền? Trong chốn sanh tử như giấc ngủ mê, ai là người riêng mình thức tỉnh, nói lên những lời như vậy? Ở chốn này ai là người có thể chỉ bày đường đi, đạo vị cao quý nhất cho chúng sanh đói khát? Vô lượng chúng sanh chìm

đắm trong biển khổ sanh tử, ai có thể ở trong ấy làm vị đại thuyền sư?⁽⁵⁷⁾ Chúng sanh thường bị cơn bệnh nặng phiền não trói buộc, ai có thể vì họ mà làm vị lương y? Ai nói ra nửa bài kệ ấy làm khai mở, bừng tỉnh tâm tôi, như một nửa vầng trăng, như hoa sen đang dần nở ra?’

“Thiện nam tử! Bấy giờ ta nhìn mãi không thấy ai khác, chỉ thấy quỷ *la-sát*. Ta lại nghĩ rằng: ‘Phải chăng *la-sát* đây vừa đọc bài kệ ấy?’ Nhưng rồi lại sanh nghi, cho rằng không phải vậy. Vì sao? Vì thấy hình thù rất đáng sợ. Nếu như người được nghe những câu kệ ấy thì tất cả những hình tướng xấu xa ghê sợ ắt phải được dứt sạch. Tại sao người có hình dung tướng mạo như vậy lại có thể đọc bài kệ ấy? Trong lửa đỏ không lẽ sanh ra hoa sen! Không thể trong ánh sáng mặt trời lại sanh ra nước lạnh!

“Thiện nam tử! Lúc ấy ta lại nghĩ rằng: ‘Nay ta không có trí tuệ, biết đâu *la-sát* ấy lại chẳng được gặp chư Phật quá khứ, nương theo nơi chư Phật mà nghe được nửa bài kệ ấy? Nay ta nên hỏi nghĩa nửa bài kệ ấy.’ Ta liền đến trước mặt *la-sát*, nói rằng: ‘Lành thay, Đại sĩ! Ngài ở nơi đâu mà nghe được nửa bài kệ ấy của bậc *Ly bố úy*⁽⁵⁸⁾ trong quá khứ đã nói ra? Đại sĩ ở nơi đâu mà được nửa hạt châu như ý⁽⁵⁹⁾ này? Đại sĩ! Ý nghĩa của nửa bài kệ này mới là Chánh đạo của chư Phật Thế Tôn đời quá khứ, hiện tại và vị lai. Hết thấy vô lượng chúng sanh ở thế gian thường bị mạng lưới dày đặc của các tà kiến⁽⁶⁰⁾ vây phủ, che lấp, trợn đời ở trong pháp ngoại đạo mà chẳng hề nghe được chỗ thuyết giảng nghĩa *Không* của bậc xuất thế *Thập lực thế hùng*.’⁽⁶¹⁾

“Thiện nam tử! Khi nghe ta hỏi như vậy rồi, *la-sát* liền đáp rằng: ‘Đại *bà-la-môn*! Nay ông chẳng nên hỏi tôi nghĩa ấy. Vì sao vậy? Đã nhiều ngày rồi tôi không

được ăn gì cả. Tôi đi khắp nơi tìm kiếm mà chẳng được món gì. Tôi đói khát khổ não, trong lòng rối loạn nên nói mê sảng, đó chẳng phải là chỗ hiểu biết thật trong lòng tôi. Giả sử nay tôi có thể lặn mà bay đi, dạo nơi hư không, tới châu *Uất-đan-việt*, cho đến miền thiên thượng, đi mọi nơi để tìm món ăn, cũng không tìm được. Vì nhân duyên ấy tôi mới nói ra lời đó.’

“Thiện nam tử! Khi ấy ta lại nói với *la-sát* rằng: ‘Đại sĩ! Nếu ông đọc cho tôi nghe trọn bài kệ, tôi sẽ làm đệ tử của ông suốt đời.’

“Đại sĩ! Chỗ ông nói ra lúc nãy thật chưa trọn lời, cũng chưa trọn nghĩa. Vì duyên có gì mà ông không muốn nói hết?

“Nói chung thì việc bố thí tiền của ắt phải có lúc cạn kiệt, còn nhân duyên thí pháp không thể hết được. Tuy không thể hết được nhưng lại được nhiều lợi ích. Nay tôi đã nghe nửa bài kệ nói pháp ấy rồi, lòng sanh ra hoài nghi, kinh ngạc. Mong ông có thể vì tôi trừ dứt lòng nghi ấy, nói ra trọn bài kệ ấy rồi, tôi sẽ suốt đời làm đệ tử ông.’

“*La-sát* đáp rằng: ‘Ông thật khôn ngoan thái quá, chỉ biết lo cho bản thân mà không xét nghĩ cho tôi. Nay tôi khổ bức vì đói, thật không thể nói ra.’

“Ta liền hỏi: ‘Vậy thức ăn của ông là món gì?’

“*La-sát* đáp: ‘Ông chẳng cần phải hỏi, nếu tôi nói ra sẽ khiến cho nhiều người sợ sệt.’

“Ta lại hỏi: ‘Tôi ở nơi đây một mình, không còn người nào khác cả. Tôi đã không sợ, sao ông lại chẳng nói ra?’

“*La-sát* đáp: ‘Món ăn của tôi chỉ duy nhất là thịt tươi còn ấm của con người. Thức uống của tôi chỉ duy nhất

là máu nóng của người. Vì tôi bạc phước nên chỉ dùng được các món đó thôi. Tôi đã đi khắp nơi tìm kiếm, mỗi mệt rã rời mà không thể tìm được. Tuy trong đời có rất nhiều người, nhưng họ đều có phước đức, lại thêm được chư thiên bảo vệ, tôi không có sức mạnh nên không thể giết họ.’

“Thiện nam tử! Ta lại nói rằng: ‘Ông chỉ cần nói ra cho trọn bài kệ ấy. Tôi nghe kệ rồi sẽ dùng thân này mà phụng thí cúng dường ông.’

“Đại sĩ! Giá như tôi chết rồi thì thân này không có chỗ dùng, sẽ làm món ăn cho cọp, sói và các loài chim dữ. Sau đó tôi cũng không được may mắn phước báo. Nay tôi vì cầu quả vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* sẽ lìa bỏ thân không bền chắc này để được thân kiên cố.’

“*La-sát* đáp: ‘Có ai tin được những lời như vậy của ông, chỉ vì [nửa bài kệ] tám chữ⁽⁶²⁾ mà có thể lìa bỏ thân thể mình yêu mến hay sao?’

“Thiện nam tử! Ta liền đáp rằng: ‘Ông thật không có trí tuệ. Ví như có người kia thí cho kẻ khác món đồ bằng sành để được món đồ bằng bảu báu.⁽⁶³⁾ Tôi cũng như vậy, xả bỏ thân không bền chắc này để được thân kim cương.⁽⁶⁴⁾ Ông nói rằng: Có ai tin được? Nay tôi có người làm chứng: Đại Phạm thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân và bốn vị Thiên vương đều có thể làm chứng việc ấy. Lại có chư Bồ Tát thiên nhãn, vì muốn lợi ích cho vô lượng chúng sanh nên tu hành Đại thừa, có đủ sáu pháp ba-la-mật, các vị ấy cũng có thể chứng biết. Lại có chư Phật Thế Tôn mười phương, vì lợi ích cho chúng sanh cũng có thể chứng minh cho việc tôi vì [nửa bài kệ] tám chữ mà xả bỏ thân mạng này.’

“*La-sát* lại nói: ‘Nếu ông có thể xả thân như vậy, hãy lắng nghe đây! Tôi sẽ vì ông nói ra nửa bài kệ còn lại.’”

“Thiện nam tử! Lúc ấy, ta nghe như vậy trong lòng lấy làm vui vẻ, liền cởi tấm áo da hươu đang mặc trải ra làm pháp tòa cho *la-sát* ấy, bạch rằng: ‘Hòa thượng! Xin thỉnh ngài ngồi lên tòa này.’ Rồi ta ở trước mặt *la-sát*, chấp tay quỳ mọp, thưa rằng: ‘Thỉnh hòa thượng vì con nói ra nửa bài kệ còn lại, khiến cho được đầy đủ, trọn vẹn.’”

“*La-sát* liền nói:

Sanh diệt dứt rồi,

Tịch diệt là vui.

“Bấy giờ, *la-sát* nói kệ rồi liền bảo ta rằng: ‘*Bồ Tát ma-ha-tát*, nay ông đã nghe trọn nghĩa bài kệ. Sở nguyện của ông đã được trọn đủ. Nếu muốn lợi ích cho các chúng sanh, bây giờ xin hãy thí thân cho tôi.’”

“Thiện nam tử! Thuở ấy ta suy xét sâu xa ý nghĩa bài kệ ấy. Về sau ở khắp nơi, hoặc trên đá, hoặc trên vách tường, cây cối, nơi đường sá, ta đều viết lên bài kệ ấy.

“Khi đó ta liền mặc đủ y phục vì e rằng sau khi chết thân thể phải lỏa lồ, rồi trèo lên một cây cao.

“Vị thần cây hỏi ta rằng: ‘Lành thay! Nhân giả, ngài muốn làm gì vậy?’”

“Thiện nam tử! Lúc ấy ta đáp rằng: ‘Tôi muốn xả thân để trả giá một bài kệ [đã được nghe].’”

“Vị thần cây hỏi: ‘Bài kệ ấy có ích lợi gì?’”

“Ta đáp: ‘Những câu kệ ấy là của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai thuyết dạy, khai mở pháp *Không* của Chánh đạo. Tôi vì pháp này xả bỏ thân mạng, chẳng

vì lợi dưỡng, danh vọng, của cải, thân bảo, chẳng vì các ngôi vị Chuyển luân Thánh vương, Bốn Đại thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Đại Phạm Thiên vương cùng mọi sự vui sướng trong cõi người, cõi trời. Chỉ vì muốn lợi ích cho hết thảy chúng sanh nên xả bỏ thân này.’”

“Thiện nam tử! Khi ta xả bỏ thân mạng lại nói ra lời này: ‘Nguyện cho tất cả những kẻ keo lận thấy đều nhìn thấy tôi lìa bỏ thân này! Như có người ít làm việc bố thí, khởi tâm cao ngạo cũng khiến cho được nhìn thấy tôi vì một bài kệ mà xả bỏ thân mạng này như vất bỏ cỏ cây.’”

“Nói xong lời ấy, ta liền buông mình từ trên cây cao rơi xuống. Khi ta rơi chưa đến mặt đất thì giữa hư không bỗng phát ra rất nhiều âm thanh. Âm thanh ấy vang lên đến tận cảnh trời *Sắc cứu cánh*.⁽⁶⁵⁾ Bấy giờ, *la-sát* hiện nguyên hình *Đế-thích*, giữa không trung đón lấy thân ta và đặt yên trên mặt đất.

“Khi ấy, *Thích-đề-hoàn-nhân* cùng chư thiên, Đại Phạm Thiên vương, thấy đều cúi đầu làm lễ dưới chân ta, ngợi khen rằng: ‘Lành thay, lành thay! Ngài quả thật là *Bồ Tát*, có thể làm lợi ích lớn lao cho vô lượng chúng sanh, muốn thắp lên cây đuốc pháp lớn giữa chốn vô minh tăm tối. Vì chúng tôi mến tiếc Chánh pháp lớn lao của Như Lai nên mới cùng nhau đến quấy rối ngài. Xin ngài nhận cho sự sám hối tội lỗi của chúng tôi. Về sau ngài nhất định sẽ thành Phật đạo, nguyện xin cứu độ chúng tôi.’”

“Bấy giờ, *Thích-đề-hoàn-nhân* và chư thiên cùng lễ bái dưới chân ta, từ biệt mà đi, bỗng nhiên mất dạng.

“Thiện nam tử! Như ta thuở ấy vì nửa bài kệ mà xả bỏ thân này. Do nhân duyên ấy liền vượt qua được đủ mười hai kiếp, thành Phật trước Bồ Tát *Di-lặc*.

“Thiện nam tử! Ta được vô lượng công đức như vậy đều do nơi sự cúng dường Chánh pháp của Như Lai. Thiện nam tử! Các ông nay cũng thế, phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, ắt là đã vượt lên hơn cả các vị Bồ Tát nhiều vô lượng vô biên như số cát sông Hằng.

“Thiện nam tử! Đó gọi là *Bồ Tát* trụ ở kinh Đại thừa *Đại Bát Niết-bàn*, tu tập Thánh hạnh.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN MƯỜI BỐN

CHÚ GIẢI

1. Những gì chúng ta nhìn thấy trước mắt tuy có đáng vẻ, hình tướng tương tự như trước đây, nhưng thật ra tất cả đều biến đổi và hư hoại trong từng sát-na. Vì vậy, những gì ta nhìn thấy trước kia và hiện nay không phải là một sự vật. Hay nói cách khác, không có sự vật nào là thường tồn qua thời gian cả.
2. Nguyên bản dùng tâm số, là cách dịch cũ chỉ tâm sở, bao gồm hết thủy những tình ý, nghĩ tưởng do trong tâm cảm xúc, suy tính.
3. Tức là Tứ đại, dùng để chỉ chung cho hết thủy vật chất.
4. Phan duyên: nương theo, vịn theo các duyên. Ví như nhân một chuyện này mà nghĩ đến các chuyện khác, lại đến các chuyện khác nữa, như sợi dây leo bò mãi đến không cùng, gọi là phan duyên. Tâm ý nương theo sáu trần làm duyên, nảy sinh những ý tưởng suy xét, mưu tính mãi mãi không dừng, gọi là phan duyên.
5. Nhân thức... cho đến ý thức...: Nghĩa là nói tóm cả sáu thức: nhân thức, nhĩ thức, thị thức, thiệt thức, thân thức và ý thức đều như vậy.

6. Cảnh giới của hình sắc... cho đến cảnh giới của pháp...: Nghĩa là nói tóm cả sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đều như vậy.
7. Cho đến sự nhận biết của ý...: Nghĩa là nói tóm cả sáu thức, từ nhân thức cho đến ý thức đều do các nhân khác nhau mà sanh ra.
8. Giai đoạn đầu tiên khi bào thai hình thành.
9. Điều-đạt (*Devadatta*), cũng gọi là Điều-bà Đạt-đa, Đề-bà, Đề-bà Đạt-đa, một vị đệ tử xuất gia của Phật, dòng họ Thích, là anh em chú bác của thái tử Tất-đạt-đa, anh ruột của A-nan. Điều-đạt là người ác, xúi giục Thái tử A-xà-thế giết cha mà soán ngôi. Lại là người gây chia rẽ trong giáo hội Tăng-già, muốn thay thế đức Phật lãnh đạo Tăng đoàn.
10. Người được làm bằng gỗ, bên trong khoét rỗng có đặt máy móc khiến cho có thể cử động, đi, đứng, nháy mắt... như người thật. Theo mô tả này thì cũng tương tự như các người máy hiện nay, nhưng có hình thức đơn sơ hơn.
11. Người xưa dùng vỏ ốc để thổi lên âm thanh vang xa như tiếng tù-và.
12. Chuyển bánh xe pháp vô thượng (Chuyển Vô thượng Pháp luân): Cũng gọi là Chuyển Đại Pháp luân, chỉ việc Phật thuyết pháp Đại thừa. Khi Phật thuyết pháp lần đầu ở thành Ba-la-nại, giảng pháp Tiểu thừa thì chỉ gọi là Chuyển Pháp luân.
13. Đây kể chung sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.
14. Đây kể chung sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.
15. Đây kể chung tứ đại: đất, nước, lửa, gió.
16. Đa văn: nghe nhiều, chỉ việc được nghe thuyết giảng nhiều kinh điển. Như trong hàng đệ tử Phật có ngài A-nan được Phật khen ngợi là Đa văn đệ nhất.
17. Đàn ba-la-mật: tức Thí độ, Bố thí ba-la-mật, một trong sáu pháp ba-la-mật.
18. Thi-la ba-la-mật: tức Trì giới độ, Trì giới ba-la-mật, một trong sáu ba-la-mật.
19. Sằn-đề ba-la-mật: tức Nhẫn độ, Nhẫn nhục ba-la-mật, một trong sáu ba-la-mật.
20. Tỳ-lê-da ba-la-mật: tức Tinh tấn độ, Tinh tấn ba-la-mật, một trong sáu ba-la-mật.
21. Thiên ba-la-mật: tức Thiên độ, Thiên định ba-la-mật, một trong sáu ba-la-mật.
22. Bát-nhã ba-la-mật: tức Tuệ độ, Trí tuệ ba-la-mật, một trong sáu ba-la-mật.
23. Bốn niệm xứ (Tứ niệm xứ): Bốn chỗ quán tưởng, suy xét của người tu tập, gồm có: Quán thân bất tịnh (Thấy rõ sự nhơ nhớp của thân thể do vật chất cấu thành, dễ tan rã, hư hoại), quán thọ thị khổ (Thấy rõ tất cả mọi cảm thọ đều là khổ não, không chìm đắm, say mê trong đó), quán tâm vô thường (Thấy rõ mọi tâm niệm thường biến đổi, sanh diệt trong từng sát-na) và quán pháp vô ngã (Thấy rõ tất cả các pháp đều không thật có một bản ngã tồn tại độc lập, chỉ là do nhân duyên hòa hợp mà sanh ra).
24. Bốn chánh cần (Tứ chánh cần): Bốn pháp tu chuyên cần của người tu tập, gồm có: 1. Chuyên cần gìn giữ không phạm vào những tội lỗi đã phạm, 2. Chuyên cần gìn

- giữ không phạm vào những tội lỗi chưa phạm, 3. Chuyên cần thực hiện những điều thiện chưa làm, 4. Chuyên cần phát triển những điều thiện đã làm được.
25. Bốn như ý túc (Tứ như ý túc): Cũng gọi là Tứ thần túc, bốn pháp tu có thể giúp người tu tập có được thần lực, thần thông, nghĩa là sức mạnh vượt qua tất cả chướng ngại trên đường tu tập, bao gồm: 1. Dục như ý túc (lòng mong muốn tha thiết, khát khao giải thoát, ý chí kiên trì trong tu tập); 2. Tinh tấn như ý túc, hay Cần như ý túc (phát triển ý chí, nghị lực mạnh mẽ trong tu tập, luôn chuyên cần, tinh tấn tu tập chánh pháp); 3. Tâm như ý túc (nhất tâm, tập trung tâm ý vào sự tu tập, chú tâm); 4. Trạch pháp như ý túc (nghiên tâm, học hỏi giáo lý, phân biệt rõ chánh pháp, tà pháp).
26. Năm căn (Ngũ căn): Năm pháp căn bản, được xem là cội gốc, điều kiện để sanh khởi các pháp tu khác, cũng gọi là Ngũ thù thắng căn, bao gồm: Tín căn (lòng tin, đức tin sâu vững vào Tam bảo, vào giáo pháp giải thoát do Phật chỉ dạy, chẳng hạn như Tứ thánh đế...), Cần căn hay Tinh tấn căn, cũng gọi là Nguyện căn (tinh tấn, chuyên cần và phát nguyện dưng mãnh trong việc tu tập thiện pháp, hướng đến giải thoát), Niệm căn (luôn nghĩ nhớ, niệm tưởng đến chánh pháp) Định căn (tu tập định lực, nhiếp tâm không tán loạn) và Tuệ căn (trí tuệ sáng suốt, phân biệt rõ chân lý và những điều hư dối, chánh pháp và tà pháp).
27. Năm sức (Ngũ lực): Năm nguồn sức mạnh giúp người tu tập khi sanh khởi thì có thể vượt qua mọi khó khăn, chướng ngại. Năm sức mạnh đó là: tín lực (sức mạnh của đức tin), nguyện lực (sức mạnh của tâm nguyện, quyết thực hiện điều đã phát nguyện), niệm lực (sức mạnh nghĩ nhớ, niệm tưởng đến chánh pháp, phá được tất cả mọi tà niệm, tạp niệm), định lực (sức mạnh của sự định tâm, nhiếp tâm) và tuệ lực (sức mạnh của trí tuệ sáng suốt).
28. Bảy phần giác (Thất giác chi): Bảy phần sáng suốt góp phần tạo nên trí tuệ giải thoát, hay bảy sự hiểu biết chân chánh về những khía cạnh khác nhau trên đường tu tập, bao gồm: Trạch pháp giác chi (sự sáng suốt phân biệt chánh pháp và tà pháp, chọn lựa đúng giáo pháp chân chánh để hành trì), Tinh tấn giác chi (sự sáng suốt biết tinh tấn, chuyên cần tu học chánh pháp), Hỷ giác chi (sự sáng suốt biết vui sướng, hoan hỷ khi được chánh pháp), Khinh an giác chi (sự sáng suốt thanh thản nhẹ nhàng, trừ bỏ mọi chướng ngại trên đường tu tập), Niệm giác chi (sự sáng suốt thường niệm tưởng chánh pháp, Tam bảo), Định giác chi (sự sáng suốt an trú trong chánh định, không tán loạn tâm ý) và Xả giác chi (sự sáng suốt buông bỏ các tà pháp, ác pháp).
29. Tám Thánh đạo (Bát Chánh đạo hay Bát Thánh đạo): Tám pháp chân chánh mà người tu tập phải noi theo để trừ dứt mọi nguyên nhân của khổ não. Bát Chánh đạo bao gồm: Chánh kiến (thấy biết chân chánh), Chánh tư duy (suy nghĩ chân chánh), Chánh ngữ (lời nói chân chánh), Chánh nghiệp (hành động, việc làm chân chánh), Chánh mạng (nuôi sống bằng nghề nghiệp chân chánh), Chánh tinh tấn (tinh tấn, chuyên cần đúng chánh pháp), Chánh niệm (niệm tưởng chân

- chánh, duy trì sự tỉnh thức không vọng niệm) và Chánh định (thiền định chân chánh). Bát Chánh đạo cũng chính là Đạo đế trong Tứ đế. Tất cả các pháp vừa kể trên cũng gọi chung là 37 pháp trợ đạo, hay 37 phần Bồ-đề, bao gồm: 4 Niệm xứ, 4 Chánh căn, 4 Như ý túc, 5 Căn, 5 Sức, 7 Giác phần và 8 Thánh đạo.
30. Vì việc thuyết pháp của Phật cũng là do hội đủ các nhân duyên như vừa kể trên mà có, chẳng phải chỉ riêng đức Như Lai tự làm ra việc ấy.
31. Đồ đánh lửa: dụng cụ ngày xưa được dùng để lấy lửa, nhờ vào độ nhám và sự chà xát mạnh mà phát sanh tia lửa. Dụng cụ này có thể là một miếng tre khô có vỏ nhám, hoặc một miếng đá nhám mà khi chà xát có thể sanh ra lửa.
32. Phân bò khô được dùng như chất dễ bắt lửa và để giữ lửa trước khi cho thêm củi khô vào.
33. Những thứ cần thiết trong quá trình làm bơ sữa.
34. Voi chúa giữa loài người (Nhân trung tượng vương): Cách nói tỷ dụ để tôn xưng những bậc cao quý nhất. Vì voi chúa là oai dũng nhất trong loài voi, nên dùng hình ảnh voi chúa giữa loài người để biểu thị sự oai dũng, mạnh mẽ và cao quý nhất.
35. Nhất-xiển-đề: người đã đánh mất hoàn toàn niềm tin vào Tam bảo. Vì không có đức tin nên không thể tiếp nhận bất cứ giáo pháp nào.
36. Quả Tu-đà-hoàn: Quả đầu tiên trong bốn quả Tiểu thừa. Tu-đà-hoàn dịch nghĩa là Nghịch lưu (đi ngược dòng nước), Nhập lưu (vào dòng), hay Dự lưu (dự vào dòng), với nghĩa là bắt đầu bước vào hàng các vị thánh.
37. Không thối chuyển (Bất thối chuyển): Địa vị tu hành của hàng Bồ Tát, khi không còn thối lui nữa, chỉ thẳng tiến dần đến mục đích là quả Phật.
38. Trên dưới đều xoay chuyển (hạ thượng hồi chuyển): Bánh xe quý của vị Chuyển luân vương do cảm ứng mà hiện ra, có bốn loại khác nhau là vàng, bạc, đồng, thiết (kim, ngân, đồng, thiết) tùy theo đức độ của vị vua ấy, nhưng tất cả đều có công năng giúp vua hàng phục kẻ thù. Bánh xe ấy có khả năng tự bay đi trong khắp bốn cõi thiên hạ, đánh tan những kẻ thù của vua rồi tự trở về nơi vua ngự.
39. Những cảnh giới thấp: chỉ ba cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.
40. Địa vị không còn phải sợ sệt bất cứ điều gì, do chứng đắc được thật tánh của tất cả các pháp.
41. A-tu-la: Một cảnh giới trong sáu nẻo luân hồi (lục đạo), dịch nghĩa là phi thiên, tuy giống chư thiên nhưng chẳng phải chư thiên, địa vị của a-tu-la thấp hơn chư thiên. A-tu-la nam thì hình tướng xấu, hay nóng giận, hiếu chiến. A-tu-la nữ thì đẹp đẽ.
42. Kinh phương đẳng, cũng tức là kinh điển Đại thừa.
43. Bốn tội nghiêm trọng (Tứ trọng cấm), cũng gọi là Tứ ba-la-di: Là các tội mà vị tỳ-kheo phạm vào phải bị trục xuất khỏi Tăng đoàn. Đó là các tội: dâm dục, trộm

cấp, giết người và nói dối rằng mình chứng thánh quả. Về các tội thứ ba và thứ tư, giết người xem là tội ba-la-di, phải trục xuất, còn giết hại sanh mạng của loài vật gọi chung là sát sanh, thuộc về giới thứ 61 trong 90 giới ba-dật-đề; chưa chứng thánh quả mà nói dối rằng mình chứng thánh quả, gọi là đại vọng ngữ, xếp vào tội ba-la-di, phải trục xuất, còn các tội nói dối khác gọi là tiểu vọng ngữ, thuộc về giới thứ nhất trong 90 giới ba-dật-đề.

44. Hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu (Nhị thập ngũ hữu): Bao gồm hết thảy những cảnh giới trong Tam giới. Vì thế, cũng đồng nghĩa với những danh từ như Tam giới, Ba cõi, Tam hữu.
45. Bốn cõi thiên hạ (Tứ thiên hạ): Bốn châu ở bốn phương núi Tu-di, dưới quyền thống lãnh của vị Chuyển luân Thánh vương khi vị vua ấy ra đời: Phương bắc là Câu-lô châu, hay Uất-dan-việt châu, phương nam là Thiệm-bộ châu, hay Diêm-phù-đề châu, phương tây là Ngưu hóa châu hay Cô-da-ni châu, phương đông là Thắng thần châu hay Phất-bà-đề châu.
46. Tổng trì (Đà-la-ni), nghĩa là nắm giữ tất cả, hàm ý có thể nắm giữ được vô lượng pháp Phật không để mất đi.
47. Nghĩa là khi chưa có Phật ra đời.
48. Tức là dãy núi Hy-mã-lạp sơn (Himalaya). Do trên đỉnh núi quanh năm tuyết phủ nên gọi là Tuyết sơn (núi tuyết).
49. Thích-đề-hoàn-nhân, gọi đủ là Thích-ca Đề-hoàn Nhân-đà-la, thường gọi là Đế-thích, vị vua của cõi trời ba mươi ba (Tam thập tam thiên), hay còn gọi là cõi trời Đao-lợi, thuộc Dục giới.
50. Thiên tử: tên gọi chung của chư thiên, khác với từ thiên tử dùng để chỉ vị vua ở cõi người.
51. Người tu pháp khổ hạnh dứt hết mọi tham dục nên sau khi mạng chung liền được sanh lên cõi trời, gọi là tiên thiên tử.
52. Kiêu-thi-ca: tên gọi của đức Đế-thích.
53. Nguyên văn dùng Phật thụ, nghĩa là Phật ví như cây đại thụ, tàn cây che mát cho chúng sanh. Được gần Phật thì dứt hết sự nóng nảy của phiền não, thân tâm mát mẻ, vâng làm theo lời Phật dạy thì dứt hết các bệnh do phiền não gây ra, cũng giống như người được vào nắp dưới bóng cây đại thụ thì mọi sự nóng nảy đều không còn.
54. Thành bậc Thiệm thế, nghĩa là thành quả Phật. Thiệm thế là một trong 10 danh hiệu tôn xưng của đức Phật. Thiệm nghĩa là tốt lành; thế nghĩa là đi qua, không còn trở lại. Thiệm thế nghĩa là bậc đã viên mãn mọi điều lành, mãi mãi không còn chịu nghiệp quả thọ sanh trong luân hồi.
55. Sống trong sự kiểm thúc theo đạo pháp: nguyên văn dùng đạo kiểm, nghĩa là thường kiểm điểm đạo hạnh của mình, tự xem xét đạo đức của mình, lấy đạo đức làm khuôn phép, không bao giờ vượt ra khỏi đó.

56. La-sát: Loài hung thần ác quỷ, dịch nghĩa là bạo ác, khả úy (đáng ghê sợ). Loài này hình tướng rất ghê sợ, ăn thịt người.
57. Đại thuyền sư: Vị thuyền trưởng tài ba, thông thạo mọi đường nước trên biển cả, có thể chỉ huy con tàu vượt biển đến nơi an toàn.
58. Ly bố úy: Người đã lìa khỏi sự sợ sệt, cũng như Vô úy hay Vô sở úy, đều là những cách nói tôn xưng đức Phật.
59. Châu như ý (Như ý châu): Cũng gọi là Ma-ni bảo châu, hạt ngọc quý đặc biệt có thể giúp người sở hữu nó muốn gì được nấy (như ý), nên gọi là châu như ý. Nửa bài kệ của Phật cũng quý báu đặc biệt như thế nên ví như nửa hạt châu như ý.
60. Tà kiến: nguyên bản dùng “chư kiến”, chỉ cho các ý kiến, các sở kiến lầm lạc, thiên lệch của kẻ phàm phu, ngoại đạo nên chúng tôi dịch thẳng là tà kiến.
61. Thập lực thế hùng: Đức Thế hùng có đủ mười trí lực, là tôn hiệu của Phật. Phật có đủ 10 trí lực là: 1. Tri thị xứ phi xứ trí lực: Trí lực biết sự, lý đúng hay chẳng đúng, phân biệt việc tốt có quả tốt và việc xấu có quả xấu. 2. Tri tam thế nghiệp báo trí lực: Trí lực rõ biết nhân quả của chúng sanh trong ba đời: quá khứ, hiện tại và vị lai. 3. Tri chư thiên giải thoát tam muội trí lực: Trí lực rõ biết các mức độ tu hành của chúng sanh, biết sức thắng tình dục bằng sự tham thiền tĩnh lự. 4. Tri chúng sanh tâm tánh trí lực: Trí lực rõ biết căn tánh của tất cả chúng sanh cao hoặc thấp. 5. Tri chủng chủng giải trí lực: Trí lực rõ biết chúng sanh hiểu đạo như thế nào, biết rõ các cách nhận hiểu của thế gian và xuất thế gian. 6. Tri chủng chủng giới trí lực: Trí lực rõ biết các cảnh giới giống nhau hoặc khác nhau, các cảnh giới trong mười phương, bất luận là cảnh giới nào. 7. Tri nhất thiết sở đạo trí lực: Trí lực biết hết phần hành hữu lậu của lục đạo đến đâu và phần hành Niết-bàn vô lậu đến đâu, nghĩa là biết hết các con đường mà chúng sanh noi theo để được giải thoát. 8. Tri thiên nhãn vô ngại trí lực: Trí lực thấy biết mọi việc của chúng sanh trong vô lượng thế giới, thấy biết thông suốt chẳng bị ngăn ngại; thấy biết cuộc sanh tử và việc thiện ác của họ. 9. Tri túc mạng vô lậu trí lực: Trí lực vô lậu biết các đời trước rất xa của chúng sanh. 10. Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực: Trí lực đoạn hẳn các tập khí, làm cho các thói quen tánh xấu đều dứt tuyệt. Tôn xưng Phật là bậc thế hùng (bậc anh hùng giữa thế gian) vì ngài có đủ Thập trí lực như trên, hùng mãnh hơn hết, có thể chế phục được hết thảy chúng ma.
62. Tám chữ: Trong nguyên văn nửa bài kệ còn lại có 2 câu, mỗi câu 4 chữ nên cả thấy còn thiếu 8 chữ.
63. Bấy báu (thất bảo): bảy món quý giá là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa-cừ, xích châu, mã não.
64. Thân kim cang (Kim cang thân): Thân bền chắc không gì có thể làm hư hoại được, cũng không tự hư hoại theo thời gian. Đây là cách nói để ví với thân Phật.
65. Cõi trời Sắc cứu cánh (A-ca-ni-trá thiên), là cõi trời thứ 18 thuộc Sắc giới, ở trên cả cõi trời Tứ thiên.

大般涅槃經

卷第十五 梵行品第八之一

善男子。云何菩薩摩訶薩梵行。善男子。菩薩摩訶薩住於大乘大般涅槃。住七善法得具梵行。何等為七。一者知法。二者知義。三者知時。四者知足。五者知自。六者知眾。七者知尊卑。

善男子。云何菩薩摩訶薩知法。善男子。是菩薩摩訶薩知十二部經。謂修多羅。祇夜。授記。伽陀。優陀那。尼陀那。阿波陀那。伊帝目多伽。闍陀伽。毘佛略。阿浮陀達摩。優波提舍。

善男子。何等名為修多羅經。從如是我聞乃至歡喜奉行。如是一切名修多羅經。

何等名為祇夜經。佛告諸比丘。昔我與汝愚無智慧不能如實見四真諦。是故流轉久處生死沒大苦海。何等為四苦集滅道。如佛昔日為諸比丘說契經竟。爾時復有利根眾。為聽法故後至佛所即便問人。如來向者為說何事。佛時知己即因本經。以偈頌曰。

我昔與汝等
不見四真諦
是故久流轉
生死大苦海。

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

QUYỂN ĐỆ THẬP NGŨ - PHẠM HẠNH PHẨM - *Đệ bát chi nhất*

Thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát phạm hạnh? Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, trụ ư Đại thừa Đại Bát Niết-bàn, trụ thất thiện pháp, đắc cụ phạm hạnh. Hà đẳng vi thất? Nhất giả tri Pháp. Nhị giả tri nghĩa. Tam giả tri thời. Tứ giả tri túc. Ngũ giả tri tự. Lục giả tri chúng. Thất giả tri tôn ty.

Thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát tri pháp. Thiện nam tử! Thị Bồ Tát ma-ha-tát tri thập nhị bộ Kinh vị: Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Thọ ký, Già-đà, Ưu-đà-na, Ni-đà-na, A-ba-đà-na, Y-đế-mục-đa-già, Xà-đà-già, Tỳ-phật-lược, A-phù-đà-đạt-ma, Ưu-ba-đề-xá.

Thiện nam tử! Hà đẳng danh vi Tu-đa-la kinh? Tùng Như thị ngã văn nãi chí hoan hỷ phụng hành, như thị nhất thiết, danh Tu-đa-la Kinh.

Hà đẳng danh vi Kỳ-dạ kinh? Phật cáo chư tỳ-kheo: Tích ngã dĩ nhữ, ngu vô trí tuệ, bất năng như thật kiến Tứ chân đế, thị cố lưu chuyển cửu xử sanh tử, một đại khổ hải. Hà đẳng vi tứ? Khổ, tập, diệt, đạo. Như Phật tích nhật vị chư tỳ-kheo thuyết Khế kinh cánh. Nhĩ thời phục hữu lợi căn chúng sanh vị thính pháp cố, hậu chí Phật sở, túc tiện vấn nhân: Như Lai hướng giả, vị thuyết hà sự? Phật thời tri dĩ túc nhân bốn kinh dĩ kệ tụng viết:

Ngã tích dĩ nhữ đẳng,
Bất kiến Tứ chân đế,
Thị cố cửu lưu chuyển,
Sanh tử đại khổ hải.

若能見四諦
則得斷生死
生有既已盡
更不受諸有

是名祇夜經。

何等名為授記經。如有經律如來說時為諸天人受佛記莚。汝阿逸多。未來有王。名曰僂佉。當於是世而成佛道。號曰彌勒。是名授記經。

何等名為伽陀經。除修多羅及諸戒律。其餘有說四句之偈。所謂。

諸惡莫作
諸善奉行
自淨其意
是諸佛教。

是名伽陀經。

何等名為優陀那經。如佛晡時入於禪定為諸天眾廣說法要。時諸比丘各作是念。如來今者為何所作。如來明旦從禪定起無有人問。以他心智即自說言。比丘當知。一切諸天壽命極長。汝諸比丘。善哉為他不求己利。善哉少欲。善哉知足。善哉寂靜。如是諸經無問自說。是名優陀那經。

何等名為尼陀那經。如諸經偈所因根本為他演說。如舍衛國有一丈夫羅網捕鳥。得已籠繫隨與水穀而復還放。世尊知其本末因緣。而說偈言。

Nhược năng kiến tứ đế
Tắc đắc đoạn sanh tử,
Sanh hữu ký dĩ tận,
Cánh bất thọ chư hữu.

Thị danh Kỳ-dạ kinh.

Hà đẳng danh vi Thọ ký kinh? Như hữu kinh luật, Như Lai thuyết thời, vị chư thiên nhân, thọ Phật ký biệt: Nhữ A-dật-đa vị lai hữu vương, danh viết Hướng Khư, đương ư thị thế, nhi thành Phật đạo hiệu viết Di-lặc. Thị danh Thọ ký kinh.

Hà đẳng danh vi Già-đa Kinh? Trừ Tu-đa-la cập chư Giới luật, kỳ dư hữu thuyết tứ cú chi kệ. Sở vị:

Chư ác mạc tác,
Chúng thiện phụng hành,
Tự tịnh kỳ ý,
Thị chư Phật giáo

Thị danh Già-đa Kinh.

Hà đẳng danh vi Ưu-đa-na Kinh? Như Phật bồ thời, nhập ư thiên định, vị chư thiên chúng, quảng thuyết pháp yếu. Thời chư Tỳ Kheo, các tác thị niệm: Như Lai kim giả vi hà sở tác? Như Lai minh đản tùng thiên định khởi, vô hữu nhân vấn, dĩ tha tâm trí, tức tự thuyết ngôn: Tỳ Kheo đương tri nhất thiết chư thiên thọ mạng cực trường. Nhữ chư Tỳ Kheo! Thiện tai vị tha, bất cầu kỷ lợi. Thiện tai thiếu dục! Thiện tai tri túc! Thiện tai tịch tĩnh! Như thị chư kinh, vô vấn tự thuyết. Thị danh Ưu-đa-na kinh.

Hà đẳng danh vi Ni-đa-na kinh? Như chư kinh kệ, sở nhân căn bản vị tha diễn thuyết. Như Xá-vệ quốc, hữu nhất trượng phu, la võng bộ điểu. Đắc dĩ lung hệ, tùy dĩ thủy cốc, nhi phục hoàn phóng. Thế Tôn tri kỳ bản mạt nhân duyên, nhi thuyết kệ ngôn:

莫輕小罪
以為無殃
水滴雖微
漸盈大器

是名尼陀那經。

何等名為阿波陀那經。如戒律中所說譬喻。是名阿波陀那經。

何等名為伊帝目多伽經。如佛所說。比丘當知。我出世時所可說者。名曰戒經。鳩留秦佛出世之時。名甘露鼓。拘那含牟尼佛時。名曰法鏡。迦葉佛時。名分別空。是名伊帝目多伽經。

何等名為闍陀伽經。如佛世尊本為菩薩修諸苦行。所謂比丘當知。我於過去作鹿作羆作獐作兔。作粟散王轉輪聖王。龍金翅鳥。諸如是等。行菩薩道時所可受身。是名闍陀伽經。

何等名為毘佛略經。所謂大乘方等經典。其義廣大猶如虛空。是名毘佛略經。

何等名為阿浮陀達磨經。如彼菩薩初出生時無人扶持。即行七步放大光明遍觀十方。亦如獼猴手捧蜜器以獻如來。如白頂狗佛邊聽法。如魔波旬變為青牛行瓦鉢間。令諸瓦鉢互相振觸無所傷損。如佛初生入天廟時。令彼天像起下禮敬。如是等經名阿浮陀達磨經。

Mạc khinh tiểu tội,
Dĩ vi vô ương.
Thủy trích tuy vi,
Tiêm doanh đại khí.

Thị danh Ni-đà-na kinh.

Hà đẳng danh vi A-ba-đà-na kinh? Như giới luật trung, sở thuyết thí dụ thị danh A-ba-đà-na kinh.

Hà đẳng danh vi Y-đế-mục-đa-già Kinh? Như Phật sở thuyết: Tỳ kheo đương tri: Ngã xuất thế thời, sở khả thuyết giả, danh viết Giới kinh. Cưu-lưu-tần Phật xuất thế chi thời, danh Cam lộ cổ. Câu-na-hàm-mâu-ni Phật thời danh viết Pháp Kính. Ca-diếp Phật thời, danh Phân biệt không. Thị danh Y-đế-mục-đa-già kinh.

Hà đẳng danh vi Xà-đà-già kinh? Như Phật Thế Tôn bốn vi Bồ Tát, tu chử khổ hạnh. Sở vị: Tỳ kheo đương tri, ngã ư quá khứ, tác lộc, tác bì, tác chương, tác thổ, tác túc tán vương, Chuyển luân thánh vương, long, kim sí điều, chử như thị đẳng, hành Bồ Tát đạo thời sở khả thọ thân. Thị danh Xà-đà-già kinh.

Hà đẳng danh vi Tỳ-phật-lược kinh? Sở vị đại thừa phương đẳng kinh điển, kỳ nghĩa quảng đại do như hư không. Thị danh Tỳ-phật-lược kinh.

Hà đẳng danh vi A-phù-đà-đạt-ma kinh? Như bỉ Bồ Tát, sơ xuất sanh thời, vô nhân phù trì túc hành thất bộ, phóng đại quang minh, biến quan thập phương. Diệc như di hầu, thủ bồng mật khí dĩ hiến Như Lai! Như bạch đỉnh cầu, Phật biên thính pháp! Như ma Ba-tuần, biến vi thanh ngư, hành ngõa bát gian, linh chử ngõa bát hồ tương trành xúc, vô sở thương tổn! Như Phật sơ sanh, nhập Thiên miếu thời, linh bỉ thiên tượng khởi há lễ kính. Như thị đẳng kinh danh A-phù-đà-đạt-ma kinh.

何等名為優波提舍經。如佛世尊所說諸經。若作論義分別廣說辯其相貌。是名優波提舍經。

菩薩若能如是了知十二部經名為知法。

云何菩薩摩訶薩知義。菩薩摩訶薩若於一切文字語言廣知其義。是名知義。

云何菩薩摩訶薩知時。善男子。菩薩善知如是時中任修寂靜如是時中任修精進。如是時中任修捨定。如是時中任供養佛。如是時中任供養師。如是時中任修布施持戒忍辱精進禪定具足般若波羅蜜。是名知時。

云何菩薩摩訶薩知足。善男子。菩薩摩訶薩知足。所謂食飲衣藥行住坐臥睡寤語默。是名知足。

善男子。云何菩薩摩訶薩知自。是菩薩自知我有如是信。如是戒如是多聞如是捨如是慧如是去來如是正念如是善行如是問如是答。是名知自。

云何菩薩摩訶薩知眾。善男子。是菩薩知如是我等。是刹利眾婆羅門眾居士眾沙門眾。應於是眾如是行來如是坐起。如是說法如是問答。是名知眾。

善男子。云何菩薩摩訶薩知人尊卑。善男子。人有二種。一者信。二者不信。菩薩當知信者是

Hà đẳng danh vi Ưu-ba-đề-xá kinh? Như Phật Thế Tôn sở thuyết chư kinh, nhược tác luận nghĩa, phân biệt quảng thuyết, biện kỳ tướng mạo, thị danh Ưu-ba-đề-xá kinh.

Bồ Tát nhược năng như thị liễu tri thập nhị bộ kinh, danh vi tri pháp.

Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát tri nghĩa? Bồ Tát ma-ha-tát nhược ư nhất thiết văn tự ngữ ngôn, quảng tri kỳ nghĩa, thị danh tri nghĩa.

Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát tri thời. Thiện nam tử! Bồ Tát thiện tri như thị thời trung, nhiệm tu tịch tĩnh; như thị thời trung, nhiệm tu tinh tấn; như thị thời trung, nhiệm tu xả định; như thị thời trung; nhiệm cúng dường Phật, như thị thời trung, nhiệm cúng dường sư; như thị thời trung, nhiệm tu bố thí, trì giới nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, cụ túc Bát-nhã Ba-la-mật. Thị danh tri thời.

Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát tri túc? Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát tri túc, sở vị ẩm thực, y dược, hành trụ tọa ngoại, thùy ngộ ngữ mặc. Thị danh tri túc.

Thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát tri tự? Thị Bồ Tát tự tri ngã hữu như thị tín, như thị giới, như thị đa văn, như thị xả, như thị tuệ, như thị khứ lai, như thị chánh niệm, như thị thiện hạnh, như thị vấn, như thị đáp. Thị danh tri tự.

Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát tri chúng? Thiện nam tử! Thị Bồ Tát tri như thị đẳng, thị Sát-ly chúng, bà-la-môn chúng, Cư sĩ chúng, sa-môn chúng. Ưng ư thị chúng, như thị hành lai, như thị tọa khởi, như thị thuyết pháp, như thị vấn đáp. Thị danh tri chúng.

Thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát tri nhân tôn ty? Thiện nam tử! Nhân hữu nhị chủng; nhất giả tín, nhị giả bất

善。其不信者不名為善。復次信有二種。一者常往僧坊。二者不往菩薩。當知其往者善。其不往者不名為善。往僧坊者復有二種。一者禮拜。二不禮拜。菩薩當知禮拜者善。不禮拜者不名為善。其禮拜者復有二種。一者聽法。二者不聽法。菩薩當知聽法者善。不聽法者不名為善。其聽法者復有二種。一至心聽。二不至心。菩薩當知至心聽者是則名善。不至心者不名為善。至心聽法復有二種。一者思義。二不思義。菩薩當知思義者善。不思義者不名為善。其思義者復有二種。一如說行。二不如說行。如說行者是則名善。不如說行不名為善。如說行者復有二種。一求聲聞。不能利安饒益一切苦惱眾生。二者迴向無上大乘。利益多人令得安樂。菩薩應知能利多人得安樂者最上最善。

善男子。如諸寶中如意寶珠最為勝妙。如諸味中甘露最上。如是菩薩於人天中最勝最上不可譬喻。

善男子。是名菩薩摩訶薩住於大乘大涅槃經住七善法。菩薩住是七善法已得具梵行。

復次善男子。復有梵行。謂慈悲喜捨。

tín. Bồ Tát đương tri; tín giả thị thiện; kỳ bất tín giả bất danh vi thiện. Phục thứ, tín hữu nhị chủng; nhất giả thường vãng tăng phùng, nhị giả bất vãng. Bồ Tát đương tri: Kỳ vãng giả thiện; kỳ bất vãng giả bất danh vi thiện. Vãng tăng phùng giả, phục hữu nhị chủng; nhất giả lễ bái, nhị bất lễ bái, Bồ Tát đương tri; lễ bái giả thiện, bất lễ bái giả bất danh vi thiện. Kỳ lễ bái giả, phục hữu nhị chủng; nhất giả thính pháp, nhị giả bất thính pháp. Bồ Tát đương tri; thính pháp giả thiện, bất thính pháp giả bất danh vi thiện. Kỳ thính pháp giả phục hữu nhị chủng; nhất chí tâm thính, nhị bất chí tâm. Bồ Tát đương tri; chí tâm thính giả thị tác danh thiện; bất chí tâm giả bất danh vi thiện. Chí tâm thính pháp, phục hữu nhị chủng; nhất giả tư nghĩa, nhị bất tư nghĩa. Bồ Tát đương tri; tư nghĩa giả thiện; bất tư nghĩa giả; bất danh vi thiện. Kỳ tư nghĩa giả, phục hữu nhị chủng; nhất như thuyết hành, nhị bất như thuyết hành. Như thuyết hành giả, thị tác danh thiện, bất như thuyết hành, bất danh vi thiện. Như thuyết hành giả, phục hữu nhị chủng; nhất cầu Thanh văn, bất năng lợi an nhiều ích nhất thiết khổ não chúng sanh; nhị giả hồi hướng vô thượng đại thừa, lợi ích đa nhân, linh đặc an lạc. Bồ Tát ưng tri: năng lợi đa nhân, đặc an lạc giả, tối thượng tối thiện.

Thiện nam tử! Như chư bảo trung, như ý bảo châu tối vi thắng diệu. Như chư vị trung cam lộ tối thượng. Như thị Bồ Tát, ư nhân thiên trung, tối thắng tối thượng, bất khả thí dụ.

Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát trụ ư Đại thừa Đại Niết-bàn kinh, trụ thất thiện pháp. Bồ Tát trụ thị thất thiện pháp dĩ, đắc cụ phạm hạnh.

Phục thứ, thiện nam tử! Phục hữu phạm hạnh, vị: Từ, Bi, Hỷ, Xả.

迦葉菩薩白佛言。世尊。若多修慈能斷瞋恚。修悲心者亦斷瞋恚。云何而言四無量心。推義而言則應有三。

世尊。慈有三緣。一緣眾生。二緣於法。三則無緣。悲喜捨心亦復如是。若從是義唯應有三不應有四。

眾生緣者。緣於五陰願與其樂。是名眾生緣。法緣者。緣諸眾生所須之物而施與之。是名法緣。無緣者。緣於如來。是名無緣。

慈者多緣貧窮眾生。如來大師永離貧窮受第一樂。若緣眾生則不緣佛法亦如是。以是義故緣如來者。名曰無緣。

世尊。慈之所緣一切眾生。如緣父母妻子親屬。以是義故。名曰眾生緣。法緣者。不見父母妻子親屬。見一切法皆從緣生。是名法緣。無緣者。不住法相及眾生相。是名無緣。悲喜捨心亦復如是。是故應三不應有四。

世尊。人有二種。一者見行。二者愛行。見行之人多修慈悲。愛行之人多修喜捨。是故應二不應有四。

世尊。夫無量者。名曰無邊。邊不可得故名無量。若無量者則應是一不應言四。若言四者何得無量。是故應一不應四也。

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược đa tu từ, năng đoạn sân khuể; tu bi tâm giả, diệc đoạn sân khuể. Vân hà nhi ngôn tứ vô lượng tâm? Suy nghĩa nhi ngôn, tắc ứng hữu tam.

Thế Tôn! Từ hữu tam duyên: nhất duyên chúng sanh, nhị duyên ư pháp, tam tắc vô duyên. Bi, Hỷ, Xả tâm, diệc phục như thị. Nhược tùng thị nghĩa, duy ứng hữu tam, bất ứng hữu tứ.

Chúng sanh duyên giả, duyên ư ngũ ấm, nguyện dữ kỳ lạc. Thị danh chúng sanh duyên. Pháp duyên giả, duyên chư chúng sanh sở tu chi vật, nhi thí dữ chi. Thị danh pháp duyên. Vô duyên giả, duyên ư Như Lai. Thị danh vô duyên.

Từ giả đa duyên bản cùng chúng sanh, Như Lai Đại sư vĩnh ly bản cùng, thọ đệ nhất lạc. Nhược duyên chúng sanh, tắc bất duyên Phật. Pháp diệc như thị. Dĩ thị nghĩa cố, duyên Như Lai giả, danh viết vô duyên.

Thế Tôn! Từ chi sở duyên nhất thiết chúng sanh, như duyên phụ mẫu, thê tử, thân thuộc. Dĩ thị nghĩa cố, danh viết chúng sanh duyên. Pháp duyên giả, bất kiến phụ mẫu, thê tử, thân thuộc, kiến nhất thiết pháp giai tùng duyên sanh, thị danh pháp duyên. Vô duyên giả, bất trụ pháp tướng cập chúng sanh tướng. Thị danh vô duyên. Bi, Hỷ, Xả tâm, diệc phục như thị. Thị cố ứng tam, bất ứng hữu tứ.

Thế Tôn! Nhân hữu nhị chủng: nhất giả kiến hành, nhị giả ái hành. Kiến hành chi nhân, đa tu từ bi; ái hành chi nhân, đa tu Hỷ Xả. Thị cố ứng nhị, bất ứng hữu tứ.

Thế Tôn! Phù vô lượng giả, danh viết vô biên. Biên bất khả đắc, cố danh vô lượng. Nhược vô lượng giả, tắc ứng thị nhất, bất ứng ngôn tứ. Nhược ngôn tứ giả, hà đắc vô lượng? Thị cố ứng nhất, bất ứng tứ dã.

佛告迦葉。善男子。諸佛如來為諸眾生所宣法要。其言祕密難可了知。或為眾生說一因緣。如說何等為一因緣。所謂一切有為之法。

善男子。或說二種因之與果。或說三種煩惱業苦。或說四種無明諸行生與老死。或說五種所謂受愛取有及生。或說六種三世因果。或說七種謂識名色六入觸受及以愛取。或說八種除無明行及生老死其餘八事。或說九種如城經中。除無明行識其餘九事。或說十一如為薩遮尼犍子說。除生一法其餘十一。或時具說十二因緣。如王舍城為迦葉等具說十二無明乃至生老病死。

善男子。如一因緣為眾生故種種分別。無量心法亦復如是。善男子。以是義故於諸如來深密行處不應生疑。

善男子。如來世尊有大方便。無常說常常說無常。說樂為苦說苦為樂。不淨說淨淨說不淨。我說無我無我說我。於非眾生說為眾生。於實眾生說非眾生。非物說物物說非物。非實說實實說非實。非境說境境說非境。非生說生生說非生。乃至無明說明明說無明。色說非色非色說色。非道說道道說非道。

Phật cáo Ca-diếp Bồ Tát: Thiện nam tử! Chư Phật Như Lai, vị chư chúng sanh, sở tuyên pháp yếu, kỳ ngôn bí mật, nan khả liễu tri. Hoặc vị chúng sanh, thuyết nhất nhân duyên. Như thuyết: hà đẳng vi nhất nhân duyên? Sở vị nhất thiết hữu vi chi pháp.

Thiện nam tử! Hoặc thuyết nhị chủng: nhân chi dữ quả, hoặc thuyết tam chủng: phiền não, nghiệp, khổ. Hoặc thuyết tứ chủng: vô minh, chư hành, sanh dữ lão tử. Hoặc thuyết ngũ chủng, sở vị: thọ, ái, thủ, hữu cập sanh. Hoặc thuyết lục chủng: tam thể nhân quả. Hoặc thuyết thất chủng, vị: thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ cập dĩ ái, thủ. Hoặc thuyết bát chủng, trừ vô minh, hành cập sanh, lão tử; kỳ dư bát sự. Hoặc thuyết cửu chủng, như thành kinh trung, trừ vô minh, hành thức, kỳ dư cửu sự. Hoặc thuyết thập nhất; như vị Tát-già Ni-kiền tử, thuyết: trừ sanh nhất pháp, kỳ dư thập nhất. Hoặc thời cụ thuyết thập nhị nhân duyên; như Vương Xá thành, vị Ca-diếp đẳng, cụ thuyết thập nhị: vô minh nãi chí sanh, lão, bệnh, tử.

Thiện nam tử! Như nhất nhân duyên, vị chúng sanh cố, chủng chủng phân biệt: vô lượng tâm pháp, diệc phục như thị. Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, ư chư Như Lai thâm mật hạnh xứ, bất ưng sanh nghi.

Thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn hữu đại phương tiện: vô thường, thuyết thường; thường, thuyết vô thường. Thuyết lạc vi khổ; thuyết khổ vi lạc. Bất tịnh, thuyết tịnh; tịnh, thuyết bất tịnh. Ngã, thuyết vô ngã; vô ngã, thuyết ngã. Ư phi chúng sanh, thuyết vi chúng sanh; ư thật chúng sanh, thuyết phi chúng sanh. Phi vật, thuyết vật; vật, thuyết phi vật. Phi thật, thuyết thật, thật, thuyết phi thật. Phi cảnh, thuyết cảnh; cảnh, thuyết phi cảnh. Phi sanh, thuyết sanh; sanh, thuyết phi sanh. Nãi chí vô minh, thuyết minh; minh, thuyết vô minh, sắc, thuyết phi sắc; phi sắc, thuyết sắc. Phi đạo, thuyết đạo; đạo, thuyết phi đạo.

善男子。如來以如是無量方便為調眾生。豈虛妄耶。善男子。或有眾生貪於財貨。我於其人自化其身作轉輪王。於無量歲隨其所須種種供給。然後教化令其安住阿耨多羅三藐三菩提。

若有眾生貪著五欲。於無量歲以妙五欲充足其情。然後勸化令其安住阿耨多羅三藐三菩提。

若有眾生榮豪自貴。我於其人無量歲中為作僕使，趨走給侍。得其心已，即復勸化令其安住阿耨多羅三藐三菩提。

若有眾生性戾自是，須人呵諫。我於無量百千歲中教訶敦喻令其心調。然後復勸令其安住阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。如來如是於無量歲以種種方便。令諸眾生安住阿耨多羅三藐三菩提。豈虛妄耶。諸佛如來雖處眾惡無所染污猶如蓮花。

善男子。應如是知四無量義。善男子。是無量心體性有四。若有修行生大梵處。善男子。如是無量伴侶有四。是故名四。

夫修慈者能斷貪欲。修悲心者能斷瞋恚。修喜心者能斷不樂。修捨心者能斷貪欲瞋恚眾生。善男子。以是義故得名為四非一二三。

Thiện nam tử! Như Lai dĩ như thị vô lượng phương tiện, vị điều chúng sanh, khởi hư vọng da? Thiện nam tử! Hoặc hữu chúng sanh tham ư tài hóa, ngã ư kỳ nhân, tự hóa kỳ thân, tác chuyển luân vương. Ư vô lượng tuế, tùy kỳ sở tu, chủng chủng cung cấp. Nhiên hậu giáo hóa, linh kỳ an trụ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Nhược hữu chúng sanh tham trước ngũ dục, ư vô lượng tuế, dĩ diệu ngũ dục, sung túc kỳ tình. Nhiên hậu khuyến hóa, linh kỳ an trụ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Nhược hữu chúng sanh vinh hào tự quý, ngã ư kỳ nhân, vô lượng tuế trung, vị tác bộc sử, xu tẩu cấp thị. Đắc kỳ tâm dĩ, túc phục khuyến hóa, linh kỳ an trụ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Nhược hữu chúng sanh tánh lệ tự thị, tu nhân ha gián, ngã ư vô lượng bá thiên tuế trung, giáo ha đôn dụ, linh kỳ tâm điều. Nhiên hậu phục khuyến linh kỳ an trụ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thiện nam tử! Như Lai như thị, ư vô lượng tuế, dĩ chủng chủng phương tiện, linh chư chúng sanh an trụ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Khởi hư vọng da? Chư Phật Như Lai, tuy xử chúng ác, vô sở nhiễm ô, do như liên hoa.

Thiện nam tử! Ứng như thị tri tứ vô lượng nghĩa. Thiện nam tử! Thị vô lượng tâm, thể tánh hữu tứ. Nhược hữu tu hành, sanh Đại Phạm xứ. Thiện nam tử! Như thị vô lượng, bạn lữ hữu tứ; thị cố danh tứ.

Phù tu Từ giả, năng đoạn tham dục, tu Bi tâm giả, năng đoạn sân khuể; tu hỷ tâm giả, năng đoạn bất lạc, tu Xả tâm giả, năng đoạn tham dục, sân khuể chúng sanh. Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, đắc danh vi tứ; phi nhất, nhị, tam.

善男子。如汝所言慈能斷瞋悲亦如是。應說三者。汝今不應作如是難。何以故。善男子。志有二種。一能奪命。二能鞭撻。修慈則能斷彼奪命。修悲能除彼鞭撻者。善男子。以是義故豈非四耶。

復次瞋有二種。一瞋眾生。二瞋非眾生。修慈心者斷瞋眾生。修悲心者斷非眾生。

復次瞋有二種。一有因緣。二無因緣。修慈心者斷有因緣。修悲心者斷無因緣。

復次瞋有二種。一者久於過去修習。二者於今現在修習。修慈心者能斷過去。修悲心者斷於現在。

復次瞋有二種。一瞋聖人。二瞋凡夫。修慈心者斷瞋聖人。修悲心者斷瞋凡夫。復次瞋有二種。一上二中。修慈斷上。修悲斷中。

善男子。以是義故則名為四。何得難言應三非四。

是故迦葉。是無量心伴侶相對分別為四。復以器故應名為四。器若有慈則不得有悲喜捨心。以是義故應四無減。善男子。以行分別故應有四。若行慈時無悲喜捨。是故有四。善男子。以無量故亦得名四。

Thiện nam tử! Như nữ sở ngôn, Từ năng đoạn sân, Bi diệt như thị; ưng thuyết tam giả. Nhữ kim bất ưng tác như thị nạn. Hà dĩ cố? Thiện nam tử! Nhuế hữu nhị chủng: nhất năng đoạn mạng, nhị năng tiên thác. Tu từ tác năng đoạn bỉ đoạn mạng; tu bi năng trừ bỉ tiên thác giả. Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, khởi phi tứ da?

Phục thứ, sân hữu nhị chủng: nhất sân chúng sanh, nhị sân phi chúng sanh. Tu từ tâm giả, đoạn sân chúng sanh; tu bi tâm giả, đoạn phi chúng sanh.

Phục thứ, sân hữu nhị chủng: Nhất hữu nhân duyên, nhị vô nhân duyên. Tu Từ tâm giả, đoạn hữu nhân duyên; tu bi tâm giả, đoạn vô nhân duyên.

Phục thứ, sân hữu nhị chủng: nhất giả cứu ư quá khứ tu tập, nhị giả ư kim hiện tại tu tập. Tu từ tâm giả, năng đoạn quá khứ; tu bi tâm giả, đoạn ư hiện tại.

Phục thứ, sân hữu nhị chủng: nhất sân thánh nhân, nhị sân phàm phu. Tu từ tâm giả, đoạn sân thánh nhân; tu bi tâm giả, đoạn sân phàm phu.

Phục thứ, sân hữu nhị chủng: nhất thượng, nhị trung. Tu từ, đoạn thượng; tu bi đoạn trung.

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, tác danh vi tứ. Hà đắc nạn ngôn: ưng tam, phi tứ?

Thị cố, Ca-diếp! Thị vô lượng tâm, bạn lữ tương đối, phân biệt vi tứ. Phục dĩ khí cố, ưng danh vi tứ. Khí nhược hữu từ, tác bất đắc hữu bi, hỷ, xả tâm. Dĩ thị nghĩa cố ưng tứ vô giảm. Thiện nam tử! Dĩ hành phân biệt, cố ưng hữu tứ. Nhược hành từ thời, vô bi, hỷ, xả. Thị cố hữu tứ. Thiện nam tử! Dĩ vô lượng cố, diệt đắc danh tứ!

夫無量者則有四種。有無量心有緣非自在。有無量心自在非緣。有無量心亦緣亦自在。有無量心非緣非自在。

何等無量有緣非自在。緣於無量無邊眾生。而不能得自在三昧。雖得不定或得或失。

何等無量自在非緣。如緣父母兄弟姊妹欲令安樂非無量緣。

何等無量亦緣亦自在。謂諸佛菩薩。

何等無量非緣非自在。聲聞緣覺不能廣緣無量眾生。亦非自在。

善男子。以是義故名四無量。非諸聲聞緣覺所知。乃是諸佛如來境界。善男子。如是四事。聲聞緣覺雖名無量少不足言。諸佛菩薩則得名為無量無邊。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如是，如是。實如聖教。諸佛如來所有境界，非諸聲聞緣覺所及。世尊。頗有菩薩住於大乘大般涅槃得慈悲心，非是大慈大悲心不。

佛言有。善男子。菩薩若於諸眾生中三品分別。一者親人。二者怨憎。三者中人。於親人中復作三品。謂上中下。怨憎亦爾。是菩薩摩訶薩於上親中與增上樂。於中下親中亦復平等與增上樂。於上怨中與少分樂。於中怨所與中品樂。於下怨中與增上樂。

Phù vô lượng giả, tác hữu tứ chủng: Hữu vô lượng tâm, hữu duyên, phi tự tại; hữu vô lượng tâm, tự tại, phi duyên; hữu vô lượng tâm, diệc duyên, diệc tự tại; hữu vô lượng tâm, phi duyên, phi tự tại.

Hà đẳng vô lượng, hữu duyên, phi tự tại? Duyên ư vô lượng vô biên chúng sanh, nhi bất năng đắc Tự tại Tam muội. Tuy đắc, bất định: hoặc đắc, hoặc thất.

Hà đẳng vô lượng, tự tại, phi duyên? Như duyên phụ mẫu, huynh đệ, tử muội, dục linh an lạc, phi vô lượng duyên.

Hà đẳng vô lượng, diệc duyên, diệc tự tại? Vị chư Phật, Bồ Tát.

Hà đẳng vô lượng, phi duyên, phi tự tại? Thanh văn, Duyên giác bất năng quảng duyên vô lượng chúng sanh, diệc phi tự tại.

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, danh tứ vô lượng. Phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri, nãi thị chư Phật Như Lai cảnh giới. Thiện nam tử! Như thị tứ sự, Thanh văn, Duyên giác tuy danh vô lượng, thiếu bất túc ngôn. Chư Phật Bồ Tát tác đắc danh vi vô lượng vô biên.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như thị, như thị. Thật như Thánh giáo. Chư Phật Như Lai sở hữu cảnh giới, phi chư Thanh văn, Duyên giác sở cập. Thế Tôn! Phả hữu Bồ Tát trụ ư Đại thừa Đại Bát Niết-bàn, đắc từ bi tâm, phi thị đại từ đại bi tâm phủ?

Phật ngôn: Hữu! Thiện nam tử! Bồ Tát nhược ư chư chúng sanh trung, tam phẩm phân biệt: Nhất giả thân nhân, nhị giả oán tắng, tam giả trung nhân. Ư thân nhân trung, phục tác tam phẩm: Vị thượng, trung, hạ. Oán tắng diệc nhĩ. Thị Bồ Tát ma-ha-tát, ư thượng thân trung, dĩ tắng thượng lạc. Ư trung, hạ thân trung, diệc phục bình đẳng dĩ tắng thượng lạc. Ư thượng oán trung, dĩ thiếu phân lạc. Ư trung oán sở, dĩ trung phẩm lạc. Ư hạ oán trung, dĩ tắng thượng lạc.

菩薩如是轉增修習。於上怨中與中品樂於中下怨等與增上樂。

轉復修習於上中下等與上樂。若上怨中與上樂者。爾時得名慈心成就。菩薩爾時於父母所及上怨中。得平等心無有差別。善男子。是名得慈非大慈也。

世尊。何緣菩薩得如是慈。猶故不得名為大慈。

善男子。以難成故不名大慈。何以故。久於過去無量劫中。多集煩惱未修善法。是故不能於一日中調伏其心。

善男子。譬如豌豆乾時錐刺終不可著。煩惱堅硬亦復如是。雖一日夜繫心不散難可調伏。

又如家犬不畏於人。山林野鹿見人怖走。瞋恚難去如守家狗。慈心易失如彼野鹿。是故此心難可調伏。以是義故不名大慈。

復次善男子。譬如畫石其文常存。畫水速滅勢不久住。瞋如畫石。諸善根本如彼畫水。是故此心難得調伏。

如大火聚其明久住。電光之明不得暫停。瞋如火聚慈如電光之明。是故此心難得調伏。以是義故不名大慈。

善男子。菩薩摩訶薩住於初地名曰大慈。何以故。善男子。最極惡者名一闍提。初住菩薩修大慈

Bồ Tát như thị chuyển tăng tu tập: Ư thượng oán trung, dữ trung phẩm lạc. Ư trung hạ oán đẳng, dữ tăng thượng lạc.

Chuyển phục tu tập: ư thượng, trung, hạ, đẳng dữ thượng lạc. Nhược thượng oán trung dữ thượng lạc giả, nhĩ thời đắc danh từ tâm thành tựu. Bồ Tát nhĩ thời, ư phụ mẫu sở cập thượng oán trung, đắc bình đẳng tâm, vô hữu sai biệt. Thiện nam tử! Thị danh đắc từ, phi đại từ dã.

Thế Tôn! Hà duyên Bồ Tát đắc như thị từ, do cố bất đắc danh vi đại từ?

Thiện nam tử! Dĩ nan thành cố, bất danh đại từ. Hà dĩ cố? Cửu ư quá khứ vô lượng kiếp trung, đa tập phiền não, vị tu thiện pháp, thị cố bất năng ư nhất nhật trung, điều phục kỳ tâm.

Thiện nam tử! Thí như uyên đậu càn thời, trùy thích chung bất khả trước. Phiền não kiên ngạnh, diệt phục như thị; tuy nhất nhật dạ hệ tâm bất tán, nan khả điều phục.

Hựu như gia khuyến, bất úy ư nhân; sơn lâm dã lộc, kiến nhân bố tẩu. Sân khuể nan khứ, như thủ gia cầu; từ tâm dị thất, như bỉ dã lộc. Thị cố thủ tâm nan khả điều phục. Dĩ thị nghĩa cố, bất danh đại từ.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như họa thạch, kỳ văn thường tồn; họa thủy tốc diệt, thế bất cử trụ. Sân như họa thạch; chư thiện căn bản như bỉ họa thủy. Thị cố thủ tâm nan đắc điều phục.

Như đại hỏa tụ, kỳ minh cử trụ; điện quang chi minh, bất đắc tạm đình. Sân như hỏa tụ, từ như điện quang chi minh. Thị cố thủ tâm nan đắc điều phục. Dĩ thị nghĩa cố, bất danh đại từ.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát trụ ư sơ địa, danh viết đại từ. Hà dĩ cố? Thiện nam tử! Tối cực ác giả, danh nhất-xiển-đề.

時於一闡提心無差別。不見其過故不生瞋。以是義故得名大慈。

善男子。為諸眾生除無利益是名大慈。欲與眾生無量利樂是名大悲。於諸眾生心生歡喜是名大喜。無所擁護名為大捨。若不見我法相己身。見一切法平等無二。是名大捨。自捨己樂施與他人。是名大捨。

善男子。唯四無量能令菩薩增長具足六波羅蜜。其餘諸行不必能爾。

善男子。菩薩摩訶薩先得世間四無量心。然後乃發阿耨多羅三藐三菩提心。次第方得出世間者。善男子。因世無量得出世無量。以是義故名大無量。

迦葉菩薩白佛言。世尊。除無利益與利樂者實無所為。如是思惟即是虛觀無有實利。

世尊。譬如比丘觀不淨時。見所著衣悉是皮相而實非皮。所可食噉皆作虫相而實非虫。觀大豆羹作下汁想而實非羹。觀所食酪猶如髓腦而實非腦。觀骨碎末猶如麩相而實非麩。四無量心亦復如是。不能真實利益眾生令其得樂。雖口發言與眾生樂而實不得。如是之觀非虛妄耶。

世尊。若非虛妄實與樂者。而諸眾生何故不以諸佛菩薩威德力故一切受樂。

Sơ trụ Bồ Tát tu Đại từ thời, ư nhất-xiển-đề, tâm vô sai biệt, bất kiến kỳ quá, cố bất sanh sân. Dĩ thị nghĩa cố, đắc danh đại từ.

Thiện nam tử! Vị chư chúng sanh, trừ vô lợi ích, thị danh Đại từ. Dục dĩ chúng sanh vô lượng lợi lạc, thị danh Đại bi. Ư chư chúng sanh, tâm sanh hoan hỷ, thị danh đại hỷ. Vô sở ủng hộ, danh vi Đại xả. Nhược bất kiến ngã, pháp tướng, kỷ thân, kiến nhất thiết pháp bình đẳng vô nhị, thị danh đại xả. Tự xả kỷ lạc, thí dĩ tha nhân, thị danh đại xả.

Thiện nam tử! Duy tứ vô lượng năng linh Bồ Tát tăng trưởng cụ túc Lục ba-la-mật; kỳ dư chư hạnh bất tất năng nhĩ.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, tiên đắc thế gian tứ Vô lượng tâm, nhiên hậu nãi phát A-nậu-đa-la tam miệu tam bồ đề tâm; thứ đệ phương đắc xuất thế gian giả. Thiện nam tử! Nhân thế vô lượng, đắc xuất thế vô lượng. Dĩ thị nghĩa cố, danh đại vô lượng.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Trừ vô lợi ích dĩ lợi lạc giả, thật vô sở vi. Như thị tư duy, tức thị hư quán, vô hữu thật lợi.

Thế Tôn! Thí như tỳ-kheo quán bất tịnh thời, kiến sở trước y tất thị bì tướng; nhi thật phi bì; sở khả thực hám, giai tác trùng tướng; nhi thật phi trùng. Quán đại đậu canh, tác hạ tráp tướng, nhi thật phi phần. Quán sở thực lạc, do như tủy não; nhi thật phi não. Quán cốt toái mật, do như tiểu tướng; nhi thật phi tiểu. Tứ Vô lượng tâm diệc phục như thị, bất năng chân thật lợi ích chúng sanh, linh kỳ đắc lạc. Tuy khẩu phát ngôn. Dĩ chúng sanh lạc, nhi thật bất đắc. Như thị chi quán, phi hư vọng da?

Thế Tôn! Nhược phi hư vọng, thật dĩ lạc giả, nhi chư chúng sanh hà cố bất dĩ chư Phật, Bồ Tát oai đức lực cố, nhất thiết thọ lạc?

若當真實不得樂者。如佛所說我念往昔獨修慈心。經此劫世七返成壞不來此生。世界成時生梵天中。世界壞時生光音天。若生梵天力勢自在無能摧伏。於千梵中最勝最上名大梵王。有諸眾生皆於我所生最上想。三十六返作忉利天王釋提桓因。無量百千作轉輪王獨修慈心乃得如是人天果報。若不實者云何得與此義相應。

佛言。善哉善哉。善男子。汝真勇猛無所畏懼。即為迦葉。而說偈言。

若於一眾生
不生瞋恚心
而願與彼樂
是名為慈善。
一切眾生中
若起於悲心
是名聖種性
得福報無量。
設使五通仙
悉滿此大地
有大自在王
奉施其所安。
象馬種種物
所得福報果

Nhược dương chân thật bất đắc lạc giả, như Phật sở thuyết: Ngã niệm vãng tích, độc tu từ tâm, kinh thủ kiếp thế thất phản thành hoại, bất lai tử sinh. Thế giới thành thời, sanh phạm thiên trung. Thế giới hoại thời, sanh Quang âm thiên. Nhược sanh Phạm thiên, lực thế tự tại, vô năng tội phục, ư thiên phạm trung, tối thắng tối thượng danh Đại Phạm Vương. Hữu chư chúng sanh giai ư ngã sở, sanh tối thượng tưởng. Tam thập lục phản, tác Đạo-ly Thiên Vương, Thích-đề-hoàn-nhân. Vô lượng bá thiên, tác Chuyển luân vương. Độc tu từ tâm, nãi đắc như thị nhân thiên quả báo. Nhược bất thật giả, vân hà đắc dĩ thủ nghĩa tương ưng?

Phật ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ chân dũng mãnh, vô sở úy cụ. Tức vị Ca-diếp, nhi thuyết kệ ngôn:

Nhược ư nhất chúng sanh,
Bát sanh sân khuể tâm,
Nhi nguyện dĩ bỉ lạc,
Thị danh vi từ thiện.

Nhất thiết chúng sanh trung,
Nhược khởi ư bi tâm,
Thị danh Thánh chủng tánh,
Đắc phước báo vô lượng.

Thiết sử ngũ thông tiên,
Tất mãn thủ đại địa.
Hữu đại tự tại vương,
Phụng thí kỳ sở an.

Tượng, mã, chủng chủng vật;
Sở đắc phước báo quả,

不及修一慈
十六分中一

善男子。夫修慈者實非妄想諦是真實。若是聲聞緣覺之慈是名虛妄。諸佛菩薩真實不虛云何知耶。

善男子。菩薩摩訶薩修行如是大涅槃者。觀土為金觀金為土。地作水相水作地相。水作火相火作水相。地作風相風作地相。隨意成就無有虛妄。觀實眾生為非眾生。觀非眾生為實眾生。悉隨意成無有虛妄。

善男子。當知菩薩四無量心。是實思惟非不真實。復次善男子。云何名為真實思惟。謂能斷除諸煩惱故。

善男子。夫修慈者能斷貪欲。修悲心者能斷瞋恚。修喜心者能斷不樂。修捨心者能斷貪恚及眾生相。以是故名真實思惟。復次善男子。菩薩摩訶薩四無量心。能為一切諸善根本。

善男子。菩薩摩訶薩若不得見貧窮眾生無緣生慈。若不生慈則不能起惠施之心。以施因緣令諸眾生得安隱樂。所謂食飯車乘衣服花香床臥舍宅燈明。如是施時心無繫縛不生貪著。必定迴向阿耨多羅三藐三菩提。其心爾時無所依止。妄想永斷不為

Bát cập tu nhất từ,
Thập lục phân trung nhất.

Thiện nam tử! Phù tu từ giả, thật phi vọng tưởng; để thị chân thật. Nhược thị Thanh văn, Duyên giác chi từ, thị danh hư vọng. Chư Phật, Bồ Tát chân thật bất hư. Vân hà tri da?

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, tu hành như thị Đại Niết-bàn giả, quán thổ vi kim, quán kim vi thổ, địa tác thủy tướng, thủy tác địa tướng, thủy tác hỏa tướng, hỏa tác thủy tướng, địa tác phong tướng, phong tác địa tướng; tùy ý thành tựu, vô hữu hư vọng. Quán thật chúng sanh, vi phi chúng sanh, quán phi chúng sanh vi thật chúng sanh; tất tùy ý thành, vô hữu hư vọng.

Thiện nam tử! Đương tri Bồ Tát tứ vô lượng tâm thị thật tư duy, phi bất chân thật. Phục thứ, thiện nam tử! Vân hà danh vi chân thật tư duy? Vị năng đoạn trừ chư phiền não cố.

Thiện nam tử! Phù tu từ giả, năng đoạn tham dục. Tu bi tâm giả, năng đoạn sân khuể. Tu hỷ tâm giả, năng đoạn bất lạc. Tu xả tâm giả, năng đoạn tham, nhuế cập chúng sanh tướng. Dĩ thị cố danh chân thật tư duy. Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát tứ vô lượng tâm, năng vi nhất thiết chư thiện căn bản.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, nhược bất đắc kiến bản cùng chúng sanh, vô duyên sanh từ. Nhược bất sanh từ, tác bất năng khởi tuệ thí chi tâm. Dĩ thí nhân duyên, linh chư chúng sanh đắc an ổn lạc. Sở vị: ẩm thực, xa thặng, y phục, hoa hương, sàng ngọa, xá trạch, đăng minh. Như thị thí thời, tâm vô hệ phược, bất sanh tham trước, tất định hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Kỳ tâm nhĩ thời vô sở y

怖畏名譽利養。不求人天所受快樂。不生憍慢不望返報不為誑他。故行布施不求富貴。

凡行施時不見受者持戒破戒是田非田。此是知識此非知識。施時不見是器非器。不擇日時是處非處。亦復不計飢饉豐樂。不見因果此是眾生此非眾生是福非福。雖復不見施者受者及以財物。乃至不見斷及果報。而常行施無有斷絕。

善男子。菩薩若見持戒破戒乃至果報終不能施。若不布施則不具足檀波羅蜜。若不具足檀波羅蜜。則不能成阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。譬如有人身被毒箭。其人眷屬欲令安隱為除毒故。即命良醫而為拔箭。彼人方言且待莫觸。我今當觀。如是毒箭從何方來。誰之所射為是刹利婆羅門毘舍首陀。復更作念。是何木耶竹耶柳耶。其鏃鐵者何冶所出剛耶柔耶。其毛羽者是何鳥翼。烏鴉鷲耶。其有毒者為從作生自然而有。為是人毒惡蛇毒耶。如是癡人竟不能知尋便命終。

善男子。菩薩亦爾。若行施時分別受者持戒破戒乃至果報終不能施。若不能施則不具足檀波羅蜜若不具足檀波羅蜜。則不能成阿耨多羅三藐三菩提。

復次善男子。菩薩摩訶薩行布施時。於諸眾生慈心平等猶如子想。又行施時於諸眾生起悲愍心。譬如父母瞻視病子。行施之時其心歡喜。猶如父母

子, vọng tưởng vĩnh đoạn; bất vị bố úy, danh dự, lợi dưỡng; bất cầu nhân thiên sở thọ khoái lạc, bất sanh kiêu mạn, bất vọng phản báo, bất vị cưỡng tha, cố hành bố thí, bất cầu phú quý.

Phạm hành thí thời, bất kiến thọ giả, trì giới, phá giới, thị điền, phi điền, thủ thị tri thức, thủ phi tri thức. Thí thời bất kiến thị khí, phi khí, bất trạch nhật thời, thị xú, phi xú. Diệc phục bất kế cơ cần, phong lạc; bất kiến nhân quả, thủ thị chúng sanh, thủ phi chúng sanh, thị phước, phi phước. Tuy phục bất kiến thí giả, thọ giả cập dĩ tài vật, nãi chí bất kiến đoạn cập quả báo, nhi thường hành thí, vô hữu đoạn tuyện.

Thiện nam tử! Bồ Tát nhược kiến trì giới, phá giới,... nãi chí quả báo, chung bất năng thí. Nhược bất bố thí, tắc bất cụ túc Đản Ba-la-mật. Nhược bất cụ túc Đản Ba-la-mật, tắc bất năng thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, thân bị độc tiễn. Kỳ nhân quyến thuộc dục linh an ổn, vị trừ độc cố, tức mạng lương y nhi vị bạt tiễn. Bỉ nhân phương ngôn: Thả đãi mạc xúc. Ngã kim đương quán: Như thị độc tiễn, tùng hà phương lai? Thùy chi sở xạ, vi thị sát-ly, bà-la-môn, tỳ-xá, thủ-đà? Phục cánh tác niệm: Thị hà mộc da? Trúc da? Liễu da? Kỳ thốc thiết giả hà dã sở xuất? Cương da? Nhu da? Kỳ mao vũ giả, thị hà điều dục? Ô, si, thúu da? Kỳ hữu độc giả vi tùng tác sanh, tự nhiên nhi hữu, vi thị nhân độc, ác xà độc da? Như thị si nhân, cánh bất năng tri, tâm tiện mạng chung.

Thiện nam tử! Bồ Tát diệc nhĩ, nhược hành thí thời, phân biệt thọ giả, trì giới, phá giới,... nãi chí quả báo, chung bất năng thí. Nhược bất năng thí, tắc bất cụ túc Đản Ba-la-mật. Nhược bất cụ túc Đản Ba-la-mật, tắc bất năng thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát hành bố thí thời, ư chư chúng sanh, từ tâm bình đẳng, do như tử tưởng. Hựu hành thí thời, ư chư chúng sanh, khởi bi mẫn tâm, thí như phụ mẫu chiêm thị bệnh tử. Hành thí chi thời, kỳ tâm

見子病愈。既施之後其心放捨。猶如父母見子長大能自存活。

是菩薩摩訶薩於慈心中布施食時。常作是願。我今所施悉與一切眾生共之。以是因緣令諸眾生得大智食。勤進迴向無上大乘。願諸眾生得善智食。不求聲聞緣覺之食。願諸眾生得法喜食不求愛食。願諸眾生悉得般若波羅蜜食皆令充滿。攝取無礙增上善根。願諸眾生悟解空相得無礙身猶如虛空。願諸眾生常為受者。憐愍一切為眾福田。善男子。菩薩摩訶薩修慈心時。凡所施食應當堅發如是等願。

復次善男子。菩薩摩訶薩於慈心中布施漿時。當作是願。我今所施悉與一切眾生共之。以是因緣令諸眾生趣大乘河飲八味水。速涉無上菩提之道。離於聲聞緣覺枯渴。渴仰求於無上佛乘。斷煩惱渴渴仰法味。離生死愛，愛樂大乘大般涅槃。具足法身得諸三昧。入於甚深智慧大海。願諸眾生得甘露味，菩提出世，離欲寂靜如是諸味。願諸眾生具足無量百千法味。具法味已得見佛性。見佛性已能雨法雨。雨法雨已佛性遍覆猶如虛空。復令其餘無量眾

hoan hỷ, do như phụ mẫu kiến tử bệnh dũ. Kỳ thí chi hậu, kỳ tâm phóng xả, do như phụ mẫu kiến tử trưởng đại, năng tự tồn hoạt.

Thị Bồ Tát ma-ha-tát, ư từ tâm trung, bố thí thực thời, thường tác thị nguyện: Ngã kim sở thí, tất dũ nhất thiết chúng sanh cộng chi. Dĩ thị nhân duyên, linh chư chúng sanh đắc đại trí thực, cần tấn hồi hướng Vô thượng Đại thừa. Nguyện chư chúng sanh đắc thiện trí thực, bát cầu Thanh văn, Duyên giác chi thực. Nguyện chư chúng sanh đắc pháp hỷ thực, bát cầu ái thực. Nguyện chư chúng sanh tất đắc Bát-nhã Ba-la-mật thực, giai linh sung mãn, nhiếp thủ Vô ngại tăng thượng thiện căn. Nguyện chư chúng sanh ngộ giải Không tướng đắc vô ngại thân, do như hư không! Nguyện chư chúng sanh thường vi thọ giả, lân mẫn nhất thiết, vi chúng phước điền! Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, tu Từ tâm thời, phàm sở thí thực, ưng đương kiên phát như thị đẳng nguyện.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, ư từ tâm trung, bố thí tương thời, đương tác thị nguyện: Ngã kim sở thí, tất dũ nhất thiết chúng sanh cộng chi. Dĩ thị nhân duyên, linh chư chúng sanh thú đại thừa hà, ẩm bát vị thủy, tốc thiệp Vô thượng Bồ-đề chi đạo, ly ư Thanh văn, Duyên giác khô khát, khát ngưỡng cầu ư vô thượng Phật thừa, đoạn phiền não khát, khát ngưỡng pháp vị, ly sanh tử ái, ái nhạo Đại thừa Đại Bát Niết-bàn, cụ túc pháp thân, đắc chư tam muội, nhập ư thậm thâm trí tuệ đại hải! Nguyện chư chúng sanh đắc cam lộ vị, Bồ-đề xuất thế, ly dục tịch tĩnh, như thị chư vị! Nguyện chư chúng sanh cụ túc vô lượng bá thiên pháp vị. Cụ pháp vị dĩ, đắc kiến Phật tánh, kiến Phật tánh dĩ, năng vũ pháp vũ. Vũ pháp vũ dĩ, Phật tánh biến phú, do như hư không! Phục linh kỳ dư vô lượng

生得一法味。所謂大乘非諸聲聞辟支佛味。願諸眾生得一甜味。無有六種差別之味。願諸眾生唯求法味無礙佛法所行之味。不求餘味。善男子。菩薩摩訶薩於慈心中布施漿時。應當堅發如是等願。

復次善男子。菩薩摩訶薩於慈心中施車乘時。應作是願。我今所施悉與一切眾生共之。以是因緣普令眾生成於大乘。得住大乘不退大乘不動轉乘金剛座乘。不求聲聞辟支佛乘。向於佛乘無能伏乘。無羸乏乘不退沒乘。無上乘十力乘。大功德乘未曾有乘。希有乘難得乘。無邊乘知一切乘。善男子。菩薩摩訶薩於慈心中施車乘時。常應如是堅發誓願。

復次善男子。菩薩摩訶薩於慈心中布施衣時。當作是願。我今所施悉與一切眾生共之。以是因緣令諸眾生得慚愧衣。法界覆身裂諸見衣。衣服離身，一尺六寸，得金色身。所受諸觸柔軟無礙。光色潤澤皮膚細軟。常光無量無色離色。願諸眾生皆悉普得無色之身。過一切色得入無色大般涅槃。善男子。菩薩摩訶薩於慈心中布施衣時應當如是堅發誓願。

復次善男子。菩薩摩訶薩於修慈中。布施花香塗香末香諸雜香時。應作是願。我今所施悉與一切

chúng sanh đắc nhất pháp vị, sở vị đại thừa, phi chư Thanh văn, Bích chi Phật vị! Nguyên chư chúng sanh đắc nhất diêm vị, vô hữu lục chủng sai biệt chi vị. Nguyên chư chúng sanh duy cầu pháp vị, vô ngại Phật pháp sở hành chi vị, bất cầu dư vị. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, ư từ tâm trung, bố thí tương thời, ưng đương kiên phát như thị đẳng nguyện.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, ư từ tâm trung, thí xa thặng thời, ưng tác thị nguyện: Ngã kim sở thí, tất dữ nhất thiết chúng sanh cộng chi. Dĩ thị nhân duyên, phổ linh chúng sanh thành ư đại thừa, đắc trụ đại thừa, bất thối đại thừa, bất động chuyển thừa, kim cang tọa thừa; bất cầu Thanh văn, Bích-chi Phật thừa, hương ư Phật thừa, vô năng phục thừa. Vô luy pháp thừa, bất thối một thừa, vô thượng thừa, thập lực thừa, đại công đức thừa, vị tăng hữu thừa, hy hữu thừa, nan đắc thừa, vô biên thừa, tri nhất thiết thừa! Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát ư từ tâm trung thí xa thặng thời, thường ưng như thị kiên phát thế nguyện.

Phục thứ, thiện nam tử, Bồ Tát ma-ha-tát, ư Từ tâm trung bố thí y thời, đương tác thị nguyện: Ngã kim sở thí tất dữ nhất thiết chúng sanh cộng chi. Dĩ thị nhân duyên, linh chư chúng sanh đắc tầm quý y, pháp giới phú thân, liệt chư kiến y, y phục ly thân nhất xích lục thốn; đắc kim sắc thân, sở thọ chư xúc, nhu nhuyễn vô ngại; quang sắc nhuận trạch, bì phu tế nhuyễn, thường quang vô lượng, vô sắc, ly sắc! Nguyên chư chúng sanh giai tất phổ đắc vô sắc chi thân, quá nhất thiết sắc, đắc nhập vô sắc Đại Bát Niết-bàn! Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát ư từ tâm trung, bố thí y thời, ưng đương như thị kiên phát thế nguyện.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát ư từ tâm trung, bố thí hoa hương, đồ hương, mặc hương, chư tạp hương thời,

眾生共之。以是因緣令諸眾生一切皆得佛花三昧。七覺妙鬘繫其首頂。願諸眾生形如滿月。所見諸色微妙第一。願諸眾生皆成一相百福莊嚴。願諸眾生隨意得見可意之色。願諸眾生常遇善友得無礙香離諸臭穢。願諸眾生具諸善根無上珍寶。願諸眾生相視和悅無有憂苦。眾善各備不相憂念。願諸眾生戒香具足。願諸眾生持無礙戒。香氣芬馥充滿十方。願諸眾生得堅牢戒無悔之戒。一切智戒。離諸破戒悉得無戒未曾有戒。無師戒，無作戒，無荒戒，無污染戒，竟已戒，究竟戒。得平等戒。於香塗身及以斫刺等無憎愛。願諸眾生得無上戒大乘之戒非小乘戒。願諸眾生悉得具足尸波羅蜜。猶如諸佛所成就戒。願諸眾生悉為布施，持戒，忍辱，精進，禪，智之所薰修。願諸眾生悉得成於大般涅槃微妙蓮花。其花香氣充滿十方。願諸眾生純食大乘大般涅槃無上香饌。猶蜂採花但取香味。願諸眾生悉得成就無量功德所薰之身。善男子。菩薩摩訶薩於慈心中施花香時。常當堅發如是誓願。

復次善男子。菩薩摩訶薩於慈心中施床敷時。應作是願。我今所施悉與一切眾生共之。以是因

緣因緣令諸眾生一切皆得佛花三昧。七覺妙鬘繫其首頂。願諸眾生形如滿月。所見諸色微妙第一。願諸眾生皆成一相百福莊嚴。願諸眾生隨意得見可意之色。願諸眾生常遇善友得無礙香離諸臭穢。願諸眾生具諸善根無上珍寶。願諸眾生相視和悅無有憂苦。眾善各備不相憂念。願諸眾生戒香具足。願諸眾生持無礙戒。香氣芬馥充滿十方。願諸眾生得堅牢戒無悔之戒。一切智戒。離諸破戒悉得無戒未曾有戒。無師戒，無作戒，無荒戒，無污染戒，竟已戒，究竟戒。得平等戒。於香塗身及以斫刺等無憎愛。願諸眾生得無上戒大乘之戒非小乘戒。願諸眾生悉得具足尸波羅蜜。猶如諸佛所成就戒。願諸眾生悉為布施，持戒，忍辱，精進，禪，智之所薰修。願諸眾生悉得成於大般涅槃微妙蓮花。其花香氣充滿十方。願諸眾生純食大乘大般涅槃無上香饌。猶蜂採花但取香味。願諸眾生悉得成就無量功德所薰之身。善男子。菩薩摩訶薩於慈心中施花香時。常當堅發如是誓願。

ưng tác thị nguyện: Ngã kim sở thí, tất dữ nhất thiết chúng sanh cộng chi. Dĩ thị nhân duyên, linh chư chúng sanh, nhất thiết giai đắc Phật hoa Tam-muội, thất giác diệu man, hệ kỳ thủ đỉnh. Nguyện chư chúng sanh, hình như mãn nguyệt; sở kiến chư sắc, vi diệu đệ nhất! Nguyện chư chúng sanh, giai thành nhất tướng, bá phước trang nghiêm. Nguyện chư chúng sanh, tùy ý đắc kiến khả ý chi sắc. Nguyện chư chúng sanh thường ngộ thiện hữu, đắc vô ngại hương, ly chư xú uế! Nguyện chư chúng sanh cụ chư thiện căn, vô thượng thân bảo! Nguyện chư chúng sanh tương thị hòa duyệt, vô hữu ưu khổ, chúng thiện các bị, bất tương ưu niệm! Nguyện chư chúng sanh giới hương cụ túc! Nguyện chư chúng sanh trì vô ngại giới, hương khí phân phúc, sung mãn thập phương! Nguyện chư chúng sanh đắc kiên lao giới, vô hối chi giới, nhất thiết trí giới, ly chư phá giới, tất đắc vô giới, vị tầng hữu giới, vô sư giới, vô tác giới, vô hoang giới, vô ô nhiễm giới, cánh dĩ giới, cứu cánh giới, đắc bình đẳng giới. Ư hương đồ thân, cập dĩ chước thích đẳng vô tắng, ái! Nguyện chư chúng sanh đắc vô thượng giới, đại thừa chi giới, phi tiểu thừa giới, nguyện chư chúng sanh tất đắc cụ túc Thi Ba-la-mật, do như chư Phật sở thành tựu giới! Nguyện chư chúng sanh tất vi bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền, trí chi sở huân tu! Nguyện chư chúng sanh tất đắc thành ư Đại Bát Niết-bàn vi diệu liên hoa, kỳ hoa hương khí sung mãn thập phương! Nguyện chư chúng sanh thuần thực Đại thừa Đại Bát Niết-bàn vô thượng hương soạn, du phong thái hoa, dẫn thủ hương vị. Nguyện chư chúng sanh tất đắc thành tựu vô lượng công đức sở huân chi thân. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, ư từ tâm trung, thí hoa hương thời, thường đương kiên phát như thị thệ nguyện.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, ư từ tâm trung, thí sàng phu thời, ưng tác thị nguyện: Ngã kim sở thí, tất dữ nhất thiết chúng sanh cộng chi. Dĩ thị nhân duyên, linh chư

緣令諸眾生得天中天所臥之床。得大智慧，坐四禪處。臥於菩薩所臥之床。不臥聲聞辟支佛床離臥惡床。願諸眾生得安樂臥離生死床。成大涅槃師子臥床。願諸眾生坐此床已。復為其餘無量眾生示現神通師子遊戲。願諸眾生住此大乘大宮殿中。為諸眾生演說佛性。願諸眾生坐無上床。不為世法之所降伏。願諸眾生得忍辱床。離於生死飢饉凍餓。願諸眾生得無畏床。永離一切煩惱怨賊。願諸眾生得清淨床。專求無上正真之道。願諸眾生得善法床。常為善友之所擁護。願諸眾生得右脅臥床。依因諸佛所行之法。善男子。菩薩摩訶薩於慈心中施床敷時。應當堅發如是誓願。

復次善男子。菩薩摩訶薩於慈心中施舍宅時常作是願。我今所施悉與一切眾生共之。以是因緣令諸眾生處大乘舍。修行善友所行之行。修大悲行六波羅蜜行大正覺行一切菩薩所行道行。無邊廣大如虛空行。願諸眾生皆得正念遠離惡念。願諸眾生悉得安住常樂我淨永離四倒。願諸眾生悉皆受持出世界意宅。願諸眾生必為無上一切智器。願諸眾生悉得入於甘露屋宅。願諸眾生初中後心常入大乘涅槃屋

chúng sanh đắc Thiên trung thiên sở ngoạ chi sàng, đắc Đại trí tuệ, tọa Tứ thiên xứ, ngoạ ư Bồ Tát sở ngoạ chi sàng, bát ngoạ Thanh văn, Bích-chi Phật sàng, ly ngoạ ác sàng! Nguyên chú chúng sanh đắc an lạc sàng, ly sanh tử sàng, thành Đại Niết-bàn sư tử ngoạ sàng! Nguyên chú chúng sanh, tọa thủ sàng dĩ, phục vị kỳ dư vô lượng chúng sanh, thị hiện thần thông sư tử du hý! Nguyên chú chúng sanh, trụ thủ Đại thừa Đại cung điện trung, vị chú chúng sanh diễn thuyết Phật tánh! Nguyên chú chúng sanh tọa vô thượng sàng, bát vi thế pháp chi sở hàng phục! Nguyên chú chúng sanh đắc nhân nhục sàng, ly ư sanh tử cơ cấn đồng ngạ! Nguyên chú chúng sanh đắc vô úy sàng, vĩnh ly nhất thiết phiền não oán tặc; nguyên chú chúng sanh đắc thanh tịnh sàng, chuyên cầu vô thượng chánh chơn chi đạo! Nguyên chú chúng sanh đắc thiện pháp sàng, thường vi thiện hữu chi sở ủng hộ! Nguyên chú chúng sanh đắc hữu hiệp ngoạ sàng, y nhân chú Phật sở hành chi pháp! Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, ư từ tâm trung, thí sàng phu thời, ưng đương kiên phát như thị thệ nguyện.

Phục thứ thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, ư từ tâm trung thí xá trạch thời, thường tác thị nguyện: Ngã kim sở thí, tất dữ nhất thiết chúng sanh cộng chi. Dĩ thị nhân duyên, linh chú chúng sanh xử Đại thừa xá, tu hành thiện hữu sở hành chi hạnh, tu đại bi hạnh, lục Ba-la-mật hạnh, Đại chánh giác hạnh, nhất thiết Bồ Tát sở hành đạo hạnh, vô biên quảng đại như hư không hạnh! Nguyên chú chúng sanh giai đắc chánh niệm, viễn ly ác niệm! Nguyên chú chúng sanh tất đắc an trụ thường, lạc, ngã, tịnh, vĩnh ly tứ đảo! Nguyên chú chúng sanh tất giai thọ trì Xuất thế ý trạch! Nguyên chú chúng sanh tất vi vô thượng nhất thiết trí khí! Nguyên chú chúng sanh tất đắc nhập ư cam lộ ốc trạch! Nguyên chú chúng sanh sơ, trung, hậu

宅。願諸眾生於未來世常處菩薩所居宮殿。善男子。菩薩摩訶薩於慈心中施舍宅時。常當堅發如是誓願。

復次善男子。菩薩摩訶薩於慈心中施燈明時。常作是願。我今所施悉與一切眾生共之。以是因緣令諸眾生光明無量安住佛法。願諸眾生常得照明。願諸眾生得色微妙光澤第一。願諸眾生其目清淨無諸翳網。願諸眾生得大智炬。善解無我無眾生相無人無命。願諸眾生皆得睹見清淨佛性猶如虛空。願諸眾生肉眼清淨徹見十方恒沙世界。願諸眾生得佛光明普照十方。願諸眾生得無礙眼。皆悉得見清淨佛性。願諸眾生得大智明。破一切闇及一闍提。願諸眾生得無量光明。普照無量諸佛世界。願諸眾生然大乘燈離二乘燈。願諸眾生所得光明滅無明闇。過於千日普照之功。願諸眾生得火珠明悉滅三千大千世界所有黑闇。願諸眾生具足五眼悟諸法相成無師覺。願諸眾生無見無明願諸眾生悉得大乘大般涅槃微妙光明。示悟眾生真實佛性。善男子。菩薩摩訶薩於慈心中施燈明時。常應堅發如是誓願。

tâm thường nhập Đại-thừa Niết-bàn ốc trạch! Nguyên chư chúng sanh, ư vị lai thế, thường xử Bồ Tát sở cư cung điện! Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, ư từ tâm trung, thí xá trạch thời, thường đương kiên phát như thị thệ nguyện.

Phục thứ thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, ư từ tâm trung thí đăng minh thời, thường tác thị nguyện: Ngã kim sở thí, tất dĩ nhất thiết chúng sanh cộng chi. Dĩ thị nhân duyên, linh chư chúng sanh quang minh vô lượng, an trụ Phật pháp! Nguyên chư chúng sanh thường đắc chiếu minh! Nguyên chư chúng sanh đắc sắc vi diệu, quang trạch đệ nhất! Nguyên chư chúng sanh, kỳ mục thanh tịnh, vô chư ế vông! Nguyên chư chúng sanh, đắc đại trí cự, thiện giải vô ngã, vô chúng sanh tướng, vô nhân, vô mạng! Nguyên chư chúng sanh giai đắc đồ kiến thanh tịnh Phật tánh, do như hư không! Nguyên chư chúng sanh nhục nhãn thanh tịnh, triệt kiến thập phương Hằng sa thế giới! Nguyên chư chúng sanh đắc Phật quang minh, phổ chiếu thập phương! Nguyên chư chúng sanh đắc vô ngại nhãn, giai tất đắc kiến thanh tịnh Phật tánh! Nguyên chư chúng sanh đắc đại trí minh, phá nhất thiết ám cập nhất-xiển-đề! Nguyên chư chúng sanh đắc vô lượng quang minh, phổ chiếu vô lượng chư Phật thế giới. Nguyên chư chúng sanh nhiên Đại thừa đăng, ly nhị thừa đăng! Nguyên chư chúng sanh, sở đắc quang minh, diệt vô minh ám, quá ư thiên nhật phổ chiếu chi công! Nguyên chư chúng sanh đắc hỏa châu minh, tất diệt Tam thiên Đại thiên thế giới sở hữu hắc ám! Nguyên chư chúng sanh cụ túc ngũ nhãn, ngộ chư pháp tướng, thành vô sư giác! Nguyên chư chúng sanh vô kiến vô minh! Nguyên chư chúng sanh tất đắc Đại thừa Đại Bát Niết-bàn vi diệu quang minh, thị ngộ chúng sanh chân thật Phật tánh! Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, ư từ tâm trung, thí đăng minh thời, thường ưng kiên phát như thị thệ nguyện.

善男子。一切聲聞緣覺菩薩諸佛如來。所有善根慈為根本。善男子。菩薩摩訶薩修習慈心。能生如是無量善根。所謂不淨出息入息無常生滅。四念處七方便三觀處十二因緣無我等觀。煖法頂法忍法世第一法。見道，修道，正勤，如意，諸根，諸力，七菩提分，八聖道分，四禪，四無量心，八解脫，八勝處，十一切入，空，無相，無願，無諍三昧，知他心智，及諸神通，知本際智，聲聞智，緣覺智，菩薩智，佛智。

善男子。如是等法慈為根本。善男子。以是義故。慈是真實非虛妄也。若有人問誰是一切諸善根本。當言慈是。以是義故慈是真實非虛妄也。

善男子。能為善者名實思惟。實思惟者即名為慈。慈即如來。

善男子。慈即大乘。大乘即慈。慈即如來。

善男子。慈即菩提道。菩提道即慈。慈即如來。

善男子。慈即大梵。大梵即慈。慈即如來。

善男子。慈者能為一切眾生而作父母。父母即慈慈即如來。

善男子。慈者乃是不可思議。諸佛境界不可思議諸佛境界即是慈也。當知慈者即是如來。

Thiện nam tử! Nhất thiết Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, chư Phật Như Lai sở hữu thiện căn, từ vi căn bản. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát tu tập từ tâm, năng sanh như thị vô lượng thiện căn, sở vị: bất tịnh, xuất tức, nhập tức, vô thường sanh diệt, tứ niệm xứ, thất phương tiện, tam quán xứ, thập nhị nhân duyên, vô ngã đẳng quán, noãn pháp, đỉnh pháp, nhân pháp, thế đệ nhất pháp, kiến đạo, tu đạo, chánh căn, như ý, chư căn, chư lực, thất bồ đề phần, bát thánh đạo phần, tứ thiên, tứ vô lượng tâm, bát giải thoát, bát thắng xứ, thập nhất thiết nhập, không, vô tướng, vô nguyện, vô tranh Tam-muội, tri tha tâm trí cập chư thần thông, tri bốn tế trí, Thanh văn trí, Duyên giác trí, Bồ Tát trí, Phật trí.

Thiện nam tử! Như thị đẳng pháp, từ vi căn bản. Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, từ thị chân thật, phi hư vọng dã. Nhược hữu nhân vấn: Thùy thị nhất thiết chư thiện căn bản? Đương ngôn: Từ thị. Dĩ thị nghĩa cố, từ thị chân thật, phi hư vọng dã.

Thiện nam tử! Năng vi thiện giả, danh thật tư duy. Thật tư duy giả, tức danh vi từ. Từ tức Như Lai.

Thiện nam tử! Từ tức Đại thừa. Đại thừa tức từ. Từ tức Như Lai.

Thiện nam tử! Từ tức Bồ-đề đạo. Bồ-đề đạo tức từ. Từ tức Như Lai.

Thiện nam tử! Từ tức Đại phạm. Đại phạm tức từ. Từ tức Như Lai.

Thiện nam tử! Từ giả năng vị nhất thiết chúng sanh, nhi tác phụ mẫu. Phụ mẫu tức từ. Từ tức Như Lai.

Thiện nam tử! Từ giả, nãi thị bất khả tư nghị chư Phật cảnh giới. Bất khả tư nghị chư Phật cảnh giới, tức thị từ dã. Đương tri từ giả, tức thị Như Lai.

善男子。慈者即是眾生佛性。如是佛性久為煩惱之所覆蔽。故令眾生不得睹見。佛性即慈慈即如來。

善男子。慈即大空大空即慈。慈即如來。善男子。慈即虛空虛空即慈。慈即如來。

善男子。慈即是常常即是法。法即是僧僧即是慈。慈即如來。

善男子。慈即是樂樂即是法。法即是僧僧即是慈。慈即如來。

善男子。慈即是淨淨即是法。法即是僧僧即是慈。慈即如來。

善男子。慈即是我我即是法。法即是僧僧即是慈。慈即如來。

善男子。慈即甘露甘露即慈。慈即佛性佛性即法。法即是僧僧即是慈。慈即如來。

善男子。慈者即是一切菩薩無上之道。道即是慈慈即如來。

善男子。慈者即是諸佛世尊無量境界。無量境界即是慈也。當知是慈即是如來。

善男子。慈若無常無常即慈。當知是慈是聲聞慈。

善男子。慈若是苦苦即是慈。當知是慈是聲聞慈。

善男子。慈若不淨不淨即慈。當知是慈是聲聞慈。

Thiện nam tử! Từ giả, tức thị chúng sanh Phật tánh. Như thị Phật tánh, cứu vi phiền não chi sở phủ tế, cố linh chúng sanh bất đắc đồ kiến. Phật tánh tức từ. Từ tức Như Lai.

Thiện nam tử! Từ tức đại không, đại không tức từ. Từ tức Như Lai. Thiện nam tử! Từ tức hư không. Hư không tức từ. Từ tức Như Lai.

Thiện nam tử! Từ tức thị thường. Thường tức thị pháp. Pháp tức thị Tăng. Tăng tức thị Từ. Từ tức Như Lai.

Thiện nam tử! Từ tức thị lạc. Lạc tức thị pháp. Pháp tức thị tăng. Tăng tức thị từ. Từ tức Như Lai.

Thiện nam tử! Từ tức thị tịnh. Tịnh tức thị pháp. Pháp tức thị tăng. Tăng tức thị từ. Từ tức Như Lai.

Thiện nam tử! Từ tức thị Ngã. Ngã tức thị pháp. Pháp tức thị tăng. Tăng tức thị từ. Từ tức Như Lai.

Thiện nam tử! Từ tức cam lộ. Cam lộ tức từ. Từ tức Phật tánh. Phật tánh tức pháp. Pháp tức thị Tăng. Tăng tức thị từ. Từ tức Như Lai.

Thiện nam tử! Từ giả, tức thị nhất thiết Bồ Tát vô thượng chi đạo. Đạo tức thị từ. Từ tức Như Lai.

Thiện nam tử! Từ giả, tức thị chư Phật Thế Tôn vô lượng cảnh giới. Vô lượng cảnh giới tức thị từ dã. Đương tri thị từ tức thị Như Lai.

Thiện nam tử! Từ nhược vô thường, vô thường tức từ, đương tri thị từ thị Thanh văn từ.

Thiện nam tử! Từ nhược thị khổ, khổ tức thị từ, đương tri thị từ thị Thanh văn từ.

Thiện nam tử! Từ nhược bất tịnh, bất tịnh tức từ, đương tri thị từ thị Thanh văn từ.

善男子。慈若無我無我即慈。當知是慈是聲聞慈。
善男子。慈若妄想妄想即慈。當知是慈是聲聞慈。
善男子。慈若不名檀波羅蜜。非檀之慈，當知是慈是聲聞慈。乃至般若波羅蜜亦復如是。
善男子。慈若不能利益眾生。如是之慈是聲聞慈。
善男子。慈若不入一乘之道。當知是慈是聲聞慈。
善男子。慈若不能覺了諸法。當知是慈是聲聞慈。
善男子。慈若不能見如來性。當知是慈是聲聞慈。
善男子。慈若見法悉是有相。當知是慈是聲聞慈。
善男子。慈若有漏。有漏慈者是聲聞慈。
善男子。慈若有為有為之慈是聲聞慈。
善男子。慈若不能住於初住。非初住慈當知即是聲聞慈也。
善男子。慈若不能得佛十力四無所畏。當知是慈是聲聞慈。
善男子。慈若能得四沙門果。當知是慈是聲聞慈也。
善男子。慈若有無非有非無。如是之慈非諸聲聞辟支佛等所能思議。
善男子。慈若不可思議。法不可思議。佛性不可思議。如來亦不可思議。

Thiện nam tử! Từ nhược vô ngã, vô ngã tức từ, đương tri thị từ thị Thanh văn tử.
Thiện nam tử! Từ nhược vọng tưởng, vọng tưởng tức từ, đương tri thị từ thị Thanh văn tử.
Thiện nam tử! Từ nhược bất danh Đàn Ba-la-mật, phi Đàn chi từ, đương tri thị từ thị Thanh văn tử... Nãi chí Bát-nhã Ba-la-mật, diệc phục như thị.
Thiện nam tử! Từ nhược bất năng lợi ích chúng sanh, như thị chi từ thị Thanh văn tử.
Thiện nam tử! Từ nhược bất nhập nhất thừa chi đạo, đương tri thị từ, thị Thanh văn tử.
Thiện nam tử! Từ nhược bất năng giác liễu chư pháp, đương tri thị từ, thị Thanh văn tử.
Thiện nam tử! Từ nhược bất năng kiến Như Lai tánh đương tri thị từ, thị Thanh văn tử.
Thiện nam tử! Từ nhược kiến pháp tất thị hữu tướng đương tri thị từ, thị Thanh văn tử.
Thiện nam tử! Từ nhược hữu lậu, hữu lậu từ giả thị Thanh văn tử.
Thiện nam tử! Từ nhược hữu vi, hữu vi chi Từ thị Thanh văn tử.
Thiện nam tử! Từ nhược bất năng trụ sơ trụ, phi sơ trụ từ, đương tri tức thị Thanh văn tử dã.
Thiện nam tử! Từ nhược bất năng đắc Phật thập lực, tứ vô sở úy, đương tri thị từ thị Thanh văn tử.
Thiện nam tử! Từ nhược năng đắc tứ sa-môn quả, đương tri thị từ thị Thanh văn tử dã.
Thiện nam tử! Từ nhược hữu, vô, phi hữu, phi vô, như thị chi từ, phi chư Thanh văn, Bích-chi Phật đẳng sở năng tư nghị.
Thiện nam tử! Từ nhược bất khả tư nghị; Pháp bất khả tư nghị; Phật tánh bất khả tư nghị; Như Lai diệc bất khả tư nghị.

善男子。菩薩摩訶薩住於大乘大般涅槃。修如是慈。雖復安住睡眠之中而不睡眠勤精進故。雖常覺悟亦無覺悟以無眠故。於睡眠中諸天雖護亦無護者不行惡故。眠不惡夢無有不善離睡眠故。命終之後雖生梵天亦無所生得自在故。

善男子。夫修慈者。能得成就如是無量無邊功德。

善男子。是大涅槃微妙經典。亦能成就如是無量無邊功德。諸佛如來亦得成就如是無量無邊功德。

大般涅槃經卷第十五

終

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, trụ ở Đại thừa Đại Bát Niết-bàn, tu như thị từ, tuy phục an trụ thụy miên chi trung, nhi bất thụy miên, cần tinh tấn cố. Tuy thường giác ngộ, diệc vô giác ngộ, dĩ vô miên cố! Ở thụy miên trung, chư thiên tuy hộ, diệc vô hộ giả, bất hành ác cố! Miên bất ác mộng, vô hữu bất thiện, ly thụy miên cố! Mạng chung chi hậu, tuy sanh Phạm thiên, diệc vô sở sanh, đắc tự tại cố!

Thiện nam tử! Phù tu từ giả năng đắc thành tựu như thị vô lượng vô biên công đức!

Thiện nam tử! Thị Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển, diệc năng thành tựu như thị vô lượng vô biên công đức! Chư Phật Như Lai diệc đắc thành tựu như thị vô lượng vô biên công đức.

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ thập ngũ
Chung

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN MƯỜI LĂM

PHẨM HẠNH THANH TỊNH

Phẩm thứ tám - Phần một⁽¹⁾

Thiện nam tử! Thế nào là hạnh thanh tịnh của Bồ Tát ma-ha-tát? Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát trụ nơi kinh Đại thừa Đại Bát Niết-bàn, trụ nơi Bảy pháp lành, được đủ hạnh thanh tịnh.

“Những gì là bảy? Một là biết pháp, hai là biết nghĩa, ba là biết lúc thích hợp, bốn là biết đủ, năm là tự biết mình, sáu là biết rõ người quanh mình, bảy là biết phân biệt kẻ trên người dưới.

“Thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát biết pháp? Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát rõ biết Mười hai bộ kinh: Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Thọ ký, Già-đa, Ưu-đà-na, Ni-đà-na, A-ba-đà-na, Y-đế-mục-đa-già, Xà-đà-già, Tỳ-phật-lược, A-phù-đà-đạt-ma và Ưu-ba-đề-xá.

“Thiện nam tử! Những gì gọi là kinh Tu-đa-la? Từ đoạn khởi đầu ‘Tôi được nghe đúng như thế này’⁽²⁾ cho đến phần kết thúc nói rằng ‘vui mừng kính cẩn vâng làm theo’. Hết thảy như vậy đều gọi là kinh Tu-đa-la.⁽³⁾

“Những gì gọi là kinh Kỳ-dạ? Phật có dạy chư tỳ-kheo rằng: ‘Thuở xưa, ta và các ông đều ngu si không trí tuệ, không nhìn thấy đúng thật Bốn chân đế, vì vậy mà lưu chuyển dài lâu trong sanh tử, chìm đắm trong biển lớn khổ não.

“Những gì là Bốn chân đế? Đó là Khổ, Tập, Diệt và Đạo.’ Khi Phật đã thuyết giảng xong Khế kinh⁽⁴⁾ như vậy với các vị tỳ-kheo, lại có những chúng sanh căn trí nhanh nhạy, vì muốn nghe pháp nên tìm đến chỗ Phật, liền hỏi mọi người rằng: ‘Như Lai mới vừa thuyết giảng điều chi?’ Lúc ấy, Phật biết như vậy liền theo nội dung kinh đã thuyết giảng mà đọc kệ tụng rằng:

Xưa, ta cùng các ông,
Chẳng thấy Bốn chân đế,
Nên lưu chuyển dài lâu,
Trong biển khổ sanh tử.
Nếu thấy được Bốn đế,
Ắt dứt được sanh tử.
Sanh tử đã dứt rồi,
Không thọ sanh các cảnh.⁽⁵⁾

“Như vậy gọi là kinh Kỳ-dạ.⁽⁶⁾

“Những gì gọi là kinh Thọ ký?⁽⁷⁾ Như có những kinh luật mà trong khi Như Lai thuyết giảng có thọ ký quả Phật cho chư thiên hoặc loài người, [chẳng hạn như:] ‘Này A-dật-đa!⁽⁸⁾ Về đời vị lai sẽ có vị vua tên là Hương-khư, vào khi ấy ông sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc.’⁽⁹⁾ Như vậy gọi là kinh Thọ ký.

“Những gì gọi là kinh Già-đà?⁽¹⁰⁾ Trừ kinh Tu-đa-la và các phần giới luật, ngoài ra như có thuyết những bài kệ bốn câu, chẳng hạn như:

Không làm các việc ác,
Thành tựu mọi điều lành,
Giữ tâm ý trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.

“Như vậy đều gọi là kinh Già-đà.

“Những gì gọi là kinh Ưu-đà-na?⁽¹¹⁾ Như đức Phật vào giờ bô⁽¹²⁾ nhập thiền định, vì hàng chư thiên mà [hóa hiện lên cõi trời] giảng rộng nghĩa cốt yếu của pháp. Lúc ấy, chư tỳ-kheo đều nghĩ rằng: ‘Hiện giờ [không biết] Như Lai đang làm việc chi?’ Đến sáng hôm sau Phật ra khỏi thiền định, tuy không có ai thưa hỏi nhưng dùng tha tâm trí⁽¹³⁾ tự nói ra rằng: ‘Các tỳ-kheo nên biết rằng đời sống của tất cả chư thiên rất lâu dài. Tỳ-kheo các ông! Lành thay cho những kẻ vì người khác, chẳng cầu lợi cho mình! Lành thay cho những kẻ ít ham muốn! Lành thay cho những kẻ tự biết đủ! Lành thay cho hạnh vắng lặng yên tĩnh!’ Những kinh như vậy không có ai thưa hỏi mà Phật tự thuyết giảng. Như vậy gọi là kinh Ưu-đà-na.

“Những gì gọi là kinh Ni-đà-na?⁽¹⁴⁾ Như các kinh kệ vì người khác mà giảng thuyết chỗ nguyên nhân, nguồn gốc của sự việc. Ví như ở thành Xá-vệ có người thanh niên giăng lưới bắt chim. Khi bắt được rồi thì nhốt trong lồng, cho uống nước, ăn lúa no đủ, sau mới thả cho bay đi. Đức Thế Tôn biết rõ nhân duyên từ đầu đến cuối, nên đọc kệ dạy rằng:

Chớ khinh tội nhỏ,
Cho là không hại.
Giọt nước tuy bé,
Dần đầy bồn to.⁽¹⁵⁾

“Đó gọi là kinh Ni-đà-na.

“Những gì gọi là kinh A-ba-đà-na?⁽¹⁶⁾ Như trong giới luật có nói ra những thí dụ, như vậy gọi là kinh A-ba-đà-na.

“Những gì gọi là kinh Y-đế-mục-đa-già?⁽¹⁷⁾ Như Phật có dạy: ‘Chư tỳ-kheo nên biết rằng, khi ta ra đời, những pháp ta thuyết diễn gọi là Giới kinh. Lúc Phật Cưu-lưu-tần⁽¹⁸⁾ ra đời, những pháp mà đức Phật ấy thuyết diễn gọi là Trống cam lộ. Khi Phật Câu-na-hàm-mâu-ni⁽¹⁹⁾ ra đời, pháp mà ngài thuyết diễn gọi là Pháp kính.⁽²⁰⁾ Khi Phật Ca-diếp⁽²¹⁾ ra đời, pháp mà đức Phật ấy thuyết diễn gọi là Phân biệt không.’ Như vậy gọi là kinh Y-đế-mục-đa-già.

“Những gì gọi là kinh Xà-đà-già?⁽²²⁾ Như Phật Thế Tôn khi còn làm Bồ Tát, tu các pháp khổ hạnh. Chẳng hạn như dạy rằng: ‘Chư tỳ-kheo nên biết rằng thời quá khứ ta đã từng làm hươu, làm gấu, làm mang, làm thỏ, làm vua, làm Chuyển luân Thánh vương, làm rồng, làm chim kim sí... Khi còn tu đạo Bồ Tát ta có thọ các thân ấy.’ Như vậy gọi là kinh Xà-đà-già.

“Những gì gọi là kinh Tỳ-phật-lược?⁽²³⁾ Ấy là kinh điển Phương đẳng Đại thừa, nghĩa lý rộng lớn như hư không. Như vậy gọi là kinh Tỳ-phật-lược.

“Những gì gọi là kinh A-phù-đà-đạt-ma?⁽²⁴⁾ Như Bồ Tát khi mới sanh ra, chẳng có ai nâng đỡ mà bước đi bảy bước, phóng hào quang lớn, quán chiếu khắp mười phương! Lại như con vượn tay bưng bát mật đến hiến cúng Như Lai! Như con chó trên đầu có vá trắng, đến ngồi bên Phật mà nghe pháp. Như Ma Ba-tuần biến làm con trâu xanh, đi giữa những chén bát bằng sành, làm cho chén bát chạm nhau khua động nhưng không bể vỡ cái nào. Như Phật vừa đản sanh, khi vào đền thờ chư thiên khiến cho các tượng chư thiên đều phải bước xuống mà lễ kính ngài! Những kinh thuyết việc như vậy gọi là kinh A-phù-đà-đạt-ma.

“Những gì gọi là kinh Ưu-ba-đề-xá?⁽²⁵⁾ Như trong các kinh do Phật Thế Tôn thuyết diễn, nói ra những lời biện luận nghĩa lý, phân biệt giảng rộng, chỉ rõ các hình tướng, dung mạo. Như vậy gọi là kinh Ưu-ba-đề-xá.

“Nếu Bồ Tát có thể hiểu rõ được cả mười hai bộ kinh như vậy, gọi là biết pháp.

“Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát biết nghĩa? Bồ Tát ma-ha-tát nếu đối với tất cả ngôn ngữ văn tự đều hiểu biết sâu rộng ý nghĩa, như vậy gọi là biết nghĩa.

“Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát biết lúc thích hợp? Thiện nam tử! Bồ Tát khéo biết được lúc nào nên tu tịch tĩnh, lúc nào nên tu tinh tấn, lúc nào nên tu xả định,⁽²⁶⁾ lúc nào nên cúng dường Phật, lúc nào nên cúng dường thầy, lúc nào nên tu các pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, đầy đủ cả pháp Bát-nhã Ba-la-mật. Như vậy gọi là biết đúng thời.

“Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát tự biết đủ? Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát tự biết đủ trong những việc như ăn uống, sử dụng y phục, thuốc men, đi, đứng, nằm, ngồi, thức, ngủ, nói, im.⁽²⁷⁾ Như vậy gọi là biết đủ.

“Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát tự biết mình? Bồ Tát ấy tự biết rằng mình có lòng tin như thế nào, giữ giới như thế nào, đa văn như thế nào, hạnh xả như thế nào, trí tuệ như thế nào, đến và đi như thế nào, chánh niệm như thế nào, thiện hạnh như thế nào, hỏi như thế nào, đáp như thế nào. Như vậy gọi là tự biết mình.

“Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát biết rõ người quanh mình? Thiện nam tử! Vị Bồ Tát biết rõ đây là nhóm người sát-ly, đây là nhóm người bà-la-môn, đây là nhóm người cư sĩ, đây là nhóm các vị sa-môn... rõ biết

hết các nhóm người như thế. Lại biết rằng khi ở trong mỗi nhóm ấy nên đi lại như thế nào, đứng ngồi như thế nào, thuyết pháp như thế nào, hỏi đáp như thế nào... Như vậy gọi là biết rõ người quanh mình.

“Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát biết phân biệt kẻ trên người dưới? Thiện nam tử! Người có hai hạng: một là người có đức tin, hai là người không có đức tin. Bồ Tát nên biết, người có đức tin là tốt, người không có đức tin là không tốt.

“Lại nữa, trong những người có đức tin cũng có hai hạng: một là người thường đến chùa, hai là người không đến chùa. Bồ Tát nên biết, người có đến chùa là tốt, người không đến chùa gọi là không tốt.

“Người đến chùa lại cũng có hai hạng: một là người có lễ bái, hai là người không lễ bái. Bồ Tát nên biết, người có lễ bái là tốt, người không lễ bái là không tốt.

“Người lễ bái lại cũng có hai hạng: một là nghe pháp, hai là không nghe pháp. Bồ Tát nên biết: người nghe pháp là tốt, người không nghe pháp là không tốt.

“Người nghe pháp lại cũng có hai hạng: một là người hết lòng chú ý lắng nghe, hai là người không chú ý lắng nghe. Bồ Tát nên biết, người hết lòng nghe pháp là người tốt, người không hết lòng nghe pháp là không tốt.

“Người hết lòng nghe pháp lại cũng có hai hạng: một là người biết suy xét nghĩa lý, hai là người không suy xét nghĩa lý. Bồ Tát nên biết, người biết suy xét nghĩa lý là tốt, người không suy xét nghĩa lý là không tốt.

“Người biết suy xét nghĩa lý cũng có hai hạng: một là người [hiểu rồi] làm theo như lời dạy, hai là người không

làm theo. Người làm theo như lời dạy là tốt, người không làm theo là không tốt.

“Người làm theo lời dạy lại cũng có hai hạng: một là người cầu [được quả vị của] thừa Thanh văn, không thể làm lợi ích an ổn cho hết thảy chúng sanh khổ não, hai là người hồi hướng về Vô thượng Đại thừa, lợi ích cho nhiều người, khiến cho được an vui. Bồ Tát nên biết, có thể làm lợi ích cho nhiều người, khiến họ được an vui, đó là việc thiện cao quý nhất.

“Thiện nam tử! Như trong các vật quý báu, hạt châu như ý là hơn hết; trong các mùi vị, vị cam lộ là hơn hết. [Cũng vậy,] hàng Bồ Tát [có thể làm lợi ích chúng sinh] như thế là bậc cao quý hơn hết trong nhân loại và chư thiên, không ai so sánh được.

“Thiện nam tử! Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát trụ nơi kinh Đại thừa Đại Niết-bàn, trụ nơi bảy pháp lành. Bồ Tát trụ nơi bảy pháp lành như thế rồi liền được đầy đủ các hạnh thanh tịnh.

“Lại nữa, thiện nam tử! Các hạnh thanh tịnh ấy là: từ, bi, hỷ và xả.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu ai thường tu tâm từ thì có thể dứt trừ sân khuể; tu tập tâm bi cũng dứt được sân khuể. Như vậy sao nói là Bốn tâm vô lượng? Cứ suy theo nghĩa mà nói thì lẽ ra chỉ có ba mà thôi!

“Bạch Thế Tôn! Tâm từ có ba duyên: một là duyên chúng sanh, hai là duyên với pháp, ba là không duyên. Các tâm bi, hỷ, xả lại cũng như vậy. Nếu theo nghĩa ấy thì lẽ ra chỉ có ba, không nên nói là có bốn!

“Duyên chúng sanh là duyên với năm ấm, nguyện

mang lại cho chúng sanh sự vui vẻ. Đó gọi là duyên chúng sanh.

“Duyên với pháp là duyên với những vật mà các chúng sanh cần dùng, đem những vật ấy mà thí cho chúng sanh. Đó gọi là duyên với pháp.

“Không duyên tức là duyên với Như Lai. Như vậy gọi là không duyên.

“Tâm từ phần nhiều là duyên với những chúng sanh nghèo túng. Bậc đại sư là Như Lai đã vĩnh viễn lìa xa sự nghèo túng, hưởng niềm vui cao cả nhất. Nếu duyên với chúng sanh ắt không duyên với Phật. Đối với pháp cũng vậy.⁽²⁸⁾ Vì nghĩa ấy, duyên với Như Lai gọi là không duyên.

“Bạch Thế Tôn! Tâm từ duyên với hết thảy chúng sanh, như duyên với cha mẹ, vợ con, thân thuộc... Vì nghĩa ấy nên gọi là duyên chúng sanh.

“Duyên với pháp là không thấy có cha mẹ, vợ con, thân thuộc... chỉ thấy hết thảy các pháp đều do duyên mà sanh. Như vậy gọi là duyên với pháp.

“Không duyên là không trụ ở tướng pháp và tướng chúng sanh. Như vậy gọi là không duyên.

“Các tâm bi, hỷ, xả lại cũng như thế. Cho nên đáng lẽ chỉ có ba tâm, không có tới bốn!

“Thế Tôn! Có hai hạng người, một là người theo chỗ thấy biết mà làm, hai là người theo chỗ yêu mến mà làm. Người theo chỗ thấy biết mà làm thường tu từ bi, người theo chỗ yêu mến mà làm thường tu hỷ xả. Theo như nghĩa này thì lẽ ra chỉ có hai tâm, không có tới bốn!

“Bạch Thế Tôn! Nói là vô lượng cũng gọi là không giới hạn. Vì không thể biết được giới hạn đến đâu nên gọi là

vô lượng. Nếu là vô lượng thì lẽ ra chỉ là một, không nên nói là bốn! Nếu nói là bốn, làm sao có thể là vô lượng? Vậy nên lẽ ra chỉ là một, không có đến bốn!”

Phật bảo Bồ Tát Ca-diếp: “Thiện nam tử! Chư Phật Như Lai vì chúng sanh mà giảng thuyết những chỗ pháp yếu, lời lẽ sâu kín, rất khó thấu hiểu trọn vẹn. Có khi các ngài vì chúng sanh mà thuyết giảng một nhân duyên, như nói: ‘Những gì là một nhân duyên? Đó là tất cả các pháp hữu vi.’

“Thiện nam tử! Hoặc có khi lại thuyết dạy [phân biệt thành] hai loại là nhân và quả. Hoặc thuyết dạy ba loại là phiền não, nghiệp, khổ. Hoặc nói bốn loại là vô minh, các hành, sanh và già chết. Hoặc nói năm loại là thọ, ái, thủ, hữu và sanh. Hoặc nói sáu loại là nhân và quả trong ba đời.⁽²⁹⁾ Hoặc nói bảy loại là thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, ái và thủ. Hoặc nói tám loại là [Mười hai nhân duyên] trừ ra vô minh, hành, sanh và già chết, còn lại tám loại. Hoặc nói chín loại là như trong Thành kinh⁽³⁰⁾ có nói: [Mười hai nhân duyên] trừ ra vô minh, hành, thức, còn lại chín nhân duyên. Hoặc nói mười một loại, như Phật vì Tát-già là kẻ tin theo ngoại đạo Ni-kiền-tử mà thuyết rằng, [Mười hai nhân duyên] trừ ra một pháp sanh, còn lại mười một pháp. Hoặc nói đủ Mười hai nhân duyên, như khi ở thành Vương Xá vì nhóm ông Ca-diếp mà thuyết đầy đủ Mười hai nhân duyên, từ vô minh cho tới sanh, già, bệnh, chết.

“Thiện nam tử! Giống như chỉ một nhân duyên nhưng vì chúng sanh mà phân biệt nhiều cách khác nhau, tâm pháp vô lượng cũng là như vậy. Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên đối với hạnh sâu kín của chư Phật không nên sanh lòng nghi ngại.

“Thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn có phương tiện lớn lao, vô thường [có thể] nói là thường; thường [có thể] nói là vô thường. Vui [có thể] nói là khổ; khổ [có thể] nói là vui. Bất tịnh [có thể] nói là tịnh, tịnh [có thể] nói là bất tịnh. Ngã [có thể] nói là vô ngã; vô ngã [có thể] nói là ngã. Đối với chẳng phải chúng sanh [có thể] nói là chúng sanh; đối với chúng sanh thật [có thể] nói là chẳng phải chúng sanh. Chẳng phải vật [có thể] nói là vật, vật [có thể] nói là chẳng phải vật. Chẳng phải thật [có thể] nói là thật; thật [có thể] nói là chẳng phải thật. Chẳng phải cảnh [có thể] nói là cảnh; cảnh [có thể] nói là chẳng phải cảnh. Không phải sanh [có thể] nói là sanh; sanh [có thể] nói là không phải sanh. Cho đến vô minh [có thể] nói là minh; minh [có thể] nói là vô minh. Sắc [có thể] nói là chẳng phải sắc, chẳng phải sắc [có thể] nói là sắc. Không phải đạo [có thể] nói là đạo; đạo [có thể] nói là không phải đạo.

“Thiện nam tử! Như Lai dùng vô lượng phương tiện như vậy là vì muốn điều phục chúng sanh, há có thể là hư dối hay sao?

“Thiện nam tử! Hoặc có những chúng sanh tham muốn của cải, ta liền hiện đến nơi những người đó, tự hóa thân làm vua Chuyển luân. Trong vô số năm ta cung cấp mọi thứ tùy theo sự cần dùng của họ, sau đó mới giáo hóa, khiến họ trụ yên nơi A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Nếu có những chúng sanh tham đắm năm món dục,⁽³¹⁾ trong vô số năm ta dùng năm món dục tốt đẹp mà làm cho họ được thỏa ý. Sau đó mới khuyên bảo, giáo hóa, khiến họ trụ yên nơi A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Nếu có những chúng sanh sẵn được sự giàu sang phú quý, ta liền đến nơi những người đó, trong vô số năm làm kẻ hầu hạ cho họ sai khiến, tất bật bôn ba để chu cấp, chăm sóc họ. Khi được họ tin yêu rồi, ta sẽ khuyên bảo, giáo hóa, khiến họ trụ yên nơi A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Nếu có những chúng sanh tính tình ngang ngược, hung bạo, luôn tự cho mình đúng, cần phải có người quở trách, can gián. Ta liền dạy dỗ, quở trách, khích lệ, đôn đốc, giảng giải với họ trong vô số trăm ngàn năm, khiến cho tâm họ được điều phục, rồi sau đó ta lại khuyên bảo, khiến họ trụ yên nơi A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Thiện nam tử! Như Lai dùng đủ mọi phương tiện như vậy trong vô số năm, khiến các chúng sanh được trụ yên nơi A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, há có thể là hư dối hay sao? Chư Phật Như Lai tuy ở trong mọi cảnh xấu ác nhưng chẳng hề nhiễm ô, cũng giống như hoa sen.

“Thiện nam tử! Nên hiểu nghĩa của Bốn [tâm] vô lượng là như vậy. Thiện nam tử! Tâm vô lượng có bốn thể tánh, nếu ai tu hành theo đó thì sanh lên cõi trời Đại phạm. Thiện nam tử! Vì tâm vô lượng này chia thành bốn nhóm nên gọi là bốn.

“Người tu tâm từ có thể dứt trừ tham dục; người tu tâm bi có thể dứt trừ sân hận; người tu tâm hỷ có thể dứt hết những điều không vui; người tu tâm xả có thể giúp chúng sanh [khác] dứt trừ tham dục và sân khuể. Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên gọi là bốn, chẳng phải là một, hai hay ba.

“Thiện nam tử! Theo như ông nói, tâm từ có thể dứt

được lòng sân hận, tâm bi cũng vậy, nên lẽ ra phải nói là ba. Nay ông không nên cật vấn như thế. Vì sao vậy? Thiện nam tử! Sự oán giận có hai loại: một là có thể dẫn đến giết người, hai là có thể đánh đập người. Tu tâm từ ắt có thể ngăn dứt được sự giết hại; tu tâm bi ắt có thể ngăn dứt được sự đánh đập. Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy, há không phải là bốn đó sao?

“Lại nữa, sân hận có hai loại, một là sân hận với chúng sanh, hai là sân hận với đối tượng chẳng phải chúng sanh.⁽³²⁾ Người tu tâm từ dứt được sân hận với chúng sanh; người tu tâm bi dứt được sân hận với đối tượng chẳng phải chúng sanh.

“Lại nữa, sân hận có hai loại, một là có nhân duyên, hai là không có nhân duyên. Người tu tâm từ dứt được sân hận có nhân duyên, người tu tâm bi dứt được sân hận không có nhân duyên.

“Lại nữa, sân hận có hai loại, một là tập tính từ lâu xa trong quá khứ, hai là tập tính mới có trong đời hiện tại. Người tu tâm từ dứt được sân hận do tập tính từ lâu xa trong quá khứ; người tu tâm bi dứt được sân hận do tập tính trong đời hiện tại.

“Lại nữa, sân hận có hai loại, một là sân hận với thánh nhân, hai là sân hận với phàm phu. Người tu tâm từ dứt được sân hận với thánh nhân; người tu tâm bi dứt được sân hận với phàm phu.

“Lại nữa, sân hận có hai loại, một là bậc cao, hai là bậc vừa. Người tu tâm từ dứt được sân hận bậc cao; người tu tâm bi dứt được sân hận bậc vừa.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên gọi là bốn. Sao có thể cật vấn rằng chỉ nên có ba, chẳng phải bốn?

“Ca-diếp! Vì thế nên tâm vô lượng này dựa theo các nhóm khác nhau mà phân ra làm bốn. Lại theo tâm lượng mà gọi là bốn. Nếu trong tâm lượng đang có từ thì không có bi, hỷ, xả. Vì nghĩa ấy mà nên kể là bốn, không nên bớt đi.

“Thiện nam tử! Vì chỗ thực hành khác nhau mà nên gọi là bốn. Trong khi thực hành tâm từ thì không có bi, hỷ, xả. Cho nên phải có bốn.

“Thiện nam tử! Vì là vô lượng nên cũng gọi là bốn.

“Vô lượng có bốn loại: Có tâm vô lượng có duyên mà không được tự tại; có tâm vô lượng được tự tại mà không có duyên; có tâm vô lượng vừa có duyên vừa được tự tại; có tâm vô lượng không có duyên mà cũng không được tự tại.

“Thế nào là tâm vô lượng có duyên mà không được tự tại? Đó là duyên với vô lượng vô biên chúng sanh nhưng chẳng được phép Tam-muội tự tại. Hoặc có được nhưng không ổn định, lúc có lúc không.

“Thế nào là tâm vô lượng được tự tại mà không có duyên? Như có duyên với cha mẹ, anh chị em, muốn làm cho họ được an vui, đó chẳng phải là duyên vô lượng.

“Thế nào là tâm vô lượng vừa có duyên vừa được tự tại? Đó là nói chư Phật, Bồ Tát.

“Thế nào là tâm vô lượng không có duyên mà cũng không được tự tại? Đó là nói hàng Thanh văn, Duyên giác, không được rộng duyên với vô lượng chúng sanh, cũng không được tự tại.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên gọi là Bốn [tâm] vô lượng, chẳng phải chỗ mà hàng Thanh văn, Duyên giác có thể rõ biết được, thật là cảnh giới của chư Phật Như Lai.

“Thiện nam tử! Bốn việc như vậy [ở nơi] hàng Thanh văn, Duyên giác tuy cũng gọi là vô lượng, nhưng thật nhỏ nhoi không đáng kể; chỉ [ở nơi] chư Phật, Bồ Tát mới đáng gọi là vô lượng vô biên.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Đúng thật như vậy, đúng như lời Phật dạy! Cảnh giới của chư Phật Như Lai chẳng phải chỗ hàng Thanh văn, Duyên giác có thể đạt đến.

“Bạch Thế Tôn! Liệu có vị Bồ Tát nào trụ ở kinh Đại thừa Đại Bát Niết-bàn, được tâm từ bi mà không phải là tâm đại từ, đại bi hay chẳng?”

Phật dạy: “Này thiện nam tử, quả thật có như vậy! Nếu Bồ Tát đối với chúng sanh phân biệt thành ba nhóm: một là những người thân yêu, hai là những kẻ oán ghét, ba là những người không oán không thân. Trong số những người thân yêu, lại phân ra thành ba hạng là thương nhiều, thương ít và trung bình. Đối với những kẻ oán ghét cũng phân ra [ba hạng] như vậy. Vị Bồ Tát ma-ha-tát ấy đối với những người mình thương yêu nhiều liền mang đến cho họ niềm vui lớn lao. Đối với những người mình thương yêu ít và ở mức trung bình cũng vẫn đem lòng bình đẳng mà mang đến cho họ niềm vui lớn lao. Đối với những kẻ oán ghét nhiều chỉ mang đến cho họ chút ít niềm vui. Đối với những kẻ oán ghét ở mức trung bình thì mang đến cho họ niềm vui trung bình. Đối với kẻ ít oán ghét nhất thì mang đến cho họ niềm vui lớn nhất.

“Vị Bồ Tát như vậy lại dần dần tu tập để thay đổi tăng tiến hơn. Đối với những kẻ oán ghét nhiều cũng mang đến cho họ niềm vui trung bình. Đối với kẻ oán

ghét ở mức trung bình và ít thì mang đến cho họ niềm vui lớn nhất.

“Rồi lại tiếp tục tu tập thay đổi [tiến bộ] hơn nữa. Đối với những kẻ oán ghét nhiều cũng như ít, cũng như ở mức trung bình, đều bình đẳng mang lại cho họ niềm vui lớn nhất.

“Nếu đối với những kẻ mình oán ghét nhất mà mang đến cho họ niềm vui lớn nhất thì lúc ấy có thể nói là đã thành tựu được tâm từ. Vị Bồ Tát ấy lúc bấy giờ dù đối với cha mẹ hay đối với những kẻ mình oán ghét nhất cũng đều có lòng bình đẳng, chẳng xem là khác biệt nhau.

“Thiện nam tử! Như vậy gọi là tu được tâm từ, không phải là đại từ.”

Bồ Tát Ca-diếp thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Vì duyên có chi mà Bồ Tát được tâm từ như vậy vẫn chưa được gọi là đại từ?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vì sự tu tập [như vậy là] thành tựu một cách khó khăn nên không gọi là đại từ. Vì sao vậy? Đã từ lâu xa trong vô số kiếp quá khứ tích chứa nhiều phiền não, chưa tu pháp lành, cho nên không thể trong một ngày mà điều phục được tâm.

“Thiện nam tử! Ví như hạt đậu khô cứng, dù ngâm mãi cũng không bắm vào được. Phiền não kiên cố, bền chặt cũng như vậy, tuy suốt ngày đêm chú tâm không tán loạn, cũng khó điều phục được.

“Lại như con chó nhà chẳng hề sợ người, con hươu rừng thấy người thì sợ chạy. Sân hận khó đẩy lùi, như giữ mãi con chó nhà; tâm từ dễ mất, như con hươu rừng

kia. Vậy nên tâm này rất khó điều phục. Vì nghĩa ấy mà không gọi là đại từ.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như khắc chữ trên đá thì còn mãi, còn vạch trên mặt nước thì mất ngay, không thể tồn tại. Sân hận cũng như khắc [chữ] trên đá, các căn lành như vạch trên mặt nước. Vậy nên tâm này rất khó điều phục.

“Như đồng lửa lớn chiếu sáng được lâu, còn tia điện chớp thì không hề lưu lại. Sân hận cũng như đồng lửa, tâm từ như tia điện chớp. Vậy nên tâm này rất khó điều phục. Vì nghĩa ấy mà không gọi là đại từ.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát trụ ở Sơ địa⁽³³⁾ gọi là đại từ. Vì sao vậy? Thiện nam tử! Kẻ xấu ác nhất gọi là nhất-xiển-đề. Bồ Tát trụ ở Sơ địa trong khi tu tập đại từ, đối với những kẻ nhất-xiển-đề cũng không thấy có gì khác biệt, không thấy lỗi lầm của họ, nên không sanh sân hận. Vì nghĩa ấy nên được gọi là đại từ.

“Thiện nam tử! Vì chúng sanh mà trừ bỏ những việc vô ích, đó gọi là đại từ. Mong muốn mang đến cho chúng sanh vô lượng những điều lợi ích, vui vẻ, đó gọi là đại bi. Đối với chúng sanh trong lòng sanh hoan hỷ, đó gọi là đại hỷ. Không có gì để ôm giữ, bảo vệ, đó gọi là đại xả.

“Như không thấy có bản ngã và các tướng pháp, không thấy có thân mình, thấy hết thảy các pháp đều bình đẳng không phân hai, đó gọi là đại xả.

“Tự mình vất bỏ sự vui sướng, mang niềm vui đến cho người khác, đó gọi là đại xả.

“Thiện nam tử! Chỉ Bốn [tâm] vô lượng ấy mới có thể giúp Bồ Tát tăng trưởng đầy đủ sáu pháp ba-la-mật mà thôi, ngoài ra các hạnh tu khác đều không có khả năng ấy.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát trước tiên phải đạt được Bốn tâm vô lượng của thế gian, tiếp đó mới phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, sau nữa mới được Bốn tâm vô lượng xuất thế gian.

“Thiện nam tử! Nhân chỗ vô lượng của thế gian mà được chỗ vô lượng xuất thế gian. Vì nghĩa ấy, nên gọi là đại vô lượng.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Trừ bỏ những việc vô ích và mang đến những điều lợi ích, vui vẻ, thật ra không có chỗ làm. Suy nghĩ như vậy tức là quán xét một cách hư dối, không thật có lợi ích.

“Thế Tôn! Ví như vị tỳ-kheo trong khi quán xét sự bất tịnh, thấy y phục đang mặc đúng là hình tướng của da mà thật chẳng phải da; thấy những món đang ăn đều là hình tướng của loài sâu bọ mà thật chẳng phải sâu bọ... Vị ấy quán xét món chè đậu, nghĩ rằng đó là phân sệt mà thật chẳng phải phân; quán xét món kem sữa đang ăn giống như tủy não mà thật chẳng phải não; quán xét xương nát như bột cám mà thật chẳng phải cám... Bốn tâm vô lượng cũng là như vậy, không thể làm lợi ích cho chúng sanh một cách chân thật, khiến họ được vui. Tuy miệng nói rằng mang đến cho chúng sanh niềm vui, nhưng thật là chẳng được [như vậy]. Quán xét như vậy chẳng phải là hư dối đó sao?

“Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng phải hư dối, mà thật có mang đến niềm vui, vậy sao chúng sanh chẳng nhờ oai đức của chư Phật và Bồ Tát mà hết thảy đều được vui?

“Nếu quả thật chẳng được vui, thì như Phật có dạy: ‘Ta nhớ lại thuở xưa, ta chỉ tu một tâm từ, trải qua bảy lần thành hoại của thế giới này, ta chẳng thọ sanh ở

đây. Khi thế giới thành, ta sanh ở cõi Phạm thiên. Khi thế giới hoại, ta sanh ở cõi Quang âm thiên. Khi sanh ở cảnh Phạm thiên thì có thế lực tự tại, chẳng ai hơn được, cao trội hơn hết trong số ngàn vị thiên nhân cõi Phạm thiên, gọi là Đại Phạm Vương. Hết thảy chúng sanh đối với địa vị của ta đều cho là cao cả nhất. Trong ba mươi sáu lần thọ thân làm Đao-lợi Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, vô lượng trăm ngàn lần làm Chuyển luân vương...’ Chỉ tu một tâm từ mà được quả báo ở hai cõi trời người như vậy, nếu là không chân thật thì làm sao hợp với nghĩa ấy?”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Ông quả thật là dũng mãnh, không có gì sợ sệt.”

Ngay khi ấy, Phật vì Ca-diếp mà đọc kệ rằng:

Nếu với mỗi chúng sanh,
Chẳng sanh lòng sân hận,
Nguyện mang đến niềm vui,
Gọi là tu tâm từ.

Đối với các chúng sanh,
Nếu phát khởi tâm bi,
Gọi là hạt giống thánh,
Được phước báo vô lượng.

Ví như tiên ngũ thông⁽³⁴⁾
Đây khắp mặt đất này,
Có vua Đại tự tại,
Phụng cấp chỗ an ổn,
Voi, ngựa, mọi đồ dùng.
Phước báo phụng thí đó,
So với tu tâm từ,
Chỉ một phần mười sáu!

“Thiện nam tử! Việc tu tâm từ không phải vọng tưởng, mà là chân thật. Nếu là tâm từ của hàng Thanh văn, Duyên giác thì gọi là hư dối. Tâm từ của chư Phật, Bồ Tát là chân thật không hư dối. Vì sao biết được như vậy?

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn này, quán tưởng đất thành vàng, vàng thành đất; đất hóa thành tướng nước, nước hóa thành tướng đất; nước hóa thành tướng lửa, lửa hóa thành tướng nước; đất hóa thành tướng gió, gió hóa thành tướng đất... thành tựu đúng như ý, không hề có sự hư dối!

“Thiện nam tử! Nên biết rằng Bốn tâm vô lượng của Bồ Tát là sự suy xét chân thật, chẳng phải không chân thật. Lại nữa, thiện nam tử! Sao gọi là sự suy xét chân thật? Vì có thể dứt trừ mọi phiền não.

“Thiện nam tử! Người tu tâm từ có thể dứt trừ tham dục, người tu tâm bi có thể dứt trừ sân hận, người tu tâm hỷ có thể dứt trừ sự không vui, người tu tâm xả có thể dứt trừ các tướng tham, sân và chúng sanh. Vì vậy nên gọi là sự suy xét chân thật.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bốn tâm vô lượng của Bồ Tát ma-ha-tát có thể làm căn bản cho hết thảy các điều lành.

“Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát ma-ha-tát không gặp được những chúng sanh nghèo túng thì không có duyên để phát sanh lòng từ. Nếu chẳng phát sanh lòng từ, ắt không khởi tâm rộng rãi bố thí. Bố thí là nhân duyên khiến chúng sanh được vui vẻ, an ổn. Như là món ăn thức uống, xe cộ, y phục, hương hoa, giường nằm, nhà cửa, đèn đuốc... Trong khi bố thí như vậy, trong lòng không có sự trói buộc, chẳng sanh tham chấp, quyết định hồi hướng về quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Trong

lòng lúc ấy không có chỗ nương dựa, mãi mãi dứt trừ mọi vọng tưởng, chẳng phải vì sợ sệt, chẳng vì danh dự hay vì lợi dưỡng, cũng chẳng cầu sự khoái lạc ở hai cõi trời người, chẳng sanh lòng kiêu mạn, chẳng mong đền đáp, cũng chẳng vì dối gạt người khác. Vì thế nên làm việc bố thí mà không mong cầu phú quý.

“Trong khi làm việc bố thí, chẳng thấy có người nhận bố thí, chẳng thấy những sự giữ giới hay phá giới, là ruộng phước hay chẳng phải ruộng phước,⁽³⁵⁾ [không có sự phân biệt] đây là người quen biết, đây là người không quen biết... Trong khi bố thí chẳng phân biệt công cụ, chẳng lựa chọn ngày giờ, nơi chốn... Lại cũng chẳng kể khi đói kém hay lúc sung túc, vui vẻ; chẳng thấy nhân quả, chẳng thấy là chúng sanh hay chẳng phải chúng sanh, là có phước đức hay không phải phước đức.

“Tuy chẳng thấy người thí, người nhận thí cùng những vật thí, cho đến chẳng thấy là có hay không có quả báo, nhưng vẫn thường làm việc bố thí, không hề gián đoạn.

“Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát thấy có sự phá giới hay giữ giới, cho đến có hay không có quả báo...,⁽³⁶⁾ thì mãi mãi không thể làm được việc bố thí [chân thật]. Nếu không bố thí [chân thật] thì không trọn vẹn hạnh Bố thí Ba-la-mật. Nếu không trọn vẹn hạnh Bố thí Ba-la-mật thì không thể thành tựu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Thiện nam tử! Ví như có người, trên thân bị trúng mũi tên độc. Thân nhân của người ấy muốn cho được bình yên, liền mời lương y đến rút mũi tên ra để trừ độc. Người ấy lại nói: ‘Khoan đã, đừng chạm tới. Tôi đang suy xét xem mũi tên độc này từ đâu bắn tới? Người bắn là

ai, thuộc dòng sát-ly, bà-la-môn, tỳ-xá hay thủ-đà?’ Rồi người ấy lại suy nghĩ: ‘Tên ấy làm bằng gỗ gì, hay là bằng tre, hay là bằng gỗ cây liễu? Mũi tên bịt sắt được rèn đúc ở đâu? Có cứng chẳng? Mềm chẳng? Lòng gắn ở mũi tên ấy lấy ở cánh chim gì? Chim quạ, điều hâu hay kên kên? Chất độc ở tên ấy do đâu mà có, là chất độc tự nhiên hay do con người bào chế, hay là nọc của rắn độc?...’

“Kẻ ngu si như vậy, rốt cuộc cũng chẳng biết được gì, mà chẳng mấy chốc phải bỏ mạng.

“Thiện nam tử! Bồ Tát cũng như vậy, nếu khi làm việc bố thí mà phân biệt người nhận thí, phân biệt giữ giới hay phá giới, cho đến có hay không có quả báo, thì mãi mãi không thể làm được việc bố thí [chân thật]. Nếu không bố thí thì không trọn vẹn hạnh Bồ thí Ba-la-mật. Nếu không trọn vẹn hạnh Bồ thí Ba-la-mật thì không thể thành tựu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát khi làm việc bố thí, đối với chúng sanh có lòng từ bình đẳng, xem như con mình. Lại nữa, khi làm việc bố thí, đối với chúng sanh khởi lòng bi悯, ví như cha mẹ chăm sóc đứa con đang bệnh. Khi làm việc bố thí thì trong lòng hoan hỷ, như cha mẹ thấy con được khỏi bệnh. Sau khi bố thí thì trong lòng buông xả hết, như cha mẹ thấy con đã lớn khôn, đủ sức tự lo việc mưu sinh.

“Vị Bồ Tát ma-ha-tát này, do tâm từ nên khi bố thí món ăn thường phát nguyện rằng: ‘Chỗ bố thí của tôi hôm nay xin nguyện cho tất cả chúng sanh cùng được hưởng. Nhờ nhân duyên này khiến cho chúng sanh được món ăn trí tuệ lớn, siêng năng tinh tấn hướng về Đại thừa Vô thượng. Nguyện cho chúng sanh được món ăn

trí tuệ tốt lành, chẳng cầu được món ăn của hàng Thanh văn, Duyên giác. Nguyện cho chúng sanh được món ăn là niềm vui Chánh pháp, chẳng cầu món ăn luyến ái. Nguyện cho chúng sanh đều được món ăn là Bát-nhã Ba-la-mật, đều được đầy đủ, gồm nắm sức vô ngại, tăng trưởng căn lành. Nguyện cho chúng sanh hiểu rõ tướng Không, được thân vô ngại như hư không. Nguyện cho chúng sanh thường làm kẻ thọ nhận, thương xót hết thảy mà làm ruộng phước cho mọi người.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát trong khi tu tâm từ, khi có bố thí món ăn nên kiên trì phát nguyện như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, do tâm từ nên khi bố thí thức uống thường phát nguyện rằng: ‘Chỗ bố thí của tôi hôm nay xin nguyện cho tất cả chúng sanh cùng được hưởng. Nhờ nhân duyên này khiến cho chúng sanh được thẳng đến dòng sông Đại thừa, uống nước Tám vị,⁽³⁷⁾ vượt nhanh đến đạo Vô thượng Bồ-đề, lìa khỏi sự khô khát của Thanh văn, Duyên giác, khao khát mong cầu Phật thừa vô thượng, dứt trừ cơn khát phiền não, khao khát mong cầu vị Chánh pháp, lìa khỏi luyến ái trong sanh tử, ưa thích Đại thừa Đại Bát Niết-bàn, trọn đủ Pháp thân, được các phép Tam-muội, nhập vào biển cả trí tuệ sâu xa. Nguyện cho chúng sanh được vị cam lộ và các vị xuất thế Bồ-đề, vắng vẻ tĩnh lặng lìa xa các dục. Nguyện cho chúng sanh được đầy đủ vô lượng trăm ngàn vị pháp. Có đủ vị pháp rồi được thấy tánh Phật. Thấy tánh Phật rồi có thể thuyết giảng Chánh pháp như mưa lớn tuôn xuống. Tuôn mưa pháp rồi, tánh Phật sẽ bao trùm khắp cả như hư không!

“Lại nguyện cho vô lượng những chúng sanh khác đều được một vị pháp duy nhất là vị Đại thừa, chẳng

phải các vị pháp Thanh văn và Phật Bích-chi. Nguyên cho chúng sanh được thuần một vị ngọt ngào, không có sáu vị khác nhau!⁽³⁸⁾ Nguyên cho chúng sanh chỉ cầu được vị Chánh pháp, vị vô ngại của việc làm theo pháp Phật, không cầu được vị nào khác nữa. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, do tâm từ mà trong khi bố thí thức uống nên kiên trì phát nguyện như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát do tâm từ mà khi bố thí xe cộ nên phát nguyện rằng: ‘Chỗ bố thí của tôi hôm nay xin cho tất cả chúng sanh cùng được hưởng. Nhờ nhân duyên này khiến cho khắp thấy chúng sanh được thành tựu Đại thừa, được trụ nơi Đại thừa, được cỗ xe lớn không thối lui, được cỗ xe không động chuyển, được cỗ xe có chỗ ngồi bằng kim cương. Chẳng cầu các thừa Thanh văn và Phật Bích-chi, chỉ hướng về Phật thừa, được cỗ xe không ai có thể hàng phục được, cỗ xe không thiếu kém, cỗ xe không lui mất, cỗ xe cao quý nhất, cỗ xe có Mười sức,⁽³⁹⁾ cỗ xe công đức lớn, cỗ xe chưa từng có, cỗ xe hiếm có, cỗ xe rất khó được, cỗ xe vô biên, cỗ xe của bậc [có trí tuệ] rõ biết tất cả. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát do tâm từ mà trong khi bố thí xe cộ nên kiên trì phát nguyện như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát do tâm từ mà khi bố thí y phục nên phát nguyện rằng: ‘Chỗ bố thí của tôi hôm nay xin cho tất cả chúng sanh cùng được hưởng. Nhờ nhân duyên này khiến cho khắp thấy chúng sanh được mặc ‘y phục biết hổ thẹn’,⁽⁴⁰⁾ lấy pháp giới che thân, xé rách tấm áo kiến giải sai lầm,⁽⁴¹⁾ cởi bỏ y phục khỏi cái thân một thuốc sáu tác⁽⁴²⁾ này liền được thân màu vàng ròng, chỗ xúc chạm cảm thọ đều mềm mại nhu nhuyễn không ngăn ngại, sắc sáng trơn láng, da thịt mịn

nhuyễn, có vô lượng ánh thường quang,⁽⁴³⁾ không có hình sắc, lìa khỏi hình sắc. Nguyên cho khắp thấy chúng sanh đều được thân không hình sắc, vượt khỏi hết thấy hình sắc, được vào Đại Bát Niết-bàn không có hình sắc. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, do tâm từ mà trong khi bố thí y phục nên kiên trì phát nguyện như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát do tâm từ mà khi bố thí các loại hương hoa, hương phết, hương bột, hương trộn lẫn... nên phát nguyện rằng: ‘Chỗ bố thí của tôi hôm nay xin cho tất cả chúng sanh cùng được hưởng. Nhờ nhân duyên này khiến cho khắp thấy chúng sanh đều được loại hoa Tam-muội của chư Phật, Bảy phần giác⁽⁴⁴⁾ là bảy dây hoa đẹp vấn quanh đỉnh đầu. Nguyên cho chúng sanh được hình tướng đẹp như trăng tròn, những màu sắc nhìn thấy đều đẹp đẽ bậc nhất. Nguyên cho chúng sanh đều thành tựu một tướng trăm phước trang nghiêm. Nguyên cho chúng sanh tùy ý được nhìn thấy các màu sắc hài lòng. Nguyên cho chúng sanh thường gặp bạn lành, được mùi hương không ngăn ngại, lìa khỏi các mùi hôi thối. Nguyên cho chúng sanh có đủ các căn lành, vốn là loại trân bảo quý giá hơn hết.

“Nguyên cho chúng sanh nhìn nhau một cách hòa nhã êm đẹp, vui vẻ, không có lo buồn, đau khổ, các điều lành đều đầy đủ, không buồn phiền nhau. Nguyên cho chúng sanh có đầy đủ hương giới luật. Nguyên cho chúng sanh giữ theo giới không ngăn ngại, tỏa hương thơm ngào ngạt đầy khắp mười phương. Nguyên cho chúng sanh được giới kiên cố, giới bền vững, giới không hối tiếc, giới hiểu biết tất cả; lìa khỏi những kẻ phá giới, đạt được chỗ không còn giới, được giới chưa từng có, giới của bậc không còn thầy dạy, giới không tạo tác, giới không phóng dăng, giới

không ô nhiễm, giới đã làm xong, giới cứu cánh, được giới bình đẳng. Dù được thoa phết hương thơm trên thân hay bị đâm chém thân thể cũng đều xem như nhau, không sanh lòng yêu thương hay ghét bỏ.

“Nguyện cho chúng sanh được giới cao cả nhất, giới Đại thừa, chẳng phải giới Tiểu thừa. Nguyện cho chúng sanh được trọn vẹn Trì giới ba-la-mật,⁽⁴⁵⁾ giống như giới mà chư Phật đã thành tựu. Nguyện cho chúng sanh đều dùng các pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ để huân tập, tu hành.

“Nguyện cho chúng sanh đều được thành tựu hoa sen vi diệu Đại Bát Niết-bàn, tỏa hương thơm đầy khắp mười phương. Nguyện cho chúng sanh chỉ ăn thuần món ngon cao quý nhất là Đại thừa Đại Bát Niết-bàn, như con ong hút nhụy hoa chỉ thuần lấy hương vị tinh túy. Nguyện cho chúng sanh đều được thành tựu cái thân un đúc bởi vô lượng công đức.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát do tâm từ mà trong khi bố thí hoa hương nên kiên trì phát nguyện như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát do tâm từ mà khi bố thí giường nằm nên phát nguyện rằng: ‘Chỗ bố thí của tôi hôm nay xin nguyện cho tất cả chúng sanh cùng được hưởng. Nhờ nhân duyên này khiến cho khắp thấy chúng sanh đều được giường nằm của đấng Thiên trung thiên,⁽⁴⁶⁾ được trí tuệ lớn, ngồi nơi chỗ Tứ thiên,⁽⁴⁷⁾ nằm trên giường Bồ Tát, chẳng nằm trên giường của hàng Thanh văn, Phật Bích-chi, lìa bỏ chẳng nằm trên giường xấu ác!

“Nguyện cho chúng sanh được giường yên vui, lìa khỏi giường sanh tử, thành tựu giường sư tử Đại Niết-bàn.

Nguyện cho chúng sanh khi đã ngồi trên giường ấy rồi lại vì vô lượng chúng sanh khác mà thị hiện thân thông oai mãnh và tự tại. Nguyện cho chúng sanh được trụ nơi cung điện lớn Đại thừa này, vì các chúng sanh khác mà diễn thuyết tánh Phật.

“Nguyện cho chúng sanh được ngồi trên giường cao quý nhất, không bị các pháp thế gian khuấy phục. Nguyện cho chúng sanh được giường nhẵn nhụa, lìa khỏi sự nghèo khổ đói rét nơi sanh tử. Nguyện cho chúng sanh được giường không sợ sệt, mãi mãi lìa xa hết thầy giặc thù phiền não. Nguyện cho chúng sanh được giường thanh tịnh, hết lòng cầu đạo Vô thượng chân chánh. Nguyện cho chúng sanh được giường pháp lành, thường được bạn lành ủng hộ. Nguyện cho chúng sanh được giường nằm nghiêng hông mặt, nương theo pháp mà chư Phật đã thực hành. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát do tâm từ mà trong khi thí giường nằm nên kiên trì phát nguyện như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát do tâm từ nên khi thí nhà cửa, chỗ ở thường phát nguyện rằng: ‘Chỗ bố thí của tôi hôm nay xin nguyện cho tất cả chúng sanh cùng được hưởng. Nhờ nhân duyên này khiến cho khắp thấy chúng sanh đều được ở trong nhà Đại thừa, tu hành theo những hạnh lành của các bạn lành, tu hạnh đại bi, sáu hạnh ba-la-mật, hạnh đại chánh giác, hết thầy đạo hạnh của hàng Bồ Tát, hạnh rộng lớn vô biên như hư không! Nguyện cho chúng sanh đều được chánh niệm, lìa xa các niệm tưởng xấu ác. Nguyện cho chúng sanh thấy đều được trụ yên nơi thường, lạc, ngã, tịnh, mãi mãi lìa xa bốn tư tưởng điên đảo!⁽⁴⁸⁾ Nguyện cho chúng sanh đều được nhận giữ ngôi nhà tâm ý xuất thế. Nguyện cho

chúng sanh đều là chỗ chứa đựng trí tuệ cao cả nhất, rõ biết tất cả. Nguyện cho chúng sanh đều được vào ngôi nhà cam lộ! Nguyện cho chúng sanh từ khi mới phát tâm cho đến rốt cùng đều thường vào ngôi nhà Đại thừa Niết-bàn. Nguyện cho chúng sanh đến đời vị lai thường ở nơi cung điện mà các vị Bồ Tát cư ngụ.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát do tâm từ nên trong khi thí nhà cửa, chỗ ở thường kiên trì phát nguyện như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát do tâm từ nên khi thí đèn đuốc thường phát nguyện rằng: ‘Chỗ bố thí của tôi hôm nay xin cho tất cả chúng sanh cùng được hưởng. Nhờ nhân duyên này khiến cho khắp cả chúng sanh đều được vô lượng ánh sáng, trụ yên trong pháp Phật. Nguyện cho chúng sanh thường được ánh sáng chiếu soi, sáng rõ. Nguyện cho chúng sanh được hình sắc vi diệu, sáng tươi bậc nhất. Nguyện cho chúng sanh được mắt thanh tịnh, không có những sự ngăn che. Nguyện cho chúng sanh được ngọn đuốc trí tuệ lớn, khéo hiểu rằng không có các tướng ngã, nhân, chúng sanh và thọ giả.⁽⁴⁹⁾ Nguyện cho chúng sanh đều được thấy tánh Phật thanh tịnh như hư không. Nguyện cho mắt thịt⁽⁵⁰⁾ của chúng sanh được thanh tịnh, thấy suốt các thế giới mười phương nhiều như số cát sông Hằng. Nguyện cho chúng sanh được ánh sáng của Phật chiếu khắp mười phương. Nguyện cho chúng sanh được mắt không ngăn ngại, thấy đều thấy được tánh Phật thanh tịnh. Nguyện cho chúng sanh được ánh sáng trí tuệ lớn, chiếu phá hết cả sự tối tăm và những kẻ nhất-xiển-đề. Nguyện cho chúng sanh được ánh sáng vô lượng, chiếu khắp vô lượng thế giới chư Phật. Nguyện cho chúng

sanh thấp lên ngọn đèn Đại thừa, lìa khỏi ngọn đèn Nhị thừa.⁽⁵¹⁾ Nguyện cho ánh sáng mà chúng sanh có được sẽ tiêu diệt sự tối tăm của vô minh, có sức chiếu sáng khắp nơi, hơn cả sức chiếu của ngàn mặt trời. Nguyện cho chúng sanh được ánh sáng hỏa châu,⁽⁵²⁾ tiêu diệt hết sự tối tăm trong cõi Tam thiên đại thiên thế giới. Nguyện cho chúng sanh có đủ năm thứ mắt⁽⁵³⁾ thấu biết các tướng của pháp,⁽⁵⁴⁾ thành bậc giác ngộ không cần thầy dạy.⁽⁵⁵⁾ Nguyện cho chúng sanh không có mọi kiến chấp, vô minh. Nguyện cho chúng sanh đều được ánh sáng vi diệu Đại thừa Đại Bát Niết-bàn chỉ bày cho rõ biết tánh Phật chân thật của mình. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát do tâm từ nên khi thí đèn đuốc thường kiên trì phát nguyện như vậy.

“Thiện nam tử! Căn lành của hết cả Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát cho đến chư Phật Như Lai đều lấy đức từ làm căn bản. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát tu tập tâm từ có thể sanh ra vô lượng căn lành như vậy. Đó là nói các pháp quán bất tịnh, quán hơi thở ra vào, quán sanh diệt vô thường, Bốn niệm xứ,⁽⁵⁶⁾ Bảy phương tiện,⁽⁵⁷⁾ Ba quán xứ,⁽⁵⁸⁾ Mười hai nhân duyên⁽⁵⁹⁾ những phép quán về vô ngã, Noãn pháp,⁽⁶⁰⁾ Đỉnh pháp,⁽⁶¹⁾ Nhẫn pháp,⁽⁶²⁾ Thế đệ nhất pháp,⁽⁶³⁾ Kiến đạo,⁽⁶⁴⁾ Tu đạo,⁽⁶⁵⁾ Bốn chánh cần, Bốn như ý, các căn, các lực, Bảy phần Bồ-đề, Tám phần thánh đạo, Bốn thiền, Bốn vô lượng tâm, Tám giải thoát,⁽⁶⁶⁾ Tám thắng xứ,⁽⁶⁷⁾ Mười nhất thiết nhập, các pháp Tam-muội Không, Vô tướng, Vô nguyện, Vô tranh, Tha tâm trí⁽⁶⁸⁾ cùng các thần thông, Tri bản tế trí,⁽⁶⁹⁾ Thanh văn trí, Duyên giác trí, Bồ Tát trí và Phật trí.

“Thiện nam tử! Các pháp như vậy đều lấy đức từ làm căn bản. Thiện nam tử, vì nghĩa ấy nên đức từ là chân

thật, chẳng phải hư dối. Như có người hỏi rằng: ‘Điều gì là căn bản của tất cả những điều lành?’ Nên đáp: ‘Chính là đức từ.’ Vì nghĩa ấy cho nên đức từ là chân thật, chẳng phải hư dối.

“Thiện nam tử! Có thể làm được những điều lành, đó gọi là suy xét chân thật. Suy xét chân thật, đó gọi là có đức từ. Đức từ tức là Như Lai.

“Thiện nam tử! Đức từ tức là Đại thừa; Đại thừa tức là đức từ. Đức từ tức là Như Lai.

“Thiện nam tử! Đức từ tức là đạo Bồ-đề. Đạo Bồ-đề tức là đức từ. Đức từ tức là Như Lai.

“Thiện nam tử! Đức từ tức là Đại phạm [thiên]. Đại phạm [thiên] tức là đức từ. Đức từ tức là Như Lai.

“Thiện nam tử! Đức từ có thể vì tất cả chúng sanh mà làm cha mẹ. Cha mẹ là đức từ. Đức từ tức là Như Lai.

“Thiện nam tử! Đức từ chính là cảnh giới không thể nghĩ bàn của chư Phật. Cảnh giới không thể nghĩ bàn của chư Phật chính là đức từ vậy. Nên biết rằng đức từ tức là Như Lai.

“Thiện nam tử! Đức từ là tánh Phật của chúng sanh. Tánh Phật ấy từ lâu bị phiền não ngăn che, nên khiến cho chúng sanh không thể thấy được. Tánh Phật tức là đức từ. Đức từ tức là Như Lai.

“Thiện nam tử! Đức từ là đại không.⁽⁷⁰⁾ Đại không tức là đức từ. Đức từ tức là Như Lai.

“Thiện nam tử! Đức từ là hư không, hư không tức là đức từ. Đức từ tức là Như Lai.

“Thiện nam tử! Đức từ là thường; thường tức là Pháp; Pháp tức là Tăng; Tăng là đức từ. Đức từ tức là Như Lai.

“Thiện nam tử! Đức từ là lạc. Lạc tức là Pháp. Pháp tức là Tăng. Tăng tức là đức từ. Đức từ tức là Như Lai.

“Thiện nam tử! Đức từ là tịnh. Tịnh tức là Pháp. Pháp tức là Tăng. Tăng tức là đức từ. Đức từ tức là Như Lai.

“Thiện nam tử! Đức từ là [chân] ngã. [Chân] ngã tức là Pháp. Pháp tức là Tăng. Tăng tức là đức từ. Đức từ tức là Như Lai.

“Thiện nam tử! Đức từ là cam lộ, cam lộ tức là đức từ. Đức từ là tánh Phật; tánh Phật tức là Pháp. Pháp tức là Tăng. Tăng là đức từ. Đức từ tức là Như Lai.

“Thiện nam tử! Đức từ là đạo Vô thượng của tất cả chư Bồ Tát. Đạo chính là đức từ. Đức từ tức là Như Lai.

“Thiện nam tử! Đức từ là vô lượng cảnh giới của chư Phật Thế Tôn! Vô lượng cảnh giới chính là đức từ. Nên biết rằng, đức từ ấy tức là Như Lai.

“Thiện nam tử! Nếu đức từ là vô thường, vô thường là đức từ, thì nên biết đức từ ấy là của hàng Thanh văn.

“Thiện nam tử! Nếu đức từ là khổ, khổ tức là đức từ, nên biết đức từ ấy là của hàng Thanh văn.

“Thiện nam tử! Nếu đức từ là bất tịnh, bất tịnh tức là đức từ, nên biết rằng đức từ ấy là của hàng Thanh văn.

“Thiện nam tử! Nếu đức từ là vô ngã, vô ngã tức là đức từ, nên biết rằng đức từ ấy là của hàng Thanh văn.

“Thiện nam tử! Nếu đức từ là vọng tưởng, vọng tưởng tức là đức từ, nên biết đức từ ấy là của hàng Thanh văn.

“Thiện nam tử! Nếu đức từ chẳng gọi là Bồ thí Ba-la-mật, đức từ chẳng có bồ thí, nên biết rằng đức từ ấy là của hàng Thanh văn...

“Cho đến Trí tuệ Ba-la-mật cũng là như vậy.⁽⁷¹⁾

“Thiện nam tử! Nếu đức từ không thể làm lợi ích cho chúng sanh, thì đức từ ấy là của hàng Thanh văn.

“Thiện nam tử! Nếu đức từ chẳng vào nơi đạo Nhất thừa,⁽⁷²⁾ nên biết rằng đức từ ấy là của hàng Thanh văn.

“Thiện nam tử! Nếu đức từ không thể hiểu rõ các pháp, nên biết rằng đức từ ấy là của hàng Thanh văn.

“Thiện nam tử! Nếu đức từ không thể thấy tánh Như Lai, nên biết rằng đức từ ấy là của hàng Thanh văn.

“Thiện nam tử! Nếu đức từ thấy rằng hết thảy các pháp đều có hình tướng, nên biết rằng đức từ ấy là của hàng Thanh văn.

“Thiện nam tử! Nếu đức từ là hữu lậu,⁽⁷³⁾ thì đức từ ấy là của hàng Thanh văn.

“Thiện nam tử! Nếu đức từ là hữu vi,⁽⁷⁴⁾ thì đức từ ấy là của hàng Thanh văn.

“Thiện nam tử! Nếu đức từ không thể trụ nơi Sơ trụ,⁽⁷⁵⁾ đức từ chẳng phải sơ trụ, nên biết rằng đức từ ấy là của hàng Thanh văn.

“Thiện nam tử! Nếu đức từ không thể có được Mười sức của Phật, Bốn đức chẳng sợ, nên biết rằng đức từ ấy là của hàng Thanh văn.

“Thiện nam tử! Nếu đức từ chỉ đạt được bốn Thánh quả sa-môn, nên biết đức từ ấy là của hàng Thanh văn.

“Thiện nam tử! Nếu đức từ là có, là không, là chẳng phải có chẳng phải không, thì đức từ như vậy không phải là chỗ mà hàng Thanh văn và Phật Bích-chi có thể nghĩ bàn được.

“Thiện nam tử! Nếu đức từ là không thể nghĩ bàn, thì Pháp là không thể nghĩ bàn, tánh Phật là không thể nghĩ bàn, Như Lai cũng không thể nghĩ bàn.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát trụ ở kinh Đại thừa Đại Bát Niết-bàn, tu tập đức từ như vậy, dù trong giấc ngủ say cũng không thật ngủ say, vì luôn chuyên cần tinh tấn. Tuy thường tỉnh giác mà cũng không tỉnh giác, vì không hề có sự ngủ mê. Trong giấc ngủ say, tuy có chư thiên bảo vệ, cũng không phải bảo vệ, vì không hề làm việc xấu ác. Trong giấc ngủ không có ác mộng, vì không hề có việc bất thiện, lìa khỏi sự ngủ mê. Sau khi mạng chung tuy sanh lên cảnh Phạm thiên nhưng cũng không có chỗ sanh, vì được tùy ý tự tại.

“Thiện nam tử! Người tu đức từ có thể được thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy.

Thiện nam tử! Kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* này cũng có thể thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy. Chư Phật Như Lai cũng được thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN MƯỜI LĂM

CHÚ GIẢI

1. Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu quyển 14, phẩm Hạnh thanh tịnh thứ 20, phần 1 (Phạm hạnh phẩm đệ nhị thập chi nhất).
2. Nguyên văn chữ Hán là: ‘Như thị ngã văn’, được xem là phần khởi đầu cho tất cả những kinh do Phật thuyết.
3. Tu-đa-la (Sūtra), dịch nghĩa là kệ kinh, pháp bản, chỉ chung những kinh điển do Phật thuyết dạy để chúng sanh vâng làm theo nhằm đạt đến sự giải thoát. Vì thế mà khởi đầu bằng “như thị ngã văn” để xác tín đó chính là lời do Phật đã từng nói ra, ngài A-nan nghe và thuật lại; rồi kết thúc bằng “hoan hỷ phụng hành” để nhấn mạnh là kinh chỉ có giá trị khi người nghe “vui vẻ vâng làm theo”. Nếu không thực hành theo lời Phật dạy thì dù có đọc tụng bao nhiêu kinh điển cũng không thể đạt được sự giải thoát.
4. Kệ kinh: tức là kinh Tu-đa-la vừa nói ở trên.
5. Tức chỉ cho 25 cảnh giới hiện hữu (Nhị thập ngũ hữu) trong cả Ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Tất cả sự thọ sanh của chúng sanh đều không ra ngoài 25 cảnh giới hiện hữu này.
6. Kỳ-dạ (Geya), dịch nghĩa là trùng tụng, ứng tụng. Sau khi Phật thuyết giảng phần Kệ kinh xong thì dùng những kệ tụng này để trùng tuyên, nói lại những nghĩa đã thuyết giảng, nên gọi là Trùng tụng.
7. Kinh Thọ ký (Vyākaraṇa), dịch âm là Hòa-ca-la-na, nghĩa là nói trước cho biết về những quả vị mà ai đó sẽ được thành tựu trong tương lai. Đức Phật dùng trí tuệ giác ngộ mà thấy biết được, nên nói ra nhằm mục đích sách tấn việc tu tập cho các đệ tử.
8. A-dật-đa (Ajita): dịch nghĩa là ‘vô năng thắng’, tức là Bồ Tát Di-lặc.
9. Di-lặc: (Maitreya), dịch nghĩa là Từ Thị (慈氏), Vô Năng Thắng (無能勝), hoặc theo âm Hán Việt là A-dật-đa, là một vị Đại Bồ Tát và cũng là vị Phật trong tương lai, đã được đức Phật Thích-ca thọ ký. Cõi giáo hoá của ngài hiện này là cung trời Đâu-suất.
10. Kinh Già-dà (Gāthā) dịch nghĩa là ‘cô khởi tụng’, ‘phúng tụng’, cũng đọc là kệ-dà hay kệ, nghĩa là những bài kệ do có nhân duyên thích hợp mà Phật nói ra riêng rẽ chứ không để trùng tụng Kệ kinh, cũng không nhằm thuyết giới luật.
11. Kinh Ưu-đa-na (Udāna), dịch nghĩa: Tự thuyết hay Vô vấn tự thuyết, là những kinh điển do đức Phật tự xét thấy có nhân duyên thích hợp nên nói ra, không cần phải có người thưa hỏi, khuyến thỉnh.
12. Giờ bô: cách dùng cũ, khoảng giữa giờ thân, tức là từ 4 đến 5 giờ chiều.
13. Tha tâm trí: Trí tuệ rõ biết tâm ý của người khác, cũng gọi là Tha tâm thông.
14. Kinh Ni-đa-na (Nidāna), dịch nghĩa là ‘nhân duyên’, là những kinh Phật thuyết giảng về lý nhân duyên, nhân quả.
15. Người thanh niên này chỉ bắt chim để làm thú vui, nhốt vào lồng cho ăn no đủ rồi thả ra, nghĩ rằng như thế chẳng phải việc gây tội. Đức Phật rõ biết nhân quả nên dạy bài kệ trên để chỉ rõ, dù là việc ác nhỏ nhưng tích lũy nhiều ngày cũng thành mối tai hại lớn.

16. A-ba-dà-na (Avadāna), dịch nghĩa là ‘thí dụ’, là những kinh Phật dùng các thí dụ để làm rõ ý nghĩa giáo pháp.
17. Kinh Y-đế-mục-đa-già (Itivṛttaka), dịch nghĩa là ‘bản sự’, là những kinh nói về sự ra đời, thuyết pháp của chư Phật.
18. Phật Cửu-lưu-tần (Krakucchanda), cũng viết là Phật Câu-lưu-tôn, Ca-la-ca-tôn-đại, là một vị Phật quá khứ trước Phật Câu-na-hàm-mâu-ni.
19. Phật Câu-na-hàm-mâu-ni (Kanakamouni) cũng là một vị Phật trong quá khứ, kế tiếp Phật Cửu-lưu-tần.
20. Pháp kính: Tắm gương pháp.
21. Ca-diếp (Kayapa): Một vị Phật quá khứ, ra đời trước Phật Thích-ca.
22. Kinh Xà-dà-già (Jātaka), dịch nghĩa là bản sanh, là những kinh nói về tiền thân đức Phật khi còn tu đạo Bồ Tát.
23. Kinh Tỳ-phật-lược (Vaipulīya), dịch nghĩa là Phương quảng kinh, tức là kinh điển Đại thừa.
24. Kinh A-phù-dà-đạt-ma (Adbhūta-dharma), dịch nghĩa là ‘vị tầng hữu’, chưa từng có, nghĩa là trong kinh thuyết giảng những sự việc mà trước đây người đời chưa từng nghe nói đến.
25. Kinh Ưu-ba-đề-xá (Upadeśa), dịch nghĩa là Luận nghị, là những kinh có nội dung biện luận, phân biệt rõ chính tà, phải trái.
26. Xả định: ra khỏi thiền định, chấm dứt trạng thái nhập định, cũng gọi là xuất định.
27. Nghĩa là biết chừng mực mà không tham cầu thái quá.
28. Nghĩa là, nếu duyên với pháp cũng là không duyên với Phật.
29. Ba đời: quá khứ, hiện tại và vị lai.
30. Tức là Bát thành kinh (八城經), nằm trong bộ Trung A hàm (60 quyển) thuộc Hán tạng, bản Đại Chánh tân tu, quyển 1, kinh số 26.
31. Tham đắm năm món dục: mê đắm trong sự thỏa mãn 5 giác quan là mắt, tai, mũi, lưỡi và thân, nghĩa là chạy theo hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm và sự xúc chạm cho được thỏa ý.
32. Như nóng giận với người khác là sân hận với chúng sanh, nóng giận với sự việc không vừa ý là với đối tượng chẳng phải chúng sanh.
33. Sơ địa: Địa vị đầu tiên trong Thập địa, cũng gọi là Hoan hỷ địa (Pramuditābhūmi) Đạt đến địa vị này, Bồ Tát được hoan hỷ trên đường tu học, phát tâm cứu độ cho tất cả chúng sanh thoát khỏi luân hồi, không còn nghĩ đến bản thân mình nữa. Bồ Tát vì thế thực hiện hạnh bố thí không cầu phước đức, chứng được tính vô ngã của tất cả các pháp.
34. Tiên ngũ thông: Những người tu tiên đã được năm phép thần thông.
35. Ruộng phước (phước điền): người có đức độ xứng đáng nhận sự cúng dường của người khác gọi là ruộng phước, vì ai cúng dường cho người ấy thì được phước báo nhiều hơn so với bố thí cho những người không có đức độ. Tuy nhiên, đối với vị Bồ Tát tu tập tâm từ thì không thấy có sự khác biệt như thế.
36. Nghĩa nói tóm lại mọi sự phân biệt như vừa kể trên.

37. Nước tám vị (Bát vị thủy), cũng gọi là nước tám công đức (bát công đức thủy). Theo ngài Huyền Trang, tám vị công đức ấy là: 1. Trùng tịnh: lắng gạn trong sạch; 2. Thanh lãnh: trong trẻo mát lạnh; 3. Cam mỹ: mùi vị ngon ngọt; 4. Khinh nhuyển: nhẹ nhàng mềm mại; 5. Nhuận trạch: thấm nhuần tươi mát; 6. An hòa: yên ổn hòa nhã; 7. Trừ được đói khát và vô số khổ não; 8. Trưởng dưỡng thân tứ đại, tăng trưởng các thiện căn.
38. Sáu vị khác nhau: là các vị ngọt, chua, mặn, đắng, cay, nhạt. Sáu vị này là sáu vị chính, được pha lẫn với tỷ lệ khác nhau tạo thành tất cả những vị mà lưỡi chúng ta có thể nếm biết.
39. Mười sức của Phật, tức là Thập lực: 1. Tri thị xứ phi xứ trí lực: Biết rõ tính khả thi và tính bất khả thi trong mọi trường hợp. 2. Tri tam thế nghiệp báo trí lực: Biết rõ luật nhân quả, quả báo, tức là nghiệp nào tạo quả nào. 3. Tri nhất thiết sở đạo trí lực: Biết rõ nguyên nhân nào dẫn đến con đường tái sinh nào. 4. Tri chủng chủng giới trí lực: Biết rõ các thế giới với những yếu tố thành lập của nó. 5. Tri chủng chủng giải trí lực: Biết rõ căn tánh riêng biệt của mỗi chúng sanh. 6. Tri nhất thiết chúng sanh tâm tính trí lực: Biết rõ căn cơ học đạo cao thấp của mọi chúng sanh. 7. Tri chư thiên giải thoát Tam-muội trí lực: Biết tất cả các cách thiền định. 8. Tri túc mệnh vô lậu trí lực: Biết rõ các tiền kiếp của chính mình. 9. Tri thiên nhân vô ngại trí lực: Biết rõ sự hoại diệt và tái sinh của chúng sanh. 10. Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực: Biết các pháp ô nhiễm sẽ chấm dứt như thế nào.
40. Hổ thẹn (tâm quý): hai đức tính có thể giúp chúng ta xa lìa mọi điều xấu xa, tội lỗi. Khi ta làm một việc xấu, phải biết xấu hổ khi có người khác biết được, và tự thẹn với chính mình dù không có ai biết được. Như vậy gọi là biết hổ thẹn. Người không biết hổ thẹn thì bất cứ điều xấu xa nào cũng có thể thực hiện được. Còn người biết hổ thẹn thì trong bất cứ hoàn cảnh nào, dù có bị người khác phát giác hay không, cũng luôn tự biết điều đã làm sai của mình để vĩnh viễn trừ dứt.
41. Kiến giải sai lầm: Nguyên bản dùng “chư kiến”, chỉ chung các ý kiến, sở kiến, kiến giải, quan niệm sai lầm của ngoại đạo, kẻ phàm phu và hàng Nhị thừa.
42. Cái thân một thuốc sáu tặc: chỉ thân phàm phu, thân xác thịt.
43. Thường quang: ánh hào quang thường tỏa chiếu ra từ nơi thân Phật, cũng gọi là Thân quang. Khác với Phóng quang là ánh hào quang phóng ra khi có những nhân duyên nhất định.
44. Bảy phần giác (Thất giác chi): là nhóm thứ sáu trong ba mươi bảy Bồ-đề phần, gồm có: trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, niệm, định và xả.
45. Nguyên văn dùng Thi ba-la-mật, nói đủ là Thi-la ba-la-mật, tức là Trì giới ba-la-mật, một trong sáu pháp ba-la-mật. Cũng gọi là Trì giới độ.
46. Thiên trung thiên: vị cao quý nhất trong các cõi trời, với ý nghĩa tôn xưng Phật, vì Ngài là đấng tôn quý không chỉ trong loài người mà cả đối với hàng chư thiên.
47. Tứ thiên: Bốn mức độ thiền định, bao gồm từ thấp lên cao là: Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên và Tứ thiên.

48. Bốn tư tưởng điên đảo (Tứ điên đảo): những cách nhìn nhận sai lầm, trái ngược của chúng sanh về sự vật, do nơi vô minh che lấp, không nhận ra thật tướng. Đó là: (1) sự việc vô thường mà cho là thường, (2) khổ mà cho là vui, (3) không có tự ngã mà cho là thật có tự ngã, (4) như chớp bất tịnh mà cho là thanh tịnh.
49. Các tướng ngã, nhân, chúng sanh và thọ giả (ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng và thọ giả tướng): Các tướng sai lầm mà chúng sanh chấp chặt lấy, cho là có thật. Trong kinh Kim cang giảng rất rõ về việc không có 4 tướng này. Nếu vị Bồ Tát còn thấy có các tướng ngã, nhân, chúng sanh và thọ giả thì đó không thực sự là Bồ Tát. Tướng ngã là chấp thấy có một bản ngã của mình, tồn tại độc lập, cần phải vun bồi, bảo vệ. Tướng nhân là nhìn thấy có người khác tồn tại khác biệt với mình, do sự phân biệt đó mà có sự tranh chấp, mâu thuẫn. Tướng chúng sanh là nhìn thấy có tất cả các loài chúng sanh khác biệt với mình, mỗi loài thọ sanh trong những cảnh giới khác nhau, khác với bản thân mình. Tướng thọ giả là cho rằng mỗi chúng sanh đều có một thân mạng, thật có tồn tại và chấm dứt theo tuổi thọ. Các tướng này nói chung đều là chỗ thấy biết sai lệch, không đúng với thật tướng, thật tánh. Vì thế Phật dạy là không có bốn tướng này.
50. Mắt thịt (nhục nhãn): là con mắt hữu hình mà chúng sanh hiện có, cũng gọi là mắt phàm.
51. Chỉ hai thừa Thanh văn và Duyên giác.
52. Hỏa châu: hạt châu quý chiếu ánh sáng rực rỡ, sắc như lửa cháy.
53. Năm thứ mắt (Ngũ nhãn): gồm có Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn và Phật nhãn. Chỉ có bậc giác ngộ hoàn toàn mới có đủ năm thứ mắt này. Chúng sanh phàm tục chỉ có nhục nhãn. Người tu hành tùy theo mức độ chứng đắc mà lần lượt được thêm các loại mắt khác, cho đến Phật là bậc giác ngộ hoàn toàn mới có Phật nhãn.
54. Pháp tướng: Tướng trạng, hình tướng của các pháp. Mỗi sự vật có hình tướng riêng biệt hiện ra bên ngoài và thể tánh không hình tướng. Người phàm tục chỉ thấy hình tướng mà không thấy thể tánh nên không thể thấy biết các hình tướng ấy đúng như chúng thật có. Bậc tu hành chứng ngộ thấu suốt cả hình tướng và thực tánh các pháp, nên mới có thể rõ biết các tướng của pháp đúng như thật có.
55. Bậc giác ngộ không cần thầy dạy (Vô sư giác): Vì sự giác ngộ rất ráo chỉ có thể do trí tuệ của chính mình đạt được, không thể nhờ nơi sự dạy bảo của người khác, nên không có thầy dạy. Chỉ có Phật là bậc giác ngộ rất ráo, nên Vô sư giác cũng là danh hiệu để tôn xưng ngài.
56. Bao gồm các pháp quán niệm là: Quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường và quán pháp vô ngã.
57. Bảy phương tiện: Bảy thừa phương tiện để dẫn dắt tất cả chúng sanh đến chỗ giải thoát. Tuy rằng giải thoát rất ráo chỉ có một, nhưng do căn tánh sai khác của chúng sanh mà giả lập có 7 thừa khác nhau nên gọi là phương tiện, bao gồm: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Tạng giáo Bồ Tát thừa, Thông giáo

- Bồ Tát thừa và Biệt giáo Bồ Tát thừa. Cả bảy thừa này đều là phương tiện bày ra để dẫn dắt chúng sanh thẳng đến Phật thừa, là quả vị giải thoát rốt ráo duy nhất.
58. Ba quán xứ: Tức là Ba niệm xứ, cũng viết Tam niệm trụ, Tam chánh niệm xứ.
59. Mười hai nhân duyên (Thập nhị nhân duyên), cũng gọi là thuyết Duyên khởi hay Nhân duyên sanh, nhưng vì bao gồm mười hai nhân duyên nên thường được gọi là Mười hai nhân duyên. Đó là: 1. Vô minh, chỉ sự ngu si không thấu hiểu chân lý, cụ thể là Tứ diệu đế; 2. Hành, chỉ mọi hành động tạo nghiệp, có thể là tốt, xấu hay trung tính. Hành có thể ở trong ba dạng: thân, khẩu và ý; 3. Thức, là yếu tố nền tảng cho đời sống sắp tới. Thức sẽ quy định nơi thọ sanh và tính chất tốt xấu của đời sống mới, tùy theo hành tốt, xấu; 4. Danh sắc, là toàn bộ mọi biểu hiện tâm lý và vật lý của chúng sanh, do năm uẩn (hay năm ấm) tạo thành; 5. Căn, hay sáu căn, chỉ năm giác quan (nhãn căn, nhĩ căn, tỉ căn, thiệt căn và thân căn) và khả năng suy nghĩ (ý căn); 6. Xúc, hay lục xúc, là sự tiếp xúc, xúc chạm giữa sáu căn với sáu trần, tức là toàn bộ mọi biểu hiện của thế giới bên ngoài; 7. Thọ, hay cảm thọ, là cảm xúc, cảm giác của chúng sanh khi xúc chạm với thế giới bên ngoài, gồm có những cảm xúc vui thích (lạc thọ), khó chịu (khổ thọ) và không vui không khổ; 8. Ái, chỉ sự luyến ái xuất phát từ ham muốn, vô minh; 9. Thủ, sự chấp giữ, chiếm hữu mọi đối tượng làm của mình; 10. Hữu, là toàn bộ những biểu hiện của sự tồn tại, như sự sống, thế giới. 11. Sanh, sự ra đời của một chúng sanh, hay nói đúng hơn là sự bắt đầu một đời sống mới sau khi đã kết thúc đời sống trước đó; 12. Lão tử, hay già chết, là tiến trình không thể tránh khỏi của mọi chúng sanh sau khi đã bắt đầu một đời sống mới, nghĩa là phải già chết theo thời gian, tùy theo thọ mạng của mình.
60. Noãn pháp: cũng gọi là Noãn vị, là một trong bốn pháp mà người tu tập theo Thanh văn thừa lần lượt chứng đắc, bao gồm: Noãn pháp, Đỉnh pháp, Nhẫn pháp và Thế đệ nhất pháp. Noãn pháp là pháp đầu tiên, giúp người ta có thêm trí lực và tinh tấn trên đường tu học.
61. Đỉnh pháp, pháp thứ hai của Thanh văn thừa, sau Noãn pháp. Do các căn lành được sanh ra nên gọi là Đỉnh pháp. Pháp này giúp các căn lành được tăng trưởng đầy đủ.
62. Nhẫn pháp: là pháp nhẫn nhục, pháp thứ ba của Thanh văn thừa, sau Đỉnh pháp. Người đắc pháp này có sự nhẫn chịu đối với mọi pháp nên có thể tu tập Tứ đế để đạt đến sự giải thoát.
63. Thế đệ nhất pháp, là pháp cao nhất của thế gian, nhưng chưa đạt đến quả Thánh. Người đắc pháp này lìa xa các phiền não thô lậu nhưng chưa được hoàn toàn giải thoát, phải tiếp tục tu pháp Tứ đế mới có thể chứng được các mức thiền từ Sơ thiền cho đến Tứ thiền.
64. Kiến đạo: Dùng con mắt trí tuệ chân chánh, kiến giải ngay thật mà nhận ra tính chất khổ, bất tịnh của cuộc đời, và sự an lạc, giải thoát trong đời sống đạo hạnh. Đây là chỗ chứng đắc đầu tiên của người tu học, so trong bốn mức độ chứng đắc lần lượt là: Kiến đạo, Tu đạo, Vô học đạo và Phật đạo. Do tỉnh giác về cuộc sống mà có thể Kiến đạo. Do Kiến đạo mà có thể khởi sự Tu đạo. Do Tu đạo mà được trí

- tuệ Vô học đạo, tức là quả vị A-la-hán. Do được Vô học đạo mà tiếp tục tu hành các thánh hạnh để được Phật đạo, tức là quả vị Như Lai.
65. Giai đoạn tu tập tiếp theo ngay sau giai đoạn Kiến đạo vừa trình bày trên.
66. Tám giải thoát (Bát giải thoát): là tám phép thiền định giải thoát, bao gồm: 1. Nội hữu sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát: Ở trong sắc giới, quán nội sắc và ngoại sắc, nhằm trừ bỏ tâm ham thích sắc thể; 2. Nội vô sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát: Không quán nội sắc, quán ngoại sắc, nhận ngoại sắc là ô nhiễm; 3. Tịnh thân tác chứng cụ túc tác giải thoát: Quán tưởng về thanh tịnh nhưng không chấp giữ; 4. Không vô biên xứ giải thoát: Vượt qua sắc thể, quán tưởng rằng hư không là vô biên; 5. Thức vô biên xứ giải thoát: Đạt đến ý niệm thức là vô biên; 6. Vô sở hữu xứ giải thoát: Đạt địa vị trong tâm không còn có vật gì; 7. Phi tưởng Phi phi tưởng xứ giải thoát: Đạt đến mức định Phi tưởng phi phi tưởng xứ; 8. Diệt tận định giải thoát: Đạt mức định Diệt thọ tưởng xứ.
67. Tám thắng xứ (Bát thắng xứ): 1. Nội hữu sắc tưởng quán ngoại sắc thiếu thắng xứ, 2. Nội hữu sắc tưởng quán ngoại sắc đa thắng xứ, 3. Nội vô sắc tưởng quán ngoại sắc thiếu thắng xứ, 4. Nội vô sắc tưởng quán ngoại sắc đa thắng xứ, 5. Thanh thắng xứ, 6. Hoàng thắng xứ, 7. Xích thắng xứ, 8. Bạch thắng xứ.
68. Tha tâm trí: Trí tuệ sáng suốt thấy biết được tâm niệm của người khác. Cũng gọi là Tha tâm thông, một trong Ngũ thông.
69. Trí tuệ sáng suốt của chư Phật thấy biết được cội nguồn và giới hạn của tất cả các pháp, nên gọi là Bản tế trí.
70. Đại không: nghĩa không rốt ráo của Đại thừa, vì đối với nghĩa không thiên lệch (thiên không) của Tiểu thừa nên gọi là Đại không, chỉ cảnh không tịch rốt ráo của Đại thừa, tức là cảnh giới Niết-bàn.
71. Cho đến... cũng là như vậy: Đây nói tóm lại cả sáu pháp ba-la-mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ cũng đều là như vậy.
72. Nhất thừa: Một thừa duy nhất, tức là Phật thừa, nghĩa là đã vượt qua tất cả mọi phương tiện giả lập, đạt đến sự giải thoát rốt ráo, không còn có thừa nào khác mà chỉ có duy nhất một Phật thừa.
73. Hữu lậu: Có sự rỉ chảy, chỉ việc sáu căn đối với sáu trần còn sanh khởi những phiền não, luyến mến.
74. Hữu vi: Có tạo tác, chỉ chung cả việc có dụng ý tạo tác, có nhân duyên tạo tác. Đây đều là các pháp vô thường, khổ não.
75. Sơ trụ: tức là Phát tâm trụ, địa vị đầu tiên trong Thập trụ của hàng Bồ Tát. Gồm có: 1. Phát tâm trụ, 2. Trì địa trụ, 3. Tu hành trụ, 4. Sanh quý trụ, 5. Phương tiện cụ túc trụ, 6. Chánh tâm trụ, 7. Bất thối trụ, 8. Đồng chân trụ, 9. Pháp vương tử trụ, 10. Quán đỉnh trụ.

大般涅槃經

卷第十六 梵行品第八之二

迦葉菩薩白佛言。世尊。菩薩摩訶薩所有思惟悉是真實。聲聞緣覺非真實者。一切眾生何故不以菩薩威力等受快樂。若諸眾生實不得樂。當知菩薩所修慈心為無利益。

佛言。善男子。菩薩之慈非不利益。善男子。有諸眾生或必受苦或有不愛。若有眾生必受苦者。菩薩之慈為無利益，謂一闡提。若有受苦不必定者。菩薩之慈則為利益。令彼眾生悉受快樂。

善男子。譬如有人遙見師子虎豹豺狼羅刹鬼等自然生怖。夜行見杙亦生怖畏。善男子。如是諸人自然怖畏。眾生如是見修慈者自然受樂。善男子以是義故。菩薩修慈是實思惟非無利益。

善男子。我說是慈有無量門。所謂神通。

善男子。如提婆達教阿闍世欲害如來。是時我入王舍大城次第乞食。阿闍世王即放護財狂醉之象。欲令害我及諸弟子。其象爾時蹋殺無量百千眾生。眾生死已多有血氣。是象嗅已狂醉倍常。見我

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

QUYỂN ĐỆ THẬP LỤC - PHẠM HẠNH PHẨM - *Đệ bát chi nhị*

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Bồ Tát ma-ha-tát sở hữu tư duy tất thị chân thật; Thanh văn, Duyên giác phi chân thật giả. Nhất thiết chúng sanh hà cố bất dĩ Bồ Tát oai lực đẳng thọ khoái lạc? Nhược chư chúng sanh thật bất đắc lạc, đương tri Bồ Tát sở tu từ tâm vi vô lợi ích!

Phật ngôn: Thiện nam tử! Bồ Tát chi từ, phi bất lợi ích. Thiện nam tử! Hữu chư chúng sanh hoặc tất thọ khổ, hoặc hữu bất thọ. Nhược hữu chúng sanh tất thọ khổ giả, Bồ Tát chi từ vi vô lợi ích vị nhất-xiển-đề. Nhược hữu thọ khổ bất tất định giả, Bồ Tát chi từ tác vi lợi ích, linh bỉ chúng sanh tất thọ khoái lạc.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, dao kiến sư tử, hổ, báo, sài lang, la-sát, quỷ đẳng, tự nhiên sanh bố; dạ hành kiến ngột, diệc sanh bố úy. Thiện nam tử! Như thị chư nhân tự nhiên bố úy. Chúng sanh như thị kiến tu từ giả, tự nhiên thọ lạc. Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát tu từ, thị thật tư duy, phi vô lợi ích.

Thiện nam tử! Ngã thuyết thị từ hữu vô lượng môn, sở vị thần thông.

Thiện nam tử! Như Đề-bà-đạt, giáo A-xà-thế, dục hại Như Lai. Thị thời ngã nhập Vương Xá đại thành, thứ đệ khát thực; A-xà-thế vương tức phóng Hộ Tài công tủy chi tượng, dục linh hại ngã cập chư đệ tử. Kỳ tượng nhĩ thời đập sát vô lượng bá thiên chúng sanh. Chúng sanh tử dĩ, đa hữu huyết khí. Thị tượng khúu dĩ, công tủy bội thường. Kiến ngã dục tòng

翼從被服赤色。謂呼是血而復見趣。我弟子中未離欲者。四怖馳走唯除阿難。

爾時王舍大城之中一切人民。同時舉聲啼哭號泣作如是言。怪哉如來今日滅沒。如何正覺一旦散壞。是時調達心生歡喜。瞿曇沙門滅沒甚善。從今已往真是不現。快哉此計我願得遂。

善男子。我於爾時為欲降伏護財象故。即入慈定舒手示之。即於五指出五師子。是象見已其心怖畏尋即失糞。舉身投地敬禮我足。

善男子。我於爾時手五指頭實無師子。乃是修慈善根力故令彼調伏。

復次善男子。我欲涅槃始初發足向拘尸那城。有五百力士。於其中路平治掃灑。中有一石眾欲舉棄盡力不能。我時憐愍即起慈心。彼諸力士。尋即見我以足拇指舉此大石擲置虛空。還以手接安置右掌。吹令碎末復還聚合。令彼力士貢高心息。即為略說種種法要。令其俱發阿耨多羅三藐三菩提心。

善男子。如來爾時實不以指舉此大石在虛空中。還置右掌吹令碎末復合如本。善男子。當知即是慈善根力。令諸力士見如是事。

復次善男子。此南天竺有一大城名首波羅。於是城中有一長者名曰盧至。為眾導主已於過去無量佛所植眾善本。

bị phục xích sắc, vị hô thị huyết, nhi phục kiến thú. Ngã đệ tử trung, vị ly dục giả, tứ bố trì tẩu, duy trừ A-nan.

Nhĩ thời, Vương Xá đại thành chi trung, nhất thiết nhân dân đồng thời cử thanh, đề khóc hào khắp, tác như thị ngôn: Quái tai Như Lai, kim nhật diệt một! Như hà chánh giác nhất đản tán hoại? Thị thời Điều-đạt tâm sanh hoan hỷ: Cồ-đàm sa-môn diệt một thậm thiện! Tùng kim dĩ vãng, chơn thị bất hiện. Khoái tai thủ kế! Ngã nguyện đắc toại!

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời, vị dục hàng phục Hộ Tàị tượng cố, tức nhập Từ định, thư thủ thị chi. Tức ư ngũ chỉ, xuất ngũ sư tử. Thị tượng kiến dĩ, kỳ tâm bố úy, tầm tức thất phản, cử thân đầu địa, kính lễ ngã túc.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời, thủ ngũ chỉ đầu, thật vô sư tử. Nãi thị tu từ thiện căn lực cố, linh bỉ điều phục.

Phục thú, thiện nam tử! Ngã dục Niết-bàn, thủy sơ phát túc, hướng Câu-thi-na thành. Hữu ngũ bá lực sĩ, ư kỳ trung lộ, bình trị tảo sai, trung hữu nhất thạch. Chúng dục cử khí, tận lực bất năng. Ngã thời lân mẫn, tức khởi từ tâm. Bỉ chư lực sĩ tầm tức kiến ngã dĩ túc mẫu chỉ, cử thủ đại thạch, trịch trí hư không, hoàn dĩ thủ tiếp, an trí hữu chưởng. Xuy linh toái mạt, phục hoàn tụ hiệp; linh bỉ lực sĩ cống cao tâm túc. Tức vị lược thuyết chủng chủng pháp yếu, linh kỳ câu phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

Thiện nam tử! Như Lai nhĩ thời thật bất dĩ chỉ cử thủ đại thạch tại hư không trung, hoàn trí hữu chưởng, xuy linh toái mạt, phục hiệp như bản. Thiện nam tử! Đương tri tức thị từ thiện căn lực, linh chư lực sĩ kiến như thị sự.

Phục thú, thiện nam tử! Thủ Nam Thiên Trúc, hữu nhất đại thành danh Thủ-ba-la. Ứ thị thành trung, hữu nhất trưởng giả danh viết Lư-chí, vị chúng đạo chủ. Dĩ ư quá khứ vô lượng Phật sở, thực chúng thiện bản.

善男子。彼大城中一切人民信伏邪道奉事尼犍。我時欲度彼長者故。從王舍城至彼城邑。其路中間相去六十五由旬。步涉而往為欲化度彼諸人故。

彼眾尼犍聞我欲至首波羅城。即作是念。沙門瞿曇若至此者。此諸人民便當捨我更不供給。我等窮悴柰何自活。諸尼犍輩各各分散告彼城人。沙門瞿曇今欲來此。然彼沙門委棄父母東西馳騁。所至之處能令土地穀米不登。人民飢饉死亡者眾。病疫相侵無可救解。瞿曇無賴。純將諸惡羅刹鬼神以為侍從。無父無母孤窮之人而來諮啟為作門徒。所可教說純說虛空。隨其至處初無安樂。

彼人聞已即懷怖畏。頭面敬禮尼犍子足白言。大師。我等今者當設何計。尼犍答言。沙門瞿曇性好叢林流泉清水。外設有者宜應破壞。汝等便可相與出城。諸有之處斫伐令盡莫使有遺。流泉井池悉置糞穢。堅閉城門各嚴器仗。當壁防護勤自固守。彼設來者莫令得前。若不前者汝當安隱。我等亦當作種種術。令彼瞿曇復道還去。彼諸人民聞是語已。敬諾施行斬伐樹木污辱諸水。莊嚴器仗牢自防護。

善男子。我於爾時至彼城已。不見一切樹木叢林。唯見諸人莊嚴器仗當壁自守。見是事已尋生憐愍慈心向之。所有樹木還生如本。復更生長其餘諸

Thiện nam tử! Bĩ đại thành trung, nhất thiết nhân dân tín phục tà đạo, phụng sự Ni-kiên. Ngã thời dục độ bĩ trưởng giả cố, tòng Vương Xá thành, chí bĩ thành ấp. Kỳ lộ trung gian, tương khứ lục thập ngũ do tuần, bộ thiệp nhi vãng, vị dục hóa độ bĩ chư nhân cố.

Bĩ chúng Ni-kiên, văn ngã dục chí Thủ-ba-la thành, tức tác thị niệm: Sa-môn Cồ-đàm nhược chí thủ giả, thủ chư nhân dân tiện đương xả ngã, cánh bát cung cấp. Ngã đẳng cùng tụy, nại hà tự hoạt? Chư Ni-kiên bối, các các phân tán, cáo bĩ thành nhân: sa-môn Cồ-đàm kim dục lai thủ. Nhiên bĩ sa-môn ủy khí phụ mẫu, đông tây trì sính. Sở chí chi xú năng linh thổ địa cốc mẽ bất đẳng, nhân dân cơ cần, tử vong giả chúng, bệnh dịch tương xâm, vô khả cứu giải. Cồ-đàm vô lại, thuận tương chư ác la-sát quỷ thần dĩ vi thị tòng. Vô phụ vô mẫu, cô cùng chi nhân, nhi lai tư khải, vị tác môn đồ. Sở khả giáo thuyết, thuận thuyết hư không. Tùy kỳ chí xú, sơ vô an lạc.

Bĩ nhân văn dĩ, tức hoài bố úy, đầu diện kính lễ Ni-kiên tử tức, bạch ngôn: Đại sư, ngã đẳng kim giả đương thiết hà kế? Ni-kiên đáp ngôn: Sa-môn Cồ-đàm, tánh hảo tòng lâm, lưu tuyên thanh thủy. Ngoại thiết hữu giả, nghi ưng phá hoại. Nhữ đẳng tiện khả tương dĩ xuất thành, chư hữu chi xú, chúc phật linh tận, mạc sử hữu di. Lưu tuyên, tinh, trì, tất trí phần uế. Kiên bế thành môn, các nghiêm khí trượng, đương bích phòng hộ, cần tự cố thủ. Bĩ thiết lai giả, mạc linh đắc tiền. Nhược bất tiền giả, nhữ đương an ổn. Ngã đẳng diệc đương tác chúng chúng thuật, linh bĩ Cồ-đàm phục đạo hoàn khứ. Bĩ chư nhân dân văn thị ngũ dĩ, kính nặc thi hành; trảm phật thọ mộc, ô nhục chư thủy, trang nghiêm khí trượng, lao tự phòng hộ.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời, chí bĩ thành dĩ, bất kiến nhất thiết thọ mộc tòng lâm; duy kiến chư nhân trang nghiêm khí trượng, đương bích tự thủ. Kiến thị sự dĩ, tâm sanh lân mẫn, từ tâm hướng chi. Sở hữu thọ mộc hoàn sanh như bản; phục

樹不可稱計。河池井泉其水清淨。盈滿其中如青琉璃。生眾雜花彌覆其上。變其城壁為紺琉璃。城內人民悉得徹見。我及大眾。門自開闢無能制者。所嚴器仗變成雜花。盧至長者而為上首。與其人民俱共相隨往至佛所。我即為說種種法要。令彼諸人一切皆發阿耨多羅三藐三菩提心。

善男子。我於爾時。實不化作種種樹木清淨流水盈滿河池。變其本城為紺琉璃。令彼人民徹見於我。開其城門器仗為花。

善男子。當知皆是慈善根力。能令彼人見如是事。

復次善男子。舍衛城中。有婆羅門女姓婆私吒。唯有一子愛之甚重。遇病命終。爾時女人愁毒入心狂亂失性。裸刑無恥遊行四衢。啼哭失聲唱言。子子。汝何處去。周遍城邑無有疲已。而是女人已於先佛植眾德本。

善男子。我於是女起慈愍心。是時女人即得見我便生子想。還得本心前抱我身嗚啞我口。我時即告侍者阿難。汝可持衣與是女人。既與衣已便為種種說諸法要。是女聞法歡喜踊躍。發阿耨多羅三藐三菩提心。

善男子。我於爾時實非彼子。彼非我母亦無抱持。善男子。當知皆是慈善根力。令彼女人見如是事。

cánh sanh trưởng kỳ dư chư thọ bát khả xung kế; hà, trì, tịnh, tuyên, kỳ thủy thanh tịnh, doanh mãn kỳ trung, như thanh lưu ly, sanh chúng tạp hoa, di phú kỳ thượng; biến kỳ thành bích vi cảm lưu ly. Thành nội nhân dân tất đắc triệt kiến ngã cập đại chúng. Môn tự khai tịch, vô năng chế giả. Sở nghiêm khí tượng biến thành tạp hoa. Lữ-chí trưởng giả nhi vi thượng thủ, dĩ kỳ nhân dân câu cộng tương tùy, vãng chí Phật sở. Ngã tức vị thuyết chủng chủng pháp yếu, linh bỉ chư nhân nhất thiết giai phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời thật bát hóa tác chủng chủng thọ mộc, thanh tịnh lưu thủy, doanh mãn hà trì, biến kỳ bốn thành vi hám lưu-ly, linh bỉ nhân dân triệt kiến ư ngã, khai kỳ thành môn khí tượng vi hoa.

Thiện nam tử! Đương tri giai thị từ thiện căn lực, năng linh bỉ nhân kiến như thị sự.

Phục thứ, thiện nam tử! Xá vệ thành trung, hữu bà-la-môn nữ, tánh Bà-tư-trá. Duy hữu nhất tử; ái chi thậm trọng; ngộ bệnh mạng chung. Nhĩ thời, nữ nhân sâu độc nhập tâm, cuồng loạn thất tánh. Lõa hình vô sỉ, du hành tứ cù, đề khốc thất thanh, xướng ngôn: Tử! Tử! Nhữ hà xứ khứ? Châu biến thành áp, vô hữu bì dĩ. Nhi thị nữ nhân, dĩ ư tiên Phật, thực chúng đức bốn.

Thiện nam tử! Ngã ư thị nữ, khởi từ mẫn tâm. Thị thời, nữ nhân tức đắc kiến ngã, tiện sanh tử tưởng; hoàn đắc bốn tâm, tiên bảo ngã thân; ô tấp ngã khẩu. Ngã thời tức cáo thị giả A-nan: Nhữ khả trì y, dĩ thị nữ nhân. Kỳ dĩ y dĩ, tiện vị chủng chủng thuyết chư pháp yếu. Thị nữ văn pháp, hoan hỷ đồng dục, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời, thật phi bỉ tử; bỉ phi ngã mẫu, diệc vô bảo trì. Thiện nam tử! Đương tri giai thị từ thiện căn lực, linh bỉ nữ nhân kiến như thị sự.

復次善男子。波羅奈城有優婆夷。字曰摩訶斯那達多。已於過去無量先佛種諸善根。是優婆夷。夏九十日請命眾僧奉施醫藥。是時眾中有一比丘。身嬰重病良醫診之當須肉藥。若得肉者病則可除。若不得肉命將不久。

時優婆夷聞醫此言。尋持黃金遍至市里。唱如是言。誰有肉賣吾以金買。若有肉者當等與金。周遍城市求不能得。是優婆夷尋自取刀割其脛肉。切以為臠下種種香送病比丘。比丘服已病即得瘥。是優婆夷患瘡苦惱不能堪忍。即發聲言。南無佛陀南無佛陀。

我於爾時在舍衛城聞其音聲。於是女人起大慈心。是女尋見我持良藥塗其瘡上還合如本。我即為其種種說法。聞法歡喜發阿耨多羅三藐三菩提心。

善男子。我於爾時實不往至波羅奈城。持藥塗是優婆夷瘡。善男子。當知皆是慈善根力。令彼女人見如是事。

復次善男子。調達惡人貪不知足。多服酥故頭痛腹痛。受大苦惱不能堪忍。發如是言。南無佛陀南無佛陀。我時住在優禪尼城聞其音聲即生慈心。爾時調達尋便見我往至其所。手摩頭腹授與鹽湯而令服之。服已平復。

Phục thứ thiện nam tử! *Ba-la-nại* thành, hữu ưu-bà-di, tự viết *Ma-ha Tư-na-đạt-đa*; dĩ ư quá khứ vô lượng tiên Phật, chủng chư thiện căn. Thị ưu-bà-di, hạ cứu thập nhật, thỉnh mạng chúng tăng, phụng thí y dược. Thị thời chúng trung, hữu nhất *tỳ-kheo*, thân anh trọng bệnh. Lương y chẩn chi: Đương tu nhục dược. Nhược đắc nhục giả, bệnh tắc khả trừ. Nhược bất đắc nhục, mạng tương bất cứu.

Thời, ưu-bà-di văn y thủ ngôn, tâm trì hoàng kim, biến chí thị lý, xướng như thị ngôn: Thùy hữu nhục mại. Ngô dĩ kim mại. Nhược hữu nhục giả, đương đẳng dĩ kim. Chu biến thành thị, cầu bất năng đắc. Thị ưu-bà-di tâm tự thủ đao, cát kỳ bệ nhục, thiết dĩ vi hoặc há chủng chủng hương, tống bệnh *tỳ-kheo*. *Tỳ-kheo* phục dĩ, bệnh tức đắc sái. Thị ưu-bà-di hoạn sang khổ não, bất năng kham nhẫn, tức phát thanh ngôn: *Nam-mô Phật-đà! Nam-mô Phật-đà!*

Ngã ư nhĩ thời, tại *Xá-vệ* thành, văn kỳ âm thanh, ư thị nữ nhân, khởi đại Từ tâm. Thị nữ tâm kiến ngã trì lương dược, đồ kỳ sang thượng, hoàn hiệp như bốn. Ngã tức vị kỳ, chủng chủng thuyết pháp. Văn pháp hoan hỷ, phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời, thật bất vãng chí *Ba-la-nại* thành, trì dược đồ thị ưu-bà-di sang. Thiện nam tử! Đương trì giai thị từ thiện căn lực, linh bỉ nữ nhân kiến như thị sự.

Phục thứ thiện nam tử! Điều-đạt ác nhân, tham bất tri túc, đa phục tô cố, đầu thống phúc thống, thọ đại khổ não. Bất năng kham nhẫn, phát như thị ngôn: Nam mô Phật đà! Nam mô Phật đà! Ngã thời trụ tại Ưu-thiên-ni thành, văn kỳ âm thanh, tức sanh Từ tâm. Nhĩ thời, Điều-đạt tâm tị kiến ngã vãng chí kỳ sở, thủ ma đầu phúc, thọ dĩ diêm thang, nhi linh phục chi. Phục dĩ bình phục.

善男子。我實不往調婆達所。摩其頭腹授湯令服。善男子。當知皆是慈善根力。令調婆達見如是事。

復次善男子。憍薩羅國有諸群賊其數五百。群黨抄劫為害滋甚。波斯匿王患其縱暴遣兵伺捕。得已挑目遂著黑闇叢林之下。是諸群賊已於先佛植眾德本。既失目已受大苦惱。各作是言。南無佛陀。南無佛陀。我等今者無有救護啼哭號咷。

我時住在祇洹精舍。聞其音聲即生慈心。時有涼風吹香山中種種香藥滿其眼眶。尋還得眼如本不異。諸賊開眼即見如來。住立其前而為說法。賊聞法已發阿耨多羅三藐三菩提心。

善男子。我於爾時實不作風吹香山中種種香藥。住其人前而為說法。善男子。當知皆是慈善根力。令彼群賊見如是事。

復次善男子。琉璃太子以愚癡故。廢其父王自立為主。復念宿嫌多害釋種。取萬二千釋種諸女。刳鼻斷手足推之坑塹。時諸女人身受苦惱。作如是言。南無佛陀南無佛陀。我等今者無有救護復大號咷。是諸女人已於先佛種諸善根。

我於爾時在竹林中。聞其音聲即起慈心。諸女爾時見我來至迦毘羅城。以水洗瘡以藥覆之苦痛尋

Thiện nam tử! Ngã thật bắt vãng Điều-bà-đạt sở, ma kỳ đầu phúc, thọ thang linh phục. Thiện nam tử! Đương tri giai thị từ thiện căn lực, linh Điều-bà-đạt kiến như thị sự.

Phục thứ, thiện nam tử! *Kiều-tát-la* quốc hữu chư quần tặc, kỳ số ngũ bá. Quần đảng sao kiếp, vi hại tư thậm. *Ba-tư-nặc* vương, hoạn kỳ tủng bạo, khiến binh tứ bổ. Đắc dĩ khiêu mục toại trước hắc ám tông lâm chi hạ. Thị chư quần tặc, dĩ ư tiên Phật, thực chủng đức bản. Kỳ thất mục dĩ, thọ đại khổ não, các tác thị ngôn: Nam-mô Phật-đà! Nam-mô Phật-đà! Ngã đẳng kim giả, vô hữu cứu hộ, đề khốc hào dào.

Ngã thời trụ tại Kỳ Hoàn tinh xá, văn kỳ âm thanh, tức sanh từ tâm. Thời hữu lương phong xuy Hương sơn trung chủng chủng hương dược, mãn kỳ nhân khuông; tầm hoàn đắc nhãn, như bổn bất dị. Chư tặc khai nhãn, tức kiến Như Lai, trụ lập kỳ tiên, nhi vị thuyết pháp. Tặc văn pháp dĩ, phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời, thật bắt tác phong xuy Hương sơn trung chủng chủng hương dược, trụ kỳ nhân tiên, nhi vị thuyết pháp. Thiện nam tử! Đương tri giai thị từ thiện căn lực, linh bỉ quần tặc kiến như thị sự.

Phục thứ, thiện nam tử! *Lưu-ly* thái tử, dĩ ngu si cố phế kỳ phụ vương, tự lập vi chủ; phục niệm túc hiềm, đa hại Thích chủng, thủ vạn nhị thiên Thích chủng chư nữ, ngoạt nhị nhĩ tị, đoạn tiết thủ túc, thôi chi khanh tiệm. Thời chư nữ nhân, thân thọ khổ não, tác như thị ngôn: Nam-mô Phật-đà! Nam-mô Phật-đà! Ngã đẳng kim giả, vô hữu cứu hộ. Phục đại hào dào. Thị chư nữ nhân dĩ ư tiên Phật, chủng chư thiện căn.

Ngã ư nhĩ thời, tại Trúc Lâm trung, văn kỳ âm thanh, tức khởi từ tâm. Chư nữ nhĩ thời kiến ngã lai chí *Ca-tỳ-la* thành, dĩ thủy tẩy sang, dĩ dược phú chi. Khổ thống tầm trừ; nhĩ, tị,

除。耳鼻手足還復如本。我時即為略說法要。悉令俱發阿耨多羅三藐三菩提心。即於大愛道比丘尼所出家受具足戒。

善男子。如來爾時實不往至迦毘羅城。以水洗瘡覆藥止苦。善男子。當知皆是慈善根力。令彼女人見如是事。

悲喜之心亦復如是。善男子。以是義故菩薩摩訶薩修慈思惟。即是真實非虛妄也。

善男子。夫無量者不可思議。菩薩所行不可思議。諸佛所行亦不可思議。是大乘典大涅槃經亦不可思議。

復次善男子。菩薩摩訶薩修慈悲喜已。得住極愛一子之地。善男子。云何是地名曰極愛復名一子。

善男子。譬如父母見子安隱心大歡喜。菩薩摩訶薩住是地中亦復如是。視諸眾生同於一子。見修善者生大歡喜。是故此地名曰極愛。

善男子。譬如父母見子遇患心生苦惱。愍之愁毒初無捨離。菩薩摩訶薩住是地中亦復如是。見諸眾生為煩惱病之所纏切。心生愁惱憂念如子。身諸毛孔血皆流出。是故此地名為一子。

善男子。如人小時拾取土塊糞穢瓦石枯骨木枝置於口中。父母見已恐為其患。左手捉頭右手挑出。菩

手, tức hoàn phục như bốn. Ngã thời tức vị lược thuyết pháp yếu, tất linh câu phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, tức ư Đại Ái Đạo *tỳ-kheo* ni sở, xuất gia thọ cụ túc giới.

Thiện nam tử! Như Lai nhĩ thời thật bất vãng chí. Ca tỳ la thành, dĩ thủy tẩy sang, phú dược chỉ khổ. Thiện nam tử! Đương tri giai thị Từ thiện căn lực, linh bỉ nữ nhân kiến như thị sự.

Bi, hỷ chi tâm diệc phục như thị. Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát ma-ha-tát tu từ tư duy, tức thị chân thật, phi hư vọng dã.

Thiện nam tử! Phù vô lượng giả, bất khả tư nghị; Bồ Tát sở hành, bất khả tư nghị; chư Phật sở hành diệc bất khả tư nghị, thị Đại thừa điển Đại Niết-bàn Kinh, diệc bất khả tư nghị.

Phục thứ thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát tu Từ, Bi, Hỷ dĩ, đắc trụ *Cực ái nhất tử* chi địa. Thiện nam tử! Vân hà thị địa danh viết *Cực ái*, phục danh *nhất tử*?

Thiện nam tử! Thí như phụ mẫu, kiến tử an ổn, tâm đại hoan hỷ. Bồ Tát ma-ha-tát, trụ thị địa trung, diệc phục như thị, thị chư chúng sanh đồng ư nhất tử; kiến tu thiện giả, sanh đại hoan hỷ. Thị cố thủ địa danh viết *Cực ái*.

Thiện nam tử! Thí như phụ mẫu, kiến tử ngộ hoạn, tâm sanh khổ não, mẫn chi sâu độc, sơ vô xả ly. Bồ Tát ma-ha-tát, trụ thị địa trung, diệc phục như thị; kiến chư chúng sanh, vi phiền não bệnh, chi sở triền thiết, tâm sanh sâu não, ưu niệm như tử, thân chư mao khổng, huyết giai lưu xuất. Thị cố thủ địa danh vi *nhất tử*.

Thiện nam tử! Như nhân tiểu thời, thập thủ thổ khối, phần uest ngõa thạch, khô cốt, mộc chi, trí ư khẩu trung. Phụ mẫu kiến dĩ, khủng vi kỳ hoạn, tả thủ tróc đầu, hữu thủ khiêu xuất. Bồ Tát ma-ha-tát, trụ thị địa trung, diệc phục như thị,

薩摩訶薩住是地中亦復如是。見諸眾生法身未增。或行身口意業不善。菩薩見已則以智手拔之令出。不欲令彼流轉生死受諸苦惱。是故此地復名一子。

善男子。譬如父母所愛之子捨而終亡。父母愁惱願與併命。菩薩亦爾。見一闍提墮於地獄。亦願與俱生地獄中。何以故。是一闍提若受苦時。或生一念改悔之心。我即當為說種種法。令彼得生一念善根。是故此地復名一子。

善男子。譬如父母唯有一子。其子睡寤行住坐臥心常念之。若有罪咎善言誘喻不加其惡。菩薩摩訶薩亦復如是。見諸眾生若墮地獄畜生餓鬼。或人天中造作善惡心常念之初不放捨。若行諸惡終不生瞋以惡加之。是故此地復名一子。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛所說其言秘密。我今智淺云何能解。若諸菩薩住一子地能如是者。云何如來昔為國王行菩薩時。斷絕爾所婆羅門命。若得此地則應護念。若不得者復何因緣不墮地獄。

若使等視一切眾生同於子想如羅睺羅。何故復向提婆達多說如是言。癡人無羞食人涕唾。令彼聞已生於瞋恨起不善心出佛身血。提婆達多造是惡已。如來復記當墮地獄一劫受罪。

kiến chư chúng sanh pháp thân vị tăng, hoặc hành thân khẩu ý nghiệp bất thiện. Bồ Tát kiến dĩ, tác dĩ trí thủ bạt chi linh xuất, bất dục linh bỉ lưu chuyển sanh tử, thọ chư khổ não. Thị cố thủ địa phục danh nhất tử.

Thiện nam tử! Thí như phụ mẫu sở ái chi tử, xả nhi chung vong; phụ mẫu sầu não, nguyện dĩ tính mạng. Bồ Tát diệc nhĩ, kiến *nhất-xiển-đề* đọa ư địa ngục, diệc nguyện dĩ câu sanh địa ngục trung. Hà dĩ cố? Thị *nhất-xiển-đề* nhược thọ khổ thời, hoặc sanh nhất niệm cải hối chi tâm, ngã tức đương vị thuyết chủng chủng pháp, linh bỉ đắc sanh nhất niệm thiện căn. Thị cố thủ địa phục danh nhất tử.

Thiện nam tử! Thí như phụ mẫu, duy hữu nhất tử. Kỳ tử thụy, ngộ, hành, trụ, tọa, ngộ, tâm thường niệm chi. Nhược hữu tội cửu, thiện ngôn dụ dụ bất gia kỳ ác. Bồ Tát ma-ha-tát diệc phục như thị, kiến chư chúng sanh nhược đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ; hoặc nhân thiên trung tạo tác thiện ác; tâm thường niệm chi, sơ bất phóng xả. Nhược hành chư ác, chung bất sanh sân, dĩ ác gia chi. Thị cố thủ địa phục danh nhất tử.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết, kỳ ngôn bí mật. Ngã kim trí thiểu, vân hà năng giải? Nhược chư Bồ Tát trụ *nhất tử địa* năng như thị giả, vân hà Như Lai tích vi quốc vương, hành Bồ Tát thời, đoạn tuyệt nhĩ sở *bà-la-môn* mạng? Nhược đắc thủ địa, tác ưng hộ niệm. Nhược bất đắc giả, phục hà nhân duyên, bất đọa địa ngục?

Nhược sử đẳng thị nhất thuyết chúng sanh đồng ư tử tưởng, như *La-hầu-la*, hà cố phục hướng *Đê-bà-đạt-đa*, thuyết như thị ngôn: Si nhân vô tu, thực nhân thế thoá. Linh bỉ văn dĩ, sanh ư sân hận, khởi bất thiện tâm, xuất Phật thân huyết. *Đê-bà-đạt-đa* tạo thị ác dĩ, Như Lai phục ký: Đương đọa địa ngục, nhất kiếp thọ tội.

世尊。如是之言云何於義不相違背。世尊。須菩提者住虛空地。凡欲入城求乞飲食要先觀人。若有於己生嫌嫉心則止不行。乃至極飢猶不行乞。何以故。是須菩提常作是念。我憶往昔於福田所生一惡念。由是因緣墮大地獄受種種苦。我今寧飢終日不食。終不令彼於我起嫌墮於地獄受苦惱也。復作是念。若有眾生嫌我立者。我當終日端坐不起。若有眾生嫌我坐者。我當終日立不移處行臥亦爾。是須菩提護眾生故尚起是心何況菩薩。菩薩若得一子地者。何緣如來出是麤言。使諸眾生起重惡心。

善男子。汝今不應作如是難。言佛如來為諸眾生作煩惱因緣。

善男子。假使蚊嘴能盡海底。如來終不為諸眾生作煩惱因緣。善男子。假令大地悉為非色。水為乾相火為冷相風為住相。三寶佛性及以虛空作無常相。如來終不為諸眾生作煩惱因緣。

善男子。假使毀犯四重禁罪及一闡提謗正法者。現身得成十力無畏三十二相八十種好。如來終不為諸眾生作煩惱因緣。

Thế-Tôn! Như thị chi ngôn, vân hà ư nghĩa bất tương vi bội? Thế Tôn! *Tu-bồ-đề* giả, trụ hư không địa, phạm dục nhập thành, cầu khát ẩm thực, yếu tiên quán nhân: Nhược hữu ư kỷ, sanh hiềm tạt tâm, tác chỉ bất hành; nãi chí cực cơ du bất hành khát. Hà dĩ cố? Thị *Tu-bồ-đề* thường tác thị niệm: Ngã ức vãng tích, ư phước điền sở, sanh nhất ác niệm. Do thị nhân duyên, đọa đại địa ngục, thọ chủng chủng khổ. Ngã kim ninh cơ, chung nhật bất thực, chung bất linh bỉ, ư ngã khởi hiềm, đọa ư địa ngục, thọ khổ não dã. Phục tác thị niệm: Nhược hữu chúng sanh hiềm ngã lập giả, ngã đương chung nhật, đoan tọa bất khởi. Nhược hữu chúng sanh hiềm ngã tọa giả, ngã đương chung nhật lập bất di xứ. Hành, ngoạ diệc nhĩ. Thị *Tu-bồ-đề* hộ chúng sanh cố, thượng khởi thị tâm, hà huống Bồ Tát? Bồ Tát nhược đắc nhất tử địa giả, hà duyên Như Lai xuất thị thô ngôn, sử chư chúng sanh khởi trọng ác tâm?

Thiện nam tử! Nhữ kim bất ưng tác như thị nạn, ngôn Phật Như Lai vị chư chúng sanh, tác phiền não nhân duyên.

Thiện nam tử! Giả sử văn chủy năng tận hải đế, Như Lai chung bất vị chư chúng sanh tác phiền não nhân duyên. Thiện nam tử! Giả linh đại địa tất vi phi sắc, thủy vi càn tướng, hỏa vi lãnh tướng, phong vi trụ tướng, Tam bảo, Phật tánh cập dĩ hư không tác Vô thường tướng, Như Lai chung bất vị chư chúng sanh tác phiền não nhân duyên.

Thiện nam tử! Giả sử hủy phạm tứ trọng cấm tội, cập *nhất-xiển-đề*, báng Chánh pháp giả, hiện thân đắc thành *Thập lực*, *Vô úy*, *Tam thập nhị tướng*, *Bát thập chủng hảo*, Như Lai chung bất vị chư chúng sanh, tác phiền não nhân duyên.

善男子。假使聲聞辟支佛等常住不變。如來終不為諸眾生作煩惱因緣。

善男子。假使十住諸菩薩等。犯四重禁作一闡提誹謗正法。如來終不為諸眾生作煩惱因緣。

善男子。假使一切無量眾生喪滅佛性。如來究竟入般涅槃。如來終不為諸眾生作煩惱因緣。

善男子。假使擲胃能繫縛風。齒能破鐵爪壞須彌。如來終不為諸眾生作煩惱因緣。

寧與毒蛇同共一處。內其兩手餓師子口。佉陀羅炭用洗浴身。終不發言如來世尊為諸眾生作煩惱因緣。

善男子。如來真實能為眾生斷除煩惱。終不為作煩惱因也。

善男子。如汝所言如來往昔殺婆羅門者。善男子。菩薩摩訶薩乃至蟻子尚不故殺。況婆羅門。菩薩常作種種方便。惠施眾生無量壽命。

善男子。夫施食者則為施命。菩薩摩訶薩行檀波羅蜜時。常施眾生無量壽命。

善男子。修不殺戒得壽命長。菩薩摩訶薩行尸波羅蜜時。則為施與一切眾生無量壽命。

Thiện nam tử! Giả sử Thanh văn, Bích-chi Phật đẳng Thường trụ bất biến, Như Lai chung bất vị chư chúng sanh, tác phiền não nhân duyên.

Thiện nam tử! Giả sử Thập trụ chư Bồ Tát đẳng phạm Tứ trọng cấm, tác nhất-xiển-đề, phỉ báng Chánh pháp, Như Lai chung bất vị chư chúng sanh, tác phiền não nhân duyên.

Thiện nam tử! Giả sử nhất thiết vô lượng chúng sanh táng diệt Phật tánh, Như Lai cứu cánh nhập Bát Niết-bàn, Như Lai chung bất vị chư chúng sanh, tác phiền não nhân duyên.

Thiện nam tử! Giả sử trịch quyển năng hệ phược phong, xỉ năng phá thiết, trảo hoại Tu-di, Như Lai chung bất vị chư chúng sanh, tác phiền não nhân duyên.

Ninh dữ độc xà, đồng cộng nhất xứ; nạp kỳ lưỡng thủ, nga sư tử khẩu; Khư-đà-la thân, dụng tẩy dục thân, chung bất phát ngôn: Như Lai Thế Tôn, vị chư chúng sanh tác phiền não nhân duyên.

Thiện nam tử! Như Lai chân thật năng vị chúng sanh, đoạn trừ phiền não, chung bất vị tác phiền não nhân dã.

Thiện nam tử! Như nữ sở ngôn, Như Lai vãng tích sát bà-la-môn giả. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, nãi chí nghĩ tử, thượng bất cố sát, huống bà-la-môn? Bồ Tát thường tác chủng chủng phương tiện, tuệ thí chúng sanh, vô lượng thọ mạng.

Thiện nam tử! Phù thí thực giả, tác vi thí mạng. Bồ Tát ma-ha-tát hành Đàn Ba-la-mật thời, thường thí chúng sanh, vô lượng thọ mạng.

Thiện nam tử! Tu bất sát giới, đắc thọ mạng trường. Bồ Tát ma-ha-tát, hành Thi Ba-la-mật thời, tác vi thí dĩ nhất thiết chúng sanh, vô lượng thọ mạng.

善男子。慎口無過得壽命長。菩薩摩訶薩行羸提波羅蜜時常勸眾生莫生怨想。推直於人引曲向己無所諍訟得壽命長。是故菩薩行羸提波羅蜜時。已施眾生無量壽命。

善男子。精勤修善得壽命長。菩薩摩訶薩行毘梨耶波羅蜜時。常勸眾生勤修善法。眾生行已得無量壽命。是故菩薩行毘梨耶波羅蜜時。已施眾生無量壽命。

善男子。修攝心者得壽命長。菩薩摩訶薩行禪波羅蜜時。勸諸眾生修平等心。眾生行已得壽命長。是故菩薩行禪波羅蜜時。已施眾生無量壽命。

善男子。於諸善法不放逸者得壽命長。菩薩摩訶薩行般若波羅蜜時。勸諸眾生於諸善法不生放逸。眾生行已以是因緣得壽命長。是故菩薩行般若波羅蜜時。已施眾生無量壽命。善男子。以是義故菩薩摩訶薩於諸眾生終無奪命。

善男子。汝向所問殺婆羅門時得是地不。善男子。我時已得。以愛念故斷其命根非惡心也。

善男子。譬如父母唯有一子愛之甚重犯官憲制。是時父母以怖畏故若擯若殺。雖復擯殺無有惡

Thiện nam tử! Thận khẩu vô quá, đắc thọ mạng trường. Bồ Tát ma-ha-tát hành *Sần-đề Ba-la-mật* thời, thường khuyến chúng sanh mạc sanh oán tưởng, thôi trực ư nhân, dẫn khúc hướng kỹ, vô sở tránh tụng, đắc thọ mạng trường. Thị cố Bồ Tát, hành *Sần-đề Ba-la-mật* thời, dĩ thí chúng sanh, vô lượng thọ mạng.

Thiện nam tử! Tinh cần tu thiện, đắc thọ mạng trường. Bồ Tát ma-ha-tát, hành *Tỳ-lê-da Ba-la-mật* thời, thường khuyến chúng sanh cần tu Thiện pháp. Chúng sanh hành dĩ, đắc vô lượng thọ mạng. Thị cố Bồ Tát, hành *Tỳ-lê-da Ba-la-mật* thời, dĩ thí chúng sanh, vô lượng thọ mạng.

Thiện nam tử! Tu nhiếp tâm giả, đắc thọ mạng trường. Bồ Tát ma-ha-tát, hành thiên *Ba-la-mật* thời, khuyến chư chúng sanh tu bình đẳng tâm. Chúng sanh hành dĩ, đắc thọ mạng trường. Thị cố Bồ Tát, hành *Thiên Ba-la-mật* thời, dĩ thí chúng sanh, vô lượng thọ mạng.

Thiện nam tử! Ư chư thiện pháp, bất phóng dật giả, đắc thọ mạng trường. Bồ Tát ma-ha-tát hành *Bát-nhã Ba-la-mật* thời, khuyến chư chúng sanh ư chư thiện pháp bất sanh phóng dật. Chúng sanh hành dĩ, dĩ thí nhân duyên, đắc thọ mạng trường. Thị cố Bồ Tát, hành *bát nhã Ba-la-mật* thời, dĩ thí chúng sanh, vô lượng thọ mạng. Thiện nam tử! Dĩ thí nghĩa cố, Bồ Tát ma-ha-tát, ư chư chúng sanh, chung vô đoạt mạng.

Thiện nam tử! Nhữ hướng sở vấn, sát *bà-la-môn* thời, đắc thị địa phủ. Thiện nam tử! Ngã thời dĩ đắc. Dĩ ái niệm cố, đoạn kỳ mạng căn, phi ác tâm dã.

Thiện nam tử! Thí như phụ mẫu, duy hữu nhất tử, ái chi thậm trọng, phạm quan hiến chế. Thị thời, phụ mẫu dĩ bố úy cố nhược tẩn, nhược sát. Tuy phục tẩn, sát, vô hữu ác tâm. Bồ

心。菩薩摩訶薩為護正法亦復如是。若有眾生謗大乘者。即以鞭撻苦加治之或奪其命。欲令改往遵修善法。菩薩常當作是思惟。以何因緣能令眾生發起信心。隨其方便要當為之。

諸婆羅門命終之後生阿鼻地獄。即有三念。一者自念我從何處而來生此。即便自知從人道中來。二者自念我今所生為是何處。即便自知是阿鼻獄。三者自念乘何業緣而來生此。即便自知乘謗方等大乘經典不信因緣。為國主所殺而來生此。念是事已即於大乘方等經典生信敬心。尋時命終生甘露鼓如來世界。於彼壽命具足十劫。善男子。以是義故我於往昔乃與是人十劫壽命。云何名殺。

善男子。有人掘地刈草斫樹。斬截死屍罵詈鞭撻。以是業緣墮地獄不。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如我解佛所說義者應墮地獄。何以故。如佛昔為聲聞說法。汝諸比丘於餘樵木莫生惡心。何以故。一切眾生因惡心故墮于地獄。

爾時佛讚迦葉菩薩。善哉善哉。如汝所說。應善受持。善男子。若因惡心墮地獄者。菩薩爾時實無惡心。何以故。菩薩摩訶薩於一切眾生乃至虫蟻。悉生憐愍利益心故。所以者何。善知因緣諸方

Tát ma-ha-tát, vi hộ Chánh pháp, diệc phục như thị. Nhược hữu chúng sanh báng Đại thừa giả, tức dĩ tiên thát, khổ gia trị chi, hoặc đoạt kỳ mạng, dục linh cải vãng, tuân tu thiện pháp. Bồ Tát thường đương tác thị tư duy: Dĩ hà nhân duyên, năng linh chúng sanh phát khởi tín tâm? Tùy kỳ phương tiện, yếu đương vi chi.

Chư bà-la-môn, mạng chung chi hậu, sanh A-tỳ địa ngục, tức hữu tam niệm: Nhất giả, tự niệm: Ngã từng hà xứ nhi lai sanh thử? Tức tiện tự tri từng nhân đạo trung lai. Nhị giả tự niệm: Ngã kim sở sanh vi thị hà xứ?. Tức tiện tự tri thị A-tỳ ngục. Tam giả, tự niệm: Thừa hà nghiệp duyên nhi lai sanh thử? Tức tiện tự tri thừa báng Phương đẳng Đại thừa Kinh điển, bất tín nhân duyên, vi quốc chủ sở sát nhi lai sanh thử. Niệm thị sự dĩ, tức ư Đại thừa Phương đẳng kinh điển, sanh tín kính tâm. Tầm thời mạng chung, sanh Cam Lộ Cổ Như Lai thế giới. Ư bỉ thọ mạng cụ túc thập kiếp. Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, ngã ư vãng tích, nãi dĩ thị nhân thập kiếp thọ mạng. Vân hà danh sát?

Thiện nam tử! Hữu nhân quật địa, ngải thảo, chúc thọ, trảm tiệt tử thi, mạ lỵ, tiên thác. Dĩ thị nghiệp duyên, đọa địa ngục phủ?

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa giả, ứng đọa địa ngục. Hà dĩ cố? Như Phật tích vị Thanh văn thuyết pháp: Nhữ chư tỳ-kheo! Ư dư tiêu mộc, mạc sanh ác tâm. Hà dĩ cố? Nhất thiết chúng sanh, nhân ác tâm cố, đọa vu địa ngục.

Nhĩ thời, Phật tán Ca-diếp Bồ Tát: Thiện tai! Thiện tai! Như nhữ sở thuyết, ứng thiện thọ trì. Thiện nam tử! Nhược nhân ác tâm, đọa địa ngục giả, Bồ Tát nhĩ thời thật vô ác tâm. Hà dĩ cố? Bồ Tát ma-ha-tát, ư nhất thiết chúng sanh, nãi chí trùng nghĩ, tất sanh lân mẫn, lợi ích tâm cố. Sở dĩ giả hà? Thiện tri nhân duyên chư phương tiện cố. Dĩ phương tiện lực,

便故。以方便力欲令眾生種諸善根。善男子。以是義故。我於爾時以善方便雖奪其命而非惡心。

善男子。婆羅門法若殺蟻子滿足十車無有罪報。蚊虻蚤蟲貓狸師子虎狼熊羆諸惡蟲獸。及餘能為眾生害者殺滿十車。鬼神羅刹拘槃荼迦羅富單那顛狂乾枯諸鬼神等。能為眾生作饒害者。有奪其命悉無罪報。若殺惡人則有罪報。殺已不悔則墮餓鬼。若能懺悔三日斷食其罪消滅無有遺餘。若殺和尚害其父母女人及牛。無數千年在地獄中。

善男子。佛及菩薩知殺有三。謂下中上。下者蟻子乃至一切畜生。唯除菩薩示現生者。善男子。菩薩摩訶薩以願因緣示受畜生是名下殺。以下殺因緣墮於地獄畜生餓鬼具受下苦。何以故。是諸畜生有微善根。是故殺者具受罪報是名下殺。

中殺者從凡夫人至阿那含是名為中。以是業因墮於地獄畜生餓鬼。具受中苦是名中殺。

上殺者。父母乃至阿羅漢辟支佛畢定菩薩。是名為上。以是業因緣故墮於阿鼻大地獄中。具受上苦。是名上殺。

善男子。若有能殺一闍提者。則不墮此三種殺中。善男子。彼諸婆羅門等一切皆是一闍提也。譬

dục linh chúng sanh chửng chử thiện căn. Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, ngã ư nhĩ thời, dĩ thiện phương tiện, tuy đoạt kỳ mạng, nhi phi ác tâm.

Thiện nam tử! *Bà-la-môn* pháp, nhược sát nghĩ tử, mẫn túc thập xa, vô hữu tội báo. Văn, manh, táo, sát, miêu, ly, sư tử, hổ, lang hùng, bi, chử ác trùng thú cập dư năng vi chúng sanh hại giả, sát mẫn thập xa, quý thân, *la-sát, câu-bàn-trà, ca-la, phú-đơn-na*, diên cuồng càn khô, chử quý thân đặng năng vi chúng sanh tác nhiều hại giả, hữu đoạt kỳ mạng, tất vô tội báo. Nhược sát ác nhân, tác hữu tội báo. Sát dĩ bất hối, tác đọa nga quý. Nhược năng sám hối, tam nhật đoạn thực, kỳ tội tiêu diệt, vô hữu di dư. Nhược sát hòa thượng, hại kỳ phụ mẫu, nữ nhân cập ngư, vô số thiên niên, tại địa ngục trung.

Thiện nam tử! Phật cập Bồ Tát tri sát hữu tam: Vị hạ, trung, thượng. Hạ giả nghĩ tử nãi chí nhất thiết súc sanh, duy trừ Bồ Tát thị hiện sanh giả. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, dĩ nguyện nhân duyên, thị thọ súc sanh. Thị danh hạ sát nhân duyên, đọa ư địa ngục, súc sanh, nga quý, cụ thọ hạ khổ? Hà dĩ cố? Thị chử súc sanh hữu vi thiện căn, thị cố sát giả, cụ thọ tội báo. Thị danh hạ sát.

Trung sát giả, tùng phạm phu nhân chí *A-na-hàm*, thị danh vi trung. Dĩ thị nghiệp nhân, đọa ư địa ngục, súc sanh, nga quý, cụ thọ trung khổ. Thị danh trung sát.

Thượng sát giả, phụ mẫu nãi chí *A-la-hán, Bích-chi Phật*, tất định Bồ Tát, thị danh vi thượng. Dĩ thị nghiệp nhân duyên cố, đọa ư *A-tỳ* đại địa ngục trung, cụ thọ thượng khổ. Thị danh thượng sát.

Thiện nam tử! Nhược hữu năng sát *nhất-xiển-đề* giả, tác bất đọa thủ tam chúng sát trung. Thiện nam tử! Bỉ chử *bà-la-môn* đặng nhất thiết giai thị *nhất-xiển-đề* dã. Thí như quật

如掘地刈草斫樹。斬截死屍罵詈鞭撻無有罪報。殺一闍提亦復如是無有罪報。何以故。諸婆羅門乃至無有信等五法。是故雖殺不墮地獄。

善男子。汝先所言如來何故罵提婆達多癡人食唾。汝亦不應作如是問何以故。諸佛世尊凡所發言不可思議。

善男子。或有實語為世所愛。非時非法不為利益。如是之言我終不說。善男子。或復有言麤獷虛妄。非時非法聞者不愛不能利益。我亦不說。善男子。若有語言。雖復麤獷真實不虛。是時是法能為一切眾生利益。聞雖不悅我要說之。何以故。諸佛世尊應正遍知知方便故。

善男子。如我一時遊彼曠野聚落叢林。在其林下。有一鬼神即名曠野。純食肉血多殺眾生。復於其聚序食一人。

善男子。我於爾時為彼鬼神廣說法要。然彼暴惡愚癡無智不受教法。我即化身為大力鬼。動其宮殿令不安所。彼鬼于時將其眷屬出其宮殿欲來拒逆。鬼見我時即失心念。惶怖蹙地迷悶斷絕。猶如死人。

我以慈愍手摩其身即還起坐。作如是言。快哉今日還得身命。是大神王具大威德。有慈愍心赦我愆

咎, ngã thảo, chúc thọ, trảm tiết tử thi, mạ ly, tiên thát, vô hữu tội báo. Sát *nhất-xiển-đề*, diệc phục như thị, vô hữu tội báo. Hà dĩ cố? Chư *bà-la-môn*, nãi chí vô hữu tín đấng ngũ pháp, thị cố tuy sát bất đọa địa ngục.

Thiện nam tử! Nhữ tiên sở ngôn: Như Lai hà cố mạ *Đề-bà-Đạt-đa*, si nhân thực thóa? Nhữ diệc bất ưng tác như thị vấn. Hà dĩ cố? Chư Phật Thế Tôn, phàm sở phát ngôn, bất khả tư nghị.

Thiện nam tử! Hoặc hữu thật ngữ vi thế sở ái, phi thời, phi pháp, bất vi lợi ích, như thị chi ngôn, ngã chung bất thuyết. Thiện nam tử, hoặc phục hữu ngôn, thô khoáng, hư vọng, phi thời, phi pháp, văn giả bất ái, bất năng lợi ích, ngã diệc bất thuyết. Thiện nam tử! Nhược hữu ngữ ngôn, tuy phục thô khoáng, chân thật bất hư, thị thời, thị pháp, năng vi nhất thiết chúng sanh lợi ích, văn tuy bất duyệt, ngã yếu thuyết chi. Hà dĩ cố? Chư Phật Thế Tôn, ưng chánh biến tri, tri phương tiện cố.

Thiện nam tử! Như ngã nhất thời, du bỉ khoáng dã tụ lạc tòng lâm. Tại kỳ lâm hạ, hữu nhất quỷ thân, tức danh Khoáng dã, thuần thực nhục huyết, đa sát chúng sanh. Phục ư kỳ tụ, tụ thực nhất nhân.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời, vị bỉ quỷ thân, quảng thuyết pháp yếu. Nhiên bỉ bạo ác, ngu si vô trí, bất thọ giáo pháp. Ngã tức hóa thân vi Đại lực quỷ, động kỳ cung điện, linh bất an sở. Bỉ quỷ vu thời, tương kỳ quyến thuộc, xuất kỳ cung điện, dục lai cự nghịch. Quỷ kiến ngã thời, tức thát tâm niệm, hoàng bố tỵ địa, mê muộn đoạn tuyệt, do như tử nhân.

Ngã dĩ từ mẫn, thủ ma kỳ thân, tức hoàn khởi tọa, tác như thị ngôn: Khoái tai kim nhật, hoàn đắc thân mạng. Thị Đại thần vương cụ đại oai đức, hữu Từ mẫn tâm, xá ngã khiên cữu. Tức ư ngã sở, sanh thiện tín tâm. Ngã tức hoàn phục Như Lai

咎。即於我所生善信心。我即還復如來之身。復更為說種種法要。令彼鬼神受不殺戒。即於是日曠野村中有一長者次應當死。村人已送付彼鬼神。鬼神得已即以施我。我既受已便為長者。更立名字名手長者。

爾時彼鬼即白我言。世尊。我及眷屬唯仰血肉以自存活。今以戒故當云何活。我即答言。從今當敕聲聞弟子。隨有修行佛法之處。悉當令其施汝飲食。

善男子。以是因緣為諸比丘制如是戒。汝等從今常當施彼曠野鬼食。若有住處不能施者。當知是輩非我弟子。即是天魔徒黨眷屬。

善男子。如來為欲調伏眾生故。示如是種種方便。非故令彼生怖畏也。

善男子。我亦以木打護法鬼。又於一時在一山上。推羊頭鬼令墮山下。復於樹頭撲護獼猴鬼。令護財象見五師子。使金剛神怖薩遮尼犍，亦以針刺箭毛鬼身。雖作如是。亦不令彼諸鬼神等有滅沒者。直欲令彼安住正法。故示如是種種方便。

善男子。我於爾時實不罵辱提婆達多。提婆達多亦不愚癡食人痰唾。亦不生於惡趣之中阿鼻地獄受罪一劫。亦不壞僧出佛身血。亦不違犯四重之罪。誹謗正法大乘經典非一闡提。亦非聲聞辟支佛也。

chi thân, phục cánh vị thuyết chủng chủng pháp yếu, linh bỉ quỷ thần thọ bát sát giới. Tức ư thị nhật, khoáng dã thôn trung hữu nhất trưởng giả thứ ứng đương tử. Thôn nhân dĩ tống, phó bỉ quỷ thân. Quỷ thân đắc dĩ, tức dĩ thí ngã. Ngã ký thọ dĩ, tiện vị trưởng giả cánh lập danh tự, danh Thủ trưởng giả.

Nhĩ thời, bỉ quỷ tức bạch ngã ngôn: Thế Tôn! Ngã cập quyến thuộc duy ngưỡng huyết nhục, dĩ tự tồn hoạt. Kim dĩ giới cố, đương vân hà hoạt? Ngã tức đáp ngôn: Tùng kim đương sắc Thanh văn đệ tử, tùy hữu tu hành Phật pháp chi xứ, tất đương linh kỳ thí nhữ ẩm thực.

Thiện nam tử! Dĩ thị nhân duyên, vị chư *tỳ-kheo* chế như thị giới: Nhữ đẳng tùng kim, thường đương thí bỉ Khoáng dã quỷ thực. Nhược hữu trụ xứ, bất năng thí giả, đương tri thị bối phi ngã đệ tử, tức thị thiên ma đồ đảng quyến thuộc.

Thiện nam tử! Như Lai vị dục điều phục chúng sanh cố, thị như thị chủng chủng phương tiện; phi cố linh bỉ sanh bố úy dã.

Thiện nam tử! Ngã diệc dĩ mộc, đả hộ pháp quỷ. Hựu ư nhất thời, tại nhất sơn thượng, thôi dương đầu quỷ, linh đọa sơn hạ. Phục ư thọ đầu, phốc *Hộ-di-hầu* quỷ; linh Hộ tài tượng kiến ngũ sư tử; sử Kim cang thần bố *Tát-già Ni-kiên*; diệc dĩ châm thích tiễn mao quỷ thân. Tuy tác như thị, diệc bát linh bỉ chư quỷ thần đẳng, hữu diệt một giả. Trục dục linh bỉ an trụ Chánh pháp, cố thị như thị chủng chủng phương tiện.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời, thật bát mạ nhục *Đề-bà-đạt-đa*. *Đề-bà-đạt-đa* diệc bát ngu si, thực nhân di thóa, diệc bát sanh ư ác thú chi trung, *A-tỳ* địa ngục, thọ tội nhất kiếp. Diệc bát hoại tạng, xuất Phật thân huyết; diệc bát vi phạm Tứ trọng chi tội, phỉ báng Chánh pháp Đại thừa Kinh điển; phi *nhất-xiển-đề*; diệc phi Thanh văn, *Bích-chi* Phật dã.

善男子。提婆達多者。實非聲聞緣覺境界。唯是諸佛之所知見。善男子。是故汝今不應難言。如來何緣呵責罵辱提婆達多。汝於諸佛所有境界。不應如是生於疑網。

迦葉菩薩白佛言。世尊。譬如甘蔗數數煎煮得種種味。我亦如是從佛數聞多得法味。所謂出家味離欲味寂滅味道味。

世尊。譬如真金數數燒打鎔銷鍊治。轉更明淨調和柔輭。光色微妙其價難量。然後乃為人天寶重。世尊。如來亦爾。鄭重諮問則得聞見甚深之義。令深行者受持奉修。無量眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。然後為諸人天所尊，恭敬供養。

爾時佛讚迦葉菩薩。善哉善哉。菩薩摩訶薩。為欲利益諸眾生故。諮啟如來如是深義。善男子。以是義故。我隨汝意說於大乘方等甚深祕密之法。所謂極愛如一子地。

迦葉菩薩白佛言。世尊。若諸菩薩修慈悲喜得一子地者。修捨心時復得何地。

佛言。善哉善哉。善男子。汝善知時。知我欲說汝則諮問。菩薩摩訶薩修捨心時。則得住於空平等地如須菩提。

Thiện nam tử! Đề-bà-đạt-đa giả, thật phi Thanh văn, Duyên giác cảnh giới. Duy thị chư Phật chi sở tri kiến. Thiện nam tử! Thị cố nhữ kim bất ưng nạn ngôn: Như Lai hà duyên, hà trách mạ nhục Đề-bà-đạt-đa? Nhữ ư chư Phật sở hữu cảnh giới, bất ưng như thị sanh ư nghi võng.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thí như cam giá sắc sắc tiễn chũ, đắc chủng chủng vị. Ngã diệc như thị, tòng Phật sở văn, đa đắc pháp vị, sở vị: Xuất gia vị, Ly dục vị, Tịch diệt vị, Đạo vị.

Thế Tôn! Thí như chân kim, sắc sắc thiêu đả, dung tiêu, luyện trị, chuyển cánh minh tịnh, điều hòa nhu nhuyễn, quang sắc vi diệu, kỳ giá nan lượng. Nhiên hậu nãi vi nhân thiên bảo trọng. Thế Tôn! Như Lai diệc nhĩ; trịnh trọng tư vấn; tắc đắc văn kiến thậm thâm chi nghĩa, linh thâm hành giả thọ trì, phụng tu, vô lượng chúng sanh phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Nhiên hậu vi chư nhân thiên sở tôn, cung kính cúng dường.

Nhĩ thời Phật tán *Ca-diếp* Bồ Tát: Thiện tai! Thiện tai! Bồ Tát ma-ha-tát, vị dục lợi ích chư chúng sanh cố, tư khả Như Lai như thị thâm nghĩa. Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, ngã tùy nhữ ý, thuyết ư Đại thừa phương đẳng thậm thâm bí mật chi pháp: sở vị cực ái như nhất tử địa.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược chư Bồ Tát tu Từ, Bĩ, Hỷ, đắc Nhất tử địa giả, tu Xả tâm thời, phục đắc hà địa?

Phật ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ thiện tri thời, tri ngã dục thuyết, nhữ tắc tư vấn. Bồ Tát ma-ha-tát tu xả tâm thời, tắc đắc trụ ư Không bình đẳng địa, như *Tu-bồ-đề*.

善男子。菩薩摩訶薩住空平等地則不見有父母，兄弟，姊妹，兒息，親族，知識，怨憎，中人，乃至不見陰界諸入眾生壽命。

善男子。譬如虛空無有父母兄弟妻子。乃至無有眾生壽命。一切諸法亦復如是。無有父母乃至壽命。菩薩摩訶薩見一切法亦復如是。其心平等如彼虛空。何以故。善能修習諸空法故。

迦葉菩薩白佛言。世尊。云何名空。

善男子。空者。所謂內空外空內外空有為空無為空無始空性空無所有空第一義空空空大空。

菩薩摩訶薩云何觀於內空。是菩薩摩訶薩觀內法空。是內法空謂無父母怨親中人眾生壽命常樂我淨如來法僧所有財物。是內法中雖有佛性。而是佛性非內非外。所以者何。佛性常住無變易故。是名菩薩摩訶薩觀於內空。

外空者。亦復如是無有外法。

內外空者亦復如是。善男子。唯有如來法僧佛性不在二空。何以故。如是四法常樂我淨。是故四法不名為空。是名內外俱空。

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, trụ Không bình đẳng Địa, tác bất kiến hữu phụ mẫu, huynh đệ, tử muội, nhi tức, thân tộc, tri thức, oán tắng, trung nhân; nãi chi bất kiến âm, giới, chư nhập, chúng sanh, thọ mạng.

Thiện nam tử! Thí như hư không, vô hữu phụ mẫu, huynh đệ, thê tử, nãi chí vô hữu chúng sanh, thọ mạng. Nhất thiết chư pháp, diệc phục như thị, vô hữu phụ mẫu..., nãi chí thọ mạng. Bồ Tát ma-ha-tát kiến nhất thiết pháp, diệc phục như thị; kỳ tâm bình đẳng, như bỉ hư không. Hà dĩ cố? Thiện năng tu tập chư không pháp cố.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn, vân hà danh không?

Thiện nam tử! Không giả, sở vị: nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, vô thủy không, tánh không, vô sở hữu không, đệ nhất nghĩa không, không không, đại không.

Bồ Tát ma-ha-tát, vân hà quán ư nội không? Thị Bồ Tát ma-ha-tát quán nội pháp không. Thị nội pháp không, vị: vô phụ mẫu, oán, thân, trung nhân, chúng sanh, thọ mạng, Thường, lạc, Ngã, Tịnh, Như Lai, Pháp, Tăng, sở hữu tài vật. Thị nội pháp trung, tuy hữu Phật tánh, nhi thị Phật tánh phi nội phi ngoại. Sở dĩ giả hà? Phật tánh thường trụ, vô biến dị cố. Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát quán ư nội không.

Ngoại không giả, diệc phục như thị. Vô hữu ngoại pháp.

Nội ngoại không giả, diệc phục như thị. Thiện nam tử! Duy hữu Như Lai, Pháp, Tăng, Phật tánh, bất tại nhị không. Hà dĩ cố? Như thị tứ pháp, Thường, lạc, Ngã, Tịnh. Thị cố tứ pháp, bất danh vi không. Thị danh nội ngoại câu không.

善男子。有為空者。有為之法悉皆是空。所謂內空外空內外空常樂我淨空。眾生壽命如來法僧第一義空。是中佛性非有為法。是故佛性非有為法空。是名有為空。

善男子。云何菩薩摩訶薩觀無為空。是無為法悉皆是空。所謂無常苦不淨無我。陰界入眾生壽命相。有為有漏內法外法。無為法中佛等四法。非有為非無為。性是善故非無為。性常住故非有為。是名菩薩觀無為空。

云何菩薩摩訶薩觀無始空。是菩薩摩訶薩見生死無始皆悉空寂。所謂空者常樂我淨皆悉空寂無有變易。眾生壽命三寶佛性及無為法。是名菩薩觀無始空。

云何菩薩觀於性空。是菩薩摩訶薩觀一切法本性皆空。謂陰界入常無常苦樂淨不淨我無我。觀如是等一切諸法不見本性。是名菩薩摩訶薩觀於性空。

云何菩薩摩訶薩觀無所有空。如人無子言舍宅空。畢竟觀空無有親愛。愚癡之人言諸方空。貧窮之人言一切空。如是所計或空或非空。菩薩觀時如貧窮人一切皆空。是名菩薩摩訶薩觀無所有空。

Thiện nam tử! Hữu vi không giả, hữu vi chi pháp tất giai thị không. Sở vị: nội không, ngoại không, nội ngoại không, thường lạc ngã tịnh không. Chúng sanh, thọ mạng, Như Lai, Pháp, Tăng, đệ nhất nghĩa không. Thị trung Phật tánh phi hữu vi pháp. Thị cố Phật tánh phi hữu vi pháp không. Thị danh hữu vi không.

Thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát quán vô vi không? Thị vô vi pháp, tất giai thị không. Sở vị: Vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, Ấm, giới, nhập chúng sanh, thọ mạng tướng, Hữu vi, Hữu lậu, Nội pháp, Ngoại pháp. Vô vi pháp trung, Phật đẳng tứ pháp phi hữu vi, phi vô vi. Tánh thị thiện cố, phi vô vi; tánh thường trụ cố, phi hữu vi. Thị danh Bồ Tát quán vô vi không.

Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát quán vô thủy không? Thị Bồ Tát ma-ha-tát kiến sanh tử vô thủy, giai tất Không tịch. Sở vị không giả, Thường, lạc, Ngã, Tịnh giai tất Không tịch, vô hữu biến dị, chúng sanh, thọ mạng, Tam bảo, Phật tánh cập vô vi pháp. Thị danh Bồ Tát quán vô thủy không.

Vân hà Bồ Tát quán ư Tánh không? Thị Bồ Tát ma-ha-tát quán nhất thiết pháp, bản tánh giai không, vị: ấm, giới, nhập, thường, vô thường, khổ, lạc, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã. Quán như thị đẳng nhất thiết chư pháp, bất kiến bản tánh. Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát quán ư Tánh Không.

Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát quán vô sở hữu không? Như nhân vô tử, ngôn: Xá trạch không, tất cánh quán không, vô hữu thân ái. Ngu si chi nhân, ngôn: Chư phương không. Bần cùng chi nhân, ngôn: Nhất thiết không. Như thị sở kế, hoặc không, hoặc phi không. Bồ Tát quán thời, như bần cùng nhân, nhất thiết giai không. Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát quán vô sở hữu không.

云何菩薩摩訶薩觀第一義空。善男子。菩薩摩訶薩觀第一義時。是眼生時無所從來。及其滅時去無所至。本無今有。已有還無。推其實性無眼無主。如眼無性一切諸法亦復如是。何等名為第一義空。有業有報不見作者。如是空法名第一義空。是名菩薩摩訶薩觀第一義空。

云何菩薩摩訶薩觀於空空。是空空中乃是聲聞辟支佛等所迷沒處。善男子。是有是無。是名空空。是是非是是。是名空空。善男子。十住菩薩尚於是中通達少分猶如微塵。況復餘人。善男子。如是空空。亦不同於聲聞所得空空三昧。是名菩薩觀於空空。

善男子。云何菩薩摩訶薩觀於大空。善男子。言大空者。謂般若波羅蜜是名大空。

善男子。菩薩摩訶薩得如是空門。則得住於虛空等地。善男子。我今於是大眾之中說如是等諸空義時。有十恒河沙等菩薩摩訶薩。即得住於虛空等地。善男子。菩薩摩訶薩住是地已。於一切法中無有滯礙繫縛拘執心無迷悶。以是義故名虛空等地。

善男子。譬如虛空於可愛色不生貪著。不愛色

Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát quán Đệ nhất nghĩa không? Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát quán Đệ nhất nghĩa thời, thị nhãn sanh thời, vô sở tùng lai; cập kỳ diệt thời, khứ vô sở chí: Bản vô kim hữu, dĩ hữu hoàn vô. Suy kỳ thật tánh, vô nhãn vô chủ. Như nhãn vô tánh, nhất thiết chư pháp diệt phục như thị. Hà đẳng danh vi Đệ nhất nghĩa không? Hữu nghiệp, hữu báo, bất kiến tác giả. Như thị không pháp, danh vi Đệ nhất nghĩa không. Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát quán đệ nhất nghĩa không.

Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát quán ư không không? Thị không không trung, nãi thị Thanh văn, Bích-chi Phật đẳng sở mê một xứ. Thiện nam tử! Thị hữu, thị vô, thị danh không không. Thị thị, phi thị thị, thị danh không không. Thiện nam tử! Thập trụ Bồ Tát thượng ư thị trung, thông đạt thiếu phần, do như vi trần, hưởng phục dư nhân? Thiện nam tử! Như thị không không diệt bất đồng ư Thanh văn sở đắc không không tam muội. Thị danh Bồ Tát quán ư không không.

Thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát quán ư Đại không? Thiện nam tử! Ngôn Đại không giả, vị Bát-nhã Ba-la-mật. Thị danh Đại không.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát đắc như thị không môn, tác đắc trụ ư hư không đẳng địa.

Thiện nam tử! Ngã kim ư thị Đại chúng chi trung, thuyết như thị đẳng chư không nghĩa thời, hữu thập hằng hà sa đẳng Bồ Tát ma-ha-tát tức đắc trụ ư hư không đẳng Địa. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát trụ thị địa dĩ, ư nhất thiết pháp trung, vô hữu trệ ngại, hệ phục, câu chấp; tâm vô mê muội. Dĩ thị nghĩa cố, danh Hư không đẳng địa.

Thiện nam tử! Thí như hư không, ư khả ái sắc, bất sanh tham trước, bất ái sắc trung, bất sanh sân khuể. Bồ Tát ma-

中不生瞋恚。菩薩摩訶薩住是地中亦復如是。於好惡色心無貪恚。

善男子。譬如虛空廣大無對。悉能容受一切諸物。菩薩摩訶薩住是地中亦復如是。廣大無對悉能容受一切諸法。以是義故復得名為虛空等地。

善男子。菩薩摩訶薩住是地中。於一切法亦見亦知，若行，若緣，若性，若相，若因，若緣，若眾生心，若根，若禪定，若乘，若善知識，若持禁戒，若所施。如是等法一切知見。

復次善男子。菩薩摩訶薩住是地中知而不見。云何為知。知自餓法，投淵，赴火，自墜高巖，常翹一腳，五熱炙身，常臥灰土，棘刺編椽，樹葉，惡草，牛糞之上。衣麤麻衣塚間所棄，糞掃毳褐，欽婆羅衣獐鹿皮革芻草衣裳。茹菜噉菓，藕根，油滓，牛糞根果。若行乞食限從一家。主若言無即便捨去。設復還喚終不迴顧。不食鹽肉，五種牛味。常所飲服糠汁，沸湯。受持牛戒狗雞雉戒。以灰塗身長髮為相。以羊祠時先咒後殺。四月事火，七日服風。百千億花供養諸天。諸所欲願因此成就。如是等法能為無上解脫因者。無有是處。是名為知。

云何不見。菩薩摩訶薩不見一人行如是法得正解脫。是名不見。

ha-tát trụ thị địa trung, diệc phục như thị, ư hảo, ố sắc, tâm vô tham nhuế.

Thiện nam tử! Thí như hư không quảng đại vô đối, tất năng dung thọ nhất thiết chư vật. Bồ Tát ma-ha-tát trụ thị địa trung, diệc phục như thị, quảng đại vô đối, tất năng dung thọ nhất thiết chư pháp. Dĩ thị nghĩa cố, phục đắc danh vi Hư không đẳng địa.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát trụ thị địa trung, ư nhất thiết pháp, diệc kiến diệc tri. Nhược hành, nhược duyên, nhược tánh, nhược tướng, nhược nhân, nhược duyên, nhược chúng sanh tâm, nhược căn, nhược thiên định, nhược thừa, nhược thiện tri thức, nhược trì cấm giới, nhược sở thí, như thị đẳng pháp, nhất thiết tri kiến.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát trụ thị địa trung, tri nhi bất kiến. Vân hà vi tri? Tri tự ngạ pháp, đầu yên, phó hỏa, tự trụ cao nham, thường kiêu nhất cước, ngũ nhiệt chá thân. Thường ngoạ hôi thổ, cứu thích biên truyền, thọ diệp ác thảo, ngưu phẩn chi thượng; y thô ma y, trũng gian sở khí, phẩn tảo lâu hạt, *khâm-bà-la y*, chương lộ bì cách, sô thảo y thường; nhự thái hám quả, ngẫu căn, du chỉ, ngưu phẩn căn quả. Nhược hành khát thực, hạn từng nhất gia; chủ nhược ngôn vô, tức tiện xả khứ; thiết phục hoàn hoán, chung bát hồi cố; bất thực diêm nhục, ngũ chủng ngưu vị; thường sở ẩm phục, kang tráp, phí thang, thọ trì ngưu giới, kê, cầu, trĩ giới; dĩ hôi đồ thân, trường phát vi tướng; dĩ dương từ thời, tiên chú hậu sát; tứ ngoạt sự hỏa, thất nhật phục phong, bá thiên ức hoa, cúng dường chư thiên; chư sở dục nguyện, nhân thủ thành tựu. Như thị đẳng pháp năng vi vô thượng giải thoát nhân giả, vô hữu thị xứ. Thị danh vi tri.

Vân hà bất kiến? Bồ Tát ma-ha-tát bất kiến nhất nhân hành như thị pháp, đắc chánh giải thoát. Thị danh bất kiến.

復次善男子。菩薩摩訶薩亦見亦知。何等為見。見諸眾生行是邪法必墮地獄。是名為見。

云何為知。知諸眾生從地獄出生於人中。若能修行檀波羅蜜。乃至具足諸波羅蜜。是人必得入正解脫。是名為知。

復次善男子。菩薩摩訶薩復有亦見亦知。

云何為見。見常無常苦樂淨不淨我無我。是名為見。

云何為知。知諸如來定不畢竟入於涅槃。知如來身金剛無壞非是煩惱所成就身。又非臭穢腐敗之身。亦復能知一切眾生悉有佛性。是名為知。

復次善男子。菩薩摩訶薩復有亦知亦見。

云何為知。知是眾生信心成就。知是眾生求於大乘。是人順流。是人逆流。是人正住。知是眾生已到彼岸。順流者謂凡夫人。逆流者從須陀洹乃至緣覺。正住者諸菩薩等。到彼岸者。所謂如來應正遍知。是名為知。

云何為見。菩薩摩訶薩住於大乘大涅槃典修梵行心。以淨天眼見諸眾生造身口意三業不善墮於地獄畜生餓鬼。見諸眾生修善業者命終當生天上人

Phục thứ Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát diệc kiến, diệc tri. Hà đẳng vi kiến? Kiến chư chúng sanh hành thị tà pháp, tất đọa địa ngục. Thị danh vi kiến.

Vân hà vi tri? Tri chư chúng sanh tùng địa ngục xuất, sanh ư nhân trung; nhược năng tu hành Đản *Ba-la-mật*, nãi chí cụ túc chư *Ba-la-mật*, thị nhân tất đắc nhập chánh giải thoát. Thị danh vi tri.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát phục hữu diệc kiến, diệc tri.

Vân hà vi kiến? Kiến thường, vô thường, khổ, lạc, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã. Thị danh vi kiến.

Vân hà vi tri? Tri chư Như Lai định bất tất cánh nhập ư *Niết-bàn*; tri Như Lai thân, kim cang vô hoại; phi thị phiền não sở thành tựu thân; hựu phi xú uế hủ bại chi thân. Diệc phục năng tri nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. Thị danh vi tri.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát phục hữu diệc tri, diệc kiến.

Vân hà vi tri? Tri thị chúng sanh, tín tâm thành tựu; tri thị chúng sanh cầu ư Đại thừa; thị nhân thuận lưu, thị nhân nghịch lưu; thị nhân chánh trụ; tri thị chúng sanh dĩ đáo bỉ ngạn. Thuận lưu giả, vị phạm phu nhân. Nghịch lưu giả, tùng *Tu-đà-hoàn* nãi chí Duyên giác. Chánh trụ giả, chư Bồ Tát đẳng. Đáo bỉ ngạn giả, sở vị Như Lai, Ứng chánh biến tri... Thị danh vi tri.

Vân hà vi kiến? Bồ Tát ma-ha-tát, trụ ư Đại thừa Đại *Niết-bàn* diễn tu phạm hạnh tâm, dĩ tịnh thiên nhãn, kiến chư chúng sanh tạo thân, khẩu, ý tam nghiệp bất thiện, đọa ư địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Kiến chư chúng sanh tu thiện nghiệp giả, mạng chung đương sanh thiên thượng, nhân trung. Thị

中。是諸眾生從闇入闇。有諸眾生從闇入明。有諸眾生從明入闇。有諸眾生從明入明。是名為見。

復次善男子。菩薩摩訶薩復有亦知亦見。

菩薩摩訶薩知諸眾生修身，修戒，修心，修慧。是人今世惡業成就。或因貪欲瞋恚愚癡。是業必應地獄受報。是人直以修身修戒修心修慧。現世輕受不墮地獄。云何是業能得現報。懺悔發露所有諸惡。既悔之後更不敢作。慚愧成就故。供養三寶故。常自呵責故。是人以是善業因緣不墮地獄現世受報。所謂頭痛目痛腹痛背痛橫羅死殃。呵責罵辱鞭打閉繫飢餓困苦。受如是等現世輕報。是名為知。

云何為見。菩薩摩訶薩見如是人不能修習身戒心慧。造少惡業。此業因緣應現受報。是人少惡不能懺悔。不自呵責。不生慚愧。無有怖懼。是業增長地獄受報。是名為見。

復有知而不見。云何知而不見。知諸眾生皆有佛性。為諸煩惱之所覆蔽不能得見。是名知而不見。

復有知而少見。十住菩薩摩訶薩等知諸眾生皆有佛性。見不明了。猶如闇夜所見不了。

復有亦見亦知。所謂諸佛如來亦見亦知。

chư chúng sanh tùng ám nhập ám. Hữu chư chúng sanh tùng ám nhập minh. Hữu chư chúng sanh tùng minh nhập ám. Hữu chư chúng sanh tùng minh nhập minh. Thị danh vi kiến.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát phục hữu diệt tri, diệt kiến.

Bồ Tát ma-ha-tát tri chư chúng sanh tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ. Thị nhân kim thể, ác nghiệp thành tựu, hoặc nhân tham dục, sân khuể, ngu si; thị nghiệp tất ứng địa ngục thọ báo. Thị nhân trực dĩ tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, hiện thể khinh thọ, bất đọa địa ngục. Vân hà thị nghiệp năng đắc hiện báo? Sám hối phát lộ sở hữu chư ác; ký hối chi hậu, cánh bất cảm tác. Tàm quý thành tựu cố, cúng dường Tam Bảo cố, thường tự ha trách cố, thị nhân dĩ thị thiện nghiệp nhân duyên bất đọa địa ngục, hiện thể thọ báo. Sở vị đầu thống, mục thống, phúc thống, bồi thống, hoành la tử ương, ha trách mạ nhục, tiên đả bệ hệ, cơ ngạ khốn khổ: thọ như thị đẳng hiện thể khinh báo. Thị danh vi tri.

Vân hà vi kiến? Bồ Tát ma-ha-tát kiến như thị nhân bất năng tu tập thân giới, tâm tuệ, tạo thiếu ác nghiệp; thử nghiệp nhân duyên ứng hiện thọ báo. Thị nhân thiếu ác, bất năng sám hối, bất tự ha trách, bất sanh tàm quý, vô hữu bố cụ. Thị nghiệp tăng trưởng, địa ngục thọ báo. Thị danh vi kiến.

Phục hữu tri nhi bất kiến. Vân hà tri nhi bất kiến? Tri chư chúng sanh giai hữu Phật tánh, vi chư phiền não chi sở phú tế, bất năng đắc kiến. Thị danh tri nhi bất kiến.

Phục hữu tri nhi thiếu kiến. Thập trụ Bồ Tát ma-ha-tát đẳng tri chư chúng sanh giai hữu Phật tánh, kiến bất minh liễu, do như ám dạ, sở kiến bất liễu.

Phục hữu diệt kiến diệt tri. Sở vị chư Phật Như Lai diệt kiến diệt tri.

復有亦見亦知不見不知。亦見亦知者。所謂世間文字言語男女車乘瓶瓮舍宅城邑。衣裳飲食山河園林眾生壽命。是名亦見亦知。

云何不見不知。聖人所有微密之語。無有男女乃至園林。是名不見不知。

復有知而不見。知所惠施知所供處。知於受者知因果報。是名為知。

云何不見。不見所施供處受者及以果報。是名不見。

菩薩摩訶薩知有八種。即是如來五眼所知。

大般涅槃經卷第十六

終

Phục hữu diệc kiến, diệc tri, bất kiến, bất tri. Diệc kiến, diệc tri giả, sở vị thế gian văn tự ngôn ngữ: nam nữ, xa thặng, bình bồn, xá trạch thành ấp, y thường, ẩm thực, sơn hà, viên lâm, chúng sanh thọ mạng. Thị danh diệc kiến, diệc tri.

Vân hà bất kiến bất tri? Thánh nhân sở hữu vi mật chi ngữ: vô hữu nam nữ, nãi chí viên lâm... Thị danh bất kiến bất tri.

Phục hữu tri nhi bất kiến. Tri sở tuệ thí, tri sở cúng xú, tri ư thọ giả, tri nhân, quả báo. Thị danh vi tri.

Vân hà bất kiến. Bất kiến sở thí, cúng xú, thọ giả cập dĩ quả báo. Thị danh bất kiến.

Bồ Tát ma-ha-tát tri hữu bát chủng, tức thị Như Lai Ngũ nhãn sở tri.

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ thập lục Chung

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN MƯỜI SÁU

PHẨM HẠNH THANH TỊNH

Phẩm thứ tám - Phần hai

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Chỗ suy xét của vị Đại Bồ Tát ắt là chân thật; chỗ suy xét của hàng Thanh văn, Duyên giác không phải là chân thật. Vậy tại sao hết thảy chúng sanh không nhờ oai lực của Bồ Tát mà được hưởng sự vui sướng, khoái lạc? Nếu các chúng sanh thật chẳng được vui, nên biết rằng chỗ tu tâm từ của Bồ Tát không có lợi ích!”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đức từ của Bồ Tát chẳng phải là không có lợi ích. Thiện nam tử! Có những chúng sanh hoặc phải thọ khổ, hoặc không phải thọ khổ. Đối với những chúng sanh nhất định phải thọ khổ thì đức từ của Bồ Tát cũng không lợi ích gì; đó là nói những kẻ nhất-xiển-đề. Nhưng đối với những chúng sanh không nhất định phải thọ khổ thì đức từ của Bồ Tát sẽ có lợi ích, giúp những chúng sanh ấy được hưởng sự vui sướng.

“Thiện nam tử! Ví như có người xa trông thấy các loài sư tử, cọp, beo, chó sói, quỷ la-sát... tự nhiên sanh ra sợ sệt, hoặc đi đêm trông thấy gốc cây cũng sanh ra sợ sệt. Thiện nam tử! Những người như vậy tự nhiên mà sanh ra sợ sệt.⁽¹⁾ Những chúng sanh như vậy khi gặp người tu từ, tự nhiên sẽ được vui. Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên chỗ tu từ của Bồ Tát là sự suy xét chân thật, chẳng phải không có lợi ích.

“Thiện nam tử! Ta dạy rằng đức từ này có vô lượng môn, ấy là nói thần thông.

“Thiện nam tử! Như Đề-bà-đạt⁽²⁾ xúi giục vua A-xà-thế, muốn làm hại Như Lai. Lúc ấy, ta vào thành lớn Vương Xá, lần lượt đi khất thực theo từng nhà. Vua A-xà-thế liền thả con voi Hộ Tài đang say rượu điên cuồng ra, muốn làm hại ta và các đệ tử.

“Lúc bấy giờ con voi ấy đập chết rất nhiều người. Người chết rồi lại có mùi máu tanh xông lên rất nhiều. Voi ngửi thấy mùi máu tanh lại thêm cuồng say, nhìn thấy những người theo hầu bên ta mặc áo màu đỏ nên ngỡ là máu liền chạy nhanh đến. Trong các đệ tử của ta, những người chưa lia hẳn được lòng dục thấy đều sợ hãi bỏ chạy tứ tán, chỉ còn duy nhất A-nan thôi.

“Lúc ấy, trong thành lớn Vương Xá, tất cả nhân dân đồng thời kêu khóc, kể lể, than tiếc rằng: ‘Quái lạ thay! Hôm nay đức Như Lai ắt sẽ chết mất! Vì sao Bạc Chánh giác lại phải chịu sự tán hoại chỉ trong chốc lát?’

“Lúc ấy, Điều-đạt lấy làm vui mừng, nghĩ rằng: ‘Samôn Cồ-đàm chết đi là tốt lắm! Từ nay trở đi thật không còn nhìn thấy ông ta nữa. Mưu kế ấy thật tuyệt vời! Ta sẽ được toại nguyện!’

“Thiện nam tử! Lúc bấy giờ ta vì muốn hàng phục con voi Hộ Tài nên liền nhập định khởi tâm từ, đuổi tay ra chỉ vào nó. Tức thời, từ nơi năm đầu ngón tay của ta hiện ra năm con sư tử. Voi thấy vậy lấy làm hoảng sợ đến nỗi đại tiểu tiện ngay nơi đó, rồi nằm phục xuống, cúi đầu sát đất lễ kính dưới chân ta.

“Thiện nam tử! Lúc ấy ở năm đầu ngón tay của ta thật không hề có sư tử. Chính là do sức căn lành tu từ của ta khiến cho con voi ấy phải chịu điều phục.

“Lại nữa, thiện nam tử! Khi ta định vào Niết-bàn, vừa mới cất bước đi về phía thành Câu-thi-na bỗng gặp năm trăm người [thuộc tộc họ] Lực-sĩ đang sửa sang, quét dọn và rưới nước trên đường. Giữa đường có một tảng đá lớn, những người này muốn khiêng vớt đi nhưng cùng nhau cố hết sức mà vẫn không nhấc nổi. Lúc ấy, ta lấy làm thương xót, phát khởi tâm từ. Những người [thuộc tộc họ] Lực-sĩ ấy liền thấy ta dùng ngón chân cái nhấc hòn đá ấy, hất bổng lên hư không rồi đưa tay đón lấy, đặt yên trong lòng bàn tay phải. Ta lại thổi cho đá nát thành bụi nhỏ, rồi khiến cho bụi ấy hợp lại thành tảng đá, khiến lòng cao ngạo của những người [thuộc tộc họ] Lực-sĩ ấy liền mất hẳn.⁽³⁾ Sau đó ta vì họ mà thuyết giảng đủ mọi chỗ pháp yếu, khiến họ phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Thiện nam tử! Lúc ấy Như Lai thật không hề dùng ngón chân mà nhấc hòn đá to ấy, hất lên hư không, đặt nơi lòng bàn tay phải, thổi cho nát thành bụi, rồi làm cho hợp lại như cũ.

“Thiện nam tử! Nên biết rằng đó chính là do sức thiện căn của tâm từ, khiến các lực sĩ nhìn thấy những việc như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Miền nam Thiên Trúc⁽⁴⁾ có một thành lớn tên là Thủ-ba-la. Trong thành có vị trưởng giả⁽⁵⁾ Lư-chí là người dẫn dắt những người khác tu hành. Vị ấy trong quá khứ đã từng ở nơi vô số các đức Phật trồng nhiều căn lành.

“Thiện nam tử! Trong thành lớn ấy, hết thảy nhân dân đều tin phục tà đạo, phụng sự phái Ni-kiền.⁽⁶⁾

“Bấy giờ, ta vì muốn hóa độ trưởng giả Lư-chí [và

nhân dân ở đó], liền từ thành Vương Xá hóa hiện đến thành ấy. Cách thành khoảng sáu mươi lăm do-tuần, ta hiện thân [như người thường] đi bộ đến thành để hóa độ những người ở đó.

“Bọn ngoại đạo Ni-kiền nghe biết tin ta sắp đến thành Thủ-ba-la liền nghĩ rằng: ‘Nếu sa-môn Cồ-đàm đến đây, dân chúng sẽ từ bỏ chúng ta, không còn chu cấp phụng sự chúng ta nữa. [Khi ấy] chúng ta sẽ nghèo cùng đói thiếu, làm sao tự sống được?’

“Bọn Ni-kiền ấy liền phân tán ra khắp nơi, rêu rao với dân trong thành rằng: ‘Nay sa-môn Cồ-đàm muốn đến đây, nhưng sa-môn ấy là người đã bỏ cha bỏ mẹ lang bạt khắp nơi. Ông ấy đi đến đâu thì khiến cho đất đai lúa thóc ở đó mất mùa, nhân dân nghèo đói, người chết như rạ, bệnh dịch xâm hại không thể cứu thoát... Cồ-đàm là kẻ không mang đến bất cứ lợi ích gì. Đi theo ông ta toàn là bọn quỷ thần, la-sát hung dữ. Những kẻ không cha không mẹ, cô độc cùng quần mới đến học hỏi và làm đệ tử ông ta. Ông ta chỉ có thể giảng dạy duy nhất một thuyết hư không mà thôi! Ông ta đến chỗ nào thì chỗ ấy tức thời không được an vui.’

“Những người dân nơi ấy nghe rồi đem lòng sợ sệt, cúi đầu lễ kính bọn Ni-kiền, bạch rằng: ‘Đại sư! Nay chúng tôi biết phải làm sao?’

“Bọn Ni-kiền đáp: ‘Sa-môn Cồ-đàm có tính ưa thích rừng cây, suối chảy nước trong. Bên ngoài thành nếu có những cảnh vật như thế, nên phá hoại hết đi. Các ông nên kéo nhau ra ngoài thành, đến những nơi có cây cối vườn rừng thì đốn phá cho hết, đừng để lại gì cả. Còn những nơi có suối, giếng, ao nước thì nên đổ phẫn dơ vào đó. Hãy đóng chặt các cửa thành, chuẩn bị binh khí

[canh phòng] cho nghiêm ngặt. Nơi các vách thành cần phòng thủ thật kiên cố. Nếu ông ấy đi đến, không cho ai được đến trước mặt ông ấy. Nếu không có ai đến trước mặt ông ấy, mọi người sẽ được an ổn. Chúng ta cũng sẽ sắp đặt mọi phương cách để làm cho ông Cồ-đàm ấy phải theo đường cũ mà quay trở về.’

“Nhân dân nơi ấy nghe vậy rồi, thấy đều cung kính vâng theo, cùng nhau chặt phá cây cối, làm đơ bản các nguồn nước, sắp đặt binh khí nghiêm ngặt, phòng thủ một cách kiên cố.”

“Thiện nam tử! Lúc ta đến thành ấy, không thấy cây cối vườn rừng chi cả, chỉ thấy những người trang bị binh khí, phòng thủ ở các vách thành. Thấy việc như vậy rồi, ta lấy làm thương xót, đem tâm từ hướng về khắp nơi. [Ngay lập tức], cây cối liền mọc lên như cũ, lại còn sanh nảy thêm nhiều cây khác, nhiều không kể xiết. Sông, hồ, suối, giếng nước đều trở nên trong sạch, đầy tràn, như màu lưu ly xanh, lại sanh ra nhiều thứ hoa che tràn bên trên mặt nước. Vách thành bỗng hóa ra màu lưu ly trong suốt xanh biếc. Từ trong thành, nhân dân đều được nhìn thấy rõ ta và đại chúng. Cửa thành tự nhiên mở rộng, không ai có thể ngăn lại được. Các thứ binh khí đều hóa thành những loại hoa đẹp.

“Trưởng giả Lư-chí làm bậc thượng thủ dẫn đầu, nhân dân trong thành thấy đều theo sau, cùng đi đến chỗ ta. Ta liền vì mọi người mà thuyết giảng đủ mọi lẽ cốt yếu trong pháp Phật, khiến cho hết thấy những người ấy đều phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Thiện nam tử! Lúc ấy ta thật chẳng hề hóa ra mọi thứ cây cối, nước chảy trong sạch đầy tràn sông rạch, ao hồ, cũng không hề biến thành ấy ra màu lưu ly trong

suốt xanh biếc, làm cho nhân dân thấy rõ được ta, và cũng không hề mở cửa thành, biến đồ binh khí thành các loại hoa.

“Thiện nam tử! Nên biết rằng đó đều là do sức căn lành của tâm từ, khiến cho những người dân nơi ấy nhìn thấy mọi sự việc như vậy.”

Lại nữa, thiện nam tử! Trong thành Xá-vệ có người phụ nữ thuộc dòng bà-la-môn, họ Bà-tư-trá, chỉ có duy nhất một đứa con trai rất mực thương yêu, nhưng nó lại bị bệnh chết đi.

“Lúc ấy, sự buồn rầu độc hại xâm chiếm trong lòng khiến người đàn bà ấy cuồng loạn mất cả bản tánh. Bà lỏa lồ hình thể không biết xấu hổ, đi đến các ngã tư đường, kêu khóc thất thanh rằng: ‘Con ơi! Con ơi! Con đi đến chốn nào?’ Bà đi khắp trong thành ấp, không biết mệt mỏi.

“Người đàn bà này vốn đã từng ở nơi chư Phật trước đây trông các căn lành.

“Thiện nam tử! Ta đối với người đàn bà ấy liền khởi tâm từ thương xót. Ngay lúc ấy, bà liền được nhìn thấy ta, lại tưởng ta là con của bà, tâm trí liền [tỉnh táo] trở lại như xưa, chạy đến ôm lấy thân ta, hôn vào miệng ta.

“Bấy giờ, ta bảo thị giả⁽⁷⁾ A-nan: ‘Ông hãy mang y phục lại đây cho người phụ nữ này mặc.’ Khi bà mặc y phục vào rồi, ta liền vì bà ấy mà thuyết giảng mọi điều cốt yếu trong pháp Phật. Người đàn bà ấy nghe pháp xong sanh tâm vui vẻ phấn khích, phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Thiện nam tử! Lúc ấy ta thật chẳng phải là con bà ấy, bà chẳng phải mẹ ta, cũng chẳng có việc đến ôm ta.

“Thiện nam tử! Nên biết rằng đó đều là do sức căn lành của tâm từ, khiến cho người đàn bà ấy thấy có những sự việc như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Trong thành *Ba-la-nại* có một người nữ cư sĩ⁽⁸⁾ tên là *Ma-ha Tư-na-đạt-đa*, trong quá khứ đã từng trông các căn lành trước vô lượng chư Phật. Người nữ cư sĩ ấy có phát nguyện được phụng thí thuốc thang cho những vị tăng đau ốm trong thời gian 90 ngày nhập hạ.⁽⁹⁾

“Lúc ấy, trong chúng tăng có một thầy *tỳ-kheo* bệnh nặng. Thầy thuốc xem mạch bảo rằng: ‘Nên dùng món thịt làm thuốc. Nếu được ăn thịt sẽ khỏi bệnh, nếu không ăn thịt thì chẳng bao lâu nữa sẽ phải chết.’

“Lúc ấy, người nữ cư sĩ nghe được lời nói của thầy thuốc, liền mang vàng đi khắp từ chợ búa đến làng quê, lớn tiếng hỏi rằng: ‘Ai có thịt bán không? Tôi dùng vàng để mua. Nếu ai bán thịt, tôi sẽ đổi ngang bằng số vàng.’ Cô đi khắp cả thành thị nhưng chẳng tìm được ai bán thịt cả. Người nữ cư sĩ ấy liền tự tay cầm dao cắt thịt ở đùi mình, nấu chín với nhiều thứ gia vị thơm tho rồi đem dâng cho thầy *tỳ-kheo* bị bệnh. *Tỳ-kheo* ấy ăn xong liền được khỏi bệnh.

“[Nhưng rồi] chỗ vết thương của người nữ cư sĩ ấy lại hóa thành ghẻ độc, đau đớn khổ não không sao chịu nổi, cô liền lớn tiếng niệm rằng: ‘*Nam-mô Phật-đà! Nam-mô Phật-đà!*’

“Lúc ấy, ta đang ở thành *Xá-vệ*, nghe tiếng niệm Phật liền khởi tâm đại từ đối với người nữ cư sĩ ấy. Cô ta liền nhìn thấy ta cầm thuốc hay đến thoa phết lên ghẻ độc, khiến cho da thịt trở nên lành lặn như cũ. Ta liền vì cô ấy

mà thuyết pháp. Nghe pháp xong, cô ấy sanh lòng vui vẻ, liền phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Lúc ấy ta thật không hề đến thành *Ba-la-nại*, cũng không hề dùng thuốc thoa phết lên ghẻ độc cho người nữ cư sĩ ấy.

“Thiện nam tử! Nên biết rằng đó đều là do sức căn lành của tâm từ, khiến người nữ cư sĩ ấy thấy có những sự việc như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! *Điều-đạt* là kẻ xấu ác, lòng tham không biết đủ, ăn quá nhiều chất bơ sữa nên nhức đầu, đau bụng, hết sức khổ não, không sao chịu đựng nổi, mới niệm rằng: ‘*Nam-mô Phật-đà! Nam-mô Phật-đà!*’

“Lúc ấy, ta đang ở tại thành *Ưu-thiên-ni*, nghe tiếng niệm Phật như thế liền sanh tâm từ. Bấy giờ *Điều-đạt* liền nhìn thấy ta đến đó, lấy tay xoa đầu, xoa bụng và đưa thuốc muối cho, bảo phải uống vào. Uống xong liền bình phục.

“Thiện nam tử! Ta thật không hề đến chỗ của *Điều-đạt*, cũng chẳng hề xoa đầu, xoa bụng và đưa thuốc bảo uống.

“Thiện nam tử! Nên biết rằng đó đều là do sức căn lành của tâm từ, khiến cho *Điều-đạt* thấy có những sự việc như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ở nước *Kiều-tát-la*⁽¹⁰⁾ có một bọn cướp đến năm trăm tên. Bọn chúng cướp đoạt của cải, gây hại rất nhiều. Vua *Ba-tư-nặc* lấy làm lo ngại vì sự hoành hành bạo ngược của chúng, liền sai quân binh vây bắt. Bắt được rồi móc mắt cả bọn, mang bỏ vào một nơi rừng rậm đen tối.

“Bọn cướp ấy vốn trước đây đã từng trông căn lành nơi chư Phật quá khứ. Khi bị móc mắt rồi, họ hết sức

đau đớn khổ sở, cùng nhau kêu lên rằng: “*Nam-mô Phật-đà! Nam-mô Phật-đà! Nay chúng tôi không có ai cứu giúp!*” Họ khóc lóc, kêu than như vậy.

“Lúc ấy, ta ở tại tinh xá *Kỳ-hoàn*,⁽¹¹⁾ nghe tiếng than khóc ấy liền sanh tâm từ. Bấy giờ liền có cơn gió mát thổi các thứ hương thuốc từ trong Hương sơn đến xông đầy vào mắt những người ấy, không bao lâu họ liền được sáng mắt trở lại như trước.

“Bọn cướp ấy mở mắt ra liền nhìn thấy Như Lai đứng trước họ, vì họ mà thuyết pháp. Nghe pháp rồi liền phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Lúc ấy ta thật không hề làm ra gió thổi các thứ hương thuốc trong Hương sơn, cũng không hề đứng trước những người ấy mà thuyết pháp cho họ nghe.

“Thiện nam tử! Nên biết rằng đó đều là do sức căn lành của tâm từ khiến cho bọn cướp ấy thấy có những việc như vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Thái tử *Lưu-ly*⁽¹²⁾ vì ngu si nên phế truất vua cha, tự mình lên ngôi; lại nhớ tới thù hận xưa nên tàn hại rất nhiều người họ *Thích*,⁽¹³⁾ bắt một vạn hai ngàn phụ nữ họ *Thích* mà cắt tai, xẻo mũi, chặt đứt tay chân và xô nhào xuống hầm hố.

“Bấy giờ, những người phụ nữ ấy thân chịu khổ não, cùng nói ra lời này: ‘*Nam-mô Phật-đà! Nam-mô Phật-đà! Nay chúng tôi chẳng có ai cứu giúp.*’ Rồi lại kêu gào than khóc lớn hơn.

“Những người phụ nữ này trước đã từng trông các căn lành nơi chư Phật quá khứ.

“Lúc ấy ta ở tại Trúc Lâm,⁽¹⁴⁾ nghe tiếng than khóc

liên khởi tâm từ. Những người phụ nữ ấy liền nhìn thấy ta đến thành *Ca-tỳ-la*, dùng nước rửa vết thương cho họ, rồi dùng thuốc đắp lên. Không bao lâu họ liền hết đau đớn, tai, mũi, tay, chân đều được lành lại như cũ.

“Lúc ấy ta vì họ mà thuyết giảng những lẽ cốt yếu của pháp Phật, khiến cho tất cả cùng phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Họ liền tìm đến chỗ bà *tỳ-kheo ni Đại Ái Đạo*⁽¹⁵⁾ để xuất gia, thọ giới cụ túc.

“Thiện nam tử! Như Lai lúc ấy thật không có đến thành *Ca-tỳ-la*, cũng không hề dùng nước rửa vết thương, đắp thuốc cho dứt sự đau khổ.

“Thiện nam tử! Nên biết rằng đó đều là do sức căn lành của tâm từ, khiến những người phụ nữ ấy thấy có những sự việc như vậy.

“Các tâm bi, tâm hỷ cũng [có vô lượng thần thông] như vậy.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên sự suy xét của vị Bồ Tát ma-ha-tát tu tập tâm từ là chân thật, chẳng phải hư dối.

“Thiện nam tử! Nói là vô lượng, tức là không thể nghĩ bàn. Những việc làm của vị Bồ Tát là không thể nghĩ bàn. Những việc làm của chư Phật cũng không thể nghĩ bàn. Kinh điển Đại thừa Đại *Niết-bàn* này cũng không thể nghĩ bàn!⁽¹⁶⁾

“Lại nữa, thiện nam tử! Khi Bồ Tát ma-ha-tát đã tu tập các đức *từ, bi, hỷ* thì được trụ ở địa vị *Cực ái nhất tử*.⁽¹⁷⁾

“Thiện nam tử! Vì sao địa vị ấy gọi là *Cực ái*, lại gọi là *nhất tử*? Thiện nam tử! Ví như cha mẹ khi thấy con mình được yên ổn thì trong lòng hết sức vui vẻ. Bồ Tát

ma-ha-tát trụ ở địa vị này cũng giống như vậy, xem tất cả chúng sanh đều như đứa con duy nhất của mình, khi thấy chúng sanh tu thiện thì trong lòng hết sức vui vẻ. Vì thế nên địa vị này gọi là *Cực ái*.

“Thiện nam tử! Ví như cha mẹ khi thấy con bệnh hoạn thì sanh tâm khổ não, thương xót nên buồn rầu, không hề xa rời. Bồ Tát ma-ha-tát trụ ở địa vị này cũng giống như vậy, khi thấy các chúng sanh bị bệnh phiền não trói buộc bức thiết thì trong lòng buồn khổ, lo nghĩ như con mình, các lỗ chân lông trên thân thể đều ứa máu. Vì thế nên địa vị này gọi là *nhất tử*.

“Thiện nam tử! Như trẻ con lúc còn thơ dại, bốc lấy những thứ đất cục, phấn dơ, gạch ngói, xương khô, nhánh cây... mà đưa vào miệng. Cha mẹ thấy vậy sợ con mắc bệnh, liền dùng tay trái mà giữ đầu, tay phải móc lấy những thứ ấy ra. Bồ Tát ma-ha-tát trụ ở địa vị này cũng giống như vậy, thấy các chúng sanh Pháp thân chưa tăng trưởng, có người dùng thân, khẩu, ý tạo nhiều nghiệp bất thiện. Bồ Tát thấy vậy rồi ắt phải dùng bàn tay trí tuệ mà đánh bạt những nghiệp bất thiện ấy ra, không muốn cho những chúng sanh ấy phải lưu chuyển trong sanh tử, chịu những khổ não. Vì thế nên địa vị này gọi là *nhất tử*.

“Thiện nam tử! Ví như khi đứa con thương yêu chết đi, cha mẹ hết sức sầu não, muốn cùng chết theo. Bồ Tát cũng vậy, thấy những kẻ *nhất-xiển-đề* đọa vào địa ngục, cũng nguyện cùng sanh vào địa ngục với họ. Vì sao vậy? Nếu những kẻ *nhất-xiển-đề* này trong khi thọ khổ có sanh lòng hối cải, Bồ Tát liền vì họ mà thuyết pháp, khiến họ được sanh một niệm căn lành. Vì thế nên địa vị này gọi là *nhất tử*.

“Thiện nam tử! Ví như cha mẹ chỉ có duy nhất một đứa con. Dù đứa con ấy đang ngủ hay thức, [bác cha mẹ] trong khi đi, đứng, ngồi, nằm... trong lòng vẫn luôn nhớ nghĩ đến con. Nếu đứa con ấy có gây ra tội lỗi thì khéo dùng lời dạy dỗ, không làm tăng thêm điều xấu ác của nó. Bồ Tát ma-ha-tát cũng giống như vậy, khi thấy chúng sanh đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, hoặc sanh ra trong cõi người, cõi trời, làm ra những việc thiện, ác, trong lòng Bồ Tát thường luôn nhớ nghĩ đến, không hề buông bỏ. Nếu chúng sanh làm những việc ác cũng chẳng bao giờ sanh lòng giận dữ, làm cho điều ác của họ tăng thêm. Vì thế nên địa vị này gọi là *nhất tử*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Như chỗ Phật thuyết dạy thật rất sâu kín, con nay trí tuệ cạn cợt làm sao có thể hiểu thấu được? Nếu như các vị Bồ Tát trụ ở địa vị *nhất tử* có thể được như vậy, tại sao Như Lai thuở xưa làm quốc vương, còn là Bồ Tát lại dứt mạng sống của các thầy *bà-la-môn* kia?⁽¹⁸⁾ Nếu đạt được địa vị ấy, ắt phải hộ niệm cho người ấy; còn như chưa đạt được, vậy do nhân duyên gì [mà tạo tội giết người] lại không đọa vào địa ngục?

“Nếu [Như Lai] xem tất cả chúng sanh đều bình đẳng như con một của ngài là *La-hầu-la*, vì sao lại hướng về Đề-bà-đạt-đa nói ra lời này: ‘[Ông là] kẻ ngu si không biết xấu hổ, ăn đàm dãi của người khác.’ Khiến cho Đề-bà-đạt-đa nghe rồi sanh lòng sân hận, khởi tâm bất thiện, làm thân Phật chảy máu. Đề-bà-đạt-đa làm việc ác ấy rồi, Như Lai lại báo trước rằng: ‘Ông sẽ đọa địa ngục, chịu tội trong một kiếp.’

“Bạch Thế Tôn! Những lời nói như vậy sao có thể không trái nghĩa nhau? Thế Tôn! Ông *Tu-bồ-đề* trụ ở

Hư không địa, mỗi khi muốn vào thành khát thực thì trước hết cần phải quán sát lòng người. Nếu có người nào sanh lòng ganh ghét với ông, thì ông dừng lại chẳng đi; cho dù đói lắm cũng không đi khát thực. Vì sao vậy? Ông *Tu-bồ-đề* thường nghĩ rằng: ‘Ta nhớ lại thuở xưa, đối với bậc phước điền⁽¹⁹⁾ ta có sanh ra một niệm ác. Do nhân duyên ấy phải đọa vào địa ngục lớn, chịu đủ mọi cảnh khổ. Nay ta thà chịu đói suốt ngày không ăn, cũng không muốn để cho kẻ khác đối với ta khởi lòng ganh ghét mà phải đọa vào địa ngục, chịu nhiều khổ não.’ Ông ấy lại nghĩ rằng: ‘Nếu có chúng sanh không muốn thấy ta đứng thì ta sẽ trợn ngày ngồi không đứng dậy. Nếu có chúng sanh không muốn thấy ta ngồi thì ta sẽ đứng yên trợn ngày không thay đổi [ngồi xuống]. Đối với những việc đi lại hay nằm xuống cũng vậy.’

“Ông *Tu-bồ-đề* vì giúp đỡ chúng sanh còn khởi tâm được như vậy, hưởng chi là vị Bồ Tát [sắp thành Phật]? Nếu là Bồ Tát đạt được địa vị [Cực ái] *nhất tử*, vì duyên có gì Như Lai lại nói ra lời thô nặng ấy, khiến cho chúng sanh khởi tâm ác độc nặng nề?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nay ông không nên vặn hỏi theo cách như thế, cho rằng Phật Như Lai đã gây ra nhân duyên phiền não cho chúng sanh.

“Thiện nam tử! Ví như [có việc] con muối dùng vôi hút cạn nước biển, cũng không bao giờ [có việc] Như Lai gây ra nhân duyên phiền não cho chúng sanh. Thiện nam tử! Ví như [có những việc như] toàn cõi đất này hóa thành không màu sắc, nước đổi tánh thành khô, lửa chuyển thành lạnh, gió lại là đứng yên, Tam Bảo, tánh Phật cùng với hư không đều là vô thường, cũng không bao giờ [có việc] Như Lai gây ra nhân duyên phiền não cho chúng sanh!

“Thiện nam tử! Ví như [có những việc như] kẻ phạm Bốn tội nghiêm trọng, kẻ *nhất-xiển-đề* cùng kẻ phỉ báng Chánh pháp mà ngay trong đời này được thành tựu *Mười sức*, được đức *Không sợ sệt*, được ba mươi hai tướng tốt với tám mươi vẻ đẹp, cũng không bao giờ [có việc] Như Lai gây ra nhân duyên phiền não cho chúng sanh!

“Thiện nam tử! Ví như [có việc] hàng Thanh văn và *Bích-chi* Phật là thường trụ, không biến đổi, cũng không bao giờ [có việc] Như Lai gây ra nhân duyên phiền não cho chúng sanh!

“Thiện nam tử! Ví như [có việc] các Bồ Tát ở địa vị *Thập trụ* mà phạm Bốn tội nghiêm trọng, làm kẻ *nhất-xiển-đề*, phỉ báng Chánh pháp, cũng không bao giờ [có việc] Như Lai gây ra nhân duyên phiền não cho chúng sanh!

“Thiện nam tử! Ví như [có việc] hết thảy vô lượng chúng sanh đều dứt mất tánh Phật, hoặc như Như Lai sẽ buông bỏ tất cả mà vào *Niết-bàn*, cũng không bao giờ [có việc] Như Lai gây ra nhân duyên phiền não cho chúng sanh.

“Thiện nam tử! Ví như [có những việc] giăng lưới bắt giữ được gió, dùng răng cắn vỡ sắt thép, dùng móng tay cào nát núi *Tu-di*... cũng không bao giờ [có việc] Như Lai gây ra nhân duyên phiền não cho chúng sanh!

“Thiện nam tử! Thà chịu sống chung một chỗ với rắn độc, hoặc đưa hai tay vào hàm sư tử đói, hoặc tắm cả thân hình trong than hồng *khư-đà-la*,⁽²⁰⁾ chứ đừng bao giờ nói rằng: ‘Như Lai Thế Tôn gây ra nhân duyên phiền não cho chúng sanh!’

“Thiện nam tử! Như Lai quả thật có thể vì chúng sanh mà dứt trừ phiền não, chứ không bao giờ lại tạo ra nhân duyên phiền não.

“Thiện nam tử! Như ông nói rằng: ‘Như Lai xưa kia có giết một thầy *bà-la-môn*.’ Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát cho đến con kiến còn không cố ý giết, huống chi lại giết những người *bà-la-môn*? Bồ Tát thường dùng đủ mọi phương tiện bố thí rộng rãi cho chúng sanh được thọ mạng vô lượng.

“Thiện nam tử! Khi bố thí món ăn tức là thí cho mạng sống. Bồ Tát ma-ha-tát trong khi thực hành *Bố thí Ba-la-mật* thường thí cho chúng sanh thọ mạng vô lượng.

“Thiện nam tử! Tu giới không giết hại thì được thọ mạng lâu dài. Bồ Tát ma-ha-tát trong khi thực hành *Trì giới Ba-la-mật* là đã thí cho tất cả chúng sanh thọ mạng vô lượng.

“Thiện nam tử! Giữ cho lời nói không có lỗi thì được thọ mạng lâu dài. Bồ Tát ma-ha-tát trong khi thực hành *Nhẫn nhục Ba-la-mật* thường khuyên chúng sanh đừng khởi tư tưởng oán thù, dành lẽ phải cho người khác, nhận chỗ sai về mình, không tranh giành kiện tụng thì được thọ mạng lâu dài. Cho nên Bồ Tát trong khi thực hành *Nhẫn nhục Ba-la-mật* là đã thí cho chúng sanh thọ mạng vô lượng.

“Thiện nam tử! Tinh cần tu thiện thì được thọ mạng lâu dài. Bồ Tát ma-ha-tát trong khi thực hành *Tinh tấn Ba-la-mật* thường khuyên chúng sanh siêng năng tu tập pháp lành. Chúng sanh làm theo như vậy liền được thọ mạng vô lượng. Vì thế, Bồ Tát trong khi thực hành *Tinh tấn Ba-la-mật* là đã thí cho chúng sanh thọ mạng vô lượng.

“Thiện nam tử! Tu phép nhiếp tâm thì được thọ mạng lâu dài. Bồ Tát ma-ha-tát trong khi thực hành *Thiền Ba-la-mật* thường khuyên chúng sanh tu tập tâm bình đẳng. Chúng sanh làm theo như vậy liền được thọ mạng

lâu dài. Vì thế, Bồ Tát trong khi thực hành *Thiền Ba-la-mật* là đã thí cho chúng sanh thọ mạng vô lượng.

“Thiện nam tử! Không buông lung phóng túng đối với các pháp lành thì được thọ mạng lâu dài. Bồ Tát ma-ha-tát, trong khi thực hành *Trí tuệ Ba-la-mật* thường khuyên chúng sanh đừng sanh tâm phóng túng buông lung đối với các pháp lành. Chúng sanh làm theo như vậy rồi, nhờ nhân duyên ấy liền được thọ mạng lâu dài. Vì thế, Bồ Tát khi thực hành *Trí tuệ Ba-la-mật* là đã thí cho chúng sanh thọ mạng vô lượng.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên Bồ Tát ma-ha-tát đối với chúng sanh không bao giờ lại đoạt lấy mạng sống!

“Thiện nam tử! Ông vừa hỏi rằng, khi giết những người *bà-la-môn* kia ta có đạt được địa vị [Cực ái] nhất tử ấy hay không? Thiện nam tử! Khi ấy ta đã đạt được địa vị ấy rồi. Vì lòng thương tưởng nên mới dứt mạng sống của những người *bà-la-môn* ấy, chẳng phải vì lòng ác.

“Thiện nam tử! Ví như cha mẹ chỉ có duy nhất một đứa con, tình thương rất nặng. Nhưng đứa con ấy phạm vào phép quan. Bấy giờ, cha mẹ vì khiếp sợ mà đuổi đi hoặc giết chết. Tuy là đuổi đi hoặc giết chết, nhưng không có lòng ác. Bồ Tát ma-ha-tát vì hộ trì Chánh pháp cũng như vậy. Nếu có những chúng sanh báng bổ Đại thừa, liền dùng roi mà đánh, làm cho họ khổ sở để trừng trị, hoặc giết chết họ, là muốn cho họ sửa đổi việc cũ, tu tập theo pháp lành. Bồ Tát thường suy nghĩ rằng: ‘Do nhân duyên gì có thể khiến cho chúng sanh phát khởi lòng tin?’ Tùy theo phương tiện nên bắt buộc phải làm như vậy.

“Những người *bà-la-môn* sau khi chết sanh vào địa ngục *A-tỳ* liền có ba ý nghĩ. Một là tự nghĩ rằng: ‘Ta từ

đâu sanh vào nơi này? Tức thì tự biết là đã từ cõi người mà đến. Hai là tự nghĩ rằng: ‘Nơi ta hôm nay sanh ra là xứ sở nào?’ Tức thì tự biết đó là địa ngục *A-tỳ*. Ba là tự nghĩ rằng: ‘Do nghiệp duyên gì mà ta sanh đến chốn này?’ Tức thì họ tự biết rằng do nhân duyên không có lòng tin [nơi Tam bảo], báng bỏ kinh điển Phương đẳng Đại thừa mà bị nhà vua giết chết, mới sanh đến chốn này.

“Suy nghĩ đến sự việc như thế rồi, họ liền sanh lòng tin kính đối với kinh điển Phương đẳng Đại thừa. Không bao lâu sau họ chết đi, liền được sanh về thế giới của đức Như Lai Cam Lộ Cổ. Thọ mạng ở thế giới ấy dài đủ mười kiếp. Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên thuở xưa chính ta đã thí cho những người ấy thọ mạng dài mười kiếp. Sao lại gọi là giết hại?”

“Thiện nam tử! Như có người làm những việc đào đất, cắt cỏ, đốn cây, chém đứt xác chết, mắng chửi, đánh đập [xác chết]. Do nghiệp duyên ấy, có đọa vào địa ngục hay chăng?”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Theo như chỗ con hiểu ý nghĩa lời Phật dạy thì họ phải đọa vào địa ngục. Vì sao vậy? Khi xưa Phật có vì hàng Thanh văn mà thuyết pháp rằng: ‘*Tỳ-kheo* các ông, cho đến đối với những cây củ cũng đừng sanh lòng ác. Vì sao vậy? Hết thảy chúng sanh đều do lòng ác mà phải đọa vào địa ngục.’”

Lúc ấy, Phật khen ngợi Bồ Tát *Ca-diếp*: “Lành thay, lành thay! Như lời ông nói đó, nên khéo gìn giữ làm theo. Thiện nam tử! Nếu do lòng ác mà phải đọa vào địa ngục, thì Bồ Tát thuở ấy thật không có lòng ác. Vì sao vậy? Bồ Tát ma-ha-tát đối với tất cả chúng sanh, cho đến loài sâu kiến cũng đều sanh lòng thương xót, muốn làm lợi ích.

Vì sao vậy? Vì Bồ Tát khéo biết các nhân duyên, phương tiện. Bồ Tát dùng sức phương tiện, muốn cho chúng sanh gieo trồng các căn lành. Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên thuở xưa ta đã dùng phương tiện khéo léo, tuy giết chết những người *bà-la-môn* nhưng không có lòng ác.

“Thiện nam tử! Theo giáo pháp của đạo *Bà-la-môn* thì dù giết chết những con kiến chất đầy mười cỗ xe cũng không có tội báo. Nếu giết chết mà chở đầy đến mười cỗ xe các loài muỗi mòng, chí rận, mè, chôn, sư tử, cọp, sói, gấu, gấu ngựa, các loại trùng độc, thú dữ cùng với các loài có thể làm hại chúng sanh, hoặc đoạt mạng những quỷ thần, *la-sát*, *câu-bàn-trà*, *ca-la*, *phú-đơn-na*, những loài quỷ thần điên cuồng nóng nảy có thể gây sự nhiễu hại cho chúng sanh, cũng đều không có tội báo. Nếu giết người ác thì có tội báo. Giết rồi mà không hối tiếc thì phải đọa cảnh ngạ quỷ. Nếu có thể sám hối, trong ba ngày không ăn thì tội ấy tiêu diệt không còn gì cả. Nếu giết bậc hòa thượng, làm hại cha mẹ, phụ nữ hay trâu bò thì sẽ phải đọa vào địa ngục trong vô số ngàn năm.

“Thiện nam tử! Phật và Bồ Tát biết rõ việc giết hại có ba mức độ: nặng, rất nặng và nặng nhất. Mức độ nặng là nói việc giết hại từ loài sâu kiến cho đến hết thảy các loài súc sanh, chỉ trừ Bồ Tát thị hiện sanh trong các loài ấy. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát vì nhân duyên phát nguyện nên [có khi] thị hiện thọ thân súc sanh.

“Giết hại các loài như vậy gọi là nhân duyên giết hại ở mức độ nặng, phải đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, chịu đủ những nỗi khổ não nặng nề. Vì sao vậy? Vì các loài súc sanh ấy vẫn có căn lành, dù là rất nhỏ, nên kể

giết hại chúng phải chịu đủ tội báo. Đó gọi là giết hại ở mức độ nặng.

“Giết hại ở mức độ rất nặng là nói việc giết hại từ những kẻ phạm phu cho đến người đắc quả *A-na-hàm*.⁽²¹⁾ Đó gọi là giết hại ở mức độ rất nặng. Vì nghiệp nhân ấy phải đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, chịu đủ các nỗi khổ ở mức độ nặng nề hơn. Đó gọi là giết hại ở mức độ rất nặng.

“Giết hại ở mức độ nặng nhất là nói việc giết hại từ cha mẹ mình cho đến các bậc *A-la-hán*, Phật *Bích-chi* và những người quyết định sẽ là Bồ Tát. Đó gọi là giết hại ở mức độ nặng nhất. Vì nghiệp nhân ấy phải đọa vào Đại địa ngục *A-tỳ*,⁽²²⁾ chịu đủ các nỗi khổ nặng nề nhất. Đó gọi là giết hại ở mức độ nặng nhất.

“Thiện nam tử! Nếu ai có thể giết kẻ *nhất-xiển-đề* thì không rơi vào ba mức độ giết hại kể trên. Thiện nam tử! Những người *bà-la-môn* kia hết thảy đều là *nhất-xiển-đề*. Ví như đào đất, cắt cỏ, chặt cây, chém đứt tử thi hoặc máng chửi, đánh đập [mà không khởi lòng ác thì] không có tội báo. Giết kẻ *nhất-xiển-đề* cũng vậy, không có tội báo. Vì sao vậy? Những người *bà-la-môn* thậm chí chẳng có Năm pháp như đức tin...,⁽²³⁾ vì thế có giết cũng không đọa vào địa ngục.

“Thiện nam tử! Trước ông có hỏi: Như Lai vì sao trách mắng *Đề-bà-đạt-đa* là kẻ ngu si [không biết xấu hổ], ăn đàm dãi [người khác]? Ông cũng không nên vặn hỏi như thế. Vì sao vậy? Những gì chư Phật Thế Tôn nói ra đều không thể nghĩ bàn!

“Thiện nam tử! Ví như có lời nói đúng thật, được người đời ưa thích, nhưng nếu không phải lúc, không đúng

Chánh pháp, không làm lợi ích, Phật cũng không bao giờ nói ra. Thiện nam tử! Lại như có lời nói thô nặng, hư dối, không phải lúc, không đúng Chánh pháp, người khác chẳng muốn nghe, chẳng thể làm lợi ích, thì Phật cũng không nói ra.

“Thiện nam tử! Như có lời nói tuy là thô nặng, nhưng chân thật không hư dối, lại đúng lúc, đúng Chánh pháp, có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, tuy là người nghe không vui nhưng Phật vẫn cần phải nói. Vì sao vậy? Vì chư Phật Thế Tôn tùy nghi hiểu biết đúng tất cả các pháp, biết khéo dùng phương tiện.

“Thiện nam tử! Có lần ta du hành đến cụm rừng kia gần thôn Khoáng Dã. Có một quỷ thần tên là Khoáng Dã ở dưới một cội cây, ăn toàn máu thịt, giết hại rất nhiều chúng sanh, lại lần lượt ăn thịt từng người trong thôn xóm ấy.

“Thiện nam tử! Lúc bấy giờ ta vì quỷ thần ấy mà rộng thuyết những lẽ cốt yếu của chánh pháp. Nhưng quỷ ấy hung bạo độc ác, ngu si không trí tuệ nên không nhận lãnh giáo pháp. Ta liền hóa thân làm vị quỷ Đại lực, náo động cung điện của quỷ [Khoáng Dã], khiến cho nó chẳng được ở yên. Quỷ ấy liền dẫn theo quyến thuộc ra khỏi cung điện muốn chống cự với ta. Nhưng khi quỷ ấy vừa nhìn thấy ta liền mất cả tâm niệm, hoảng sợ té nhào xuống đất, mê man đứt hết mọi thứ, như người đã chết.

“Ta đem lòng từ mẫn, dùng tay xoa lên thân quỷ, quỷ ấy liền tỉnh lại, ngồi dậy nói rằng: ‘Đáng mừng thay, hôm nay tôi còn giữ được thân mạng! Vị Đại thần vương đây có oai đức lớn, lại có lòng từ mẫn nên đã tha tội cho tôi.’ Quỷ ấy liền ở trước mặt ta sanh khởi lòng lành và

đức tin. Ta liền hiện trở lại thân Như Lai, vì quý ấy mà thuyết giảng mọi lẽ pháp yếu, khiến quý thân ấy thọ giới không giết hại.⁽²⁴⁾

“Ngay hôm ấy, trong thôn Khoáng Dã có một ông trưởng giả đến lượt phải chết. Người trong thôn đưa ông trưởng giả đến cho quý thân ấy. Quý thân ấy nhận rồi lại đem dâng cho ta. Ta nhận rồi mới đổi tên ông ấy là Thủ Trưởng giả [rồi thả cho về].

“Bấy giờ, quý ấy bạch với ta rằng: ‘Thế Tôn! Con và quyến thuộc chỉ trông nhờ vào máu thịt để sống. Nay phải giữ giới không giết hại thì làm sao để sống?’

“Ta liền đáp rằng: ‘Từ nay ta sẽ dạy các đệ tử Thanh văn, trong khi tu hành pháp Phật ở bất cứ nơi đâu cũng đều phải bố thí món ăn vật uống cho các người.’

“Thiện nam tử! Vì nhân duyên ấy, ta có vì các *tỳ-kheo* mà chế định điều giới rằng: ‘Các ông từ nay về sau phải thường thí thực cho quý Khoáng Dã. Nếu *tỳ-kheo* ở nơi nào mà không bố thí như vậy, nên biết rằng đó chẳng phải đệ tử của ta mà là quyến thuộc của ma.’

“Thiện nam tử! Như Lai vì muốn điều phục chúng sanh nên thị hiện đủ mọi phương tiện như vậy, không hề cố ý làm cho họ sanh lòng sợ sệt.

“Thiện nam tử! Ta cũng có khi dùng cây đánh quý hộ pháp. Lại có một lần từ trên núi cao ta xô quý đầu dê té rơi xuống núi. Ta lại có lần từ trên ngọn cây đánh quý *Hộ-di-hầu*, có lần khiến cho con voi Hộ Tài nhìn thấy năm con sư tử, có lần sai thần Kim cang dọa nạt bọn ngoại đạo *Ni-kiền Tát-già*, lại có lần dùng kim đâm quý tiền ma...⁽²⁵⁾ Tuy ta làm những việc như vậy nhưng chẳng giết chết những quý thân ấy. Chính là ta muốn

cho họ trụ yên trong Chánh pháp, nên mới thị hiện đủ mọi phương tiện như vậy.

“Thiện nam tử! Vào lúc ấy ta thật ra không hề mạ nhục *Đề-bà-đạt-đa*. *Đề-bà-đạt-đa* cũng chẳng phải là ngu si [không biết xấu hổ], ăn đàm dãi của người [khác], cũng chẳng hề sanh ở cảnh giới xấu ác là địa ngục *A-tỳ* chịu tội trọn một kiếp. Ông ấy cũng không có phá hoại Tăng đoàn, làm thân Phật chảy máu, cũng chẳng phạm vào Bốn tội nghiêm trọng, phỉ báng Chánh pháp, kinh điển Đại thừa. Ông ấy cũng chẳng phải là kẻ *nhất-xiển-đề*, cũng chẳng phải Thanh văn hay Phật *Bích-chi*.

“Thiện nam tử! [Việc của] *Đề-bà-đạt-đa* đó thật không phải cảnh giới của hàng Thanh văn, Duyên giác, chỉ là chỗ thấy biết của chư Phật. Thiện nam tử! Cho nên nay ông không nên cật vấn rằng: ‘Như Lai vì duyên có gì lại quả mắng, mạ nhục *Đề-bà-đạt-đa*?’ Đối với cảnh giới của chư Phật, ông không nên sanh ra chỗ nghi ngờ như vậy.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Ví như cây mía phải ép nấu nhiều lần mới được đủ vị ngọt. Con đây cũng vậy, nhờ theo Phật được nghe [thuyết pháp] nhiều lần nên mới được nhiều pháp vị, như vị *xuất gia*, vị *ly dục*, vị *tịch diệt*, vị chánh đạo.

“Thế Tôn! Ví như vàng thật, trải qua nhiều lần đốt, đập, nấu chảy, tinh luyện rồi mới trở nên sáng đẹp, tinh sạch, mềm dẻo, điều hòa, màu sắc sáng đẹp, giá trị vô cùng. Sau đó mới được loài người và chư thiên quý trọng.

“Thế Tôn! Như Lai cũng thế, [chúng con] cần phải trịnh trọng thưa hỏi ngài mới được nghe thấy những nghĩa rất thâm sâu, khiến cho hành giả thọ trì, vâng theo mà tu tập, vô lượng chúng sanh phát tâm *A-nậu-*

đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề, sau đó mới được loài người và chư thiên tôn trọng, cung kính cúng dường.”

Lúc ấy, Phật khen ngợi Bồ Tát *Ca-diếp*: “Lành thay, lành thay! Bồ Tát ma-ha-tát vì muốn lợi ích chúng sanh nên thưa hỏi Như Lai nghĩa sâu như vậy. Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên ta theo ý ông mà thuyết giảng giáo pháp rất sâu kín của [Kinh điển] Phương đẳng Đại thừa. Đó là địa vị *Cực ái như nhất tử*.”⁽²⁶⁾

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Nếu chư Bồ Tát tu các tâm *từ*, tâm *bi*, tâm *hỷ* thì được địa vị *Nhất tử*, vậy khi tu tâm *xả* thì được địa vị gì?”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử, ông khéo biết đúng lúc ta muốn nói việc ấy mà thưa hỏi. Bồ Tát ma-ha-tát khi tu tâm *xả* ắt được trụ ở địa vị *Bình đẳng như hư không*,⁽²⁷⁾ giống như ông *Tu-bồ-đề*.”

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát trụ ở địa vị *Bình đẳng như hư không* thì không còn thấy có [sự phân biệt giữa] cha mẹ, anh em, chị em, con cái, thân tộc, người quen biết, kẻ oán thù, kẻ không thân không oán, cho đến chẳng thấy có [sự phân biệt giữa] các *ám*, *giới*, *nhập*, *chúng sanh*, *thọ mạng*...

“Thiện nam tử! Ví như hư không chẳng có cha mẹ, anh em, vợ con..., cho đến không có chúng sanh, thọ mạng. Hết thấy các pháp cũng là như vậy, [tánh thật của chúng là] không có cha mẹ... cho đến không có thọ mạng. Bồ Tát ma-ha-tát nhìn thấy hết thấy các pháp là như vậy, trong tâm bình đẳng như hư không kia. Vì sao vậy? Vì khéo tu tập các pháp không.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Thế nào là không?”

“Thiện nam tử! Nói *không* đó là: nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, vô thủy không, tánh không, vô sở hữu không, đệ nhất nghĩa không, không không, đại không.

“Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát quán xét nội không? Bồ Tát ma-ha-tát quán thấy các pháp ở trong đều là không. Các pháp ở trong đều không, đó là: không có cha mẹ, kẻ oán, người thân, kẻ không oán không thân, không có chúng sanh, thọ mạng, *thường*, *lạc*, *ngã*, *tịnh*, Như Lai, Pháp, Tăng, không có mọi thứ tiền tài của cải... Các pháp ở trong ấy tuy có tánh Phật, nhưng tánh Phật ấy chẳng ở trong cũng chẳng ở ngoài. Vì sao vậy? Tánh Phật là thường trụ, không biến đổi. Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát quán nội không.

“[Bồ Tát quán xét] ngoại không cũng là như vậy, [thấy rằng] không có các pháp ở bên ngoài.

“[Bồ Tát quán xét] nội ngoại không cũng là như vậy, [thấy rằng không có pháp nào là chẳng ở trong cũng chẳng ở ngoài. Thiện nam tử! Duy chỉ có *Như Lai*, *Pháp*, *Tăng* và *tánh Phật* là chẳng ở trong cũng chẳng ở ngoài. Vì sao vậy? Vì bốn pháp ấy là *thường*, *lạc*, *ngã*, *tịnh*, cho nên chẳng gọi là *không*. Đó gọi là [Bồ Tát quán xét] nội ngoại không.

“Thiện nam tử! *Hữu vi không* là nói các pháp hữu vi hết thấy đều là *không*. Đó là: trong *không*, ngoài *không*, trong ngoài đều *không*; *thường*, *lạc*, *ngã*, *tịnh* cũng đều là *không*; chúng sanh, thọ mạng, Như Lai, Pháp, Tăng, Đệ nhất nghĩa cũng đều là *không*. Trong đó tánh Phật chẳng phải là pháp hữu vi, cho nên chẳng thuộc về pháp *hữu vi không*. Đó gọi là *hữu vi không*.”

“Thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát quán xét *vô vi không*? [Bồ Tát quán xét thấy rằng] các pháp vô vi hết thấy đều là không. Đó là nói [những pháp như]: vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, ám, giới, nhập, tướng chúng sanh và tướng thọ mạng, hữu vi, hữu lậu, pháp bên trong, pháp bên ngoài. Trong các pháp vô vi đó, bốn pháp Phật, Pháp, Tăng và tánh Phật không phải hữu vi, cũng không phải vô vi. Vì tánh là thiện nên không phải *vô vi*, vì tánh là thường trụ nên không phải *hữu vi*. Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát quán *vô vi không*.”

“Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát quán xét *vô thủy không*? Bồ Tát [quán xét] thấy vòng sanh tử không có điểm khởi đầu, ⁽²⁸⁾ hết thấy đều rỗng không vắng lặng. Nói *không* đó là *thường, lạc, ngã, tịnh*, thấy đều rỗng không vắng lặng, không có biến đổi, [cho đến các pháp] chúng sanh, thọ mạng, Tam bảo, tánh Phật và pháp vô vi. Đó gọi là Bồ Tát quán *vô thủy không*.”

“Thế nào là Bồ Tát quán xét *tánh không*? Bồ Tát ma-ha-tát quán xét bản tánh của hết thấy các pháp đều là *không*. Các pháp ấy là: *ám, giới, nhập, thường, vô thường, khổ, lạc, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã*. Quán xét tất cả những pháp như vậy đều không thấy có bản tánh. Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát quán xét *tánh không*.”

“Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát quán *vô sở hữu không*? Ví như người không có con nói rằng ngôi nhà ở trống không, rốt cùng thấy đó là trống không vì không có ai thân yêu [trong đó]. Kẻ ngu si nói rằng các phương hướng đều là không. Người nghèo túng nói rằng [tài sản] không có gì cả. Những trường hợp suy tính phân biệt như vậy, hoặc [cho là] không, hoặc chẳng phải không. Khi Bồ Tát quán xét [tất cả những trường hợp ấy] đều

thấy như kẻ nghèo túng [tài sản] không có gì cả. Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát quán *vô sở hữu không*.”

“Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát quán xét đệ nhất nghĩa không? Thiện nam tử! Khi [Bồ Tát] quán xét Đệ nhất nghĩa, ⁽²⁹⁾ thấy rằng con mắt khi sanh ra chẳng từ đâu mà đến, cho đến khi diệt mất cũng chẳng đi về đâu. Vốn trước là không mà nay thành có, đã có rồi lại trở về không. Suy tìm tánh thật của ‘con mắt’ thì thấy không có mắt, cũng không có người có mắt. Con mắt đã không có tánh thật, hết thấy các pháp cũng là như vậy. Những gì gọi là Đệ nhất nghĩa không? Có nghiệp, có báo, không thấy có người tạo tác. Các pháp không như vậy gọi là *đệ nhất nghĩa không*. Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát quán xét đệ nhất nghĩa không.”

“Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát quán xét *không không*? Trong chỗ *không không* này chính là chỗ mê muội của hàng Thanh văn và Phật *Bích-chi*. Thiện nam tử! Vừa là có [mà cũng] là không, đó gọi là *không không*. ⁽³⁰⁾ Vừa là đúng [mà cũng] không đúng, đó gọi là không không. Thiện nam tử! Cho đến hàng Bồ Tát *Thập trụ* mà đối với nghĩa này cũng chỉ thông đạt được một phần rất nhỏ như hạt bụi, huống chi là những người khác? Thiện nam tử! Cái *không không* này không đồng với chỗ đạt được phép *Tam-muội Không không* của hàng Thanh văn. Đó gọi là Bồ Tát quán xét *không không*.”

“Thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát quán xét đại không? Thiện nam tử! Nói *đại không* đó là nói *Bát-nhã Ba-la-mật*. Đó gọi là Đại không.”

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát đạt được những pháp *không* như vậy, ắt sẽ trụ ở địa vị *Bình đẳng như hư không*.”

“Thiện nam tử! Nay ở trong đại chúng này, khi ta thuyết diễn những nghĩa không như vậy thì có các vị Bồ Tát ma-ha-tát nhiều như số cát mười sông Hằng được trụ ở địa vị *Bình đẳng như hư không*. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát trụ ở địa vị ấy rồi, đối với tất cả pháp không còn trì trệ, ngăn ngại, trói buộc, câu chấp; tâm không còn mê đắm, phiền muộn. Vì nghĩa ấy nên gọi là địa vị *Bình đẳng như hư không*.

“Thiện nam tử! Ví như hư không, đối với những hình sắc đáng yêu chẳng sanh tham đắm, với những hình sắc không đáng yêu cũng chẳng sanh ghét giận. Bồ Tát ma-ha-tát trụ ở địa vị ấy cũng vậy, đối với những hình sắc tốt đẹp hoặc xấu xí, lòng không tham đắm cũng không ghét giận.

“Thiện nam tử! Ví như hư không rộng lớn không gì bằng, có thể dung chứa hết thủy muôn vật. Bồ Tát ma-ha-tát trụ ở địa vị ấy cũng vậy, rộng lớn không gì bằng, có thể dung chứa hết thủy các pháp. Cũng vì nghĩa ấy cho nên gọi là địa vị *bình đẳng như hư không*.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát trụ ở địa vị ấy nhìn thấy và rõ biết hết thủy các pháp, như là các *hành*, hoặc là các *duyên*; hoặc là *tánh*, hoặc là *tướng*; hoặc là *nhân*, hoặc là *duyên*; hoặc là *tâm* của chúng sanh, hoặc là *căn cơ*; hoặc là *thiên định*, hoặc là các *thừa*; hoặc là *thiện tri thức*, hoặc là việc *giữ giới cấm*, hoặc là [chỗ thực hành] *bố thí*... Tất cả những pháp như vậy, Bồ Tát thấy đều nhìn thấy và rõ biết.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát trụ ở địa vị ấy [có những pháp] rõ *biết* mà không nhìn thấy. Thế

nào là rõ *biết*? [Đó là] rõ biết các [tà] pháp như nhện dũi, gieo mình xuống vực sâu, đi vào đám lửa, nhảy xuống từ trên núi cao, thường treo một chân lên, dùng năm thứ hơi nóng nung thân, thường nằm trên các loại tro, đất, gai nhọn đan kết, lá cây, cỏ xấu, phân bò; mặc loại áo thô xấu bằng vải gai, áo lông thú của người nghèo vất bỏ trong nghĩa địa, làm sạch đi rồi mặc, áo *khâm-bà-la*,⁽³¹⁾ dùng da nai, da hươu và cỏ rơm mà làm y phục; ăn những thứ rau trái, ngó sen, bánh dầu,⁽³²⁾ phân bò, rễ, quả; nếu đi khát thực thì chỉ giới hạn ở một nhà, nếu chủ nhà không cho liền bỏ đi, dù có gọi lại cũng không bao giờ ngoái nhìn; không ăn thịt muối và năm món ăn làm từ sữa bò; nước uống thường là nước khuấy cám, nước nấu sôi; thọ trì các loại [tà] giới như giới trâu, giới gà, giới chó, giới chim trĩ;⁽³³⁾ dùng tro bôi trét lên thân thể, để tóc dài; khi dùng dê cúng tế thì đọc chú trước rồi giết dê sau; thờ lửa bốn tháng, hớp gió bảy ngày; dùng trăm ngàn thứ hoa mà cúng dường chư thiên, tin rằng những chỗ mong cầu sẽ nhờ đó mà thành tựu... Các [tà] pháp như trên nếu có thể là nhân của sự giải thoát rốt ráo thì thật là vô lý. [Thấu hiểu] như vậy gọi là rõ biết.

“Thế nào là *không thấy*? Bồ Tát ma-ha-tát không thấy bất cứ ai thực hành những pháp như trên mà được giải thoát chân chánh. Đó gọi là *không thấy*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát [trụ ở địa vị ấy có những pháp] vừa nhìn *thấy*, vừa rõ *biết*.

“Những gì là nhìn thấy? [Đó là] nhìn thấy những chúng sanh nào thực hành các tà pháp ấy ắt phải đọa vào địa ngục. Đó gọi là nhìn thấy.

“Thế nào là rõ biết? [Đó là] rõ biết rằng những chúng sanh nào ra khỏi địa ngục rồi sanh lên cõi người, nếu

có thể tu hành từ Bồ thí Ba-la-mật cho đến đầy đủ các hạnh Ba-la-mật⁽³⁴⁾ thì người ấy sẽ được vào chỗ giải thoát chân chánh. Như vậy gọi là rõ biết.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát [trụ ở địa vị ấy] còn có những pháp vừa nhìn thấy, vừa rõ biết.

“Thế nào là nhìn thấy? [Đó là] nhìn thấy các pháp thường và vô thường, khổ và lạc, tịnh và bất tịnh, ngã và vô ngã. Như vậy gọi là nhìn thấy.

“Thế nào là rõ biết? [Đó là] rõ biết rằng các đức Như Lai chắc chắn không dứt hết tất cả mà vào Niết-bàn, biết rằng thân Như Lai là kim cang, không thể hư hoại, chẳng phải thân do phiền não tạo thành, cũng chẳng phải thân [có thể] hôi thối, mục rữa. Lại rõ biết được rằng hết thảy chúng sanh đều có tánh Phật. Đó gọi là rõ biết.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát [trụ ở địa vị ấy] còn có những pháp vừa rõ biết, vừa nhìn thấy.

“Thế nào là rõ biết? [Đó là] rõ biết những chúng sanh nào có đủ lòng tin, những chúng sanh nào cầu pháp Đại thừa; rõ biết những người nào là *thuận dòng*, những người nào là *ngịch dòng*, những người nào là *chánh trụ*; rõ biết những chúng sanh nào đã đến được bờ bên kia. *Thuận dòng* là những kẻ phạm phu, *ngịch dòng* là những người từ hàng *Tu-đà-hoàn* cho tới *Duyên giác*, *chánh trụ* là các vị Bồ Tát, đến được bờ bên kia là nói các bậc Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri... Như vậy gọi là rõ biết.

“Thế nào là nhìn thấy? Bồ Tát ma-ha-tát trụ ở kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn, tu tâm theo hạnh thanh tịnh, dùng thiên nhãn trong sạch nhìn thấy những chúng sanh tạo ba nghiệp thân, khẩu, ý bất thiện, đọa

vào [các đường dữ như] địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ; thấy những chúng sanh tu tập nghiệp lành sau khi mạng chung liền sanh ở hai cõi trời, người; thấy những chúng sanh từ chỗ tối đi vào chỗ tối, lại có những chúng sanh từ chỗ tối sang chỗ sáng, lại có những chúng sanh từ chỗ sáng vào chỗ tối, lại có những chúng sanh từ chỗ sáng vào chỗ sáng. Như vậy gọi là nhìn thấy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát [trụ ở địa vị ấy] có những pháp] vừa nhìn thấy, vừa rõ biết.

“Bồ Tát ma-ha-tát rõ biết những chúng sanh tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ. Những người ấy trong đời hiện tại tạo thành nghiệp ác, hoặc nhân tham dục, sân khuể, ngu si, nghiệp ấy lẽ ra phải chịu tội báo nơi địa ngục. Nhưng chính nhờ tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ mà đời hiện tại chỉ phải chịu tội báo nhẹ, không đọa vào địa ngục.

“Vì sao nghiệp ấy có thể được chịu tội báo trong hiện tại? Nhờ sám hối bộc lộ hết thảy những việc ác đã làm, sau khi hối lỗi rồi mãi mãi không dám tái phạm nữa; nhờ đã biết hổ thẹn, nhờ cúng dường Tam bảo, nhờ thường tự trách mình. Nhờ những nhân duyên thiện nghiệp như thế mà người ấy không đọa địa ngục, chỉ phải chịu tội báo trong hiện tại, như là những việc nhức đầu, đau mắt, đau bụng, đau lưng, chết vì tai nạn, bị quở trách, nhục mạ, bị đánh đập, giam trói, đói khát khốn khổ... phải chịu đựng những tội báo nhẹ như vậy trong đời hiện tại. [Bồ Tát thấu hiểu những việc] như vậy gọi là rõ biết.

“Thế nào là nhìn thấy? Bồ Tát ma-ha-tát nhìn thấy những người chẳng biết tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, tạo một số ít nghiệp ác. Những nghiệp ấy lẽ ra chỉ phải chịu tội báo ngay trong đời hiện tại, nhưng vì không

biết sám hối, không tự trách mình, không sanh lòng hổ thẹn, không hề có sự sợ sệt, nên số ít nghiệp ác của người ấy ngày càng tăng trưởng, [cho đến] phải chịu tội báo nơi địa ngục. [Bồ Tát thấy rõ những việc] như vậy gọi là nhìn thấy.

“Lại có những chỗ [Bồ Tát] rõ biết mà không nhìn thấy.

“Thế nào là rõ biết mà không nhìn thấy? [Đó là] rõ biết rằng chúng sanh đều có tánh Phật, vì phiền não che lấp nên không thể thấy. Đó gọi là rõ biết mà không nhìn thấy.

“Lại có những chỗ rõ biết mà chỉ nhìn thấy một phần nhỏ, như hàng Bồ Tát Thập trụ biết rằng chúng sanh đều có tánh Phật, nhưng không thấy được [tánh Phật ấy] một cách sáng rõ, như trong đêm tối nhìn thấy không rõ ràng.

“Lại có chỗ nhìn thấy và rõ biết. Đó là nói các đức Phật Như Lai có nhìn thấy, có rõ biết.

“Lại có chỗ cũng nhìn thấy, cũng rõ biết, không nhìn thấy, không rõ biết. Chỗ nhìn thấy và rõ biết đó là văn tự ngôn ngữ của thế gian, như [các hình tướng] nam nữ, xe cộ, bình bồn, nhà cửa, thành ấp, áo quần, sự ăn uống, núi sông, vườn rừng, chúng sanh, thọ mạng... Đó gọi là cũng nhìn thấy, cũng rõ biết.

“Thế nào là không nhìn thấy, không rõ biết? Là những lời nói vi diệu kín đáo của bậc thánh nhân, như: không có nam nữ... cho đến vườn rừng... Đó gọi là không thấy, không biết.

“Lại có chỗ rõ biết mà không nhìn thấy.

“Rõ biết vật bố thí, rõ biết chỗ cúng dường, rõ biết

người thọ nhận, rõ biết nguyên nhân, rõ biết quả báo. Như vậy gọi là rõ biết.

“Thế nào là không nhìn thấy? Không thấy có vật bố thí, không thấy chỗ cúng dường, không thấy người thọ nhận cũng như quả báo. Như vậy gọi là không nhìn thấy.

“Sự rõ biết của Bồ Tát ma-ha-tát có tám loại, tức là chỗ rõ biết của *Năm thứ mắt*⁽³⁵⁾ Như Lai.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN MƯỜI SÁU

CHÚ GIẢI

1. Nghĩa là sự sợ sệt do ám ảnh trong lòng, chẳng phải do đối tượng bên ngoài gây ra. Cho nên nhìn thấy cái gốc cây mà cũng đem lòng sợ sệt, vì lầm cho đó là vật có thể gây hại.
2. Đề-bà-đạt: tức Đề-bà-đạt-đa, cũng gọi là Điều-đạt, một người cũng thuộc dòng tộc Thích-ca, là anh em họ với đức Phật và ngài A-nan. Ông này cũng xuất gia theo Phật, nhưng có tâm ác nghịch muốn thay Phật lãnh đạo cả tăng đoàn. Rất nhiều lần Đề-bà-đạt-đa đã dùng mưu kế hại Phật nhưng đều thất bại.
3. Như có nói ở đầu kinh, tộc họ Lục-sĩ (Licchavī) hay Ly-xa, Lợi-xa, Lệ-xa, Luật-xa, lê-xa-bì, li-xa-bì... đều là những cách phiên âm khác nhau. Đây là tộc họ có quyền thế nhất thành Câu-thi-na vào thời ấy, nên họ thường cạo ngạo, khinhể những người thuộc tộc họ khác.
4. Thiên Trúc: Tên gọi của xứ Ấn Độ ngày xưa.
5. Trưởng giả, cư sĩ, sát-lỵ và bà-la-môn là bốn giai cấp ở Ấn độ, có sự phân biệt giữa cao quý và thấp hèn, được xếp theo thứ tự từ trên xuống dưới như sau đây: a) Bà-la-môn: Giai cấp gồm những vị tu sĩ, giáo sĩ, có quyền thực hiện các nghi lễ tôn giáo. b) Sát-lỵ hay sát-đế-lỵ: Giai cấp cầm quyền gồm vua chúa, các quan văn võ. c) Trưởng giả, hay phệ-xá: Giai cấp thương nhân, những người buôn bán. d) Cư sĩ hay thủ-đà-la: Giai cấp nông dân, làm ruộng, và những người làm nghề tiểu thủ công nghệ.
6. Ni-kiên, hay Ni-kiên-đà: Dịch nghĩa là Ly hệ giả, là phái tu hành ngoại đạo, không mặc quần áo (lỏa thể), vì họ cho rằng y phục là những thứ ràng buộc.
7. Thị giả: người đệ tử được giao nhiệm vụ theo hầu thầy. Ngài A-nan được chọn làm thị giả của Phật, lúc nào cũng có mặt bên cạnh Phật.

8. Nữ cư sĩ (ưu-bà-di): người nữ đệ tử tin Phật tu tại gia, thọ Tam quy y, thọ trì Ngũ giới.
9. Tức là ba tháng an cư của chư tăng vào mùa mưa, cũng gọi là kết hạ.
10. Kiều-tát-la, cũng đọc là Câu-tát-la, là một nước lớn ở Ấn Độ vào thời đức Phật, kinh thành là Xá-vệ.
11. Tinh xá Kỳ-hoàn. Tinh xá (精舍), theo Phật Quang Đại từ điển giải thích là: 意為智德精練者之舍宅 - ý vì trí đức tinh luyện giả chi xá trạch (ý muốn chỉ chỗ ở của những bậc trí đức tinh luyện), cũng có thể hiểu là nơi tinh khiết, sạch sẽ, yên tĩnh, các vị xuất gia tập trung nơi đây để tu hành. Rất nhiều người đọc là tịnh xá vì nhầm lẫn giữa chữ tinh (精) và chữ tịnh (淨), âm đọc gần nhau, nghĩa cũng có phần giống nhau. Tinh xá Kỳ-hoàn là vùng đất trước của trưởng giả Kỳ-hoàn (cũng đọc là Kỳ-đà), do ông Cấp Cô Độc mua lại rồi xây dựng thành tinh xá, cúng dường cho đức Phật và Giáo hội. Trưởng giả Kỳ-hoàn bán phần đất ấy nhưng không bán cây cối trên đất, mà tự mình dâng cúng cho đức Phật và Giáo hội. Vì vậy, nơi này có tên gọi đầy đủ là Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên, nghĩa là khu vườn của ông Cấp Cô Độc, cây cối của trưởng giả Kỳ-hoàn. Tinh xá này rất lớn, nằm tại thành Xá-vệ, nước Kiều-tát-la.
12. Thái tử Lưu-ly, hay Tỳ-lưu-ly, là con vua Ba-tư-nặc ở thành Xá-vệ, nước Kiều-tát-la, đồng thời với Phật. Thái tử phế vua cha, tự mình lên ngôi. Vua Ba-tư-nặc phải chạy sang thành Vương Xá nước Ma-kiệt-đà mà nương náu với vua A-xà-thế. Sau khi đuổi vua cha ra khỏi nước, Thái tử Lưu-ly xưng vương. Kế đó, nhớ đến mối thù xưa giữa nước mình với nước Ca-tỳ-la-vệ, liền mang quân sang đánh, giết rất nhiều người trong họ Thích-ca.
13. Họ Thích: tức là họ Thích-ca, dòng họ mà đức Phật đã dẫn sanh trong đó.
14. Trúc Lâm, cũng gọi là Trúc Viên, vì nơi ấy có rất nhiều tre, trúc, nằm gần thành Vương Xá nước Ma-kiệt-đà của vua Tần-bà-sa-la. Vua Tần-bà-sa-la sau khi quy y Phật đã xây dựng một tinh xá tại đây, gọi là Tinh xá Trúc lâm, dâng cúng cho đức Phật và chư tăng để làm chỗ tu tập và truyền bá Phật pháp.
15. Tỳ-kheo ni Đại Ái Đạo, tức là bà tỳ-kheo ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề, là bà dì của đức Phật, đã nuôi dưỡng ngài từ thuở bé sau khi Hoàng hậu Ma-da qua đời. Bà là một trong những vị tỳ-kheo ni đầu tiên của Ni chúng, được Phật cho phép thọ nhận các phụ nữ khác xuất gia tu học.
16. Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 14, bắt đầu quyển 15, phẩm Phạm hạnh phần thứ hai (Phạm hạnh phẩm đệ nhị).
17. Cực ái: hết lòng thương yêu; nhất tử: đứa con một, đứa con duy nhất. Cực ái nhất tử nghĩa là đem lòng thương yêu tất cả chúng sanh bình đẳng như đứa con duy nhất của mình.
18. Xin xem lại chuyện vua Tiên Dự, một tiền thân của đức Phật, được nói đến ở quyển 12 của kinh này.
19. Bậc phước điền: người có phước đức xứng đáng nhận sự cúng dường của người khác, tạo điều kiện cho người cúng dường được có phước đức nên gọi là phước điền (ruộng phước), nghĩa là miếng ruộng để mọi người gieo trồng phước đức.

20. Khu-đà-la (Khadira): tên một loại cây có gỗ rất rắn chắc, dịch nghĩa là kiên ngạnh mộc hay không phá mộc. Vì gỗ cây này rắn chắc nên than của nó là loại than đốt lên rất nóng.
21. A-na-hàm: Quả vị thứ ba của hàng Thanh văn thừa, dưới quả A-la-hán là quả thứ tư, quả vị cao nhất của Thanh văn thừa. A-na-hàm dịch nghĩa là Bất lai, Bất hoàn, vì người đắc quả A-na-hàm sau khi lìa bỏ thân hiện tại thì không còn phải thọ sanh trở lại nơi cõi người.
22. Đại địa ngục A-tỳ: còn gọi là Địa ngục Vô gián. Vì tội nhân trong địa ngục này phải chịu những nỗi khổ không bao giờ gián đoạn, dừng lại, nên gọi là “vô gián”.
23. Năm pháp như đức tin... : Đây là lược nói Năm pháp gồm có đức tin (Tín) và Tinh tấn, Niệm, Định và Tuệ.
24. Giới không giết hại (bất sát giới): là giới đầu tiên trong Năm giới (Ngũ giới) của người Phật tử tại gia.
25. Quỷ tiền mao: loài quỷ có lông cứng tua tủa trên thân như mũi tên.
26. Địa vị Cực ái như nhất tử: như trên đã thuyết giảng, cũng là địa vị Cực ái, hay Cực ái nhất tử, hay Nhất tử, đều là những tên gọi khác nhau để chỉ một địa vị mà vị Bồ Tát đạt đến nhờ tu tập các tâm từ, bi và hỷ.
27. Địa vị bình đẳng như hư không (Không bình đẳng địa): địa vị mà hành giả có lòng bình đẳng đối với các pháp đồng như hư không.
28. Vô thủy nghĩa là không có điểm khởi đầu.
29. Đệ nhất nghĩa: ý nghĩa rất ráo, chân lý tuyệt đối, không chịu ảnh hưởng bởi những thay đổi, biến chuyển của thời gian và không gian.
30. Nguyên bản dùng “是有是無是名空空”, Đại Bát Niết-bàn kinh tập giải giải thích rằng: “是有是無是名空空者, 謂是有空亦空也, 是無空亦空也。” (Thị hữu thị vô thị danh không không giả, vị thị hữu không diệt không dã, thị vô không diệt không dã. - (Là có, là không, gọi là không không, đó là nói có cái không cũng là không, không có cái không cũng là không vậy.) Theo ý nghĩa này thì phải hiểu không không là ý nghĩa vượt trên và buông bỏ cả hai khái niệm “có” và “không”, và vì thế có thể nói rằng nó “vừa là có, vừa là không”; nhưng cũng có thể hiểu thêm là “cũng chẳng phải có, chẳng phải không”.
31. Áo khâm-bà-la: loại áo ngoài đạo thường mặc, dệt bằng lông thú xen lẫn với sợi tơ. (Theo Tuệ Lâm âm nghĩa, quyển 25)
32. Phần còn lại của các loại đậu sau khi đã ép lấy dầu, như bánh dầu phộng.
33. Ngoại đạo tin rằng thọ trì các giới này sẽ được sanh lên cõi trời. Không biết cụ thể nội dung các giới này, chỉ thấy trong Trí độ luận, quyển 22 có ghi rằng: “Giới của ngoại đạo là giới trâu, giới hươu, giới chó, giới quỳ la-sát, giới cầm, giới điểu.” (外道戒者, 牛戒, 鹿戒, 狗戒, 羅刹鬼戒, 啞戒, 聾戒。 - Ngoại đạo giới giả, ngư giới, lộc giới, cẩu giới, la-sát quỳ giới, á giới, lung giới.) Ở đây tuy nội dung có khác nhưng cũng đều là liên quan đến các loài súc vật.
34. Tức là đủ sáu pháp ba-la-mật, gồm có: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ.
35. Năm thứ mắt (Ngũ nhãn): Chư Phật có đủ năm thứ mắt là: 1. Nhục nhãn, 2. Thiên nhãn, 3. Tuệ nhãn, 4. Pháp nhãn, 5. Phật nhãn.

大般涅槃經

卷第十七 梵行品第八之三

迦葉菩薩白佛言。世尊。菩薩摩訶薩能如是知得何等利。

佛言。善男子。菩薩摩訶薩能如是知得四無礙。法無礙，義無礙，辭無礙，樂說無礙。

法無礙者。知一切法及法名字。義無礙者。知一切法所有諸義。能隨諸法所立名字而為作義。辭無礙者。隨字論，正音論，闡陀論，世辯論。樂說無礙者。所謂菩薩摩訶薩凡所演說無有障礙。不可動轉。無所畏懼。難可摧伏。善男子。是名菩薩能如是見知即得如是四無礙智。

復次善男子。法無礙者。菩薩摩訶薩遍知聲聞緣覺菩薩諸佛之法。義無礙者。乘雖有三知其歸一。終不謂有差別之相。辭無礙者。菩薩摩訶薩於一法中作種種名。經無量劫說不可盡。聲聞緣覺能作是說。無有是處。樂說無礙者。菩薩摩訶薩於無量劫為諸眾生演說諸法。若名若義種種異說不可窮盡。

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

QUYỂN ĐỆ THẬP THẤT - PHẠM HẠNH PHẨM - *Đệ bát chi tam*

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Bồ Tát ma-ha-tát năng như thị tri, đắc hà đẳng lợi?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát năng như thị tri, đắc Tứ vô ngại: Pháp vô ngại, Nghĩa vô ngại, Từ vô ngại, Nhạo thuyết vô ngại.

Pháp vô ngại giả, tri nhất thiết pháp cập pháp danh tự. Nghĩa vô ngại giả, tri nhất thiết pháp sở hữu chư nghĩa, năng tùy chư pháp sở lập danh tự nhi vi tác nghĩa. Từ vô ngại giả, tùy tự luận, chánh âm luận, *xiển-đà* luận, thế biện luận. Nhạo thuyết vô ngại giả, sở vị Bồ Tát ma-ha-tát, phạm sở diễn thuyết vô hữu chướng ngại, bất khả động chuyển, vô sở úy cụ, nan khả tồ phục. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát năng như thị kiến tri, tức đắc như thị Tứ vô ngại trí.

Phục thứ, thiện nam tử! Pháp vô ngại giả, Bồ Tát ma-ha-tát biến tri Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, chư Phật chi pháp. Nghĩa vô ngại giả, thừa tuy hữu tam, tri kỳ quy nhất, chung bất vị hữu sai biệt chi tướng. Từ vô ngại giả, Bồ Tát ma-ha-tát ư nhất pháp trung, tác chủng chủng danh, kinh vô lượng kiếp, thuyết bất khả tận. Thanh văn, Duyên giác năng tác thị thuyết, vô hữu thị xứ. Nhạo thuyết vô ngại giả, Bồ Tát ma-ha-tát, ư vô lượng kiếp, vị chư chúng sanh, diễn thuyết chư pháp, nhược danh, nhược nghĩa, chủng chủng dị thuyết, bất khả cùng tận.

復次善男子。法無礙者。菩薩摩訶薩雖知諸法而不取著。義無礙者。菩薩摩訶薩雖知諸義而亦不著。辭無礙者。菩薩摩訶薩雖知名字亦不取著。樂說無礙者。菩薩摩訶薩雖知樂說。如是最上而亦不著。何以故。善男子。若取著者不名菩薩。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。若不取著則不知法。若知法者則是取著。若知不著則無所知。云何如來說言知法而不取著。

佛言。善男子。夫取著者不名無礙。無所取著乃名無礙。善男子。是故一切諸菩薩等。有取著者則無無礙。若無無礙不名菩薩。當知是人名為凡夫。何故取著名為凡夫。一切凡夫取著於色乃至著識。以著色故則生貪心。生貪心故為色繫縛。乃至為識之所繫縛。以繫縛故則不得免生老病死憂悲大苦一切煩惱。是故取著名為凡夫。以是義故一切凡夫無四無礙。

善男子。菩薩摩訶薩已於無量阿僧祇劫知見法相。以知見故則知其義。以見法相及知義故。而於色中不生繫著。乃至識中亦復如是。以不著故菩薩於色不生貪心。乃至識中亦不生貪。以無貪故則不為色之所繫縛。乃至不為識之所縛。以不縛故則得

Phục thú, thiện nam tử! Pháp vô ngại giả, Bồ Tát ma-ha-tát, tuy tri chư pháp, nhi bất thủ trước. Nghĩa vô ngại giả, Bồ Tát ma-ha-tát, tuy tri chư nghĩa, nhi diệc bất trước. Từ vô ngại giả, Bồ Tát ma-ha-tát, tuy tri danh tự, diệc bất thủ trước. Nhạo thuyết vô ngại giả, Bồ Tát ma-ha-tát, tuy tri nhạo thuyết, như thị tối thượng, nhi diệc bất trước. Hà dĩ cố? Thiện nam tử! Nhược thủ trước giả, bất danh Bồ Tát.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược bất thủ trước, tắc bất tri pháp. Nhược tri pháp giả, tắc thị thủ trước. Nhược tri bất trước, tắc vô sở tri. Vân hà Như Lai thuyết ngôn tri pháp nhi bất thủ trước?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Phù thủ trước giả, bất danh vô ngại; vô sở thủ trước, nãi danh vô ngại. Thiện nam tử! Thị cố nhất thiết chư Bồ Tát đẳng, hữu thủ trước giả, tắc vô vô ngại. Nhược vô vô ngại, bất danh Bồ Tát. Đương tri thị nhân, danh vi phàm phu. Hà cố thủ trước, danh vi phàm phu? Nhất thiết phàm phu thủ trước ư sắc, nãi chí trước thức. Dĩ trước sắc cố, tắc sanh tham tâm. Sanh tham tâm cố, vi sắc hệ phược, nãi chí vi thức chi sở hệ phược. Dĩ hệ phược cố, tắc bất đắc miễn sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi đại khổ, nhất thiết phiền não. Thị cố thủ trước, danh vi phàm phu. Dĩ thị nghĩa cố, nhất thiết phàm phu vô Tứ vô ngại.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát dĩ ư vô lượng *a-tăng-kỳ* kiếp, tri kiến pháp tướng. Dĩ tri kiến cố, tắc tri kỳ nghĩa. Dĩ kiến pháp tướng cập tri nghĩa cố, nhi ư sắc trung, bất sanh hệ trước; nãi chí thức trung, diệc phục như thị. Dĩ bất trước cố, Bồ Tát ư sắc, bất sanh tham tâm. Nãi chí thức trung, diệc bất sanh tham. Dĩ vô tham cố, tắc bất vi sắc chi sở hệ phược; nãi chí bất vi Thức chi sở phược. Dĩ bất phược cố, tắc đắc thoát ư

脫於生老病死憂悲大苦一切煩惱。以是義故一切菩薩得四無礙。

善男子。以是因緣。我為弟子十二部中說繫著者名為魔縛。若不著者則脫魔縛。譬如世間有罪之人為王所縛。無罪之人王不能縛。菩薩摩訶薩亦復如是。有繫著者為魔所縛。無繫著者魔不能縛。以是義故菩薩摩訶薩而無所著。

復次善男子法無礙者。菩薩摩訶薩善知字持而不忘失。所謂持者。如地如山如眼如雲如人如母。一切諸法亦復如是。

義無礙者。菩薩雖知諸法名字而不知義。得義無礙則知於義。云何知義。謂地持者。如地普持一切眾生及非眾生。以是義故名為地持。善男子。謂山持者。菩薩摩訶薩作是思惟。何故名山而為持耶。山能持地令無傾動。是故名持。何故復名眼為持耶。眼能持光故名為持。何故復名雲為持耶。雲名龍氣。龍氣持水故名雲持。何故復名人為持耶。人能持法及以非法故名人持。何故復名母為持耶。母能持子故名母持。菩薩摩訶薩知一切法名字句義亦復如是。

辭無礙者。菩薩摩訶薩以種種辭演說一義亦無有義。猶如男女舍宅車乘眾生等名。何故無義。善

sinh, lão, bệnh, tử, ưu bi đại khổ, nhất thiết phiền não. Dĩ thị nghĩa cố, nhất thiết Bồ Tát đắc Tứ vô ngại.

Thiện nam tử! Dĩ thị nhân duyên, ngã vị đệ tử, thập nhị bộ trung, thuyết hệ trước giả, danh vi ma phược. Nhược bất trước giả, tác thoát ma phược. Thí như thế gian, hữu tội chi nhân, vi vương sở phược; vô tội chi nhân, vương bất năng phược. Bồ Tát ma-ha-tát diệc phục như thị, hữu hệ trước giả, vi ma sở phược; vô hệ trước giả, ma bất năng phược. Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát ma-ha-tát nhi vô sở trước.

Phục thứ, thiện nam tử! Pháp vô ngại giả, Bồ Tát ma-ha-tát thiện tri tự trì, nhi bất vong thất. Sở vị trì giả, như địa, như sơn, như nhãn, như vân, như nhân, như mẫu. Nhất thiết chư pháp, diệc phục như thị.

Nghĩa vô ngại giả, Bồ Tát tuy tri chư pháp danh tự, nhi bất tri nghĩa. Đắc nghĩa vô ngại, tác tri ư nghĩa. Vân hà tri nghĩa? Vị địa trì giả, như địa phổ trì nhất thiết chúng sanh cập phi chúng sanh. Dĩ thị nghĩa cố, danh vi địa trì. Thiện nam tử! Vị sơn trì giả, Bồ Tát ma-ha-tát tác thị tư duy: Hà cố danh sơn nhi vi trì da? Sơn năng trì địa, linh vô khuynh động; thị cố danh trì. Hà cố phục danh nhãn vi trì da? Nhãn năng trì quang, cố danh vi trì. Hà cố phục danh vân vi trì da? Vân danh long khí, long khí trì thủy; cố danh vân trì. Hà cố phục danh nhân vi trì da? Nhân năng trì pháp cập dĩ phi pháp; cố danh nhân trì. Hà cố phục danh mẫu vi trì da? Mẫu năng trì tử; cố danh mẫu trì. Bồ Tát ma-ha-tát tri nhất thiết pháp danh tự cú nghĩa, diệc phục như thị.

Từ vô ngại giả, Bồ Tát ma-ha-tát dĩ chủng chủng từ, diễn thuyết nhất nghĩa, diệc vô hữu nghĩa, do như nam nữ, xá trạch, xa thặng, chúng sanh đẳng danh. Hà cố vô nghĩa? Thiện nam

男子。夫義者。乃是菩薩諸佛境界。辭者凡夫境界。以知義故得辭無礙。

樂說無礙者。菩薩摩訶薩知辭知義。故於無量阿僧祇劫說辭說義而不可盡。是名樂說無礙。

善男子。菩薩摩訶薩於無量無邊阿僧祇劫修行世諦。以修行故知法無礙。復於無量阿僧祇劫修第一義諦故得義無礙。亦於無量阿僧祇劫。習毘伽羅那論故得辭無礙。亦於無量阿僧祇劫。修習說世諦論故得樂說無礙。

善男子。聲聞緣覺若有得是四無礙者。無有是處善男子。九部經中我說聲聞緣覺之人有四無礙。聲聞緣覺真實無有。何以故。菩薩摩訶薩為度眾生故修如是四無礙智。緣覺之人修寂滅法志樂獨處。若化眾生但現神通。終日默然無所宣說。云何當有四無礙智。

何故默然而無所說。緣覺不能說法度人令得煖法頂法忍法世第一法。須陀洹斯陀含阿那含阿羅漢辟支佛菩薩摩訶薩。不能令人發阿耨多羅三藐三菩提心。何以故。善男子。緣覺出世外間無有九部經典。是故緣覺無辭無礙樂說無礙。

善男子緣覺之人雖知諸法無法無礙。何以故。法無礙者。名為知字。緣覺之人雖知文字無字無礙。何

tử! Phù nghĩa giả, nãi thị Bồ Tát chư Phật cảnh giới. Từ giả, phàm phu cảnh giới. Dĩ tri nghĩa cố, đắc từ vô ngại.

Nhạo thuyết vô ngại giả, Bồ Tát ma-ha-tát tri từ tri nghĩa, cố ư vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, thuyết từ, thuyết nghĩa, nhi bất khả tận. Thị danh nhạo thuyết vô ngại.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, ư vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, tu hành thế đế. Dĩ tu hành cố, tri pháp vô ngại. Phục ư vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, tu Đệ nhất nghĩa đế cố, đắc nghĩa vô ngại. Diệc ư vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, tập Tỳ-già-la-na luận cố, đắc từ vô ngại. Diệc ư vô lượng a-tăng-kỳ kiếp tu tập thuyết thế đế luận cố, đắc lạc thuyết vô ngại.

Thiện nam tử! Thanh văn, Duyên giác, nhược hữu đắc thị tứ vô ngại giả, vô hữu thị xứ. Thiện nam tử! Cửu bộ kinh trung, ngã thuyết Thanh văn, Duyên giác chi nhân hữu tứ vô ngại. Thanh văn, Duyên giác, chân thật vô hữu. Hà dĩ cố? Bồ Tát ma-ha-tát vị độ chúng sanh, cố tu như thị tứ vô ngại trí. Duyên giác chi nhân, tu tịch diệt pháp, chí nhạo độc xử, nhược hóa chúng sanh, dẫn hiện thân thông, chung nhật mặc nhiên, vô sở tuyên thuyết. Vân hà đương hữu tứ vô ngại trí?

Hà cố mặc nhiên, nhi vô sở thuyết? Duyên giác bất năng thuyết pháp độ nhân linh đắc Noãn pháp, Đỉnh pháp, Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ Tát ma-ha-tát; bất năng linh nhân phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Hà dĩ cố? Thiện nam tử! Duyên giác xuất thế, thế gian vô hữu cửu bộ kinh điển. Thị cố Duyên giác vô từ vô ngại, lạc thuyết vô ngại.

Thiện nam tử! Duyên giác chi nhân, tuy tri chư pháp, vô pháp vô ngại. Hà dĩ cố? Pháp vô ngại giả, danh vi tri tự. Duyên giác chi nhân, tuy tri văn tự, vô tự vô ngại. Hà dĩ cố? Bất tri

以故。不知常住二字法故。是故緣覺不得法無礙。雖知於義無義無礙。真知義者。知諸眾生悉有佛性。佛性義者。名為阿耨多羅三藐三菩提。以是義故緣覺之人不得義無礙。是故緣覺一切無有四無礙智。

云何聲聞無四無礙。聲聞之人無有三種善巧方便。何等為三。一者必須軟語然後受法。二者必須麤語然後受化。三者不軟不麤然後受化。聲聞之人無此三故無四無礙。

復次聲聞緣覺不能畢竟知辭知義。無自在智知於境界。無有十力四無所畏不能畢竟度於十二因緣大河。不能善知眾生諸根利鈍差別。未能永斷二諦疑心。不知眾生種種諸心所緣境界。不能善說第一義空。是故二乘無四無礙。

迦葉菩薩白佛言。世尊。若諸聲聞緣覺之人。一切無有四無礙者。云何世尊。說舍利弗智慧第一。大目犍連神通第一。摩訶拘絺羅四無礙第一。如其無者如來何故作如是說。

爾時世尊讚迦葉言。善哉善哉。善男子。譬如恒河有無量水。辛頭大河水亦無量。博又大河水亦無量。悉陀大河水亦無量。阿耨達池水亦無量。大海之中水亦無量。如是諸水雖同無量。然其多少其實不

thường trụ nhị tự pháp cố, thị cố Duyên giác bất đắc pháp vô ngại. Tuy tri ư nghĩa, vô nghĩa vô ngại. Chân tri nghĩa giả, tri chư chúng sanh tất hữu Phật tánh. Phật tánh nghĩa giả, danh vi A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Dĩ thị nghĩa cố, Duyên giác chi nhân bất đắc nghĩa vô ngại. Thị cố Duyên giác, nhất thiết vô hữu tứ vô ngại trí.

Vân hà Thanh văn vô tứ vô ngại? Thanh văn chi nhân vô hữu tam chủng thiện xảo phương tiện. Hà đẳng vi tam? Nhất giả, tất tu nhuỷ ngữ, nhiên hậu thọ pháp. Nhị giả, tất tu thô ngữ, nhiên hậu thọ hóa. Tam giả, bất nhuỷ bất thô, nhiên hậu thọ hóa. Thanh văn chi nhân vô hữu tam cố, vô tứ vô ngại.

Phục thứ, Thanh văn Duyên giác bất năng tất cánh tri từ, tri nghĩa, vô tự tại trí, tri ư cảnh giới; vô hữu thập lực, tứ vô sở úy; bất năng tất cánh độ ư thập nhị nhân duyên đại hà, bất năng thiện tri chúng sanh chư căn lợi độn sai biệt; vị năng vĩnh đoạn nhị đế nghi tâm; bất tri chúng sanh chủng chủng chư tâm sở duyên cảnh giới, bất năng thiện thuyết đệ nhất nghĩa Không. Thị cố nhị thừa vô tứ vô ngại.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn nhược chư Thanh văn, Duyên giác chi nhân, nhất thiết vô hữu tứ vô ngại giả, vân hà Thế Tôn thuyết *Xá-lợi-phất* trí tuệ đệ nhất, *Đại Mục-kiên-liên* thần thông đệ nhất, *Ma-ha-câu-hy-la* tứ vô ngại đệ nhất? Như kỳ vô giả, Như Lai hà cố tác như thị thuyết?

Nhĩ thời Thế Tôn tán *Ca-diếp* ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Thí như Hằng hà hữu vô lượng thủy; *Tân-dâu* đại hà, thủy diệc vô lượng; *Bác-xoa* đại hà, thủy diệc vô lượng; *Tất-đà* đại hà, thủy diệc vô lượng, *A-nậu-đạt* trì, thủy diệc vô lượng; đại hải chi trung, thủy diệc vô lượng; như thị chư thủy, tuy đồng vô lượng, nhiên kỳ đa thiếu, kỳ thật bất đẳng.

等。聲聞緣覺及諸菩薩四無礙智亦復如是。善男子。若說等者無有是處。善男子。我為凡夫說摩訶拘絺羅四無礙智為最第一。汝所問者其義如是。善男子。聲聞之人或有得一或有得二。若具足四無有是處。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛先說梵行品中。菩薩知見得四無礙者。菩薩知見則無所得。亦無有心言無所得。

世尊。是菩薩摩訶薩實無所得。若使菩薩心有得者。則非菩薩名為凡夫。云何如來說言菩薩而有所得。

佛言。善男子。善哉善哉。我將欲說而汝復問。善男子。菩薩摩訶薩實無所得。無所得者名四無礙。

善男子。以何義故無所得者名為無礙。若有得者則名為礙。有障礙者名四顛倒。善男子。菩薩摩訶薩無四倒故得無礙。是故菩薩名無所得。

復次善男子。無所得者則名為慧。菩薩摩訶薩得是慧故名無所得。有所得者名為無明。菩薩永斷無明闇故，故無所得。是故菩薩名無所得。

復次善男子。無所得者名大涅槃。菩薩摩訶薩安住如是大涅槃中。不見一切諸法性相。是故菩薩名無所得。有所得者名二十五有。菩薩永斷二十五有得大涅槃。是故菩薩名無所得。

復次善男子。無所得者名為大乘。菩薩摩訶薩不住諸法故得大乘。是故菩薩名無所得。有所得者

Thanh văn Duyên giác cập chư Bồ Tát tứ vô ngại trí diệc phục như thị. Thiện nam tử! Nhược thuyết đẳng giả, vô hữu thị xứ. Thiện nam tử! Ngã vị phàm phu, thuyết *Ma-ha-câu-hy-la*, tứ vô ngại trí, vi tối đệ nhất. Nhữ sở vấn giả, kỳ nghĩa như thị. Thiện nam tử! Thanh văn chi nhân, hoặc hữu đắc nhất, hoặc hữu đắc nhị; nhược cụ túc tứ vô hữu thị xứ.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật tiên thuyết Phạm hạnh phẩm trung, Bồ Tát tri kiến, đắc tứ vô ngại giả. Bồ Tát tri kiến, tắc vô sở đắc, diệc vô hữu tâm ngôn vô sở đắc.

Thế Tôn, thị Bồ Tát ma-ha-tát thật vô sở đắc. Nhược sử Bồ Tát tâm hữu đắc giả, tắc phi Bồ Tát, danh vi phàm phu. Vân hà Như Lai thuyết ngôn Bồ Tát nhi hữu sở đắc?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thiện tai! Thiện tai! Ngã tương dục thuyết, nhi nhữ phục vấn. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát thật vô sở đắc. Vô hữu đắc giả, danh tứ vô ngại.

Thiện nam tử! Dĩ hà nghĩa cố, vô sở đắc giả danh vi vô ngại? Nhược hữu đắc giả, tắc danh vi ngại. Hữu chướng ngại giả, danh tứ điên đảo. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát vô tứ đảo cố, cố đắc vô ngại. Thị cố Bồ Tát danh vô sở đắc.

Phục thứ thiện nam tử! Vô sở đắc giả, tắc danh vi tuệ. Bồ Tát ma-ha-tát đắc thị tuệ cố, danh vô sở đắc. Hữu sở đắc giả, danh vi vô minh. Bồ Tát vĩnh đoạn vô minh ám cố, cố vô sở đắc. Thị cố Bồ Tát, danh vô sở đắc.

Phục thứ, thiện nam tử! Vô sở đắc giả, danh Đại Niết-bàn, Bồ Tát ma-ha-tát an trụ như thị Đại Niết-bàn trung, bất kiến nhất thiết chư pháp tánh tướng. Thị cố Bồ Tát, danh vô sở đắc. Hữu sở đắc giả, danh nhị thập ngũ hữu. Bồ Tát vĩnh đoạn nhị thập ngũ hữu, đắc Đại Niết-bàn. Thị cố Bồ Tát, danh vô sở đắc.

Phục thứ, thiện nam tử! Vô sở đắc giả, danh vi Đại thừa. Bồ Tát ma-ha-tát bất trụ chư pháp, cố đắc Đại thừa. Thị cố Bồ Tát, danh vô sở đắc. Hữu sở đắc giả, danh vi Thanh văn, Bích

名為聲聞辟支佛道。菩薩永斷二乘道故得於佛道。是故菩薩名無所得。

復次善男子。無所得者名方等經。菩薩讀誦如是經故得大涅槃。是故菩薩名無所得。有所得者名十一部經。⁽¹⁾ 菩薩不修純說方等大乘經典。是故菩薩名無所得。

復次善男子。無所得者名為虛空。世間無物名為虛空。菩薩得是虛空三昧無所見故。是故菩薩名無所得。有所得者名生死輪。一切凡夫輪迴生死故有所見。菩薩永斷一切生死。是故菩薩名無所得。

復次善男子。菩薩摩訶薩無所得者名常樂我淨。菩薩摩訶薩見佛性故得常樂我淨。是故菩薩名無所得。有所得者名無常無樂無我無淨。菩薩摩訶薩斷是無常無樂無我無淨。是故菩薩名無所得。

復次善男子。無所得者名第一義空。菩薩摩訶薩觀第一義空悉無所見。是故菩薩名無所得。有所得者名為五見。菩薩永斷是五見故得第一義空。是故菩薩名無所得。

復次善男子。無所得者名為阿耨多羅三藐三菩提。菩薩摩訶薩得阿耨多羅三藐三菩提時悉無所

chi Phật đạo. Bồ Tát vĩnh đoạn nhị thừa đạo cố, đắc ư Phật đạo. Thị cố Bồ Tát, danh vô sở đắc.

Phục thứ, thiện nam tử! Vô sở đắc giả, danh Phương đẳng kinh. Bồ Tát độc tụng như thị kinh cố, đắc đại Niết-bàn, thị cố Bồ Tát, danh vô sở đắc. Hữu sở đắc giả, danh thập nhất bộ kinh. Bồ Tát bất tu, thuần thuyết Phương đẳng Đại thừa kinh điển. Thị cố Bồ Tát, danh vô sở đắc.

Phục thứ, thiện nam tử! Vô sở đắc giả, danh vi hư không. Thế gian vô vật, danh vi hư không. Bồ Tát đắc thị hư không Tam-muội, vô sở kiến cố, thị cố Bồ Tát danh vô sở đắc. Hữu sở đắc giả, danh sanh tử luân. Nhất thiết phàm phu luân hồi sanh tử, cố hữu sở kiến. Bồ Tát vĩnh đoạn nhất thiết sanh tử. Thị cố Bồ Tát danh vô sở đắc.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát vô sở đắc giả, danh thường, lạc, ngã, tịnh. Bồ Tát ma-ha-tát kiến Phật tánh cố, đắc thường lạc, ngã, tịnh. Thị cố Bồ Tát danh vô sở đắc. Hữu sở đắc giả, danh vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Bồ Tát ma-ha-tát đoạn thị vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Thị cố Bồ Tát danh vô sở đắc.

Phục thứ Thiện nam tử! Vô sở đắc giả, danh đệ nhất nghĩa không. Bồ Tát ma-ha-tát, quán đệ nhất nghĩa không, tất vô sở kiến. Thị cố Bồ Tát danh vô sở đắc. Hữu sở đắc giả, danh vi ngũ kiến. Bồ Tát vĩnh đoạn thị ngũ kiến, cố đắc đệ nhất nghĩa không. Thị cố Bồ Tát danh vô sở đắc.

Phục thứ, thiện nam tử! Vô sở đắc giả, danh vi A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Bồ Tát ma-ha-tát đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thời, tất vô sở kiến. Thị cố Bồ Tát, danh vô sở

¹ Bản khắc gỗ chúng tôi hiện có khắc chỗ này là 十二部經, nhưng câu trước đó vừa tách riêng kinh Phương đẳng Đại thừa nên e rằng như thế không hợp lý. Vì vậy nên chúng tôi quyết định giữ nguyên như bản viết tay của học giả Đoàn Trung Còn.

見。是故菩薩名無所得。有所得者名為聲聞緣覺菩提。菩薩永斷二乘菩提。是故菩薩名無所得。

善男子。汝之所問亦無所得。我之所說亦無所得。若有所得是魔眷屬非我弟子。

迦葉菩薩白佛言。世尊。為我說是菩薩無所得時。無量眾生斷有相心。以是事故我敢諮啟無所得義。令如是等無量眾生離魔眷屬為佛弟子。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如來先於娑羅雙樹間。為純陀說偈。

本有今無
本無今有
三世有法
無有是處

世尊。是義云何。

佛言。善男子。我為化度諸眾生故而作是說。亦為聲聞辟支佛故而作是說。亦為文殊師利法王子故而作是說。不但正為純陀一人說是偈也。時文殊師利將欲問我。我知其心而為說之。我既說已文殊師利即得解了。

迦葉菩薩言。世尊。如文殊等詎有幾人能了是義。惟願如來更為大眾廣分別說。

善男子。諦聽諦聽。今當為汝重敷演之。言本有

đắc. Hữu sở đắc giả, danh vi Thanh văn, Duyên giác Bồ-đề. Bồ Tát vĩnh đoạn nhị thừa Bồ-đề. Thị cố Bồ Tát, danh vô sở đắc.

Thiện nam tử! Nhữ chi sở vấn, diệc vô sở đắc. Ngã chi sở thuyết, diệc vô sở đắc. Nhược hữu sở đắc, thị ma quyến thuộc, phi ngã đệ tử.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn vị ngã thuyết thị Bồ Tát vô sở đắc thời, vô lượng chúng sanh đoạn hữu tướng tâm. Dĩ thị sự cố, ngã cảm tư khái vô sở đắc nghĩa, linh như thị đẳng vô lượng chúng sanh ly ma quyến thuộc, vi Phật đệ tử.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Lai tiên ư *Sa-la* song thọ gian, vị *Thuần-đà* thuyết kệ:

Bổn hữu kim vô,
Bổn vô kim hữu;
Tam thế hữu pháp,
Vô hữu thị xứ.

Thế Tôn thị nghĩa vân hà?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Ngã vị hóa độ chư chúng sanh cố, nhi tác thị thuyết; diệc vị Thanh văn, *Bích-chi* Phật cố, nhi tác thị thuyết; diệc vị *Văn-thù-sư-lợi* Pháp vương tử cố, nhi tác thị thuyết, bất dẫn chánh vị *Thuần-đà* nhất nhân, thuyết thị kệ đã. Thời *Văn-thù-sư-lợi* tương dục vấn ngã, ngã tri kỳ tâm, nhi vị thuyết chi. Ngã ký thuyết dĩ, *Văn-thù-sư-lợi* tức đắc giải liễu.

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Như *Văn-thù* đẳng, cự hữu kỹ nhân năng liễu thị nghĩa! Duy nguyện Như Lai cánh vị Đại chúng, quảng phân biệt thuyết.

Thiện nam tử! Để thính! Để thính! Kim đương vị nhữ, trùng phu diễn chi. Ngôn bổn hữu giả, ngã tích bổn hữu vô

者。我昔本有無量煩惱。以煩惱故現在無有大般涅槃。言本無者。本無般若波羅蜜。以無般若波羅蜜。故現在具有諸煩惱結。若有沙門若婆羅門若天若魔若梵若人。說言如來去來現在有煩惱者無有是處。

復次善男子。言本有者。我本有父母和合之身。是故現在無有金剛微妙法身。言本無者。我身本無三十二相八十種好。以本無有三十二相八十種好故。現在具有四百四病。若有沙門若婆羅門若天若魔若梵若人。說言如來去來現在有病苦者無有是處。

復次善男子。言本有者。我昔本有無常無我無樂無淨。以有無常無我無樂無淨故。現在無有阿耨多羅三藐三菩提。言本無者。本不見佛性以不見故無常樂我淨。若有沙門若婆羅門若天若魔若梵若人。說言如來去來現在無常樂我淨者無有是處。

復次善男子。言本有者。本有凡夫修苦行心謂得阿耨多羅三藐三菩提。以是事故現在不能破壞四魔。言本無者。我本無有六波羅蜜。以本無有六波羅蜜故修行凡夫苦行之心。謂得阿耨多羅三藐三菩提。若有沙門若婆羅門若天若魔若梵若人。說言如來去來現在有苦行者無有是處。

lượng phiền não. Dĩ phiền não cố, hiện tại vô hữu Đại Bát Niết-bàn. Ngôn bản vô giả, bản vô *Bát-nhã Ba-la-mật*. Dĩ vô *Bát-nhã Ba-la-mật* cố, hiện tại cụ hữu chư phiền não kết. Nhược hữu *sa-môn*, nhược *bà-la-môn*, nhược thiên, nhược ma, nhược phạm, nhược nhân, thuyết ngôn: Như Lai khứ, lai, hiện tại, hữu phiền não giả, vô hữu thị xứ.

Phục thứ, thiện nam tử! Ngôn bản hữu giả, ngã tích bốn hữu phụ mẫu hoà hiệp chi thân; thị cố hiện tại vô hữu kim cang vi diệu pháp thân. Ngôn bản vô giả, ngã thân bốn vô tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo. Dĩ bản vô hữu tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo cố, hiện tại cụ hữu tứ bá tứ bệnh. nhược hữu *sa-môn*, nhược *bà-la-môn*, nhược thiên, nhược ma, nhược phạm, nhược nhân thuyết ngôn: Như Lai khứ, lai, hiện tại, hữu bệnh khổ giả, vô hữu thị xứ.

Phục thứ, thiện nam tử! Ngôn bản hữu giả, ngã tích bốn hữu vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Dĩ hữu vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh cố, hiện tại vô hữu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Ngôn bản vô giả, bản bất kiến Phật tánh. Dĩ bất kiến cố, vô thường, lạc, ngã, tịnh. nhược hữu *sa-môn*, nhược *bà-la-môn*, nhược thiên, nhược ma, nhược phạm, nhược nhân, thuyết ngôn: Như Lai khứ, lai, hiện tại, vô thường, lạc, ngã, tịnh giả, vô hữu thị xứ.

Phục thứ, thiện nam tử! Ngôn bản hữu giả, bốn hữu phạm phu tu khổ hạnh tâm, vị đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Dĩ thị sự cố, hiện tại bất năng phá hoại tứ ma. Ngôn bản vô giả, ngã bốn vô hữu lục *Ba-la-mật*. Dĩ bản vô hữu lục *Ba-la-mật* cố, tu hành phạm phu khổ hạnh chi tâm, vị đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Nhược hữu *sa-môn*, nhược *bà-la-môn*, nhược thiên, nhược ma, nhược phạm, nhược nhân, thuyết ngôn: Như Lai khứ, lai, hiện tại hữu khổ hạnh giả, vô hữu thị xứ.

復次善男子。言本有者。我昔本有雜食之身。以有食身故現在無有無邊之身。言本無者。本無三十七助道法。以無三十七助道法故現在具有雜食之身。若有沙門若婆羅門若天若魔若梵若人。說言如來去來現在有雜食身者無有是處。

復次善男子。言本有者。我昔本有一切法中取著之心。以是事故現在無有畢竟空定。言本無者。我本無有中道實義。以無中道真實義故於一切法則有著心。若有沙門若婆羅門若天若魔若梵若人。說言如來去來現在說一切法是有相者無有是處。

復次善男子。言本有者。我初得阿耨多羅三藐三菩提時。有諸鈍根聲聞弟子。以有鈍根聲聞弟子故不得演說一乘之實。言本無者。本無利根人中象王。迦葉菩薩等以無利根。迦葉等故隨宜方便開示三乘。若有沙門若婆羅門若天若魔若梵若人。說言如來去來現在畢竟演說三乘法者無有是處。

復次善男子。言本有者。我本說言卻後三月於娑羅雙樹當般涅槃。是故現在不得演說大方等典大般涅槃。言本無者。本昔無有文殊師利大菩薩等。以無有故現在說言如來無常。若有沙門若婆羅門若天若魔若梵若人。說言如來去來現在是無常者無有是處。

Phục thứ, thiện nam tử! Ngôn bản hữu giả, ngã tích bốn hữu tạp thực chi thân. Dĩ hữu thực thân cố, hiện tại vô hữu vô biên chi thân. Ngôn bản vô giả, bản vô tam thập thất trợ đạo pháp. Dĩ vô tam thập thất trợ đạo pháp cố, hiện tại cụ hữu, tạp thực chi thân. Nhược hữu *sa-môn*, nhược *bà-la-môn*, nhược thiên, nhược ma, nhược phạm, nhược nhân, thuyết ngôn: Như Lai khứ, lai, hiện tại hữu tạp thực thân giả, vô hữu thị xứ.

Phục thứ, thiện nam tử! Ngôn bản hữu giả, ngã tích bốn hữu nhất thiết pháp trung, thủ trước chi tâm. Dĩ thị sự cố, hiện tại vô hữu tất cánh không định. Ngôn bản vô giả, ngã bản vô hữu trung đạo thật nghĩa. Dĩ vô trung đạo chân thật nghĩa cố, ư nhất thiết pháp, tác hữu trước tâm. Nhược hữu *sa-môn*, nhược *bà-la-môn*, nhược thiên, nhược ma, nhược phạm, nhược nhân, thuyết ngôn: Như Lai khứ, lai, hiện tại thuyết nhất thiết pháp thị hữu tướng giả vô hữu thị xứ.

Phục thứ, thiện nam tử! Ngôn bản hữu giả, ngã sơ đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* thời, hữu chư độn căn Thanh văn đệ tử. Dĩ hữu độn căn Thanh văn đệ tử cố, bất đắc diễn thuyết nhất thừa chi thật. Ngôn bản vô giả, bản vô lợi căn, nhân trung tượng vương, *Ca-diếp* Bồ Tát đẳng. Dĩ vô lợi căn *Ca-diếp* đẳng cố, tùy nghi phương tiện khai thị tam thừa. Nhược hữu *sa-môn*, nhược *bà-la-môn*, nhược thiên, nhược ma, nhược phạm, nhược nhân, thuyết ngôn: Như Lai khứ, lai, hiện tại tất cánh diễn thuyết tam thừa pháp giả, vô hữu thị xứ.

Phục thứ, thiện nam tử! Ngôn bản hữu giả, ngã bản thuyết ngôn: Khước hậu tam nguyệt, ư *sa-la* song thọ đương bát *Niết-bàn*. Thị cố hiện tại, bất đắc diễn thuyết đại Phương đẳng điển *Đại Bát Niết-bàn*. Ngôn bản vô giả, bản tích vô hữu *Văn-thù-sư-lợi* *Đại Bồ Tát* đẳng. Dĩ vô hữu cố, hiện tại thuyết ngôn: Như Lai vô thường. Nhược hữu *sa-môn*, nhược *bà-la-môn*, nhược thiên, nhược ma, nhược phạm, nhược nhân, thuyết ngôn: Như Lai khứ, lai, hiện tại thị vô thường giả, vô hữu thị xứ.

善男子。如來普為諸眾生故雖知諸法說言不知。雖見諸法說言不見。有相之法說言無相。無相之法說言有相。實有無常說言有常。實有有常說言無常。我樂淨等亦復如是。三乘之法說言一乘。一乘之法隨宜說三。略相說廣廣相說略。四重之法說偷蘭遮。偷蘭遮法說言四重。犯說非犯非犯說犯。輕罪說重重罪說輕。何以故。如來明見眾生根故。

善男子。如來雖作是說終無虛妄。何以故虛妄之語即是罪過。如來悉斷一切罪過。云何當有虛妄語耶。

善男子。如來雖無虛妄之言。若知眾生因虛妄說得法利者。隨宜方便則為說之。

善男子。一切世諦若於如來即是第一義諦。何以故。諸佛世尊為第一義故說於世諦。亦令眾生得第一義諦。若使眾生不得如是第一義者。諸佛終不宣說世諦。

善男子。如來有時演說世諦。眾生謂佛說第一義諦。有時演說第一義諦。眾生謂佛說於世諦。是則諸佛甚深境界。非是聲聞緣覺所知。善男子。是故汝先不應難言菩薩摩訶薩無所得也。菩薩常得第一義諦。云何難言無所得耶。

迦葉復言。世尊。第一義諦亦名為道。亦名菩提

Thiện nam tử! Như Lai phổ vị chư chúng sanh cố, tuy tri chư pháp, thuyết ngôn bất tri; tuy kiến chư pháp, thuyết ngôn bất kiến. Hữu tướng chi pháp, thuyết ngôn vô tướng; vô tướng chi pháp, thuyết ngôn hữu tướng. Thật hữu vô thường, thuyết ngôn hữu thường; thật hữu hữu thường, thuyết ngôn vô thường. Lạc, ngã, tịnh đẳng, diệc phục như thị. Tam thừa chi pháp, thuyết ngôn nhất thừa; nhất thừa chi pháp, tùy nghi thuyết tam. Lược tướng, thuyết quảng; quảng tướng, thuyết lược. Tứ trọng chi pháp, thuyết du-lan-già; du-lan-già pháp, thuyết vi tứ trọng. Phạm thuyết phi phạm; phi phạm thuyết phạm. Khinh tội, thuyết trọng, trọng tội, thuyết khinh. Hà dĩ cố? Như Lai minh kiến chúng sanh căn cố.

Thiện nam tử! Như Lai tuy tác thị thuyết, chung vô hư vọng. Hà dĩ cố? hư vọng chi ngữ, tức thị tội quá. Như Lai tất đoạn nhất thiết tội quá, vân hà đương hữu hư vọng ngữ da?

Thiện nam tử! Như Lai tuy vô hư vọng chi ngôn, nhược tri chúng sanh, nhân hư vọng thuyết, đắc pháp lợi giả, tùy nghi phương tiện, tác vị thuyết chi.

Thiện nam tử! Nhất thiết thế đế, nhược ư Như Lai, tức thị đệ nhất nghĩa đế. Hà dĩ cố? Chư Phật Thế Tôn, vị đệ nhất nghĩa cố, thuyết ư thế đế, diệc linh chúng sanh đắc đệ nhất nghĩa đế. Nhược sử chúng sanh bất đắc như thị đệ nhất nghĩa giả, chư Phật chung bất tuyên thuyết thế đế.

Thiện nam tử! Như Lai hữu thời diễn thuyết thế đế; chúng sanh vị Phật thuyết đệ nhất nghĩa đế. Hữu thời diễn thuyết đệ nhất nghĩa đế; chúng sanh vị Phật thuyết ư thế đế. Thị tác chư Phật thậm thâm cảnh giới; phi thị Thanh văn, Duyên giác sở tri. Thiện nam tử! Thị cố nữ tiên bất ưng nạn ngôn Bồ Tát ma-ha-tát vô sở đắc dã. Bồ Tát thường đắc đệ nhất nghĩa đế. Vân hà nạn ngôn vô sở đắc da?

Ca-diếp phục ngôn: Thế Tôn! Đệ nhất nghĩa đế, diệc danh vi đạo, diệc danh *Bồ-đề*, diệc danh *Niết-bàn*. Nhược hữu Bồ

亦名涅槃。若有菩薩言有得道菩提涅槃即是無常。何以故。法若常者則不可得。猶如虛空誰有得者。

世尊。如世間物本無今有名為無常。道亦如是。道若可得則名無常。法若常者無得無生。猶如佛性無得無生。

世尊。夫道者。非色非不色不長不短非高非下。非生非滅非赤非白非青非黃非有非無。云何如來說言可得。菩提涅槃亦復如是。

佛言。如是如是。善男子。道有二種。一者常。二者無常。菩提之相亦有二種。一者常。二者無常。涅槃亦爾。外道道者名為無常。內道道者名之為常。聲聞緣覺所有菩提名為無常。菩薩諸佛所有菩提名之為常。外解脫者名為無常。內解脫者名之為常。

善男子。道與菩提及以涅槃悉名為常。一切眾生常為無量煩惱所覆。無慧眼故不能得見。而諸眾生為欲見故修戒定慧。以修行故見道菩提及以涅槃。是名菩薩得道菩提及涅槃也。道之性相實不生滅。以是義故不可捉持。

善男子。道者雖無色像可見稱量可知而實有用。善男子。如眾生心雖非是色非長非短非麤非細

Tát ngôn hữu đắc đạo, Bồ-đề, Niết-bàn, tức thị vô thường. Hà dĩ cố? Pháp nhược thường giả, tắc bất khả đắc; do như hư không, thù hữu đắc giả?

Thế Tôn! Như thế gian vật, bốn vô, kim hữu, danh vi vô thường. Đạo diệt như thị. Đạo nhược khả đắc, tắc danh vô thường. Pháp nhược thường giả, vô đắc, vô sanh, do như Phật tánh, vô đắc, vô sanh.

Thế Tôn! Phù đạo giả, phi sắc, phi bất sắc, bất trường, bất đoản, phi cao, phi hạ, phi sanh, phi diệt, phi xích, phi bạch, phi thanh, phi hoàng, phi hữu, phi vô. Vân hà Như Lai thuyết ngôn khả đắc? Bồ-đề, Niết-bàn diệt phục như thị.

Phật ngôn: Như thị, như thị. Thiện nam tử! Đạo hữu nhị chủng: nhất giả thường, nhị giả vô thường. Bồ-đề chi tướng, diệt hữu nhị chủng: nhất giả thường, nhị giả vô thường. Niết-bàn diệt nhị. Ngoại đạo đạo giả, danh vi vô thường; nội đạo đạo giả, danh chi vi thường. Thanh văn Duyên giác sở hữu Bồ-đề, danh vi vô thường; Bồ Tát chư Phật sở hữu Bồ-đề, danh chi vi thường. Ngoại giải thoát giả, danh vi vô thường; nội giải thoát giả, danh chi vi thường.

Thiện nam tử! Đạo dĩ Bồ-đề cập dĩ Niết-bàn, tất danh vi thường; nhất thiết chúng sanh thường vi vô lượng phiền não sở phú, vô tuệ nhãn cố, bất năng đắc kiến. Nhi chư chúng sanh, vị dục kiến cố, tu giới, định, tuệ. Dĩ tu hành cố, kiến đạo, Bồ-đề cập dĩ Niết-bàn. Thị danh Bồ Tát đắc đạo, Bồ-đề cập Niết-bàn dã. Đạo chi tánh tướng, thật bất sanh diệt. Dĩ thị nghĩa cố, bất khả tróc trì.

Thiện nam tử! Đạo giả, tuy vô sắc tượng khả kiến, xứng lượng khả tri, nhi thật hữu dụng. Thiện nam tử! Như chúng sanh tâm, tuy thị phi sắc, phi trường, phi đoản, phi thô, phi

非縛非解。非是見法而亦是有。以是義故我為須達。說言長者心為城主。長者若不護心則不護身口。若護心者則護身口。以不善護是身口故。令諸眾生到三惡趣。護身口者則令眾生得人天涅槃得名真實。其不得者名不真實。

善男子。道與菩提及以涅槃亦復如是亦有亦常。如其無者云何能斷一切煩惱。以其有故一切菩薩了了知見。

善男子。見有二種。一相貌見。二了了見。

云何相貌見。如遠見煙名為見火。實不見火。雖不見火亦非虛妄。見空中鶴便言見水。雖不見水亦非虛妄。如見花葉便言見根。雖不見根亦非虛妄。如人遙見籬間牛角便言見牛。雖不見牛亦非虛妄。如見女人懷妊便言見欲。雖不見欲亦非虛妄。如見樹生葉便言見水。雖不見水亦非虛妄。又如見雲便言見雨。雖不見雨亦非虛妄。如見身業及以口業便言見心。雖不見心亦非虛妄。是名相貌見。

云何了了見。如眼見色。善男子。如人眼根清淨不壞自觀掌中阿摩勒菓。菩薩摩訶薩了了見道。菩提涅槃亦復如是。雖如是見初無見相。

善男子。以是因緣我於往昔告舍利弗。一切世

tế, phi phục, phi giải, phi thị kiến pháp, nhi diệt thị hữu. Dĩ thị nghĩa cố, ngã vị Tu-đạt thuyết ngôn: Trưởng giả tâm vi thành chủ. Trưởng giả nhược bất hộ tâm, tác bất hộ thân, khẩu. Nhược hộ tâm giả, tác hộ thân, khẩu. Dĩ bất thiện hộ thị thân, khẩu cố, linh chư chúng sanh đọa tam ác thú. Hộ thân khẩu giả, tác linh chúng sanh đắc nhân, thiên, Niết-bàn. Đắc, danh chân thật. Kỳ bất đắc giả, danh bất chân thật.

Thiện nam tử! Đạo dữ Bồ-đề cập dĩ Niết-bàn, diệt phục như thị; diệt hữu, diệt thường. Như kỳ vô giả, vân hà năng đoạn nhất thiết phiền não? Dĩ kỳ hữu cố, nhất thiết Bồ Tát liễu liễu tri kiến.

Thiện nam tử! Kiến hữu nhị chủng: nhất tướng mạo kiến, nhị liễu liễu kiến.

Vân hà tướng mạo kiến? Như viễn kiến yên, danh vi kiến hỏa. Thật bất kiến hỏa. Tuy bất kiến hỏa, diệt phi hư vọng. Kiến không trung hạc, tiện ngôn kiến thủy. Tuy bất kiến thủy, diệt phi hư vọng. Như kiến hoa, diệt, tiện ngôn kiến căn. Tuy bất kiến căn, diệt phi hư vọng. Như nhân dao kiến ly, gian ngư giác, tiện ngôn kiến ngư. Tuy bất kiến ngư, diệt phi hư vọng. Như kiến nữ nhân hoài nhâm, tiện ngôn kiến dục. Tuy bất kiến dục, diệt phi hư vọng. Như kiến thọ sanh diệt, tiện ngôn kiến thủy. Tuy bất kiến thủy, diệt phi hư vọng. Hựu như kiến vân, tiện ngôn kiến vũ. Tuy bất kiến vũ, diệt phi hư vọng. Như kiến thân nghiệp cập dĩ khẩu nghiệp, tiện ngôn kiến tâm. Tuy bất kiến tâm, diệt phi hư vọng. Thị danh tướng mạo kiến.

Vân hà liễu liễu kiến? Như nhãn kiến sắc. Thiện nam tử! Như nhân nhãn căn, thanh tịnh bất hoại, tự quan chưởng trung, A-ma-lạc quả. Bồ Tát ma-ha-tát liễu liễu kiến đạo, Bồ-đề, Niết-bàn, diệt phục như thị. Tuy như thị kiến, sơ vô kiến tướng.

Thiện nam tử! Dĩ thị nhân duyên, ngã ư vãng tích cáo Xá-lợi-phất: Nhất thiết thế gian, nhược hữu sa-môn, nhược bà-la-

間若有沙門若婆羅門若天若魔若梵若人之所不知不見不覺。惟有如來悉知見覺。及諸菩薩亦復如是。

舍利弗。若諸世間所知見覺。我與菩薩亦知見覺。世間眾生之所不知不見不覺。亦不自知不知見覺。世間眾生所知見覺。便自說言我知見覺。

舍利弗。如來一切悉知見覺。亦不自言我知見覺。一切菩薩亦復如是。何以故。若使如來作知見覺相。當知是則非佛世尊。名為凡夫菩薩亦爾。

迦葉菩薩言。如佛世尊為舍利弗說。世間知者我亦得知世間不知我亦悉知。其義云何。

善男子。一切世間不知不見不覺佛性。若有知見覺佛性者。不名世間名為菩薩。世間之人亦復不知不見不覺十二部經十二因緣四倒四諦三十七品。阿耨多羅三藐三菩提大般涅槃。若知見覺者不名世間當名菩薩。善男子。是名世間不知見覺。

云何世間所知見覺。所謂梵天自在天八臂天性時微塵法及非法。是造化主世界終始斷常二見。說言初禪至非非想名為涅槃。善男子。是名世間所知見覺。菩薩摩訶薩於如是事亦知見覺。菩薩如是知見覺已。若言不知不見不覺是為虛妄。虛妄之法則為是罪。以是罪故墮於地獄。

môn, nhược thiên, nhược ma, nhược Phạm, nhược nhân, chi sở bất tri, bất kiến, bất giác. Duy hữu Như Lai, tất tri, kiến, giác, cập chư Bồ Tát, diệc phục như thị.

Xá-lợi-phất! Nhược chư thế gian sở tri, kiến, giác, ngã dĩ Bồ Tát diệc tri, kiến, giác. Thế gian chúng sanh chi sở bất tri, bất kiến, bất giác, diệc bất tự tri bất tri, kiến, giác. Thế gian chúng sanh sở tri, kiến, giác, tiệt tự thuyết ngôn: Ngã tri kiến giác.

Xá-lợi-phất! Như Lai nhất thiết tất tri, kiến, giác, diệc bất tự ngôn: Ngã tri, kiến, giác. Nhất thiết Bồ Tát diệc phục như thị. Hà dĩ cố? Nhược sử Như Lai tác tri, kiến, giác tướng, đương tri thị tác phi Phật Thế Tôn, danh vi phạm phu. Bồ Tát diệc nhĩ.

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Như Phật Thế Tôn vị *Xá-lợi-phất* thuyết: Thế gian tri giả, ngã diệc đắc tri; thế gian bất tri, ngã diệc tất tri. Kỳ nghĩa vân hà?

Thiện nam tử! Nhất thiết thế gian bất tri, bất kiến, bất giác, Phật tánh. Nhược hữu tri kiến, giác Phật tánh giả, bất danh thế gian, danh vi Bồ Tát. Thế gian chi nhân diệc phục bất tri, bất kiến, bất giác thập nhị bộ kinh, thập nhị nhân duyên, tứ đảo, tứ đế, tam thập thất phẩm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, Đại Bát Niết-bàn. Nhược tri, kiến, giác giả, bất danh thế gian, đương danh Bồ Tát. Thiện nam tử! Thị danh thế gian bất tri, kiến, giác.

Vân hà thế gian sở tri, kiến, giác? Sở vị Phạm thiên, Tự tại thiên, Bát tý thiên, tánh, thời, vi trần, pháp cập phi pháp, thị tạo hóa chủ, thế giới chung thủy, đoạn thường nhị kiến, thuyết ngôn sơ thiên, chí phi phi tướng; danh vi *Niết-bàn*. Thiện nam tử! Thị danh thế gian sở tri, kiến, giác. Bồ Tát ma-ha-tát ư như thị sự diệc tri, kiến, giác. Bồ Tát như thị tri, kiến, giác dĩ, nhược ngôn bất tri, bất kiến, bất giác, thị vi hư vọng. Hư vọng chi pháp, tác vi thị tội. Dĩ thị tội cố, đọa ư địa ngục.

善男子。若男若女若沙門若婆羅門。說言無道菩提涅槃。當知是輩名一闍提魔之眷屬名為謗法。如是謗法名謗諸佛。如是之人不名世間不名非世間。

爾時迦葉聞是事已即以偈頌。而讚歎佛。

大慈愍眾生
故令羸歸依
善拔眾毒箭
故稱大醫王
世醫所療治
雖瘡還復生
如來所治者
畢竟不復發
世尊甘露藥
以施諸眾生
眾生既服已
不死亦不生
如來今為我
演說大涅槃
眾生聞祕藏
即得不生滅

迦葉菩薩說是偈已即白佛言。世尊。如佛所說一切世間不知見覺。菩薩悉能知見覺者。若使菩薩是世間者不得說言世間不知不見不覺。而是菩薩能知見覺若非世間有何異相。

Thiện nam tử! Nhược nam, nhược nữ, nhược sa-môn, nhược bà-la-môn thuyết ngôn vô đạo, Bồ-đề, Niết-bàn, đương tri thị bối danh nhất-xiển-đề, Ma chi quyển thuộc, danh vi bàng pháp. Như thị bàng pháp danh bàng chư Phật. Như thị chi nhân bất danh thế gian, bất danh phi thế gian!

Nhĩ thời Ca-diếp văn thị sự dĩ, túc dĩ kệ tụng, nhi tán thán Phật:

Đại từ mẫn chúng sanh,
Cố linh thô quy y;
Thiện bặt chúng độc tiến,
Cố xưng đại y vương.
Thế y sở liệu trị,
Tuy sái hoàn phục sanh;
Như Lai sở trị giả,
Tất cánh bất phục phát.
Thế Tôn cam lộ dục,
Dĩ thí chư chúng sanh;
Chúng sanh ký phục dĩ,
Bất tử diệt bất sanh;
Như Lai kim vị ngã,
Diễn thuyết Đại Niết-bàn;
Chúng sanh văn bí tạng,
Túc đắc bất sanh diệt.

Ca-diếp Bồ Tát thuyết thị kệ dĩ, túc bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết, nhất thiết thế gian bất tri, kiến, giác, Bồ Tát tất năng tri, kiến, giác giả. Nhược sử Bồ Tát thị thế gian giả, bất đắc thuyết ngôn thế gian bất tri, bất kiến, bất giác. Nhi thị Bồ Tát năng tri, kiến, giác. Nhược phi thế gian, hữu hà dị tướng?

佛言。善男子。言菩薩者亦是世間亦非世間。不知見覺者名為世間。知見覺者不名世間。汝言有何異者我今當說。

善男子。若男若女若有初聞是涅槃經。即生敬信發阿耨多羅三藐三菩提心者。是則名為世間菩薩。一切世間不知見覺。如是菩薩亦同世間不知見覺。

菩薩聞是涅槃經已。知有世間不知見覺應是菩薩所知見覺。知是事已即自思惟。我當云何方便修習得知見覺。復自念言。惟當深心修持淨戒。

善男子。菩薩爾時以是因緣於未來世在在生處戒常清淨。善男子。菩薩摩訶薩以戒淨故。在在生處常無憍慢邪見疑網。終不說言如來畢竟入於涅槃。是名菩薩修持淨戒。

戒既清淨次修禪定。以修定故在在生處正念不忘。所謂一切眾生悉有佛性。十二部經諸佛世尊常樂我淨。一切菩薩安住方等大涅槃經悉見佛性。如是等事憶而不忘。因修定故得十一空。是名菩薩修清淨定。

戒定已備次修淨慧。以修慧故初不計著身中有我我中有身。是身是我非身非我。是名菩薩修習淨慧。以修慧故所受持戒牢固不動。

Phật ngôn: Thiện nam tử! Ngôn Bồ Tát giả, diệc thị thế gian, diệc phi thế gian. Bất tri, kiến, giác giả, danh vi thế gian. Tri, kiến, giác giả, bất danh thế gian. Nhữ ngôn hữu hà dị giả, ngã kim đương thuyết:

Thiện nam tử! Nhược nam, nhược nữ, nhược hữu sơ văn thị Niết-bàn kinh, tức sanh kính tín, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giả, thị tắc danh vi thế gian Bồ Tát. Nhất thiết thế gian bất tri, kiến, giác, như thị Bồ Tát diệc đồng thế gian: bất tri, kiến, giác.

Bồ Tát văn thị Niết-bàn kinh dĩ, tri hữu thế gian bất tri, kiến, giác, ưng thị Bồ Tát sở tri, kiến, giác. Tri thị sự dĩ, tức tự tư duy: Ngã đương vân hà phương tiện tu tập, đắc tri, kiến, giác? Phục tự niệm ngôn: Duy đương thâm tâm tu trì tịnh giới.

Thiện nam tử! Bồ Tát nhĩ thời, dĩ thị nhân duyên, ư vị lai thế, tại tại sanh xứ, giới thường thanh tịnh. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát dĩ giới tịnh cố, tại tại sanh xứ, thường vô kiêu mạn, tà kiến, nghi võng; chung bất thuyết ngôn Như Lai tất cánh nhập ư Niết-bàn. Thị danh Bồ Tát tu trì tịnh giới.

Giới ký thanh tịnh, thứ tu thiên định. Dĩ tu định cố, tại tại sanh xứ, chánh niệm bất vong. Sở vị: nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh, thập nhị bộ kinh, chư Phật Thế Tôn, thường, lạc, ngã, tịnh, nhất thiết Bồ Tát an trụ Phương đẳng Đại Niết-bàn kinh, tất kiến Phật tánh. Như thị đẳng sự, ư nhi bất vong. Nhân tu định cố, đắc thập nhất không. Thị danh Bồ Tát tu thanh tịnh định.

Giới định dĩ bị, thứ tu tịnh tuệ: Dĩ tu tuệ cố, sơ bất kế trước; thân trung hữu ngã, ngã trung hữu thân, thị thân thị ngã, phi thân phi ngã. Thị danh Bồ Tát tu tập tịnh tuệ. Dĩ tu tuệ cố, sở thọ trì giới, lao cố bất động.

善男子。譬如須彌不為四風之所傾動。菩薩摩訶薩亦復如是。不為四倒之所傾動。善男子。菩薩爾時自知見覺所受持戒無有傾動。是名菩薩所知見覺非世間也。

善男子。菩薩見所持戒牢固不動心無悔恨。無悔恨故心得歡喜。得歡喜故心得悅樂。得悅樂故心則安隱。心安隱故得無動定。得無動定故得實知見。得實知見故厭離生死。厭離生死故便得解脫。得解脫故明見佛性。是名菩薩所知見覺非世間也。善男子。是名世間所不知見覺。而是菩薩所知見覺。

迦葉復言。云何菩薩修持淨戒心無悔恨。乃至明了見於佛性。

佛言。善男子。世間戒者不名清淨。何以故。世間戒者為於有故性不定故非畢竟故。不能廣為一切眾生。以是義故名為不淨。以不淨故有悔恨心。以悔恨故心無歡喜。無歡喜故則無悅樂。無悅樂故則無安隱。無安隱故無不動定。無不動定故無實知見。無實知見故則無厭離。無厭離故則無解脫。無解脫故不見佛性。不見佛性故終不能得大般涅槃。是名世間戒不清淨。

善男子。菩薩摩訶薩清淨戒者。戒非戒故非為有故定畢竟故為眾生故。是名菩薩戒清淨也。善男

Thiện nam tử! Thí như *Tu-di*, bất vi tứ phong chi sở khuynh động. Bồ Tát ma-ha-tát diệc phục như thị, bất vi tứ đảo chi sở khuynh động. Thiện nam tử! Bồ Tát nhĩ thời tự tri, kiến, giác, sở thọ trì giới vô hữu khuynh động. Thị danh Bồ Tát sở tri, kiến, giác, phi thế gian dã.

Thiện nam tử! Bồ Tát kiến sở trì giới lao cố bất động, tâm vô hối hận. Vô hối hận cố, tâm đắc hoan hỷ. Đắc hoan hỷ cố, tâm đắc duyệt lạc. Đắc duyệt lạc cố, tâm tắc an ổn. Tâm an ổn cố, đắc vô động định. Đắc vô động định cố, đắc thật tri kiến. Đắc thật tri kiến cố, yếm ly sanh tử. Yếm ly sanh tử cố, tiện đắc giải thoát. Đắc giải thoát cố, minh kiến Phật tánh. Thị danh Bồ Tát sở tri, kiến, giác, phi thế gian dã. Thiện nam tử! Thị danh thế gian sở bất tri, kiến, giác, nhi thị Bồ Tát sở tri, kiến, giác.

Ca-diếp phục ngôn: Vân hà Bồ Tát tu trì tịnh giới, tâm vô hối hận, nãi chí minh liễu kiến ư Phật tánh?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thế gian giới giả, bất danh thanh tịnh. Hà dĩ cố? Thế gian giới giả, vị ư hữu cố, tánh bất định cố, phi tất cánh cố, bất năng quảng vị nhất thiết chúng sanh. Dĩ thị nghĩa cố, danh vi bất tịnh. Dĩ bất tịnh cố, hữu hối hận tâm. Dĩ hối hận cố, tâm vô hoan hỷ. Vô hoan hỷ cố, tắc vô duyệt lạc. Vô duyệt lạc cố, tắc vô an ổn. Vô an ổn cố, vô bất động định. Vô bất động cố, vô thật tri kiến. Vô thật tri kiến cố, tắc vô yếm ly. Vô yếm ly cố, tắc vô giải thoát. Vô giải thoát cố, bất kiến Phật tánh. Bất kiến Phật tánh cố, chung bất năng đắc Đại Bát Niết-bàn. Thị danh thế gian giới bất thanh tịnh.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát thanh tịnh giới giả, giới phi giới cố, phi vi hữu cố, định tất cánh cố, vị chúng sanh cố, thị danh Bồ Tát giới thanh tịnh dã. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-

子。菩薩摩訶薩於淨戒中雖不欲生無悔恨心。無悔恨心自然而生。

善男子。譬如有人執持明鏡。不期見面面像自現。亦如農夫種之良田不期生牙而牙自生。亦如然燈不期滅闇而闇自滅。善男子。菩薩摩訶薩堅持淨戒無悔恨心自然而生亦復如是。以淨戒故心得歡喜。

善男子。如端正人自見面貌心生歡喜。持淨戒者亦復如是。

善男子。破戒之人見戒不淨心不歡喜。如形殘者自見面貌不生喜悅。破戒之人亦復如是。

善男子。譬如牧牛有二女人。一持酪瓶一持漿瓶。俱共至城而欲賣之。於路腳跌二瓶俱破。一則歡喜一則愁惱。持戒破戒亦復如是。持淨戒者心則歡喜。心歡喜故則便思惟。諸佛如來於涅槃中說有能持清淨戒者則得涅槃。我今修習如是淨戒亦應得之。以是因緣心則悅樂。

迦葉復言。喜之與樂有何差別。

善男子。菩薩摩訶薩不作惡時名為歡喜。心淨持戒名之為樂。善男子。菩薩摩訶薩觀於生死則名為喜。見大涅槃名之為樂。下名為喜上名為樂。離世共法名之為喜。得不共法名之為樂。以戒淨故身體輕柔口無麤過。菩薩爾時若見若聞若嗅若嘗若觸

ha-tát, ư tịnh giới trung, tuy bất dục sanh vô hối hận tâm, vô hối hận tâm tự nhiên nhi sanh.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, chấp trì minh kính; bất kỳ kiến diện, diện tượng tự hiện. Diệc như nông phu, chủng chi lương điền, bất kỳ sanh nha, nhi nha tự sanh. Diệc như nhiên đăng, bất kỳ diệt ám, nhi ám tự diệt. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, kiên trì tịnh giới, vô hối hận tâm tự nhiên nhi sanh, diệc phục như thị. Dĩ tịnh giới cố, tâm đắc hoan hỷ.

Thiện nam tử! Như đoan chánh nhân, tự kiến diện mạo, tâm sanh hoan hỷ. Trì tịnh giới giả diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Phá giới chi nhân, kiến giới bất tịnh, tâm bất hoan hỷ. Như hình tàn giả, tự kiến diện mạo, bất sanh hỷ duyệt. Phá giới chi nhân diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Thí như mục ngư, hữu nhị nữ nhân, nhất trì lạc bình, nhất trì tương bình, câu cộng chí thành nhi dục mại chi. Ư lộ cước diệt, nhị bình câu phá, nhất tắc hoan hỷ, nhất tắc sầu não. Trì giới, phá giới diệc phục như thị. Trì tịnh giới giả, tâm đắc hoan hỷ. Tâm hoan hỷ cố, tắc tiện tư duy: “Chư Phật Như Lai, ư Niết-bàn trung, thuyết hữu năng trì thanh tịnh giới giả, tắc đắc Niết-bàn. Ngã kim tu tập như thị tịnh giới, diệc ưng đắc chi.” Dĩ thị nhân duyên tâm đắc duyệt lạc.

Ca-diếp phục ngôn: Hỷ chi dĩ lạc, hữu hà sai biệt?

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, bất tác ác thời, danh vi hoan hỷ; tâm tịnh trì giới, danh chi vi lạc. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, quán ư sanh tử, tắc danh vi hỷ; kiến Đại Niết-bàn, danh chi vi lạc. Hạ danh vi hỷ; thượng danh vi lạc. Ly thế cộng pháp, danh chi vi hỷ, đắc bất cộng pháp, danh chi vi lạc. Dĩ giới tịnh cố, thân thể khinh nhu, khẩu vô thô quá. Bồ Tát nhĩ thời, nhược kiến, nhược văn, nhược khứu, nhược thương,

若知悉無諸惡。以無惡故心得安隱。以安隱故則得靜定。得靜定故得實知見。實知見故厭離生死。厭生死故則得解脫。得解脫故得見佛性。見佛性故得大涅槃。是名菩薩清淨持戒非世間戒。何以故。

善男子。菩薩摩訶薩所受淨戒五法佐助。云何為五。一信二慚三愧四善知識五尊敬戒。離五蓋故所見清淨。離五見故心無疑網。離五疑故。一者疑佛。二者疑法。三者疑僧。四者疑戒。五者疑不放逸。菩薩爾時即得五根。所謂信念精進定慧。得五根故得五種涅槃。謂色解脫乃至識解脫。是名菩薩清淨持戒非世間也。

善男子。是名世間之所不知不見不覺。而是菩薩所知見覺。

善男子。若我弟子受持讀誦書寫演說大涅槃經有破戒者。有人呵責輕賤毀辱而作是言。若佛祕藏大涅槃經有威力者。云何令汝毀所受戒。若人受持是涅槃經毀禁戒者。當知是經為無威力。若無威力雖復讀誦為無利益。緣是輕毀涅槃經故。復令無量無邊眾生墮於地獄。受持是經而毀戒者則是眾生惡知識也。非我弟子是魔眷屬。如是之人我亦不聽受持是典。寧使不受不持不修不以毀戒受持修習。

nhược xúc, nhược tri, tất vô chi ác. Dĩ vô ác cố, tâm tắc an ổn. Dĩ an ổn cố, tắc đắc tĩnh định. Đắc tĩnh định cố, đắc thật tri kiến. Thật tri kiến cố, yếm ly sanh tử. Yếm sanh tử cố, tắc đắc giải thoát. Đắc giải thoát cố, đắc kiến Phật tánh. Kiến Phật tánh cố, đắc Đại Niết-bàn. Thị danh Bồ Tát thanh tịnh trì giới, phi thế gian giới. Hà dĩ cố?

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát sở thọ tịnh giới, ngũ pháp tá trợ. Vân hà vi ngũ? Nhất tín, nhị tàm, tam quý, tứ thiện tri thức, ngũ tôn kính giới. Ly ngũ cái cố, sở kiến thanh tịnh. Ly ngũ kiến cố, tâm vô nghi võng. Ly ngũ nghi cố, nhất giả nghi Phật, nhị giả nghi pháp, tam giả nghi tăng, tứ giả nghi giới, ngũ giả nghi bất phóng dật. Bồ Tát nhĩ thời tức đắc ngũ căn, sở vị: Tín, niệm, tinh tấn, định, tuệ. Đắc ngũ căn cố đắc ngũ chủng Niết-bàn, vị sắc giải thoát nãi chí thức giải thoát. Thị danh Bồ Tát thanh tịnh trì giới, phi thế gian dã.

Thiện nam tử! Thị danh thế gian chi sở bất tri, bất kiến, bất giác, nhi thị Bồ Tát sở tri, kiến, giác.

Thiện nam tử! Nhược ngã đệ tử thọ trì, độc tụng, thơ tả, diễn thuyết Đại Niết-bàn kinh, hữu phá giới giả, hữu nhân ha trách, khinh tiện, hủy nhục, nhi tác thị ngôn: Nhược Phật bí tạng, Đại Niết-bàn kinh hữu oai lực giả, vân hà linh nhữ hủy sở thọ giới? Nhược nhân thọ trì thị Niết-bàn kinh, hủy cấm giới giả, đương tri thị kinh vi vô oai lực. Nhược vô oai lực, tuy phục độc tụng, vi vô lợi ích. Duyên thị khinh hủy Niết-bàn kinh cố, phục linh vô lượng vô biên chúng sanh đọa ư địa ngục. Thọ trì thị kinh nhi hủy giới giả, tắc thị chúng sanh ác tri thức dã, phi ngã đệ tử, thị ma quyến thuộc. Như thị chi nhân, ngã diệc bất thỉnh thọ trì thị điển. Ninh sử bất thọ, bất trì, bất tu, bất dĩ hủy giới thọ trì tu tập.

善男子。若我弟子受持讀誦書寫演說涅槃經者。當正身心慎莫調戲輕躁舉動。身為調戲心為輕動。求有之心名為輕動。身造諸業名為調戲。若我弟子求有造業。不應受持是大乘典大涅槃經。若有如是受持經者。人當輕呵而作是言。若佛祕藏大涅槃經有威力者。云何令汝求有造業。若持經者求有造業。當知是經為無威力。若無威力雖復受持為無利益。緣是輕毀涅槃經故。復令無量無邊眾生墮於地獄。受持是經求有造業則是眾生惡知識也。非我弟子是魔眷屬。

復次善男子。若我弟子受持讀誦書寫演說是涅槃經。莫非時說莫非國說。莫不請說莫輕心說。莫處處說莫自歎說莫輕他說。莫滅佛法說莫熾然世法說。

善男子。若我弟子受持是經非時而說。乃至熾然世法說者。人當輕呵而作是言。若佛祕藏大涅槃經有威力者。云何令汝非時而說乃至熾然世法而說。若持經者作如是說。當知是經為無威力。若無威力雖復受持為無利益。緣是輕毀涅槃經故令無量眾生墮於地獄。受持是經非時而說乃至熾然世法而說。則是眾生惡知識也。非我弟子是魔眷屬。

Thiện nam tử! Nhược ngã đệ tử thọ trì, độc tụng thơ tả, diễn thuyết *Niết-bàn* kinh giả, đương chánh thân tâm, thận mạt điều hỷ, khinh táo cử động. Thân vi điều hỷ; tâm vi khinh động. Cầu hữu chi tâm, danh vi khinh động. Thân tạo chư nghiệp, danh vi điều hỷ. Nhược ngã đệ tử cầu hữu, tạo nghiệp, bất ưng thọ trì thị Đại thừa điển, Đại *Niết-bàn* kinh. Nhược hữu như thị thọ trì kinh giả, nhân đương khinh ha, nhi tác thị ngôn: Nhược Phật bí tạng, Đại *Niết-bàn* kinh hữu oai lực giả, vân hà linh nhữ cầu hữu, tạo nghiệp?. Nhược trì kinh giả cầu hữu, tạo nghiệp, đương tri thị kinh vi vô oai lực. Nhược vô oai lực, tuy phục thọ trì, vi vô lợi ích. Duyên thị khinh hủy *Niết-bàn* kinh cố, phục linh vô lượng, vô biên chúng sanh đọa ư địa ngục. Thọ trì thị kinh, cầu hữu, tạo nghiệp, tác thị chúng sanh ác tri thức dã. Phi ngã đệ tử, thị ma quyến thuộc.

Phục thứ Thiện nam tử! Nhược ngã đệ tử thọ trì, độc tụng, thơ tả, diễn thuyết thị *Niết-bàn* kinh, mạt phi thời thuyết, mạt phi quốc thuyết, mạt bất thỉnh thuyết, mạt khinh tâm thuyết, mạt xú xú thuyết, mạt tự thân thuyết, mạt khinh tha thuyết, mạt diệt Phật pháp thuyết, mạt sí nhiên thế pháp thuyết.

Thiện nam tử! Nhược ngã đệ tử thọ trì thị kinh, phi thời nhi thuyết, nãi chí sí nhiên thế pháp thuyết giả, nhân đương khinh ha, nhi tác thị ngôn: Nhược Phật bí tạng, đại *Niết-bàn* kinh hữu oai lực giả, vân hà linh nhữ phi thời nhi thuyết, nãi chí sí nhiên thế pháp nhi thuyết? Nhược trì kinh giả tác như thị thuyết, đương tri thị kinh vi vô oai lực. Nhược vô oai lực, tuy phục thọ trì, vi vô lợi ích. Duyên thị khinh hủy *Niết-bàn* kinh cố, linh vô lượng chúng sanh đọa ư địa ngục. Thọ trì thị kinh, phi thời nhi thuyết, nãi chí sí nhiên thế pháp nhi thuyết, tác thị chúng sanh ác tri thức dã; phi ngã đệ tử, thị ma quyến thuộc.

善男子。若欲受持者。說大涅槃者。說佛性者。說如來祕藏者。說大乘者。說方等經者。說聲聞乘者。說辟支佛乘者。說解脫者。見佛性者。先當清淨其身。以身淨故則無呵責。無呵責故令無量人於大涅槃生清淨信。信心生故恭敬是經。若聞一偈一句一字及說法者。則得發於阿耨多羅三藐三菩提心。當知是人則是眾生真善知識非惡知識。是我弟子非魔眷屬。是名菩薩非世間也。善男子。是名世間之所不知不見不覺。而是菩薩所知見覺。

大般涅槃經卷第十七

終

Thiện nam tử! Nhược dục thọ trì giả, thuyết Đại Niết-bàn giả, thuyết Phật tánh giả, thuyết Như Lai bí tạng giả, thuyết đại thừa giả, thuyết Phương đẳng kinh giả, thuyết Thanh văn thừa giả, thuyết Bích-chi Phật thừa giả, thuyết giải thoát giả, kiến Phật tánh giả, tiên đương thanh tịnh kỳ thân. Dĩ thân tịnh cố, tắc vô ha trách. Vô ha trách cố, linh vô lượng nhân, ư đại Niết-bàn, sanh thanh tịnh tín. Tín tâm sanh cố, cung kính thị kinh. Nhược văn nhất kệ, nhất cú, nhất tự, cập thuyết pháp giả, tắc đắc phát ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Đương tri thị nhân, tắc thị chúng sanh chân thiện tri thức, phi ác tri thức. Thị ngã đệ tử, phi ma quyến thuộc. Thị danh Bồ Tát, phi thế gian dã. Thiện nam tử! Thị danh thế gian chi sở bất tri, bất kiến, bất giác, nhi thị Bồ Tát sở tri, kiến, giác.

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ thập thất
Chung

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN
QUYỂN MƯỜI BẢY
PHẨM HẠNH THANH TỊNH
Phẩm thứ tám - Phần ba

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Bồ Tát ma-ha-tát có thể rõ biết như vậy thì được những lợi ích gì?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát có thể rõ biết như vậy thì được bốn sự không ngăn ngại. [Đó là:] *pháp không ngăn ngại, nghĩa không ngăn ngại, lời lẽ không ngăn ngại* và *vui thích thuyết giảng không ngăn ngại*.

“*Pháp không ngăn ngại* là rõ biết hết thấy các pháp cùng với tên gọi của các pháp ấy. *Nghĩa không ngăn ngại* là rõ biết hết thấy ý nghĩa của tất cả các pháp, có thể tùy theo chỗ đặt ra tên gọi của các pháp mà biết nghĩa. *Lời lẽ không ngăn ngại* là biết dùng lời lẽ tùy theo khi luận về chữ nghĩa, luận về cách phát âm đúng, luận về cách tụng đọc của ngoại đạo,⁽¹⁾ luận về cách tranh biện của thế gian. *Vui thích thuyết giảng không ngăn ngại* là mỗi khi Bồ Tát ma-ha-tát thuyết giảng thì không có điều gì chướng ngại, không thể bị lay chuyển, không có gì sợ sệt, khó có thể bị kẻ khác khuấy phục.

“Thiện nam tử! Đó gọi là Bồ Tát có thể thấy biết như vậy liền được *bốn trí không ngăn ngại*.

“Lại nữa, thiện nam tử! *Pháp không ngăn ngại* là Bồ Tát ma-ha-tát rõ biết khắp các pháp của hàng Thanh

văn, Duyên giác, Bồ Tát, chư Phật. *Nghĩa không ngăn ngại* là tuy có Ba thừa nhưng biết rằng [rốt ráo] đều quy về một, không cho là có tướng khác nhau. *Lời lẽ không ngăn ngại* là Bồ Tát ma-ha-tát đối với một pháp đặt ra đủ mọi tên gọi, trải qua vô số kiếp cũng không thể nói hết. Hàng Thanh văn, Duyên giác không có lý nào lại thuyết diễn được như vậy! *Vui thích thuyết giảng không ngăn ngại* là Bồ Tát ma-ha-tát trong vô số kiếp thường vì chúng sanh diễn thuyết các pháp như tên gọi, nghĩa lý, đủ mọi pháp khác nhau, không thể cùng tận.

“Lại nữa, thiện nam tử! *Pháp không ngăn ngại* là Bồ Tát ma-ha-tát tuy rõ biết các pháp nhưng không nắm giữ, không vướng mắc. *Nghĩa không ngăn ngại* là Bồ Tát ma-ha-tát tuy rõ biết các nghĩa nhưng cũng không nắm giữ, không vướng mắc. *Lời lẽ không ngăn ngại* là Bồ Tát ma-ha-tát tuy rõ biết danh tự nhưng cũng không nắm giữ, không vướng mắc. *Vui thích thuyết giảng không ngăn ngại* là Bồ Tát ma-ha-tát tuy vui thích với việc thuyết giảng như vậy hơn tất cả nhưng cũng không nắm giữ, không vướng mắc. Vì sao vậy? Thiện nam tử! Nếu [có sự] nắm giữ, vướng mắc thì không gọi là Bồ Tát.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu không nắm giữ, không vướng mắc tức là không biết pháp. Nếu biết pháp tức là có nắm giữ, có vướng mắc. Nếu biết mà không nắm giữ, không vướng mắc tức là không có chỗ biết. Vì sao Như Lai nói rằng rõ biết pháp mà không nắm giữ, không vướng mắc?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu có nắm giữ, có vướng mắc thì chẳng gọi là không ngăn ngại. Không có gì nắm giữ, vướng mắc mới gọi là không ngăn ngại.

Lại nữa, thiện nam tử! *Pháp không ngăn ngại* là Bồ Tát ma-ha-tát khéo biết rõ chữ nghĩa, nhớ giữ không quên mất. Những chữ nghĩa được nhớ giữ đó như nói về đất, về núi, về con mắt, mây bay, con người, bà mẹ... Với hết thảy các pháp cũng đều như vậy.

“*Nghĩa không ngăn ngại* là nói Bồ Tát tuy biết tên gọi các pháp nhưng không biết nghĩa, khi đạt được *nghĩa không ngăn ngại* rồi ắt sẽ rõ biết được nghĩa.

“*Biết nghĩa* như thế nào? Khi nói rằng đất ôm giữ, là như đất ôm giữ rộng khắp hết thảy các loài chúng sanh và không phải chúng sanh. Vì nghĩa ấy nên gọi là đất ôm giữ. Thiện nam tử! Khi nói rằng *núi ôm giữ*, Bồ Tát ma-ha-tát liền suy nghĩ rằng: Vì sao lại nói là núi ôm giữ? Vì núi có thể ôm giữ lấy đất, khiến cho đất không nghiêng ngả, chấn động, nên gọi là ôm giữ. Vì sao lại nói là mắt ôm giữ? Vì mắt có thể giữ lấy ánh sáng, nên gọi là ôm giữ. Vì sao lại nói là mây ôm giữ? Vì mây là khí của rồng, khí ấy giữ nước, nên gọi là mây ôm giữ. Vì sao lại nói là con người ôm giữ? Vì con người có thể giữ lấy các pháp và chẳng phải pháp, nên gọi là con người ôm giữ. Vì sao lại nói là người mẹ ôm giữ? Vì người mẹ có thể ôm giữ con cái, nên gọi là người mẹ ôm giữ. Bồ Tát ma-ha-tát biết rõ nghĩa của tên gọi, lời nói về hết thảy các pháp cũng là như vậy.

“*Lời lẽ không ngăn ngại* là Bồ Tát ma-ha-tát dùng đủ mọi lời lẽ mà diễn thuyết một nghĩa, cũng là không có nghĩa, ví như những tên gọi: nam nữ, nhà cửa, xe cộ, chúng sanh... Vì sao không có nghĩa? Thiện nam tử! Nói *nghĩa* đó là cảnh giới của Bồ Tát và chư Phật, còn *lời lẽ* là cảnh giới của phàm phu. Vì rõ biết nghĩa nên đạt được *từ không ngăn ngại*.

“*Vui thích thuyết giảng không ngăn ngại* là Bồ Tát ma-ha-tát rõ biết lời lẽ, ý nghĩa, cho nên trong vô lượng *a-tăng-kỳ* kiếp thuyết giảng về lời lẽ, ý nghĩa mà vẫn không cùng tận. Như vậy gọi là *vui thích thuyết giảng không ngăn ngại*.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát trong vô lượng vô số kiếp tu hành lẽ chân thật của thế gian. Nhờ tu hành như vậy nên rõ biết *pháp không ngăn ngại*. Lại trong vô lượng vô số kiếp tu tập lý chân thật rất ráo nên đạt được *nghĩa không ngăn ngại*. Lại trong vô lượng vô số kiếp rèn luyện tu tập luận *Tỳ-già-la-na*⁽²⁾ nên đạt được lời lẽ không ngăn ngại. Lại trong vô lượng vô số kiếp nhờ tu tập diễn thuyết luận lý chân thật của thế gian nên đạt được sự *vui thích thuyết giảng không ngăn ngại*.

“Thiện nam tử! Hàng Thanh văn, Duyên giác không có lý nào lại đạt được bốn pháp không ngăn ngại ấy. Thiện nam tử! Trong chín bộ kinh trước đây⁽³⁾ ta dạy rằng hàng Thanh văn, Duyên giác có bốn pháp không ngăn ngại, nhưng Thanh văn, Duyên giác thật ra không có. Vì sao vậy? Bồ Tát ma-ha-tát vì hóa độ chúng sanh nên tu tập bốn trí không ngăn ngại như thế. Hàng Duyên giác tu pháp tịch diệt, có khuynh hướng ưa thích sống một mình, nếu hóa độ chúng sanh cũng chỉ biết hiện phép thần thông, suốt ngày lặng thinh không có gì để thuyết giảng, làm sao có được bốn trí không ngăn ngại?

“Vì sao lại lặng thinh không có gì để thuyết giảng? Hàng Duyên giác không thể thuyết pháp độ người khiến cho đạt được *Noãn pháp, Đỉnh pháp, Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp* cùng những quả vị như *Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật*, Bồ Tát ma-ha-tát; không thể làm cho người ta phát tâm

A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì sao vậy? Thiện nam tử! Khi bậc Duyên giác ra đời, thế gian không có chín bộ kinh điển.⁽⁴⁾ Vì thế nên các vị Duyên giác không có những pháp *lời lẽ không ngăn ngại*, ưa thích thuyết diễn không ngăn ngại.

“Thiện nam tử! Hàng Duyên giác tuy biết được các pháp, nhưng không có *pháp không ngăn ngại*. Vì sao vậy? *Pháp không ngăn ngại* là nói sự rõ biết từ ngữ. Hàng Duyên giác tuy biết văn tự, nhưng không đạt được từ ngữ không ngăn ngại. Vì sao vậy? Vì không biết pháp của hai chữ *thường trụ*, nên hàng Duyên giác không đạt được *pháp không ngăn ngại*. Hàng Duyên giác tuy biết được nghĩa, nhưng không đạt được nghĩa không ngăn ngại. Người thật biết nghĩa là biết rằng chúng sanh đều có tánh Phật. Nghĩa của tánh Phật đó gọi là *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì nghĩa ấy nên hàng Duyên giác không đạt được nghĩa không ngăn ngại. Vì thế mà tất cả các vị Duyên giác đều không có bốn trí không ngăn ngại.

“Vì sao hàng Thanh văn không có bốn pháp không ngăn ngại? Vì Thanh văn không có ba loại phương tiện khéo léo. Những gì là ba loại? Một là có những người phải dùng lời êm ái dịu dàng [với họ], sau đó [họ] mới chịu lãnh thọ giáo pháp. Hai là có những người phải dùng lời thô nặng [với họ], sau đó [họ] mới nhận sự giáo hóa. Ba là có người phải dùng lời không êm ái cũng không thô nặng [với họ], sau đó [họ] mới nhận sự giáo hóa. Hàng Thanh văn không có ba loại phương tiện ấy nên không có bốn pháp không ngăn ngại.

“Lại nữa, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể rõ biết lời nói và ý nghĩa một cách rất ráo; không có trí tuệ tự tại rõ biết các cảnh giới, không có *Mười sức*, *Bốn đức*

chẳng sợ, không thể rớt ráo vượt qua con sông lớn Mười hai nhân duyên, không thể khéo biết sự sai khác về căn tánh lạnh lợi hay chậm lụt của chúng sanh, chưa thể dứt hết lòng nghi về lý chân thật tương đối và tuyệt đối, không biết được đủ mọi cảnh giới duyên theo của tâm ý chúng sanh, không thể khéo léo thuyết giảng về nghĩa *không* cao tốt nhất. Vì thế nên hàng Thanh văn và Duyên giác đều không có bốn pháp không ngăn ngại.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu hết thầy hàng Thanh văn và Duyên giác đều không có bốn pháp không ngăn ngại, vì sao Thế Tôn lại nói rằng *Xá-lợi-phất* là bậc đứng đầu về trí tuệ, *Đại Mục-kiền-liên* là vị đứng đầu về thân thông, *Ma-ha Câu-hy-la*⁽⁵⁾ là vị đứng đầu về bốn pháp không ngăn ngại? Nếu những người ấy đều không có bốn pháp không ngăn ngại, vì sao Như Lai lại dạy như vậy?”

Lúc ấy, đức Thế Tôn khen ngợi *Ca-diếp*: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Ví như sông Hằng có vô lượng nước, sông lớn *Tân-đầu* cũng có vô lượng nước, sông cái *Bác-xoa* cũng có vô lượng nước, sông lớn *Tát-đà* cũng có vô lượng nước, hồ *A-nậu-đạt* cũng có vô lượng nước, biển cả cũng có vô lượng nước. Nước ở những nơi ấy tuy đều là vô lượng, nhưng chỗ nhiều ít thật có khác nhau. Bốn trí không ngăn ngại của hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ Tát cũng là như vậy. Thiện nam tử! Nếu nói là bằng nhau thì thật là vô lý.

“Thiện nam tử! Ta vì những kẻ phàm phu mà nói rằng *Ma-ha Câu-hy-la* có bốn trí không ngăn ngại, là cao trội hơn hết. Điều ông thưa hỏi có ý nghĩa như thế.

“Thiện nam tử! Trong hàng Thanh văn hoặc có người đạt được một, hoặc có người được hai, chứ không thể có bất cứ ai đạt được đủ bốn pháp không ngăn ngại.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Như trong phẩm Hạnh thanh tịnh này, Phật có dạy rằng: ‘Bồ Tát do thấy biết nên được bốn pháp không ngăn ngại.’ Bồ Tát thấy biết ắt là không có chỗ được, cũng không sanh tâm cho rằng không có chỗ được.”

“Thế Tôn! Bồ Tát ma-ha-tát thật không có chỗ được. Nếu như trong tâm Bồ Tát có chỗ được, ắt không phải là Bồ Tát, phải gọi là phàm phu. Vì sao Như Lai dạy rằng Bồ Tát có chỗ đạt được?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Lành thay, lành thay! Ta vừa muốn nói thì ông lại hỏi. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát thật *không có chỗ được. Không có chỗ được*, đó gọi là bốn pháp không ngăn ngại.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa gì mà *không có chỗ được* gọi là không ngăn ngại? Vì nếu có chỗ được ắt phải gọi là có ngăn ngại. Có chỗ chướng ngại gọi là bốn điên đảo.

“Thiện nam tử! Vì Bồ Tát ma-ha-tát không có bốn điên đảo nên đạt được không ngăn ngại. Vì thế, Bồ Tát gọi là *không có chỗ được*.

“Lại nữa, thiện nam tử! *Không có chỗ được* gọi là sáng suốt. Bồ Tát ma-ha-tát đạt được sự sáng suốt ấy nên gọi là không có chỗ được. Có chỗ được gọi là vô minh. Bồ Tát dứt trừ mãi mãi sự tăm tối của vô minh nên *không có chỗ được*. Vì thế, Bồ Tát gọi là *không có chỗ được*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Không có chỗ được gọi là Đại Niết-bàn. Bồ Tát ma-ha-tát trụ yên trong cảnh Đại Niết-bàn này, không thấy có tánh và tướng của hết thảy các pháp. Vì thế nên Bồ Tát gọi là không có chỗ được. Có chỗ được, đó là *hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu*. Bồ Tát đã dứt hẳn hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu, nên được Đại Niết-bàn. Vì thế, Bồ Tát gọi là không có chỗ được.

“Lại nữa, thiện nam tử! Không có chỗ được gọi là Đại thừa. Bồ Tát ma-ha-tát không trụ nơi các pháp nên được Đại thừa. Vì thế, Bồ Tát gọi là không có chỗ được. *Có chỗ được* gọi là đạo của Thanh văn và *Bích-chi* Phật. Bồ Tát đã mãi mãi dứt bỏ đạo của Hai thừa nên được *Phật đạo*. Vì thế, Bồ Tát gọi là không có chỗ được.

“Lại nữa, thiện nam tử! Không có chỗ được gọi là kinh *Phương đẳng*. Bồ Tát ma-ha-tát nhờ đọc tụng những kinh này nên được Đại Niết-bàn. Vì thế, Bồ Tát gọi là *không có chỗ được*. *Có chỗ được* gọi là mười một bộ kinh.⁽⁶⁾ Bồ Tát không tu tập những kinh ấy, chỉ toàn thuyết giảng kinh điển *Phương đẳng Đại thừa*. Vì thế, Bồ Tát gọi là *không có chỗ được*.

“Lại nữa, thiện nam tử! *Không có chỗ được* gọi là hư không. Thế gian không có vật thể thì gọi là *hư không*. Bồ Tát đạt được phép *Tam-muội Hư không*, không có chỗ thấy nên gọi là không có chỗ được. *Có chỗ được* gọi là vòng sanh tử. Hết thảy phàm phu đều luân chuyển trong vòng sanh tử nên có chỗ thấy. Bồ Tát đã mãi mãi dứt trừ hết thảy sanh tử nên gọi là không có chỗ được.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát không có chỗ được, gọi là *thường, lạc, ngã, tịnh*. Bồ Tát ma-ha-tát vì thấy tánh Phật nên được *thường, lạc, ngã, tịnh*. Vì thế, Bồ Tát gọi là không có chỗ được. *Có chỗ được* gọi là *vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh*. Bồ Tát ma-ha-tát đã dứt hết *vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh* nên gọi là không có chỗ được.

“Lại nữa, thiện nam tử! *Không có chỗ được* gọi là nghĩa không bậc nhất. Bồ Tát ma-ha-tát quán nghĩa không bậc nhất thấy đều không có chỗ thấy. Vì thế nên Bồ Tát gọi là không có chỗ được. *Có chỗ được* gọi là năm

kiến chấp.⁽⁷⁾ Bồ Tát đã mãi mãi dứt trừ năm kiến chấp nên được nghĩa không bậc nhất. Vì thế, Bồ Tát gọi là không có chỗ được.

“Lại nữa, thiện nam tử! Không có chỗ được gọi là *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Khi Bồ Tát ma-ha-tát đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* thì hết thảy đều không có chỗ thấy. Vì thế, Bồ Tát gọi là không có chỗ được. *Có chỗ được* là *Bồ-đề* của Thanh văn, Duyên giác. Bồ Tát đã mãi mãi dứt bỏ *Bồ-đề* của hai thừa nên gọi là không có chỗ được.

“Thiện nam tử! Chỗ thắc mắc của ông cũng là không có chỗ được. Chỗ thuyết giảng của ta cũng là không có chỗ được. Nếu *có chỗ được* thì đó là quyến thuộc của ma, không phải đệ tử Phật.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Trong khi Phật vì con thuyết giảng việc Bồ Tát không có chỗ được, có vô lượng chúng sanh dứt được tâm chấp tướng. Vì việc như thế nên con mới dám thưa hỏi ý nghĩa không có chỗ được, để khiến cho vô lượng chúng sanh này lìa xa quyến thuộc của ma, làm đệ tử Phật.

“Bạch Thế Tôn! Như Lai ở giữa hai cây *sa-la* mọc sóng đôi này vừa rồi có vì *Thuần-đà* mà thuyết kệ rằng:

*Vốn là có mà nay thành không,
Vốn là không mà nay thành có,
Nếu nói trong Ba đời có pháp,
Thật không thể có nghĩa như thế!*

“Bạch Thế Tôn! Nghĩa ấy là thế nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ta vì hóa độ chúng sanh mà thuyết giảng như thế. Lại cũng vì hàng Thanh văn

và Phật *Bích-chi* mà thuyết giảng như thế. Lại cũng vì Pháp vương tử *Văn-thù-sư-lợi* mà thuyết giảng như thế. Không chỉ riêng vì *Thuần-đà* mà thuyết bài kệ ấy. Lúc ấy *Văn-thù-sư-lợi* vừa muốn thưa hỏi, ta biết rõ ý ông ấy nên mới thuyết giảng. Khi vừa thuyết giảng rồi thì *Văn-thù-sư-lợi* liền hiểu rõ.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Những người hiểu rõ được nghĩa ấy như *Văn-thù-sư-lợi* quả thật rất ít! Xin Như Lai vì đại chúng mà phân biệt thuyết rộng lần nữa.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Hãy lắng nghe cho kỹ! Hôm nay ta sẽ vì các ông mà giảng giải lại việc ấy.

“Nói *vốn là có*, đó là thuở xưa ta vốn có vô lượng phiền não. Vì có phiền não nên nay không có Đại Bát Niết-bàn.

“Nói *vốn là không*, đó là thuở xưa ta vốn không có *Bát-nhã Ba-la-mật*. Vì không có *Bát-nhã Ba-la-mật* nên nay có đủ các thứ phiền não trời buộc.

“[Nhưng] nếu có bất cứ ai nói rằng: ‘Như Lai vào thuở quá khứ, hiện nay hay về sau có phiền não.’ Đó là lời nói vô lý.⁽⁸⁾

“Lại nữa, thiện nam tử! Nói *vốn là có*, đó là thuở xưa ta vốn có cái thân do cha mẹ hòa hợp sanh ra, vì thế nên nay không có Pháp thân vi diệu như kim cương không hư hoại.

“Nói *vốn là không*, đó là thân ta xưa vốn không có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Vì không có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, nên nay có đủ *bốn trăm lẻ bốn*⁽⁹⁾ thứ bệnh khổ. [Nhưng] nếu có bất cứ ai nói rằng: ‘Như Lai vào thuở quá khứ, hiện nay hay về sau có mang bệnh khổ.’ Đó là lời nói vô lý!

“Lại nữa, thiện nam tử! Nói *vốn là có*, đó là thuở xưa ta vốn có *vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh*. Bởi có *vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh* nên nay không có *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Nói *vốn là không*, đó là xưa vốn không thấy tánh Phật. Vì không thấy tánh Phật nên nay không có *thường, lạc, ngã, tịnh*. [Nhưng] nếu có bất cứ ai nói rằng: ‘Như Lai vào thuở quá khứ, hiện nay hay về sau không có *thường, lạc, ngã, tịnh*.’ Đó là lời nói vô lý!

“Lại nữa, thiện nam tử! Nói *vốn là có*, đó là xưa vốn có tâm phàm phu tu khổ hạnh, rồi cho là đã được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*; vì việc như thế nên nay không thể phá hoại bốn thứ ma.

“Nói *vốn là không*, đó là thuở xưa ta vốn không có sáu pháp *ba-la-mật*. Vì không có sáu pháp *ba-la-mật* nên mới tu hành theo tâm phàm phu khổ hạnh rồi cho là đã được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. [Nhưng] nếu có bất cứ ai nói rằng: ‘Như Lai vào thuở quá khứ, hiện nay hay về sau có tu khổ hạnh.’ Đó là lời nói vô lý.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nói *vốn là có*, đó là thuở xưa ta có cái thân do sự ăn uống mà thành. Vì có cái thân cần sự ăn uống nên nay không có *pháp thân vô biên*.

“Nói *vốn là không*, đó là vốn không có Ba mươi bảy pháp trợ đạo. Vì không có Ba mươi bảy pháp trợ đạo nên nay hiện có cái thân do ăn uống mà thành. [Nhưng] nếu có bất cứ ai nói rằng: ‘Như Lai vào thuở quá khứ, hiện nay hay về sau có cái thân cần đến sự ăn uống.’ Đó là lời nói vô lý!

“Lại nữa, thiện nam tử! Nói *vốn là có*, đó là thuở xưa ta có tâm nắm giữ, vướng mắc hết thảy các pháp. Vì thế mà nay ta không có phép *không định*⁽¹⁰⁾ rất ráo.

“Nói *vốn là không*, đó là ta xưa vốn không nắm được nghĩa chân thật của trung đạo. Vì không nắm được nghĩa chân thật của trung đạo nên đối với hết thảy các pháp ắt phải sanh tâm vướng mắc. [Nhưng] nếu có bất cứ ai nói rằng: ‘Như Lai vào thuở quá khứ, hiện nay hay về sau dạy rằng hết thảy các pháp có hình tướng.’ Đó là lời nói vô lý.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nói *vốn là có*, đó là khi ta vừa mới đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* có những đệ tử Thanh văn căn tánh chậm lụt. Vì có những đệ tử Thanh văn căn tánh chậm lụt nên ta không thể diễn thuyết nghĩa chân thật *Nhất thừa*.⁽¹¹⁾

“Nói *vốn là không*, đó là trước đây không có những bậc lợi căn, như voi chúa giữa loài người, là những người như Bồ Tát Ca-diếp. Vì không có những bậc lợi căn như *Ca-diếp* nên phải tùy nghi phương tiện mở bày chỉ bảo *Ba thừa*. [Nhưng] nếu có bất cứ ai nói rằng: ‘Như Lai vào thuở quá khứ, hiện nay hay về sau rốt cùng có diễn thuyết giáo pháp *Ba thừa*.’ Đó là lời nói vô lý!

“Lại nữa, thiện nam tử! Nói *vốn là có*, đó là trước ta có nói rằng: ‘Còn ba tháng nữa ta sẽ vào *Niết-bàn* nơi hai cây *sa-la* mọc sừng đôi.’ Vì thế nên khi ấy ta không diễn thuyết kinh điển Đại Phương đẳng Đại Bát Niết-bàn.

“Nói *vốn là không*, đó là ngày xưa ta không có những Đại Bồ Tát như *Văn-thù-sư-lợi*. Vì không có [những Đại Bồ Tát như *Văn-thù-sư-lợi*] nên khi ấy ta dạy rằng: ‘*Như Lai là vô thường*.’ [Nhưng] nếu có bất cứ ai nói rằng: ‘Như Lai vào thuở quá khứ, hiện nay hay về sau là vô thường.’ Đó là lời nói vô lý!

“Thiện nam tử! Như Lai rộng vì khắp cả chúng sanh nên tuy biết các pháp mà [có lúc] lại nói là không biết; tuy thấy các pháp mà [có lúc] lại nói là không thấy. Các pháp có tướng nhưng [có lúc] lại nói là không tướng, các pháp không tướng nhưng [có lúc] lại nói là có tướng. Thật có vô thường nhưng [có lúc] lại nói là thường, thật có thường nhưng [có lúc] lại nói là vô thường.

“Vói [các nghĩa] lạc, ngã, tịnh cũng là như vậy. Pháp Tam thừa nhưng [có lúc] lại nói là Nhất thừa, pháp Nhất thừa lại tùy nghi nói là có ba [thừa]. Tướng sơ lược nhưng [có lúc] lại nói là rộng lớn, tướng rộng lớn nhưng [có lúc] lại nói là sơ lược. Bốn tội nghiêm trọng nhưng [có lúc] lại nói là tội Du-lan-già,⁽¹²⁾ đối với tội Du-lan-già lại [có lúc] nói là bốn tội nghiêm trọng. Phạm tội nhưng [có lúc] lại nói là không phạm, không phạm [có lúc] lại nói là phạm. Tội nhẹ nhưng [có lúc] lại nói là nặng, tội nặng [có lúc] lại nói là nhẹ. Vì sao vậy? Vì Như Lai sáng suốt thấy rõ căn tánh của mỗi chúng sanh.

“Thiện nam tử! Tuy Như Lai [có những lúc] nói như thế nhưng không hề có sự hư dối. Vì sao vậy? Lời nói hư dối tức là tội lỗi. Như Lai đã dứt trừ hết thảy mọi tội lỗi, há lại có lời hư dối hay sao?

“Thiện nam tử! Tuy Như Lai không có lời hư dối, nhưng nếu biết chúng sanh có thể nhân nơi lời nói hư dối mà được pháp lợi ích thì tùy nghi phương tiện vì họ mà nói ra.

“Thiện nam tử! Hết thảy những lẽ thật tương đối của thế gian, nếu ở nơi Như Lai sẽ là ý nghĩa chân thật tuyệt đối. Vì sao vậy? Chư Phật Thế Tôn vì ý nghĩa chân thật tuyệt đối mà thuyết dạy những lẽ thật tương đối của thế

gian, giúp cho chúng sanh đạt được ý nghĩa chân thật tuyệt đối. Nếu như chúng sanh không đạt được ý nghĩa chân thật tuyệt đối như vậy, chư Phật không bao giờ lại thuyết giảng những lẽ thật tương đối của thế gian.

“Thiện nam tử! Như Lai có những lúc diễn thuyết những lẽ thật tương đối của thế gian, chúng sanh lại cho rằng Phật đang thuyết dạy ý nghĩa chân thật tuyệt đối. Có những lúc diễn thuyết ý nghĩa chân thật tuyệt đối, chúng sanh lại cho rằng Phật đang thuyết dạy những lẽ thật tương đối của thế gian. Đó là cảnh giới rất thâm sâu của chư Phật, chẳng phải chỗ hàng Thanh văn, Duyên giác có thể biết được.

“Thiện nam tử! Vậy nên vừa rồi ông không nên cất vấn [Như Lai] rằng Bồ Tát ma-ha-tát không có chỗ được. Bồ Tát thường đạt được ý nghĩa chân thật tuyệt đối, sao ông lại cất vấn là không có chỗ được?”

Bồ Tát Ca-diếp lại hỏi: “Bạch Thế Tôn! Ý nghĩa chân thật tuyệt đối rốt ráo cũng gọi là đạo, cũng gọi là Bồ-đề, cũng gọi là Niết-bàn. Nếu vị Bồ Tát nào nói rằng có được đạo, có được Bồ-đề, có được Niết-bàn, đó tức là vô thường. Vì sao vậy? Nếu pháp là thường ắt là không thể được; cũng như hư không, nào có ai đạt được?”

“Bạch Thế Tôn! Như những vật ở thế gian, xưa vốn là không nay trở thành có, gọi là vô thường. Đạo cũng như vậy. Nếu đạo có thể được, ắt phải gọi là vô thường. Nếu pháp là thường thì không thể đạt được, không có sanh ra, cũng như tánh Phật là không đạt được, không sanh ra.

“Bạch Thế Tôn! Đạo không phải hình sắc, cũng chẳng phải không hình sắc; chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải cao, chẳng phải thấp, chẳng phải sanh, chẳng

phải diệt, chẳng phải đỏ, trắng, xanh, vàng... chẳng phải có, chẳng phải không. Vì sao Như Lai lại dạy rằng [đạo] có thể được? *Bồ-đề*, *Niết-bàn* cũng là như vậy.”

Phật dạy: “Đúng vậy, đúng vậy! Thiện nam tử! Đạo có hai loại, một là *thường*, hai là *vô thường*. Tướng *Bồ-đề* cũng có hai loại, một là *thường*, hai là *vô thường*. *Niết-bàn* cũng vậy. Đạo của ngoại đạo gọi là *vô thường*, đạo trong pháp Phật gọi là *thường*. *Bồ-đề* của hàng Thanh văn, Duyên giác gọi là *vô thường*, *Bồ-đề* của chư Phật, Bồ Tát gọi là *thường*. Giải thoát của ngoại đạo gọi là *vô thường*, giải thoát trong pháp Phật gọi là *thường*.

“Thiện nam tử! Đạo với *Bồ-đề* và *Niết-bàn*, thấy đều gọi là *thường*. Hết thấy chúng sanh thường bị vô lượng phiền não che lấp, không có con mắt trí tuệ nên không thể nhìn thấy được. Nhưng chúng sanh vì muốn được nhìn thấy [đạo, *Bồ-đề*, *Niết-bàn*] nên tu tập *giới*, *định*, *tuệ*. Do tu hành nên được thấy đạo, *Bồ-đề* và *Niết-bàn*. Đó gọi là Bồ Tát được đạo, *Bồ-đề* và *Niết-bàn*. Tánh tướng của đạo thật không có sanh, diệt. Vì nghĩa ấy nên không thể nắm giữ được.

“Thiện nam tử! Đạo tuy không hình sắc tướng trạng có thể thấy, không chỗ cân lường có thể biết, nhưng thật có công dụng. Thiện nam tử! Như tâm của chúng sanh, tuy chẳng phải hình sắc, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải thô, chẳng phải mịn, chẳng phải buộc, chẳng phải mở, chẳng phải pháp nhìn thấy được, nhưng cũng là thật có.

“Vì nghĩa ấy ta có vì ông *Tu-đạt*⁽¹³⁾ mà dạy rằng: “Trưởng giả! Tâm là vị chủ trong thành. Nếu trưởng giả không bảo hộ tâm ắt không bảo hộ được thân và

miệng. Nếu bảo hộ được tâm, ắt sẽ bảo hộ được thân và miệng. Vì không khéo bảo hộ thân và miệng mà khiến cho chúng sanh rơi vào ba nẻo dữ.⁽¹⁴⁾ Bảo hộ được thân và miệng ắt sẽ giúp chúng sanh được [sanh vào] cõi trời, cõi người, được *Niết-bàn*. Được [như vậy] gọi là chân thật; nếu không được gọi là không chân thật.

“Thiện nam tử! Đạo với *Bồ-đề* và *Niết-bàn* cũng là như vậy, cũng là có, cũng là thường. Nếu như không có, vì sao có thể dứt trừ hết thấy phiền não? Vì là có nên hết thấy Bồ Tát đều thấy biết rõ ràng.

“Thiện nam tử! Có hai cách thấy, một là thấy qua tướng mạo [có liên quan], hai là thấy rõ ràng.

“Thế nào là thấy qua tướng mạo [có liên quan]? Như thấy khói từ xa, gọi là thấy lửa, nhưng thật không hề thấy lửa. Tuy không nhìn thấy lửa, nhưng cũng không phải là hư dối. Thấy chim hạc trên không, liền nói là thấy nước. Tuy không hề thấy nước, nhưng cũng không phải là hư dối. Như thấy hoa, lá, liền nói là thấy rễ cây. Tuy chẳng thấy rễ cây, nhưng cũng không phải là hư dối. Như người từ xa thấy sừng bò nhô lên bên kia bờ giậu, liền nói là thấy bò. Tuy không thấy bò, nhưng cũng không phải là hư dối. Như thấy đàn bà mang thai liền nói rằng thấy sự dâm dục. Tuy chẳng thấy sự dâm dục nhưng cũng không phải là hư dối. Như thấy cây sanh ra lá liền nói là thấy nước. Tuy không thấy nước nhưng cũng chẳng phải là hư dối. Lại như khi thấy mây liền nói là thấy mưa. Tuy không thấy mưa nhưng cũng chẳng phải là hư dối. Như thấy các nghiệp của thân và miệng liền nói là thấy tâm. Tuy không thấy tâm nhưng cũng không phải là hư dối. Đó gọi là thấy qua tướng mạo [có liên quan].⁽¹⁵⁾

“Thế nào là thấy rõ ràng? [Đó là] như mắt nhìn thấy hình sắc. Thiện nam tử! Như người có mắt trong sạch, không bệnh tật, tự nhìn thấy trái *a-ma-lặc*⁽¹⁶⁾ trong lòng bàn tay. Bồ Tát ma-ha-tát cũng vậy, rõ ràng nhìn thấy đạo, nhìn thấy *Bồ-đề*, nhìn thấy *Niết-bàn*. Tuy nhìn thấy như vậy nhưng không hề có tướng thấy.

“Thiện nam tử! Vì nhân duyên ấy, trước đây ta có bảo *Xá-lợi-phất* rằng: ‘Những điều mà hết thảy mọi loài trong thế gian đều không thấy, không biết, không hiểu rõ thì chỉ có Như Lai và các vị Bồ Tát là thấy hết, biết hết, hiểu rõ được hết.’

“*Xá-lợi-phất*! Những điều mà chúng sanh thế gian thấy, biết, hiểu rõ; Phật và Bồ Tát cũng thấy, biết, hiểu rõ. Những điều mà chúng sanh thế gian không thấy, không biết, không hiểu rõ, họ cũng không tự biết rằng mình không thấy, không biết, không hiểu rõ. Chúng sanh thế gian có chỗ thấy, biết, hiểu rõ, liền tự nói rằng: ‘Tôi thấy, tôi biết, tôi hiểu rõ.’

“*Xá-lợi-phất*! Như Lai thấy, biết, hiểu rõ tất cả, nhưng không tự nói rằng: ‘Ta thấy, ta biết, ta hiểu rõ.’ Hết thảy các vị Bồ Tát cũng như thế. Vì sao vậy? Nếu Như Lai có các tướng thấy, biết, hiểu rõ thì nên biết rằng đó chẳng phải là Phật Thế Tôn, chỉ là phàm phu. Bồ Tát cũng vậy.”⁽¹⁷⁾

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Như Phật có bảo *Xá-lợi-phất* rằng: ‘Những việc mà thế gian biết, ta cũng biết; những việc mà thế gian không biết, ta cũng biết tất cả.’ Nghĩa ấy là thế nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Hết thảy người thế gian đều chẳng thấy, chẳng biết, chẳng hiểu rõ tánh Phật.

Nếu thấy, biết, hiểu rõ được tánh Phật thì chẳng phải người thế gian, phải gọi là Bồ Tát. Người thế gian cũng chẳng thấy, chẳng biết, chẳng hiểu rõ *Mười hai bộ kinh*, *Mười hai nhân duyên*, *Bốn diên đảo*, *Bốn thánh đế*, *Ba mươi bảy phẩm*, *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, *Đại Bát Niết-bàn*. Nếu ai thấy, biết, hiểu rõ [những điều ấy] thì đó chẳng phải là người thế gian, nên gọi là Bồ Tát. Thiện nam tử! Đó gọi là những điều thế gian chẳng thấy, chẳng biết, chẳng hiểu rõ.

“Những điều mà thế gian thấy, biết, hiểu rõ là thế nào? Đó là những việc như *Phạm thiên*, *Tự tại thiên*, *Bát ty thiên*, tánh, thời, vi trần, pháp và phi pháp, đáng chủ tế tạo ra thế giới, sự khởi đầu và kết thúc của thế gian, hai kiến giải chấp đoạn và chấp thường, cho rằng từ *Sơ thiên* cho đến cảnh giới *Phi phi tướng* gọi là *Niết-bàn*. Thiện nam tử! Đó gọi là những chỗ mà thế gian thấy, biết, hiểu rõ. Bồ Tát ma-ha-tát cũng thấy, biết, hiểu rõ những việc ấy. Bồ Tát thấy, biết, hiểu rõ như vậy rồi, nếu nói rằng không thấy, không biết, không hiểu rõ tức là hư dối. Pháp hư dối tức là có tội. Bởi có tội nên phải đọa vào địa ngục.

“Thiện nam tử! Nếu có ai nói rằng không có đạo, *Bồ-đề*, *Niết-bàn*, nên biết rằng những người như thế là *nhất-xiển-đề*, là quyến thuộc của ma, phải gọi là phỉ báng Chánh pháp. Phỉ báng Chánh pháp như vậy cũng gọi là phỉ báng chư Phật. Những người như vậy chẳng gọi là người thế gian, cũng không gọi là chẳng phải người thế gian.”

Bấy giờ, Bồ Tát *Ca-diếp* nghe xong lời Phật dạy liền dùng kệ tụng mà xưng tán rằng:

Đại từ thương chúng sanh,
 Khiến kẻ nghịch quy y.
 Khéo rút những tên độc,
 Nên xưng Đại y vương.
 Người thế gian trị bệnh,
 Bệnh khỏi rồi lại sanh.
 Những bệnh Như Lai trị,
 Chẳng bao giờ trở lại.
 Thuốc cam lộ Thế Tôn,
 Ban phát cho chúng sanh.
 Chúng sanh dùng thuốc rồi,
 Thoát khỏi vòng sanh tử.
 Nay Như Lai vì con,
 Diễn thuyết Đại Niết-bàn.
 Chúng sanh nghe pháp kín,
 Liên được không sanh diệt.

Đọc kệ xong, Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật có dạy: Những điều mà tất cả thế gian đều không thấy, không biết, không hiểu rõ thì Bồ Tát có thể thấy, biết, hiểu rõ. Nếu Bồ Tát là người thế gian thì không thể nói rằng ‘*thế gian không thấy, không biết, không hiểu rõ nhưng* Bồ Tát này có thể thấy, biết, hiểu rõ’. Còn nếu Bồ Tát chẳng phải người thế gian, lại còn có tướng trạng nào khác?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nói Bồ Tát đó, cũng là [người] thế gian, cũng không phải [người] thế gian. Không thấy, không biết, không hiểu rõ thì gọi là [người] thế gian. Người thấy, biết, hiểu rõ thì không gọi là [người] thế gian. Ông hỏi rằng còn có tướng trạng nào khác, nay ta sẽ nói.

“Thiện nam tử! Nếu có ai vừa được nghe kinh *Niết-bàn* này liền sanh lòng tin kính, phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, đó gọi là Bồ Tát ở thế gian. Những điều mà tất cả thế gian không thấy, không biết, không hiểu rõ, Bồ Tát ấy cũng đồng như người thế gian, cũng không thấy, không biết, không hiểu rõ.

“Bồ Tát được nghe kinh *Niết-bàn* này rồi, biết rằng có những điều mà thế gian không thấy, không biết, không hiểu rõ, là những điều mà Bồ Tát [có thể] thấy, biết, hiểu rõ. Biết như vậy rồi, liền tự suy nghĩ: ‘Ta cần phải theo phương tiện tu tập như thế nào để có thể thấy, biết, hiểu rõ?’ Liền tự nghĩ rằng: ‘Chỉ cần đem lòng sâu vững tu trì giới hạnh thanh tịnh.’

“Thiện nam tử! Bảy giờ, Bồ Tát nhờ nhân duyên ấy nên trong đời vị lai dù sanh ra ở nơi nào cũng thường giữ theo giới hạnh thanh tịnh. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát nhờ giới thanh tịnh nên dù sanh ra ở nơi nào cũng thường không có những sự kiêu mạn, tà kiến, nghi ngờ, không bao giờ nói rằng: ‘Chỗ tốt ráo của Như Lai là vào *Niết-bàn*.’ Như thế gọi là Bồ Tát tu trì giới hạnh thanh tịnh.

“Giới hạnh đã thanh tịnh, tiếp đó [Bồ Tát] liền tu thiên định. Nhờ tu tập thiên định nên dù sanh ra ở nơi nào cũng không mất chánh niệm. Đó là luôn nhớ đến những điều như: hết thảy chúng sanh đều có tánh Phật, Mười hai bộ kinh, Chư Phật Thế Tôn, thường, lạc, ngã, tịnh, tất cả Bồ Tát trụ yên nơi kinh Phương đẳng Đại *Niết-bàn* đều thấy tánh Phật. Những việc như vậy, [Bồ Tát] đều nhớ mãi không quên. Nhờ tu thiên định nên đạt được mười một pháp không.⁽¹⁸⁾ Đó gọi là Bồ Tát tu tập định thanh tịnh.

“Giới và định đã có đủ, tiếp đó liền tu trí tuệ thanh tịnh. Nhờ tu trí tuệ nên chẳng bao giờ có chỗ định kiến cố chấp, vướng mắc vào những điều như: trong thân có *bản ngã*, trong bản ngã có thân; đây là thân, đây là bản ngã; chẳng phải thân, chẳng phải bản ngã... Như thế gọi là Bồ Tát tu tuệ thanh tịnh. Nhờ tu tuệ nên những giới đã thọ trì được bền vững không lay động.

“Thiện nam tử! Ví như núi *Tu-di* không bị lay động, nghiêng ngả bởi bốn loại gió.⁽¹⁹⁾ Bồ Tát ma-ha-tát cũng vậy, không bị lay động, nghiêng ngả bởi bốn sự điên đảo. Thiện nam tử! Bồ Tát lúc bấy giờ tự thấy, tự biết, tự hiểu rõ, những giới đã thọ trì không hề bị lay động, nghiêng ngả. Như vậy gọi là chỗ thấy, biết, hiểu rõ của Bồ Tát, chẳng phải [của người] thế gian.

“Thiện nam tử! Bồ Tát thấy những giới đã thọ trì không hề bị lay động, nghiêng ngả, nên lòng không hối tiếc, ân hận. Vì không hối tiếc, ân hận nên được hoan hỷ. Vì hoan hỷ nên được vui thích. Vì vui thích nên trong lòng được an ổn. Vì lòng an ổn nên được phép định không lay động. Vì được phép định không lay động nên được chỗ thấy biết chân thật. Vì thấy biết chân thật nên chán lìa sanh tử. Vì chán lìa sanh tử nên được giải thoát. Vì được giải thoát nên thấy rõ tánh Phật. Như thế gọi là chỗ thấy, biết, hiểu rõ của Bồ Tát, chẳng phải [của người] thế gian.

“Thiện nam tử! Như thế gọi là những điều thế gian không thấy, không biết, không hiểu rõ, lại chính là chỗ thấy, biết, hiểu rõ của Bồ Tát.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát tu trì giới hạnh thanh tịnh thì lòng không hối tiếc, ân hận... cho đến thấy rõ tánh Phật?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Giới của người thế gian không gọi là thanh tịnh. Vì sao vậy? Vì giới của thế gian là pháp có, tánh không ổn định, không phải rốt ráo, không thể rộng vì hết thảy chúng sanh. Vì nghĩa ấy nên gọi là không thanh tịnh. Vì không thanh tịnh nên có lòng hối tiếc, ân hận. Vì hối tiếc, ân hận nên lòng không hoan hỷ. Vì không hoan hỷ nên không được vui thích. Vì không vui thích nên không được an ổn. Vì không an ổn nên không được phép định không lay động. Vì không được phép định không lay động nên không được chỗ thấy biết chân thật. Vì không được thấy biết chân thật nên không chán lìa. Vì không chán lìa nên không giải thoát. Vì không giải thoát nên chẳng thấy tánh Phật. Vì chẳng thấy tánh Phật nên mãi mãi không được Đại Bát Niết-bàn. Như thế gọi là giới của thế gian không thanh tịnh.

“Thiện nam tử! Giới thanh tịnh của Bồ Tát ma-ha-tát là giới mà chẳng phải giới, chẳng phải là pháp có, kiên định, rốt ráo, vì [lợi ích] hết thảy chúng sanh, nên gọi là giới thanh tịnh.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát đối với giới thanh tịnh tuy chẳng muốn sanh tâm không hối hận, nhưng tâm không hối hận ấy tự nhiên sanh ra.

“Thiện nam tử! Ví như có người cầm cái gương sáng, dù không mong thấy khuôn mặt mình nhưng hình tượng khuôn mặt tự nhiên hiện ra. Lại như người nông dân gieo giống xuống đám ruộng tốt, dù không mong nảy mầm nhưng mầm tự nhiên nảy sanh. Lại như thấp đèn, dù chẳng mong diệt mất bóng tối nhưng bóng tối tự nhiên tiêu diệt. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát kiên trì giới hạnh thanh tịnh thì tâm không hối hận tự nhiên sanh ra cũng giống như vậy. Nhờ giới hạnh thanh tịnh nên lòng được hoan hỷ.

“Thiện nam tử! Ví như người đoan chánh, khi tự nhìn thấy khuôn mặt của mình thì sanh lòng hoan hỷ. Người giữ giới thanh tịnh cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Những người phá giới, khi thấy giới chẳng thanh tịnh thì lòng không hoan hỷ. Như người hình dáng khuyết tật, khi nhìn thấy khuôn mặt của mình không sanh lòng vui thích. Những người phá giới cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như có hai cô gái chăn bò, một cô ôm bình đựng kem sữa, một cô ôm bình đựng nước uống, cùng đi vào trong thành để bán. Trên đường đi vấp ngã, hai cái bình đều bể, nhưng một cô vui vẻ, cô kia lại buồn rầu. Người giữ giới và người phá giới cũng giống như vậy. Người giữ giới thanh tịnh ắt lòng được hoan hỷ. Trong lòng hoan hỷ liền suy nghĩ rằng: ‘Trong kinh *Niết-bàn*, chư Phật Như Lai có dạy rằng những ai giữ giới thanh tịnh ắt sẽ được *Niết-bàn*. Nay ta tu tập giới thanh tịnh như vậy, ắt cũng sẽ được.’ Bởi nhân duyên ấy nên lòng được vui thích.”

Bồ Tát Ca-diếp thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Hỷ và lạc có gì khác nhau?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát không làm việc xấu ác, đó gọi là hỷ. Tâm thanh tịnh giữ giới, đó gọi là lạc.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát quán xét sanh tử, gọi là hỷ, thấy được Đại *Niết-bàn*, đó gọi là lạc. Bậc thấp gọi là hỷ, bậc cao gọi là lạc. Là những pháp chung cùng với thế gian gọi là hỷ, được những pháp không chung cùng với thế gian gọi là lạc.

“Nhờ giữ giới thanh tịnh nên thân thể nhẹ nhàng nhu

nhuyễn, miệng không nói ra lời thô nặng, lỗi lầm. Bồ Tát lúc bấy giờ dù có thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, nhận biết... thấy đều không có việc xấu ác. Vì không có việc xấu ác nên lòng được an ổn. Vì an ổn nên được định tĩnh. Vì định tĩnh nên được thấy biết chân thật. Vì thấy biết chân thật nên chán lìa sanh tử. Vì chán lìa sanh tử nên được giải thoát. Vì giải thoát nên được thấy tánh Phật. Nhờ thấy tánh Phật nên được Đại *Niết-bàn*. Như thế gọi là Bồ Tát giữ giới thanh tịnh, chẳng phải là giới của thế gian.

“Vì sao vậy? Thiện nam tử! Những giới thanh tịnh mà Bồ Tát ma-ha-tát thọ nhận, có năm pháp để trợ giúp. Thế nào là năm pháp? Một là có đức tin, hai là biết thẹn, ba là biết xấu hổ,⁽²⁰⁾ bốn là [nương theo] những bậc thiện trí thức, năm là có lòng tôn kính giới.

“Nhờ lìa khỏi năm pháp che chướng⁽²¹⁾ nên chỗ thấy được trong sạch. Nhờ lìa khỏi *năm kiến chấp*⁽²²⁾ nên lòng không có nhiều mối nghi ngờ. Nhờ lìa năm mối nghi nên chẳng buông lung phóng túng. Năm mối nghi đó, một là nghi ngờ về Phật, hai là nghi ngờ về Chánh pháp, ba là nghi ngờ về Chư tăng, bốn là nghi ngờ về giới luật, năm là nghi ngờ về sự không phóng túng, biếng nhác.

“Bồ Tát bấy giờ liền được Năm căn, đó là *tín, niệm, tinh tấn, định* và *tuệ*. Nhờ có Năm căn nên được năm loại *Niết-bàn*, từ *Sắc* giải thoát cho đến *Thức* giải thoát.⁽²³⁾ Như thế gọi là Bồ Tát giữ giới thanh tịnh, không phải giới của thế gian.

“Thiện nam tử! Đó gọi là chỗ mà thế gian không thấy, không biết, không hiểu rõ, nhưng chính là chỗ Bồ Tát thấy, biết, hiểu rõ.

“Thiện nam tử! Nếu [trong số] những đệ tử của ta thọ trì, tụng đọc, sao chép, diễn thuyết kinh Đại Niết-bàn lại có người phá giới, ắt sẽ có người quả trách, khinh khi, hủy nhục mà nói rằng: ‘Nếu tạng sâu kín của Phật, kinh Đại Niết-bàn này có oai lực, vì sao lại khiến cho ông hủy phạm những giới đã thọ trì?’

“Nên biết rằng, người thọ trì kinh Niết-bàn nếu hủy phạm giới cấm thì kinh này sẽ không có oai lực. Nếu kinh này không có oai lực, dù họ có tụng đọc nữa cũng chỉ là vô ích. Nhưng do nơi việc khinh chê kinh Niết-bàn nên lại khiến cho vô số chúng sanh đọa vào địa ngục. [Cho nên] kẻ thọ trì kinh này mà hủy phạm giới cấm thì là hạng tri thức xấu ác của chúng sanh, chẳng phải đệ tử Phật mà là quyến thuộc của ma. Những người như vậy, ta cũng không cho phép thọ trì kinh điển này. Thà không có ai thọ trì, tu tập, chứ không để cho những kẻ hủy phạm giới cấm thọ trì, tu tập [kinh này].

“Thiện nam tử! Nếu những đệ tử của ta thọ trì, tụng đọc, sao chép, diễn thuyết kinh Niết-bàn, nên giữ cho thân tâm ngay thẳng chân chánh, thận trọng chớ nên chơi đùa bồn chột, khinh suất hấp tấp cử động. Chơi đùa bồn chột là [thuộc về] thân; khinh suất hấp tấp là [thuộc về] tâm. Tâm mong cầu pháp có, đó gọi là khinh suất hấp tấp. Thân tạo tác các nghiệp, đó gọi là chơi đùa bồn chột. Nếu đệ tử của ta mong cầu pháp có, tạo tác các nghiệp thì không nên thọ trì kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này. Nếu người như vậy mà thọ trì kinh này, ắt người khác sẽ khinh chê quả trách rằng: ‘Nếu tạng sâu kín của Phật, kinh Đại Niết-bàn này là có oai lực, sao lại khiến cho ông mong cầu pháp có, tạo tác các nghiệp?’

“Nên biết rằng nếu người trì kinh mà mong cầu pháp

có, tạo tác các nghiệp, thì kinh này sẽ không có oai lực. Nếu không có oai lực, thì dù có thọ trì nữa cũng chỉ là vô ích. Nhưng do nơi việc khinh chê kinh Niết-bàn này mà khiến cho vô số chúng sanh đọa vào địa ngục. [Cho nên] kẻ thọ trì kinh này mà mong cầu pháp có, tạo tác các nghiệp thì là hạng tri thức xấu ác của chúng sanh, chẳng phải đệ tử Phật mà là quyến thuộc của ma.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nếu đệ tử của ta thọ trì, tụng đọc, sao chép, diễn thuyết kinh Niết-bàn này, đừng thuyết giảng không đúng lúc, đừng thuyết giảng không đúng nơi, đừng thuyết giảng khi không được thừa thỉnh, đừng đem lòng khinh dễ mà thuyết giảng, đừng thuyết giảng tùy tiện khắp mọi nơi, đừng thuyết giảng để tự khen mình, đừng thuyết giảng để chê bai người khác, đừng thuyết giảng làm diệt mất pháp Phật, đừng thuyết giảng làm bùng cháy mạnh mẽ pháp thế gian.

“Thiện nam tử! Nếu đệ tử của ta thọ trì kinh này mà thuyết giảng không đúng lúc... cho đến thuyết giảng làm bùng cháy mạnh mẽ pháp thế gian,⁽²⁴⁾ thì người khác sẽ khinh chê quả trách rằng: ‘Nếu tạng sâu kín của Phật, kinh Đại Niết-bàn này là có oai lực, sao lại khiến cho ông thuyết giảng không đúng lúc... cho đến thuyết giảng làm bùng cháy mạnh mẽ pháp thế gian?’

“Nên biết rằng, nếu người trì kinh thuyết giảng theo những cách như vậy thì kinh này không có oai lực. Nếu không có oai lực thì dù có thọ trì nữa cũng chỉ là vô ích. Nhưng do nơi việc khinh chê kinh Niết-bàn mà khiến cho vô số chúng sanh đọa vào địa ngục. [Cho nên] kẻ thọ trì kinh này mà thuyết giảng không đúng lúc... cho đến thuyết giảng làm bùng cháy mạnh mẽ pháp thế gian thì

là hạng tri thức xấu ác của chúng sanh, chẳng phải đệ tử Phật mà là quyến thuộc của ma.

“Thiện nam tử! Nếu có người muốn thọ trì kinh này, thuyết giảng Đại Niết-bàn, thuyết giảng tánh Phật, thuyết giảng tạng sâu kín của Như Lai, thuyết giảng Đại thừa, thuyết giảng kinh Phương đẳng, thuyết giảng Thanh văn thừa, thuyết giảng Bích-chi Phật thừa, thuyết giảng giải thoát, thấy được tánh Phật, thì trước hết phải giữ thân mình cho thanh tịnh. Vì thân được thanh tịnh ắt sẽ không ai quở trách. Vì không có ai quở trách nên khiến cho vô số người đối với kinh Đại Niết-bàn này phát sanh lòng tin trong sạch. Nhờ phát sanh lòng tin nên cung kính đối với kinh này. Nếu nghe được một bài kệ, một câu kinh hay một chữ và thuyết giảng pháp, ắt sẽ được phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nên biết rằng người ấy thật là bậc thiện tri thức của chúng sanh, chẳng phải hạng tri thức xấu ác. Đó chính là đệ tử Phật, chẳng phải quyến thuộc của ma.

“Như thế gọi là Bồ Tát, chẳng phải [người] thế gian. Thiện nam tử! Đó gọi là chỗ thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu rõ, nhưng chính là chỗ thấy, biết, hiểu rõ của Bồ Tát.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN MƯỜI BẢY

CHÚ GIẢI

1. Nguyên văn dùng xiển-dà (闍陀). Hai chữ xiển-dà trước đây Hòa thượng Thích Trí Tịnh dịch là pháp cú, học giả Đoàn Trung Còn cho là cách đọc khác của xiển-đề, tức nhất-xiển-đề. Chúng tôi không biết hai vị này đã căn cứ vào đâu để hiểu khác nhau như vậy. Tuy nhiên, trong Hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự (有部毘奈耶雜事), quyển 6 có lời chú như sau: “Nói xiển-dà đó là nói phép tụng đọc của đạo Bà-la-môn...” (言闍陀者, 謂婆羅門讀誦之法 - Ngôn xiển-dà giả, vị bà-la-môn đọc tụng chi pháp.) Bản Anh ngữ dịch chữ này là “prosodical ... aspect of words” chứng tỏ họ cũng hiểu theo cách tương tự.
2. Tỳ-già-la-na (Vyākaraṇa), cũng đọc là Tỳ-già-yết-thích-nam, trước đây cũng trong kinh này đã gọi là luận Tỳ-già-la, dịch nghĩa là Thanh minh ký luận, một bộ luận về ngữ học của Ấn Độ từ thời cổ đại, không biết có từ bao giờ và cũng không biết ai là tác giả, nên có tương truyền là do đức Phạm thiên thuyết dạy. Đây là một bộ luận rất lớn, đề cập đến nhiều vấn đề và phương pháp biện luận nên hàng học giả Ấn Độ không ai là không nghiên cứu, học tập.
3. Chín bộ kinh: những kinh điển được thuyết giảng trước khi Phật tuyên thuyết các kinh Phương đẳng Đại thừa, vì thế có nhiều điểm Phật vì phương tiện dẫn dắt những chúng sanh chưa đủ lòng tin mà chưa nói ra trọn vẹn chân lý rất ráo.
4. Vì chín bộ kinh điển là do Phật thuyết dạy, còn bậc Duyên giác ra đời khi không có Phật, nhờ quán sát lý nhân duyên mà chứng ngộ, nên cũng gọi là Đệ tử giác, nghĩa là tự giác ngộ một mình, vào thời không có Phật.
5. Ma-ha Câu-hy-la, tên Phạn ngữ là Mahā-kausthila, cũng đọc là Ma-ha Câu-sát-sĩ-la, là một trong các đệ tử chứng quả A-la-hán vào thời đức Phật còn tại thế. Trong kinh Tạp A-hàm, quyển 12, có nhắc đến chuyện ngài Câu-hy-la khi ở núi Kỳ-xà-quật, Xá-lợi-phất đến thưa hỏi về ý nghĩa của Mười hai nhân duyên, được ngài trả lời tường tận mọi điều, nên Xá-lợi-phất hết lời ngợi khen, tán thán. Trong kinh Tăng nhất A-hàm, quyển 3, phẩm Đệ tử có nói về ngài Câu-hy-la đạt được đầy đủ Bốn pháp biện tài (Tứ biện tài), tức là bốn pháp không ngăn ngại đang nói ở đây. Tuy nhiên, không thấy kinh điển nào nói chi tiết về cuộc đời vị A-la-hán này, trừ ra trong Đại Trí độ luận (quyển 1), Soạn tập bách duyên kinh (quyển 10, Trường Trảo Phạm-chí duyên) đều nói rằng ngài Câu-hy-la chính là cậu ruột của ngài Xá-lợi-phất, trước khi xuất gia theo Phật đã từng tu theo ngoại đạo, có hiệu là Phạm chí Trường Trảo (móng tay dài), vì ông không bao giờ cắt móng tay.
6. Nghĩa là tất cả kinh điển của Hai thừa, trừ ra kinh điển Phương đẳng Đại thừa.
7. Năm kiến chấp (ngũ kiến): Năm quan điểm, kiến chấp sai lầm phạm phu, của người chưa đạt được giải thoát: 1. Thân kiến: Kiến chấp về sự hiện hữu của thân xác, cho đó là một thực thể của mình, do đó mà có “cái ta” và những vật của ta.

2. Biên kiến: Kiến chấp thiên lệch về một bên, không thấy trọn vẹn được vấn đề.
3. Tà kiến: Kiến chấp tà vạy, không thấy được bản chất đúng thật của sự vật, do đó mà không tin nhân quả.
4. Giới cấm thủ kiến: Kiến chấp về giới cấm, câu nệ vào hình thức giữ giới mà không thấy được mục đích thật sự của việc giữ giới, vì thế mà luôn cố chấp trong bất cứ trường hợp nào.
5. Kiến thủ kiến: Kiến chấp luôn cho rằng lập luận, học thuyết hay quan điểm của mình là đúng đắn tuyệt đối, không chấp nhận bất cứ sự phê phán góp ý hay chỉ trích nào, vì thế cũng không tiếp thu được những điểm đúng đắn trong ý kiến của người khác.
8. Câu này đưa ra nhận thức rất ráo, tuyệt đối, để xóa bỏ các ý nghĩa tương đối, quyền biến trong sự thị hiện của đức Như Lai được trình bày trong 2 câu trên, nhằm chỉ đến tánh Như Lai rất ráo, tức là cảnh giới Niết-bàn, giải thoát. Đồng thời câu này cũng làm rõ nghĩa hai câu cuối trong bài kệ: Nếu nói trong Ba đời thật có pháp hiện hữu là vô lý! Vì tất cả các pháp hữu vi vốn không có tự tánh, không thể tự tồn tại như những thực thể riêng biệt.
9. Bốn trăm lẻ bốn: một cách nói tượng trưng cho rất nhiều thứ bệnh khổ mà thân người phải chịu đựng, do từ mỗi yếu tố cấu thành thân người như đất, nước, gió, lửa đều có thể gây ra 101 bệnh khổ, nên tính chung cả bốn yếu tố là 404 thứ bệnh.
10. Không định, cũng gọi là pháp Tam-muội Không, đạt được nhờ quán sát tánh không của các pháp. Hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát đều có tu tập phép định này, nhưng chỉ có chư Phật mới đạt được phép định này đến mức rất ráo.
11. Nghĩa chân thật Nhất thừa: cũng gọi là Phật thừa, Đại thừa, là pháp duy nhất đạt đến sự giải thoát rất ráo, khác với giáo pháp của Thanh văn thừa và Duyên giác thừa là giáo pháp phương tiện dùng để dẫn dắt người sơ cơ có căn tánh chậm lụt, nên chưa thể đạt đến sự giải thoát rất ráo.
12. Du-lan-già (Sthūlātyayas), cũng đọc là Thâu-lan-già, dịch nghĩa là Tác đại chướng thiện đạo (作大障善道), chỉ những tội được xếp dưới bốn tội Ba-la-di và 13 tội Tăng-tàn.
13. Tu-đạt (Sudatta), hay Tu-đạt-da, cũng gọi là Trưởng giả Cấp Cô Độc, là một vị trưởng giả rất giàu có ở thành Xá-vệ (Śrāvastī). Ông thường làm nhiều việc thiện và cúng dường Tam bảo. Chính ông đã mua khu vườn của Trưởng giả Kỳ-đà rồi xây dựng Tinh xá Kỳ Viên để dâng cúng cho Phật và Giáo hội.
14. Ba nẻo dữ (Tam ác thú): bao gồm các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
15. Các trường hợp này đều là nhìn thấy sự việc qua suy diễn mối tương quan tất yếu giữa những tướng mạo được nhìn thấy và sự việc không nhìn thấy. Tuy không thật sự nhìn thấy, nhưng thông qua mối tương quan tất yếu mà biết chắc rằng sự việc ấy đang hiện hữu. Như thấy khói biết là có lửa, vì không có lửa thì không sanh ra khói. Thấy chim hạc biết là có nước, vì loài chim này chỉ sống gần nơi có nước...
16. Trái a-ma-lặc: một loại trái cây giống như trái hồ đào, vị chua và ngọt, dùng làm thuốc.
17. Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 15, bắt đầu quyển 16, phẩm Hạnh thanh tịnh, phần thứ 3 (Phạm hạnh phẩm chi tam).
18. Mười một pháp không (thập nhất không), gồm: 1. Nội không, 2. Ngoại không, 3. Nội ngoại không, 4. Hữu vi không, 5. Vô vi không, 6. Vô thủy không, 7. Tánh không, 8. Vô sở hữu không, 9. Đệ nhất nghĩa không, 10. Không không, 11. Đại không. Các pháp không này đã được Phật giảng rõ trong quyển 16.
19. Bốn loại gió (Tứ phong): được phân ra theo tác dụng của gió, gồm có: trụ phong, trì phong, bất động phong và kiên cố phong.
20. Tự thẹn và xấu hổ (tàm quý): là hai đức tính thường đi đôi với nhau. Thẹn là cảm giác khi tự thấy việc xấu mình làm là đáng chê trách, tự trách lấy mình; xấu hổ là cảm giác khi việc xấu mình làm bị người khác nhìn thấy, biết được. Người biết xấu hổ vẫn có thể tái phạm các việc xấu, khi nghĩ rằng có thể che giấu người khác, nhưng nếu biết thẹn thì không thể nghĩ đến việc tái phạm, vì không thể nào tự che giấu chính mình.
21. Năm pháp che chướng (ngũ cái): năm mối phiền não ngăn che sự sáng suốt của tâm tánh, gồm có: 1. Tham dục, 2. Sân khuể, 3. Thụy miên, 4. Trạo hối, 5. Nghi ngờ chánh pháp.
22. Năm kiến chấp (ngũ kiến): gồm thân kiến, biên kiến, tà kiến, giới cấm thủ kiến và kiến thủ kiến.
23. Từ Sắc giải thoát cho đến Thức giải thoát: Đây là nói tóm cả Năm ấm, nói đủ là Sắc giải thoát, Thọ giải thoát, Tưởng giải thoát, Hành giải thoát và Thức giải thoát.
24. Nghĩa là nói tóm lại tất cả những điều kiện không nên thuyết giảng kinh này như vừa nói ở đoạn trên.

大般涅槃經

卷第十八 梵行品第八之四

復次善男子。云何復名一切世間所不知見覺。而是菩薩所知見覺。所謂六念處。何等為六。念佛念法念僧念戒念施念天。

善男子。云何念佛。如來，應，正遍知，明行足，善逝世間解，無上士，調御丈夫，天人師，佛，世尊。常不變易，具足十力，四無所畏，大師子吼。名大沙門，大婆羅門，大淨，畢竟到於彼岸。無能勝者，無見頂者。無有怖畏，不驚，不動。獨一無侶，無師自悟。疾智，大智，利智，深智，解脫智，不共智，廣普智，畢竟智，智寶成就。人中象王。人中牛王。人中龍王。人中丈夫。人中蓮花分陀利花。調御人師為大施主大法之師。以知法故名大法師。以知義故名大法師。以知時故名大法師。以知足故名大法師。以知我故名大法師。知大眾故名大法師。以知眾生種種性故名大法師。以知諸根利鈍中故名大法師。說中道故名大法師。

云何名如來。如過去諸佛所說不變。云何不

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

QUYỂN ĐỆ THẬP BÁT - PHẠM HẠNH PHẨM - *Đệ bát chi tứ*

Phục thứ thiện nam tử! Vân hà phục danh nhất thiết thế gian sở bất tri, kiến, giác, nhi thị Bồ Tát sở tri, kiến, giác? Sở vị lục niệm xứ. Hà đẳng vi lục? Niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên.

Thiện nam tử! Vân hà niệm Phật? Như Lai, Ứng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn, thường bất biến dị, cụ túc thập lực, tứ vô sở úy, đại sư tử hống, danh đại *sa-môn*, đại *bà-la-môn*, đại tịnh, tất cánh đáo úy bỉ ngạn, vô năng thắng giả. Vô kiến đỉnh giả, vô hữu bố úy, bất kinh bất động, độc nhất vô lưỡng, vô sư tự ngộ. Tật trí, đại trí, lợi trí, thâm trí, giải thoát trí, bất cộng trí, quảng phổ trí, tất cánh trí, trí bảo thành tựu. Nhân trung tượng vương, nhân trung ngư vương, nhân trung long vương, nhân trung trượng phu, nhân trung liên hoa, phân-đà-ly hoa. Điều ngự nhân sư, vi đại thí chủ, đại pháp chi sư. Dĩ tri pháp cố, danh đại pháp sư. Dĩ tri nghĩa cố, danh đại pháp sư. Dĩ tri thời cố, danh đại pháp sư. Dĩ tri túc cố, danh đại pháp sư. Dĩ tri ngã cố, danh đại pháp sư. Tri đại chúng cố, danh đại pháp sư. Dĩ tri chúng sanh chủng tánh cố, danh đại pháp sư. Dĩ tri chư căn lợi độn trung cố, danh đại pháp sư. Thuyết trung đạo cố, danh đại pháp sư.

Vân hà danh Như Lai? Như quá khứ chư Phật sở thuyết bất biến. Vân hà bất biến? Quá khứ chư Phật vị độ chúng sanh

變。過去諸佛為度眾生說十二部經。如來亦爾。故名如來。諸佛世尊從六波羅蜜，三十七品，十一空來至大涅槃。如來亦爾。是故號佛為如來也。諸佛世尊為眾生故隨宜方便開示三乘。壽命無量不可稱計。如來亦爾。是故號佛為如來也。

云何為應。世間之法悉名怨家。佛應害故故名為應。夫四魔者是菩薩怨。諸佛如來為菩薩時。能以智慧破壞四魔。是故名應。復次應者名為遠離。為菩薩時應當遠離無量煩惱故名為應。復次應者名樂。過去諸佛為菩薩時。雖於無量阿僧祇劫為眾生故受諸苦惱終無不樂而常樂之。如來亦爾是故名應。又復應者一切人天應以種種香花瓔珞幢幡妓樂而供養之。是故名應。

云何正遍知。正者名不顛倒。遍知者於四顛倒無不通達。又復正者名為苦行。遍知者知因苦行定有苦果。又復正者名世間中。遍知者畢竟定知修習中道得阿耨多羅三藐三菩提。又復正者名為可數可量可稱。遍知者不可數不可量不可稱。是故號佛為正遍知也。善男子。聲聞緣覺亦有遍知亦不遍知。何以故。遍知者名五陰十二入十八界。聲聞緣覺亦

thuyết thập nhị bộ kinh. Như Lai diệc nhĩ, cố danh Như Lai. Chư Phật Thế Tôn tòng lục *Ba-la-mật*, tam thập thất phẩm, thập nhất không, lai chí đại *Niết-bàn*. Như Lai diệc nhĩ, thị cố hiệu Phật vi Như Lai dã. Chư Phật Thế Tôn, vị chúng sanh cố, tùy nghi phương tiện, khai thị tam thừa; thọ mạng vô lượng, bất khả xưng kể. Như Lai diệc nhĩ, thị cố hiệu Phật vi Như Lai dã.

Vân hà vi ứng? Thế gian chi pháp, tất danh oán gia. Phật ứng hại cố, cố danh vi ứng. Phù tứ ma giả, thị Bồ Tát oán. Chư Phật Như Lai, vi Bồ Tát thời, năng dĩ trí tuệ, phá hoại tứ ma, thị cố danh ứng. Phục thứ ứng giả, danh vi viễn ly. Vi Bồ Tát thời, ứng đương viễn ly vô lượng phiền não, cố danh vi ứng. Phục thứ ứng giả danh lạc. Quá khứ chư Phật, vi Bồ Tát thời, tuy ư vô lượng *a-tăng-kỳ* kiếp, vị chúng sanh cố, thọ chư khổ não, chung vô bất lạc, nhi thường lạc chi. Như Lai diệc nhĩ, thị cố danh ứng. Hựu phục ứng giả, nhất thiết nhân thiên ứng dĩ chủng chủng hương hoa, anh lạc, tràng phan, kỹ nhạc nhi cúng dường chi, thị cố danh ứng.

Vân hà chánh biến tri? Chánh giả, danh bất điên đảo. Biến tri giả, ư tứ điên đảo, vô bất thông đạt. Hựu phục chánh giả, danh vi khổ hạnh; biến tri giả, tri nhân khổ hạnh, định hữu khổ quả. Hựu phục chánh giả, danh thế gian trung. Biến tri giả, tất cánh định tri tu tập trung đạo, đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Hựu phục chánh giả, danh vi khả số, khả lượng, khả xưng. Biến tri giả, bất khả số, bất khả lượng, bất khả xưng. Thị cố hiệu Phật vi chánh biến tri dã. Thiệ nam tử! Thanh văn, Duyên giác diệc hữu biến tri, diệc bất biến tri. Hà dĩ cố? Biến tri giả, danh ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới. Thanh văn, Duyên giác diệc đắc biến tri. Thị danh biến

得遍知。是名遍知。云何不遍知。善男子。假使二乘於無量劫觀一色陰不能盡知。以是義故聲聞緣覺無有遍知。

云何明行足。明者名得無量善果。行名腳足。善果者名阿耨多羅三藐三菩提。腳足者名為戒慧。乘戒慧足得阿耨多羅三藐三菩提。是故名為明行足也。

又復明者名咒。行者名吉。足者名果。

善男子。是名世間義。咒者名為解脫。吉者名為阿耨多羅三藐三菩提。果者名為大般涅槃。是故名為明行足也。

又復明者名光。行者名業。足者名果。

善男子。是名世間義。光者名不放逸。業者名六波羅蜜。果者名為阿耨多羅三藐三菩提。

又復明者名為三明。一菩薩明。二諸佛明。三無明明。菩薩明者即是般若波羅蜜。諸佛明者即是佛眼。無明明者即畢竟空。行者於無量劫為眾生故修諸善業。足者明見佛性。以是義故名明行足。

云何善逝。善者名高。逝名不高。善男子。是名世間義。高者名為阿耨多羅三藐三菩提。不高者即如來心也。善男子。心若高者不名如來。是故如來名為善逝。

tri. Vân hà bất biến tri? Thiện nam tử! Giả sử nhị thừa, ư vô lượng kiếp, quán nhất sắc âm, bất năng tận tri. Dĩ thị nghĩa cố, Thanh văn, Duyên giác vô hữu biến tri.

Vân hà minh hạnh túc? Minh giả, danh đắc vô lượng thiện quả. Hạnh danh cước túc. Thiện quả giả, danh *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Cước túc giả, danh vi giới tuệ. Thừa giới tuệ túc, đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Thị cố danh vi minh hạnh túc dã.

Hựu phục minh giả danh chú, hạnh giả danh cát, túc giả danh quả.

Thiện nam tử! Thị danh thế gian nghĩa. Chú giả, danh vi giải thoát. Cát giả danh vi *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Quả giả, danh vi Đại Bát Niết-bàn. Thị cố danh vi minh hạnh túc dã.

Hựu phục minh giả danh quang, hạnh giả danh nghiệp, túc giả danh quả.

Thiện nam tử! Thị danh thế gian nghĩa. Quang giả, danh bất phóng dật. Nghiệp giả, danh lục *Ba-la-mật*. Quả giả, danh vi *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Hựu phục minh giả, danh vi tam minh: Nhất Bồ Tát minh, nhị chư Phật minh, tam vô minh minh. Bồ Tát minh giả, tức thị *Bát-nhã Ba-la-mật*. Chư Phật minh giả, tức thị Phật nhãn. Vô minh minh giả, tức tất cánh không. Hạnh giả ư vô lượng kiếp, vị chúng sanh cố, tu chư thiện nghiệp. Túc giả, minh kiến Phật tánh. Dĩ thị nghĩa cố, danh Minh hạnh túc.

Vân hà thiện thệ? Thiện giả danh cao, thệ danh bất cao. Thiện nam tử! Thị danh thế gian nghĩa. Cao giả, danh vi *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Bất cao giả, tức Như Lai tâm dã. Thiện nam tử! Tâm nhược cao giả, bất danh Như Lai. Thị cố Như Lai, danh vi thiện thệ.

又復善者名為善知識。逝者善知識果。善男子是名世間義。善知識者即初發心。果者名為大般涅槃。如來不捨最初發心得大涅槃。是故如來名為善逝。

又復善者名好。逝者名有。善男子。是名世間義。好者名見佛性。有者名大涅槃。善男子。涅槃之性實非有也。諸佛世尊因世間故說言是有。善男子。譬如世人實無有子說言有子。實無有道說言有道。涅槃亦爾。因世間故說言為有。諸佛世尊成大涅槃故名善逝。

善男子。云何世間解。善男子。世間者名為五陰。解者名知。諸佛世尊善知五陰故名世間解。

又世間者名為五欲。解名不著。不著五欲故名世間解。

又世間解者。東方無量阿僧祇世界。一切聲聞緣覺不知不見不解。諸佛悉知悉見悉解。南西北方四維上下亦復如是。是故號佛為世間解。

又世間者一切凡夫。解者知諸凡夫善惡因果。非是聲聞緣覺所知。惟佛能知是故號佛為世間解。

又世間者名曰蓮花。解名不污。善男子。是名世間義。蓮花者即是如來。不污者如來不為世間八法之所染污。是故號佛為世間解。

Hựu phục thiện giả, danh vi thiện tri thức. Thệ giả, thiện tri thức quả. Thiện nam tử! Thị danh thế gian nghĩa. Thiện tri thức giả, tức sơ phát tâm. Quả giả, danh vi Đại Bát Niết-bàn. Như Lai bất xả tối sơ phát tâm, đắc đại Niết-bàn. Thị cố Như Lai, danh vi thiện thệ.

Hựu phục thiện giả danh hảo, thệ giả danh hữu. Thiện nam tử! Thị danh thế gian nghĩa. Hảo giả, danh kiến Phật tánh. Hữu giả, danh đại Niết-bàn. Thiện nam tử! Niết-bàn chi tánh, thật phi hữu dã. Chư Phật Thế Tôn, nhân thế gian cố, thuyết ngôn thị hữu. Thiện nam tử! Thí như thế nhân, thật vô hữu tử, thuyết ngôn hữu tử; thật vô hữu đạo, thuyết ngôn hữu đạo. Niết-bàn diệt nhĩ; nhân thế gian cố, thuyết ngôn vi hữu. Chư Phật Thế Tôn thành đại Niết-bàn, cố danh Thiện thệ.

Thiện nam tử! Vân hà thế gian giải? Thiện nam tử! Thế gian giả, danh vi ngũ ấm; giải giả, danh tri. Chư Phật Thế Tôn thiện tri ngũ ấm, cố danh Thế gian giải.

Hựu thế gian giả, danh vi ngũ dục; Giải, danh bất trước. Bất trước ngũ dục, cố danh *Thế gian giải*.

Hựu thế gian giải giả, Đông phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, nhất thiết Thanh văn, Duyên giác bát tri, bát kiến, bát giải; chư Phật tất tri, tất kiến, tất giải. Nam, Tây, Bắc phương, tứ duy, thượng, hạ diệt phục như thị. Thị cố hiệu Phật vi thế gian giải.

Hựu thế gian giả, nhất thiết phàm phu; giải giả, tri chư phàm phu thiện ác nhân quả. Phi thị Thanh văn, Duyên giác sở tri; duy Phật năng tri. Thị cố hiệu Phật vi thế gian giải.

Hựu thế gian giả, danh viết liên hoa; giải, danh bất ô. Thiện nam tử! Thị danh thế gian nghĩa. Liên hoa giả, tức thị Như Lai; bất ô giả, Như Lai bất vi thế gian bát pháp chi sở nhiễm ô. Thị cố hiệu Phật vi thế gian giải.

又世間解者諸佛菩薩名世間解。何以故。諸佛菩薩見世間故故名世間解。善男子。如因食得命名食為命。諸佛菩薩亦復如是。見世間故故名世間解。

云何無上士。上士者名之為斷。無所斷者名無上士。諸佛世尊無有煩惱故無所斷。是故號佛為無上士。

又上士者名為諍訟。無上士者無有諍訟。如來無諍是故號佛為無上士。

又上士者名語可壞。無上士者語不可壞。如來所言一切眾生所不能壞。是故號佛為無上士。

又上士者名為上座。無上士者名無上座。三世諸佛更無過者。是故號佛為無上士。

上者名新。士者名故。諸佛世尊體大涅槃無新無故。是故號佛為無上士。

云何調御丈夫。自既丈夫復調丈夫。善男子。言如來者實非丈夫非不丈夫。因調丈夫故名如來為丈夫也。

善男子。一切男女若具四法則名丈夫。何等為四。一近善知識。二能聽法。三思惟義。四如說修行。善男子。若男若女具是四法則名丈夫。

Hựu thế gian giải giả, chư Phật, Bồ Tát, danh thế gian giải. Hà dĩ cố? Chư Phật, Bồ Tát, kiến thế gian cố, cố danh thế gian giải. Thiện nam tử! Như nhân thực đắc mạng, danh thực vi mạng. Chư Phật, Bồ Tát diệc phục như thị; kiến thế gian cố, cố danh thế gian giải.

Vân hà Vô thượng sĩ? Thượng sĩ giả, danh chi vi đoạn; vô sở đoạn giả, danh vô thượng sĩ. Chư Phật Thế Tôn vô hữu phiền não, cố vô sở đoạn. Thị cố hiệu Phật vi Vô thượng sĩ.

Hựu thượng sĩ giả danh vi tránh tụng; vô thượng sĩ giả vô hữu tránh tụng. Như Lai vô tránh, thị cố hiệu Phật vi Vô thượng sĩ.

Hựu thượng sĩ giả, danh ngữ khả hoại; vô thượng sĩ giả, ngữ bất khả hoại. Như Lai sở ngôn, nhất thiết chúng sanh sở bất năng hoại. Thị cố hiệu Phật vi Vô thượng sĩ.

Hựu thượng sĩ giả, danh vi thượng tọa; vô thượng sĩ giả, danh vô thượng tọa. Tam thế chư Phật, cánh vô quá giả. Thị cố hiệu Phật vi Vô thượng sĩ.

Thượng giả, danh tân; sĩ giả, danh cố. Chư Phật Thế Tôn, thể Đại Niết-bàn, vô tân, vô cố. Thị cố hiệu Phật vi Vô thượng sĩ.

Vân hà Điều ngự trượng phu? Tự ký trượng phu, phục điều trượng phu. Thiện nam tử! Ngôn Như Lai giả, thật phi trượng phu, phi bất trượng phu, nhân điều trượng phu, cố danh Như Lai vi trượng phu dã.

Thiện nam tử! Nhất thiết nam nữ, nhược cụ Tứ pháp tác danh trượng phu. Hà đẳng vi tứ? Nhất cận thiện tri thức, nhị năng thính pháp, tam tư duy nghĩa, tứ như thuyết tu hành. Thiện nam tử! Nhược nam, nhược nữ cụ thị tứ pháp, tác danh trượng phu.

善男子。若有男子無此四法則不得名為丈夫也。何以故。身雖丈夫行同畜生。

如來調伏若男若女。是故號佛調御丈夫。

復次善男子。如御馬者凡有四種。一者觸毛。二者觸皮。三者觸肉。四者觸骨。隨其所觸稱御者意。如來亦爾。以四種法調伏眾生。一為說生令受佛語。如觸其毛隨御者意。二說生老便受佛語。如觸毛皮隨御者意。三者說生及以老病便受佛語。如觸毛皮肉隨御者意。四者說生及老病死便受佛語。如觸毛皮肉骨隨御者意。

善男子。御者調馬無有決定。如來世尊調伏眾生必定不虛。是故號佛為調御丈夫。

云何天人師。師有二種。一者善教。二者惡教。諸佛菩薩常以善法教諸眾生。何等善法。謂身口意善。諸佛菩薩教諸眾生作如是言。善男子。汝當遠離身不善業。何以故。以身惡業是可遠離得解脫故。是故我以此法教汝。若是惡業不可遠離得解脫者。終不教汝令遠離也。若諸眾生離惡業已墮三惡者無有是處。以遠離故成阿耨多羅三藐三菩提得大涅槃。是故諸佛菩薩常以此法教化眾生。口意亦爾。是故號佛為無上師。

Thiện nam tử! Nhược hữu nam tử vô thủ tứ pháp, tác bất đắc danh vi trượng phu dã. Hà dĩ cố? Thân tuy trượng phu, hạnh đồng súc sanh.

Như Lai điều phục nhược nam, nhược nữ, thị cố hiệu Phật vi Điều ngự trượng phu.

Phục thứ thiện nam tử! Như ngự mã giả, phạm hữu tứ chủng: nhất giả xúc mao, nhị giả xúc bì, tam giả xúc nhục, tứ giả xúc cốt. Tùy kỳ sở xúc, xứng ngự giả ý. Như Lai diệt nhĩ, dĩ tứ chủng pháp, điều phục chúng sanh: Nhất vị thuyết sanh, linh thọ Phật ngữ; như xúc kỳ mao, tùy ngự giả ý. Nhị giả thuyết sanh, lão, tiện thọ Phật ngữ; như xúc mao bì, tùy ngự giả ý. Tam giả thuyết sanh cập dĩ lão, bệnh, tiện thọ Phật ngữ; như xúc mao, bì, nhục, tùy ngự giả ý. Tứ giả thuyết sanh cập, lão, bệnh, tử, tiện thọ Phật ngữ; như xúc mao, bì, nhục, cốt, tùy ngự giả ý.

Thiện nam tử! Ngự giả điều mã, vô hữu quyết định. Như Lai Thế Tôn điều phục chúng sanh, tất định bất hư. Thị cố hiệu Phật vi Điều ngự trượng phu.

Vân hà Thiên nhân sư? Sư hữu nhị chủng: nhất giả thiện giáo, nhị giả ác giáo. Chư Phật, Bồ Tát thường dĩ thiện pháp, giáo chư chúng sanh. Hà đẳng thiện pháp? Vị, thân, khẩu, ý thiện. Chư Phật, Bồ Tát giáo chư chúng sanh, tác như thị ngôn: Thiện nam tử! Nhữ đương viễn ly thân bất thiện nghiệp. Hà dĩ cố? Dĩ thân ác nghiệp, thị khả viễn ly, đắc giải thoát cố. Thị cố ngã dĩ thủ pháp giáo nhữ. Nhược thị ác nghiệp bất khả viễn ly, đắc giải thoát giả, chung bất giáo nhữ linh viễn ly dã. Nhược chư chúng sanh ly ác nghiệp dĩ, đọa tam ác giả, vô hữu thị xứ. Dĩ viễn ly cố, thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đắc đại Niết-bàn. Thị cố chư Phật, Bồ Tát thường dĩ thủ pháp, giáo hóa chúng sanh. Khẩu, ý diệt nhĩ. Thị cố hiệu Phật vi vô thượng sư.

復次昔未得道今已得之。以所得道為眾生說。從本已來未修梵行今已修竟。以已所修為眾生說。自破無明復為眾生破壞無明。自得淨目復為眾生破除盲冥令得淨眼。自知二諦復為眾生演說二諦。既自解脫復為眾生說解脫法。自度無邊生死大河復令眾生皆悉得度。自得無畏復教眾生令無怖畏。自既涅槃復為眾生演大涅槃。是故號佛為無上師。

天者名晝。天上晝長夜短是故名天。又復天者名無愁惱。常受快樂是故名天。又復天者名為燈明。能破黑闇而為大明是故名天。亦以能破惡業黑闇。得於善業而生天上是故名天。又復天者名吉。以吉祥故得名為天。又復天者名曰日。有光明故名曰為天。以是義故名為天也。

人者名曰能多思義。又復人者身口柔軟。又復人者名曰憍慢。又復人者能破憍慢。

善男子。諸佛雖為一切眾生無上大師。然經中說為天人師。何以故。善男子。諸眾生中惟天與人能發阿耨多羅三藐三菩提心。能修十善業道。能得須陀洹果斯陀含果阿那含果阿羅漢果辟支佛道。得阿耨多羅三藐三菩提。是故號佛為天人師。

Phục thứ, tích vị đắc đạo, kim dĩ đắc chi; dĩ sở đắc đạo, vị chúng sanh thuyết. Tùng bản dĩ lai, vị tu Phạm hạnh; kim dĩ tu cánh; dĩ kỹ sở tu, vị chúng sanh thuyết. Tự phá vô minh, phục vị chúng sanh, phá hoại vô minh. Tự đắc tịnh mục, phục vị chúng sanh, phá trừ manh minh, linh đắc tịnh nhãn. Tự tri Nhị đế, phục vị chúng sanh, diễn thuyết Nhị đế. Ký tự giải thoát, phục vị chúng sanh, thuyết giải thoát pháp. Tự độ vô biên sanh tử đại hà, phục linh chúng sanh giai tất đắc độ. Tự đắc vô úy, phục giáo chúng sanh linh vô bố úy. Tự ký Niết-bàn, phục vị chúng sanh, diễn đại Niết-bàn. Thị cố hiệu Phật vi vô thượng sư.

Thiên giả, danh trú. Thiên thượng trú trường, dạ đoản. Thị cố danh thiên. Hựu phục thiên giả, danh vô sầu não, thường thọ khoái lạc. Thị cố danh thiên. Hựu phục thiên giả, danh vi đăng minh, năng phá hắc ám, nhi vi đại minh. Thị cố danh thiên. Diệt dĩ năng phá ác nghiệp hắc ám, đắc ư thiện nghiệp, nhi sanh thiên thượng. Thị cố danh thiên. Hựu phục thiên giả, danh cát; dĩ cát tường cố, đắc danh vi thiên. Hựu phục thiên giả, danh viết nhật; hữu quang minh cố, danh viết vi thiên. Dĩ thị nghĩa cố, danh vi thiên dã.

Nhân giả, danh viết năng đa tư nghĩa. Hựu phục nhân giả, thân, khẩu nhu nhuyễn. Hựu phục nhân giả, danh viết kiêu mạn. Hựu phục nhân giả, năng phá kiêu mạn.

Thiện nam tử! Chư Phật tuy vi nhất thiết chúng sanh vô thượng Đại sư, nhiên kinh trung thuyết vi Thiên nhân sư. Hà dĩ cố. Thiện nam tử! Chư chúng sanh trung, duy thiên dữ nhân năng phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, năng tu thập thiện nghiệp đạo, năng đắc Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả, Bích-chi-Phật đạo, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thị cố hiệu Phật vi Thiên nhân sư.

云何為佛。佛者名覺。既自覺悟復能覺他。善男子。譬如有人覺知有賊，賊無能為。菩薩摩訶薩能覺一切無量煩惱。既覺了已令諸煩惱無所能為是故名佛。以是覺故不生不老不病不死是故名佛。

云何為婆伽婆。婆伽者名破。婆名煩惱。能破煩惱故名婆伽婆。又能成就諸善法故。又能善解諸法義故。有大功德無能勝故。有大名聞遍十方故。又能種種大惠施故。又於無量阿僧祇劫吐女根故。是故號佛為婆伽婆。

善男子。若男若女能如是念佛者。若行若住若坐若臥若晝若夜若明若闇。常得不離見佛世尊。

善男子。何故名為如來應正遍知乃至婆伽婆。而有如是無量功德大名稱耶。善男子。菩薩摩訶薩於昔無量阿僧祇劫。恭敬父母和尚諸師上座長老。於無量劫常為眾生而行布施。堅持禁戒修集忍辱。勤行精進禪定智慧。大慈大悲大喜大捨。是故今得三十二相八十種好金剛之身。

又復菩薩於昔無量阿僧祇劫。修集信念進定慧根。於諸師長恭敬供養常為法利不為食利。菩薩若持十二部經。若讀若誦常為眾生令得解脫安隱快樂終不自為。何以故。菩薩常修出世間心及出家心，

Vân hà vi Phật? Phật giả, danh giác: Ký tự giác ngộ, phục năng giác tha. Thiện nam tử! Thí như hữu nhân giác tri hữu tặc, tặc vô năng vi. Bồ Tát ma-ha-tát năng giác nhất thiết vô lượng phiền não. Ký giác liễu dĩ linh chư phiền não vô sở năng vi. Thị cố danh Phật. Dĩ thị giác cố, bất sanh, bất lão, bất bệnh, bất tử. Thị cố danh Phật.

Vân hà vi Bà-già-bà? Bà-già giả, danh phá; bà, danh phiền não. Năng phá phiền não, cố danh Bà-già-bà. Hựu năng thành tựu chư thiện pháp cố. Hựu năng thiện giải chư pháp nghĩa cố. Hữu đại công đức, vô năng thắng cố. Hữu đại danh văn biến thập phương cố. Hựu năng chủng chủng đại tuệ thí cố. Hựu ư vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, thổ nữ căn cố. Thị cố hiệu Phật vi Bà-già-bà.

Thiện nam tử! Nhược nam, nhược nữ năng như thị niệm Phật giả, nhược hành, nhược trụ, nhược tọa, nhược ngoạ, nhược trú, nhược dạ, nhược minh, nhược ám, thường đắc bất ly kiến Phật Thế Tôn.

Thiện nam tử! Hà cố danh vi Như Lai, ứng, chánh biến tri... nãi chí Bà-già-bà, nhi hữu như thị vô lượng công đức, đại danh xưng da? Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, ư tích vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, cung kính phụ mẫu, hoà thượng, chư sư, thượng tọa, trưởng lão. Ư vô lượng kiếp, thường vị chúng sanh nhi hành bố thí, kiên trì cấm giới, tu tập nhẫn nhục, cần hành tinh tấn, thiên định, trí tuệ, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả. Thị cố kim đắc tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, kim cang chi thân.

Hựu phục Bồ Tát, ư tích vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, tu tập tín, niệm, tấn, định, tuệ căn; ư chư sư trưởng cung kính cúng dường, thường vị pháp lợi, bất vị thực lợi. Bồ Tát nhược trì thập nhị bộ kinh, nhược đọc, nhược tụng, thường vị chúng sanh, linh đắc giải thoát, an ổn, khoái lạc, chung bất tự vị. Hà dĩ cố? Bồ

無為之心，無諍訟心，無垢穢心，無繫縛心，無取著心，無覆蓋心，無無記心，無生死心，無疑網心，無貪欲心，無瞋恚心，無愚癡心，無憍慢心，無穢濁心，無煩惱心，無苦心，無量心，廣大心，虛空心，無心，無無心，不調心，不護心，無覆藏心，無世間心，常定心，常修心，常解脫心，無報心，無願心，善願心，無誤心，¹柔軟心，不住心，自在心，無漏心，第一義心，不退心，無常心，正直心，無諂曲心，純善心，無多少心，無堅韌心，無凡夫心，無聲聞心，無緣覺心，善知心，界知心，生界知心，住界知心自在界知心。是故今得十力四無所畏大悲三念處常樂我淨。是故得稱如來乃至婆伽婆。是名菩薩摩訶薩念佛。

云何菩薩摩訶薩念法。善男子。菩薩摩訶薩思惟諸佛所可說法最妙最上。因是法故。能令眾生得現在果。惟此正法無有時節法眼所見非肉眼見。然不可以譬喻為比。不生不出，不住不滅，不始不終，無為無數。無舍宅者為作舍宅。無歸作歸無明作明。未到彼岸令到彼岸。為無香處作無礙香。不可親見了了見不動不轉不長不短。永斷諸樂而安隱樂畢竟微妙。非色斷色，而亦是色。乃至非識斷識而亦是識。非業斷業非結斷結。非物斷物而亦是物。

Tát thường tu xuất thế gian tâm, cập xuất gia tâm, vô vi chi tâm, vô tránh tụng tâm, vô cấu uế tâm, vô hệ phược tâm, vô thủ trước tâm, vô phú cái tâm, vô vô ký tâm, vô sanh tử tâm, vô nghi vãng tâm, vô tham dục tâm, vô sân khuể tâm, vô ngu si tâm, vô kiêu mạn tâm, vô uế trước tâm, vô phiền não tâm, vô khổ tâm, vô lượng tâm, quảng đại tâm, hư không tâm, vô tâm, vô vô tâm, bất điều tâm, bất hộ tâm, vô phú tàng tâm, vô thế gian tâm, thường định tâm, thường tu tâm, thường giải thoát tâm, vô báo tâm, vô nguyện tâm, thiện nguyện tâm, vô ngộ tâm, nhu nhuyễn tâm, bất trụ tâm, tự tại tâm, vô lậu tâm, đệ nhất nghĩa tâm, bất thối tâm, vô thường tâm, chánh trực tâm, vô siểm khúc tâm, thuần thiện tâm, vô đa thiếu tâm, vô kiên ngạnh tâm, vô phạm phu tâm, vô Thanh văn tâm, vô Duyên giác tâm, thiện tri tâm, giới tri tâm, sanh giới tri tâm, trụ giới tri tâm, tự tại giới tri tâm. Thị cố kim đắc thập lực, tứ vô sở úy, Đại bi, tam niệm xứ, thường, lạc, ngã, tịnh. Thị cố đắc xưng Như Lai, nãi chí Bà-già-bà. Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát niệm Phật.

Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát niệm pháp? Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát tư duy chư Phật sở khả thuyết pháp, tối diệu, tối thượng. Nhân thị pháp cố, năng linh chúng sanh đắc hiện tại quả. Duy thủ chánh pháp vô hữu thời tiết, pháp nhãn sở kiến, phi nhục nhãn kiến. Nhiên bất khả dĩ thí dụ vi tỷ: bất sanh bất xuất, bất trụ bất diệt, bất thủy bất chung, vô vi vô số; vô xá trạch giả, vị tác xá trạch; vô qui, tác qui; vô minh, tác minh; vị đảo bĩ ngạn, linh đảo bĩ ngạn; vị vô hương xứ, tác vô ngại hương, bất khả đồ kiến, liễu liễu kiến; bất động bất chuyển, bất trường bất đoản, vĩnh đoạn chư lạc, nhi an ổn lạc, tất cánh vi diệu. Phi sắc đoạn sắc, nhi diệt thị sắc; nãi chí phi thức đoạn thức, nhi diệt thị thức. Phi nghiệp đoạn nghiệp, phi kết đoạn kết, phi vật đoạn vật, nhi diệt thị vật. Phi giới đoạn giới, nhi diệt thị giới. Phi hữu đoạn hữu, nhi diệt thị hữu.

非界斷界而亦是界。非有斷有而亦是有。非入斷入而亦是入。非因斷因而亦是因。非果斷果而亦是果。非虛非實斷一切實而亦是實。非生非滅永離生滅而亦是滅。非相非非相斷一切相而亦是相。非教非不教而亦是師。非怖非安斷一切怖而亦是安。非忍非不忍永斷不忍而亦是忍。非止非不止斷一切止而亦是止一切法頂。悉能永斷一切煩惱清淨無相永脫諸相。無量眾生畢竟住處能滅一切生死熾火。乃是諸佛所遊居處，常不變易。是名菩薩念法。

云何念僧。諸佛聖僧如法而住。受持正法隨順修行。不可睹見不可捉持不可破壞。無能燒害不可思議。一切眾生良祐福田雖為福田無所受取清淨無穢無漏無為廣普無邊。其心調柔平等無二。無有燒濁，常不變易。是名念僧。

云何念戒。菩薩思惟有戒不破不漏不壞不雜。雖無形色而可護持。雖無觸對善修方便。可得具足無有過咎。諸佛菩薩之所讚歎。是大方等大涅槃因。

善男子。譬如大地船舫瓔珞大姓，大海，灰汁，舍宅，刀劍，橋梁。良醫妙藥阿伽陀藥。如意寶珠腳足眼目父母蔭涼。無能劫盜不可燒害。火不能焚水不能漂。大山梯陞諸佛菩薩妙寶勝幢。若住是戒得須

Phi nhập đoạn nhập, nhi diệt thị nhập. Phi nhân đoạn nhân, nhi diệt thị nhân. Phi quả đoạn quả, nhi diệt thị quả. Phi hư phi thật, đoạn nhất thiết thật nhi diệt thị thật. Phi sanh phi diệt, vĩnh đoạn sanh diệt, nhi diệt thị diệt. Phi tướng phi phi tướng, đoạn nhất thiết tướng, nhi diệt thị tướng. Phi giáo phi bất giáo, nhi diệt thị sư. Phi bố phi an, đoạn nhất thiết bố, nhi diệt thị an. Phi nhẫn phi bất nhẫn, vĩnh đoạn bất nhẫn, nhi diệt thị nhẫn. Phi chỉ phi bất chỉ, đoạn nhất thiết chỉ, nhi diệt thị chỉ. Nhất thiết pháp đỉnh, tất năng vĩnh đoạn; nhất thiết phiền não, thanh tịnh vô tướng, vĩnh thoát chư tướng. Vô lượng chúng sanh tất cánh trụ xứ. Năng diệt nhất thiết sanh tử sí hỏa. Nãi thị chư Phật sở du cư xứ, thường bất biến dị. Thị danh Bồ Tát niệm pháp.

Vân hà niệm Tăng? Chư Phật, thánh tăng, như pháp nhi trụ, thọ trì chánh pháp, tùy thuận tu hành; bất khả đồ kiến, bất khả tróc trì, bất khả phá hoại, vô năng nhiều hại, bất khả tư nghị. Nhất thiết chúng sanh lương hựu phước điền. Tuy vi phước điền, vô sở thọ thủ; thanh tịnh vô uế, vô lậu vô vi, quảng phổ vô biên. Kỳ tâm điều nhu, bình đẳng vô nhị, vô hữu nhiều trước, thường bất biến dị. Thị danh niệm tăng.

Vân hà niệm giới? Bồ Tát tư duy hữu giới, bất phá, bất lậu, bất hoại, bất tạp. Tuy vô hình sắc, nhi khả hộ trì. Tuy vô xúc đối, thiện tu phương tiện, khả đắc cụ túc, vô hữu quá cũ. Chư Phật, Bồ Tát chi sở tán thán. Thị đại Phương đẳng đại Niết-bàn nhân.

Thiện nam tử! Thí như đại địa, thuyền phảng anh lạc, đại tánh, đại hải, hôi tráp, xá trạch, đao kiếm, kiêu lương, lương y, diệu dược, A-già-đà dược, như ý bảo châu, cước túc, nhãn mục, phụ mẫu, ấm lương; vô năng kiếp đạo, bất khả nhiều hại, hỏa bất năng phân, thủy bất năng phiêu, đại sơn thê đặng; chư Phật, Bồ Tát diệu bảo thắng tràng. Nhược trụ thị giới,

陀洹果。我亦有分然我不須。何以故。若我得是須陀洹果。不能廣度一切眾生。若住是戒則得阿耨多羅三藐三菩提。我亦有分是我所欲。何以故。若得阿耨多羅三藐三菩提。當為眾生廣說妙法而作救護。是名菩薩摩訶薩念戒。

云何念施。菩薩摩訶薩深觀此施乃是阿耨多羅三藐三菩提因。諸佛菩薩親近修集如是布施。我亦如是親近修集。若不惠施不能莊嚴四部之眾。施雖不能畢竟斷結。而能除破現在煩惱。以施因緣故常為十方無量無邊恒河沙等。世界眾生之所稱歎。

菩薩摩訶薩施眾生食則施其命。以施果報成佛之時常不變易。以施樂故成佛之時則得安樂。菩薩施時如法求財不侵彼施此。是故成佛得清淨涅槃。菩薩施時令諸眾生不求而得。是故成佛得自在我。以施因緣令他得力。是故成佛獲得十力。以施因緣令他得語。是故成佛得四無礙。諸佛菩薩修集是施為涅槃因。我亦如是。修集布施為涅槃因。廣說如雜花經。

云何念天。有四天王處乃至非想非非想處。若有信心得四天王處我亦有分。若戒多聞布施智慧得四天王處。乃至得非想非非想處我亦有分然非我所

đắc *Tu-đà-hoàn quả*. Ngã diệc hữu phần, nhiên ngã bất tu. Hà dĩ cố? Nhược ngã đắc thị *Tu-đà-hoàn quả*, bất năng quảng độ nhất thiết chúng sanh. Nhược trụ thị giới, tắc đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Ngã diệc hữu phần, thị ngã sở dục. Hà dĩ cố? Nhược đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, đương vị chúng sanh, quảng thuyết diệu pháp, nhi tác cứu hộ. Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát niệm giới.

Vân hà niệm thí? Bồ Tát ma-ha-tát, thâm quán thử thí, nãi thị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* nhân. Chư Phật, Bồ Tát thân cận tu tập như thị bố thí. Ngã diệc như thị thân cận tu tập. Nhược bất tuệ thí, bất năng trang nghiêm tứ bộ chi chúng. Thí tuy bất năng tất cánh đoạn kết, nhi năng trừ phá hiện tại phiền não. Dĩ thí nhân duyên cố, thường vi thập phương vô lượng vô biên hằng hà sa đẳng thế giới chúng sanh chi sở xưng tán.

Bồ Tát ma-ha-tát thí chúng sanh thực, tắc thí kỳ mạng. Dĩ thí quả báo, thành Phật chi thời, thường bất biến dị. Dĩ thí lạc cố, thành Phật chi thời, tắc đắc an lạc. Bồ Tát thí thời, như pháp cầu tài, bất xâm bĩ, thí thử. Thị cố thành Phật, đắc thanh tịnh *Niết-bàn*. Bồ Tát thí thời, linh chư chúng sanh bất cầu nhi đắc. Thị cố thành Phật, đắc tự tại ngã. Dĩ thí nhân duyên, linh tha đắc lực. Thị cố thành Phật, hoạch đắc thập lực. Dĩ thí nhân duyên linh tha đắc ngữ. Thị cố thành Phật, đắc tứ vô ngại. Chư Phật, Bồ Tát tu tập thí thí, vi *Niết-bàn* nhân. Ngã diệc như thị tu tập bố thí, vi *Niết-bàn* nhân. Quảng thuyết như Tạp hoa kinh.

Vân hà niệm thiên? Hữu tứ thiên vương xứ nãi chí Phi tướng phi phi tướng xứ. Nhược hữu tín tâm, đắc Tứ thiên vương xứ. Ngã diệc hữu phần. Nhược giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, đắc Tứ thiên vương xứ nãi chí đắc Phi tướng phi phi tướng xứ. Ngã diệc hữu phần, nhiên phi ngã sở dục. Hà dĩ cố? Tứ

欲。何以故。四天王處乃至非想非非想處皆是無常。以無常故生老病死以是義故非我所欲。譬如幻化誑於愚夫。智慧之人所不惑著。如幻化者即是四天王處。乃至非想非非想處。愚者即是一切凡夫。

我則不同凡夫愚人。我曾聞有第一義天。謂諸佛菩薩常不變易。以常住故不生不老不病不死。我為眾生精勤求於第一義天。何以故。第一義天能令眾生除斷煩惱猶如意樹。若我有信乃至有慧則能得是第一義天。當為眾生廣分別說第一義天。是名菩薩摩訶薩念天。

善男子。是名菩薩非世間也。是為世間不知見覺。而是菩薩所知見覺。

善男子。若我弟子。謂受持讀誦書寫演說十二部經。及以受持讀誦書寫敷演解說大涅槃經等無差別者。是義不然。何以故。

善男子。大涅槃者即是一切諸佛世尊甚深祕藏。以是諸佛甚深祕藏是則為勝。善男子。以是義故。大涅槃經甚奇甚特不可思議。

迦葉菩薩白佛言。世尊。我亦知是大涅槃經甚奇甚特不可思議。佛法眾僧不可思議。菩薩菩提大般涅槃亦不可思議。世尊。以何義故復言菩薩不可思議。

thiên vương xứ nãi chí phi tưởng phi phi tưởng xứ, giai thị vô thường. Dĩ vô thường cố, sanh, lão, bệnh, tử. Dĩ thị nghĩa cố, phi ngã sở dục. Thí như huyễn hóa, cuống ư ngu phu, trí tuệ chi nhân, sở bất hoặc trước. Như huyễn hóa giả, tức thị tứ thiên vương xứ nãi chí phi tưởng phi phi tưởng xứ. Ngu giả tức thị nhất thiết phàm phu.

Ngã tác bất đồng phàm phu ngu nhân. Ngã tăng văn hữu đệ nhất nghĩa thiên, vị chư Phật, Bồ Tát thường bất biến dị. Dĩ thường trụ cố, bất sanh, bất lão, bất bệnh, bất tử. Ngã vị chúng sanh tinh cần cầu ư Đệ nhất nghĩa thiên. Hà dĩ cố? Đệ nhất nghĩa thiên năng linh chúng sanh trừ đoạn phiền não, do như ý thọ. Nhược ngã hữu tín..., nãi chí hữu tuệ, tác năng đắc thị Đệ nhất nghĩa thiên; đương vị chúng sanh quảng phân biệt thuyết Đệ nhất nghĩa thiên. Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát niệm thiên.

Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát, phi thế gian dã. Thị vi thế gian bất tri, kiến, giác; nhi thị Bồ Tát sở tri, kiến, giác.

Thiện nam tử! Nhược ngã đệ tử vị thọ trì, đọc, tụng, thơ tả, diễn thuyết thập nhị bộ kinh cập dĩ thọ trì, đọc, tụng, thơ tả, phu diễn giải thuyết đại Niết-bàn kinh, đẳng vô sai biệt giả, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố?

Thiện nam tử! Đại Niết-bàn giả, tức thị nhất thiết chư Phật Thế Tôn thậm thâm bí tạng. Dĩ thị chư Phật thậm thâm bí tạng, thị tác vi thắng. Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, Đại Niết-bàn kinh thậm kỳ thậm đặc, bất khả tư nghị.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã diệc tri thị đại Niết-bàn kinh thậm kỳ thậm đặc, bất khả tư nghị. Phật, pháp, chúng tăng bất khả tư nghị. Bồ Tát Bồ-đề Đại Bát Niết-bàn diệc bất khả tư nghị. Thế Tôn, dĩ hà nghĩa cố, phục ngôn Bồ Tát bất khả tư nghị?

善男子。菩薩摩訶薩無有教者而能自發菩提之心。既發心已勤修精進。正使大火焚燒身首終不求救捨念法心。何以故。菩薩摩訶薩常自思惟。我於無量阿僧祇劫或在地獄餓鬼畜生人中天上。為諸結火之所燒然。初不曾得一決定法。決定法者即是阿耨多羅三藐三菩提。若我為於阿耨多羅三藐三菩提終不護惜身心與命。我為阿耨多羅三藐三菩提正使碎身猶如微塵。終不放捨勤精進也。何以故。勤精進心即是阿耨多羅三藐三菩提因。善男子。如是菩薩未見阿耨多羅三藐三菩提。乃能如是不惜身命況復見已。是故菩薩不可思議。

又復不可思議。菩薩摩訶薩所見生死無量過患。非是聲聞緣覺所及。雖知生死無量過惡。為眾生故於中受苦不生厭離。是故復名不可思議。

菩薩摩訶薩為眾生故雖在地獄。受諸苦惱如三禪樂。是故復名不可思議。

善男子。譬如長者其家失火。長者見已從舍而出。諸子在後未脫火難。長者爾時定知火害。為諸子故還旋赴救不顧其難。菩薩摩訶薩亦復如是。雖知生死多諸過惡。為眾生故處之不厭。是故復名不可思議。

善男子。無量眾生發菩提心。見生死中多諸過惡心即退沒。或為聲聞或為緣覺。若有菩薩聞是經

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, vô hữu giáo giả, nhi năng tự phát *Bồ-đề* chi tâm. Ký phát tâm dĩ, cần tu tinh tấn. Chánh sử đại hỏa phân thiêu thân thủ, chung bắt cầu cứu, xả niệm pháp tâm. Hà dĩ cố? Bồ Tát ma-ha-tát thường tự tư duy: Ngã ư vô lượng *a-tăng-kỳ* kiếp, hoặc tại địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân trung, thiên thượng, vị chư kết hỏa chi sở thiêu nhiên, sơ bát tầng đắc nhất quyết định pháp. Quyết định pháp giả, tức thị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Nhược ngã vị ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, chung bắt hộ tích thân tâm dữ mạng. Ngã vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, chánh sử toái thân do như vi trần, chung bắt phóng xả cần tinh tấn dã. Hà dĩ cố? Cần tinh tấn tâm, tức thị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* nhân. Thiện nam tử! Như thị Bồ Tát, vị kiến *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, nãi năng như thị bất tích thân mạng; huống phục kiến dĩ? Thị cố Bồ Tát bất khả tư nghị.

Hựu phục bất khả tư nghị, Bồ Tát ma-ha-tát sở kiến sanh tử, vô lượng quá hoạn; phi thị Thanh văn, Duyên giác sở cập. Tuy tri sanh tử, vô lượng quá hoạn, vị chúng sanh cố, ư trung thọ khổ, bất sanh yếm ly. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Bồ Tát ma-ha-tát, vị chúng sanh cố, tuy tại địa ngục thọ chư khổ não, như tam thiên lạc. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Thiện nam tử! Thí như trưởng giả, kỳ gia thất hỏa. Trưởng giả kiến dĩ, tùng xá nhi xuất. Chư tử tại hậu, vị thoát hỏa nạn. Trưởng giả nhĩ thời định tri hỏa hại; vị chư tử cố, hoàn triển phó cứu, bất cố kỳ nạn. Bồ Tát ma-ha-tát diệc phục như thị. Tuy tri sanh tử, đa chư quá ác, vị chúng sanh cố, xử chi bất yếm. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Thiện nam tử! Vô lượng chúng sanh phát *Bồ-đề* tâm, kiến sanh tử trung, đa như quá ác, tâm tức thối một, hoặc vi Thanh văn, hoặc vi Duyên giác. Nhược hữu Bồ Tát văn thị kinh giả,

者。終不退失菩提之心。而為聲聞辟支佛也。如是菩薩雖復未階初不動地。而心堅固無有退沒。是故復名不可思議。

善男子。若有人言我能浮渡大海之水。如是之言可思議不。

不也。世尊。如是之言或可思議或不可思議。何以故。若人渡者則不可思議。若阿修羅渡則可思議。

善男子。我亦不說阿修羅也。正說人耳。

世尊。人中亦有可思議者不可思議者。世尊。人亦二種。一者聖人。二者凡夫。凡夫之人則不可思議。賢聖之人則可思議。

善男子。我說凡夫不說聖人。

世尊。若凡夫人實不可思議。

善男子。凡夫之人實不能渡大海水也。如是菩薩實能渡於生死大海。是故復名不可思議。

善男子。若有人能以藕根絲懸須彌山可思議不。

不也。世尊。

善男子。菩薩摩訶薩於一念頃悉能稱量一切生死。是故復名不可思議。

善男子。菩薩摩訶薩已於無量阿僧祇劫。常觀生死無常無我無樂無淨。而為眾生分別演說常樂我淨。雖如是說然非邪見。是故復名不可思議。

chung bát thối thất Bồ-đề chi tâm nhi vi Thanh văn, Bích-chi Phật dã. Như thị Bồ Tát tuy phục vị giai Sơ bất động địa, nhi tâm kiên cố, vô hữu thối một. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Thiện nam tử! Nhược hữu nhân ngôn: Ngã năng phù độ đại hải chi thủy. Như thị chi ngôn, khả tư nghị phủ?

Phất dã, Thế Tôn! Như thị chi ngôn, hoặc khả tư nghị, hoặc bất khả tư nghị. Hà dĩ cố? Nhược nhân độ giả, tắc bất khả tư nghị. Nhược a-tu-la độ, tắc khả tư nghị.

Thiện nam tử! Ngã diệc bất thuyết a-tu-la dã. Chánh thuyết nhân nhĩ.

Thế Tôn! Nhân trung diệc hữu khả tư nghị giả, bất khả tư nghị giả. Thế Tôn! Nhân diệc nhị chủng: nhất giả thánh nhân, nhị giả phàm phu. Phàm phu chi nhân, tắc bất khả tư nghị. Hiền thánh chi nhân tắc khả tư nghị.

Thiện nam tử! Ngã thuyết phàm phu, bất thuyết thánh nhân.

Thế Tôn! Nhược phàm phu nhân, thật bất khả tư nghị.

Thiện nam tử! Phàm phu chi nhân thật bất năng độ đại hải thủy dã. Như thị Bồ Tát thật năng độ ư sanh tử đại hải, thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Thiện nam tử! Nhược hữu nhân năng dĩ ngẫu căn ty, huyền Tu-di sơn, khả tư nghị phủ?

Phất dã, Thế Tôn!

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, ư nhất niệm khoảnh, tất năng xưng lượng nhất thiết sanh tử. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát dĩ ư vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, thường quán sanh tử: Vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Nhi vi chúng sanh, phân biệt diễn thuyết: Thường, lạc, ngã, tịnh. Tuy như thị thuyết, nhiên phi tà kiến. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

善男子。如人入水水不能漂。入大猛火火不能燒。如是之事不可思議。菩薩摩訶薩亦復如是。雖處生死不為生死之所惱害。是故復名不可思議。

善男子。人有三品謂上中下。

下品之人初入胎時作是念言。我今處廁眾穢歸處如死屍間。眾棘刺中大黑闇處。初出胎時復作是念。我今出廁出眾穢處。乃至出於大黑闇處。

中品之人作是念言。我今入於眾樹林中。清淨河中房室舍宅。出時亦爾。

上品之人作是念言。我陞殿堂在花林間。乘馬乘象登陟高山。出時亦爾。

菩薩摩訶薩初入胎時自知入胎。住時知住出時知出。終不生於貪瞋之心。而未得階初住地也。是故復名不可思議。

善男子。阿耨多羅三藐三菩提實不可以譬喻為比。善男子。心亦不可以方喻為比而皆可說。菩薩摩訶薩無有師諮受學之處。而能得於阿耨多羅三藐三菩提法。得是法已心無慳悋常為眾生而演說之。是故復名不可思議。

善男子。菩薩摩訶薩有身遠離非口。有口遠離非身。有非身非口而亦遠離。

身遠離者，謂離殺盜婬。是名身遠離非口。

Thiện nam tử! Như nhân nhập thủy, thủy bất năng phiêu; nhập đại mãnh hỏa, hỏa bất năng thiêu. Như thị chi sự bất khả tư nghị. Bồ Tát ma-ha-tát diệc phục như thị. Tuy xử sanh tử, bất vi sanh tử chi sở não hại. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Thiện nam tử! Nhân hữu tam phẩm: vị thượng, trung, hạ.

Hạ phẩm chi nhân, sơ nhập thai thời, tác thị niệm ngôn: Ngã kim xử xí chúng uế qui xứ, như tử thi gian, chúng cức thích trung, đại hắc ám xứ. Sơ xuất thai thời, phục tác thị niệm: Ngã kim xuất xí, xuất chúng uế xứ nãi chí xuất ư đại hắc ám xứ.

Trung phẩm chi nhân tác thị niệm ngôn: Ngã kim nhập ư chúng thọ lâm trung, thanh tịnh hà trung, phòng thất xá trạch. Xuất thời, diệc nhĩ.

Thượng phẩm chi nhân tác thị niệm ngôn: Ngã thăng điện đường, tại hoa lâm gian, thừa mã, thừa tượng, đăng trác cao sơn. Xuất thời, diệc nhĩ.

Bồ Tát ma-ha-tát, sơ nhập thai thời, tự tri nhập thai; trụ thời, tri trụ; xuất thời, tri xuất. Chung bất sanh ư tham sân chi tâm; nhi vị đắc giai sơ trụ địa dã. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Thiện nam tử! *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, thật bất khả dĩ thí dụ vi tỷ. Thiện nam tử! Tâm, diệc bất khả dĩ phương dụ vi tỷ, nhi giai khả thuyết. Bồ Tát ma-ha-tát vô hữu sư tư thọ học chi xứ, nhi năng đắc ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* pháp. Đắc thị pháp dĩ, tâm vô khan lận, thường vị chúng sanh, nhi diễn thuyết chi. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát hữu thân viễn ly, phi khẩu; hữu khẩu viễn ly, phi thân; hữu phi thân, phi khẩu, nhi diệc viễn ly.

Thân viễn ly giả, vị ly sát, đạo, dâm. Thị danh thân viễn ly, phi khẩu.

口遠離者。謂離妄語兩舌惡口無義語。是名口遠離非身。

非身非口是遠離者。所謂遠離貪嫉瞋恚邪見。善男子。是名非身非口而亦遠離。

善男子。菩薩摩訶薩。不見一法是身是業及與離主而亦有離。是故復名不可思議。

口亦如是。

善男子。從身離身從口離口從慧遠離非身非口。善男子。實有此慧不能令菩薩遠離。何以故。善男子。無有一法能壞能作。有為法性異生異滅。是故此慧不能遠離。

善男子。慧不能破火不能燒水不能爛風不能動地不能持。生不能生老不能老住不能住。壞不能壞。貪不能貪瞋不能瞋癡不能癡。以有為性異生異滅故。菩薩摩訶薩終不生念我以此慧破諸煩惱。而自說言我破煩惱。雖作是說非是虛妄。是故復名不可思議。

迦葉復言。世尊。我今始知菩薩摩訶薩不可思議。佛法眾僧大涅槃經及受持者。菩提涅槃不可思議。

世尊。無上佛法當久近住幾時而滅。

善男子。若大涅槃經乃至有是五行。所謂聖行梵行天行病行嬰兒行。若我弟子有能受持讀誦書寫

Khẩu viễn ly giả, vị ly vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, vô nghĩa ngữ. Thị danh khẩu viễn ly, phi thân.

Phi thân, phi khẩu, thị viễn ly giả, sở vị viễn ly tham, tật sân khuể, tà kiến. Thiện nam tử! Thị danh phi thân, phi khẩu, nhi diệc viễn ly.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát bất kiến nhất pháp thị thân thị nghiệp cập dữ ly chủ, nhi diệc hữu ly. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Khẩu diệc như thị.

Thiện nam tử! Tùng thân ly thân; từng khẩu ly khẩu; từng tuệ viễn ly, phi thân, phi khẩu. Thiện nam tử! Thật hữu thủ tuệ, nhiên bất năng linh Bồ Tát viễn ly. Hà dĩ cố? Thiện nam tử! Vô hữu nhất pháp năng hoại, năng tác. Hữu vi pháp tánh dị sanh, dị diệt. Thị cố thủ tuệ bất năng viễn ly.

Thiện nam tử! Tuệ bất năng phá, hỏa bất năng thiêu, thủy bất năng lan, phong bất năng động, địa bất năng trì, sanh bất năng sanh, lão bất năng lão, trụ bất năng trụ, hoại bất năng hoại, tham bất năng tham, sân bất năng sân, si bất năng si. Dĩ hữu vi tánh, dị sanh, dị diệt cố, Bồ Tát ma-ha-tát chung bất sanh niệm: Ngã dĩ thủ tuệ, phá chư phiền não. Nhi tự thuyết ngôn: Ngã phá phiền não. Tuy tác thị thuyết, phi thị hư vọng. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Ca-diếp phục ngôn: Thế Tôn! Ngã kim thủy tri Bồ Tát ma-ha-tát bất khả tư nghị. Phật, pháp, chúng tăng, Đại Niết-bàn kinh cập thọ trì giả, Bồ đề, Niết-bàn bất khả tư nghị.

Thế Tôn! Vô thượng Phật pháp, đương cửu cận trụ, kỳ thời nhi diệt?

Thiện nam tử! Nhược đại Niết-bàn kinh, nãi chí hữu thị ngữ hạnh, sở vị: Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Bệnh hạnh, Anh nhi hạnh, nhược ngã đệ tử hữu năng thọ trì, đọc

演說其義。為諸眾生之所恭敬尊重讚歎種種供養。當知爾時佛法未滅。

善男子。若大涅槃經具足流布。當爾之時。我諸弟子。多犯禁戒造作眾惡。不能敬信如是經典。以不信故不能受持讀誦書寫解說其義。不為眾人之所恭敬乃至供養。見受持者輕毀誹謗。汝是六師非佛弟子。當知佛法將滅不久。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。我親從佛聞如是義。迦葉佛法住世七日然後滅盡。

世尊。迦葉如來有是經不。如其有者。云何言滅。

如其無者。云何說言大涅槃經是諸如來祕密之藏。

佛言。善男子。我先說言惟有文殊師利乃解是義。今當重說至心諦聽。

善男子。諸佛世尊。有二種法。一者世法。二者第一義法。世法者則有壞滅。第一義法則不壞滅。

復有二種。一者無常無我無樂無淨。二者常樂我淨。無常無我無樂無淨則有壞滅。常樂我淨則無壞滅。

復有二種。一者二乘所持。二者菩薩所持。二乘所持則有壞滅。菩薩所持則不壞滅。

tụng, thơ tả, diễn thuyết kỳ nghĩa, vi chư chúng sanh chi sở cung kính, tôn trọng, tán thán, chũng chũng cúng dường, đương tri nhĩ thời Phật pháp vị diệt.

Thiện nam tử! Nhược Đại Niết-bàn kinh cụ túc lưu bố, đương nhĩ chi thời, ngã chư đệ tử, đa phạm cấm giới, tạo tác chúng ác, bất năng kính tín như thị kinh điển. Dĩ bất tín cố, bất năng thọ trì, đọc tụng, thơ tả, giải thuyết kỳ nghĩa. Bất vi chúng nhân chi sở cung kính nãi chí cúng dường. Kiến thọ trì giả, khinh hủy, phỉ báng: Nhữ thị Lục sư, phi Phật đệ tử. Đương tri Phật pháp tương diệt bất cứu.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã thân tùng Phật văn như thị nghĩa: Ca-diếp Phật pháp trụ thế thất nhật, nhiên hậu diệt tận.

Thế Tôn! Ca-diếp Như Lai hữu thị kinh phủ? Như kỳ hữu giả, vân hà ngôn diệt?

Như kỳ vô giả, vân hà thuyết ngôn đại Niết-bàn kinh thị chư Như Lai bí mật chi tạng?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Ngã tiên thuyết ngôn, duy hữu Văn-thù-sư-lợi nãi giải thị nghĩa! Kim đương trùng thuyết. Chí tâm đế thỉnh.

Thiện nam tử! Chư Phật Thế Tôn hữu nhị chũng pháp: nhất giả thế pháp, nhị giả đệ nhất nghĩa pháp. Thế pháp giả tác hữu hoại diệt. Đệ nhất nghĩa pháp tác bất hoại diệt.

Phục hữu nhị chũng: nhất giả vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh; nhị giả thường, lạc, ngã, tịnh. Vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh tác hữu hoại diệt. Thường, lạc, ngã, tịnh tác vô hoại diệt.

Phục hữu nhị chũng: nhất giả nhị thừa sở trì, nhị giả Bồ Tát sở trì. Nhị thừa sở trì tác hữu hoại diệt. Bồ Tát sở trì tác bất hoại diệt.

復有二種。一者外。二者內。外法者則有壞滅。內法者則無壞滅。

復有二種。一者有為二者無為。有為之法則有壞滅。無為之法無有壞滅。

復有二種。一者可得。二者不可得。可得之法則有壞滅。不可得者無有壞滅。

復有二種。一者共法。二者不共法。共法壞滅。不共之法無有壞滅。

復有二種。一者人中二者天中。人中壞滅天無壞滅。

復有二種。一者十一部經。二者方等經。十一部經則有壞滅。方等經典無有壞滅。

善男子。若我弟子受持讀誦書寫解說方等經典。恭敬供養尊重讚歎。當知爾時佛法不滅。

善男子。汝向所問迦葉如來有是經不者。善男子。大涅槃經悉是一切諸佛祕藏。何以故。諸佛雖有十一部經不說佛性。不說如來常樂我淨。諸佛世尊永不畢竟入於涅槃。是故此經名為如來祕藏之藏。十一部經所不說故名為藏。

如人七寶不出外用名之為藏。善男子。是人所以藏積此物為未來事故。何等未來事。所謂穀貴賊來侵國。值遇惡王為用贖命。道路澀難，財難得時乃當出用。

Phục hữu nhị chủng: nhất giả ngoại, nhị giả nội. Ngoại pháp giả tắc hữu hoại diệt. Nội pháp giả tắc vô hoại diệt.

Phục hữu nhị chủng: nhất giả hữu vi, nhị giả vô vi. Hữu vi chi pháp tắc hữu hoại diệt. Vô vi chi pháp vô hữu hoại diệt.

Phục hữu nhị chủng: nhất giả khả đắc, nhị giả bất khả đắc. Khả đắc chi pháp, tắc hữu hoại diệt. Bất khả đắc giả vô hữu hoại diệt.

Phục hữu nhị chủng: nhất giả cộng pháp, nhị giả bất cộng pháp. Cộng pháp hoại diệt. Bất cộng chi pháp vô hữu hoại diệt.

Phục hữu nhị chủng: nhất giả nhân trung, nhị giả thiên trung. Nhân trung hoại diệt. Thiên vô hoại diệt.

Phục hữu nhị chủng: nhất giả thập nhất bộ kinh, nhị giả Phương đẳng kinh. Thập nhất bộ kinh tắc hữu hoại diệt. Phương đẳng kinh điển vô hữu hoại diệt.

Thiện nam tử! Nhược ngã đệ tử thọ trì, đọc tụng, thơ tả, giải thuyết phương đẳng kinh điển, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, đương tri nhĩ thời Phật pháp bất diệt.

Thiện nam tử! Nhữ hướng sở vấn: *Ca-diếp* Như Lai hữu thị kinh phủ giả. Thiện nam tử! Đại *Niết-bàn* kinh tất thị nhất thiết chư Phật bí tạng. Hà dĩ cố? Chư Phật tuy hữu thập nhất bộ kinh, bất thuyết Phật tánh, bất thuyết Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh, chư Phật Thế Tôn vĩnh bất tất cánh nhập ư *Niết-bàn*. Thị cố thủ kinh danh vi Như Lai bí mật chi tạng. Thập nhất bộ kinh sở bất thuyết cố, cố danh vi tạng.

Như nhân thất bảo, bất xuất ngoại dụng, danh chi vi tạng. Thiện nam tử! Thị nhân sở dĩ tàng tích thủ vật, vị vị lai sự cố. Hà đẳng vị lai sự? Sở vị cốc quý; tặc lai xâm quốc, trị ngộ ác vương, vị dụng thực mạng. Đạo lộ sấp nan, tài nan đắc thời, nãi đương xuất dụng.

善男子。諸佛如來祕密之藏亦復如是。為未來世。諸惡比丘畜不淨物。為四眾說如來畢竟入於涅槃。讀誦世典不敬佛經。如是等惡現於世時。如來為欲滅是諸惡令得遠離邪命利養。如來則為演說是經。若是經典祕密之藏滅不現時。當知爾時佛法則滅。

善男子。大涅槃經常不變易。云何難言迦葉佛時有是經不。善男子。迦葉佛時所有眾生貪欲微薄智慧滋多。諸菩薩摩訶薩等調柔易化。有大威德總持不忘如大象王世界清淨。一切眾生悉知如來終不畢竟入於涅槃常住不變。雖有是典不須演說。

善男子。今世眾生多諸煩惱愚癡喜怒無有智慧。多諸疑網信根不立世界不淨。一切眾生咸謂如來無常遷變畢竟入於大般涅槃。是故如來演說是經。

善男子。迦葉佛法實亦不滅。何以故。常不變故。

善男子。若有眾生我見無我無我見我。常見無常無常見常。樂見無樂無樂見樂。淨見不淨不淨見淨。滅見不滅不滅見滅。罪見非罪非罪見罪。輕罪見重重罪見輕。乘見非乘非乘見乘。道見非道非道見道。實是菩提見非菩提。實非菩提謬見菩提。苦見非苦集見非集。滅見非滅實見非實。實是世諦見

Thiện nam tử! Chư Phật Như Lai bí mật chi tạng diệc phục như thị; vị vị lai thế chư ác *tỳ-kheo* súc bất tịnh vật; vị tứ chúng thuyết Như Lai tất cánh nhập ư *Niết-bàn*, độc tụng thế điển, bất kính Phật kinh. Như thị đẳng ác hiện ư thế thời, Như Lai vị dục diệt thị chư ác, linh đắc viễn ly tà mạng lợi dưỡng, Như Lai tác vị điển thuyết thị kinh. Nhược thị kinh điển bí mật chi tạng diết bất hiện thời, đương tri nhĩ thời Phật pháp tắc diết.

Thiện nam tử! Đại *Niết-bàn* kinh thường bất biến dị. Vân hà nạn ngôn *Ca-diếp* Phật thời, hữu thị kinh phủ? Thiện nam tử! *Ca-diếp* Phật thời, sở hữu chúng sanh, tham dục vi bạc, trí tuệ tư đa; chư Bồ Tát ma-ha-tát đẳng điều nhu dị hóa, hữu đại oai đức, tổng trì bất vong, như đại tượng vương, thế giới thanh tịnh. Nhất thiết chúng sanh tất tri: Như Lai chung bất tất cánh nhập ư *Niết-bàn*, thường trụ bất biến; tuy hữu thị điển, bất tu điển thuyết.

Thiện nam tử! Kim thế, chúng sanh đa chư phiền não, ngu si hỷ nộ, vô hữu trí tuệ, đa chư nghi vọng, tín căn bất lập, thế giới bất tịnh. Nhất thiết chúng sanh hàm vị Như Lai vô thường thiên biến, tất cánh nhập ư Đại Bát Niết-bàn. Thị cố Như Lai điển thuyết thị kinh.

Thiện nam tử! *Ca-diếp* Phật pháp, thật diệc bất diết. Hà dĩ cố? Thường bất biến cố.

Thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh, ngã kiến vô ngã, vô ngã kiến ngã, thường kiến vô thường, vô thường kiến thường, lạc kiến vô lạc, vô lạc kiến lạc, tịnh kiến bất tịnh, bất tịnh kiến tịnh, diết kiến bất diết, bất diết kiến diết, tội kiến phi tội, phi tội kiến tội, khinh tội kiến trọng, trọng tội kiến khinh, thừa kiến phi thừa, phi thừa kiến thừa, đạo kiến phi đạo, phi đạo kiến đạo, thật thị *Bồ-đề*, kiến phi *Bồ-đề*, thật phi *Bồ-đề*, mậu kiến *Bồ-đề*; khổ kiến phi khổ, tập kiến phi tập, diết kiến phi diết, thật kiến phi thật; thật thị Thế đế, kiến *Đệ nhất nghĩa*

第一義諦第一義諦見是世諦。歸見非歸非歸見歸。以真佛語名為魔語。實是魔語以為佛語。如是之時諸佛乃說大涅槃經。

善男子。寧說蚊嘴盡大海底。不可說言如來法滅。寧言以索繫縛猛風。不可說言如來法滅。寧說口吹須彌散壞。不可說言如來法滅。寧言佉陀羅火中生於蓮花。不可說言如來法滅。寧說阿伽陀藥而為毒藥不可說言如來法滅。寧說月可令熱日可令冷不可說言如來法滅。寧說四大各捨己性。不可說言如來法滅。

善男子若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。未有弟子解甚深義。彼佛世尊便涅槃者。當知是法不久住世。

復次善男子。若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。有諸弟子解甚深義。佛雖涅槃。當知是法久住於世。

復次善男子。若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。雖有弟子解甚深義。無有篤信白衣檀越敬重佛法。佛便涅槃。當知是法不久住世。

復次善男子。若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。有諸弟子解甚深義多有篤信白衣檀越敬重佛法。佛雖涅槃。當知是法久住於世。

đế; Đệ nhất nghĩa đế, kiến thị Thế đế, qui kiến phi qui, phi qui kiến qui, dĩ chân Phật ngữ, danh vi ma ngữ; thật thị ma ngữ, dĩ vi Phật ngữ. Như thị chi thời, chư Phật nãi thuyết Đại Niết-bàn kinh.

Thiện nam tử! Ninh thuyết văn chủ tận đại hải đế; bất khả thuyết ngôn Như Lai pháp diệt. Ninh ngôn dĩ sách hệ phục mãnh phong; bất khả thuyết ngôn Như Lai pháp diệt. Ninh thuyết khẩu xuy Tu-di tán hoại; bất khả thuyết ngôn Như Lai pháp diệt. Ninh ngôn khư-đà-la hỏa trung, sanh ư liên hoa; bất khả thuyết ngôn Như Lai pháp diệt. Ninh thuyết A-già-đà dược nhi vi độc dược; bất khả thuyết ngôn Như Lai pháp diệt. Ninh thuyết nguyệt khả linh nhiệt, nhật khả linh lãnh; bất khả thuyết ngôn Như Lai pháp diệt. Ninh thuyết tứ đại các xả kỷ tánh, bất khả thuyết ngôn Như Lai pháp diệt.

Thiện nam tử! Nhược Phật sơ xuất, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề dĩ, vị hữu đệ tử giải thậm thâm nghĩa. Bỉ Phật Thế Tôn tiện Niết-bàn giả, đương tri thị pháp bất cử trụ thế.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Phật sơ xuất, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề dĩ, hữu chư đệ tử giải thậm thâm nghĩa. Phật tuy Niết-bàn đương tri thị pháp cử trụ ư thế.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Phật sơ xuất, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề dĩ, tuy hữu đệ tử giải thậm thâm nghĩa, vô hữu đốc tín bạch y đàn việt kính trọng Phật pháp. Phật tiện Niết-bàn, đương tri thị pháp bất cử trụ thế.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Phật sơ xuất, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề dĩ, hữu chư đệ tử giải thậm thâm nghĩa, đa hữu đốc tín bạch y đàn việt kính trọng Phật pháp. Phật tuy Niết-bàn, đương tri thị pháp cử trụ ư thế.

復次善男子。若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。有諸弟子解甚深義。雖有篤信白衣檀越敬重佛法。而諸弟子演說經法貪為利養。不為涅槃。佛復滅度。當知是法不久住世。

復次善男子。若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。有諸弟子解甚深義。復有篤信白衣檀越敬重佛法。彼諸弟子凡所演說不貪利養為求涅槃。佛雖滅度。當知是法久住於世。

復次善男子。若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。雖有弟子解甚深義。復有篤信白衣檀越敬重佛法。而諸弟子多起諍訟互相是非。佛復涅槃。當知是法不久住世。

復次善男子。若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。有諸弟子解甚深義。復有篤信白衣檀越敬重佛法。彼諸弟子修和敬法不相是非互相尊重。佛雖涅槃。當知是法久住不滅。

復次善男子。若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。雖有弟子解甚深義。復有篤信白衣檀越敬重佛法。彼諸弟子為大涅槃而演說法互相恭敬不起諍訟。然畜一切不淨之物。復自讚言我得須陀洹果乃至阿羅漢果。佛復涅槃。當知。是法不久住世。

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Phật sơ xuất, đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, hữu chư đệ tử giải thậm thâm nghĩa. Tuy hữu đốc tín bạch y đàn việt kính trọng Phật pháp, nhi chư đệ tử, diễn thuyết kinh pháp, tham vị lợi dưỡng, bất vị *Niết-bàn*. Phật phục diệt độ, đương tri thị pháp bất cử trụ thế.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Phật sơ xuất, đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, hữu chư đệ tử giải thậm thâm nghĩa, phục hữu đốc tín bạch y đàn việt kính trọng Phật pháp. Bĩ chư đệ tử, phạm sở diễn thuyết, bất tham lợi dưỡng, vị cầu *Niết-bàn*. Phật tuy diệt độ, đương tri thị pháp cử trụ ư thế.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Phật sơ xuất, đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, tuy hữu đệ tử giải thậm thâm nghĩa, phục hữu đốc tín bạch y đàn việt kính trọng Phật pháp. Nhi chư đệ tử đa khởi tránh tụng, hổ tương thị phi. Phật phục *Niết-bàn*, đương tri thị pháp bất cử trụ thế.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Phật sơ xuất, đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, hữu chư đệ tử giải thậm thâm nghĩa, phục hữu đốc tín bạch y đàn việt kính trọng Phật pháp. Bĩ chư đệ tử tu hòa kính pháp, bất tương thị phi, hổ tương tôn trọng. Phật tuy *Niết-bàn*, đương tri thị pháp cử trụ bất diệt.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Phật sơ xuất, đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, tuy hữu đệ tử giải thậm thâm nghĩa, phục hữu đốc tín bạch y đàn việt kính trọng Phật pháp. Bĩ chư đệ tử, vị đại *Niết-bàn*, nhi diễn thuyết pháp; hổ tương cung kính, bất khởi tránh tụng. Nhiên súc nhất thiết bất tịnh chi vật, phục tự tán ngôn: Ngã đắc *Tu-đà-hoàn* quả..., nãi chí *A-la-hán* quả. Phật phục *Niết-bàn*, đương tri thị pháp bất cử trụ thế.

復次善男子。若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。有諸弟子解甚深義。復有篤信白衣檀越敬重佛法。彼諸弟子為大涅槃演說經法。善修和敬互相尊重。不畜一切不淨之物。亦不自言得須陀洹乃至得阿羅漢。彼佛世尊雖復滅度。當知是法久住於世。

復次善男子。若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。有諸弟子。乃至不畜不淨之物。又不自言得須陀洹乃至阿羅漢。各執所見種種異說而作是言。長老。諸佛所制四重之法。乃至七滅諍法。為眾生故或遮或開。十二部經亦復如是。何以故。佛知國土時節各異眾生不同利鈍差別。是故如來或遮或開有輕重說。善男子。譬如良醫為病服乳，為病遮乳。熱病聽服冷病則遮。如來亦爾。觀諸眾生煩惱病根亦開亦遮。長老。我親從佛聞如是義。惟我知義汝不能知。惟我解律汝不能解。我知諸經汝不能知。彼佛復滅。當知是法不久住世。

復次善男子。若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。有諸弟子乃至不言我得須陀洹果至阿羅漢。亦不說言諸佛世尊為眾生故或遮或開。長老。我親從佛聞如是義如是法如是律。長老。當依如來十二部經。此義若是我當受持。如其非者我當棄捨。彼佛世尊雖復涅槃。當知是法久住於世。

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Phật sơ xuất, đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, hữu chư đệ tử giải thậm thâm nghĩa, đốc tín bạch y đàn việt kính trọng Phật pháp. Bĩ chư đệ tử, vị đại *Niết-bàn*, diễn thuyết kinh pháp, thiện tu hòa kính, hỗ tương tôn trọng. Bất súc nhất thiết bất tịnh chi vật, diệc bất tỵ ngôn đắc *Tu-đà-hoàn*..., nãi chí đắc *A-la-hán*. Bĩ Phật Thế Tôn tuy phục diệt độ, đương tri thị pháp cứu trụ ưu thế.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Phật sơ xuất, đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, hữu chư đệ tử... nãi chí... bất súc bất tịnh chi vật, hựu bất tỵ ngôn đắc *Tu-đà-hoàn*... chí *A-la-hán*. Các chấp sở kiến, chủng chủng dị thuyết, nhi tác thị ngôn: Trưởng lão! Chư Phật sở chế, tứ trọng chi pháp nãi chí thất diệt tránh pháp, vị chúng sanh cố, hoặc già, hoặc khai. Thập nhị bộ kinh, diệc phục như thị. Hà dĩ cố? Phật tri quốc độ thời tiết các dị, chúng sanh bất đồng: lợi độn sai biệt. Thị cố Như Lai hoặc già hoặc khai, hữu khinh trọng thuyết. Thiện nam tử! Thí như lương y, vị bệnh phục nhũ, vị bệnh già nhũ: nhiệt bệnh thính phục lãnh bệnh tắc già. Như Lai diệc nhĩ, quán chư chúng sanh phiền não bệnh căn, diệc khai diệc già. Trưởng lão! Ngã thân tùng Phật, văn như thị nghĩa. Duy ngã tri nghĩa, nhữ bất năng tri. Duy ngã giải luật, nhữ bất năng giải. Ngã tri chư kinh, nhữ bất năng tri. Bĩ Phật phục diệt, đương tri thị pháp bất cứu trụ thế.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Phật sơ xuất, đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* dĩ, hữu chư đệ tử... nãi chí bất ngôn: Ngã đắc *Tu-đà-hoàn* quả... chí *A-la-hán*. Diệc bất thuyết ngôn: Chư Phật Thế Tôn... vị chúng sanh cố, hoặc già, hoặc khai. Trưởng lão! Ngã thân tùng Phật, văn như thị nghĩa, như thị pháp, như thị luật. Trưởng lão! Đương y Như Lai thập nhị bộ kinh. Thủ nghĩa nhược thị, ngã đương thọ trì. Như kỳ phi giả, ngã đương khí xả. Bĩ Phật Thế Tôn tuy phục *Niết-bàn*, đương tri thị pháp cứu trụ ưu thế.

善男子。我法滅時有聲聞弟子。或說有神或說神空。或說有中陰或說無中陰。或說有三世或說無三世。或說有三乘或說無三乘。或言一切有或言一切無或言眾生有始有終。或言眾生無始無終。或言十二因緣是有為法。或言因緣是無為法。或言如來有病苦行。或言如來無病苦行。或言如來不聽比丘食十種肉。何等為十。人蛇象馬驢狗師子豬狐獼猴其餘悉聽。或言一切不聽。或言比丘不作五事。何等為五。不賣生口, 刀, 酒, 酪沙胡麻油等。其餘悉聽。或言不聽入五種舍。何等為五。屠兒婬女酒家王宮旃陀羅舍。餘舍悉聽。或言不聽著僑奢耶衣。餘一切聽。或言如來聽諸比丘受畜衣食臥具。其價各直十萬兩金。或言不聽。或言涅槃常樂我淨。或言涅槃直是結盡。更無別法名為涅槃。譬如織縷名之為衣。衣既壞已名之無衣。實無別法名無衣也。涅槃之體亦復如是。

善男子。當爾之時我諸弟子。正說者少邪說者多。受正法少受邪法多。受佛語少受魔語多。

善男子。爾時拘睺彌國有二弟子。一者羅漢。二者破戒。破戒徒眾凡有五百。羅漢徒眾其數一百。破戒者說。如來畢竟入於涅槃。我親從佛聞如

Thiện nam tử! Ngã pháp diệt thời, hữu Thanh văn đệ tử hoặc thuyết hữu thân, hoặc thuyết thân không; hoặc thuyết hữu trung ấm, hoặc thuyết vô trung ấm; hoặc thuyết hữu tam thế, hoặc thuyết vô tam thế, hoặc thuyết hữu tam thừa, hoặc thuyết vô tam thừa; hoặc ngôn nhất thiết hữu, hoặc ngôn nhất thiết vô; hoặc ngôn chúng sanh hữu thủy hữu chung, hoặc ngôn chúng sanh vô thủy vô chung; hoặc ngôn thập nhị nhân duyên thị hữu vi pháp, hoặc ngôn nhân duyên thị vô vi pháp; hoặc ngôn Như Lai hữu bệnh khổ hạnh, hoặc ngôn Như Lai vô bệnh khổ hạnh; hoặc ngôn Như Lai bất thính *tỳ-kheo* thực thập chủng nhục. Hà đẳng vi thập? Nhân, xà, tượng, mã, lư, cầu, sư tử, trư, hồ, di hâu. Kỳ dư tất thính. Hoặc ngôn nhất thiết bất thính. Hoặc ngôn *tỳ-kheo* bất tác ngũ sự. Hà đẳng vi ngũ? Bất mại sanh khẩu, đao, tửu, lạc sa, hồ ma du đẳng. Kỳ dư tất thính. Hoặc ngôn bất thính nhập ngũ chủng xá. Hà đẳng vi ngũ? Đồ nhi, dâm nữ, tửu gia, vương cung, chiền-đà-la xá. Dư xá tất thính. Hoặc ngôn bất thính trước *kiêu-xa-da* y. Dư nhất thiết thính. Hoặc ngôn Như Lai thính chư *tỳ-kheo* thọ súc y, thực, ngọa cụ, kỳ giá các trị thập vạn lượng kim; hoặc ngôn bất thính. Hoặc ngôn *Niết-bàn* thường, lạc, ngã, tịnh; hoặc ngôn *Niết-bàn* trực thị kết tận, cánh vô biệt pháp, danh vi *Niết-bàn*. Thí như chúc lữ, danh chi vi y; y ký hoại dĩ, danh vi vô y. Thật vô biệt pháp, danh vô y dã. *Niết-bàn* chi thể diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Đương nhĩ chi thời, ngã chư đệ tử chánh thuyết giả thiểu, tà thuyết giả đa; thọ Chánh Pháp thiểu, thọ tà pháp đa; thọ Phật ngữ thiểu, thọ ma ngữ đa.

Thiện nam tử! Nhĩ thời *Câu-thiểm-di* quốc, hữu nhị đệ tử: nhất giả La-hán, nhị giả phá giới. Phá giới đồ chúng, phạm hữu ngũ bá; La-hán đồ chúng, kỳ số nhất bá. Phá giới giả thuyết: Như Lai tất cánh nhập ư *Niết-bàn*. Ngã thân tòng

是義。如來所制四重之法。若持亦可犯亦無罪。我今亦得阿羅漢果四無礙智。而阿羅漢亦犯。如是四重之法。四重之法若是實罪。阿羅漢者終不應犯。如來在世制言堅持。臨涅槃時皆悉放捨。

時阿羅漢比丘言。長老。汝不應說如來畢竟入於涅槃。我知如來常不變易。如來在世及涅槃後犯四重禁罪無差別。若言羅漢犯四重禁。是義不然。何以故。須陀洹人尚不犯禁。況阿羅漢。若長老言。我是羅漢。阿羅漢者終不生想我得羅漢。阿羅漢者惟說善法不說不善。長老所說純是非法。若有得見十二部經。定知長老非阿羅漢。

善男子。爾時破戒比丘徒眾。即共斷是阿羅漢命。善男子。是時魔王因是二眾忿恚之心。悉共害是六百比丘。爾時凡夫各共說言。哀哉佛法於是滅盡。而我正法實不滅也。

爾時其國有十二萬諸大菩薩善持我法。云何當言我法滅耶。當于爾時。閻浮提內無一比丘為我弟子。爾時波旬悉以大火焚燒一切所有經典。其中或有遺餘在者。諸婆羅門即共偷取處處採拾安置己典。以是義故。諸小菩薩佛未出時率共信受婆羅門語。諸婆羅門雖作是說。我有齋戒而諸外道真實無也。諸外道等雖

Phật vẫn như thị nghĩa. Như Lai sở chế tứ trọng chi pháp; nhược trì diệc khả, phạm diệc vô tội. Ngã kim diệc đắc *A-la-hán* quả, tứ vô ngại trí. Nhi *A-la-hán* diệc phạm như thị tứ trọng chi pháp. Tứ trọng chi pháp nhược thị thật tội, *A-la-hán* giả chung bất ứng phạm. Như Lai tại thế, chế ngôn kiên trì; lâm *Niết-bàn* thời, tất giai phóng xả.

Thời *A-la-hán tỳ-kheo* ngôn: Trưởng lão! Nhữ bất ứng thuyết Như Lai tất cánh nhập ư *Niết-bàn*. Ngã tri Như Lai thường bất biến dị. Như Lai tại thế cập *Niết-bàn* hậu, phạm tứ trọng cấm, tội vô sai biệt. Nhược ngôn *La-hán* phạm tứ trọng cấm, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? *Tu-đà-hoàn* nhân thượng bất phạm cấm, hướng *A-la-hán*? Nhược trưởng lão ngôn: Ngã thị *La-hán*, *A-la-hán* giả chung bất sanh tưởng: Ngã đắc *La-hán*. *A-la-hán* giả duy thuyết thiện pháp, bất thuyết bất thiện. Trưởng lão sở thuyết thuần thị phi pháp. Nhược hữu đắc kiến thập nhị bộ kinh, định tri trưởng lão phi *A-la-hán*.

Thiện nam tử! Nhĩ thời phá giới *tỳ-kheo* đồ chúng tức cộng đoạn thị *A-la-hán* mạng. Thiện nam tử! Thị thời Ma vương nhân thị nhị chúng phần nhuế chi tâm, tất cộng hại thị lục bá *tỳ-kheo*. Nhĩ thời, phạm phu các cộng thuyết ngôn: Ai tai Phật pháp! Ư thị diệt tận. Nhi ngã Chánh Pháp thật bất diệt dã.

Nhĩ thời, kỳ quốc hữu thập nhị vạn chư Đại Bồ Tát thiện trì ngã pháp. Vân hà đương ngôn ngã pháp diệt dã? Đương vu nhĩ thời, *Diêm-phù-đề* nội, vô nhất *tỳ-kheo* vi ngã đệ tử. Nhĩ thời, *Ba-tuần* tất dĩ đại hỏa phần thiêu nhất thiết sở hữu kinh điển. Kỳ trung hoặc hữu di dư tại giả, chư *bà-la-môn* tức cộng du thủ, xú xú thái thập, an trí kỹ điển! Dĩ thị nghĩa cố, chư tiểu Bồ Tát, Phật vị xuất thời, suất cộng tín thọ *bà-la-môn* ngữ. Chư *bà-la-môn* tuy tác thị thuyết: ngã hữu trai giới, nhi chư ngoại đạo chân thật vô dã. Chư ngoại đạo đẳng tuy phục

復說言有我樂淨。而實不解我樂淨義。直以佛法一字二字一句二句。說言我典有如是義。

爾時拘尸那城娑羅雙樹間。無量無邊阿僧祇眾聞是語已。悉共唱言。世間空虛世間空虛。

迦葉菩薩告諸大眾。汝等且莫憂愁啼哭。世間不空如來常住無有變易。法僧亦爾。

爾時大眾。聞是語已啼哭即止。悉發阿耨多羅三藐三菩提心。

大般涅槃經卷第十八 終

thuyết ngôn: hữu ngã, lạc, tịnh; nhi thật bất giải ngã, lạc, tịnh nghĩa. Trục dĩ Phật pháp nhất tự, nhị tự, nhất cú, nhị cú, thuyết ngôn: Ngã điển hữu như thị nghĩa!

Nhĩ thời, *Câu-thi-na* thành, *Sa-la* song thọ gian, vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* chúng, văn thị ngữ dĩ, tất cộng xướng ngôn: Thế gian không hư! Thế gian không hư!

Ca-diếp Bồ Tát cáo chư đại chúng: Nhữ đẳng thả mặc ưu sầu đê khốc. Thế gian bất không. Như Lai thường trụ, vô hữu biến dị. Pháp, Tăng diệc nhĩ.

Nhĩ thời, đại chúng văn thị ngữ dĩ, đê khốc tức chỉ. Tất phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm.

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ thập bát Chung

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN MƯỜI TÁM

PHẨM HẠNH THANH TỊNH

Phẩm thứ tám - Phần bốn

Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào là chỗ mà thế gian không thấy, không biết, không hiểu rõ nhưng chính là chỗ *Bồ Tát* thấy, biết, hiểu rõ? Đó là nói sáu niệm xứ. Những gì là sáu? Đó là: *niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí và niệm cõi trời*.

“Thiện nam tử! Thế nào là *niệm Phật*? Như *Lai, Ứng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn*⁽¹⁾ thường không biến đổi, có đủ *Mười sức, Bốn đức chẳng sợ, Đại Sư tử hống*, gọi là bậc Đại Samôn, Đại Bà-la-môn, Đại tịnh, rất ráo đến bờ bên kia, không ai có thể vượt hơn được. Ngài có *vô kiến đỉnh*,⁽²⁾ không có sự sợ sệt, không bị kinh động, duy nhất không ai sánh cùng, tự mình giác ngộ không thầy dạy, có trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ lớn, trí tuệ sắc bén, trí tuệ sâu xa, trí tuệ giải thoát, trí tuệ không chung cùng,⁽³⁾ trí tuệ rộng khắp, trí tuệ rất ráo, trí tuệ như vật báu thành tựu. Giữa loài người, ngài là voi chúa, trâu chúa, rồng chúa, là bậc trượng phu, là hoa sen, hoa *phân-đà-ly*.⁽⁴⁾ Ngài là bậc thầy dẫn dắt người đời, là vị đại thí chủ, là bậc thầy dạy Đại pháp. Vì ngài rõ biết pháp, rõ biết nghĩa, rõ

biết thời cơ, biết đủ, biết tự ngã, biết đại chúng, rõ biết đủ mọi tâm tánh của chúng sanh, rõ biết căn cơ lanh lợi, chậm lụt hoặc trung bình, thuyết giảng pháp trung đạo, nên được tôn xưng là Đại Pháp sư.

“Sao gọi là Như Lai? Như những điều mà chư Phật quá khứ đã thuyết giảng là không biến đổi. Thế nào là không biến đổi? Chư Phật quá khứ vì hóa độ chúng sanh nên thuyết giảng Mười hai bộ kinh. Như Lai cũng thế, nên gọi là Như Lai.

“Chư Phật Thế Tôn do nơi *sáu pháp ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, mười một pháp không* mà tiến đến Đại Niết-bàn. Như Lai cũng thế, nên xưng hiệu Phật là Như Lai.

“Chư Phật Thế Tôn vì chúng sanh nên tùy nghi phương tiện khai mở, chỉ bày Ba thừa, đời sống kéo dài vô lượng, không thể tính kể. Như Lai cũng thế, nên xưng hiệu Phật là Như Lai.

“Sao gọi là Ứng? Các pháp thế gian đều là thù oán. Đức Phật ứng hiện phá hoại các pháp ấy, nên gọi là *ứng*. Bốn ma là kẻ thù của Bồ Tát. Chư Phật Như Lai trong khi còn tu hạnh Bồ Tát có thể dùng trí tuệ mà phá trừ bốn ma, cho nên gọi là *ứng*. Lại nữa, *ứng* gọi là lìa xa. Trong khi tu hạnh Bồ Tát nên lìa xa vô lượng phiền não, nên gọi là *ứng*. Lại nữa, *ứng* gọi là vui. Chư Phật quá khứ trong khi tu hạnh Bồ Tát, tuy trải qua vô số kiếp vì chúng sanh chịu các khổ não nhưng không lúc nào không vui, vẫn thường được vui. Như Lai cũng thế, nên gọi là *ứng*.

“Lại nữa, hết thảy người và chư thiên thường nên dùng mọi thứ hương hoa, vòng chuỗi, cờ phướn, kỹ nhạc mà [dâng lên] cúng dường [Phật], nên gọi là ứng [cúng].

“Sao gọi là Chánh biến tri? *Chánh* gọi là không điên đảo. *Biến tri* là đối với bốn pháp điên đảo không có chỗ nào không thông đạt. Lại nữa, *chánh* gọi là khổ hạnh, *biến tri* là biết rằng nhân nơi việc khổ hạnh quyết định phải có quả khổ.

“Lại nữa, *chánh* gọi là ở trong thế gian, *biến tri* là cuối cùng biết chắc được việc tu tập pháp trung đạo, đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Lại nữa, *chánh* gọi là có thể tính đếm, đo lường, so sánh. *Biến tri* là không thể tính đếm, đo lường, so sánh. Cho nên xưng hiệu Phật là *Chánh biến tri*.

“Thiện nam tử! Thanh văn, Duyên giác cũng có *biến tri* mà cũng không có *biến tri*. Vì sao vậy? *Biến tri* đó, gọi là *năm ấm*, *mười hai nhập*, *mười tám giới*; Thanh văn, Duyên giác cũng được rõ biết tất cả nên gọi là *biến tri*.

“Thế nào là *không biến tri*? *Thiện nam tử!* Giả sử người trong Hai thừa⁽⁵⁾ trải qua vô lượng kiếp chỉ quán riêng một *sắc ấm*⁽⁶⁾ cũng không thể rõ biết tường tận. Vì nghĩa ấy nên Thanh văn và Duyên giác không có *biến tri*.

“Sao gọi là Minh hạnh túc? *Minh* gọi là được quả lành vô lượng. *Hạnh* gọi là chân đi. Quả lành đó là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Chân đi đó là giới và tuệ. Nhờ nơi giới và tuệ là chân đi mà đạt đến A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì thế gọi là *Minh hạnh túc*.

“Lại nữa, *minh* gọi là chú, *hạnh* gọi là tốt lành, *túc* gọi là quả. *Thiện nam tử!* Đó gọi là nghĩa thế gian. Chú gọi là giải thoát. Tốt lành gọi là A-nậu-đa-la Tam-miệu

Tam-bồ-đề. Quả gọi là Đại Bát Niết-bàn. Vì thế gọi là *Minh hạnh túc*.

“Lại nữa, *minh* gọi là ánh sáng, *hạnh* gọi là nghiệp, *túc* gọi là quả. *Thiện nam tử!* Đó gọi là nghĩa thế gian. Ánh sáng gọi là không buông thả phóng túng, lười nhác. Nghiệp gọi là sáu pháp ba-la-mật. Quả gọi là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Lại nữa, *minh* gọi là ba sự sáng suốt. Một là sự sáng suốt của Bồ Tát, hai là sự sáng suốt của chư Phật, ba là sự sáng suốt của vô minh. Sự sáng suốt của Bồ Tát là Bát-nhã Ba-la-mật. Sự sáng suốt của chư Phật là Phật nhãn. Sự sáng suốt của vô minh là rốt cùng hết thảy đều là không. *Hạnh* là trong vô lượng kiếp vì chúng sanh mà tu các nghiệp lành. *Túc* là thấy rõ tánh Phật. Vì nghĩa ấy nên gọi là *Minh hạnh túc*.

“Sao gọi là Thiện thế? *Thiện* gọi là cao, *thế* gọi là không cao. *Thiện nam tử!* Đó gọi là nghĩa thế gian. Cao, đó là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Không cao, đó là tâm Như Lai. *Thiện nam tử!* Nếu tâm là cao thì chẳng gọi là Như Lai. Vì thế nên tôn xưng Như Lai là *Thiện thế*.

“Lại nữa, *thiện* gọi là thiện tri thức, *thế* là quả của thiện tri thức. *Thiện nam tử!* Đó gọi là nghĩa thế gian. *Thiện tri thức* là người mới phát tâm. Quả *túc* là Đại Bát Niết-bàn. Như Lai không bỏ chỗ phát tâm từ lúc ban đầu, đạt được Đại Niết-bàn. Vì thế nên tôn xưng Như Lai là *Thiện thế*.

“Lại nữa, *thiện* là tốt đẹp, *thế* là có. *Thiện nam tử!* Đó gọi là nghĩa thế gian. Tốt đẹp là thấy được tánh Phật. Có, gọi là Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Tánh của Niết-bàn vốn thật là không có, Chư Phật Thế Tôn nhân nơi thế gian mà nói rằng có. Thiện nam tử! Ví như người thế gian thật không có con mà nói là có; thật không có đạo mà nói là có. Niết-bàn cũng vậy, nhân nơi thế gian mà nói là có. Chư Phật Thế Tôn thành tựu Đại Niết-bàn nên tôn xưng là Thiện thế.

“Thiện nam tử! Vì sao gọi là Thế gian giải? Thiện nam tử! Thế gian đó là năm ấm, giải là rõ biết. Chư Phật Thế Tôn rõ biết năm ấm nên gọi là thế gian giải.

“Lại nữa, *thế gian* gọi là *năm món dục*, *giải* gọi là không vướng mắc. Vì không vướng mắc vào năm món dục nên gọi là *thế gian giải*.

“Lại nữa, *thế gian giải* là nói vô lượng vô số thế giới về phương đông mà hết thấy Thanh văn, Duyên giác đều không thấy, không biết, không hiểu rõ, nhưng chư Phật thấy, biết, hiểu rõ tất cả. Về các phương nam, tây, bắc và bốn phương phụ,⁽⁷⁾ phương trên, phương dưới⁽⁸⁾ cũng đều như vậy. Vì thế nên xưng hiệu Phật là *Thế gian giải*.

“Lại nữa, *thế gian* là hết thấy phàm phu, *giải* là rõ biết nhân quả thiện ác của phàm phu. Đó không phải là chỗ biết của Thanh văn, Duyên giác, chỉ Phật mới có thể rõ biết. Vì thế nên xưng hiệu Phật là *Thế gian giải*.

“Lại nữa, *thế gian* là hoa sen, *giải* là không bị nhiễm ô. Thiện nam tử! Đó gọi là nghĩa thế gian. *Hoa sen* tức là Như Lai, không bị nhiễm ô là Như Lai chẳng bị tám pháp⁽⁹⁾ của thế gian làm nhiễm ô. Vì thế nên xưng hiệu Phật là *Thế gian giải*.

“Lại nữa, *thế gian giải* là tên gọi của chư Phật, Bồ Tát. Vì sao vậy? Chư Phật, Bồ Tát thấy rõ thế gian nên

gọi là *thế gian giải*. Thiện nam tử! Như nhân việc ăn uống mà có mạng sống, nên gọi việc ăn uống là mạng sống. Chư Phật, Bồ Tát cũng vậy, thấy rõ thế gian nên gọi là *Thế gian giải*.

“Vì sao gọi là *Vô thượng sĩ*? *Thượng sĩ* là dứt trừ. Không có chỗ dứt trừ gọi là *vô thượng sĩ*. Chư Phật Thế Tôn không có phiền não nên không có chỗ dứt trừ. Vì thế nên xưng hiệu Phật là *Vô thượng sĩ*.

“Lại nữa, *thượng sĩ* là tranh giành kiện tụng, *vô thượng sĩ* là không có tranh giành kiện tụng. Như Lai không có tranh giành kiện tụng. Vì thế nên xưng hiệu Phật là *Vô thượng sĩ*.

“Lại nữa, *thượng sĩ* là lời nói có thể hoại mất, *vô thượng sĩ* là lời nói không thể hoại mất. Lời nói của Như Lai, hết thấy chúng sanh đều không thể phá hoại. Vì thế nên xưng hiệu Phật là *Vô thượng sĩ*.

“Lại nữa, *thượng sĩ* là bậc đứng trên người khác, *vô thượng sĩ* là không có ai đứng trên. Ba đời chư Phật rốt cùng không có ai vượt hơn được. Vì thế nên xưng hiệu Phật là *Vô thượng sĩ*.

“*Thượng* là mới, *sĩ* là cũ. Chư Phật Thế Tôn thể nghiệm Đại Niết-bàn, không mới không cũ. Vì thế nên xưng hiệu Phật là *Vô thượng sĩ*.

“Vì sao gọi là Điều ngự trượng phu? Tự mình là trượng phu, lại điều phục các trượng phu khác. Thiện nam tử! Nói là Như Lai, thật chẳng phải trượng phu, cũng chẳng phải không trượng phu, nhân việc điều phục trượng phu nên xưng Như Lai là trượng phu.

“Thiện nam tử! Hết thấy kẻ nam, người nữ, nếu ai có đủ bốn pháp thì được gọi là trượng phu. Những gì là bốn

pháp? Một là gần gũi bậc thiện tri thức, hai là có thể nghe pháp, ba là suy xét ý nghĩa, bốn là y theo lời dạy mà tu hành. Thiện nam tử! Cho dù là nam hay nữ, có đủ bốn pháp ấy thì gọi là trượng phu.

“Thiện nam tử! Nếu là nam tử mà không đủ bốn pháp ấy thì chẳng được gọi là trượng phu. Vì sao vậy? Tuy mang thân trượng phu nhưng chỗ làm cũng đồng như loài súc sanh.

“Như Lai điều phục hết thảy nam nữ, cho nên xưng hiệu Phật là Điều ngự trượng phu.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như việc cưỡi ngựa thường có bốn cách. Một là chạm vào lông, hai là chạm vào da, ba là chạm vào thịt, bốn là chạm vào xương. Tùy theo chỗ chạm vào mà ngựa tuân theo ý người cưỡi. Như Lai cũng thế, dùng bốn phép mà điều phục chúng sanh.

“Một là giảng pháp sanh ra, khiến họ nhận nghe lời Phật, như người cưỡi ngựa chạm vào lông ngựa, khiến con ngựa tuân theo ý.

“Hai là giảng pháp sanh ra và già yếu, chúng sanh liền nhận nghe lời Phật, như người cưỡi ngựa chạm vào lông và da ngựa, khiến con ngựa tuân theo ý.

“Ba là giảng pháp sanh ra, già yếu và bệnh tật, chúng sanh liền nhận nghe lời Phật, như người cưỡi ngựa chạm vào lông, da và thịt ngựa, khiến con ngựa tuân theo ý.

“Bốn là giảng pháp sanh ra, già yếu, bệnh tật và chết đi, chúng sanh liền nhận nghe lời Phật, như người cưỡi ngựa chạm vào lông, da, thịt và xương ngựa, khiến con ngựa tuân theo ý.

“Thiện nam tử! Người cưỡi ngựa điều khiển ngựa không chắc chắn có kết quả. Thế Tôn điều phục chúng

sanh thì chắc chắn không sai dối. Vì thế nên xưng hiệu Phật là Điều ngự trượng phu.

“Vì sao gọi là *Thiên nhân sư*? Thầy dạy có hai hạng, một là thầy dạy việc lành, hai là thầy dạy việc ác. Chư Phật, Bồ Tát thường dùng pháp lành dạy bảo chúng sanh. Những gì là pháp lành? Đó là nói thân, miệng, và ý đều lành. Chư Phật, Bồ Tát dạy bảo chúng sanh rằng: ‘Thiện nam tử! Các người nên lìa xa nghiệp bất thiện của thân. Vì sao vậy? Vì ác nghiệp của thân thật có thể lìa xa, nhờ đó được giải thoát. Vì thế nên ta dùng pháp ấy để dạy bảo các người. Nếu như ác nghiệp không lìa xa mà có thể được giải thoát thì ta chẳng bao giờ dạy các người phải lìa xa. Nếu chúng sanh đã lìa xa ác nghiệp mà đọa vào *ba đường ác*,⁽¹⁰⁾ đó là chuyện vô lý.’ Nhờ lìa xa ác nghiệp mà thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, được Đại Niết-bàn. Vì thế nên chư Phật, Bồ Tát thường đem pháp ấy mà giáo hóa chúng sanh. Về miệng và ý cũng là như vậy. Cho nên tôn xưng Phật là bậc thầy cao quý nhất.

“Lại nữa, thuở trước ta chưa thành đạo, hiện nay đã thành đạo rồi. Ta đem chỗ thành tựu đạo ấy vì chúng sanh mà thuyết giảng. Thuở trước chưa tu hạnh thanh tịnh, hiện nay đã tu hành thành tựu, liền đem chỗ tu hành của mình mà thuyết giảng với chúng sanh. Tự mình phá tan vô minh, lại vì chúng sanh mà phá tan màn vô minh cho họ. Tự mình được mắt trong sạch, lại vì chúng sanh phá trừ sự mù lòa, khiến họ được con mắt trong sạch. Tự mình rõ biết hai lẽ chân thật,⁽¹¹⁾ lại vì chúng sanh mà thuyết giảng hai lẽ chân thật ấy. Tự mình đạt được sự giải thoát, lại vì chúng sanh mà thuyết giảng pháp giải

thoát. Tự mình vượt qua dòng sông lớn sanh tử không bờ bến, lại làm cho hết thủy chúng sanh cũng đều vượt qua được. Tự mình đạt được đức không sợ sệt, lại giáo hóa chúng sanh khiến họ không còn sợ sệt. Tự mình *Niết-bàn*, lại vì chúng sanh thuyết diễn Đại *Niết-bàn*. Vì thế nên tôn xưng Phật là bậc thầy cao quý nhất.

“*Thiên*, đó là ban ngày. Ở cõi trời ngày dài đêm ngắn, vì thế nên gọi là *thiên*. Lại nữa, *thiên* là không sâu nào. Thường thụ hưởng khoái lạc, vì thế nên gọi là *thiên*. Lại nữa, *thiên* là đèn sáng. Phá được sự tối tăm u ám, làm cho sáng rõ, vì thế nên gọi là *thiên*. Lại cũng phá được sự tối tăm của nghiệp xấu ác mà được nghiệp lành, sanh lên cõi trời, vì thế nên gọi là *thiên*.

“Lại nữa, *thiên* là tốt lành. Nhờ tốt lành nên được gọi là *thiên*. Lại nữa, *thiên* là mặt trời. Bởi có ánh sáng, nên gọi là *thiên*. Vì những nghĩa như vậy nên gọi là *thiên*.

“*Nhân* là có thể suy xét nhiều ý nghĩa. Lại nữa, *nhân* là thân và miệng đều nhu nhuyễn. Lại nữa, *nhân* là nói sự kiêu mạn, lại cũng là có thể phá trừ kiêu mạn.

“Thiện nam tử! Tuy Phật là bậc thầy dạy cao quý nhất của tất cả chúng sanh, nhưng trong kinh gọi là bậc *Thiên nhân sư*. Vì sao vậy? Thiện nam tử! Trong các loài chúng sanh, duy chỉ có chư thiên và nhân loại là có thể phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, có thể tu Mười nghiệp lành, có thể chứng đắc các đạo quả *Tu-đà-hoàn*, *Tư-đà-hàm*, *A-na-hàm*, *A-la-hán*, Phật *Bích-chi* và quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì thế nên xưng hiệu Phật là *Thiên nhân sư*.

“Vì sao gọi là Phật? *Phật* là tỉnh giác, rõ biết. Tự mình đã tỉnh giác, rõ biết, lại có thể giúp cho kẻ khác tỉnh giác, rõ biết. Thiện nam tử! Ví như có người tỉnh giác, rõ biết có kẻ trộm, thì kẻ trộm ấy không thể làm gì được. Bồ Tát ma-ha-tát có thể tỉnh giác rõ biết hết thủy vô lượng phiến não. Khi đã rõ biết rồi, khiến cho các phiến não không thể làm gì được. Vì thế nên gọi là Phật. Vì đã tỉnh giác rõ biết, nên không còn sanh, già, bệnh, chết. Do đó gọi là Phật.

“Sao gọi là *Bà-già-bà*?⁽¹²⁾ *Bà-già* là phá trừ; *bà* là *phiến não*. Vì phá trừ phiến não nên gọi là *Bà-già-bà*; lại vì có thể thành tựu được các thiện pháp; lại vì có thể giảng rõ ý nghĩa các pháp; lại vì có công đức lớn, không ai hơn được; lại vì có danh tiếng lớn truyền khắp mười phương; lại vì có thể ra ơn lớn bố thí đủ mọi thứ; lại vì trong vô lượng *a-tăng-kỳ* kiếp đã trừ bỏ nữ căn;⁽¹³⁾ vì các lẽ ấy nên tôn xưng hiệu Phật là *Bà-già-bà*.

“Thiện nam tử! Dù là nam hay nữ mà có thể niệm tưởng đến Phật như thế⁽¹⁴⁾ thì trong lúc đi, đứng, ngồi, nằm, ngày, đêm, sáng, tối đều thường được thấy Phật Thế Tôn.

“Thiện nam tử! Vì sao gọi là Như Lai, Ứng, Chánh biến tri... cho đến *Bà-già-bà*, có vô lượng công đức và danh xưng lớn như thế? Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát từ vô lượng *a-tăng-kỳ* kiếp đã từng cung kính cha mẹ, hòa thượng, các bậc thầy, thượng tọa, trưởng lão. Trong vô lượng kiếp thường vì chúng sanh mà thực hành bố thí, giữ bền giới cấm, tu tập nhẫn nhục, chuyên cần thực hành tinh tấn, thiên định, trí tuệ, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, cho nên ngày nay mới được thân kim cang với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.

“Lại nữa, từ vô lượng *a-tăng-kỳ* kiếp Bồ Tát đã từng tu tập các pháp căn bản: *tín, niệm, tinh tấn, định, tuệ*, cung kính cúng dường các bậc sư trưởng, thường vì sự lợi ích trong Chánh pháp, chẳng vì món lợi ăn uống. Bồ Tát nếu được gìn giữ Mười hai bộ kinh, khi tụng đọc vẫn thường vì chúng sanh mà khiến cho được giải thoát, an ổn, khoái lạc, chẳng bao giờ vì bản thân mình.

“Vì sao vậy? Bồ Tát thường tu tâm xuất thế gian cùng với các tâm xuất gia, tâm vô vi; không có tâm tranh tụng, không có tâm nhiễm bần, không có tâm trói buộc, không có tâm nắm giữ vướng mắc, không có tâm che lấp, không có tâm đấm chấp lẽ không, không có tâm sanh tử, không có tâm nghi ngờ, không có tâm tham dục, không có tâm sân khuể, không có tâm ngu si, không có tâm kiêu mạn, không có tâm uế trước, không có tâm phiền não, không có tâm khổ; [đầy đủ các] tâm vô lượng, tâm quảng đại, tâm hư không, tâm không; không có tâm không, không có tâm không điều phục, không có tâm không phòng hộ, không có tâm không che giấu, không có tâm thế gian; [đầy đủ các] tâm thường định, tâm thường tu, tâm thường giải thoát, tâm không báo trả, tâm không mong cầu, tâm nguyện lành, tâm không nhàm lãn, tâm nhu nhuyễn, tâm không trụ, tâm tự tại, tâm vô lậu, tâm đệ nhất nghĩa, tâm chẳng thối lui, tâm vô thường, tâm chánh trực, tâm không nịnh hót, tâm thuần thiện; không có tâm [phân biệt] nhiều ít, không có tâm ương ngạnh, không có tâm phàm phu, không có tâm Thanh văn, không có tâm Duyên giác, [chỉ có những] tâm khéo rõ biết, tâm rõ biết *giới*, tâm rõ biết *giới* sanh ra, tâm rõ biết sự trụ yên nơi *giới*, tâm rõ biết sự không trói buộc vào *giới*.⁽¹⁵⁾

Vì những lẽ ấy nên ngày nay được *Mười súc, Bốn đức chẳng sợ, Đại bi, Ba niệm xứ, thường, lạc, ngã, tịnh*. Cho nên được tôn xưng là Như Lai... cho đến *Bà-già-bà*. Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát niệm Phật.

“Thế nào là Bồ Tát ma-ha-tát niệm *Pháp*? Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát suy xét chỗ thuyết pháp của chư Phật là mầu nhiệm nhất, cao cả nhất. Do nơi pháp ấy có thể khiến chúng sanh được hưởng quả trong hiện tại. Chỉ riêng Chánh pháp ấy không có thời tiết, là chỗ thấy của con mắt pháp chứ chẳng phải mắt thường, không thể dùng các thí dụ mà so sánh: không sanh ra, không xuất hiện; không trụ, không diệt; không khởi đầu, không kết thúc; vô vi, vô số. Vì kẻ không nhà mà tạo nên nhà cửa, vì kẻ không có chỗ nương về mà tạo ra chỗ nương về, vì kẻ không có ánh sáng mà tạo ra ánh sáng, vì kẻ chưa đến được bờ bên kia mà khiến cho đến được bờ bên kia, vì chỗ không có hương thơm mà tạo ra hương thơm vô ngại; ở chỗ không thể trông thấy mà trông thấy rõ ràng, không động chuyển, không dài ngắn, mãi mãi dứt trừ các thú vui mà được niềm vui an ổn, chỗ rốt ráo nhiệm mầu; chẳng phải *sắc* hay dứt trừ *sắc* nhưng cũng là *sắc*... cho đến chẳng phải *thức* hay dứt trừ *thức* nhưng cũng là *thức*;⁽¹⁶⁾ chẳng phải *nghiệp* hay dứt trừ *nghiệp*, chẳng phải gút mắc hay dứt trừ gút mắc, chẳng phải *vật* hay dứt trừ *vật* nhưng cũng là *vật*; chẳng phải *giới* hay dứt trừ *giới* nhưng cũng là *giới*; chẳng phải hiện hữu hay dứt trừ hiện hữu nhưng thật hiện hữu; chẳng phải *nhập* hay dứt trừ *nhập* nhưng cũng là *nhập*;⁽¹⁷⁾ chẳng phải *nhân* hay dứt trừ *nhân* nhưng cũng là *nhân*; chẳng phải *quả* hay dứt trừ *quả* nhưng cũng là *quả*; chẳng phải *hư*, chẳng phải *thật*, dứt trừ hết thảy chỗ *thật* nhưng cũng là

thật; chẳng phải *sanh*, chẳng phải *diệt*, mãi mãi dứt trừ *sanh diệt* nhưng cũng là *diệt*; chẳng phải *tướng*, chẳng phải *không tướng*, dứt trừ hết thấy *tướng* nhưng cũng là *tướng*; chẳng phải dạy bảo, chẳng phải không dạy bảo nhưng cũng là bậc thầy; chẳng phải sợ sệt, chẳng phải an ổn, thường dứt trừ hết thấy sự sợ sệt nhưng cũng là an ổn; chẳng phải *nhẫn*, chẳng phải không *nhẫn*, thường dứt trừ mãi mãi sự không *nhẫn* nhưng cũng là *nhẫn*; chẳng phải dừng, chẳng phải không dừng, thường dứt trừ hết thấy sự dừng lắng nhưng cũng là dừng; hết thấy chỗ cùng tột của pháp đều có thể dứt trừ mãi mãi; hết thấy phiền não đều thanh tịnh; không tướng trạng, mãi mãi thoát khỏi các tướng trạng; là chỗ an trụ rất ráo cho vô lượng chúng sanh; có thể diệt trừ hết thấy những ngọn lửa sanh tử mãnh liệt; chính thật là chỗ chư Phật dạo chơi dừng bước, thường không biến đổi. Đó gọi là Bồ Tát niệm Pháp.

“Thế nào là niệm *Tăng*? Chư Phật và các vị thánh tăng y theo Chánh pháp mà an trụ, nhận giữ Chánh pháp, tùy thuận tu hành, không thể nhìn thấy, không thể nắm giữ, không thể phá hoại, không thể nhiễu hại, không thể nghĩ bàn; là ruộng phước tốt đẹp của hết thấy chúng sanh. Tuy là ruộng phước nhưng không thọ nhận, không nắm giữ; thanh tịnh không cấu uế, vô lậu, vô vi, rộng khắp vô cùng; tâm điều hòa nhu nhuyễn, bình đẳng không phân biệt, không rối ren hỗn loạn, thường không biến đổi. Đó gọi là niệm Tăng.

“Thế nào là niệm *giới*? Bồ Tát suy xét thấy rằng thật có giới luật, không phá [giới], không sơ suất [đối với giới], không hoại [mất giới], không làm hỗn tạp [giới]. Tuy [giới] không hình sắc nhưng có thể hộ trì; tuy không thể xúc chạm, đối đãi nhưng khéo tu phương tiện có thể

được trọn đủ, không lỗi lầm; chư Phật, Bồ Tát thường khen ngợi. Đó là nhân của kinh Đại Phương đẳng Đại Niết-bàn này.

“Thiện nam tử! [Bồ Tát xem giới luật] ví như mặt đất lớn, tàu thuyền, vòng chuỗi, muôn dân, biển cả, nước tro, nhà cửa, đao kiếm, cầu cống, thầy thuốc, thuốc hay, thuốc *a-già-đà*,⁽¹⁹⁾ ngọc báu như ý, chân, mắt, cha mẹ, bóng mát... không ai cướp lấy, không thể nhiễu hại, lửa không thể đốt cháy, nước không thể làm trôi, là nấc thang để bước lên núi lớn, là cây cờ báu nhiệm mầu của chư Phật, Bồ Tát. Nếu trụ ở giới luật này thì chúng được quả *Tu-đà-hoàn*; ta cũng có phần nhưng không cần đến. Vì sao vậy? Nếu ta được quả *Tu-đà-hoàn* ấy thì không thể rộng độ hết thấy chúng sanh. Nếu ai trụ ở giới này thì đạt được quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*; ta cũng có phần và đó là chỗ mong muốn của ta. Vì sao vậy? Nếu đạt được quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, ta sẽ vì chúng sanh mà rộng thuyết pháp nhiệm mầu để cứu vớt, bảo hộ. Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát niệm giới.

“Thế nào là niệm *thí*? Bồ Tát ma-ha-tát quán xét sâu xa rằng việc bố thí chính là nhân của quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Chư Phật, Bồ Tát đều thân cận, tu tập hạnh bố thí như vậy. Ta cũng thân cận, tu tập hạnh bố thí như vậy. Nếu không mở rộng lòng bố thí thì không thể trang nghiêm cho *Bốn bộ chúng*.⁽¹⁹⁾ Bố thí tuy rất ráo không thể dứt trừ mọi sự trói buộc, nhưng có thể phá trừ những phiền não trong hiện tại. Do nhân duyên bố thí nên thường được sự ngợi khen, xưng tụng của chúng sanh ở vô số thế giới trong mười phương nhiều như số cát sông Hằng.

“Bồ Tát ma-ha-tát khi bố thí món ăn cho chúng sanh, sẵn sàng thí cả thân mạng. Do quả báo của việc bố thí

nên khi thành Phật thường không biến đổi. Do việc bố thí sự vui mừng nên khi thành Phật thường được an vui. Bồ Tát khi bố thí luôn cầu tài vật đúng theo như pháp, chẳng lấy của người kia mà thí cho người này. Vì thế nên khi thành Phật được *Niết-bàn* thanh tịnh. Bồ Tát khi bố thí luôn khiến chúng sanh chẳng cầu mà được, nên khi thành Phật được chân ngã tự tại. Do nhân duyên bố thí khiến cho kẻ khác được sức lực, nên khi thành Phật liền được *Mười sức*. Do nhân duyên bố thí khiến cho kẻ khác được nói, nên khi thành Phật được Bốn pháp không ngăn ngại. Chư Phật và Bồ Tát tu tập hạnh bố thí này làm nhân *Niết-bàn*. Ta cũng tu tập hạnh bố thí như vậy làm nhân *Niết-bàn*. Giảng rộng ra thì cũng như trong kinh *Tạp hoa*⁽²⁰⁾ đã nói.

“Thế nào là niệm cõi trời? [Bồ Tát thường nghĩ rằng:] ‘Có các cõi trời *Tứ thiên vương* cho đến cõi trời *Phi tưởng phi phi tưởng*. Nếu có đức tin thì được sanh ở cõi trời *Tứ thiên vương*, ta cũng có phần; nếu có trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ thì được sanh ở từ cõi trời *Tứ thiên vương* cho đến cõi trời *Phi tưởng phi phi tưởng*, ta cũng có phần, nhưng đó không phải những chỗ mong muốn của ta. Vì sao vậy? Từ cõi trời *Tứ Thiên vương* cho đến cõi trời *Phi tưởng phi phi tưởng* đều là vô thường. Vì là vô thường nên phải chịu sanh, già, bệnh, chết. Vì nghĩa ấy nên ta không mong muốn. Ví như trò ảo hóa [chỉ có thể] dối gạt người ngu si, chẳng phải chỗ mê chấp của người có trí tuệ. Nói như trò ảo hóa, đó là từ cõi trời *Tứ Thiên vương* cho đến cõi trời *Phi tưởng phi phi tưởng*. Nói người ngu si, đó là hết thấy những kẻ phàm phu.

“Ta không đồng với những kẻ phàm phu ngu si. Ta từng nghe có cõi trời Đệ nhất nghĩa, đó là nói chư Phật,

Bồ Tát thường tồn không biến đổi. Vì là thường tồn nên không có sanh, già, bệnh, chết. Ta vì chúng sanh mà tinh cần cầu được cõi trời Đệ nhất nghĩa. Vì sao vậy? Cõi trời Đệ nhất nghĩa có thể khiến chúng sanh dứt trừ phiền não, cũng như cây như ý. Nếu ta có đức tin... cho đến có *trí tuệ*,⁽²¹⁾ ắt sẽ có thể đạt được cõi trời Đệ nhất nghĩa ấy, sẽ vì chúng sanh mà phân biệt giảng rộng về cõi trời Đệ nhất nghĩa.’ Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát niệm cõi trời.

“Thiện nam tử! Đó gọi là Bồ Tát, chẳng phải thế gian. Đó là chỗ mà thế gian không biết, không thấy, không hiểu nhưng là chỗ thấy, biết, hiểu rõ của Bồ Tát.

“Thiện nam tử! Nếu đệ tử của ta [có ai] cho rằng việc thọ trì, tụng đọc, sao chép, giảng thuyết Mười hai bộ kinh⁽²²⁾ cũng không có gì khác biệt với việc thọ trì, tụng đọc, sao chép, giải bày giảng thuyết kinh Đại *Niết-bàn*, như vậy là không đúng. Vì sao vậy?

“Thiện nam tử! Kinh Đại *Niết-bàn* là tạng rất sâu kín của hết thấy chư Phật Thế Tôn. Vì là tạng rất sâu kín của chư Phật nên là cao trở hơn hết. Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên kinh Đại *Niết-bàn* là hết sức kỳ lạ, đặc biệt, không thể nghĩ bàn.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Con cũng biết rằng kinh Đại *Niết-bàn* này là rất kỳ lạ, đặc biệt, không thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Chúng tăng cũng không thể nghĩ bàn. *Bồ-đề*, Đại Bát Niết-bàn của Bồ Tát cũng không thể nghĩ bàn. Bạch Thế Tôn! Vì nghĩa gì lại nói rằng Bồ Tát là không thể nghĩ bàn?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát không có người dạy bảo mà có thể tự mình phát tâm *Bồ-đề*. Khi phát tâm rồi liền chuyên cần tu tập tinh tấn. Ví như có bị

lửa dữ thiêu đốt toàn thân cũng chẳng hề cầu cứu, buông bỏ lòng nhớ nghĩ Chánh pháp. Vì sao vậy? Bồ Tát ma-ha-tát thường tự nghĩ rằng: “Ta trải qua vô lượng *a-tăng-kỳ* kiếp, hoặc ở những cảnh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cõi người, cõi trời, từng bị ngọn lửa phiền não trói buộc thiêu đốt, nhưng chưa từng được một pháp quyết định. Pháp quyết định đó, chính là *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Ta vì *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* thì chẳng bao giờ tiếc giữ thân tâm, mạng sống. Ta vì *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* nên dù cho thân thể có nát tan thành bụi nhỏ cũng không bao giờ buông bỏ sự chuyên cần tinh tấn. Vì sao vậy? Lòng chuyên cần tinh tấn tức là nhân của quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”

“Thiện nam tử! Vị Bồ Tát như thế, khi chưa thấy *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* còn chẳng tiếc thân mạng, huống chi khi đã được thấy. Vì thế nên Bồ Tát là không thể nghĩ bàn!

“Lại nữa, không thể nghĩ bàn là nói việc Bồ Tát ma-ha-tát thấy được vô số tội lỗi trong vòng sanh tử, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể theo kịp. Tuy biết trong vòng sanh tử có vô số tội lỗi, nhưng [Bồ Tát] vì chúng sanh mà vẫn ở trong đó nhận chịu khổ não chứ không chán nản xa lìa. Vì thế nên gọi là không thể nghĩ bàn.

“Bồ Tát ma-ha-tát vì chúng sanh nên tuy ở tại địa ngục nhận chịu các khổ não mà vẫn vui thích như đang ở cảnh *Thiên thứ ba*.⁽²³⁾ Vì thế nên gọi là không thể nghĩ bàn.

“Thiện nam tử! Ví như vị trưởng giả thấy nhà mình bị cháy liền vội ra khỏi nhà. Những đứa con của ông còn ở lại sau, chưa thoát ra khỏi đám cháy. Bấy giờ, vị trưởng giả biết rõ sự nguy hại của lửa, nhưng vì các con

nên quay vào cứu, bất kể nguy hiểm. Bồ Tát ma-ha-tát cũng vậy, tuy biết trong vòng sanh tử có nhiều tội lỗi ác hại, nhưng vì chúng sanh mà ở lại trong đó không nhằm chán. Vì thế nên gọi là không thể nghĩ bàn!

“Thiện nam tử! Có vô lượng chúng sanh phát tâm *Bồ-đề*, thấy trong vòng sanh tử có nhiều sự lầm lỗi, ác hại nên sanh lòng thối lui,⁽²⁴⁾ chỉ làm Thanh văn hoặc Duyên giác. Nếu Bồ Tát nào nghe được kinh này thì không bao giờ thối lui hay để mất tâm *Bồ-đề* mà làm Thanh văn, làm Phật *Bích-chi*. Vị Bồ Tát như vậy dù chưa bước đến thêm địa vị ban sơ là *Bát động địa* nhưng lòng bền chắc, quyết không thối lui hay để mất tâm *Bồ-đề*. Vì thế nên gọi là không thể nghĩ bàn!

“Thiện nam tử! Nếu có người nói: ‘*Tôi có thể lợi qua biển cả.*’ Lời nói ấy có thể nghĩ bàn được chăng?”

Bồ Tát Ca-diếp thưa: “Bạch Thế Tôn! Lời nói như vậy hoặc có thể nghĩ bàn, hoặc không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Nếu là con người lợi qua được, đó là không thể nghĩ bàn; nếu là loài *a-tu-la* lợi qua được, đó là có thể nghĩ bàn.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ta không nói *a-tu-la*, chính là đang nói về con người.”

Bồ Tát Ca-diếp nói: “Bạch Thế Tôn! Trong loài người cũng có thể nghĩ bàn hoặc không thể nghĩ bàn. Thế Tôn! Người có hai hạng, một là thánh nhân, hai là phàm phu. Nếu là phàm phu thì không thể nghĩ bàn, nếu là bậc hiền thánh thì có thể nghĩ bàn.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ta đang nói về phàm phu, chẳng nói bậc thánh nhân.”

Bồ Tát Ca-diếp thưa: “Bạch Thế Tôn! Nếu là phàm phu thì [lời nói ấy] thật không thể nghĩ bàn!”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Người phàm phu thật ra không thể lợi qua biển cả; nhưng vị Bồ Tát như vậy thật có thể vượt qua biển lớn sanh tử, cho nên gọi là không thể nghĩ bàn!

“Thiện nam tử! Như có người dùng sợi tơ của ngó sen mà treo núi *Tu-di*, việc ấy có thể nghĩ bàn được chăng?”

Bồ Tát Ca-diếp thưa: “Bạch Thế Tôn, không thể!”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát chỉ trong khoảnh khắc có thể tính lường hết thảy sanh tử, [còn khó hơn cả việc ấy]. Vì thế nên gọi là không thể nghĩ bàn!

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát trải qua vô lượng *a-tăng-kỳ* kiếp thường quán sanh tử là *vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh*, nhưng vì chúng sanh mà phân biệt diễn thuyết là *thường, lạc, ngã, tịnh*. Tuy thuyết giảng như vậy nhưng chẳng phải tà kiến. Vì thế nên gọi là không thể nghĩ bàn!

“Thiện nam tử! Như có người vào nước chẳng bị cuốn trôi, vào lửa chẳng bị đốt cháy, việc như vậy thật không thể nghĩ bàn. Bồ Tát ma-ha-tát cũng vậy, tuy ở trong sanh tử nhưng chẳng bị sanh tử nào hại. Vì thế nên gọi là không thể nghĩ bàn!

“Thiện nam tử! Con người [nhập thai] có ba hạng: hạng cao, hạng trung bình và hạng thấp.

“Những người hạng thấp khi mới nhập bào thai nghĩ rằng: ‘Nay ta đang ở trong nhà xí, nơi quy tụ của mọi thứ dơ nhớp, như ở trong cái xác chết, như ở giữa những gai góc, là nơi hết sức tối tăm, u ám.’ Khi vừa ra khỏi

bào thai lại nghĩ rằng: ‘Nay ta ra khỏi nhà xí, ra khỏi chỗ quy tụ của mọi thứ dơ nhớp... cho đến ra khỏi nơi hết sức tối tăm, u ám.’

“Những người hạng trung bình khi mới nhập bào thai nghĩ rằng: ‘Nay ta vào giữa rừng cây, giữa dòng sông trong sạch, giữa phòng ốc, nhà cửa. Khi ra khỏi bào thai, cũng nghĩ là ra khỏi những nơi ấy.

“Những người hạng cao khi mới nhập bào thai nghĩ rằng: ‘Nay ta bước lên cung điện, nhà lớn, ở giữa chốn rừng hoa, cưỡi ngựa, cưỡi voi đi lên núi cao. Khi ra khỏi bào thai, cũng nghĩ là ra khỏi những nơi ấy.

“Bồ Tát ma-ha-tát khi mới nhập bào thai tự biết là nhập bào thai, khi ở trong bào thai tự biết là ở trong bào thai, khi ra khỏi bào thai tự biết là ra khỏi bào thai, chẳng bao giờ sanh lòng tham muốn hay sân hận, nhưng vẫn chưa bước đến thêm địa vị ban sơ là *Bát động địa*. Vì thế nên gọi là không thể nghĩ bàn!

“Thiện nam tử! Thật không thể dùng thí dụ để so sánh với *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Thiện nam tử! Cũng như không thể dùng thí dụ để so sánh với tâm, nhưng những điều đó đều có thể giảng nói được. Bồ Tát ma-ha-tát không có thầy để thưa hỏi, thọ học, nhưng vẫn có thể đạt được pháp *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Khi được pháp ấy rồi, lòng không tham tiếc, keo lặn, thường vì chúng sanh mà giảng thuyết. Vì thế nên gọi là không thể nghĩ bàn.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát có các pháp là: *thân lìa xa miêng chẳng lìa xa, miêng lìa xa thân chẳng lìa xa*, hoặc *chẳng phải thân, chẳng phải miêng nhưng cũng lìa xa*.

“Thân lìa xa là nói việc lìa xa sự giết hại, trộm cướp, dâm dục. Đó gọi là *thân lìa xa miệng chẳng lìa xa*.

“Miệng lìa xa là nói việc lìa xa sự nói dối, nói hai lưỡi, nói lời ác độc, nói lời vô nghĩa. Đó gọi là *miệng lìa xa thân chẳng lìa xa*.

“Pháp lìa xa mà chẳng phải thân, chẳng phải miệng là nói việc lìa xa sự tham lam, sân khuể, tà kiến.⁽²⁵⁾ Thiện nam tử! Đó gọi là *chẳng phải thân, chẳng phải miệng nhưng cũng lìa xa*.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát chẳng thấy có pháp nào là *thân*, là *ngiệp* cùng với người lìa bỏ, nhưng quả thật có sự lìa bỏ. Vì thế nên gọi là không thể nghĩ bàn. Đối với *miệng* cũng là như thế.⁽²⁶⁾

“Thiện nam tử! Do nơi thân mà lìa thân, do nơi miệng mà lìa miệng,⁽²⁷⁾ do nơi sự sáng suốt mà lìa xa là chẳng phải thân, chẳng phải miệng.⁽²⁸⁾ Thiện nam tử! Thật có sự sáng suốt ấy nhưng không thể khiến cho Bồ Tát lìa xa. Vì sao vậy? Thiện nam tử! Không một pháp nào có thể hoại mất hay tạo tác. Tánh thật của các pháp hữu vi là sanh diệt đối khác, cho nên sự sáng suốt ấy không thể lìa xa.

“Thiện nam tử! Sáng suốt không thể phá trừ, lửa không thể đốt cháy, nước không thể cuốn trôi, gió không thể lay động, đất không thể ôm giữ, sanh không thể làm cho sanh ra, già không thể làm cho già đi, trụ không thể làm cho trụ lại, hoại không thể làm cho hoại mất, tham không thể làm cho tham đắm, sân không thể làm cho sân hận, si không thể làm cho ngu si, đều do nơi tánh thật của các pháp hữu vi là sanh diệt đối khác.⁽²⁹⁾ Cho nên Bồ Tát ma-ha-tát chẳng bao giờ nghĩ: ‘*Ta dùng sự*

sáng suốt này phá trừ phiền não.’ Nhưng tự nói rằng: ‘*Ta phá trừ phiền não.*’ Tuy nói như vậy nhưng chẳng phải là hư dối. Vì thế nên gọi là không thể nghĩ bàn.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch rằng: “Thế Tôn! Nay con mới biết rằng Bồ Tát ma-ha-tát là không thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Chúng tăng, kinh Đại *Niết-bàn* với người thọ trì, *Bồ-đề*, *Niết-bàn* là không thể nghĩ bàn!

“Bạch Thế Tôn! Pháp Phật vô thượng còn bao lâu nữa sẽ dứt mất?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu trong các đệ tử ta còn có người có thể thọ trì, tụng đọc, sao chép, giảng thuyết nghĩa lý kinh Đại *Niết-bàn* cho đến năm hạnh: Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Bệnh hạnh, Anh nhi hạnh, được chúng sanh cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường bằng mọi cách, thì nên biết rằng lúc ấy pháp Phật còn chưa dứt mất.

“Thiện nam tử! Như kinh Đại *Niết-bàn* được lưu hành đầy đủ, rộng khắp, vào lúc các đệ tử của ta có nhiều kẻ hủy phạm giới cấm, làm mọi điều ác, không thể tin kính kinh điển như thế này. Bởi không tin nên họ không thể thọ trì, tụng đọc, sao chép, giảng thuyết ý nghĩa, không được mọi người cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường; [người khác] thấy người thọ trì kinh này liền khinh chê, phỉ báng rằng: ‘Ông là ngoại đạo,⁽³⁰⁾ *chẳng phải đệ tử Phật.*’ Nên biết rằng vào lúc ấy pháp Phật sắp dứt mất.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại bạch Phật: “Thế Tôn! Chính con trong khi theo hầu bên Phật có được nghe rằng: ‘Chánh pháp của Phật *Ca-diếp* trụ thế bảy ngày rồi dứt mất. Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai *Ca-diếp* có kinh này chăng? Nếu có, vì sao nói là dứt mất? Còn nếu không có kinh

này, sao Thế Tôn lại dạy rằng kinh Đại *Niết-bàn* là tạng sâu kín của [tất cả] các đức Như Lai?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Lời ta nói trước đây chỉ có Văn-thù-sư-lợi hiểu được nghĩa. Nay ta sẽ thuyết giảng lần nữa, ông hãy hết lòng lắng nghe.

“Thiện nam tử! Chư Phật Thế Tôn có hai pháp: một là pháp thế gian, hai là pháp đệ nhất nghĩa. Pháp thế gian ắt có hư hoại, dứt mất. Pháp đệ nhất nghĩa không có hư hoại, dứt mất.

“Lại có hai pháp: một là *vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh*; hai là *thường, lạc, ngã, tịnh*. *Vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh* ắt có hư hoại, dứt mất; *thường, lạc, ngã, tịnh* không có hư hoại, dứt mất.

“Lại có hai pháp: một là pháp hàng Nhị thừa gìn giữ, hai là pháp hàng Bồ Tát gìn giữ. Hàng Nhị thừa gìn giữ ắt có hư hoại, dứt mất; hàng Bồ Tát gìn giữ thì không có hư hoại, dứt mất.

“Lại có hai pháp: một là bên ngoài, hai là bên trong. Pháp bên ngoài ắt có hư hoại, dứt mất; pháp bên trong không có hư hoại, dứt mất.

“Lại có hai pháp: một là hữu vi, hai là vô vi. Pháp hữu vi ắt có hư hoại, dứt mất; pháp vô vi không có hư hoại, dứt mất.

“Lại có hai pháp: một là có thể được, hai là không thể được. Pháp có thể được ắt có hư hoại, dứt mất; pháp không thể được không có hư hoại, dứt mất.

“Lại có hai pháp: một là pháp chung cùng, hai là pháp không chung cùng.⁽³¹⁾ Pháp chung cùng ắt có hư hoại, dứt mất; pháp không chung cùng không có hư hoại, dứt mất.

“Lại có hai pháp: một là ở cõi người, hai là ở cõi trời. Ở cõi người thì có hư hoại, dứt mất; ở cõi trời không có hư hoại, dứt mất.

“Lại có hai pháp: một là Mười một bộ kinh, hai là kinh Phương đẳng.⁽³²⁾ Mười một bộ kinh ắt có hư hoại, dứt mất; kinh Phương đẳng không có hư hoại, dứt mất.

“Thiện nam tử! Nếu như đệ tử của ta còn thọ trì, tụng đọc, sao chép, giảng thuyết kinh điển Phương đẳng, cung kính cúng dường, tôn trọng, tán thán, nên biết rằng lúc ấy pháp Phật không dứt mất.

“Thiện nam tử! Ông vừa hỏi ta rằng: Đức Như Lai *Ca-diếp* có kinh này hay không? Thiện nam tử! Kinh Đại *Niết-bàn* là kho tàng sâu kín của tất cả chư Phật. Vì sao vậy? Chư Phật tuy có Mười một bộ kinh, nhưng trong đó không thuyết dạy về tánh Phật, về *thường, lạc, ngã, tịnh* của Như Lai, về việc chư Phật Thế Tôn không bao giờ dứt hết tất cả mà vào *Niết-bàn*. Vì vậy nên kinh này gọi kho tàng sâu kín của Như Lai. Vì là chỗ mà Mười một bộ kinh không nói đến nên gọi là kho tàng.

“Như người kia có bảy món quý báu, không mang ra dùng, đó gọi là kho tàng.⁽³³⁾ Thiện nam tử! Người ấy sở dĩ tàng trữ những vật đó, là vì việc tương lai. Những gì là việc tương lai? Đó là khi gặp những lúc như lúa gạo đất đỏ, quân giặc xâm chiếm đất nước, hoặc gặp vua bạo ác thì dùng [tài sản ấy] để chuộc lấy mạng sống. Hoặc khi đường sá đi lại khó khăn, tiền bạc khó kiếm thì sẽ lấy ra mà tiêu dùng.

“Thiện nam tử! Kho tàng sâu kín của chư Phật Như Lai cũng giống như vậy, chính là vì những *tỳ-kheo* xấu

ác đời vị lai. Họ chứa trữ những vật bất tịnh,⁽³⁴⁾ họ nói với *Bốn chúng* rằng Như Lai đã buông bỏ hết tất cả mà vào *Niết-bàn*, họ tụng đọc những sách thế gian, chẳng cung kính Kinh điển của Phật. Khi những việc xấu ác ấy xảy ra ở thế gian, Như Lai vì muốn trừ dứt những việc ác ấy, khiến người ta lìa xa bọn kiếm sống tà vạy, mưu cầu lợi dưỡng, liền diễn thuyết kinh này. Nếu vào lúc ấy kho tàng sâu kín là Kinh điển này lại diệt mất chẳng hiện ra, nên biết rằng pháp Phật ắt là dứt mất.

“Thiện nam tử! Kinh Đại *Niết-bàn* là thường còn, không biến đổi. Vì sao ông lại cật vấn rằng vào thời Phật *Ca-diếp* có kinh này hay không? Thiện nam tử! Vào thời Phật *Ca-diếp*, chúng sanh ít tham dục, nhiều trí tuệ, các vị Đại Bồ Tát đều điều hòa nhu thuận, dễ giáo hóa, có oai đức lớn, được phép tổng trì⁽³⁵⁾ không quên mất, như voi chúa lớn. Thế giới thanh tịnh, hết thảy chúng sanh đều biết rằng Như Lai không bao giờ dứt hết tất cả để vào *Niết-bàn*, mà là thường trụ, không biến đổi. [Vì thế,] tuy có kinh điển này nhưng không cần diễn thuyết.

“Thiện nam tử! Đời nay chúng sanh nhiều phiền não, ngu si, mừng giận, không có trí tuệ, nhiều sự nghi ngờ, căn bản lòng tin không vững chắc, thế giới không thanh tịnh. Hết thảy chúng sanh đều cho rằng Như Lai là vô thường, biến đổi, dứt hết tất cả để vào Đại Bát *Niết-bàn*. Vậy nên Như Lai [cần phải] diễn thuyết kinh này.

“Thiện nam tử! Pháp của Phật *Ca-diếp* thật cũng không dứt mất. Vì sao vậy? Vì là thường còn không biến đổi.

“Thiện nam tử! Nếu có những chúng sanh thấy *ngã* là *vô ngã*, thấy *vô ngã* là *ngã*; thấy *thường* là *vô thường*, thấy *vô thường* là *thường*; thấy *lạc* là *vô lạc*, thấy *vô lạc*

là *lạc*; thấy *tịnh* là *bất tịnh*, thấy *bất tịnh* là *tịnh*; thấy *diệt* là *bất diệt*, thấy *bất diệt* là *diệt*; thấy *tội* là không *tội*, thấy không *tội* là *tội*; thấy *tội nhẹ* là *nặng*; thấy *tội nặng* là *nhẹ*; thấy *thừa* là chẳng phải là *thừa*, thấy chẳng phải *thừa* là *thừa*; thấy *đạo* là chẳng phải *đạo*, thấy chẳng phải *đạo* là *đạo*; thật là *Bồ-đề* thấy chẳng phải *Bồ-đề*, thật chẳng phải *Bồ-đề* thấy là *Bồ-đề*; thấy *khổ* là chẳng phải *khổ*, thấy *tập* là chẳng phải *tập*, thấy *diệt* là chẳng phải *diệt*, thấy *thật* là chẳng *thật*; thật là *Thế đế* thấy là *Đệ nhất nghĩa đế*, thật là *Đệ nhất nghĩa đế* thấy là *Thế đế*; thấy *quy* là chẳng *quy*, thấy chẳng *quy* là *quy*; thật lời của Phật mà gọi là lời của ma, thật là lời của ma lại cho là lời Phật; vào thời đại như vậy, chư Phật mới thuyết diễn kinh Đại *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Thà nói rằng vôi con muỗi hút cạn biển cả chứ không thể nói rằng pháp của Như Lai dứt mất.⁽³⁶⁾ Thà nói rằng dùng dây trói được cơn gió mạnh chứ không thể nói rằng pháp của Như Lai dứt mất. Thà nói rằng dùng miệng thổi tan nát núi *Tu-di* chứ không thể nói rằng pháp Như Lai dứt mất. Thà nói rằng từ nơi lửa than *khư-đà-la*⁽³⁷⁾ sanh ra hoa sen chứ không thể nói rằng pháp của Như Lai dứt mất. Thà nói rằng thuốc *a-già-đà* trở thành thuốc độc chứ không thể nói rằng pháp của Như Lai dứt mất. Thà nói rằng mặt trăng có thể làm cho nóng, mặt trời có thể làm cho lạnh, chứ không thể nói rằng pháp của Như Lai dứt mất. Thà nói rằng Bốn đại đều mất đi tính chất riêng⁽³⁸⁾ chứ không thể nói rằng pháp của Như Lai dứt mất!

“Thiện nam tử! Nếu khi Phật vừa ra đời, đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* rồi nhưng chưa có những đệ tử hiểu được ý nghĩa rất thâm sâu; đức Phật

Thế Tôn ấy liền vào *Niết-bàn*, nên biết rằng Chánh pháp sẽ không trụ lâu ở thế gian.

“Thiện nam tử! Nếu khi Phật vừa ra đời, đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* rồi liền có những đệ tử hiểu được ý nghĩa rất thâm sâu; tuy Phật vào *Niết-bàn*, nên biết rằng Chánh pháp sẽ còn trụ lâu ở thế gian.

“Thiện nam tử! Nếu khi Phật vừa ra đời, đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* rồi, tuy có những đệ tử hiểu được ý nghĩa rất thâm sâu, nhưng không có hàng cư sĩ dốc lòng tin tưởng và kính trọng pháp Phật; đức Phật liền vào *Niết-bàn*. Như vậy, nên biết rằng Chánh pháp chẳng trụ lâu ở thế gian.

“Thiện nam tử! Nếu khi Phật vừa ra đời, đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* rồi liền có những đệ tử hiểu được ý nghĩa rất thâm sâu, lại có nhiều cư sĩ dốc lòng tin tưởng và kính trọng pháp Phật; tuy Phật vào *Niết-bàn*, nên biết rằng Chánh pháp sẽ còn trụ lâu ở thế gian.

“Thiện nam tử! Nếu khi Phật vừa ra đời, đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* rồi liền có những đệ tử hiểu được ý nghĩa rất thâm sâu, tuy có nhiều cư sĩ dốc lòng tin tưởng và kính trọng pháp Phật, nhưng những đệ tử của ngài vì tham lợi dưỡng mà diễn thuyết kinh pháp, chẳng vì cầu *Niết-bàn*. Đức Phật ấy diệt độ rồi, nên biết rằng Chánh pháp chẳng trụ lâu ở thế gian.

“Thiện nam tử! Nếu khi Phật vừa ra đời, đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* rồi liền có những đệ tử hiểu được ý nghĩa rất thâm sâu, lại có nhiều cư sĩ dốc lòng tin tưởng và kính trọng pháp Phật; hàng đệ tử của ngài khi diễn thuyết kinh pháp không vì tham

lợi dưỡng, chỉ vì cầu *Niết-bàn*. Đức Phật ấy tuy diệt độ, nên biết rằng Chánh pháp sẽ còn trụ lâu ở thế gian.

“Thiện nam tử! Nếu khi Phật vừa ra đời, đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* rồi, tuy có những đệ tử hiểu được ý nghĩa rất thâm sâu, lại có nhiều cư sĩ dốc lòng tin tưởng và kính trọng pháp Phật, nhưng những đệ tử của ngài thường tranh giành kiện tụng, tranh nhau chuyện phải quấy. Đức Phật ấy vào *Niết-bàn* rồi, nên biết rằng Chánh pháp chẳng trụ lâu ở thế gian.

“Thiện nam tử! Nếu khi Phật vừa ra đời, đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* rồi liền có những đệ tử hiểu được ý nghĩa rất thâm sâu, lại có nhiều cư sĩ dốc lòng tin tưởng và kính trọng pháp Phật; hàng đệ tử của ngài tu phép hòa kính,⁽³⁹⁾ không tranh phải quấy, cùng tôn trọng lẫn nhau. Đức Phật ấy tuy vào *Niết-bàn* nhưng nên biết rằng Chánh pháp của ngài còn trụ lâu chẳng mất.

“Thiện nam tử! Nếu khi Phật vừa ra đời, đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* rồi, tuy có những đệ tử hiểu được ý nghĩa rất thâm sâu, lại có nhiều cư sĩ dốc lòng tin tưởng và kính trọng pháp Phật, hàng đệ tử của ngài vì Đại Niết-bàn mà diễn thuyết pháp, tôn trọng lẫn nhau, chẳng khởi lên việc tranh giành kiện tụng, nhưng lại chứa giữ những thứ bất tịnh, tự khen ngợi mình rằng: ‘Ta được quả *Tu-đà-hoàn*’... cho đến quả *A-la-hán*.⁽⁴⁰⁾ Đức Phật ấy vào *Niết-bàn* rồi, nên biết rằng Chánh pháp chẳng trụ lâu ở thế gian.

“Thiện nam tử! Nếu khi Phật vừa ra đời, đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* rồi liền có những đệ tử hiểu được ý nghĩa rất thâm sâu, lại có nhiều cư sĩ

dốc lòng tin tưởng và kính trọng pháp Phật, hàng đệ tử của ngài vì Đại Niết-bàn mà diễn thuyết pháp, khéo tu pháp hòa kính, tôn trọng lẫn nhau, không chứa giữ hết thảy những thứ bất tịnh, cũng không tự nói rằng: ‘Ta được quả *Tu-đà-hoàn*’... cho đến quả *A-la-hán*. Đức Thế Tôn ấy tuy diệt độ rồi, nên biết rằng Chánh pháp sẽ trụ lâu ở thế gian.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nếu khi Phật vừa ra đời, đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* rồi liền có những đệ tử hiểu được ý nghĩa rất thâm sâu... cho đến không chứa giữ hết thảy những thứ bất tịnh,⁽⁴¹⁾ cũng không tự nói là đắc quả *Tu-đà-hoàn*... cho đến quả *A-la-hán*, nhưng mỗi người đều chấp giữ chỗ thấy biết của mình, nói ra đủ mọi thuyết khác nhau, như nói rằng: ‘Trưởng lão! Chư Phật có chế định từ *Bốn tội nghiêm trọng* cho đến *Bảy pháp dứt sự tranh cãi*, vì chúng sanh nên có khi ngăn cấm, có khi khai mở. Mười hai bộ kinh cũng là như thế. Vì sao vậy? Phật biết rằng thời tiết ở mỗi cõi nước đều khác nhau, chúng sanh chẳng đồng, có lạnh lợi, có chậm lụt. Vì thế nên Như Lai hoặc ngăn cấm, hoặc khai mở, khi nói là nhẹ, khi nói là nặng. Thiện nam tử! Ví như lương y vì trị bệnh mà cho uống sữa, cũng vì trị bệnh mà cấm uống sữa. Bệnh nóng nhiệt thì cho uống, bệnh hàn lạnh thì cấm uống. Như Lai cũng vậy, quán xét căn bệnh phiền não của mỗi chúng sanh, có khai mở cũng có ngăn cấm. Trưởng lão! Chính tôi từng theo Phật nghe được nghĩa như vậy. Chỉ có tôi biết nghĩa, các ông không thể biết. Chỉ có tôi hiểu luật, các ông không thể hiểu. Tôi rõ biết các kinh, các ông không thể rõ biết.’ Đức Phật ấy diệt độ rồi, nên biết rằng Chánh pháp chẳng trụ lâu ở thế gian.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nếu khi Phật vừa ra đời, đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* rồi liền có những đệ tử hiểu được ý nghĩa rất thâm sâu... cho đến không nói rằng: ‘Ta đắc quả *Tu-đà-hoàn*.’... cho đến quả *A-la-hán*. Cũng không nói rằng: ‘Chư Phật Thế Tôn... vì chúng sanh mà ngăn cấm hoặc khai mở. Trưởng lão! Chính tôi từng theo Phật nghe được ý nghĩa như vậy, Chánh pháp như vậy, giới luật như vậy.’ [Ngược lại, họ thường bảo nhau rằng:] ‘Trưởng lão! Chúng ta nên y theo Mười hai bộ kinh của Như Lai. Nếu ý nghĩa đúng như vậy, chúng ta nên thọ trì. Nếu không đúng như vậy, chúng ta nên loại bỏ.’ Đức Phật Thế Tôn ấy tuy diệt độ rồi, nên biết rằng Chánh pháp sẽ trụ lâu ở thế gian.

“Thiện nam tử! Vào lúc Chánh pháp sắp dứt mất, sẽ có những đệ tử Thanh văn hoặc nói là có thần, hoặc nói là vô thần; hoặc nói có *thân trung ấm*,⁽⁴²⁾ hoặc nói không có *thân trung ấm*; hoặc nói có Ba đời,⁽⁴³⁾ hoặc nói không có Ba đời; hoặc nói có Ba thừa, hoặc nói không có Ba thừa; hoặc nói tất cả đều có, hoặc nói tất cả đều không; hoặc nói chúng sanh có khởi đầu, có kết thúc; hoặc nói chúng sanh không có khởi đầu, không có kết thúc; hoặc nói *Mười hai nhân duyên* là pháp hữu vi, hoặc nói các nhân duyên ấy là pháp vô vi; hoặc nói Như Lai có bệnh khổ, hoặc nói Như Lai không bệnh khổ; hoặc nói Như Lai không cho phép *tỳ-kheo* ăn mười loại thịt. Những gì là mười? Đó là thịt người, thịt rắn, thịt voi, thịt ngựa, thịt lừa, thịt chó, thịt sư tử, thịt heo, thịt chồn, thịt khỉ. Ngoài ra những loại thịt khác đều cho phép ăn. Hoặc nói là hết thảy các loại thịt đều không cho phép ăn. Hoặc nói rằng *tỳ-kheo* không làm năm việc. Những gì là năm? Đó là không buôn bán các thứ: loài vật còn sống, vũ khí,

rượu, sữa đặc, dầu mè. Ngoài ra đều cho phép làm. Hoặc họ nói rằng *tỳ-kheo* có năm chỗ không được vào. Những gì là năm? Đó là: nơi giết mổ súc vật, nơi mua bán dâm, quán rượu, cung vua, nhà của người thuộc hạng *chiên-đà-la*.⁽⁴⁴⁾ Ngoài ra những nơi khác đều được phép vào. Hoặc nói rằng *tỳ-kheo* không được mặc áo lụa *kiêu-xa-da*, ngoài ra các thứ vải khác đều cho phép. Hoặc nói Như Lai cho phép *tỳ-kheo* thọ nhận và chứa trữ y phục, thức ăn, giường nằm, giá trị mỗi thứ mười muôn lượng vàng, hoặc nói là không cho phép. Hoặc nói *Niết-bàn* là *thường, lạc, ngã, tịnh*, hoặc nói *Niết-bàn* chính là dứt hết phiền não trói buộc, không còn pháp nào khác, gọi là *Niết-bàn*; ví như dệt sợi lại thì gọi là áo, khi áo rách nát gọi là *không áo*, thật không có một pháp riêng biệt gọi là *không áo*. Thể của *Niết-bàn* cũng là như vậy.

“Thiện nam tử! Vào lúc ấy, trong số các đệ tử của ta, người thuyết giảng Chánh pháp thì ít, kẻ thuyết tà pháp thì nhiều; người thọ nhận Chánh pháp thì ít, kẻ thọ nhận tà pháp thì nhiều; người thọ nhận lời Phật thì ít, kẻ thọ nhận lời của ma thì nhiều.

“Thiện nam tử! Bảy giờ ở nước *Câu-thiểm-di*⁽⁴⁵⁾ có hai hạng đệ tử: một là hạng *A-la-hán*, hai là hạng phá giới. Những đồ chúng phá giới có năm trăm người, số đồ chúng *A-la-hán* là một trăm. Những kẻ phá giới nói rằng: ‘Như Lai đã dứt hết tất cả mà vào *Niết-bàn*. Chính tôi từng theo Phật nghe được nghĩa như vậy. Bốn tội nghiêm trọng do Như Lai chế định, giữ theo cũng được, phạm vào cũng không có tội. Nay tôi cũng đã đắc quả *A-la-hán*, được *Bốn trí không ngăn ngại*. Nhưng *A-la-hán* cũng phạm vào *Bốn tội nghiêm trọng* ấy. Nếu *Bốn tội nghiêm trọng* quả thật là tội thì *A-la-hán* lẽ ra không bao giờ phạm

vào. Khi Như Lai còn tại thế nói rằng phải kiên tâm giữ giới, nhưng khi vào *Niết-bàn* thì buông bỏ tất cả.’

“Khi ấy các *tỳ-kheo A-la-hán* sẽ đáp rằng: ‘Trưởng lão! Các ông không nên nói rằng Như Lai dứt hết tất cả mà vào *Niết-bàn*. Tôi biết rằng Như Lai là thường còn, chẳng biến đổi. Dù khi Như Lai còn tại thế hay sau khi Phật nhập *Niết-bàn*, việc phạm vào *Bốn tội nghiêm trọng* vẫn có tội như nhau. Nếu nói *A-la-hán* phạm vào *Bốn tội nghiêm trọng*, thật không đúng nghĩa. Vì sao vậy? Bạc *Tu-đà-hoàn* còn không phạm những giới cấm ấy, huống chi là *A-la-hán*? Nếu trưởng lão nói mình là *A-la-hán*, thì *A-la-hán* không bao giờ nghĩ rằng: Ta đắc quả *A-la-hán*. *A-la-hán* chỉ nói pháp thiện, chẳng nói pháp bất thiện. Những gì trưởng lão nói chỉ toàn là không đúng pháp. Nếu ai đã được xem *Mười hai bộ kinh* đều biết chắc rằng trưởng lão không phải *A-la-hán*.

“Thiện nam tử! Khi ấy đồ chúng *tỳ-kheo* phá giới liên cùng nhau giết chết các vị *tỳ-kheo A-la-hán*. Thiện nam tử! Bảy giờ Ma vương nhân khi cả hai chúng *tỳ-kheo* ấy sanh tâm sân hận liên làm hại tất cả sáu trăm *tỳ-kheo* ấy. Lúc ấy, những kẻ phạm phụ cùng nhau than tiếc rằng: ‘Buồn thay cho pháp Phật đã đến lúc diệt mất!’ Nhưng Chánh pháp của ta thật không diệt mất.

“Bảy giờ, trong nước ấy có mười hai muôn Đại Bồ Tát khéo giữ pháp ta. Như vậy, sao có thể nói rằng pháp ta diệt mất? Khi ấy trong cõi *Diêm-phù-đề* không có một *tỳ-kheo* nào là đệ tử của ta. Ma *Ba-tuần* dùng lửa lớn đốt cháy tất cả kinh điển hiện có. Nếu có kinh điển nào còn sót lại thì những người *bà-la-môn* liên cùng nhau trộm lấy, đi khắp nơi mà thu góp, nhặt nhạnh rồi đưa vào trong kinh điển

của họ. Vì lẽ ấy nên khi Phật chưa ra đời, những vị Bồ Tát kém cõi đều nhẹ dạ tin theo lời lẽ của những người *bà-la-môn*. Tuy những người *bà-la-môn* nói rằng: ‘*Chúng tôi có trai giới*’ nhưng thật ra thì những kẻ ngoại đạo đều không có. Tuy những kẻ ngoại đạo cũng nói rằng họ có *ngã, lạc, tịnh*, nhưng thật ra họ không hiểu được ý nghĩa của *ngã, lạc, tịnh*. Chính từ trong pháp Phật họ lấy ra được một chữ, hai chữ... một câu, hai câu... rồi nói rằng: ‘*Kinh điển của chúng tôi có những nghĩa như vậy.*’”

Lúc ấy, khi Phật dạy những lời như vậy rồi, ở thành *Câu-thi-na*, giữa hai cây *sa-la* mọc sòng đôi có vô số người nghe được, thấy đều cùng nhau than tiếc rằng: “*Than ôi! Thế gian trống rỗng! Thế gian trống rỗng!*”

Bồ Tát *Ca-diếp* liền bảo đại chúng: “Xin các vị đừng sầu não khóc lóc. Thế gian chẳng phải là trống rỗng, [vì] Như Lai là thường tồn, không biến đổi. Pháp, Tăng cũng vậy.”

Khi đại chúng nghe được lời ấy rồi liền ngưng không than khóc nữa. Hết thấy đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.⁽⁴⁶⁾

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN MƯỜI TÁM

CHÚ GIẢI

1. Đây là mười danh hiệu tôn xưng Phật, gọi chung là Thập hiệu.
2. Một trong các tướng tốt của đức Phật, nằm trên đỉnh đầu nhưng không ai có thể nhìn thấy được nên gọi là Vô kiến đỉnh.
3. Đây nói sự cao trổi duy nhất, không chung cùng với trí tuệ của hàng phàm phu và Nhị thừa.
4. Một loại hoa sen thuần màu trắng.
5. Hai thừa: Thanh văn thừa và Duyên giác thừa.
6. Sắc ấm: một trong năm ấm là sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm và thức ấm.
7. Bốn phương phụ: là các phương đông nam, đông bắc, tây nam và tây bắc.
8. Việc kể ra mười phương có bao gồm phương trên và phương dưới cho thấy vũ trụ quan của đức Phật từ thời ấy đã rất chính xác, thấy được rằng quả đất mà chúng ta đang sống là “lơ lửng” với khoảng không gian ở cả bên trên và bên dưới.
9. Tám pháp (Bát pháp), cũng gọi là Bát phong (Tám ngọn gió), chỉ tám điều làm ô nhiễm tâm thức của người thế gian, xúi giục người ta rơi vào con đường bất thiện. Tám pháp đó là: lợi (những điều có lợi), suy (những sự bất lợi, suy kém), hủy (những sự mạ nhục, xúc phạm), dự (những danh thơm, tiếng tốt), xưng (những sự khen ngợi, tán tụng), cơ (những sự chê trách, ghét bỏ), khổ (những sự đau đớn, khổ sở), lạc (những sự mừng vui, thích thú).
10. Ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
11. Hai lẽ chân thật (nhị đế): Lẽ chân thật tương đối của thế gian (thế đế) và lẽ chân thật tuyệt đối rất ráo xuất thế gian (đệ nhất nghĩa đế).
12. Bà-già-bà (Bhagavat), dịch nghĩa là Thế Tôn.
13. Trừ bỏ nữ căn: nhờ thành tựu các pháp lành nên không còn phải mang thân nữ có những trở ngại cho việc tu tập.
14. Niệm tưởng đến Phật như thế: Niệm tưởng đến các danh hiệu Phật và hiểu được ý nghĩa, công đức của mười danh hiệu Phật như vừa giảng giải ở những đoạn trên.
15. Giới: ở đây chỉ 18 giới, là nơi tiếp xúc giữa sáu căn ở trong với sáu trần ở ngoài, cùng với sáu thức mà sanh ra 18 giới (thập bát giới). Đây nói việc Bồ Tát rõ biết thật tánh của các giới, sự sanh khởi và tồn tại của chúng.
16. Đây là nói tóm cả Năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức.
17. Nhập: tức là 12 nhập, do sáu căn thiệp nhập với sáu trần mà thành.
18. A-già-đà (Agada): dịch nghĩa là phổ khử, một loại thuốc có thể phòng ngừa và chữa khỏi nhiều thứ bệnh tật, giải các loại độc dược.
19. Bốn bộ chúng (Tứ bộ chúng), cũng gọi là Bốn chúng (Tứ chúng), bao gồm 2 chúng xuất gia là tỳ-kheo và tỳ-kheo ni, 2 chúng tại gia là cư sĩ nam (ưu-bà-tắc) và cư sĩ nữ (ưu-bà-di). Hàng đệ tử của Phật đều thuộc về bốn chúng này.

20. Kinh Tạng hoa: Tên khác của kinh Hoa nghiêm. Từ điển Phật học của Đinh Phúc Bảo viết: “Vạn hạnh ví như hoa, dùng vạn hạnh trang nghiêm quả Phật nên gọi là Hoa nghiêm, trăm hạnh giao tạp nên gọi là Tạp hoa.” - 萬行譬如華，以萬行莊嚴佛果，謂之華嚴。百行交雜，謂之雜華。(Vạn hạnh thí như hoa, dĩ vạn hạnh trang nghiêm Phật quả, vị chi Hoa nghiêm, bách hạnh giao tạp, vị chi Tạp hoa.)
21. Có lòng tin... cho đến có trí tuệ: Đây nói tóm lại các hạnh gồm: tín, giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, như vừa nói trước đó.
22. Ở đây có phần không hợp nghĩa, vì nói 12 bộ kinh là có bao gồm cả kinh Phương đẳng Đại thừa, trong đó có cả kinh Đại Bát Niết-bàn này. Chúng tôi e là có sự nhầm lẫn, ở đây phải là 11 bộ kinh (trừ ra kinh Phương đẳng Đại thừa) thì mới hợp lý. Lỗi tương tự như thế này đã gặp một lần ở đoạn trước đây.
23. Cảnh thiền thứ ba (Đệ tam thiền): cõi thiền thứ ba, nằm trong Tứ thiền của cõi Sắc giới, đã vượt qua Sơ thiền và Nhị thiền, lìa bỏ niềm vui của Sơ thiền và Nhị thiền mà được niềm vui thắng diệu nên gọi là “ly hỷ diệu lạc”. Cảnh thiền này có 3 cõi trời là Thiếu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên và Biến tịnh thiên.
24. Sanh lòng thối lui: Người phát tâm Bồ-đề là quyết cầu quả Phật. Thối lui nghĩa là không cầu quả Phật nữa, tuy vẫn tiếp tục tu hành nhưng hướng đến các quả vị Nhị thừa.
25. Sự lìa xa này thuộc về ý nghiệp, nên chẳng phải thân, chẳng phải miệng.
26. Nghĩa là Bồ Tát chẳng thấy có pháp nào là miệng, là nghiệp cùng với người lìa bỏ, nhưng thật có sự lìa bỏ.
27. Tu tập các pháp lìa xa của thân chính là dùng cái thân đang có mà tu tập. Đối với miệng cũng vậy.
28. Sự sáng suốt (tuệ) ở đây chỉ sự sáng suốt của ý, có vẻ như thuộc về ý nghiệp, không phải trí bát-nhã.
29. Chỗ này giảng rộng ý nghĩa “không một pháp nào có thể hoại mất hay tạo tác” như vừa nói trên. Các pháp hữu vi khi sanh ra và diệt mất thật ra chỉ là sự biến đổi khác đi, thật không có gì diệt mất hay sanh ra. Hết thủy mọi tác động như lửa cháy, nước trôi, gió động... cũng đều là như thế, thật không thể tác động đến tánh thật của các pháp hữu vi, mà chỉ là tạo ra những hiện tượng sai khác mà chúng ta nhìn thấy. Khi hiểu được tánh thật của các pháp thì thấy rằng tất cả chỉ là sự “sanh diệt đối khác” mà thôi. Kinh Kim Cang giảng rất rõ ý nghĩa này.
30. Kinh văn dùng “lục sư”, chỉ sáu thầy ngoại đạo, đứng đầu sáu tà phái cùng thời với đức Phật.
31. Pháp chung cùng (cộng pháp) và pháp chẳng chung cùng (bất cộng pháp): Chung cùng ở đây là chung cùng với hàng Nhị thừa, chỉ những pháp mà Bồ Tát và các vị Thanh văn, Duyên giác cùng tu tập. Không chung cùng là những pháp mà chỉ có hàng Bồ Tát tu tập, còn Thanh văn, Duyên giác thì hoàn toàn không có được.
32. Sự phân chia này càng cho thấy khả năng nhầm lẫn giữa con số 12 và 11 bộ kinh đã nêu ra trước đây là rất có thể có.
33. Kho tàng: nơi chất chứa, cất giữ kín đáo vật gì.

34. Những vật bất tịnh: chỉ chung tất cả những vật dụng, tài sản mà đức Phật không cho phép các vị tỳ-kheo chứa giữ, thường phân ra có tám loại là: 1. Đất đai, vườn ruộng... 2. Nông sản, lúa thóc, đậu mè... 3. Tơ lụa, vải vóc các loại... 4. Tội tở, người giúp việc. 5. Gia súc, cầm thú, trâu, ngựa... 6. Tiền của, vàng bạc, châu báu... 7. Chăn mền, nệm gối... 8. Giường nằm, ghế ngồi có trang sức đồ quý báu. Cách hiểu về Bát bất tịnh đôi khi có khác nhau ở một số người, nhưng nói chung đều đồng ý là những thứ có giá trị đối với thế gian nhưng không giúp ích gì cho việc tu tập. Ngoài ra, với những thứ nhu yếu cần cho đời sống thường ngày, nếu vị tỳ-kheo nhận lãnh vừa đủ, đúng pháp thì là thanh tịnh, nếu tham giữ nhiều hơn, không đúng pháp thì là bất tịnh.
35. Tổng trì, tức là đà-la-ni (Dhāraṇi), nghĩa là nắm giữ trọn vẹn tất cả.
36. Câu này và những câu tiếp theo nêu ra toàn những việc hết sức vô lý, nhưng cũng đều không vô lý bằng việc Chánh pháp của Như Lai thật sự diệt mất.
37. Lửa than khu-đà-la: lửa đốt bằng than khu-đà-la, một loại than rất chắc, đốt lên rất nóng.
38. Bốn đại (Tứ đại): Bốn yếu tố cấu thành vật chất, gồm đất, nước, lửa và gió. Mỗi chất đều có tính chất riêng, hoàn toàn khác nhau, như tính chất đất là rắn chắc, tính chất của nước là ẩm ướt, tính chất của lửa là nóng, tính chất của gió là chuyển động.
39. Tức là Lục hòa kính (sáu phép hòa kính), bao gồm: thân hòa cộng trú, khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng sự, giới hòa đồng tu, kiến hòa đồng giải và lợi hòa đồng quân. Nếu mọi người đều sống theo những nguyên tắc hòa kính này thì đời sống tập thể sẽ luôn có được sự hòa hợp, an ổn.
40. Đây nói tóm cả bốn thánh quả: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.
41. Đây nói tóm lại tất cả những việc đã kể chi tiết ở những đoạn trên.
42. Thân trung ấm: Thân thức chúng sanh sau khi chết đi vào giai đoạn trung gian chuyển tiếp trước khi thọ sanh vào một đời sống mới. Trong giai đoạn này, chúng sanh mang thân trung ấm. Điều này có được nhắc đến trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển 8. Để hiểu chi tiết hơn về thân trung ấm, xin quý độc giả tìm đọc sách “Người Tây Tạng nghĩ về cái chết” - Nguyễn Châu & Nguyễn Minh Tiến - NXB Văn hóa Thông tin.
43. Ba đời: chỉ quá khứ, hiện tại và vị lai.
44. Chiên-đà-la (Candala): giai cấp thấp hèn nhất trong xã hội Ấn Độ xưa kia.
45. Câu-thiểm-di (拘睭彌) tên nước thuộc miền trung Ấn Độ, phiên âm từ Phạn ngữ là Kauśāmbī.
46. Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 16, bắt đầu quyển 17, phẩm Hạnh thanh tịnh, phần thứ tư (Phạm hạnh phẩm chi tứ).

MỤC LỤC

PHẦN HÁN VĂN & CHÚ ÂM

卷第十三	
聖行品第七之三	6-7
卷第十四	
聖行品第七之四	84-85
卷第十五	
梵行品第八之一	172-173
卷第十六	
梵行品第八之二	258-259
卷第十七	
梵行品第八之三	338-339
卷第十八	
聖行品第八之四	410-411

PHẦN DỊCH NGHĨA

QUYỂN MƯỜI BA	
PHẨM THÁNH HẠNH	
Phẩm thứ bảy - Phần ba	50
QUYỂN MƯỜI BỐN	
PHẨM THÁNH HẠNH	
Phẩm thứ bảy - Phần bốn	134
QUYỂN MƯỜI LĂM	
PHẨM HẠNH THANH TỊNH	
Phẩm thứ tám - Phần một	220
QUYỂN MƯỜI SÁU	
PHẨM HẠNH THANH TỊNH	
Phẩm thứ tám - Phần hai	304
QUYỂN MƯỜI BẢY	
PHẨM HẠNH THANH TỊNH	
Phẩm thứ tám - Phần ba	380
QUYỂN MƯỜI TÁM	
PHẨM HẠNH THANH TỊNH	
Phẩm thứ tám - Phần bốn	460